

Lm. Antôn NGUYỄN NGỌC SƠN

**HỘI NHẬP
VĂN HOÁ CÔNG GIÁO
Ở VIỆT NAM**

Nhà Xuất bản Tôn Giáo
2023

Nihil Obstat: Ngày 31/12/2021
Lm. Phêrô Nguyễn Văn Hiền
Giám đốc Học viện Mục vụ Nguyễn Văn Bình
Trưởng ban Giáo Lý TGP TP. Hồ Chí Minh

Imprimatur: Ngày 1/1/2022
Đức cha Gioan Đỗ Văn Ngân
Chủ tịch Ủy ban Giáo lý Đức tin,
Giám mục Giáo phận Xuân Lộc

Tác giả không giữ bản quyền tập sách này và các sách đã viết, vì tất cả đều là ơn Chúa ban, nên xin dâng hiến mọi sự cho đời và cho người với lòng biết ơn sâu xa. Lm. Antôn Nguyễn Ngọc Sơn.

Lời giới thiệu

Xuân Lộc, ngày 19/3/2022

Anh chị em thân mến,

Tôi đã nhận được cuốn *Hội nhập Văn hoá Công giáo ở Việt Nam* của Linh mục Antôn Nguyễn Ngọc Sơn. Ngài là người bạn đồng hành với giới trẻ qua cuốn *Sứ Điệp Loài Hoa* từ những năm 1980, đồng hành với người công nhân suốt 21 năm, rồi đồng hành với sinh viên các đại học mấy chục năm qua. Trong Giáo Hội, ngài phục vụ cho các công tác của Hội đồng Giám mục trong nhiều lĩnh vực. Hiện nay ngài đang lo về sức khoẻ y tế cho những người nghèo khổ, khuyết tật.

Vì thế, ngài đã tổng hợp tất cả những kinh nghiệm và hiểu biết trong các lĩnh vực đó qua cuốn sách này để chia sẻ cho chúng ta những giá trị văn hoá cao đẹp của dân tộc và của Giáo hội Công giáo.

Đây là một cuốn sách tổng hợp giá trị, có thể giúp chúng ta biết Chúa, biết mình, biết người, dù rằng hơi “muộn”, nói theo thánh Augustinô. Đây cũng là cuốn cẩm nang đời sống cho các tín hữu, nhất là các bạn trẻ, để giúp ta sống khoẻ mạnh, tươi đẹp, hào hùng, thánh thiện vì hiểu được những giá trị thật sự của nền văn hoá Công giáo.

Tôi rất hân hạnh giới thiệu cuốn sách này với anh chị em. Xin cảm ơn Cha Sơn và cầu chúc cho mọi người chúng ta luôn gắn bó với nhau trong Chúa Giêsu Kitô.

Trân trọng,

Gm. Gioan Đỗ Văn Ngân

Giám mục Giáo phận Xuân Lộc,

Chủ tịch Ủy ban Giáo lý Đức tin thuộc HĐGMVN

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- **Ký hiệu các sách Thánh Kinh** theo Từ điển Công giáo do Ủy ban Giáo lý Đức tin xuất bản năm 2019.

- Các chữ khác

CD.	Công đồng
ĐGH	Đức Giáo hoàng
ĐHY	Đức Hồng y
ĐTC	Đức Thánh Cha
GH	Giáo Hội
GHCG	Giáo hội Công giáo
GHCGVN	Giáo hội Công giáo Việt Nam
GLHTCG	<i>Giáo lý Hội Thánh Công giáo</i> của Thánh bộ Giáo lý Đức tin, 1992.
HĐGMVN	Hội đồng Giám mục Việt Nam
TLHTXHCG	<i>Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo</i> của Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình, 2004.
VN	Việt Nam
Vd.	Ví dụ
Tr.	Trang
x.	xem

Mục lục

Lời giới thiệu	3
Lời mở đầu	6
Phần I. Giá trị văn hoá Công giáo	
<i>Bài 1: Văn hoá và hội nhập văn hoá</i>	8
<i>Bài 2: Con người là trung tâm</i>	24
<i>Bài 3: Hội nhập văn hoá trong lịch sử dân tộc Việt Nam</i>	54
<i>Bài 4: Hội nhập văn hoá của Giáo hội Công giáo Việt Nam</i>	73
<i>Bài 5: Con đường tình yêu</i>	98
<i>Bài 6: Con đường Giêsu</i>	118
<i>Bài 7: Thở được tinh hoa của đất trời</i>	149
<i>Bài 8: Xây dựng nền nhân bản toàn diện và liên đới</i>	167
<i>Bài 9: Sự thật giải thoát</i>	180
<i>Bài 10: Hãy yêu thương nhau</i>	193
<i>Bài 11: Những con người tự do</i>	215
<i>Bài 12: Giá trị của công bằng</i>	233
<i>Bài 13: Các nguyên tắc hành động</i>	256
<i>Bài 14: Sống sao cho đáng</i>	276
Phần II. nếp sống văn hoá Công giáo	
<i>Bài 15: Ăn để hoà nhập vào sự sống và tình yêu</i>	298
<i>Bài 16: Uống nước nhớ nguồn</i>	313
<i>Bài 17: Mặc lấy con người mới</i>	320
<i>Bài 18: Học với người Thầy tuyệt vời</i>	333
<i>Bài 19: Nói lời cứu độ</i>	346
<i>Bài 20: Chữ cũng là người</i>	357
<i>Bài 21: Làm tốt cho đời</i>	367
<i>Bài 22: Chơi cho khoẻ và đẹp</i>	380
<i>Bài 23: Đi trong ánh sáng</i>	399
<i>Bài 24: Tìm về nguồn đẹp</i>	412
<i>Bài 25: Tẩy sạch bụi trần</i>	424
<i>Bài 26: Giấc ngủ an bình</i>	438
<i>Bài 27: Về với cội nguồn</i>	448
Lời kinh:	465

Lời mở đầu

Các bạn thân mến,

*Các bạn đang có trong tay cuốn “**Hội nhập Văn hoá Công giáo ở Việt Nam**”. Qua tập sách này, chúng tôi muốn giới thiệu một vài giá trị văn hoá của người Công giáo khi hội nhập với nền văn hoá dân tộc. Từ những giá trị này người Công giáo Việt Nam đã tạo nên nếp sống văn hoá trong giai đoạn từ năm 1615 đến nay.*

Tập sách được chia làm 2 phần. Phần đầu tiên nói về các giá trị văn hoá Công giáo. Sau khi bàn qua về văn hoá và hội nhập văn hoá là gì, chúng tôi khởi đầu từ việc nhìn lại chính mình để khám phá ra con người là một thực thể vô cùng kỳ diệu, với thể xác hết sức lạ lùng và tinh thần siêu việt, mở ra tới vô biên. Tiếp theo, chúng ta không phải là những con người đơn độc, nhưng hoà nhập vào dòng lịch sử dân tộc Việt Nam với rất nhiều giá trị, tạo nên bản sắc văn hoá của người Việt. Là người Công giáo Việt Nam, chúng ta cũng tìm hiểu cuộc hội nhập văn hoá của tổ tiên mình trong gần 500 năm qua, để có thể xây dựng một cấu trúc vững chắc cho nền văn hoá Việt Nam trong xã hội hiện nay.

Giáo hội Công giáo thời nay muốn xây dựng một nền nhân bản toàn diện và liên đới với nhiều giá trị để đáp lại lòng mong mỏi của toàn thể nhân loại. Nền nhân bản này lấy con người làm trung tâm, vì sau nhiều ngàn năm con người vẫn chưa nhận ra được giá trị thật sự của mình, mà lại quy hướng mọi quan tâm vào vật chất hay vào thần linh. Nền nhân bản này được xây dựng trên nền tảng những giá trị cao cả nhất của Công giáo là Thiên Chúa Ba Ngôi. Tiếp đến là các giá trị khác như sự thật, tình yêu, tự do, công bằng, hành động và sự sống dồi dào của Thiên Chúa ban cho con người và vũ trụ. Nhờ đó, ta sống cao thượng, phát triển mọi nguồn lực thể xác cũng như tinh thần và làm cho thế giới được hoà bình, thịnh vượng.

Nếp sống văn hoá Công giáo ở phần tiếp theo như mời gọi chúng ta đưa các giá trị trên đây vào hoạt động hằng ngày để cảm nhận được niềm vui, hạnh phúc trong từng giây phút sống. Sống là phải yêu,

phải thở, phải ăn uống, nói năng, học hành, làm việc, chơi đùa, phải đi đứng, ngủ nghỉ, tắm giặt, viết lách, nhất là phải suy nghĩ, chọn lựa, cũng như tìm được cái đúng, cái tốt, cái đẹp cho mình và cho người. Khi thể hiện được những giá trị này, chúng ta sẽ tạo nên một nếp sống văn hoá mới. Cuối cùng, chúng ta đi tìm ý nghĩa của cái chết như cuộc trở về với cội nguồn hiện hữu vô biên. Chỉ khi đó cuộc hội nhập văn hoá của ta mới thật sự hoàn thành.

Trên đây chỉ là một vài giá trị trong nền văn hoá phong phú của Công giáo. Chúng tôi hy vọng rằng mỗi người có thể khám phá thêm những giá trị mới của nền văn hoá này.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ mọi người đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành và phổ biến cuốn sách này. Đặc biệt là Bs. Alice Roberts và Công ty CP Văn Hoá Đông A đã cho phép chúng tôi trích dẫn những khám phá về con người đã được trình bày trong cuốn Atlas Giải phẫu Cơ thể Người; Nhóm Phiên dịch Các Giờ kinh Phụng vụ đã cho phép sử dụng phần trích dẫn Thánh Kinh; cô Anna Nguyễn Thị Tuyết Lê, anh Giuse Trần Quý Hiệp, nữ tu Agnes Trần Thị Lập trong việc sửa lỗi, tìm hình ảnh minh hoạ cho cuốn sách. Chúng tôi đã mượn một số hình ảnh trên internet để minh hoạ nhưng không tìm được địa chỉ của các tác giả ảnh để xin phép, xin quý tác giả niệm tình thông cảm.

Chắc chắn khi trình bày những giá trị văn hoá, chúng tôi có thể phạm phải những lầm lẫn và thiếu sót, rất mong được mọi người chỉ dẫn và sửa chữa cho cuốn sách được tốt đẹp hơn.

Chúng tôi không giữ bản quyền sách này vì tất cả đều là hồng ân Chúa ban không cho chúng tôi, nên chúng tôi cũng xin dâng tặng cho đời và cho mọi người với lòng biết ơn sâu xa.

Cầu chúc các bạn luôn an lành và hạnh phúc.

Trân trọng,

*Nhân dịp Sinh nhật lần thứ 75,
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16/10/2023
Lm. Anton Nguyễn Ngọc Sơn*

PHẦN I

GIÁ TRỊ VĂN HOÁ CÔNG GIÁO

Bài 1

Văn hoá và hội nhập văn hoá

Lời mở

Văn hoá của một dân tộc là kết tinh của nhiều nền văn hoá trong suốt dòng lịch sử của dân tộc đó, vì văn hoá là tổng thể những giá trị do con người sáng tạo ra hay đón nhận được trong suốt dòng lịch sử của mình. Rồi khi nhiều người đón nhận những giá trị mới qua cuộc hội nhập văn hoá, họ lại tạo nên một nền văn hoá mới để truyền lại cho thế hệ mai sau. Từ đó, mỗi người, tùy theo hoàn cảnh và môi trường mình sống, hình thành nên các giá trị vật chất cũng như tinh thần cho chính bản thân mình. Vì thế, chúng ta muốn tìm hiểu tình trạng văn hoá hiện nay như thế nào, văn hoá và hội nhập văn hoá là gì, trước khi bàn đến cuộc hội nhập văn hoá của người Việt Nam trong dòng lịch sử dân tộc để có thể xây dựng những giá trị mới cho thế hệ mai sau.

1. Hiện trạng văn hoá và những định hướng văn hoá

1.1. Hiện trạng văn hoá

Hiện nay, ở khắp nơi trên đất nước, người ta nói nhiều đến văn hoá, chính quyền cấp bằng khen “có văn hoá” cho gia đình, thôn ấp, khu phố¹. Tuy nhiên, văn hoá không phải chỉ căn cứ vào vài tiêu chuẩn như: không đánh nhau, chửi nhau, không sử dụng ma tuý hay chơi bài bạc, không đổ rác ra nơi công cộng... nhưng phải dựa trên những giá trị được con người đón nhận và sống theo đó.

¹x. Nghị định số 122/2018 NĐ-CP về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá, Thôn văn hoá, Làng văn hoá”... Cổng Thông tin Điện tử Chính phủ, ngày 18/9/2018.

Văn hoá là một trong bốn lĩnh vực quan trọng của đời sống con người: văn hoá, xã hội, kinh tế và chính trị. Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội và là yếu tố quyết định phẩm chất của đời sống vì con người có thể quyết định được hướng đi của đời mình và của cộng đồng dân tộc dựa trên những giá trị căn bản mà mình nhận thức được. Vì thế, tùy vào trình độ văn hoá cao hay thấp mà mỗi người hay mỗi dân tộc tự biểu hiện chính mình và giúp cho người khác hay dân tộc khác nhận biết họ.



Gặp một người cưỡi trâu, chạy xe máy bạt mạng trên đường phố, người ta cho đó là một người điên khùng! Vào quán ăn, những thực khách la hét lớn tiếng, ăn nói tục tĩu, đồ ăn khăn giấy vứt đầy dưới gầm bàn, người ta hiểu đó là những người dân ít được giáo dục. Nhưng nếu ở nhiều nơi trên một đất nước có nhiều người chạy xe hay ăn uống như vậy, người ta sẽ đánh giá trình độ văn hoá của dân tộc.

1.2. Những định hướng văn hoá

Tháng 1/2011, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định: “Văn hoá phát triển chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Quản lý văn hoá, văn nghệ, báo chí, xuất bản còn thiếu chặt chẽ. Môi trường văn hoá bị xâm hại, lai căng, thiếu lành mạnh, trái với thuần phong mỹ tục, các tệ nạn xã hội, tội phạm và sự xâm nhập của các sản phẩm và dịch vụ độc hại làm suy đồi đạo đức, nhất là trong thanh thiếu niên, rất đáng lo ngại”².

² x. Đảng Cộng sản Việt Nam, “Báo cáo chính trị của BCHTW Đảng khoá X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng”, Văn kiện đại hội Đảng thời kỳ Đổi mới và hội nhập, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.790.

Trước hiện trạng đời sống văn hoá không đi đôi với sự tăng trưởng về kinh tế và chính trị, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII (tháng 7/1998) đã ra một nghị quyết chuyên đề về “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Nghị quyết khẳng định: “Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động văn hoá, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh cho sự phát triển xã hội”³. Ý nghĩa của bước ngoặt này thậm chí chúng ta còn chưa đánh giá được hết, khi Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định ở mức độ chưa từng có vai trò lớn lao của văn hoá - cái thuộc thượng tầng kiến trúc - đối với sự phát triển xã hội.

Nghị quyết số 33, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết khẳng định: “... Văn hoá thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh...”.

Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ 25/01/2021 đến 01/02/2021, tại Thủ đô Hà Nội, cũng xác định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030 về lĩnh vực văn hoá: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hoá. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất

³ x. Đảng Cộng sản Việt Nam, “Báo cáo chính trị của BCHTW Đảng khoá VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng”, Văn kiện đại hội Đảng thời kỳ Đổi mới và hội nhập, NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.356-357.

để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”⁴.

“Tóm lại, thời gian đầu sau Đổi mới (từ năm 1986), Đảng Cộng sản Việt Nam đặt trọng tâm chú ý vào việc phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nên việc cải tạo, xây dựng, phát triển nền văn hoá dân tộc cũng chủ yếu là để phục vụ mục tiêu đó. Tuy nhiên, quan điểm của Đảng về văn hoá sau này đã có những thay đổi rất quan trọng. Văn hoá dân được coi là lĩnh vực then chốt bên cạnh kinh tế, trong đó con người được nhìn nhận là trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững. Việc nhấn mạnh đến con người trong nhận thức này của Đảng CS VN phù hợp với quan điểm tiến bộ về văn hoá trên thế giới hiện nay”⁵.

1.3. Vấn đề và thách thức

Tuy nhiên, dù Đảng Cộng sản Việt Nam đã định hướng đúng đắn cho nền văn hoá, nhưng người ta vẫn phải đối mặt với rất nhiều vấn đề và thách thức mà chúng ta có thể ghi nhận một cách tóm tắt sau đây.

- Làm sao có thể xây dựng nền “văn hoá” nếu nhiều người dân chưa biết bản chất văn hoá là gì?
- Đây là những tiêu chuẩn để xác định một nền văn hoá “tiên tiến” phù hợp với quan điểm tiến bộ về văn hoá trên thế giới hiện nay?
- Bản sắc dân tộc là gì? Trải qua mấy ngàn năm lịch sử, bản sắc đó có những điểm sáng và tối, vậy chúng ta phải loại trừ những điểm tối nào và loại trừ như thế nào?

⁴ x. Toàn văn bản Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam. Báo Điện tử của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 26/2/2021. x. Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hoá toàn quốc, ngày 24/11/2021, ở Hà Nội.

⁵ x. Ts Nguyễn Giáo, *Xây dựng nền văn hoá Việt Nam từ sau Đổi mới đến nay*, Viện Nghiên cứu Văn hoá, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Trang VASS, ngày 25/9/2020.

- Trong một hệ tư tưởng duy vật, khi nói “văn hoá là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội”, đó có phải là một mâu thuẫn hay nghịch lý không? Phải giải trình về phương pháp luận như thế nào, nhất là qua các bài học chính trị cho các thanh niên và sinh viên hiện nay?

- Đây là những tiêu chí của nền “văn hoá nhân văn”, “lấy con người là trung tâm”? Con người đó thật sự là gì hay là ai? Gồm những yếu tố căn bản nào? Khoa học về con người quả thật đã thay đổi rất nhiều trong khoảng 20 năm vừa qua, nhưng những lập luận về con người theo giả thuyết tiến hoá của Darwin làm sao có thể thuyết phục người ta xây dựng một nền văn hoá thật sự lấy con người là trung tâm?

- Trong bối cảnh toàn cầu hoá và những phương tiện truyền thông đại chúng phổ biến trên mạng xã hội toàn cầu, các nền văn hoá giao thoa lẫn nhau, làm thế nào để giúp cho người Việt Nam biết phân biệt và đón nhận những giá trị tích cực và loại trừ các điểm tiêu cực trong các nền văn hoá đó?



- Trong việc “xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam”, công cuộc đổi mới giáo dục là quan trọng nhất, nhưng đây lại là điểm còn nhiều hạn chế, bất cập. Có thể nói, nền văn hoá dân tộc được hình thành và phát triển như thế nào là tùy thuộc vào việc người dân được dạy dỗ trong gia đình, trường học và xã hội. Vậy chúng ta sẽ làm gì để đóng góp vào công trình giáo dục này?

Những vấn đề và các thách đố này sẽ thúc đẩy chúng ta phải tìm hiểu sâu xa hơn hầu tìm ra cho mình và cho cộng đồng xã hội Việt Nam những nền tảng cần thiết để xây dựng nền văn hoá chân chính cho dân tộc.

2. Văn hoá là gì?

Từ *văn hoá* bao hàm nhiều ý nghĩa khác nhau.

2.1. Phân tích từ ngữ

Trước hết, văn hoá là một từ gốc Hán. Theo Đông Phương, trong văn chương Trung Hoa cổ, “văn hoá” có tới 160 nghĩa⁶.

Nói chung, *văn* là vẻ đẹp do màu sắc tạo ra, là hình thức đẹp trong lễ, nhạc, trong cách cai trị, trong ngôn ngữ, cách cư xử...; *hoá* có nghĩa là dạy dỗ, trở thành hoặc làm cho trở nên, như trong từ “công nghiệp hoá”, “hiện đại hoá”. *Văn hoá* có nghĩa là làm cho trở thành đẹp, thành cái có giá trị.

Theo Tây Phương, văn hoá là một khái niệm mang nội dung rất rộng với nhiều cách hiểu khác nhau, liên quan đến mọi mặt của đời sống vật chất và tinh thần con người. Từ này (*cultura* tiếng Latinh, *culture* tiếng Pháp, *culture* tiếng Anh...), có nguồn gốc của động từ Latinh *colere* với nghĩa: gieo trồng, cày cấy, thu hoạch nông sản từ ruộng đất (agriculture), cũng như có ý tưởng, sáng tạo, thể hiện, giữ gìn, phát huy, các sản phẩm tinh thần (culture). Trong cuộc sống hằng ngày, văn hoá thường được hiểu là văn học, nghệ thuật như thơ ca, mỹ thuật, sân khấu, điện ảnh... Các "trung tâm văn hoá" có ở khắp nơi chính là cách hiểu này. Văn hoá còn được hiểu là cách sống bao gồm phong cách ẩm thực, trang phục, cư xử và cả niềm tin, tri thức được tiếp nhận... như phở, áo dài là nét đặc trưng hay biểu tượng của văn hoá Việt Nam. Như thế, nội dung của văn hoá mở ra rất rộng, liên quan đến mọi mặt trong đời sống.

⁶ x. Phùng Quý Nhâm, *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, giáo trình trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh., 1996, tr.5.

2.2. Trong *Từ điển Tiếng Việt 2013*⁷, văn hoá có 5 ý nghĩa:

- Tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử. Đây là ý nghĩa rộng nhất. Vd: *kho tàng văn hoá dân tộc, văn hoá phương Đông...*

- Những hoạt động của con người nhằm thoả mãn nhu cầu đời sống tinh thần (nói tổng quát). Vd: *phát triển văn hoá, công tác văn hoá...*

- Tri thức, kiến thức khoa học (nói khái quát). Vd: *học văn hoá, trình độ văn hoá...*

- Trình độ cao trong sinh hoạt xã hội, biểu hiện của văn minh. Vd: *sống có văn hoá, ăn nói thiếu văn hoá,...*

- Nền văn hoá của một thời kỳ lịch sử cổ xưa qua các di vật tìm được có đặc điểm giống nhau. Vd: *văn hoá Đông Sơn,...*

2.3. Trong *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, NXB TĐBKVN, 2005, mục từ *Văn hoá* được trình bày khá nhiều và được hiểu theo nghĩa nhân văn rất rộng⁸. Từ điển xác định: “Văn hoá của một dân tộc, hiểu theo nghĩa căn bản nhất, là toàn bộ những cái qua đó một dân tộc tự biểu hiện mình, tự nhận biết mình và giúp các dân tộc khác nhận biết mình. Như thế, văn hoá có thể được hiểu là toàn bộ những hoạt động sáng tạo và những giá trị của nhân dân một nước, một dân tộc về mặt sản xuất vật chất và tinh thần trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước”⁹.

2.4. Công đồng Vaticanô II¹⁰, đã xác định các ý nghĩa của từ “văn hoá” như trong các từ điển chúng ta vừa nêu, và còn mở rộng hơn nhiều để thấy những giá trị đó là của chung toàn thể nhân loại: “*Theo nghĩa tổng quát, từ "văn hoá" bao gồm tất cả những gì con người dùng để trau dồi và phát triển các năng khiếu đa diện của tâm hồn và thể xác; cố gắng chế ngự cả trái đất bằng tri thức và lao động; làm cho đời sống xã hội, đời sống gia đình cũng như đời sống chính trị trở thành nhân đạo hơn, nhờ tiến bộ trong các tập tục và định chế;*

⁷ x. Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt 2013*, NXB Đà Nẵng-Vietlex, tr.1409.

⁸ x. Hội đồng Quốc gia Biên soạn, *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, q.4, NXB TĐBKVN, 2005, tr.798-819

⁹ x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, q.4, tr. 98.

¹⁰ x. Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, số 53.

sau hết, diễn tả, thông truyền và bảo tồn trong các công trình của mình, những kinh nghiệm tinh thần và hoài bão lớn lao của các thời đại, để giúp cho nhiều người và toàn thể nhân loại tiến bộ hơn”.



2.5. Giá trị văn hoá

Văn hoá chỉ chứa đựng cái giá trị. Nhưng giá trị là gì và văn hoá chứa đựng những giá trị nào?

Theo *Từ điển tiếng Việt*, “giá trị là cái làm cho một vật có ích lợi, có ý nghĩa, là đáng quý về một mặt nào đó”¹¹.

Ngoài yếu tố có ích lợi và ý nghĩa, các giá trị văn hoá còn phải do *con người* sáng tạo ra, phân biệt với giá trị tự nhiên như các khoáng sản trong lòng đất. Sự sáng tạo đó là cả một quá trình *lịch sử* liên tục, tích lũy qua nhiều thế hệ trong các hoạt động thực tiễn của con người. Ví dụ: Văn hoá Đông Sơn trong giai đoạn lịch sử cách nay khoảng 2.700 năm ở vịnh Bắc Bộ thời các vua Hùng. Những giá trị đó phải làm thành một *hệ thống* chặt chẽ. Vì thế, người ta có thể định nghĩa văn hoá theo nghĩa chuyên môn như sau: “*Văn hoá là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người*

¹¹ x. *Từ điển Tiếng Việt* 2013, tr.503.

sáng tạo và tích lũy qua các quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình"¹².

Tuy nhiên, đối với tín hữu theo một tôn giáo nào đó, có những giá trị hoàn toàn không phải do con người sáng tạo ra nhưng lại hết sức có ích, có ý nghĩa trong đời sống con người, ví dụ như tình yêu, sự thật, sự sống, vì những giá trị này không thể tự nhiên mà có, cũng không phải bởi vật chất bất động do tiến hoá mà thành. Chúng thuộc về tinh thần của con người nên phải bắt nguồn từ một tinh thần tuyệt đối là Đấng Tạo Hoá. Chúng là những ơn lành được ban cho con người. Khi con người có ý thức về chúng, cảm nghiệm được chúng bằng tinh thần của mình, đón nhận và thể hiện chúng cách trong sáng, thì những giá trị đó càng làm cho đời sống họ tươi đẹp hơn. Họ trở thành những người có trình độ văn hoá cao hơn những người khác. Ngược lại, nếu con người chối bỏ chúng hoặc nhận thức kém về chúng trong một giai đoạn lịch sử nào đó, thì sẽ làm cho trình độ văn hoá của mình hay của dân tộc bị hạ thấp.

Chúng ta cũng cần nói thêm rằng: đối với tín hữu Kitô giáo một trong những giá trị cao cả nhất, và là nguồn mọi giá trị, chính là Thiên Chúa Ba Ngôi. Giá trị này không phải do con người sáng tạo ra, cũng chẳng phải qua một quá trình lịch sử hay thuộc về một hệ thống giá trị nào, nhưng từ sự mạc khải hay soi sáng của chính Thiên Chúa cho con người. Do đó các tín hữu xây dựng thành *nền văn hoá Kitô giáo*.

2.6. Định nghĩa căn bản

Chúng ta có thể đồng thuận với định nghĩa được cho là ngắn gọn nhất, đầy đủ các yếu tố nhất: "*Văn hoá là hình thức chung, được phát triển qua dòng lịch sử, diễn tả các quan niệm và giá trị chi phối đời sống của một cộng đồng*". Đây là định nghĩa của ĐGH Bênêđictô XVI¹³. Nó bao gồm các yếu tố sau đây:

¹² x. Trần Ngọc Thêm, *Tìm hiểu về Bản sắc Văn hoá Việt Nam*, NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 20-27.

¹³ Lúc còn là hồng y Ratzinger, cựu Tổng trưởng Bộ Giáo lý Đức tin, trong bài phát biểu với Liên Hội đồng Giám mục Á châu, tại Hồng Kông từ ngày 3 đến 5/3/1993.

- Trước hết, *văn hoá có liên quan với tri thức và các giá trị*. Văn hoá là một nỗ lực hiểu biết về thế giới và cuộc sống con người trong thế giới, nhằm phục vụ những ích lợi căn bản của đời sống con người. Nhờ sự hiểu biết này, con người biết cách hành xử theo các giá trị tạo nên nền đạo đức. Trong sự hiểu biết năng động này, con người luôn đặt vấn đề Thiên Chúa hay thần linh như nguồn gốc của mọi giá trị. Các nền văn hoá lớn đều giải thích về thế giới con người sống để đưa thế giới quy phục Đấng thần linh. Vì thế văn hoá cũng có liên quan mật thiết với tôn giáo. Khi con người chối bỏ tôn giáo, các giá trị văn hoá mất đi nền tảng nên khó có thể tồn tại.

- *Văn hoá luôn gắn liền với một chủ thể xã hội* trong đó mỗi cá nhân vượt qua chính mình để đạt tới một chủ thể mang tính xã hội rộng lớn hơn. Chủ thể này vừa thu thập kinh nghiệm, vừa gọt dũa để hình thành nên các quan niệm nơi cá nhân.

- *Văn hoá có tính lịch sử*, nghĩa là có khả năng biến chuyển theo dòng thời gian, vì con người luôn tìm hiểu để thích nghi với những biến đổi của môi trường và lịch sử bên ngoài¹⁴.

3. Hội nhập văn hoá là gì?

Sau khi tìm hiểu về văn hoá, chúng ta bàn đến việc hội nhập văn hoá.

3.1. Phân tích từ ngữ

Trong các từ điển gần đây như *Từ điển Tiếng Việt 2013* và *Từ điển Bách khoa Việt Nam 2005*, chúng ta không thấy có mục từ “hội nhập văn hoá” như các từ điển nước ngoài (inculturation). Các từ điển này chỉ có nói đến việc “hội nhập” mang ý nghĩa xã hội là “tham gia vào một cộng đồng để cùng hoạt động và phát triển với cộng đồng ấy”. Vd: hội nhập quốc tế, hội nhập kinh tế với các nước trong khu vực¹⁵.

Hội nhập văn hoá là một từ ngữ mới được hình thành trong Giáo hội Công giáo và được nêu lên trong các văn kiện quan trọng của GH.

¹⁴ x. *Documentation Catholique*, số ra ngày 16/7/1995; *Bản Tin Hiệp Thông* của Hội đồng Giám mục Việt Nam, số 5-1999, tr.169-206.

¹⁵ x. *Từ điển Tiếng Việt 2013*, mục từ *Hội nhập*, tr.595; *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, mục từ *Hội nhập*, q.2, tr.384.

Hội nhập văn hoá là hoà mình vào trong một nền văn hoá, hay đúng hơn, là chấp nhận một hệ thống giá trị mới.

Trong Tông huấn *Giáo Hội tại châu Á*, ĐGH Gioan Phaolô II xác nhận: "Châu Á có nhiều nền văn hoá", được hiểu như là những hệ thống giá trị. Ngài nói: "Thánh Thần đã cho chúng ta hiểu biết chân lý toàn diện, thì cũng có thể giúp chúng ta đối thoại với các giá trị văn hoá và tôn giáo của các dân tộc được kết quả". Ngài còn xác định: "Văn hoá là kết quả xuất phát từ cuộc sống và sinh hoạt của một tập thể nhân loại, thì đối lại, những con người thuộc tập thể này lại được khuôn đúc trong một phạm vi rộng bởi chính nền văn hoá, trong đó họ đang sinh sống. Nếu con người và xã hội thay đổi, văn hoá cũng sẽ thay đổi theo. Ngược lại, nếu văn hoá đổi thay thì con người và xã hội cũng được văn hoá ấy biến đổi theo"¹⁶.

Như thế, ĐGH như muốn xác định các giá trị của nền văn hoá là do con người sáng tạo và tích lũy qua những hoạt động trong môi trường sống của mình giữa xã hội. Ví dụ, trong nền văn hoá ở Việt Nam thời trước, quan niệm "traí thì năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng" bắt nguồn từ loại hình văn hoá nông nghiệp cần nhiều nhân công. Nhưng trong nền văn hoá của xã hội hiện đại, nhờ khoa học và kỹ thuật phát triển, không cần nhiều sức mạnh thể lý nữa, nên đã thay đổi thành gia đình "một vợ một chồng", nhờ đó giá trị phụ nữ được nâng cao, nam nữ bình đẳng.

3.2. Những yếu tố trong hội nhập văn hoá

Trước hết, chúng ta lưu ý tới mối *liên kết chặt chẽ giữa bản tính con người với văn hoá*. Vì là sinh vật biết suy tư và có tinh thần mở ra đến vô biên, nên con người luôn có những quan niệm và khám phá ra những giá trị của thế giới vật chất cũng như thế giới tinh thần ở quanh mình. Những quan niệm đó có thể đúng nhưng cũng có thể sai, và những giá trị đó có thể hữu ích cho con người trong một thời kỳ lịch sử nhưng lại vô ích trong một thời kỳ khác vì các yếu tố văn hoá thay đổi theo thời gian và nơi chốn.

¹⁶ x. Tông huấn *Giáo Hội tại châu Á*, số 21.

Những giá trị vật chất của thời đồ đá đẽo, đá mài, đồ đồng, đồ sắt, đến các máy móc tinh xảo của thời hiện đại, cũng như những giá trị tinh thần như nhân phẩm, tự do, độc lập, hạnh phúc, đạo đức, tôn giáo có thể thay đổi và đã thay đổi. Chúng ta thấy rõ sự thay đổi đó từ thời chiến tranh giữa các bộ tộc, tàn sát kẻ thù, bắt làm nô lệ đến thời quân chủ chuyên chế, quân chủ đại nghị, tôn trọng chủ nghĩa đa phương, tôn trọng chủ quyền đất nước, cố vũ giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hoà bình như chủ trương của Liên Hiệp Quốc hiện nay¹⁷.

Khi đã có sẵn một nền văn hoá nào đó, con người vẫn tiếp tục mở rộng tinh thần để tiếp nhận những quan niệm và giá trị mới mẻ để xây dựng nền văn hoá thích hợp cho cá nhân hay dân tộc mình. Tuy nhiên vì bản tính con người bị tham vọng và dục vọng chi phối, bị tổn thương do tội lỗi, nên một số người có thể chọn những quan niệm sai trái và giá trị lỗi thời của người khác hay dân tộc khác làm thành của mình. Đây là tiến trình hội nhập văn hoá.

Tiếp theo là con người *truyền đạt và chia sẻ* những quan niệm cũng như giá trị đó cho nhau nhờ các phương tiện truyền thông xã hội như ngôn ngữ, chữ viết, các sản phẩm in ấn, truyền thanh, truyền hình, tin học kỹ thuật số như hiện nay làm thành nền văn hoá cho mỗi cá nhân, cộng đồng, dân tộc, quốc gia và cuối cùng cho toàn thể nhân loại.

Hội nhập văn hoá là sự gặp gỡ giữa các nền văn hoá. Tuy nhiên, một con người hay một dân tộc luôn có sẵn nếp văn hoá của mình, nên khi thấy những giá trị của người khác hay dân tộc khác tốt đẹp hơn mình, thì họ hoà mình vào đó nhưng vẫn không đánh mất bản sắc văn hoá của mình. Chính việc gặp gỡ này làm cho văn hoá phát triển.

Những cuộc xung đột văn hoá. Chúng ta cũng nên biết rằng nhận thức về những giá trị nào đó có thể không đồng nhất với nhau giữa từng con người, các nhóm nhỏ hay giữa các dân tộc, quốc gia, dẫn đến những sự đối lập và xung đột văn hoá. Vì thế, cần đặt ra những nguyên tắc, những chuẩn mực để mọi người hay đa số thành viên tìm ra hoặc hướng về những giá trị chung được mọi người công nhận. Đây chính

¹⁷ x. Bài *Thách thức bủa vây tuổi 75 của Liên Hiệp Quốc*, Báo Thanh Niên, tr.24, ngày 23/9/2020.

là công cuộc sáng tạo ra các giá trị, rồi giáo dục và đào tạo các giá trị đó cho quần chúng để phát triển văn hoá.

Văn hoá có thể phát triển thì cũng có thể bị suy đồi hay biến mất. Một nền văn hoá bị suy đồi khi những người sống trong nền văn hoá đó không còn nhận thức được giá trị văn hoá, không gìn giữ được các biểu tượng văn hoá, nhất là tiếng nói và chữ viết của dân tộc.

Sai lầm về văn hoá gây nên những hậu quả nghiêm trọng. Chúng ta đừng quên rằng công cuộc đào tạo và giáo dục văn hoá này phải do toàn thể cộng đồng cùng chung tay góp sức trong mọi lĩnh vực của văn hoá. Nếu bỏ sót hay sai lầm trong một lĩnh vực nào, có thể dẫn tới sự suy đồi của cả dân tộc và bất ổn cho toàn thể nhân loại. Thí dụ chủ nghĩa phát xít ở Ý do Benito Mussolini và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Đức do Adolf Hitler khởi xướng, đã sai lầm trong một số điểm về văn hoá dẫn đến Thế chiến II (1939-1945).

3.3. Hội nhập văn hoá Công giáo

Những lời cuối cùng của Đức Giêsu Phục Sinh trước khi lên trời vẫn vang vọng như thúc giục chúng ta là những môn đệ của Người: *"Thầy đã trao toàn quyền trên trời dưới đất. Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế"*¹⁸. Sứ mệnh ra đi gặp gỡ những con người thuộc đủ mọi dân tộc để chia sẻ cho họ Tin Mừng về Đức Giêsu Kitô là sứ mệnh hàng đầu của các Kitô hữu. Tin Mừng có sức mạnh đổi mới các thực tại văn hoá và xã hội, phát huy những thiện hảo nơi chúng lẫn tẩy sạch những yếu tố tội lỗi của chúng.

Theo Công giáo, "hội nhập văn hoá là tiến trình đưa sứ điệp Kitô giáo vào trong các nền văn hoá và hội nhập các giá trị phù hợp với Tin Mừng nơi các nền văn hoá ấy vào Kitô giáo". Giáo hội Công giáo đề cao việc hội nhập văn hoá như là một sứ mệnh của mình. Đây là một phần của việc loan báo Tin Mừng, giúp con người đón nhận Đức Kitô

¹⁸ Mt 28,18-20.

cách trọn vẹn và thiết thực. Đồng thời, khi đưa các giá trị phù hợp của các nền văn hoá hội nhập vào Kitô giáo, Giáo Hội chọn lọc và phát huy những giá trị có sẵn trong các nền văn hoá đó¹⁹.

Mầu nhiệm nhập thể và nhập thể của Ngôi Lời Thiên Chúa định hướng cho việc hội nhập văn hoá này vì dù là Thiên Chúa siêu việt, Người đã trở thành Đức Giêsu Nazareth, đón nhận nền văn hoá Do Thái. Nếu Đức Giêsu là giá trị cao cả nhất của văn hoá thì giá trị ấy cũng đã mặc bộ áo văn hoá của dân tộc Do Thái trong mầu nhiệm nhập thể của Người. Người trở thành anh em của mọi người để hoà mình vào văn hoá của một dân tộc và mời gọi chúng ta đón nhận những giá trị văn hoá tốt đẹp và làm sạch những yếu tố tội lỗi của nền văn hoá đó.



Như thế, hội nhập văn hoá là việc đem Tin Mừng “nhập thể” vào các nền văn hoá và các dân tộc khác nhau trên thế giới, hoặc diễn tả đức tin sao cho phù hợp với đặc tính văn hoá của các dân tộc để muôn dân nhận biết mầu nhiệm Đức Kitô²⁰. Mầu nhiệm này không xoá bỏ, nhưng cứu chuộc và kiện toàn các nền văn hoá. Chính nhờ nền văn hoá riêng được Đức Kitô tiếp nhận và thanh luyện, đồng đảo con cái Thiên Chúa đến được với Chúa Cha để tôn vinh Ngài trong cùng một Thánh Thần²¹.

Tuy nhiên, dù châu Á là nơi khai sinh của Đức Giêsu và cũng là nơi Đức Giêsu lập Giáo Hội, số tín hữu Công giáo hiện nay cũng

¹⁹ x. HEGMVN, *Từ điển Công giáo*, bản in 2019, mục từ *Hội nhập văn hoá*, tr.416.

²⁰ x. Rm 16,26.

²¹ x. Hiến chế *Lumen Gentium*, 13; *GLHTCG*, số 854, 1204, 2684. x. Nguyễn Đình Diễm, *Từ điển Công giáo Anh Việt*, Mục từ *Inculturation*, NXB Đồng Nai, 2015, tr.1032.

chỉ đạt được khoảng 3% dân số sau gần 2000 năm truyền giảng Tin Mừng. Để cho việc loan báo Tin Mừng có hiệu quả hơn, ĐTC Gioan Phaolô II đã nói nhiều đến văn hoá và hội nhập văn hoá trong Tông huấn *Giáo Hội tại châu Á*. Một trong các nguyên nhân chính khiến Tin Mừng chưa thể phổ biến rộng rãi cho các dân tộc châu Á, đó là người rao giảng Tin Mừng đã không để ý nhiều đến nền văn hoá của mỗi dân tộc, biến Kitô giáo thành một thứ xa lạ với đời sống thường ngày của con người.

ĐTC Bênêđictô XVI cũng nhắc nhở: "*Đức tin tự nó là văn hoá. Không có đức tin trần trụi, cũng chẳng có văn hoá thuần túy*"²² vì chỉ có con người thực tế, sống trong một nền văn hoá nhất định và chính con người ấy đang tin và sống với niềm tin của mình. Vì thế, ĐTC Gioan Phaolô II giới thiệu giải pháp cần thiết là phải làm sao cho đức tin Kitô giáo hội nhập vào văn hoá và mọi sinh hoạt của con người trong xã hội. *Chúa Thánh Thần là tác nhân chính* của việc đưa đức tin Kitô giáo hội nhập vào nền văn hoá và việc hội nhập này cũng là nhiệm vụ khẩn thiết cho mọi thành phần Giáo Hội ở châu Á hiện nay²³, nhưng lại chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng.

Lời kết

Tóm lại, muốn loan báo và chia sẻ Đức Giêsu như một quà tặng vô cùng quý giá cho đồng bào và anh em trên lục địa châu Á này, ta phải hiểu người đang nghe mình là ai, nghĩa là đang thuộc về nền văn hoá nào. Họ có thể là người Việt Nam với 54 dân tộc khác nhau, hay là người Trung Quốc, Nhật Bản, Philippines, Lào, Cambodia... Một khi xác định được nền văn hoá của họ, với những khái niệm và giá trị khác với Kitô giáo, ta lại phải tìm cách đối thoại để giới thiệu nền văn hoá Kitô giáo bằng những loại hình ngôn ngữ thích hợp, giúp họ có thể hiểu được, mở lòng đón nhận những giá trị khác biệt của ta. Quá trình hội nhập văn hoá này "là *con đường bắt buộc* các

²² x. J. Ratzinger, *Niềm tin vào Đức Kitô trước sự thách đố của các nền văn hoá*, diễn đàn ở HĐGM Á Châu, từ ngày 3 đến 5/3/1993, *Documentation Catholique*, số ra ngày 16/7/1995; x. *Bản tin Hiệp thông* của HĐGMVN, số 5/1999, tr.169-206.

²³ x. Tông huấn *Giáo Hội tại châu Á*, số 21-22.

nhà truyền giáo phải đi qua khi giới thiệu đức tin Kitô giáo và biến nó thành một phần trong di sản văn hoá của một dân tộc”²⁴.



Câu hỏi

- 1. Những biểu tượng như áo dài, phở, nem, hát quan họ, thờ Mẫu... thuộc về loại giá trị gì?*
- 2. Những dấu hiệu nào chứng tỏ văn hoá Việt Nam đang phát triển hay không phát triển, còn tồn tại hạn chế?*
- 3. Giá trị nền tảng và cao cả nhất của con người là gì?*
- 4. Làm sao thực hiện được việc hội nhập văn hoá cho mình?*
- 5. Theo ĐGH Gioan Phaolô II, ai là tác nhân chính trong việc hội nhập văn hoá?*

²⁴ x. Tông huấn *Giáo Hội tại châu Á*, số 21.

Con người là trung tâm

Lời mở

Trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội, phương châm “lấy con người là trung tâm, lấy những giá trị văn hoá cốt lõi làm nền tảng” được chính phủ Việt Nam giới thiệu với bạn bè thế giới²⁵. Sự kiện đó chứng tỏ Việt Nam đã tiến một bước rất dài trong nhận thức về giá trị con người so với nhiều nước khác, kể cả các nước phát triển. Nhờ những khám phá mới mẻ của các ngành khoa học hiện đại, con người có nhiều điều kiện hơn để tìm hiểu về chính mình, vượt qua những hiểu lầm về con người trong quá khứ để có thể đối mặt với những thách thức hiện nay.

1. Những hiểu lầm về con người trong quá khứ

Kể từ lúc con người hiện đại (*homo sapiens*) biết suy tư xuất hiện cách đây khoảng 195.000 năm, đã có khoảng 100 tỉ người sống trên trái đất. Hiện nay đang có khoảng 8,01 tỉ người²⁶. Con người không ngừng tìm kiếm câu trả lời về lai lịch của mình²⁷, về chỗ đứng và vai trò của con người trong xã hội và vũ trụ, về cùng đích của con người và muôn vật²⁸. Trong quá trình suy tư, ta gặp thấy không ít những hiểu lầm.

1.1. Những hệ tư tưởng về con người trong dòng lịch sử

Đứng trước thực tại vô cùng phong phú của con người, nhiều dân tộc đã cố gắng giải thích, tạo thành những hệ tư tưởng và những thái độ sống khác nhau. Chúng ta có thể tóm tắt vài quan điểm nổi bật trong dòng lịch sử được nhiều người đón nhận:

²⁵ x. Bài phát biểu của Thủ tướng Phạm Minh Chính tại Hội nghị Quốc tế về tương lai châu Á lần thứ 26, ngày 20/5/2021, Báo Tuổi Trẻ, ngày 21/5/2021, tr. 20.

²⁶ x. Dân số thế giới vào ngày 23/03/2023: 8.0134.493.300 người, <https://accgroupvn>dan-so-hien-nay-cua-the-gioi>.

²⁷ Con người là gì? x. CĐ.Vat. II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, số 10,12.

²⁸ x. *Gaudium et Spes*, số 3.

Bái vật (từ thời Tiền sử, 3,3 triệu năm TCN, đến thời Đồ Đá Mới, 5.700 TCN)

Con người chưa ý thức về mình, chưa nhận ra được sức mạnh và giá trị của mình, nên bái thờ những sức mạnh thiên nhiên và vạn vật như thần linh. Đây là thái độ của những người nguyên thủy, hay người tiền sử, chưa biết đến khoa học, chỉ nhìn vào các hiện tượng bên ngoài, thấy hổ báo, sấm sét, lửa nước, gió bão, núi sông mạnh mẽ hơn mình thì tôn thờ chúng. Tổ tiên ta cũng đã từng quan niệm: “Đất có thổ công – Sông có hà bá”.

Con người không đặt câu hỏi về mình, về những sự việc liên quan đến mình như khổ đau, bệnh tật, cái chết, và coi chúng là những chuyện tự nhiên của kiếp người giống như bao sinh vật khác. Thái độ bái vật này vẫn còn xuất hiện trong thời đại hiện nay, khi một số người tôn thờ tiền của, danh lợi, coi chúng là giá trị tuyệt đối trong đời sống: “Có tiền mua tiên cũng được!”.

Bái thần (từ thời Cổ đại, 5.000 TCN, đến thời Cận đại, thế kỷ 15)

Nhờ trí thông minh, con người thắng được các sức mạnh thiên nhiên để lấp sông, phá núi, ngăn biển nên không tôn thờ chúng nữa. Con người tìm ra lúa gạo, lúa mì và các cây lương thực khác nên không còn sợ đói. Con người thuần hoá các động vật hoang dã thành gia súc nên bỏ đi đời sống du mục, chuyển sang định canh, định cư lâu dài. Con người phát triển giao thông vận tải, xây dựng nhiều thành phố bên cạnh sông hồ và cửa biển nên bỏ đi đời sống bộ lạc, thị tộc và hình thành nên các quốc gia.

Con người phát triển hệ thống ngôn ngữ, hệ thống chữ viết như chữ hình nêm, chữ Hy Lạp, chữ Latinh để chia sẻ thông tin, trao đổi tư tưởng, tình cảm cho nhau. Con người sống âm no, sung túc nên có nhiều thời giờ suy nghĩ về mình, về thế giới, tạo thành các nền văn minh ở đồng bằng Lưỡng Hà (Mesopotamia), bờ sông Nil ở Ai Cập, sông Hằng ở Ấn Độ, nền văn minh Hy Lạp, văn minh La Mã... Các dân tộc giàu mạnh hơn, thông minh hơn sáng tạo ra các phương tiện chiến tranh, dùng sức mạnh vũ khí để xâm lăng các dân yếu kém hơn và bắt họ lệ thuộc về mặt văn hoá, tinh thần.

Mỗi dân tộc cố gắng giải thích nguồn gốc dân tộc và các giá trị bằng những huyền thoại và tạo ra các thần linh như thần Sự Sống, thần Khôn Ngoan, thần Tình Yêu, thần Sắc Đẹp, thần Nghệ Thuật, thần Thi Ca, ... rồi thể hiện lòng sùng bái đối với các vị thần đó. Vì thế, người ta gọi chung thời kỳ này là bái thần, mà đặc sản của nó là các tôn giáo.

Bái nhân (từ thời Cận đại, thế kỷ 15 đến Hiện đại, thế kỷ 20)

Nhờ phát triển các khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn, con người khám phá ra mình đã sai lầm khi dồn mọi sức lực để tôn thờ thần linh. Nhưng hầu hết thần linh chỉ là các tượng thần vô tri, vô giác, do con người tạo nên chứ không có thật, nên nhiều người đã loại bỏ tôn giáo ra khỏi đời sống và quay sang tôn thờ con người, tôn thờ khoa học vì nghĩ rằng khoa học có thể giải quyết được tất cả những vấn nạn của đời sống. Ta gọi đó là hệ tư tưởng bái nhân.

Người ta tôn phong những người có công, có tài năng thành những vị thần, những diva, idol trong lĩnh vực văn nghệ, những ông vua, nữ hoàng trong lĩnh vực thể thao.

Nhiều dân tộc văn minh và phát triển đã thay đổi thái độ sống để quy hướng vào con người, lấy con người làm trung tâm cho mọi hoạt động và giá trị. Vì thế, người ta gọi thái độ này là *nhân bản* vì lấy con người làm gốc, hay *nhân văn* vì tập trung vào những giá trị văn hoá do con người sáng tạo nên.

Điểm đáng ghi nhận về văn hoá trong thời kỳ này là sự xuất hiện 2 hệ tư tưởng đều lấy con người làm trung tâm nhưng theo hai cách nhìn khác nhau. Con người theo ý nghĩa tập thể xã hội là hệ tư tưởng Cộng sản và con người theo ý nghĩa cá nhân là hệ tư tưởng Tư bản.

Chủ nghĩa Cộng sản, bắt nguồn từ các triết gia K. Marx và Engels với những tổ chức Quốc tế Cộng sản được thành lập ở nhiều nước trên thế giới quả thực làm cho chính quyền các nước trên thế giới rung động. Nhất là sau khi V. Lênin vận dụng thành công ở Nga, lập nên chính quyền Xô Viết năm 1917, Đảng Cộng sản ở Việt Nam với Cách mạng tháng Tám năm 1945, và Mao Trạch Đông ở Trung Quốc năm 1949. Chủ nghĩa này chủ trương thiết lập xã hội không

giai cấp để không còn cảnh người bóc lột người, mọi người được tự do, bình đẳng dựa trên sự sở hữu chung các phương tiện sản xuất.

Để đối phó với những xung đột giữa các giai cấp, loại trừ tôn giáo các chính quyền và các nhà tư tưởng đã giới thiệu chủ nghĩa tư bản, đề cao cá nhân con người, quyền tư hữu và các quyền căn bản của con người.

Một chủ nghĩa khác xuất hiện ở nhiều nước tư bản dựa trên những suy tư triết học về cuộc hiện sinh của con người, đó là chủ nghĩa hiện sinh. Hệ tư tưởng này do các triết gia như Jean-Paul Sartre, Soren Kierkegaard, Fyodor Dostoevsky, Friedrich Nietzsche, Martin Heidegger và nhiều văn sĩ khác giới thiệu và được phổ biến rộng rãi, nhất là trong giới trẻ. Chủ nghĩa này đòi cho con người tự do tuyệt đối để chọn lựa, ngay cả sự sống và cái chết, nên loại trừ Thiên Chúa ra khỏi cuộc sống vì nghĩ rằng Thiên Chúa ngăn cản tự do của con người. Quả thật, niềm tin vào một Thiên Chúa bị lung lay tận gốc sau hai cuộc chiến tranh thế giới vào năm 1914-1918 và 1939-1945 khi người ta thấy hàng chục triệu người chết, hàng trăm triệu căn nhà, tài sản bị phá huỷ trong nháy mắt, khiến cho con người thấy cuộc sống thật ngắn ngủi, vô nghĩa và phi lý.

Ngày nay, chúng ta thấy thái độ “bái nhân” này thể hiện ở rất nhiều nơi trên thế giới: những đền thờ, chùa miếu của các tôn giáo vắng bóng người trẻ, chỉ còn ít người già tham dự các buổi cầu kinh trong khi các sân vận động, trung tâm giải trí, các nơi du lịch đầy ắp người vào các ngày nghỉ cuối tuần.

Tuy nhiên, nền văn hoá nhân văn hay nhân bản thuần túy đó vẫn không làm cho con người sống hạnh phúc hơn, cao thượng hơn. Số người bị bệnh tâm thần, số người nghiện ngập, tự tử tăng cao, nhất là trong giới trẻ và những cuộc xung đột giữa các thành phần trong xã hội ngày càng trầm trọng hơn thúc đẩy nhiều người đi tìm một hệ tư tưởng mới.

Hệ tư tưởng mới (từ thế kỷ 21 trở đi)

Hệ tư tưởng này vẫn lấy con người làm trung tâm nên gọi là nhân bản, nhưng phải giúp con người hiểu được sự thật toàn vẹn về chính

mình, về vạn vật, về những giá trị cốt lõi của đời sống và đem lại hạnh phúc thật sự, bền vững cho con người. Hệ tư tưởng này sẽ có thể được coi như một thứ tôn giáo mới thay thế các tôn giáo cũ trong quá khứ đã làm con người đánh mất chính mình. Vì thế chúng ta nên tìm hiểu về các tôn giáo.

1.2. Các tôn giáo lấy thần linh làm trung tâm

Trong một thời gian dài con người nhận thức được rằng vũ trụ vạn vật không thể nào tự nhiên mà có, nhưng cần phải có Đấng Sáng Tạo ra muôn loài. Hơn nữa, những giá trị tinh thần như sự thật, sự thiện, cái đẹp, tình yêu, tự do, hạnh phúc không thể bắt nguồn từ vật chất vô hồn mà phải từ các thần linh. Vì thế các tôn giáo tập trung vào việc tôn thờ các thần linh và dựa vào đó để giải đáp các thắc mắc về nguồn gốc, giá trị, cùng đích của con người cũng như của vũ trụ.

Những nhận thức đó làm phát triển văn hoá, nâng con người vượt lên trên vật chất và hướng tới tinh thần, dù rằng nhiều tôn giáo còn mang nặng những nét mê tín, dị đoan. Vì thế, nhìn theo quan điểm này, các tôn giáo đều đáng cho ta trân trọng. Tuy nhiên, hầu như trong mọi tôn giáo thuộc hình thái này, khi tín hữu càng sùng kính thần linh thì càng coi thường con người, càng quy phục thần linh thì càng bỏ mặc con người, càng đặt thần linh làm trung tâm cho mọi sinh hoạt trần thế thì càng làm tổn mất nguồn lực của con người.

Nhiều người ngày nay không mặn mà với tôn giáo vì thấy các tôn giáo sùng bái rất nhiều thần linh mà họ thấy chúng chỉ là những sức mạnh tự nhiên được thần hoá như mặt trời, mặt trăng,... Nhiều thần linh mang những hình thù loài vật như thần trí tuệ Tehuti hình người đầu cò, thần Usir cai quản cõi âm có hình dạng đàn ông quần trong vải ướp xác, thần xác ướp Anubis hình người đầu chó... của người Ai Cập. Ba vị thần tối cao trong Ấn Độ giáo (Trimurti) bao gồm Brahma là đấng tạo hoá, Vishnu là đấng bảo hộ và Shiva là đấng

huỷ diệt cùng với ba bà vợ nữ thần (Tridevi) là Saraswati, Lakishmi, Pavati²⁹ hiển hiện trong những hình thái khác nhau.

Vì thế, con người có khuynh hướng đa thần để giải thích các hiện tượng thiên nhiên cũng như các hoạt động của con người như ta thấy trong tín ngưỡng thờ vật tổ, trong các tôn giáo thị tộc thời cổ ở Ấn Độ, trong đế quốc Hy Lạp, La Mã, trong Thần Đạo Nhật Bản, Đạo giáo (hay Lão giáo) ở Trung Quốc, ở Việt Nam, Hàn Quốc, trong các tôn giáo truyền thống ở Châu Phi.

Tài liệu cổ xưa nhất về tôn giáo được tìm thấy trong các bài thơ của Homer ca tụng thần Hermes. Người Hy Lạp sùng bái 12 vị thần trên đỉnh Olympus ở thành Athena vào thế kỷ VI TCN, gồm: Zeus, Hera, Poseidon, Demeter, Athena, Hestia, Apollo, Artemis, Ares, Aphrodite, Hephaestus và Hermes. Mỗi vị thần cai quản một lĩnh vực khác nhau và bảo hộ cho một trong 12 cung hoàng đạo, tạo thành lịch tử vi cho con người³⁰.



Đền thờ các thần của người Hy Lạp

Khi người La Mã chiếm được đế quốc Hy Lạp và lập nên đế quốc thì nền văn hoá La Mã với chữ viết Latinh lại phổ biến các thần linh

²⁹ x. <https://peterpotter90.wordpress.com/2018/07/10/cac-vi-than-tieu-bieu-trong-than-thoai-hindu>

³⁰ x. <https://peterpotter90.wordpress.com/2016/01/07/cac-vi-than-trong-than-thoai-hy-lap/>

mới. Các vị thần Hy Lạp được thay thế bằng các thần Roma như Jupiter (thay Zeus), Juno (thay Hera), Mars (thay Ares), Venus (thay Aphroditê), Minerva (thay Athena), Diana (thay Artemis), Vulcan (thay Hephaestus)...

Như thế, các thần linh trong hầu hết các tôn giáo cũng như trong huyền thoại của các dân tộc không có thật, mà chỉ là những sản phẩm do trí tưởng tượng của con người thêu dệt nên, để giải thích về các hiện tượng trong trời đất (gió mưa, mặt trời, mặt trăng, sấm sét...), các hoạt động của con người (vui chơi, giải trí, tiệc tùng, chiến tranh, sống chết, cày cấy, lao động) hoặc các giá trị tinh thần như tình yêu, thi ca, y học, sắc đẹp.

Tuy nhiên, khi loại trừ những thần linh đó ra khỏi tâm trí, con người vẫn phải đối mặt với câu hỏi: “Tất cả những thực tại và giá trị đó bắt nguồn từ đâu, do ai tạo nên và ban phát chúng cho con người?”, vì rõ ràng là chúng không thể từ không mà có, hay do con người làm ra hay con người tự ban phát cho mình. Vì thế, con người vẫn phải đi tìm câu trả lời nơi các tôn giáo mà con người tin là được thần linh soi sáng. Để trả lời được câu hỏi này cần phải xác định được Đấng Linh Thiêng và các thần linh là ai.

Nhờ tinh thần biết suy tư, nhất là sau này được khoa học hỗ trợ, con người loại bỏ các sức mạnh thiên nhiên và vật chất ra khỏi danh sách thần linh vì biết rằng chúng chỉ là những vật thể vô hồn, không thể chi phối, tác động hay cứu độ con người. Con người nhận ra rằng phải có một Đấng Linh Thiêng tối cao tạo thành muôn vật muôn loài, gọi là Tạo Hoá, cũng là nguồn của chân thiện mỹ và các giá trị tinh thần. Đấng đó được các dân tộc gọi bằng đủ tên khác nhau: Trời, Thiên, Giàng, Chúa Trời, Allah, Đấng Chí Tôn, Đấng Cao Đài (Thượng Đế), Phạm Thiên, Thiên Chúa...

Khám phá tiếp theo của tinh thần con người là tất cả những giá trị hiện hữu đều phải bắt nguồn từ một *tinh thần tuyệt đối*, chứ không phải từ nhiều nguồn tách biệt nhau như các tôn giáo và thần thoại các dân tộc giới thiệu. Lý do là vì tinh thần tương đối của con người nhận ra những giá trị như: sự sống, tình yêu, hạnh phúc, niềm vui,

tự do, chân thiện mỹ,... đều nằm ở trong tinh thần chứ không ở trong thể xác hay vật chất.

Vì vậy, nhân loại thiên về *khuyh hướng độc thần*, nghĩa là chỉ tin vào một Đấng Linh Thiêng là nguồn của mọi hiện hữu. Đấng đó tự mình hiện hữu, có tất cả mọi sự và chia sẻ những gì mình có cho muôn loài. Do Thái giáo đã gọi tên Đấng đó là Giavê hay Giêhôva, nghĩa là Đấng Tự Hữu (tự mình hiện hữu). Ta gặp thấy khuyh hướng này ở Kitô giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo. Trong các tôn giáo độc thần, ngoài Đấng Linh Thiêng là nguồn mọi hiện hữu, vẫn còn có những thần linh cấp dưới, do Đấng Tạo Hoá đó dựng nên để thi hành những mệnh lệnh và ước muốn của Ngài.

Có một số tôn giáo không tin tưởng vào thần linh nào, không tin có Đấng Tạo Hoá tối cao. Các thần linh có tồn tại thì cũng chỉ là chúng sinh trong vũ trụ, sức mạnh và tuổi thọ của họ vẫn bị giới hạn và bị tiêu diệt. Khổng giáo thì chỉ tập trung vào đời sống ở trần thế này làm sao cho tốt đẹp nên chẳng muốn bàn đến chuyện quỷ thần và đời sau nên được xếp vào tôn giáo vô thần.

Một số vấn đề quan trọng, mà các tôn giáo cần giải thích, là tại sao con người phải chết nếu đã bắt nguồn từ Thiên Chúa vĩnh hằng, và nếu muốn được sống mãi, trẻ đẹp mãi, thì con người phải làm gì? Những điều tiêu cực như cái chết, tội lỗi, dục vọng, âm phủ, quỷ dữ, tà ma... bắt nguồn từ đâu? Ai cai quản chúng? Phải làm gì để thoát khỏi chúng? Ai có thể cứu độ con người và thế giới?

Vì thế, ngoài việc trình bày công trình sáng tạo nên vũ trụ và con người, nhiều tôn giáo xây dựng lý thuyết về công trình cứu độ do thần linh thực hiện. Tuy nhiên, vì lý thuyết này hoàn toàn do con người tưởng tượng ra và diễn tả thành những thần thoại, nên chúng có nhiều điểm vô lý, mâu thuẫn và tạo thành những nghi lễ mê tín, dị đoan (trừ tà ma, quỷ dữ, bùa ngải, cúng tế người chết...). Chính lý thuyết cứu độ này đã khiến nhiều người thời nay loại bỏ tôn giáo, một số người khác chống đối tôn giáo, chủ trương vô thần vì cho rằng chỉ có con người mới có thể cứu con người, số khác lại chủ trương “vô tri” nghĩa là con người không thể biết về thần linh vì hai loài hoàn toàn khác biệt nhau.

1.3. Các tôn giáo giải thích về con người

Nói chung các tôn giáo đều chủ trương rằng: con người bắt nguồn từ thần linh, do thần linh điều khiển, chi phối. Các thần thoại Hy Lạp, La Mã coi con người là đồ chơi của các thần linh, chỉ có thần linh là bất tử còn con người đều bị thần chết chi phối. Muốn bất tử, con người phải kết hợp với thần linh như Heracles (theo Hy Lạp) hay Hercules (theo La Mã) là con của thần Zeus và Alcmena.

Ấn Độ giáo cho con người là Atman hay tiểu ngã, là một phần của Brahman, Đại Ngã tối cao. Con người có thể dùng tinh thần của mình hoà nhập với Brahman để cảm nghiệm những giá trị tinh thần. Phật giáo cho con người chỉ là một dạng sống biến đổi trong sáu đường hay Lục đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, Atula, nhân gian, thiên thượng³¹.

Do Thái giáo giải thích con người là thụ tạo do Đức Chúa Giavê, Đấng Tự Hữu, dựng nên theo hình ảnh của Ngài, nghĩa là có tinh thần giống như Ngài, nên hết sức diệu kỳ. Con người này có quyền làm chủ vạn vật, được tạo thành có nam, có nữ qua hình ảnh của Adam-Eva nên bình đẳng với nhau, và được hoà hợp với Thiên Chúa nên bất tử, khôn ngoan, xinh đẹp vô cùng. Nhưng con người đã phạm tội ăn trái cây bị cấm, nên cắt đứt sự hoà hợp với Đức Chúa, phải đau khổ và phải chết. Do con người kiêu căng nên đã phân tán đi khắp thế giới và khác biệt nhau. Do Thái giáo đưa con người hướng về niềm hy vọng sẽ được giải thoát, được cứu độ bởi Đấng Thiên Sai hay Đấng Messia³².

Kitô giáo xuất hiện vào đầu thế kỷ I, tiếp nối quan niệm về con người của Do Thái giáo, giới thiệu Đức Giêsu, người Nazareth của nước Do Thái, chính là Đấng Messia đến cứu độ con người và vũ trụ. Kitô giáo nhận lời giải thích của Do Thái giáo về con người và xác định rằng con người đã được Đức Giêsu biến đổi hoàn toàn,

³¹ x. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Từ điển Phật học*, NXB Phân viện Nghiên cứu Phật học, 1992, q.1, mục từ *Luân hồi, Lục đạo, Lục thú*, tr.766, 774, 789.

³² x. Đấng được Thiên Chúa sai đến cứu độ trần gian. Từ *Messia* của Do Thái giáo đồng nghĩa với từ *Đấng Kitô, Đấng Christ* của Thiên Chúa giáo, nghĩa là *Đấng được Thiên Chúa xức dầu tấn phong*.

thành một con người mới, có giá trị vô cùng, được chia sẻ sự sống vĩnh hằng của Thiên Chúa và có thể trở thành quyền năng vô tận như Thiên Chúa vì đã được trở thành con cái Thiên Chúa nhờ Đức Giêsu đã chết để đền tội cho con người và sống lại vì con người.

Từ thế kỷ IV, sau khi hoàng đế Rôma là Constantinus công nhận Kitô giáo năm 313, Kitô giáo lan rộng trên khắp đế quốc Rôma và giới thiệu những giá trị mới mẻ để các dân tộc tôn trọng con người và chân thành yêu thương nhau như anh em một nhà trong đại gia đình Thiên Chúa. Những giá trị như tình yêu, tự do, huynh đệ, nhân phẩm, công bằng, hy sinh vì Chúa và anh em, gia đình một vợ một chồng, hạnh phúc muôn đời với Chúa... hình thành nên nền văn minh Kitô giáo nơi các dân tộc ở châu Âu, Bắc Mỹ, châu Úc và một số nước ở châu Á, châu Phi.

Tuy nhiên, nền quân chủ chuyên chế trong các nước đó đã lợi dụng Kitô giáo để ép dân chúng vâng phục chính quyền. Người tín hữu vẫn sống trong nghèo khổ và bị bóc lột, tập trung cho lễ nghi tôn giáo bên ngoài thay vì nhận thức các giá trị đó cách rõ ràng.

Hồi giáo, hay đạo Islam, xuất hiện vào thế kỷ thứ 7 cũng kể những “mạc khải” về con người như Do Thái giáo và Kitô giáo vì cũng đón nhận các nguồn Thánh Kinh Cựu Ước và Tân Ước, ví dụ về Adam và Eva. Nhưng tín đồ, theo lời dạy của ngôn sứ Muhammad (hay Mohammed), không nhận con người được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa, không tin có tội nguyên tổ và cũng không tin Đức Giêsu là Con Một Thiên Chúa. Theo Thiên Kinh Qu'ran 112, 1-4: *“Đức Thánh Allah là Đáng Duy Nhất. Allah Đáng Độc Lập và Cứu Rỗi. Ngài chẳng sinh ra ai và cũng chẳng ai sinh ra Ngài. Không một ai đồng đẳng với Ngài”*.

Ngoài các tôn giáo chính trên đây, chúng ta thấy xuất hiện hàng ngàn tôn giáo và tín ngưỡng khác nhau trong dòng lịch sử nhân loại. Tất cả đều muốn giải đáp cho con người vấn nạn về chính mình hay những gì liên quan đến con người, nên cũng đáng chúng ta trân trọng. Tuy nhiên, vì hầu hết thần linh đều do con người tưởng tượng, đặt ra, nên thay vì nâng cao giá trị con người thì lại càng làm cho con người đánh mất chính mình vì dồn mọi giá trị của con người

cho thần linh. Vì thế, sự thật về con người vẫn luôn là một bí ẩn và chỉ được giải đáp nếu con người tìm ra được nguồn sự thật mà thôi.

2. Khoa học giải thích về con người

Sau bao thế kỷ chìm đắm trong những huyền thoại của các dân tộc và tôn giáo, con người đặt niềm tin vào khoa học vì “*khoa học là hệ thống tri thức tích lũy trong quá trình lịch sử và được thực tiễn chứng minh, phản ánh những quy luật khách quan của thế giới bên ngoài cũng như những hoạt động của tinh thần con người, giúp con người có khả năng cải tạo thế giới hiện thực*”³³. Những thành tựu của khoa học và công nghệ đã thay đổi nhận thức của con người về vạn vật, về chính mình và về cả Thiên Chúa. Chúng ta có thể lưu ý một vài ngành khoa học giúp con người khám phá ra chính mình.

2.1. Những giai đoạn khoa học giải phóng con người

Từ thế kỷ XII, các đại học bắt đầu mở ra trên vài nước ở châu Âu, thúc đẩy con người tìm hiểu một cách khách quan, có hệ thống về vạn vật, về con người. Những tiến bộ của y khoa và dược khoa thay thế được các bộ phận hư hỏng trong cơ thể giúp con người có thể chữa lành bệnh tật, thoát khỏi cái chết trước mắt. Từ đó con người thấy mình không còn là món đồ chơi trong tay các thần linh hay hoàn toàn thụ động cho sự an bài của Thiên Chúa.

Trong nhiều thế kỷ đời sống con người dựa vào nông nghiệp, nhưng nông sản có được lại phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên cho mưa thuận gió hoà, không bị sâu bệnh cắn phá, sức lao động còn phụ thuộc vào trâu bò lừa ngựa. Giao thông với những chiếc thuyền buồm, ngoài sức người, còn lệ thuộc vào gió thuận gió nghịch mới có thể vượt biển đi xa. Con người di chuyển bằng đôi chân của mình và trông cậy vào những chiếc xe do thú vật kéo lôi cho đến khi xảy ra các cuộc cách mạng công nghiệp. Người ta thường nói đến 4 cuộc cách mạng công nghiệp.

Cách mạng Công nghiệp lần thứ nhất xảy ra từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX. Trong thời kỳ này, nền kinh tế giản

³³ x. *Từ điển Tiếng Việt 2013*, mục từ *Khoa học*, tr.648.

đơn, quy mô nhỏ, dựa trên lao động chân tay được thay thế bằng công nghiệp và chế tạo máy móc quy mô lớn. Động cơ hơi nước cung cấp năng lượng cho các nhà máy tạo nên cuộc cách mạng công nghệ đầu tiên. Động cơ được lắp vào tàu thủy thay thế cho buồm, vào tàu hoả, xe cơ giới đã làm thay đổi ngành giao thông vận tải và nền kinh tế. Con người cảm thấy mình không còn bị lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên, vạn vật. Sau cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, giai cấp tư sản đã tích lũy đủ tài sản và quyền lực, dẫn tới việc chủ nghĩa tư bản đã thắng chế độ phong kiến.

Cách mạng Công nghiệp lần thứ hai bắt đầu vào khoảng thập kỷ 1860 đến đầu thế kỷ XX. Ảnh hưởng của nó diễn ra ở Tây Âu và Bắc Mỹ và sau đó lan ra toàn thế giới. Động lực chủ yếu của cuộc cách mạng là động cơ đốt trong và máy móc sử dụng điện. Năm 1914, năm bắt đầu Thế chiến thứ nhất, giai đoạn thứ hai này kết thúc. Ngành kỹ thuật điện đưa các ứng dụng vào trong các ngành công nghiệp và trong sinh hoạt hằng ngày như giao thông, chiếu sáng, viễn thông và máy tính điện tử. Các ứng dụng về hoá chất, dầu mỏ với các động cơ nhiệt chạy bằng xăng dầu trong xe máy, ô tô, máy bay, tàu thủy, tàu hoả, thậm chí trong các tên lửa, các con tàu chạy bằng năng lượng hạt nhân đã thay đổi sâu xa đời sống con người. Sau cách mạng công nghiệp lần thứ hai, các nhà máy lớn sản xuất theo dây chuyền đã thay thế các xưởng sản xuất nhỏ, dẫn tới việc chủ nghĩa tư bản độc quyền đã thay thế chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, hình thành nên giai cấp công nhân và một số phong trào chính trị đi theo chủ nghĩa xã hội.

Con người bây giờ cảm thấy mình có thể làm chủ được thiên nhiên vì có thể làm mưa, làm gió, làm chủ được công trình sáng tạo: cây giống qua việc cấy mô, tạo ra các giống vật mới bằng kỹ thuật phối gen, tạo ra cả con người với những công nghệ sinh sản trong phòng thí nghiệm. Con người khám phá ra nhiều thiên hà mới trong vũ trụ và đặt chân lên cả mặt trăng. Khả năng tinh thần của con người hầu như trải rộng vô biên.

Cách mạng Công nghiệp lần thứ ba bắt đầu khoảng 1960, khi có các tiến bộ về hạ tầng điện tử, máy tính và công nghệ kỹ thuật số trên

nền tảng là sự phát triển của chất bán dẫn, siêu máy tính (thập niên 1960), máy tính cá nhân (thập niên 1970 và 1980) và Internet (thập niên 1990). Năm 1997, khi cuộc khủng hoảng tài chính châu Á nổ ra là bước đánh dấu giai đoạn thứ ba kết thúc. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba dẫn tới sự ra đời của xu hướng toàn cầu hoá và nền kinh tế thị trường.

Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư bắt đầu từ đầu thế kỷ XXI, đặc trưng là sự hợp nhất các loại công nghệ, xoá nhoà ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, kỹ thuật số và sinh học. Trọng tâm là việc phát triển trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence), vạn vật kết nối (Internet of Things) và dữ liệu lớn (Big Data), với những công nghệ mới như in 3D, robot, công nghệ nano, vật liệu mới,... Hiện tại cả thế giới đang ở trong giai đoạn đầu của cuộc cách mạng này.

Những khám phá của khoa học tác động sâu xa vào suy nghĩ của con người, biến đổi hoàn toàn đời sống con người: từ những cá nhân bị lệ thuộc, ngu dốt, lạc hậu, sống trong tăm tối, nghèo nàn, bệnh tật, con người phát huy được tất cả các nguồn lực thể chất và tinh thần của mình, sống khoẻ mạnh, ấm no, tiện nghi, làm chủ được thiên nhiên và môi trường sống. Những thành quả này cuốn hút con người, nhất là các người trẻ, để họ tin tưởng hoàn toàn vào khoa học và công nghệ do con người sáng tạo ra. Dù rằng những thành quả đó chỉ có một số ít người có tiền bạc hay quyền lực được hưởng, nhưng chúng vẫn là động lực thúc đẩy con người dồn mọi sức lực và niềm tin cho khoa học.

2.2. Những khoa học tác động trực tiếp đến nguồn gốc và vị trí của con người

Những khám phá hay giả thuyết của khoa học, nhất là giả thuyết tiến hoá, thuyết Big Bang đã dẫn đến một số những hiểu lầm tai hại. Con người nghĩ rằng mình có thể giải thích về nguồn gốc của chính mình mà không cần đến bàn tay sáng tạo của Thiên Chúa, mình có thể xây dựng cho nhân loại phát triển nhờ trí thông minh mà không cần cầu xin ơn lành của thần linh và khoa học tiên bộ có thể giải đáp tất cả những vấn đề khó khăn của con người như nghèo đói, bệnh tật và cả cái chết. Phi hành gia Yuri Gagarin của Liên Xô ngày 12/4/1961

đã bay lên quỹ đạo và nói “không thấy Thiên Chúa ở đâu cả!” là thái độ điển hình cho những người hoàn toàn tin tưởng vào khoa học.

- *Giả thuyết Tiến hoá của C. Darwin* (1809-1882). Năm 1859, nhà tự nhiên học người Anh đã xuất bản cuốn “Nguồn gốc các loài” đề xướng giả thuyết về tiến hoá sinh học: mọi loài sinh vật xuất hiện và phát triển nhờ quá trình chọn lọc tự nhiên. Trong quá trình này, những biến dị cá thể hay biến dị di truyền nhỏ nhất, nếu làm tăng khả năng cạnh tranh, sinh tồn và sinh sản của cá thể



sẽ được chọn lọc, nghĩa là được giữ lại, củng cố và tăng cường, trở thành đặc điểm thích nghi... Người ta đã đưa giả thuyết này vào trong nhiều ngành khoa học, trong nhiều hệ tư tưởng để ám chỉ tới nguồn gốc sự sống và sự đa dạng của muôn loài: ví dụ sự sống con người và vạn vật là do vật chất tiến hoá ngẫu nhiên mà có, chứ không phải do Chúa Trời hay thần thánh tạo nên³⁴. Hệ tư tưởng duy vật đã nhận ngay thuyết này làm nền tảng cho những giải thích của mình về nguồn gốc con người chống lại những truyền thuyết tôn giáo.

- *Thuyết Big Bang* (Vụ nổ lớn) là mô hình vũ trụ học, miêu tả giai đoạn sơ khai của sự hình thành vũ trụ. Vụ nổ lớn xảy ra cách đây khoảng 15 tỉ năm, chính xác là 13,8 tỉ năm theo tính toán từ tàu Planck năm 2013. Lý thuyết này do linh mục Georges Le Maître đề xuất vào năm 1949: một nguyên tử đầu tiên ở trạng thái cực nóng và đậm đặc đã phát nổ và các hạt bụi hình thành nên các thiên hà, trong đó có thiên hà của chúng ta. Mỗi thiên hà có hàng trăm triệu ngôi sao và kính thiên văn Hubble chụp được hàng trăm ngàn thiên

³⁴ x. <https://cand.com.vn/Muon-mau-cuoc-song/Darwincong-bo-ly-thuyet-tien-hoa-i534251/>

hà. Thiên hà gần chúng ta nhất là Andromeda cách thiên hà chúng ta khoảng 2,53 triệu năm ánh sáng. Tất cả đều đang lao nhanh trong vũ trụ.

Thuyết này được nhiều nhà bác học, vũ trụ học chứng minh như Albert Einstein, Alexander Friedmann, Hoyle, E. Hubble. Hệ tư tưởng duy vật vô thần đã đón nhận thuyết Big Bang như một cách giải thích nguồn gốc hình thành vũ trụ mà không cần đến một Đấng Tạo Hoá. Những khám phá về vũ trụ mới đây còn nêu thêm một vấn đề khác liên quan đến con người: có thể có những sinh vật phát triển về tinh thần giống như con người ở trong các hành tinh khác trong thiên hà của chúng ta hay trong vũ trụ. Theo nhà thiên văn nổi tiếng Nguyễn Quang Riệu³⁵ thiên hà của chúng ta có đến 8.000 hành tinh có điều kiện giống như trái đất. Vì thế người ta hay nói về những người ngoài hành tinh đến từ những vật thể bay không xác định (UFO) trong những phim hay truyện khoa học giả tưởng. Nếu có thì họ được Thiên Chúa tạo dựng như thế nào, họ có phạm tội nguyên tổ và được cứu độ theo giáo lý Công giáo không?

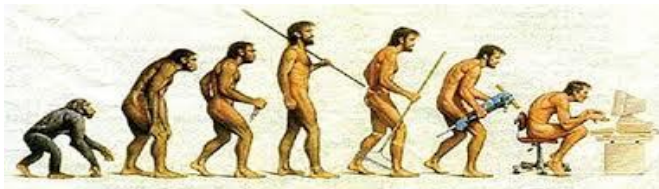
- *Sự tiến hoá của muôn loài trên trái đất.* Khoảng 12 tỉ năm trước, mặt trời là ngôi sao xuất hiện trong thiên hà của chúng ta. Khoảng 8 tỉ năm trước, trái đất là một hành tinh tách ra từ mặt trời. Các chất khởi đầu như Carbon, Hydro, Oxy, Nitơ của trái đất phối hợp với nhau. Hydro phối hợp với Oxy thành nước. Nước bao phủ làm nguội dần vỏ trái đất. Các chất vô cơ phối hợp với nhau càng ngày càng phức tạp. Rồi đến các chất hữu cơ xuất hiện. Khoảng 1 tỉ năm trước, xuất hiện tế bào sống đầu tiên, rồi đến các đa bào, các sinh vật hạ đẳng và sinh vật thượng đẳng dần dần xuất hiện theo thuyết tiến hoá của Darwin. Hệ tư tưởng duy vật-vô thần đã xác định rằng vạn vật là do vật chất tiến hoá ngẫu nhiên mà thành.

- *Sự tiến hoá của loài người.* Theo sinh vật học, con người được xếp vào loài linh trưởng, thuộc họ người. Trên cây tiến hoá, loài linh

³⁵ x. <https://vnexpress.net/gs-nguyen-quang-rieu-va-nhung-cong-hien-cho-thien-van-hoc-the-gioi-4217757.html>

trường phân nhánh từ những nhóm thú khác cách đây khoảng 65 triệu năm. Trong nhóm linh trưởng, con người có chung các đặc điểm giải phẫu với nhóm khỉ dạng người, xuất hiện ở Đông Phi cách đây 20 triệu năm. Khoa học cho thấy người và tinh tinh có chung tổ tiên cách đây khoảng 5-8 triệu năm.

Nhưng loài người có hai đặc điểm chính: đi thẳng đứng trên hai chân và có não bộ lớn: sọ người có thể tích từ 1.100-1.700cm³, trong khi sọ tinh tinh từ 300-500cm³. Tinh tinh sống thành từng nhóm lớn, có trật tự xã hội với các cử chỉ thể hiện sự quan tâm chăm sóc như bắt ve bọ cho nhau. Tổ chức xã hội của con người phức tạp hơn nhiều. Dù tinh tinh có thể học cách sử dụng ngôn ngữ dấu hiệu, nhưng con người là loài duy nhất có thể truyền đạt các ý tưởng và suy nghĩ qua các hệ thống ngôn ngữ phức tạp³⁶.



Năm 1967, Richard Leakey, nhà nhân chủng học người Kenya, và nhóm của ông đã tìm thấy những hoá thạch của *người hiện đại* (*Homo sapiens*), xuất hiện ở miền Nam Ethiopia cách đây khoảng 200.000 năm với não bộ 1.200-2.000cm³. Người hiện đại phát triển ra ngoài châu Phi khoảng 50.000 đến 80.000 năm trước, theo bờ Ấn Độ Dương tới Australia, về phía Bắc tới châu Âu, Đông Bắc châu Á và cuối cùng là châu Mỹ³⁷. Vì thế trong nhiều sách khoa học trước đây người ta ghi nhận người hiện đại xuất hiện khoảng 40.000 năm từ những di tích khảo cổ tìm được ở châu Âu.

2.3. Những khám phá mới nhất của khoa học về con người

Các khoa di truyền học, y học và nhân học trong 20 năm gần đây tiến bộ vượt bậc cho chúng ta biết rõ hơn về con người vô cùng kỳ diệu và phức tạp.

³⁶ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas Giải phẫu Cơ thể Người*, NXB Y Học, 2015, tr.12-13.

³⁷ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.14-15.

Những khám phá mới trong ngành cổ sinh vật với phương pháp so sánh protein và ADN của các loài vào năm 2005, giúp các nhà khoa học xây dựng cây gia hệ và phân tích các di tích hoá thạch của loài người cách chính xác hơn. Nhờ đó đẩy lùi niên đại các tổ tiên ban đầu của tông người xa hơn, từ 40.000 năm lên đến 195.000 năm.

Mặc dù bên ngoài chúng ta khác nhau về màu da, màu tóc, hình thể, nhưng cấu trúc căn bản ADN (acid deoxyribo-nucleic) của chúng ta lại đồng nhất, vì chúng ta thuộc giống người. Tất cả chúng ta thuộc về một gia đình nhân loại. Một gen là một đơn vị ADN cần để tạo nên một protein. ADN là bản thiết kế của mọi sự sống, từ loài nấm sơ đẳng nhất tới loài người. Nó cung cấp một tập hợp lệnh về cách lắp ráp nhiều ngàn protein khác nhau để tạo nên một con người như chúng ta. Nó điều chỉnh chặt chẽ sự lắp ráp này để bảo đảm tất cả luôn trong vòng kiểm soát. Nó bao gồm những khối cấu trúc hoá học gọi là base hay các nucleotid³⁸.

Sự khác biệt giữa mỗi người là thứ tự chính xác mà các base này bắt cặp. Khi các cặp base kết lại thành chuỗi với nhau chúng tạo nên những đơn vị chức năng gọi là gen. Gen này “giải thích” rõ ràng các lệnh để tạo nên một protein. Các protein giữ một loạt các chức năng sống trong cơ thể. Chúng tạo nên các cấu trúc như da lông tóc, chuyển vận các tín hiệu đi khắp cơ thể, đẩy lùi các tác nhân gây nhiễm như các vi khuẩn, tạo nên các tế bào là những đơn vị căn bản của cơ thể. Tuy nhiên chỉ có khoảng 1,5% số ADN mã hoá gen, phần còn lại bao gồm trình tự điều hoà, ADN cấu trúc hoặc không có chức năng rõ rệt, còn được gọi là “ADN rác”. Người ta cũng chưa biết chức năng của 97% ADN rác này³⁹.

Bộ gen người gồm khoảng 3 tỉ base của ADN. Vì vậy ADN của chúng ta phải được xếp chặt lại để có thể chứa hết bên trong mỗi tế bào nhỏ xíu. ADN được tập trung thành những cấu trúc dày đặc gọi là các nhiễm sắc thể: mỗi tế bào chứa 23 cặp nhiễm sắc thể, 1 bộ từ mẹ và 1 bộ từ cha, tổng cộng là 46 nhiễm sắc thể. Các gen được

³⁸ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.16.

³⁹ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.18.

phân chia không đồng đều trong mỗi cặp nhiễm sắc thể. Nghiên cứu các nhiễm sắc thể, các bác sĩ có thể tìm ra những đặc điểm, những nguy cơ bệnh tật do di truyền của con người. Chúng ta chưa biết chính xác có bao nhiêu gen mã hoá protein trong bộ gen của chúng ta. Các nhà khoa học ước lượng có khoảng từ 20.000 đến 25.000⁴⁰.



Con người có khoảng 75 ngàn tỉ tế bào trong một cơ thể bình thường. Mỗi ngày có hàng triệu trong số các tế bào này được thay thế. Tế bào là đơn vị chức năng căn bản của cơ thể người. Chúng cực kỳ nhỏ, chiều ngang chỉ khoảng 0,01mm. Chúng gồm một lớp màng bên ngoài, một trung tâm kiểm soát gọi là nhân để chứa chất nhiễm sắc và phần lớn ADN của tế bào, các ti thể tiêu hoá các chất béo và đường để sản sinh ra năng lượng.

Những tế bào này được sắp xếp chính xác, giữ vị trí riêng của chúng trong một cấu trúc có trật tự. Một số tế bào làm việc đơn độc như hồng cầu hoặc tinh trùng, nhưng nhiều tế bào khác được phân chia thành nhiều nhóm khác nhau, khoảng 200 nhóm, và tạo thành các mô với những chức năng khác nhau để hoàn thành một hay nhiều nhiệm vụ riêng biệt như tiêu hoá thức ăn, suy nghĩ, chuyển động, sinh sản⁴¹.

⁴⁰ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.18.

⁴¹ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.20-22.

Hệ thần kinh giúp con người thích nghi với hoàn cảnh chung quanh, cảm nhận được thế giới quanh mình. Hệ thần kinh trung ương gồm não và tuỷ sống tiếp nhận thông tin từ tất cả các bộ phận của cơ thể và đáp lại bằng các chỉ thị đến mọi mô và cơ quan. Các tế bào chính của hệ thần kinh được gọi là neuron. Não có khoảng 100 tỉ neuron và chúng liên lạc với nhau qua các tín hiệu thần kinh, gọi là các xung động điện. Phân tích việc truyền tín hiệu thần kinh, người ta thấy các neuron không hoàn toàn chạm vào nhau tại các điểm tiếp giáp. Các túi chứa chất dẫn truyền từ thân tế bào của neuron gửi đến màng khớp thần kinh một xung động điện đến giải phóng các chất hoá học chứa trong túi, các chất này vượt qua khe khớp thần kinh lại tạo nên xung động ở neuron tiếp theo⁴².

Phân tích bộ não, người ta thấy các vùng vỏ não phụ trách một số chức năng nhất định: như vùng vỏ não thị giác nhận các tín hiệu đến từ hai mắt; vùng Broca, Wernicke và Geschwind phụ trách ngôn ngữ, vùng thính giác, vùng cảm giác, vùng vận động thân thể, vùng cảm xúc, vùng điều hành trung tâm tổng hợp các tín hiệu ở các vùng khác và lập ra kế hoạch hành động⁴³.

Các vùng não liên quan đến trí nhớ không phải chỉ đơn thuần là lưu trữ và gọi nhớ lại sự kiện, nhưng bao gồm đủ loại thông tin, sự việc, kinh nghiệm và hoàn cảnh, từ tên người đến khuôn mặt, nơi chốn và cả trạng thái cảm xúc của họ vào thời điểm đó⁴⁴. Nhờ bộ não phát triển, con người đã suy nghĩ biết bao điều kỳ diệu, sáng tạo nên các khoa học, làm nên các công trình văn học, nghệ thuật, chế tạo nên các sản phẩm hết sức tiện dụng để giúp cho loài người sống an vui, sung túc và hạnh phúc.

Về mặt xã hội, con người kết hợp thành gia đình đặt nền tảng trên tình yêu, quy tụ thành những tổ chức, dân tộc đặt nền tảng trên sự công bằng và hoà thuận, để cùng nhau phục vụ lợi ích chung và tạo nên hạnh phúc bền vững cho muôn loài.

⁴² x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.300.

⁴³ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.305.

⁴⁴ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.306.

3. Những thách thức khi đặt con người làm trung tâm

3.1. Con người tìm lại chính mình

Tất cả những khám phá gần đây về con người của các khoa học mời gọi chúng ta phải thay đổi nhiều hiểu biết lỗi thời trước kia để tìm lại chính mình với vị thế là trung tâm.

Nhiều người cảm thấy bị xúc phạm khi nghe nói: “con người bởi khí mà ra!”. Thậm chí từng tồn tại giả thuyết “đa nguyên tổ”, nghĩa là có nhiều con khí cùng tiến hoá thành con người ở vài nơi khác nhau trên trái đất, nên có người da trắng, da vàng, da đen, da đỏ! Người ta cho rằng không thể có việc Thiên Chúa dựng nên vũ trụ vạn vật và con người trong 6 ngày⁴⁵, không có chuyện ông Adam và bà Eva là nguyên tổ duy nhất của loài người, không thể có chuyện ăn trái cây cấm đồng loạt của nguyên tổ rồi bị đuổi ra khỏi vườn Địa đàng. Có tín hữu hiểu biết chút ít khoa học thì bào chữa giùm cho tôn giáo rằng: “ngày” trong cuộc sáng tạo vũ trụ trong Thánh Kinh phải hiểu là một thời kỳ kéo dài cả tỉ năm hay 100 triệu năm trong cuộc tiến hoá của muôn loài. Nhiều nhà khảo cổ còn xác định địa điểm của vườn Địa đàng và tìm được cả xác con tàu Noê sau cơn đại hồng thủy!

Thật ra, khoa học và niềm tin Công giáo không mâu thuẫn với nhau, dù đây là hai lĩnh vực khác biệt. Trái lại chúng có thể soi sáng, bổ túc cho nhau vì con người vừa là chủ thể nhận thức bằng tinh thần vừa có thể xác là đối tượng nghiên cứu của khoa học.

Thuyết tiến hoá cho chúng ta thấy con người là sinh vật thượng đẳng trong cuộc tiến hoá nhưng đồng thời cũng hoà nhập với muôn loài trong cuộc tiến hoá của toàn thể vũ trụ vì cấu trúc C-H-O-N chiếm đến 96% trong thể xác con người giống như bất cứ vật chất nào. Đó chính là ý nghĩa của việc Thiên Chúa Tạo Hoá dùng bụi đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi và con người trở nên một sinh vật⁴⁶. Nếu con người hiện đại ở vào bậc thang cao nhất của cuộc tiến hoá thì đó cũng là ý nghĩa Tạo Hoá đã dựng nên con

⁴⁵ x. Bộ Thánh Kinh, sách Sáng Thế, chương 1-3.

⁴⁶ x. St 2,7.

người vào ngày cuối cùng, trong tuần lễ bảy ngày, trước khi nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy⁴⁷.

Vì là thụ tạo mang “hình ảnh của Thiên Chúa, giống như Thiên Chúa” với tinh thần là làn khí thiêng được ban tặng, nên con người là trung tâm và thay quyền Chúa bá chủ vạn vật⁴⁸ và là người anh lớn, chị lớn trong vũ trụ này. Cấu trúc vật chất của con người cũng giúp con người mở rộng tâm trí mình để hoà nhập với muôn loài thụ tạo trong vũ trụ, đón nhận tất cả là anh chị em con cùng một Cha Trên Trời, để tạo nên hoà bình giữa các vì sao thay vì chiến tranh với những người của các hành tinh khác. Điều này chúng ta sẽ bàn đến trong bài sau này khi tìm hiểu về Đức Giêsu.

Hơn nữa, khi khám phá tất cả chúng ta đều thuộc về giống người với bộ cấu trúc gồm 3 tỉ base của ADN, tất cả những quan niệm sai lạc chối bỏ Thiên Chúa Tạo Hoá đều vô nghĩa và mâu thuẫn với khoa học. Việc dựng nên trời đất và muôn loài không thể và không bao giờ là một kết hợp ngẫu nhiên trong cuộc tiến hoá của vật chất. Từ nhiều triệu năm nay, chưa có một con khỉ nào tiến hoá thành người bởi vì cấu trúc gen của chúng, dù có giống con người đến 80-90%, chúng vẫn là khỉ! Tất cả đòi phải có một hành động sáng tạo có chủ ý của Đấng Tạo Hoá là Tinh thần tuyệt đối.

Ta có thể đưa ra một ví dụ cụ thể. Tháo rời từng bộ phận của một cây viết bi ra rồi bỏ tất cả vào trong một chai nhựa rỗng. Ta thử lắc xem bao lâu thì tất cả các bộ phận đó kết hợp một cách ngẫu nhiên thành một cây viết như trước khi bị tháo rời. Mọi người đều bảo rằng: “Lắc cho đến tận thế cũng không thể được, vì không bao giờ có chuyện một cây viết ngẫu nhiên hình thành như thế. Phải có người sáng tạo, làm ra các bộ phận, rồi lắp ráp các bộ phận theo một nguyên tắc nhất định thì mới thành cây viết”. Dù không thấy người đó, lý trí ta vẫn biết phải có họ.

Khoa học cũng luôn dạy chúng ta rằng: có kết quả thì phải có nguyên nhân. Nếu cây viết chỉ có 5,6 thành phần mà đòi phải có nguồn gốc

⁴⁷ x. St 1,26-31.

⁴⁸ x. St 1,26-27.

như thế, thì vạn vật, nhất là con người, vô cùng phức tạp và kỳ diệu, sẽ phải giải thích thế nào về nguồn gốc, lý do hiện hữu của con người, của vũ trụ vật chất và cả vũ trụ tinh thần?

Khi đi tìm nguồn gốc của cây viết, người ta có thể có nhiều ý kiến khác biệt về người phát minh ra cây viết thật sự là ai, tại sao lại làm ra chúng, làm chúng như thế nào và với mục đích gì. Nhưng người ta không thể chối bỏ sự thật là phải có người làm ra chúng, phải có người đặt ra nguyên tắc lắp ráp theo một tiến trình nào đó. Chỉ khi nào gặp được người đó người ta mới biết được những điều về cây viết. Con người cũng giống như thế: chỉ khi nào gặp được Đấng tạo dựng nên mình, hiểu được lý do tại sao mình có mặt, có mặt để làm gì, mình có vị trí nào trong vũ trụ này, thì con người mới tìm lại được chính mình, tìm được chỗ đứng của mình trên trái đất này cũng như trong lòng Đấng Tạo Hoá.

Nhìn vào vũ trụ đang chuyển động và con người đang sinh sống với biết bao định luật mà các khoa học cho đến nay mới chỉ khám phá ra một phần nhỏ, và khoa học cũng chưa tự mình tạo thành một con bướm, một cành hoa từ hư vô, thì dù Đấng Tạo Hoá không hiện diện, người ta vẫn phải nhận rằng Ngài cần phải có thì mới giải thích được lý do hiện hữu của con người và vũ trụ này. Chính vì thế mà các nhà khoa học hàng đầu của thế giới vẫn một lòng tin tưởng và tôn thờ Thiên Chúa Tạo Hoá⁴⁹.

3.2. Tinh thần định hình cho thể xác

Trong đời sống hàng ngày, chúng ta thấy mình khác với vạn vật, nhưng nếu phân tích theo khoa học, muôn loài chỉ là những điện tử, nguyên tử, phân tử của vật chất như carbon, hydro, oxy, nitơ... liên kết với nhau và biến đổi không ngừng. Từng giây phút ta hít khí oxy vào và thở khí carbonic ra. Từng giây phút ta nhận được những chất khác từ đồ ăn, thức uống rồi lại bài tiết chúng. Hàng triệu tế bào mới

⁴⁹x.<https://toplist.vn/nha-khoa-hoc-noi-tieng-nhat-the-gioi-2961.htm>;

<https://www.capapham.com/danh-sach-cac-nha-khoa-hoc-loi-lac-nhat-trong-lich-su-the-gioi/>; <https://edu2review.com/news/top-10-hay-tot-nhat/top-nhung-nha-khoa-hoc-noi-tieng-nhat-the-gioi-5104.html>.

cũng thay đổi mỗi ngày trong thân xác ta. Vậy mà ta vẫn ý thức rằng chính mình đang nghĩ, đang sống, đang yêu trong suốt cuộc đời. Ta yêu con cái, cha mẹ, người tình, dù họ mất hay còn. Ta yêu nghề nghiệp, quê hương, dân tộc dù ở gần hay xa.

Nếu ta nghiên cứu sâu xa hơn ta sẽ thấy rằng 75 ngàn tỉ tế bào làm nên thân thể con người chỉ là khối vật chất phần lớn là trống rỗng. Người ta khám phá ra sự tồn tại của các hạt cơ bản nhỏ hơn cả ngàn lần nguyên tử, gọi là electron (điện tử). Năm 1911, Ernest Rutherford khám phá ra cấu trúc bên trong của nguyên tử vật chất: bao gồm hạt nhân cực nhỏ mang điện tích dương gọi là Proton (nghĩa là đầu tiên) mà các electron quay quanh hạt nhân đó. Năm 1932, James Chadwick chứng minh có một hạt khác nữa, gần bằng Proton nhưng không mang điện tích, gọi là Neutron. Năm 1960, Murray Gell-Mann phát hiện ra các phần tử tạo thành Proton và Neutron, đó là những hạt cực nhỏ được ông gọi là Quark. Khoa học còn phát hiện ra những hạt nhỏ nhất gọi là Neutrino đến mức các nhà vật lý cho rằng chúng hoàn toàn không có khối lượng. Hàng triệu hạt này được mặt trời gửi đi mỗi ngày, đi qua cơ thể của chúng ta như thể chúng ta không tồn tại.

Nếu chúng ta phóng đại một nguyên tử để nó có đường kính là 195m thì hạt nhân (proton) ở trung tâm có kích thước bằng 1 hạt cát và đám mây điện tử xoay chung quanh hạt nhân ở khoảng cách 1 toà nhà (# 100m). Nói như thế để ta biết rằng thân xác vật chất của ta phần lớn là không gian trống rỗng trong khi ta lại nghĩ mình mang một khối vật chất đặc và kín.

Vì thế, cái giữ cho ta là một con người không phải là đám vật chất vô cơ hay hữu cơ kia. Cái làm cho ta thật sự là người cũng không phải là khuôn mặt đẹp hay làn da trắng, bộ quần áo hàng hiệu hay tấm bằng bác sĩ, kỹ sư. Cái định hình cho khối vật chất làm nên thể xác ấy chính là tư tưởng, tình yêu hay nói chung là tinh thần của con

người. Chỉ có tinh thần mới định hình cho vật chất, mới vượt được không gian, thời gian để làm cho ta thật sự là người⁵⁰.

Tinh thần này chính là hình ảnh của Thiên Chúa trong con người, làm cho họ giống với Thiên Chúa. Nó không phải bắt nguồn từ vật chất và do vật chất tiến hoá mà thành. Hiểu được như thế là con người đã vượt qua giới hạn của “cái gì” để khám phá ra mình “là ai”, biết được đối tượng mình sống với, mình yêu thương, phục vụ, hy sinh cũng là những ngôi vị có nhân phẩm như mình.

Như thế con người đã đi vào lĩnh vực tinh thần với các giá trị không còn bị lệ thuộc vào vật chất, không gian, thời gian như tình yêu, sự sống, cái đúng, cái tốt, cái đẹp, tự do, hạnh phúc, nhân phẩm, hoà bình... Không một máy móc hiện đại nào có thể xác định được những giá trị đó nằm ở đâu trong con người, dù rằng người ta vẫn lấy trái tim làm biểu tượng cho tình yêu. Không một khoa học nào có thể đo lường được tư tưởng cao thấp trong con người, dù bộ não được đo bằng những thiết bị quản lý (brainmaster)⁵¹ tiên tiến nhất. Dù con người có làm ra các robot với trí tuệ nhân tạo chứa dữ liệu lớn thế nào đi nữa, thì con robot ấy vẫn cần có con người điều khiển, vẫn cần có những con chip vật chất làm thành và không thể có tình yêu, tự do, hạnh phúc, nhân phẩm, chân thiện mỹ... là những giá trị văn hoá cốt lõi của con người. Con người vẫn là trung tâm của mọi sinh hoạt ở trần gian.

Nhận thức được như thế là con người bước vào chân trời mới của hiện hữu và bắt đầu suy tư để đi tìm nguồn gốc của mọi hiện hữu, lý do hiện hữu và cùng đích của hiện hữu trong các mối tương quan với mình. Nhưng đây lại không còn là lĩnh vực của khoa học vì khoa học chỉ nghiên cứu những cái có thể cân đo đong đếm được trong

⁵⁰ x. Anthony Nguyễn Ngọc Sơn, *Sứ điệp Loài Hoa* (Messages from Flowers), NXB Tổng Hợp TP.HCM, 2008, tr.47.

⁵¹ x. Hệ thống đo lường những hoạt động của bộ não do các nhà bác học của Cơ quan Hàng không Vũ trụ Hoa Kỳ, NASA, phát minh khoảng năm 1995 để chữa trị cho các nhà du hành vũ trụ, dựa trên phương pháp phản hồi thần kinh (neurofeedback). Chúng tôi đang áp dụng để chữa trị cho các trẻ tự kỷ và những người rối loạn tâm thần tại Việt Nam.

cuộc sống, cung cấp các dữ liệu để con người biết suy tư và tìm được kết luận cho riêng mình. Tất cả vấn đề do con người đặt ra bây giờ không còn là những đối tượng có thể cân đo đong đếm của các khoa học thực nghiệm, nhưng chúng vẫn là những đối tượng có thật, vì con người đang nghĩ, đang yêu, đang sống với chúng.

Đối với các câu hỏi về nguồn gốc, lý do và cùng đích hiện hữu của con người để xác định “con người là ai, là gì” cũng tương tự như thế. Con người muốn tìm được câu trả lời rõ ràng trong các hệ tư tưởng, tôn giáo, khoa học, triết học, thần học. Nhưng vì chúng quá rộng lớn và rất phong phú, vượt khỏi tầm hiểu biết và khả năng đón nhận của con người, nên nhiều người đã buông bỏ, không muốn tìm hiểu để chỉ sống theo những đòi hỏi tự nhiên của thể xác và bỏ qua những gì của tinh thần. Họ quên mất giá trị làm người!

Cuộc tranh luận giữa hai dòng tư tưởng: “con người là ai” như một chủ thể biết suy tư và “con người là gì” như một tổng hợp các yếu tố vật chất, kéo dài từ nhiều ngàn năm nay và có thể kết thúc vào thời đại này khi chúng ta tìm ra được một định nghĩa đúng đắn về con người.

Có nhiều định nghĩa khác nhau về con người tùy theo góc độ nhìn của mỗi người.



Theo Từ điển Tiếng Việt: *Con người là động vật tiến hoá nhất, có khả năng nói, tư duy, sáng tạo và sử dụng công cụ trong quá trình lao động*⁵².

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam: *Con người là sinh vật thuộc giống người, đánh giá trình độ phát triển cao của cơ thể sống trên trái đất*⁵³.

Theo Từ điển Công giáo Anh-Việt: *Con người là một hữu thể vừa thể xác, vừa tinh thần, tạo thành một thể duy nhất. Linh hồn thiêng liêng được Thiên Chúa trực tiếp tạo dựng. Thân xác sẽ hư hoại, nhưng linh hồn bất tử, không hề hư mất khi lìa khỏi xác trong giờ chết và sẽ tái hợp với thân xác trong ngày phục sinh cánh chung*⁵⁴.

Theo Từ điển Công giáo: *Con người là thụ tạo hồn-xác, nam và nữ, được Thiên Chúa tình yêu dựng nên theo hình ảnh của Ngài và được ban quyền làm chủ vũ trụ*⁵⁵.

Hai định nghĩa đầu tìm hiểu “con người là gì” trong dòng tiến hoá của vạn vật. Hai định nghĩa sau nhận định “con người là ai” trong mối tương quan với nguồn gốc là Thiên Chúa và với muôn loài trong vũ trụ.

Sau khi đã trình bày những dữ liệu của các ngành khoa học mới mẻ nhất để khám phá con người trong dòng tiến hoá, rồi cũng đã xác định được tinh thần của con người với các mối tương quan, cuối cùng ta có thể tạm định nghĩa: “con người là sinh vật tiến hoá nhất, được Thiên Chúa tạo dựng có hồn và xác như một ngôi vị để liên hệ với Ngài và với muôn loài”. Chỉ trong mối liên hệ này, con người mới tìm được vị trí trung tâm của mình, thể hiện được chính mình và hoà nhập với Thiên Chúa và muôn loài trong vũ trụ cách trọn vẹn⁵⁶.

⁵² x. *Từ điển Tiếng Việt 2013*, mục từ *Người*, tr.899.

⁵³ x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, q.1, mục từ *Con người*, tr.706.

⁵⁴ x. Nguyễn Đình Diễm, *Từ điển Công giáo Anh-Việt*, mục từ *Man*, tr.1226.

⁵⁵ x. HĐGMVN, *Từ điển Công giáo*, mục từ *Con người*, tr.161.

⁵⁶ x. *Tóm lược HTXHCN*, số 105-123; *Gaudium et Spes*, số 12; *Evangelium vitae*, số 34; *GLHTCG*, số 27-49 và mục từ *Con người*, tr. 909.

3.3. *Nền nhân bản toàn diện*

Khi khẳng định con người là trung tâm, nhiều tín hữu Kitô giáo sợ rằng mình xúc phạm đến Thiên Chúa và thần thánh hoá con người. Mặc dù Thánh Kinh nói rõ về nguồn gốc và cùng đích của con người, cũng như về vị trí trung tâm của con người, khi “Đấng Tạo Hoá đặt con người vào trong vườn Địa đàng để con người cày cấy và canh giữ đất đai”⁵⁷. Ngài hằng quan tâm đến con người dù con người đã phản bội Ngài: “Con người là chi mà Chúa cần nhớ đến, phạm nhân là gì mà Chúa phải bận tâm?”⁵⁸.

Hơn nữa, Đức Giêsu tự xưng mình là “Con Người” với ý nghĩa là con của loài người⁵⁹. Đây là danh hiệu Người dùng nhiều nhất để nói về chính mình. Chúa Giêsu đã dạy rất cụ thể về tình yêu của con người đối với Thiên Chúa, với anh chị em mình và với vạn vật như là những điểm căn bản của một nền nhân bản toàn diện, nhưng người Kitô hữu trong suốt gần 20 thế kỷ qua có vẻ như vẫn giữ thái độ báỉ thần.

Cho đến thời Trung cổ, người Kitô hữu tập trung nguồn lực vào việc xây dựng các cơ sở vật chất, tổ chức các nghi lễ trang trọng, quản lý các địa phận tôn giáo bằng các quan chức như giám mục, linh mục tạo thành giai cấp tăng lữ. Giai cấp này thường cộng tác mật thiết với chính quyền quân chủ. Hầu hết Kitô hữu giáo dân, do học vấn thấp kém, thường hiểu theo đạo, giữ đạo là tôn thờ Chúa qua các lễ nghi, kinh nguyện, bí tích và tuyệt đối vâng phục các người đại diện cho Chúa là vua quan và hàng giáo phẩm, giáo sĩ. Họ quan niệm rằng mọi sự đều quy về Chúa, chịu đựng vì Chúa dù có bị bóc lột, thiệt thòi vì Chúa mới là nguồn cội, trung tâm và cùng đích của đời sống. Karl Marx, Engels và nhiều nhà hoạt động xã hội đã công kích thái độ thụ động ấy và coi tôn giáo là thứ ma tuý làm tha hoá con người.

⁵⁷ x. St 2,15.

⁵⁸ x. Tv 8,4.

⁵⁹ x. Mt 8,20; 9,6; 10,23; 11,19; 12,8; 12,32; 13,27; 16,27; 17,22; 19,28; 24,30; 25,31; 26,24; Lc 12,8; 17,24; Ga 3,14.

Trước những vấn nạn xã hội nghiêm trọng liên quan đến con người, nhất là những con người đang bị bóc lột để lao động kiệt lực, ĐGH Lêo XIII đã công bố thông điệp *Rerum Novarum* (Các sự việc mới) năm 1891. Thông điệp này được coi như “học thuyết Công giáo đầu tiên về lao động, về quyền tư hữu, về nguyên tắc hợp tác thay vì đấu tranh bạo động, về phẩm giá của người nghèo và nghĩa vụ của người giàu...”⁶⁰.



Nhiều vị giáo hoàng tiếp theo đã công bố các văn kiện về những vấn đề xã hội liên quan đến con người làm thành “học thuyết xã hội” Công giáo. Từ này được Giáo hoàng Piô XI nói đến đầu tiên năm 1941 và được nhiều giáo hoàng nhắc đến⁶¹. Gọi là học thuyết, vì “đây là toàn thể nói chung những quan niệm có hệ thống dùng để lý giải các hiện tượng và hướng hoạt động của con người” trong lĩnh vực xã hội⁶². Một số người chỉ dùng từ “giáo huấn xã hội” như một tập hợp những lời dạy của GHCG về xã hội, thay vì xem đó là học thuyết.



Đệ Vaticanô II (1962-1965), với Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, đã “giới thiệu một Giáo Hội thật sự liên đới sâu xa với loài người và lịch sử nhân loại. Hiến chế trình bày một cách có hệ thống các chủ đề về văn hoá, đời sống kinh tế và xã hội, hôn nhân và gia đình, cộng đồng chính trị, hoà bình và cộng đồng các dân tộc, dựa trên quan điểm nhân học Kitô giáo và sứ mệnh GH.”⁶³.

Sau nhiều năm nghiên cứu và biên soạn, nhất là dưới sự điều hành của vị chủ tịch là Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận,

⁶⁰ x. Tóm lược HTXHCG, số 89.

⁶¹ x. Tóm lược HTXHCG, số 87-95.

⁶² x. Từ điển Tiếng Việt 2013, mục từ Học thuyết, tr.587.

⁶³ x. Tóm lược HTXHCG, số 96.

Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hoà bình đã giới thiệu cuốn *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo* vào tháng 4 năm 2004 cho toàn thể GHCG và mọi người. “Người tín hữu có thể tìm thấy trong học thuyết này những nguyên tắc để suy tư, những tiêu chuẩn để phán đoán và những chỉ dẫn để hành động. Đó là bước đầu để đẩy mạnh nền nhân bản toàn diện và liên đới”⁶⁴.

Sách *Tóm lược* này tuy xuất hiện hơi muộn, nhưng hết sức cần thiết để có thể giúp người tín hữu vượt qua thái độ “bái thần”, tập trung sự chú ý vào con người và các vấn đề xã hội của con người, trước những thách đố do các hệ tư tưởng và khoa học đặt ra chỉ muốn tập trung vào con người và chối bỏ Thiên Chúa.

Sách *Tóm lược* giới thiệu nền “*nhân bản tâm linh vì lấy con người duy nhất và toàn diện với thể xác và linh hồn, với tình cảm và lương tâm, với lý trí và ý chí làm then chốt cho toàn bộ phần trình bày của mình*”. GHCG muốn phục vụ con người trong thời đại này qua cuốn *Tóm lược* theo cung cách đối thoại, mà chính Thiên Chúa đã thực hiện qua Con Một đã làm người của mình, đối thoại như với bạn hữu, để làm chứng cho sự thật cũng như để cứu độ con người”⁶⁵.

HTXHCG chính là học thuyết của Giáo Hội về con người vì như ĐGH Gioan Phaolô II xác định: “Con người là con đường của Giáo Hội”, đồng thời cũng là con đường của Thiên Chúa vì Thiên Chúa đã trở thành người là Đức Giêsu Kitô.

Con người là lý do tồn tại của Giáo Hội vì Giáo Hội được Chúa Giêsu lập nên là để cứu độ con người. Khi Giáo Hội quay lưng lại với con người thì con người cũng bỏ Giáo Hội và đánh mất luôn cả Thiên Chúa cùng với Đức Giêsu Kitô, vì họ không nhận ra Đức Giêsu chính là con người lý tưởng mình mơ ước đạt tới, là cùng đích cho mọi hoạt động của con người. Chính Người đã ban Chúa Thánh Thần để con người được thần hoá và trở thành con cái Thiên Chúa như Người⁶⁶. Như thế, nền nhân bản mới không làm tha hoá nhưng

⁶⁴ x. *Tóm lược HTXHCG*, số 7.

⁶⁵ x. *TLHTXHCG*, số 13.

⁶⁶ x. Ga 20,22; Eph 4,12-13

thần hoá con người, vì con người thật sự là trung tâm cho mọi hoạt động của Thiên Chúa cũng như của con người.

Lời kết

Như thế, sau bao thế kỷ chưa nhận ra được mình, đánh mất chính mình, căng thẳng vì những xung đột giữa các tôn giáo, giữa khoa học và lòng tin, giữa thực tế của đời sống và khát vọng của tinh thần, con người bắt đầu tìm lại được chính mình. Nền nhân bản toàn diện của Công giáo đã tổng hợp được những khám phá mới mẻ về con người của khoa học với những giá trị tinh thần được các tôn giáo trình bày. Con người quả thật là một mâu thuẫn mà càng khám phá, ta càng tìm được niềm vui, bình an và hạnh phúc vì con người luôn mở ra với Đấng Siêu Việt và hướng tới vô biên.

Câu hỏi

- 1. Thách đố đầu tiên mà con người phải đối mặt là tìm được sự thật về chính mình: Con người là gì? Con người bắt nguồn từ đâu? Con người sống trên đời để làm gì? Con người sẽ đi về đâu sau cái chết?⁶⁷. Bạn có bao giờ tự hỏi và tìm câu trả lời không?*
- 2. Trong các thái độ: báỉ vật, báỉ thần, báỉ nhân, bạn đang giữ thái độ nào?*
- 3. Bạn nghĩ cộng đồng mình sống đang có loại thái độ nào đối với con người?*
- 4. Bạn thấy có xung đột nào giữa khoa học và lòng tin, hay giữa các tôn giáo? Bạn sẽ giải trừ xung đột đó thế nào?*

⁶⁷ x. TLHTXHCG, số 16.

Hội nhập văn hoá trong lịch sử dân tộc Việt Nam

Lời mở

Trong đời sống xã hội, nhiều người Việt Nam cần phải hiểu rõ cấu trúc tâm lý đã được hình thành trong dòng lịch sử tạo nên bản sắc văn hoá của mình với những đức tính và cả tật xấu. Vì thế, sau khi tìm hiểu con người nói chung, chúng ta muốn tìm hiểu cách khái quát cuộc hội nhập văn hoá của người Việt Nam trong dòng lịch sử dân tộc, để có thể xây dựng những giá trị mới và đẩy lùi những nét tiêu cực có thể có trong cuộc hội nhập này.



1. Đất nước và con người Việt Nam

1.1. Tên nước Việt Nam (VN)

Theo dòng lịch sử, người Việt Nam đang sống trên miền đất được gọi bằng nhiều tên khác nhau. Tính cho đến nay, có tất cả khoảng 20 tên chính thức⁶⁸.

⁶⁸ x. <https://hatinh.dcs.vn/thong-tin-tu-tuong-so-43-thang-92016/news/quoc-hieu-viet-nam-qua-cac-thoi-dai.html>

Văn Lang, được coi là quốc hiệu đầu tiên của nước ta, tồn tại từ khoảng thế kỷ VIII đến năm 257 TCN. Sau Văn Lang là Âu Lạc, Vạn Xuân, Đại Cồ Việt tồn tại từ khoảng năm 257 TCN đến đầu thế kỷ II TCN.

Đại Việt (大越) là quốc hiệu của dân tộc Việt Nam từ thời nhà Lý, bắt đầu từ năm 1054, khi vua Lý Thánh Tông lên ngôi, kéo dài đến năm 1804. Quốc hiệu này tồn tại lâu nhất, dù bị gián đoạn 7 năm thời nhà Hồ và 20 năm thời lệ thuộc nhà Minh, trải qua các vương triều Lý, Trần, Lê, Mạc và Tây Sơn, khoảng 724 năm. Từ *Đại Việt* có ý nghĩa là dân tộc Việt lớn mạnh.

Tên Việt Nam lần đầu tiên chính thức trở thành quốc hiệu của nước ta là vào năm 1792. Tên này được xác lập bởi một văn bản pháp lý quan trọng (chiếu) của Nhà nước Tây Sơn, niên hiệu Quang Trung thứ 5 và đã được thông báo cho nhà Thanh ở Trung Quốc. Tuy nhiên, vương triều Tây Sơn tồn tại khá ngắn ngủi, lại gặp nhiều phức tạp nội bộ, nên quốc hiệu mới “Việt Nam” chưa được phổ biến.

Việt Nam là tên chính thức của nước ta vào năm 1804. Tên này do Chúa Nguyễn Ánh, khi lên ngôi mở đầu triều Nguyễn, xưng là vua Gia Long, đã ra chiếu chỉ công bố cho toàn dân và được Nhà Thanh của Trung Quốc công nhận. Sau khi lên nối ngôi Gia Long, vua Minh Mạng cho đổi quốc hiệu là Đại Nam (1838), tên Việt Nam không còn thông dụng như trước nữa.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, trao chính quyền hình thức cho vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng của triều Nguyễn. Vua Bảo Đại đổi lại quốc hiệu từ Đại Nam thành Việt Nam. Ngày 19/8/1945, Cách mạng tháng Tám thành công, Bảo Đại thoái vị. Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Hiến pháp năm 1946 chính thức thể chế hoá danh hiệu này. Ngày 02/7/1976, Quốc hội khoá VI (nhiệm kỳ 1976-1981) Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã quyết định đổi tên nước thành Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Từ đây, quốc hiệu Việt Nam được sử dụng phổ biến với đầy đủ ý nghĩa thiêng liêng, toàn diện nhất của nó.

Chúng ta cũng nên biết rằng: trong dòng lịch sử, quốc hiệu là một tên gọi. Điều quan trọng là những người sống trên mảnh đất này, hay ở bất cứ nơi nào trên thế giới, có giữ được tinh thần yêu mến quê hương để biến thành những hành động thiết thực trong đời sống hay không? Chỉ tinh thần mới định hình cho vật chất và tồn tại mãi mãi.

Người Do Thái, sau năm 70, khi đất nước bị quân Rôma tàn phá bình địa, cả dân tộc phải tha phương cầu thực, họ làm thế nào để vẫn giữ được văn hoá Do Thái và lập lại đất nước vào năm 1948. Vậy những giá trị văn hoá của người Việt Nam là gì thật đáng cho chúng ta quan tâm?

1.2. Đất nước Việt Nam

Nước VN là một dải đất hình chữ S, nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á, phía Đông bán đảo Đông Dương. Phía Đông, Nam và Tây Nam của đất nước là Biển Đông và Ấn Độ Dương.

Dù cùng một nguồn gốc, nhưng người VN lại rất khác với người Trung Quốc ở phía Bắc, khác với người Thái, Lào và Campuchia ở phía Tây, vì những rặng núi hình rẽ quạt ở phía Bắc và dãy Trường Sơn hùng vĩ ở phía Tây đã ngăn cách các dân tộc đó với người VN, ngăn cản phần nào sự giao lưu văn hoá.

Hướng tiến bị bên núi, bên biển ngăn cản buộc dân tộc ta phải tiến về phía Nam từ đồng bằng châu thổ sông Hồng ở miền Bắc (rộng 15.000km²), vượt qua các đồng bằng nhỏ hẹp ở miền Trung để vào tới đồng bằng sông Cửu Long (rộng 40.000km²) ở miền Nam. Bước chân khai phá của người Việt chỉ dừng lại trước biển cả ở cực Nam đất nước. Nhưng thiên nhiên vẫn ưu đãi dân Việt nên bờ cõi tiếp tục mở rộng về phương Nam vì hằng năm đồng bằng Nam Bộ vẫn trải rộng lấn về phía biển từ 60-80m, do phù sa của các con sông Cửu Long bồi đắp.

VN có 2.860 con sông có chiều dài từ 10km trở lên⁶⁹, trong đó có nhiều hệ thống sông lớn như sông Mê Kông, sông Hồng. Nền văn

⁶⁹ x. Vũ Thế Bình, *Non nước Việt Nam*, Hà Nội, 2012, tr.9.

hoá dân tộc được xây dựng theo truyền thuyết Âu Cơ: 50 người con theo mẹ lên núi hái thuốc thành tiên và 50 con theo cha xuống biển vượt khó thành rồng.

Gắn bó với núi cao, biển rộng, sông dài nên người VN thường có nhiều tình cảm cao thượng, biết nhìn xa trông rộng và gần gũi với thiên nhiên. Những tâm tình tốt đẹp này hình như đang bị ảnh hưởng, xói mòn và biến đổi, đặc biệt với làn sóng đô thị hoá hiện nay, nơi những cư dân thành thị sống trong những toà nhà cao tầng, những căn phòng nhỏ hẹp che chắn tầm mắt con người.

Người Việt, với tâm hồn của những người tiên phong khai hoang dựng nước, đã không sợ hiểm nguy, dám đối đầu với những thử thách, bất trắc của cuộc sống, đã viết nên những trang sử hào hùng của dân tộc. Vì thế càng tiến vào miền Nam, người Việt càng hành động phóng khoáng, cởi mở và mạnh mẽ hơn.

Khí hậu cũng ảnh hưởng nhiều đến tâm tính con người, tình trạng gia đình và hoạt động xã hội. VN nằm trong vành đai nhiệt đới của nửa cầu Bắc, nghiêng về chí tuyến hơn là xích đạo, nên có nhiệt độ cao, trung bình từ 22⁰C-27⁰C. Hằng năm, có khoảng 100 ngày mưa với lượng mưa trung bình từ 1.500 -2.000ml/cm², độ ẩm khoảng 80%, số giờ nắng khoảng 1.500-2.000 giờ/năm.



Do ảnh hưởng của gió mùa và địa hình phức tạp, nên khí hậu VN luôn thay đổi trong năm, giữa năm này với năm khác, giữa nơi này với nơi kia, từ Bắc xuống Nam và từ thấp lên cao. Nhìn chung, VN có một mùa nóng mưa nhiều và một mùa tương đối lạnh ít mưa, nhưng khí hậu các tỉnh ở phía Bắc, từ đèo Hải Vân trở ra, thay đổi

theo 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông khá rõ rệt. Khí hậu này cũng tạo ra những bất lợi về thời tiết vì Việt Nam bị bão tố, lũ lụt, hạn hán thường xuyên đe dọa⁷⁰.

Nhận ra sự tác động của thời tiết, ta sẽ thấy người Việt cần tập tính tự chủ, kiên nhẫn, ôn hoà, ý chí vững mạnh thì mới có thể thực hiện được những kế hoạch lâu dài.

1.3. Nguồn gốc người Việt cổ

Trên đất nước VN hiện nay, các nhà khảo cổ học phát hiện những di tích và hoá thạch người “Homo erectus” khoảng 500.000 năm TCN thuộc thời Đồ Đá Cũ⁷¹. Sau đó là người hiện đại “Homo sapiens” rời Đông Phi đi dọc theo Ấn Độ dương, vào châu Á, đến Việt Nam, khoảng 50.000 năm TCN.

Người VN có nguồn gốc dân tộc trong khối các chủng Đông Nam Á (Austro-asiatique), hình thành từ 2 đại chủng Á (Mongoloid) và chủng phương Nam (Australoid) vào khoảng 10.000-8.000 năm TCN. Sau đó từ 5.000 năm TCN, chủng Cổ Mã Lai (Indonesian) ở miền Đông Nam Á, phối hợp với các chủng Nam đảo, Nam Á để hình thành nên các nhóm Chăm, Môn Khmer, Việt Mường, Tày Thái, Mèo Dao, Tièn Thái, Tạng Miến, Hán: gồm 54 dân tộc⁷².

Cách đây khoảng 4.000 đến 3.000 năm TCN, các lớp cư dân nguyên thủy từ miền đồi núi xuống khai phá các vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long và các đồng bằng ven biển, phát triển nền nông nghiệp lúa nước. Nền văn hoá bộ tộc thiểu số trải dài trên những núi đồi chuyển thành nền văn hoá làng xã với ruộng vườn cố định.

Thời kỳ Hồng Bàng, theo truyền thuyết và dã sử, bắt đầu từ năm 2879 TCN đến năm 258 TCN với 18 đời Vua Hùng⁷³. Từ đầu thiên

⁷⁰ x. *Non nước Việt Nam*, tr.11-12.

⁷¹ x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, mục từ *Việt Nam*, tr.890-892.

⁷² x. Lê Văn Chương, *Cơ sở Văn hoá Việt Nam*, NXB Trẻ, 1999, tr.24-27; Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở Văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo Dục, 1999.

⁷³ x. Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, đôi khi gọi tắt là *Toàn Thư*, là bộ quốc sử viết bằng văn xuôi của Việt Nam, viết theo thể biên niên, ghi chép lịch sử Việt Nam từ thời

niên kỷ II TCN, VN bước vào thời đại kim khí, từ đồ đồng đến đồ sắt. Đời sống hoang dã, săn bắt, ở trong hang núi hay trong các nhà sàn, sống theo gia tộc, được thay thế bằng đời sống ổn định, canh tác ruộng vườn, chăn nuôi gia súc, với những quy luật của làng xã.

Các quận lớn lập nên các trung tâm văn hoá, có chính quyền trung ương là Nhà nước quân chủ với các vua Hùng ở miền Bắc trong thời đại Hồng Bàng. Đó là văn hoá Đông Sơn với nhà nước Văn Lang-Âu Lạc, văn hoá Sa Huỳnh với nhà nước Chăm Pa ở miền Trung và văn hoá Óc Eo với nhà nước Phù Nam ở miền Nam. Ba dòng văn hoá này dần dần giao lưu và hội nhập vào nhau tạo thành văn hoá nguyên thủy của VN.

Năm 258 TCN, Thục Phán, thủ lĩnh của người Âu Việt, ở phía Bắc nước Văn Lang, hợp nhất với nước Văn Lang của người Lạc Việt, xưng là An Dương Vương, đặt quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô tại Cổ Loa, nay là Đông Anh, Hà Nội. Năm 218 TCN, Tần Thủy Hoàng huy động 50 vạn quân, sai danh tướng Đồ Thư đi chinh phục Bách Việt. Các lạc tướng của người Việt, do Thục Phán lãnh đạo, sau 10 năm bền bỉ kháng chiến theo kiểu chiến tranh du kích, đã bắn chết tướng Đồ Thư và chiến thắng quân Tần. Sau đó An Dương Vương xây thành Cổ Loa.

Văn hoá thị tộc là nền văn hoá cơ sở của xã hội nguyên thủy, bao gồm nhiều gia đình lớn, có cùng một tổ tiên và có nền kinh tế chung: có chung tư liệu sản xuất, lao động tập thể và hưởng chung thành quả lao động. Các thị tộc của người Bách Việt sống theo tổ chức xã hội này. Hạt nhân của chế độ công xã nguyên thủy này là thị tộc mẫu quyền, được gặp thấy trong cả 3 nền văn hoá Bắc Trung Nam, cho đến khi người Việt sống dưới chế độ Bắc thuộc mới đổi sang chế độ phụ quyền. Nền văn hoá thị tộc ngoài việc đề cao sức mạnh cơ bắp để lao động kiếm ăn, còn mang đặc tính đề cao sự sinh sản để bảo tồn thị tộc, do đó ta thấy người Việt cả 3 miền đều có tín

đại truyền thuyết Kinh Dương Vương năm 2879 TCN đến năm 1675 đời vua Lê Gia Tông nhà Hậu Lê.

ngưỡng phồn thực, thờ sinh thực khí (linga và yoni) và hành vi giao phối⁷⁴.

Văn hoá thị tộc theo mẫu quyền còn nổi bật với tín ngưỡng thờ thần Mẫu. Các vị thần ở Việt Nam chủ yếu là nữ giới. Đạo Mẫu này càng phát triển hơn trong nền văn hoá nông nghiệp (các bà thần Mây, Mưa, Sấm chớp), sau này hoà nhập cả với đạo Lão và đạo Phật du nhập từ Trung Hoa (với Tứ Pháp: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện). Các vị thần Mẫu được nhiều nơi tôn kính: Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Thánh Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải ở miền Bắc; Tứ Vị Thánh Nương, Bà Ngũ Hành, Thiên Y A Na ở miền Trung; Bà Chúa Động, Bà Chúa Xứ, Bà Đen ở miền Nam. Ngày 1/12/2016, Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt đã được UNESCO công nhận là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại⁷⁵.

Không gian văn hoá gốc VN thời tiền sử là không gian của các dân tộc có nền văn minh nông nghiệp lúa nước, văn minh đồ đồng và ngôn ngữ đơn lập. Vài thế kỷ trước Công nguyên, không gian gốc này bị thu hẹp vì các dân tộc ở miền Nam sông Dương Tử bị người Trung Hoa bành trướng và đồng hoá đã chạy đến cư trú ở những vùng núi phía Bắc Việt Nam và hoà nhập với các dân tộc địa phương người Việt Cổ tạo nên dân tộc Việt với người Kinh và các dân tộc thiểu số như hiện nay. Tinh thần khoan dung này thể hiện trong suốt dòng lịch sử, nhất là đối với nhiều cộng đồng người Trung Quốc di cư sang Việt Nam.

Người Việt có những nét đặc thù của nền văn hoá nông nghiệp: tôn trọng và hoà hợp với thiên nhiên, có lối sống định canh, định cư và nền kinh tế tự cung, tự cấp. Trong mối quan hệ với gia đình, người Việt trọng nữ và nhiều cộng đồng xã hội còn bị ảnh hưởng theo chế độ mẫu hệ. Đời sống nông nghiệp gắn bó chặt chẽ với gia tộc và xóm làng, trọng tình hơn trọng lý, trọng đức hơn trọng tài, trọng văn

⁷⁴ x. Toan Ánh, *Tín ngưỡng Việt Nam*, Quyển Thượng, NXB TP.HCM.

⁷⁵ x. Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Giáo hội Công giáo Việt Nam (GHCGVN) Niên giám 2016*, NXB Tôn Giáo, 2017, tr.470.

hơn trọng võ. Lối nhận thức tư duy thiên về tổng hợp, mang tính chủ quan, theo cảm tính và kinh nghiệm hơn là mang tính phân tích khách quan và hợp lý theo một hệ thống suy tư rõ ràng.

Trong cách ứng xử với môi trường xã hội, người Việt dễ dung hợp trong tiếp nhận, ngay cả trong tín ngưỡng. Ngoài tín ngưỡng bái vật, đa thần, người Việt đón nhận tam giáo Đông Phương: *Nho - Phật - Lão*, và sau này cả Thiên Chúa giáo. Niềm tin vào một chủ thể tối cao, gọi là Trời, mà sau này các tôn giáo khác có thể xác định rõ hơn là Thiên, Chúa Trời, Đức Thượng Đế, Đấng Cao Đài, Đức Allah, Thiên Chúa,.. lúc nào cũng bàng bạc trong tâm hồn người Việt để thúc đẩy họ tin tưởng và sống theo lương tâm ngay chính của mình. Chính niềm tin ấy giúp cho đời sống họ được an vui: “Lạy trời mưa xuống, lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cày, lấy đầy bát cơm, lấy rơm đun bếp...”, xã hội được ổn định vì “Trời cao có mắt”, ngăn ngừa những hành động ác đức vì “Thiên bất dung gian”...

1.4. Nhận định chung về con người Việt Nam (VN)

Xét về mặt văn hoá, con người VN, do bị tác động bởi những yếu tố của địa lý, lịch sử và các mối tương quan xã hội, nên đã kết thành một thực thể phức tạp với nhiều đức tính và khuyết điểm.



Nhiều tổ chức quốc tế đã có những nghiên cứu lớn về con người VN, ví dụ như Viện Nghiên cứu Xã hội Hoa Kỳ. Vào khoảng năm 1960-70, Viện này đã đưa ra 10 đặc điểm của người VN như sau:

- 1- “Cần cù lao động, song dễ thoả mãn, nên tâm lý hưởng thụ còn nặng.
- 2- Thông minh, sáng tạo, song chỉ có tính chất đối phó, thiếu tư duy dài hạn, chủ động.
- 3- Khéo léo, song không duy trì đến cùng (ít quan tâm đến sự hoàn thiện cuối cùng của sản phẩm).
- 4- Vừa thực tế, vừa mở rộng, song lại không có ý thức nâng cao lên thành lý luận.
- 5- Ham học hỏi, có khả năng tiếp thu nhanh, song ít học từ đầu đến cuối, nên kiến thức không có hệ thống, mất căn bản. Ngoài ra, học tập không phải vì tự thân của mỗi người (nhỏ học vì gia đình, lớn học vì sĩ diện, vì kiếm công ăn việc làm, ít học vì chí khí, vì đam mê).
- 6- Xởi lởi, chiều khách, song không bền.
- 7- Tiết kiệm, song nhiều khi hoang phí vì những mục tiêu vô bổ (sĩ diện, khoe khoang, thích hơn đời).
- 8- Có tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, song hầu như chỉ trong những hoàn cảnh khó khăn, bản hàn; còn trong điều kiện sống tốt hơn, giàu có hơn thì tinh thần này ít xuất hiện.
- 9- Yêu hoà bình, nhẫn nhịn, nhưng nhiều khi lại hiếu chiến, hiếu thắng vì những lý do tự ái lật vặt làm đánh mất đại cuộc.
- 10- Thích tự lập, nhưng lại thiếu tình liên kết để tạo ra sức mạnh (cùng một việc, một người làm thì tốt, ba người làm thì kém, bảy người làm thì hỏng)”.

Những nhận định trên đây và những kết quả nghiên cứu khác có thể giúp ích nhiều cho chúng ta khi tìm hiểu về bản sắc người Việt. Nhưng chúng chưa trình bày các lý do hình thành cũng như tìm ra được đường hướng sửa chữa những khuyết điểm trong cấu trúc tâm lý. Điều này có lẽ cần đến sự nghiên cứu và làm việc lâu dài hơn của các nhà giáo dục, tâm lý, xã hội học. Vì thế, chúng ta chú ý hơn về con người VN qua các giai đoạn lịch sử hình thành dân tộc và lĩnh vực văn hoá xã hội để góp phần vào công trình này.

2. Hội nhập Văn hoá

Chúng ta tạm chia dòng lịch sử VN thành 3 thời kỳ: Bắc thuộc, quân chủ độc lập, phát triển và hội nhập với thế giới.

2.1. Thời kỳ Bắc thuộc (111 TCN-938)

Lịch sử

Năm 179 TCN, nước Âu Lạc, do An Dương Vương lập nên, bị Triệu Đà, vua nước Nam Việt, xâm chiếm, rồi bị nhà Hán đô hộ từ năm 111 TCN đến năm 938, cho tới khi Ngô Quyền thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng và lập chủ quyền cho đất nước.

Người Việt liên kết với nhau trong các cộng đồng làng xã, bảo tồn tiếng Việt và các phong tục trong cộng đồng (*phép vua thua lệ làng*), chống lại các chính sách đồng hoá của người Trung Quốc.

Người Việt có tinh thần bất khuất, chống lại quân xâm lăng đến từ phương Bắc và cố gắng lật đổ chế độ đô hộ của người Trung Quốc bằng các cuộc khởi nghĩa như của Hai Bà Trưng (năm 40), Bà Triệu (năm 248), Lý Bí (năm 542), Mai Thúc Loan (năm 720), Phùng Hưng (766-791), Dương Diên Nghệ (931-937) và kết thúc bằng chiến thắng của Ngô Quyền mở ra thời kỳ độc lập, phục hưng dân tộc.

Trong suốt thời gian đô hộ, chính quyền Trung Quốc đưa sang Việt Nam một số quan lại và một số binh lính, để ổn định trật tự xã hội. Các thương nhân người Trung Quốc đi theo đoàn quân để thu mua những sản vật quý hiếm và bán các sản phẩm của nước mình, đặc biệt là tơ lụa, giấy mực, bàn tính, thuốc Bắc chữa bệnh và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ cho người giàu có ở Việt Nam. Nhiều nhà sư Trung Quốc tìm những nơi an tĩnh để tu luyện và truyền đạo cho dân chúng.

Văn hoá nông nghiệp với tinh thần phản kháng

Người Việt giữ nguyên những nét căn bản của nền văn hoá nông nghiệp vì hầu hết sinh sống trong những làng xã và làm nghề nông với đời sống tự cung, tự cấp. Với ý thức phản kháng Trung Quốc, người Việt giữ nguyên cách ăn mặc, nói năng của mình.

Tổ chức gia đình và xã hội có sự thay đổi lớn: văn hoá dần dần nghiêng về chế độ phụ hệ, người cha là rường cột trong gia đình, gia đình trọng nam khinh nữ, xã hội theo chế độ đa thê cho phép người

đàn ông có nhiều thâm thiếp. Xã hội nông nghiệp cần nhiều nhân công nên dễ dàng đón nhận các giá trị văn hoá mới này.

Chính quyền dùng chính sách “chia để trị”, gây chia rẽ giữa các địa phương, dòng họ, cá nhân với nhau, khiến người Việt thường nghi ngờ, ngại ngùng với người lạ, không dám bày tỏ hay đóng góp ý kiến, im lặng trước bất công khiến người khác tưởng lầm họ là kẻ đồng lõa. Họ thường tỏ thái độ bên ngoài hoà hoãn, chịu đựng, nhưng bên trong chỉ muốn tiêu diệt kẻ thù.

Họ có thói quen giả vờ đồng thuận, không nói thật lòng mình, nói xấu kẻ thù vắng mặt, bao che cho đồng bào trước nỗi bất công, cùng giúp nhau lấy cắp của công vì cho rằng tất cả tài sản công đều do công sức họ làm ra. Họ thường tỏ vẻ chăm chỉ làm việc trước mắt kẻ xâm lược, nhưng khi chủ quay lưng là họ ngưng làm hay chỉ làm việc cầm chừng vì không muốn làm lợi cho kẻ thù.

Nét văn hoá ứng xử này, trải qua hàng ngàn năm bị đô hộ, đã tạo thành nét tính cách của người Việt, nên khi không còn sống dưới ách kẻ xâm lăng, nhiều người Việt vẫn giữ nét tính cách đó. Thái độ này cần được sửa sai bằng những nhận thức mới về giá trị con người, về công bằng xã hội, bằng những kỹ năng làm việc chung và hợp tác với nhau vì công ích, và bằng nhận thức về một Đấng Tối Cao nhìn thấu mọi sự và xét xử công minh.

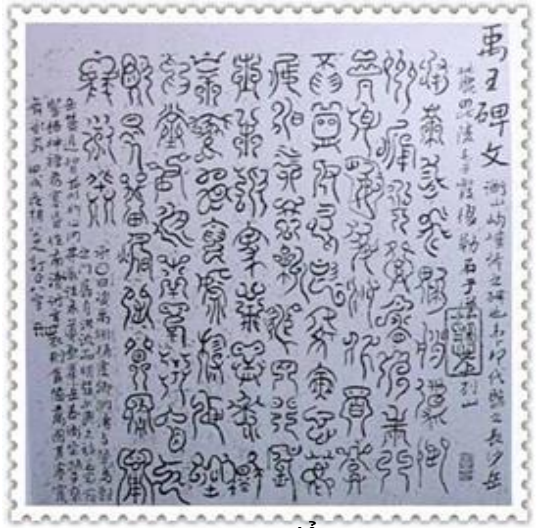
Đón nhận một số giá trị mới của văn hoá Trung Quốc

Qua việc tiếp xúc trực tiếp hay gián tiếp với người Trung Quốc, người Việt nhận ra nhiều giá trị mới của văn hoá Trung Quốc.

Trước hết là sức mạnh quân sự với chiến lược, vũ khí, hoả pháo, chiến thuyền khiến Trung Quốc thắng được Việt Nam. Tiếp theo là chữ viết và văn hoá Trung Quốc trở vượt so với chữ Việt còn đơn giản. Trước khi bị Trung Quốc đô hộ, nước Văn Lang thời Hùng Vương đã có chữ viết riêng, gọi là chữ Khoa Đẩu, giống hình con nòng nọc⁷⁶.

⁷⁶ x. Văn Lang thời Hùng Vương đã từng có chữ viết riêng? Internet, 16/4/2016, bài viết về nhà nghiên cứu Đỗ Văn Xuyên.

Nhưng sau khi các thái thú Tích Quang (khoảng năm 2-3), Nhâm Diên (khoảng năm 29) dạy văn hoá Khổng Mạnh, dạy dân làm ruộng thay vì săn bắn, dạy nghi lễ cưới gả của Trung Quốc cho dân chúng, thì người dân bắt đầu giao lưu với văn hoá Trung Quốc. Nhất là sau khi thái thú Mã Viện tận thu các trống đồng (năm 43) thì chữ Việt Cổ hầu như biến mất trong cộng đồng.



chữ Khoa đầu

Năm 187 Sĩ Nhiếp được cử giữ chức thái thú quận Giao Chỉ, ông đưa hàng trăm trí thức người Hoa sang dạy chữ Hán cho người Việt⁷⁷. Qua chữ Hán và văn học Trung Quốc, người Việt tiếp thu nhiều hệ thống giá trị mới, được gọi là Tam giáo Đông Phương: Nho, Phật, Lão.

Tuy nhiên, các giá trị văn hoá mới này bị người Việt nghi ngờ, nhiều làng xã tẩy chay, vì họ vẫn nhắc nhở nhau về ý đồ bành trướng và đồng hoá của người Trung Quốc.

2.2. Thời kỳ quân chủ độc lập (938-1945)

Lịch sử

Thời kỳ này kéo dài 10 thế kỷ, từ thế kỷ X đến thế kỷ XX, với ba triều đại nhỏ: Ngô (939-965), Đinh (968-979), Tiền Lê (980-1009); 4 triều đại lớn: Lý (1009-1225), Trần (1226-1400), Lê (1428-1788), Nguyễn (1802-1945); xen kẽ với 3 triều đại nhỏ là Hồ (1400-1407), Hậu Trần (1407-1414), Tây Sơn (1788-1802).

⁷⁷ x. Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt Sử ký toàn thư*.

Người Việt ra sức củng cố nền độc lập bằng việc xây dựng đất nước trên mọi lĩnh vực để trở thành một quốc gia cường thịnh. Người Việt nhiều lần chống lại các cuộc xâm lăng của Trung Quốc. Tuy nhiên, sau mỗi lần đánh bại quân thù, các vua Việt vẫn sai sứ giả đem cống vật sang Trung Quốc cầu hoà. Đây là tinh thần hiếu hoà của người Việt vì sống bên cạnh một nước giàu mạnh về sức mạnh quân sự, kiêu hãnh coi mình là trung tâm của thế giới, và luôn tìm cách xâm lăng các dân tộc quanh mình, thì dân Việt phải nhún nhường, kiên nhẫn và khôn ngoan.

Ngay cả khi ở nước ngoài, người Việt cũng không ngừng chống lại kẻ xâm lăng. Chúng ta ghi nhận hoàng tử Lý Long Tường, sinh năm 1171, con thứ bảy của vua Lý Anh Tông. Ông cùng với dân tộc Hàn chiến thắng quân Nguyên Mông năm 1253, được vua Cao Tông ban đất Hoa Sơn và phong tước Hoa Sơn (Hwasan) Tướng quân. Con cháu ông đã làm rạng danh dân tộc Việt ở Triều Tiên cũng như Hàn Quốc.

- Từ thế kỷ X đến thế kỷ XV, công cuộc phục hưng dân tộc mở ra một kỷ nguyên mới mà trung tâm là Thăng Long, Hà Nội. Nhưng từ thế kỷ XVI, đất nước bị phân hoá chia thành Nam-Bắc triều, Đàng Ngoài-Đàng Trong với cuộc nội chiến Lê-Mạc (1533-1592), Trịnh-Nguyễn (1627-1772). Tuy nhiên, nền kinh tế và văn hoá vẫn phát triển trong từng vùng, nhất là các cảng biển. Công cuộc mở rộng, khai phá đất nước về phía Nam vẫn được tiến hành.

- Từ thế kỷ XVI, quan hệ giao thương với nước ngoài phát triển mạnh, dẫn đến sự phồn vinh của nhiều đô thị, cảng biển. Văn hoá dân tộc phát triển nhờ giao lưu với các nước trong khu vực và một số nước phương Tây như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh, Pháp. Đây cũng là thời kỳ Thiên Chúa giáo bắt đầu được truyền bá tại Việt Nam. Các làng nghề thủ công phát triển ở miền Bắc với nghề ươm tơ tằm, dệt lụa và ở miền Trung, miền Nam với nghề làm đồ gốm để trao đổi sản phẩm với nước ngoài.

- Triều đại Tây Sơn, với vua Quang Trung Nguyễn Huệ, có nhiều chính sách cải cách về ruộng đất và văn hoá, nhất là coi trọng chữ Nôm, có lợi cho người dân, nhưng chỉ tồn tại trong thời gian ngắn.

Chúa Nguyễn Ánh, với sự giúp đỡ của người Pháp, đã đánh bại nhà Tây Sơn, mở đầu triều đại nhà Nguyễn khi lên ngôi vua năm 1802, đóng đô ở Phú Xuân, Huế.

Trước sức mạnh quân sự, kỹ thuật vượt trội của phương Tây, triều Nguyễn không có những cải cách đúng đắn để khắc phục tình trạng lạc hậu của đất nước, dùng chính sách bế quan toả cảng và hệ tư tưởng Nho giáo chống lại hệ tư tưởng Thiên Chúa giáo, nên không thể chống lại được làn sóng xâm lược của thực dân Pháp (1858-1884) và nước ta rơi vào vòng nô lệ phương Tây (1884-1945).

Hội nhập văn hoá

Trong thời kỳ này, người Việt vẫn giữ được những nét tiêu biểu của nền văn hoá nông nghiệp lúa nước: trọng tình nghĩa, trọng đức hạnh. Người Việt nhận ra giá trị cao cả, linh thiêng của đất nước, vì đã phải trả giá đắt cho nền độc lập và tự do của dân tộc qua các cuộc chiến tranh nên rất có tinh thần ái quốc, chống lại mọi hình thức xâm lược của người Trung Quốc ở phía Bắc và những người Tây phương ở miền Nam.

Tinh thần ái quốc dâng cao khiến người Việt sẵn sàng hy sinh tình gia đình vì đại nghĩa của đất nước. Bài học văn hoá của giai đoạn này là phải biết bảo tồn dòng họ, mở rộng tình gia đình thành tình gia tộc. Từng cá nhân phải biết hy sinh quyền lợi cho dòng tộc, ngay cả đối với phụ nữ vì “yêu chồng phải gánh giang san nhà chồng”.

Sự gắn bó với dòng tộc đôi khi quá mức khiến nhiều người lại khép kín với đồng bào, chỉ tin tưởng bao che cho những người thân thuộc, tạo nên sự bất công đối với người khác, đến độ "một người làm quan cả họ được nhờ".

Gắn bó với những người đã khuất trong dòng tộc, người Việt chứng tỏ lòng thảo hiếu qua việc thờ cúng tổ tiên. Người Việt lập bàn thờ tại nhà với bài vị của những người đã khuất, cúng bái trong những ngày sóc, vọng, giỗ, tết. Việc này tạo lại mối tương quan với cả những người sống để xoá đi phần nào sự nghi ngại, chia rẽ do thời bị đô hộ để lại.

Gắn bó với đời sống nông nghiệp, người Việt phát triển tình làng nghĩa xóm và các mối quan hệ đồng hương. Tuy nhiên, vì sống mãi trong lũy tre làng, thiếu giao tiếp để mở rộng tầm nhìn, nên người Việt dễ hướng tới óc cục bộ, hẹp hòi. Cộng thêm bản chất nghi kỵ người khác của thời trước, óc cục bộ này đã được Nhà nước quân chủ chuyên chế khai thác tối đa trong tổ chức hành chính làng xã, địa phương, dẫn đến việc người Việt khó chấp nhận sự điều khiển, lãnh đạo của người “ngoại tộc”, xem thường luật pháp quốc gia “phép vua thua lệ làng”, coi thường cả nhân phẩm như cạo đầu, bôi vôi, bỏ trôi sông phụ nữ lỡ lầm.

Do phải chịu những tang thương của cuộc nội chiến từ thế kỷ XVI-XIX, phải đóng sưu cao thuế nặng cho các cuộc nội chiến này, nên người Việt thấy đời sống có vẻ tạm bợ, nặng nề và thường có tâm trạng bi quan, thiếu sự dân thân, yêu đời.

Hệ thống tư tưởng Nho giáo tuy giữ cho dân tộc ổn định trong thời đại nhiễu nhương qua nhiều thế kỷ, nhưng lại kìm hãm việc phát triển, đổi mới, mở ra cho khoa học tiên bộ của con người. Những nhà trí thức thường chỉ quanh quẩn với những vần thơ, bài phú ca tụng chính quyền, dòng họ, tìm danh lợi trong chốn quan trường.

Từ thế kỷ XVI, những giá trị mới của Kitô giáo bắt đầu được truyền bá ở Việt Nam tạo nên những xung đột dữ dội với hệ thống tư tưởng của Khổng giáo được chính quyền quân chủ chuyên chế bảo trợ. Đó là lý do chính khiến người Công giáo bị đối xử bất bình đẳng.



Nhờ thông thạo tiếng Việt và sáng chế ra cách ghi âm tiếng Việt bằng chữ cái Latinh thay cho chữ Nôm, chữ Hán, các nhà truyền giáo dòng Tên từ năm 1615-1665 đã giới thiệu những giá trị văn hoá nền tảng của Kitô giáo. Các tín hữu làm chứng bằng chính đời sống của họ về Thiên Chúa Ba Ngôi, công bằng, bác ái, tự do, ý niệm dân chủ, gia đình một vợ một chồng, bình đẳng nam nữ, khoa học thường thức, để giúp cho đời sống an vui, hạnh phúc, khoẻ mạnh, tươi đẹp nên được nhiều người Việt đón nhận.

Sau khi quân đội Pháp bắn thị uy vào cảng Đà Nẵng năm 1847 và nhanh chóng chiếm được 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ năm 1862, cuộc bách hại người Công giáo trở nên hết sức khốc liệt, vì vua quan đổ tội cho người Công giáo theo gót kẻ xâm lăng. Nhiều đám dân chúng cũng hùa theo quân lính triều đình cướp phá các làng trù phú của người Công giáo với khẩu hiệu “bình Tây sát Tả” trong phong trào Văn Thân.

Tuy nhiên nhiều nhà Nho nổi tiếng yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Kỳ ngoại hầu Cường Để, Lương Văn Can, qua các phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, đã minh oan cho người Công giáo và hô hào toàn dân hãy đón nhận những giá trị văn hoá mới của người Công giáo.

Sau hàng ngàn năm chỉ biết đến nền văn hoá Trung Quốc, người Việt bắt đầu biết đến và đón nhận những giá trị khác lạ của nền văn hoá Tây Phương, đặc biệt của người Pháp. Những khái niệm mới về các hệ thống chính trị và tổ chức chính quyền, về đủ loại khoa học và nghệ thuật, về gia đình và tổ chức xã hội, về nhân phẩm và nhân quyền được phổ biến rộng rãi qua sách báo bằng tiếng Việt, qua các phương tiện truyền thông mới mẻ như báo chí, đài phát thanh, nên đã thay đổi sâu xa đời sống người Việt, không phải chỉ ở thành thị mà còn lan rộng tới những miền thôn quê hẻo lánh. Những chương trình giáo dục với đủ loại trường lớp được thiết lập ở nhiều thành phố lớn.

Người Công giáo tuy chỉ chiếm khoảng 7% dân số nhưng lại giữ một vai trò tích cực và quan trọng trong việc đổi mới cộng đồng xã hội Việt Nam. Từ năm 1887, khi được tự do giữ đạo, người Công giáo

bắt tay vào việc xây dựng những cơ sở tôn giáo như nhà thờ, nhà xứ, toà giám mục, chủng viện, tu viện, song song với các cơ sở giáo dục như trường tiểu học và trung học cũng như các cơ sở xã hội như cô nhi viện, nhà dưỡng lão, trạm phát thuốc, trại phong,... Nhờ đó những giá trị văn hoá mới được phổ biến sâu rộng trong quần chúng. Toàn dân Việt đã đón nhận những giá trị mới mẻ đó để bước vào giai đoạn phát triển của đất nước.

2.3. Thời kỳ phát triển và hội nhập với thế giới (1945-nay)

Lịch sử

Từ năm 1930, Hồ Chí Minh và một số nhà ái quốc đã đi theo chủ nghĩa Cộng sản để giải phóng đất nước. Sau khi Thế chiến II (1939-1945) kết thúc, phát xít Nhật đầu hàng, cuộc Cách Mạng tháng Tám năm 1945 do những người Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thành công. Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập ở Hà Nội, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngày 23/9/1945, quân đội thực dân Pháp tiến công Sài Gòn, mở màn cho cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai.

Sau khi thua trận Điện Biên Phủ năm 1954, quân Pháp rút khỏi miền Bắc Việt Nam theo đúng Hiệp định Genève. Việt Nam tạm chia thành 2 miền theo hai hệ tư tưởng đối kháng nhau: miền Bắc theo chủ nghĩa Cộng sản với tên nước là Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, miền Nam theo chủ nghĩa Tư bản với tên nước là Việt Nam Cộng hoà.

Hai miền bắt đầu chiến tranh khốc liệt từ năm 1963. Đến ngày 30/4/1975, chính quyền miền Nam sụp đổ. Việt Nam thống nhất đất nước để bước vào thời kỳ phát triển và hội nhập với thế giới.

Cuộc hội nhập thật sự vào nền văn hoá thế giới của dân Việt chỉ bắt đầu từ năm 1986 khi Đảng Cộng sản Việt Nam công bố thời kỳ đổi mới và kéo dài đến ngày nay.

Việt Nam là thành viên của 63 tổ chức quốc tế, có quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia thuộc tất cả các châu lục. Việt Nam đã hoạt động tích cực với vai trò ngày càng tăng tại Liên Hiệp Quốc, phát huy vai trò thành viên tích cực của các tổ chức ASEAN, ASEM, APEC,

WHO. Những kết quả đạt được trong mối quan hệ đan xen này đã củng cố và nâng cao vị thế quốc tế của đất nước, tạo ra thể cơ động linh hoạt trong quan hệ quốc tế, có lợi cho việc bảo vệ độc lập, tự chủ, an ninh, xây dựng và phát triển đất nước.

Văn hoá

Từ năm 1975 đến nay, người Việt cố gắng xây dựng lại đất nước bằng cách thu nhận các lỗi sông và khoa học kỹ thuật của các nước trong cộng đồng thế giới. Họ trở thành người hiểu biết nhờ trình độ văn hoá được nâng cao. Hầu như mọi người đều được khuyến khích đi học, mọi trẻ em bắt buộc phải đi học. Qua việc học hành và các phương tiện truyền thông như báo chí, sách vở, phim ảnh, truyền thanh, truyền hình, và cả mạng lưới thông tin toàn cầu (internet), người Việt ngày càng thông thạo khoa học, phát triển nền kinh tế, khai thác được các nguồn tài nguyên phong phú của đất nước.

Nếu như trước đây, người VN có niềm tin mạnh mẽ vào Trời - Phật độ trì, vào thiên mệnh của Nho giáo, vào Thiên Chúa của Kitô giáo, vào Ông bà Tổ tiên chứng giám thì giờ đây niềm tin ấy ở một số người đã suy giảm. Một khi con người đánh mất ý nghĩa của đời sống tinh thần, chối bỏ sự hiện diện của chủ thể luân lý tối cao thì người ta dám làm bất cứ điều gì để chiều theo tham vọng và dục vọng.

Luật pháp không có khả năng khám phá tất cả những bí ẩn của con người bắt nguồn từ trong tâm trí. Vì thế, khi tin vào một chủ thể luân lý tối cao nhìn thấu lòng mình (Trời cao có mắt), con người càng ý thức và tự nguyện sống theo lương tâm ngay chính, vượt qua các quyến rũ của vật chất, đam mê để sống đạo đức.

Vấn đề đặt ra cho chúng ta là làm sao xây dựng một nền đạo đức xã hội biết tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của mọi người, thay vì mất nhiều sức lực cho những tranh cãi duy tâm-duy vật hoặc hữu thần-vô thần. Nếu nhìn theo hướng tích cực, người Việt chúng ta khác với rất nhiều dân tộc, vì được tiếp cận với nhiều hệ tư tưởng, để có dịp tổng hợp và chọn lựa những gì tốt đẹp của

hiều hệ tư tưởng thành một hệ thống giá trị riêng cho nền văn hoá dân tộc.

Nếu làm được như thế, chúng ta mới hoá giải được những xung đột trong nội tâm mỗi người, khi phải đối mặt với những giá trị bị xuyên tạc, hay những khác biệt về văn hoá. Muốn có hoà bình, con người phải biết yêu thương nhau. Muốn có sự thật, con người phải biết tha thứ và đón nhận nhau. Muốn có sự sống vĩnh hằng và hạnh phúc vô biên, con người phải tìm ra được nguồn các giá trị ấy.

Vì vậy, công việc xây dựng và phát triển nền văn hoá VN vào thời đại này đang mời gọi mỗi người cố gắng học hỏi để hoàn thiện chính mình, nghĩa là loại trừ những tật xấu và tập luyện những đức tính tốt cho mình. Nhưng công việc này chỉ có thể thực hiện được với sự giúp đỡ của tập thể và cộng đồng, để khám phá ra những đức tính xã hội căn bản và những tật xấu thường có nơi người Việt. Sau đó phải tìm được những biện pháp hay đường hướng thích hợp để hoàn thiện nhân cách theo từng độ tuổi hay môi trường sống. Những công việc này đòi hỏi sự cộng tác chặt chẽ của các nhà tâm lý, khoa học, giáo dục cũng như các văn nghệ sĩ, nhà truyền thông xã hội...

Riêng đối với người tín hữu Công giáo, chúng ta càng phải tích cực cũng như chủ động trong việc xây dựng và hoàn thiện giá trị con người VN theo Tin Mừng, vì con người là đối tượng chính yếu trong công trình tạo dựng của Thiên Chúa và là đích điểm cứu độ của Đức Giêsu Kitô. *“Không có gì thực sự là của con người mà lại không gieo âm hưởng trong lòng người môn đệ Chúa Kitô”*⁷⁸.

Lời kết

Vì thế, khi tìm hiểu về cuộc hội nhập văn hoá trong dòng lịch sử VN và kết quả hiện nay của nền văn hoá dân tộc, mỗi người chúng ta đều có trách nhiệm phân định những giá trị nào cần tiếp tục gìn giữ và phát huy, giá trị nào nên loại bỏ hoặc điều chỉnh theo hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Dù đây là trách nhiệm nặng nề của chính quyền và người lãnh đạo trong cộng đồng xã hội, nhưng mỗi người, dù

⁷⁸ x. *Gaudium et Spes*, số 1.

chịu ảnh hưởng bởi nền văn hoá nào, vẫn là chủ thể tác động vào nền văn hoá và thay đổi được những giá trị cho thế hệ tương lai. Như thế chúng ta mới có quyền hy vọng vào một tương lai tốt đẹp cho từng người cũng như cho dân tộc.

Câu hỏi gợi ý

- 1. Bạn đã thu nhận được những giá trị nào trong dòng lịch sử văn hoá của dân tộc?*
- 2. Bạn hãy liệt kê những giá trị lỗi thời mà hiện nay người Việt còn đang giữ và đề nghị sửa đổi bằng giá trị nào?*
- 3. Bạn hiểu biết gì về ảnh hưởng của Trung Quốc đối với nền văn hoá Việt Nam?*
- 4. Bạn có những hành động cụ thể nào để giữ gìn bản sắc văn hoá của người Việt?*

Bài 4

Hội nhập văn hoá của Giáo hội Công giáo Việt Nam (1533-2021)

Nhập đề

Người Việt Nam biết đến đạo Công giáo từ năm 1533 và đã đưa những giá trị mới mẻ của Công giáo vào đời sống để thay đổi khá nhiều những giá trị do tổ tiên truyền lại rồi hình thành nên con người Việt Nam hiện nay. Chúng ta muốn tìm hiểu xem người tín hữu Công giáo đã đem đến những giá trị nào cho dân tộc và nhận được những giá trị nào từ quê hương Việt Nam⁷⁹ trong lịch sử hội nhập văn hoá của mình.

⁷⁹ x. Đây là bài được trình bày trong *GHCGVN Niên giám 2016*, tr.171-194 và được nhìn lại dưới khía cạnh hội nhập văn hoá.

Tìm về dòng lịch sử không phải là chúng ta muốn khơi lại những kỷ niệm đau buồn, những mối bất hoà, xung đột, nhưng là để giúp nhau nhận ra những giá trị mà chúng ta đã cùng xây dựng trong mọi biến cố thăng trầm của đời sống. Đồng thời chúng ta cũng muốn tạo nên sự cảm thông giữa mọi thành phần dân tộc để cùng xây dựng một nền văn hoá mới cho thế hệ tương lai.

1. Bối cảnh lịch sử

Chúng ta có thể chia lịch sử Giáo hội Công giáo Việt Nam (GHCGVN) thành 4 thời kỳ (Mở đầu, Tăng trưởng, Phát triển, Trưởng thành) dựa trên những biến cố quan trọng đánh dấu sự thay đổi lớn của cơ cấu GHCGVN và tìm ra những giá trị văn hoá trong từng thời kỳ.



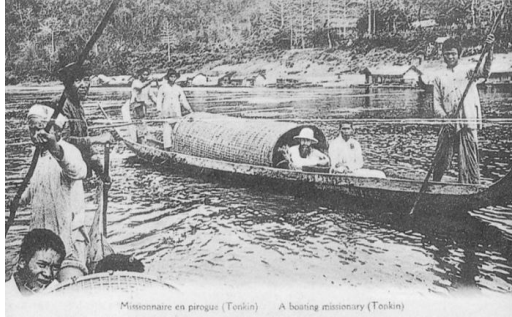
1.1 Thời kỳ mở đầu (1533-1659)

- Giai đoạn thăm dò đầu tiên (1533-1615)

Từ cuối thế kỷ XVI, đặc biệt từ thế kỷ XVII, quan hệ thương mại của nước ta với các nước phương Tây như Bồ Đào Nha, Anh, Pháp và cả Nhật Bản ở phương Đông phát triển. Các chúa Trịnh, chúa Nguyễn muốn giao hảo với người nước ngoài để bán hàng hoá trong nước và nhất là để mua được nhiều súng đạn, tàu chiến. Trong khi đó, Giáo hội Công giáo (GHCG) toàn cầu lại phát động công cuộc truyền giáo và gửi các nhà truyền giáo đi khắp nơi, nhất là đến Ấn Độ và Trung Quốc, như Thánh Phanxicô Xaviê (1541), cha Matteo Ricci. Nhiều nhà truyền giáo đi theo các tàu buôn đến giảng đạo tại Á Châu và Viễn Đông, trong đó có Việt Nam.

Nhiều nhà sử học Công giáo Việt Nam đã chọn năm 1533 như khởi đầu cho đạo tại Việt Nam vì trong bộ *Khâm Định Việt Sử Thông*

*Giám Cương Mục*⁸⁰ có nói đến “tháng 3 năm Nguyên Hoà thứ nhất (1533) đời Lê Trang Tông, có người Tây dương tên I-Nê-Khu, lén đến truyền đạo Giatô ở làng Ninh Cường và Quần Anh, huyện Nam Chân và làng Trà Lũ, huyện Giao Thủy” (nay thuộc tỉnh Nam Định, giáo phận Bùi Chu). Các năm sau đó, có nhiều nhà truyền giáo đến Việt Nam để truyền đạo.



Trong thời kỳ này số tín hữu không nhiều vì các nhà truyền giáo không biết nói tiếng Việt, chưa thích nghi với văn hoá người Việt. Chỉ một ít người theo đạo là do cảm phục đức độ hay tài năng của các nhà truyền giáo hơn là xác tín những chân lý của đạo.

- Giai đoạn mở đạo chính thức (1615-1659)

Giai đoạn này kéo dài từ năm 1615-1665 với các nhà truyền giáo Dòng Tên, ở cả hai miền Nam Bắc, lấy sông Gianh làm ranh giới. Phía Nam gọi là Đàng Trong, do các chúa Nguyễn cai quản. Phía Bắc gọi là Đàng Ngoài do vua Lê, chúa Trịnh nắm quyền. Nhờ kinh nghiệm hội nhập văn hoá của linh mục Matteo Ricci (1582) ở Trung Quốc và Valignano ở Nhật Bản, các nhà truyền giáo quan tâm đến việc học ngôn ngữ, phong tục dân Việt và giảng đạo bằng tiếng Việt. Các nhà truyền giáo biên soạn giáo lý, sáng tác kinh nguyện thơ văn bằng chữ Nôm, chữ Quốc ngữ với sự trợ giúp của các thầy giảng có học thức như cụ Gioakim, sư cụ chùa Phao, sư cụ Manuel, cụ Nghè Giuse... Đáng kể nhất là các linh mục Gaspar d’Amaral, António Barbosa, Girolamo Majorica (người Ý), đặc biệt là cha Đắc Lộ với

⁸⁰ x. *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* được soạn thảo dưới triều vua Tự Đức từ năm 1856, quyển 33, phần chính biên, tờ 5-6,

những tác phẩm bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên ấn hành ở Rôma năm 1651: *Phép Giảng Tám Ngày*, *Từ điển Việt-Bồ-La* và *Ngữ pháp tiếng An Nam*.

Đây là thứ chữ được các linh mục Dòng Tên gốc Bồ Đào Nha như João Ruis, Gaspar Luis, Cristoforo Borri, Francesco Buzomi, Francisco de Pina, Gaspar d’Amaral, Alexandre de Rhodes với sự cộng tác âm thầm của nhiều người Việt như Igesico Văn Tín, Bento Thiện, đã sáng tạo ra trong những năm 1620-1659⁸¹.

Nhờ các “Thầy Giảng” và “Câu Trùm” là những tông đồ giáo dân nhiệt thành, việc truyền giáo đã đạt được những kết quả ngoài sức tưởng tượng. Sau 37 năm truyền giáo ở Đàng Ngoài (với 25 linh mục và 5 trợ sĩ) và 50 năm truyền giáo ở Đàng Trong (với 39 linh mục và 1 trợ sĩ), các nhà truyền giáo Dòng Tên đã rửa tội khoảng 100.000 tín hữu (20.000 ở Đàng Trong và 80.000 ở Đàng Ngoài)⁸².

Việc rao giảng Tin Mừng được vua chúa Việt Nam quy định rõ ràng trong một số nơi chốn với nhiều hạn chế của các quan lại địa phương. Vì thế, các tín hữu gặp nhiều khó khăn trong việc giữ đạo và có khi đã phải đổ cả máu đào để làm chứng đức tin như thầy giảng Anrê Phú Yên ở Quảng Nam ngày 26/7/1644.

1.2. Thời kỳ tăng trưởng (1659-1802)

Sau khi bị trục xuất vĩnh viễn khỏi Việt Nam năm 1645, cha Đắc Lộ về châu Âu tường trình cánh đồng truyền giáo chín vàng ở Việt Nam để kêu gọi có thêm nhà truyền giáo và giám mục sang Việt Nam. Ngày 9/9/1659, Đức Thánh Cha Alexander VII, qua Sắc chỉ *Super Cathedram*, quyết định thiết lập ở Việt Nam hai giáo phận và chọn hai nhà truyền giáo thuộc Hội Truyền giáo Paris (MEP) làm Đại diện Tông toà. Gp. Đàng Trong từ sông Gianh trở vào Nam, gồm cả phần đất Chiêm Thành, Chân Lạp do Đức cha Pierre Lambert de la Motte cai quản. Gp. Đàng Ngoài từ sông Gianh trở ra Bắc, bao gồm cả Lào và 5 tỉnh miền Nam Trung Quốc do Đức cha François Pallu coi sóc.

⁸¹ x. Đỗ Quang Chính, *Lịch sử Chữ Quốc ngữ*, 1620-1659, Tủ sách Ra Khơi, Sài Gòn, 1972.

⁸² x. Công giáo và Dân tộc, *Công giáo Việt Nam sau quá trình 50 năm, 1945-1995*, 1996, tr.86.

Chúng ta ghi nhận một số khó khăn chính của thời kỳ này.

Khó khăn trước hết là sự bất hoà giữa các nhà truyền giáo Dòng Tên và các giám mục Đại diện Tông toà thuộc Hội các Nhà truyền giáo Paris cũng như giữa các nhà truyền giáo thuộc nhiều quốc tịch khác nhau. Khó khăn này bắt nguồn từ quan điểm cởi mở hay đóng kín với việc hội nhập văn hoá bản địa, nhất là với việc tôn kính Đức Không Tử và thờ cúng tổ tiên.

Khó khăn thứ hai là tính cách bất hợp pháp của Công giáo do các sắc chỉ cấm đạo của vua chúa. Nhiều nhà truyền giáo nước ngoài cũng như linh mục Việt Nam đã bị giết hại dưới thời các chúa Trịnh, chúa Nguyễn.

Các vua chúa cho rằng đạo Công giáo dạy nhiều điều trái ngược với luân thường đạo lý khi cổ vũ ý niệm dân chủ cho rằng mọi người đều là anh em, con của một Đức Chúa Trời và không ai có quyền sinh sát trong tay như ông vua trong chế độ quân chủ. Đạo còn cổ vũ hôn nhân “một vợ, một chồng” trái với tục đa thê có từ lâu đời trong xã hội, và chủ trương nữ bình đẳng là đi ngược với quan niệm ngàn đời của Nho giáo “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”.

Hàng chục ngàn giáo dân (khoảng 30.000) đã bị giết chết chỉ vì muốn bảo vệ đức tin và những sự thật đó. Họ chấp nhận bị tù đày, ngược đãi, cướp bóc tài sản, bị bắt làm nô lệ cho dân làng không có đạo chứ nhất định không bỏ đạo.

Trước tình cảnh đó, các nhà truyền giáo nước ngoài đã đi tìm một giải pháp mới, khiến cho sau này người Pháp có cơ can thiệp và xâm chiếm Việt Nam bằng vũ lực⁸³.

Đức cha Pigneau de Béhaine, quen gọi là Cha Cả Bá Đa Lộc, Đại diện Tông toà Đàng Trong (1771-1799), đã hết lòng giúp đỡ Nguyễn Phúc Ánh, lúc đó đang bị khốn đốn bởi cuộc vây hãm của quân Tây Sơn. Ngài đã đưa hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh (mới lên 4 tuổi) sang Pháp và vận động người Pháp giúp đỡ tàu chiến, vũ khí để Nguyễn Phúc Ánh chống Tây Sơn và chúa Trịnh. Ước nguyện của các nhà

⁸³ x. Nguyễn Văn Kiệm, *Một số vấn đề lịch sử đạo Thiên Chúa trong lịch sử dân tộc Việt Nam*, UBKHXH, Viện KHXH và Ban Tôn giáo Chính phủ, 1988, tr.29-42.

truyền giáo và của Đức cha Bá Đa Lộc là chỉ muốn cho người Công giáo Việt Nam được an thân giữ đạo và đạo Chúa được mở rộng, vừa có lợi cho Giáo Hội, vừa tốt đẹp cho dân tộc Việt Nam.

Đức cha đã nuôi dạy hoàng tử Cảnh ở dinh Tân Xá. Năm 13 tuổi, hoàng tử được phong làm Nguyên Soái Quận Công, theo cha đi chinh chiến, lập nhiều chiến công.

Sau khi ở Pháp về năm 1789, hoàng tử Cảnh không chịu làm lễ bái trước bàn thờ gia tiên khiến vua Gia Long rất khó chịu. Đây cũng là một trong các nguyên nhân sâu xa khiến nhà vua không chọn hoàng tôn Đán mà lại chọn người con nuôi là hoàng tử Đảm sau này. Chính Đức cha cũng khuyên hoàng tử Cảnh phải tôn trọng tục lệ thờ kính ông bà và lễ bái trước bàn thờ chư vị tiên đế⁸⁴. Ước mơ của các nhà truyền giáo về một ông vua theo đạo Công giáo và cho người Công giáo được hoàn toàn tự do hành đạo như vua Constantinus ở đế quốc Rôma năm 313 hoàn toàn tan biến với cái chết của Đức cha Lộc (9/10/1799) và của hoàng tử Cảnh (1801).

Tuy nhiên, dù chịu nhiều thử thách và bách hại vì đức tin, số tín hữu ở cả 3 giáo phận vẫn tăng lên không ngừng. Vào năm 1802, GHVN đã thành hình cơ cấu tổ chức gồm 3 giáo phận với 121 linh mục Việt Nam, 17 nhà truyền giáo gồm cả giám mục và linh mục, khoảng 320.000 tín hữu.

1.3. Thời kỳ phát triển (1802-1960)

Thời kỳ này có thể chia thành 2 giai đoạn: giai đoạn thử thách và giai đoạn xung đột. Từ năm 1802, đất nước đã thống nhất về mặt chính quyền: dân tộc Việt sống dưới chế độ quân chủ chuyên chế của các vua triều Nguyễn.

- Giai đoạn phát triển trong thử thách (1802-1884)

Trong suốt giai đoạn này, trừ 18 năm đầu dưới triều vua Gia Long (1802-1820), các năm còn lại GHVN phải chịu đựng những cuộc

⁸⁴ x. Trần Đình Sơn, *Vua Gia Long với quyết định chọn người kế vị*, tạp chí *Xưa và Nay* của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, số 81B, tháng 11/2000, tr.26-27.34.

bách hại tàn khốc do triều đình Nhà Nguyễn cũng như do sĩ phu và dân chúng theo phong trào Văn Thân gây nên.

Vì nhớ công ơn của Đức cha Lộc, nên vua Gia Long đã cho phép tự do truyền bá đạo Công giáo. Nhà vua có thiện cảm với đạo, nhưng không muốn theo, vì thấy luật lệ đạo quá nghiêm khắc đối với tục đa thê và việc thờ cúng tổ tiên.

Một vài lý do tiềm ẩn

Hoàng tử Cảnh qua đời vì bệnh đậu mùa năm 1801 lúc mới được 22 tuổi, vua Gia Long phế bỏ người cháu đích tôn là Đán và chọn người con nuôi là hoàng tử Đảm kế vị, mặc dù nhiều quan lại triều đình lúc ấy can gián vua nên giữ chính tông, vì “đích tôn thừa trọng”. Trong số đó, Tả Quân Lê Văn Duyệt là người phản đối mạnh mẽ nhất. Sau khi vua Gia Long băng hà, hoàng tử Đảm lên ngôi (15/2/1820), lấy niên hiệu là Minh Mạng. Vì muốn bảo vệ ngai vàng cho dòng tộc nên vua đã xử tội hoàng tôn Đán thông dâm với mẹ là bà Vương Cơ Tổng Thị Quyên năm 1824. Bà bị đày xuống nước cho đến chết, còn hoàng tử Đán và con cháu bị giáng làm thường dân⁸⁵.

Dù Lê Văn Duyệt đã chết (25/8/1832), vua Minh Mạng vẫn giữ lòng hận thù. Vua bãi bỏ chức Tổng Trấn, lập toà án xét xử Lê Văn Duyệt tội hà lạm công quỹ. Vua cho đào mả và san bằng mộ bia khiến cho người con nuôi của ông là Lê Văn Khôi nổi loạn chống lại triều đình. Cuộc nổi loạn của Lê Văn Khôi cũng là một lý do thúc đẩy vua Minh Mạng thù ghét và bách hại người Công giáo và tạo nên hiểu lầm về Thánh tử đạo Joseph Marchand Du⁸⁶.

Ngày 8/9/1835, quân triều đình chiếm lại được thành Phiên An (Gia Định). Vua truyền chém đầu, phân thây 1.994 người, trong đó có cha Phước, cha sở Chợ Quán, và chôn chung trong một hố sâu gọi là Mả Ngụy. Sáu người còn lại bị giải về kinh đô Huế, trong đó có cha Marchand Du, người đã bị Lê Văn Khôi dùng vũ lực ép

⁸⁵ x. Trần Đình Sơn, Sđd, Tạp chí *Xưa và Nay*, số 81B, tháng 11/2000, tr.26-27.

⁸⁶ x. Gs. Lê Văn Sáu, *Một số vấn đề lịch sử đạo Thiên Chúa trong lịch sử dân tộc Việt Nam*, Ủy ban Khoa học Xã hội, Viện KHXH và Ban Tôn giáo Chính Phủ, 1988, tr.101.

phải vào thành Phiên An, vì tin tưởng cha có phép màu và lôi kéo được các tín hữu chống lại triều đình, như các thư cha Marchand Du còn để lại đã minh chứng điều đó. Thật ra, trong số 2.000 người phản loạn, chỉ có 26 người đàn ông và 40 đàn bà trẻ con là người Công giáo⁸⁷.

Dù bị giết hại nhiều nhưng số tín hữu vẫn không ngừng gia tăng trong cả 2 miền Nam Bắc ngay trong những giai đoạn thử thách cam go nhất.

Vào năm 1850, GHCGVN có 8 giáo phận với số giáo dân ở 4 giáo phận miền Bắc là 380.000 người, 147 linh mục và 4 giáo phận trong miền Nam khoảng 120.000 người và 80 linh mục. Dân số Công giáo chiếm khoảng 10-12% dân số cả nước. Theo thống kê, vào cuối thời vua Thiệu Trị, năm 1847, dân số nước ta có khoảng gần 5 triệu người, căn cứ vào số dân định khai báo toàn quốc là 1.024.380⁸⁸.

Cuộc xâm lăng của người Pháp

Vua Minh Mạng chịu ảnh hưởng của các vua Trung Hoa và Nhật Bản ra nhiều chiếu chỉ cấm đạo Công giáo và theo đuổi chính sách bế quan toả cảng. Nhưng sau khi Trung Hoa thất trận trước các cường quốc châu Âu (1838-1839), nhà vua muốn thay đổi đường lối chính trị bằng việc cử phái đoàn do Phan Thanh Giản dẫn đầu sang Pháp năm 1840 để thương thuyết. Phái đoàn thất bại nên vào những năm cuối đời vua càng cấm đạo tàn khốc hơn⁸⁹.

Sau khi vua Thiệu Trị băng hà ngày 4/11/1847, vua Tự Đức lên ngôi và ra ngay sắc chỉ cấm đạo năm 1848, vì nghi ngờ người Công giáo cấu kết với Hồng Bảo, anh cả của vua, âm mưu chiếm đoạt ngai vàng. Vua ban nhiều sắc chỉ cấm đạo trong suốt triều đại lâu dài của mình (1847-1883). Những sắc chỉ cấm đạo vào các năm 1848, 1852, 1854, 1855, nhất là năm 1857: “Giết ngay Tây dương

⁸⁷ x. Nguyễn Văn Quý, *Địa phận Sài Gòn 1835-1944*, tư liệu, 1993, tr. 5-39.

⁸⁸ x. Nguyễn Thế Anh, *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, Nhà xuất bản Văn Học, 2008, tr. 11-12.

⁸⁹ x. Lm. Bùi Đức Sinh, OP., *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam*, q.II, tr.17-200.

đạo trưởng, bêu đầu 3 ngày ở những nơi công cộng và bị quăng xác xuống biển” đã tạo cơ cho tàu Pháp bắn phá Đà Nẵng để thị uy. Năm 1858, chiến tranh giữa Pháp, Tây Ban Nha và Việt Nam bùng nổ. Quân Pháp chiếm thành Kỳ Hoà năm 1861, uy hiếp các tỉnh miền Đông Nam Kỳ.

Cuộc sát hại tập thể người Công giáo xảy ra nhiều nơi trên đất Việt do lòng ái quốc của đồng bào để đáp trả việc người Pháp xâm lăng. Tháng 7 năm 1861, vua ban hành lệnh phân tháp (chia nhỏ và gộp) người Công giáo vào các làng không Công giáo. Quân Pháp tiếp tục đánh chiếm và quân triều đình thất thủ ở khắp nơi.

Hoà ước Nhâm Tuất giữa Việt Nam và Pháp ký năm 1862 buộc triều đình Việt Nam phải tôn trọng tự do tôn giáo, phải nhường 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp. Năm 1867, Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Năm 1873, Pháp chiếm Hà Nội lần I và một số tỉnh ở đồng bằng sông Hồng, sau đó rút quân.

Năm 1874, triều đình ký Hiệp ước Giáp Tuất nhường 6 tỉnh Nam Kỳ cho Pháp, hoà ước này có 22 khoản, trong đó có khoản 9 đề cập đến vấn đề tự do tôn giáo. Năm 1882, Pháp đánh Bắc Kỳ lần II rồi vào chiếm đóng kinh thành Huế.

Năm 1884, Hoà ước Giáp Thân với điểm chính là “Chính phủ Pháp bảo hộ Bắc Kỳ, lục tỉnh Nam Kỳ là thuộc địa Pháp và Trung Kỳ thuộc quyền cai trị của Triều đình Huế” nói lên sự suy tàn của triều đình phong kiến Việt Nam. Thật ra, tôn giáo chỉ là một cái cớ để người Pháp xâm lăng nước ta giống như nhiều nước ở phương Tây đi chiếm thuộc địa. Nhưng lý do “bảo vệ người theo đạo” của quân Pháp lại là nguyên nhân dẫn đến việc tàn sát người Công giáo của phong trào Văn Thân.

Phong trào Văn Thân

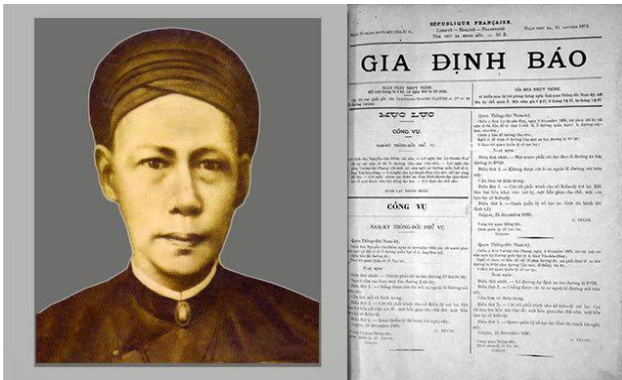
Văn Thân là một phong trào quần chúng, do các nho sĩ Việt Nam lãnh đạo, với mục tiêu "bình Tây, sát tả" (nghĩa là: "đẹp người phương Tây, giết người theo tà đạo") để cứu nước. Phong trào này khởi đầu từ năm 1864 bằng cuộc bãi thi của sĩ tử trong kỳ thi Hương tại các trường miền Bắc và miền Trung nhằm phản đối triều đình ký

Hiệp ước Nhâm Tuất (1862). Phong trào này bùng phát dữ dội tại Nghệ An và Hà Tĩnh.

Trong khi đó, người Công giáo lại được học bài học sẵn sàng chết để làm chứng cho đức tin, không hận thù hay chống lại kẻ bách hại mình để noi gương Chúa Giêsu. Rất hiếm làng Công giáo nào như giáo xứ Trà Kiệu dám tổ chức chống lại quân triều đình và phong trào Văn Thân.

Tờ báo Quốc ngữ đầu tiên: Gia Định Báo

Một bằng chứng cho thấy quần chúng yêu mến và đón nhận những giá trị văn hoá của đạo Công giáo là việc phát hành tờ báo Quốc ngữ đầu tiên, tờ Gia Định Báo, ngay từ năm 1865, chỉ sau vài năm người Pháp xâm chiếm Việt Nam. Tờ báo phát hành số đầu tiên vào ngày 15/04/1865 tại Sài Gòn do Trương Vĩnh Ký làm chánh tổng tài (giám đốc) và Huỳnh Tịnh Của làm chủ bút. Tờ báo tồn tại mãi đến năm 1897 mới chấm dứt hoạt động. Như vậy người dân Nam Bộ đã phải biết chữ Quốc ngữ cả trăm năm trước nên tờ báo mới có thể phổ biến. Ở miền Bắc chữ Quốc ngữ phổ biến chậm và muộn hơn, tới năm 1905 mới có tờ Đại Việt Tân Báo. Giá trị chữ Việt của người Công giáo đã được quần chúng công nhận chỉ sau khoảng 200 năm phát minh để sau đó trở thành chữ quốc ngữ.



Số người Công giáo bị giết hại trong giai đoạn 1820-1886 khoảng gần 100.000 người. Vào năm 1883, GHVN có 9 giáo phận với số tín hữu gần 600.000 người, chiếm tỉ lệ 8% dân số. Trong giai đoạn thử thách này, dù bị giết hại rất nhiều, nhưng người theo đạo vẫn không

hề sút giảm và đã giới thiệu cho người bách hại mình một sự sống mới mẻ và toàn diện.

- *Giai đoạn phát triển trong xung đột (1884-1960)*

Giai đoạn phát triển này tuy không còn những tổn thương trực tiếp gây ra bởi triều đình hay quần chúng, nhưng GHVN vẫn chịu tác động bởi những xung đột trong lòng dân tộc và thế giới.

Từ năm 1887, người Pháp hoàn tất quá trình xâm lược Việt Nam và tổ chức một bộ máy cai trị khá hoàn chỉnh từ trung ương đến địa phương. Có rất nhiều người Công giáo đã tham gia các phong trào yêu nước như phong trào Duy Tân (1904), Đông Du (1905) do Phan Bội Châu lãnh đạo, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (1907) do Lương Văn Can và các bạn khởi xướng. Trong cuốn hồi ký *Phan Bội Châu Niên Biểu*, Phan Bội Châu đã kể rõ tên của một số linh mục, giáo dân và xứ đạo đã giúp đỡ mình. Ông nhắc đến linh mục Mai Lão Bạng, quê ở Thọ Ninh, Hà Tĩnh, tháng 3/1908, đã đem vài chục thanh niên Công giáo sang Hồng Kông trong chương trình Đông Du⁹⁰.

Sau Thế chiến thứ I (1914-1918) và thứ II (1939-1945), dân tộc Việt Nam trải qua thời kỳ bất ổn triền miên kéo dài tới năm 1954. Nhiều phong trào chống Pháp với các cuộc khởi nghĩa nổ ra khắp nơi như Việt Nam Quốc dân Đảng (1920) với Nguyễn Thái Học ở Yên Bái; Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930) ở Nghệ An, Hà Tĩnh; Du kích Bắc Sơn tháng 9/1940; Khởi nghĩa Nam Kỳ (23/11/1940). Nhiều tín hữu Công giáo tham gia các cuộc khởi nghĩa này.

Sau Hiệp định Genève 1954, Việt Nam tạm thời bị chia thành hai miền: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc theo chế độ Cộng sản và Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam theo chế độ Tư bản. Sau đó là cuộc di cư của gần 1 triệu người ở cả 2 miền, trong đó có khoảng 700.000 tín hữu miền Bắc, đa số là Công giáo, di cư vào miền Nam. Biến cố này đã tạo nên nhiều xáo trộn trong GHCG ở miền Bắc và thay đổi mạnh mẽ cấu trúc của GHCG ở miền Nam.

⁹⁰ x. *Một số vấn đề lịch sử đạo Thiên Chúa trong lịch sử dân tộc Việt Nam*, Ủy ban Khoa học Xã hội, Viện KHXH và Ban Tôn giáo Chính Phủ, 1988, tr.45.

Tình trạng Giáo hội Việt Nam

Ngày 3/12/1924, Toà Thánh đổi tên các giáo phận Tông toà tại Việt Nam theo địa hạt hành chính, nơi đặt toà giám mục, giống như ta đang có ngày nay.

Sau cuộc di cư năm 1954, Giáo hội miền Bắc còn lại 10 giáo phận với 7 giám mục, 374 linh mục và một số ít tu sĩ phục vụ 750.000 tín hữu. GHCG miền Bắc chịu nhiều thử thách nặng nề: tất cả các cơ sở giáo dục của Giáo Hội như chủng viện, dòng tu, trường học hay bác ái từ thiện như bệnh viện, nhà dưỡng lão, cô nhi viện ngừng hoạt động. Sinh hoạt tôn giáo trầm lắng.



Trong khi đó, GHCG miền Nam phát triển rất nhanh. Các giáo xứ của người Bắc di cư nhanh chóng xây dựng các cơ sở. Các làng nghề truyền thống từ miền Bắc được tái lập ở miền Nam khiến cho nền kinh tế của Việt Nam Cộng hoà phát triển mạnh mẽ và trở vượt các nước Đông Nam Á. Nhờ sự giúp đỡ đặc biệt của Hoa Kỳ và nhiều nước châu Âu, người di cư ổn định rất nhanh đời sống và hoà nhập vào cộng đồng dân tộc để cùng xây dựng quê hương.

Do số tín hữu đông đảo từ miền Bắc chuyển vào, nhiều giáo phận mới ở miền Nam được thành lập. Năm 1960, GHVN có 20 giáo phận: 10 ở giáo tỉnh Hà Nội thuộc miền Bắc, 4 ở Huế và 6 ở Sài Gòn thuộc miền Nam. Thời điểm này, GHVN có 23 giám mục, 2.096.540 tín hữu trong số 29.200.000 dân, chiếm tỉ lệ 7,17%; 1.914 linh mục, 5.789 nam nữ tu sĩ, 1.530 đại và tiểu chủng sinh.

1. 4. Thời kỳ trưởng thành (1960 đến nay)

Thời kỳ này được đánh dấu bằng việc thành lập Hàng Giáo phẩm Công giáo Việt Nam. Ngày 24/11/1960, Đức Giáo hoàng Gioan XXIII thiết lập Hàng Giáo phẩm với 3 giáo tỉnh Hà Nội, Huế và Sài Gòn. Việc thành lập này có nghĩa là GHCGVN được Giáo Hội toàn cầu công nhận như một thực thể chính thức, trưởng thành trong mọi sinh hoạt. Thời kỳ này mới chỉ kéo dài 60 năm nhưng nhiều biến cố lớn lao trên thế giới và trong đất nước đã ảnh hưởng sâu xa đến GHVN, tác động đến sự trưởng thành của Giáo hội này.

Trên thế giới, cuộc đối đầu giữa hai hệ tư tưởng Tư bản và Cộng sản, hay gọi là chiến tranh lạnh (1947-1991), xảy ra ở nhiều nơi và ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam.

Khởi đầu thời kỳ này, một biến cố tác động sâu xa đến Giáo Hội toàn cầu cũng như GHVN, đó là Công đồng Chung Vaticanô II (1962-1965) với đường hướng đại đoàn kết và mục vụ đã làm cho GHVN, nhất là ở miền Nam, quan tâm nhiều đến vai trò của Giáo Hội trong thế giới ngày nay và thúc đẩy mọi tín hữu tích cực tham gia các hoạt động trong xã hội trần thế.

Ngày 30/4/1975, chính quyền miền Nam sụp đổ, đất nước thống nhất theo chế độ xã hội chủ nghĩa.

Vào thời điểm 1975, GHVN có 3 giáo tỉnh: Hà Nội, Huế, Sài Gòn với 25 giáo phận. Sau tháng 11/1976, GHVN có 3 giáo tỉnh: Hà Nội, Huế, TP.Hồ Chí Minh. Giáo phận mới được Toà Thánh thiết lập là Bà Rịa vào năm 2005, tách ra từ Gp. Xuân Lộc. Giáo phận mới nhất được thành lập năm 2018 là Hà Tĩnh, được tách ra từ giáo phận Vinh với giáo dân thuộc 2 tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình. GHVN hiện nay có 27 giáo phận.

2. Hội nhập văn hoá

Sau khi tìm hiểu bối cảnh lịch sử của Giáo hội Công giáo Việt Nam qua các thời kỳ, chúng ta muốn tìm ra những giá trị văn hoá mà người Công giáo đã đóng góp cho quê hương cũng như nhận được từ dân tộc để hình thành nên nền văn hoá hiện nay.

2.1. Hội nhập văn hoá thời kỳ mở đầu (1533-1659)

Kể từ năm 1533 đến 1615, các nhà truyền giáo tuy có đến giảng đạo tại Việt Nam nhưng ảnh hưởng của họ không nhiều, kết quả người theo đạo cũng không bao nhiêu và những giá trị văn hoá cũng không rõ ràng. Lý do chính là sự ngăn trở về ngôn ngữ khiến đôi bên không hiểu nhau nhiều.

Nhưng giai đoạn từ năm 1615 đến 1659, hoạt động truyền giáo lại hoàn toàn khác. Số người theo đạo rất đông nhờ các linh mục dòng Tên giảng đạo bằng tiếng Việt, dạy cho dân Việt biết những giá trị mới mẻ, khác hẳn những giá trị trước đây do Tam giáo Đông Phương đem lại.

Người Việt Nam từ xưa vẫn tin vào Trời nay được biết vị Chúa của trời đất đó là Đấng Tạo Hoá dựng nên vạn vật. Ngài là chủ của sự sống vĩnh hằng, nên dù sự sống ở đời này có mất đi, con người sẽ được sống mãi mãi ở đời sau. Chúa Trời là Cha chung của mọi người nên tất cả đều là anh chị em với nhau, là con cái của “Cha Trên Trời”, và đều bình đẳng với nhau về mặt giá trị làm người, dù vẫn có tôn ti trật tự trong xã hội. Ngài yêu thương tất cả đến nỗi đã cho Con Một của mình trở thành người là Đức Giêsu Kitô để cứu độ muôn loài.

Đức Giêsu đó đã chết để đền tội thay cho mọi người và đã sống lại để làm cho tất cả nhận được sự sống mới mẻ, kỳ diệu, phi thường mà Chúa Thánh Thần sẽ thực hiện cho những ai tin vào Đức Giêsu Kitô. Nội dung này chúng ta thấy trong sách *Phép Giảng Tám Ngày* của Cha Đắc Lộ. Đây là bản giáo lý tổng hợp đầu tiên bằng chữ Việt của các nhà truyền giáo được in ngay từ năm 1651.

Những giá trị nền tảng như ý niệm về dân chủ, về gia đình một vợ một chồng, về nam nữ bình đẳng, về nhân phẩm cao quý của con người, về tình huynh đệ đại đồng, về chữ Việt và khoa học kỹ thuật là những giá trị hoàn toàn mới mẻ đối với người Việt thời đó. Chúng được chứng minh bằng đời sống của chính những nhà truyền giáo và tín hữu nên có một sức thuyết phục rất lớn, khiến cho người Việt Nam thời đó theo đạo Công giáo bất chấp những thử thách, đau khổ, thiệt thòi.

Niềm tin vào đời sống vĩnh hằng lại thể hiện rất trong sáng và tích cực trong đời sống thường ngày và nó trở nên một sức hút kỳ lạ của tôn giáo mới đối với mọi người dân Việt thời đó vì họ chưa hiểu biết nhiều về khoa học, chưa biết giữ vệ sinh nên nhiều trẻ sơ sinh bị chết yểu, nhiều sản phụ mắc bệnh hậu sản. Hằng ngày, người ta thường dùng nước ao tù để tắm rửa, ăn uống, nên dễ bị các bệnh toét mắt, ghẻ lở, giun sán, đường ruột... Các người Công giáo, nhờ được các giáo sĩ Tây Phương, các thầy giảng, các nữ tu dạy các kiến thức về khoa học phổ thông, nên biết lọc nước bằng than cát sỏi để dùng và nấu nước chín để uống, giữ vệ sinh thân thể nên trở thành những người khoẻ mạnh, xinh đẹp.

Phật giáo là tôn giáo rất phổ biến trong quần chúng vì phù hợp với tình trạng đất nước. Phật giáo dạy đời là bể khổ và muốn vào được Niết Bàn thì phải tu tập nên người ta phải sống lương thiện, đạo đức, ăn ngay ở lành để tạo phúc cho mình và cho con cháu. Tôn giáo mới lại dạy con người yêu thương, tôn trọng, hy sinh cho nhau, đề cao lòng tin tưởng, hy vọng, niềm vui với tâm thức lạc quan, năng động vì Đức Giêsu sống lại từ cõi chết và đang sống giữa mọi người, và chỉ cần một kiếp sống ở đời này để mến Chúa yêu người là đủ để được vào Thiên Đàng.

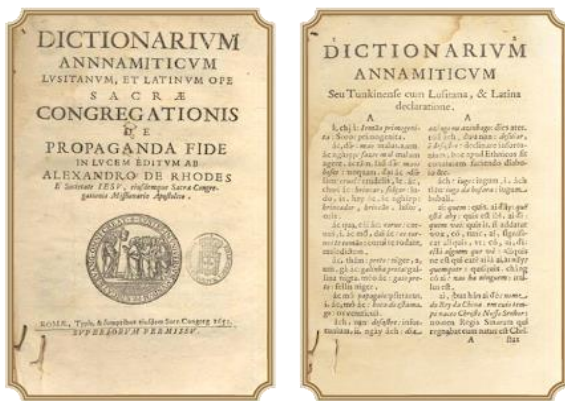
Nho giáo dạy người dân phải trung với vua, vì vua là thiên tử thay trời trị dân, có toàn quyền sinh sát. Vì thế, người Công giáo không bao giờ tỏ thái độ bất trung, bất kính với vua. Họ luôn nhớ đến cái chết của Chúa Giêsu. Ngài cũng là Thiên Tử vì là Con Một của Đức Chúa Trời. Nhưng thay vì bất người khác phải chết thì Chúa Giêsu lại chết thay cho mọi người để đền tội và hoà giải họ với Thiên Chúa. Ý nghĩa của Nho giáo về tam cương, ngũ luân, ngũ thường được thay thế bằng những giá trị tích cực của “Mười Điều Răn”, “Tám Mối Phúc Thật”, “Thương người có 14 mối”, “Đàng Thánh giá”, “15 Phép lần hạt Mân Côi”, nhất là “Lễ Misa” khiến cho người dân quê thấy đạo là con đường rất rõ ràng, trong sáng.

Lão giáo bị biến thể thành việc dân chúng thờ cúng những sức mạnh thiên nhiên: thần đất, thần núi, thần sông, với những nghi thức lên đồng, gọi hồn, xin xăm, xin quẻ, tôn thờ các hồn ma ở bên nước hay

trên cây đa đầu làng. Tôn giáo mới dạy con người biết Chúa thật của trời đất (*Thiên địa chân Chúa*) là ai, vạn vật tự nhiên chỉ là những đứa em nhỏ được giao phó cho con người cai quản, các quỷ dữ hồn ma thật sự là ai và ta phải đối xử với tất cả như thế nào nên người dân Việt theo đạo cảm thấy an vui, hạnh phúc.

Trong xã hội phong kiến xây dựng trên Nho giáo: nữ giới bị khinh miệt, bị đối xử bất bình đẳng và phải biết giữ “tam tòng, tứ đức”. Đạo Công giáo, với chế độ một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng, đặt nền tảng gia đình và xã hội trên tình yêu trong sáng và quảng đại như Chúa Giêsu, đã giới thiệu những nét rất mới cho xã hội Việt Nam. Gia đình người có đạo an vui, hạnh phúc, trong nhà lúc nào cũng vang tiếng cười vì không có cảnh “chồng chúa, vợ tôi”, “vợ cả, vợ lẽ”, “con bà, con tôi”, nam nữ đều được tôn trọng, được học hành, làm việc như nhau.

Thời đó, chữ nghĩa “quý giá” và đắt đỏ, cả làng may ra chỉ có một vài người giàu mới có đủ điều kiện cho con cháu đi học, hy vọng đỗ trong các kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình do nhà vua tổ chức đề ra làm quan cho triều đình. Nhưng tất cả tín hữu Công giáo, dù là nam hay nữ, trẻ hay già, đều được khuyến khích học hành, lúc đầu là chữ Nho, chữ Nôm, sau là chữ Quốc ngữ. Kinh sách đọc hằng ngày, giáo lý học hằng tuần, càng làm cho người có đạo dễ học hành, truyền bá chữ nghĩa cho nhau, trở thành “người có học” trong xã hội.



Bìa và trang trong của Từ điển Việt-Bồ-La của giáo sĩ Đức Lộ

Chữ quốc ngữ là thứ chữ ghi âm tiếng nói của người Việt trong đời sống thường ngày bằng mẫu tự Latinh với 24 chữ cái, thay vì phải học 214 chữ đơn từ 1 nét đến 17 nét trong bộ chữ Hán của người Trung Quốc để tạo ra chữ Hán, chữ Nôm. Chữ quốc ngữ vừa dễ đọc dễ viết, ích lợi trong đời sống giao tiếp xã hội hằng ngày, nên được dân chúng thích thú theo học và truyền lại cho nhau, lan rộng trong cả cộng đồng xã hội. Điều này xúc phạm nặng nề đến lòng tự ái của những quan lại triều đình, của giới sĩ phu tự cho là những “người có học” trong xã hội thời đó.

2.2. Hội nhập văn hoá thời kỳ tăng trưởng (1659-1802)

Từ năm 1665, những giá trị văn hoá Công giáo tiếp tục được phổ biến rộng rãi nhờ các nhà truyền giáo người Pháp thuộc Hội Truyền giáo Paris, nhờ việc đào tạo và phong chức linh mục cho người Việt Nam, và việc lập Dòng Mến Thánh Giá của giám mục P.Lambert de la Motte năm 1670 cho các nữ tu Việt Nam. Các nữ tu Mến Thánh Giá thời ấy trở thành những nữ hộ sinh và y tá nông thôn, kèm thêm việc dạy chữ quốc ngữ cho đồng bào, nên được dân chúng quý mến gọi là các “dì phước” hay “bà mẹ”.

Trong suốt thời kỳ tăng trưởng, các giá trị văn hoá của thời mở đầu vẫn được người Công giáo gìn giữ và ngày càng lan rộng trong đồng bào, từ miền Nam ra miền Bắc và miền Trung. Dù miền Bắc với châu thổ sông Hồng là cái nôi văn hoá của Việt Nam với số tín hữu rất đông, nhưng người theo đạo cực khổ tứ bề vì sưu cao thuế nặng, vì bị bọn cường hào ác bá trong làng áp bức, bị cấm học hành, thi cử, hành nghề. Họ chỉ còn cách từ Bắc đi dần qua miền Trung để vào được miền Nam, đến những phiên trấn mới mở, sống chung với những kẻ bị kết án lưu đày, cùng che giấu lai lịch của mình bằng những tên gọi trống không: anh Hai, chị Ba, cô Tư... để được yên thân giữ đạo.

Họ sống đùm bọc lẫn nhau, coi nhau như anh em họ hàng, nên gọi là “họ đạo” hay “giáo họ”, truyền nghề cho nhau để cùng làm cùng hưởng, làm ra cái gì cũng phải thật tốt, thật bền, bán ra cái gì cũng

phải thật lành, thật rẻ, để khỏi làm “ô danh Chúa và nhục cho người có đạo”. Nhờ đoàn kết yêu thương, người có đạo luôn sống sung túc, nên mới có câu “theo đạo lấy gạo mà ăn”.

Chúng ta cũng nên ghi nhận rằng: nền văn hoá tinh thần của Kitô giáo theo đoàn người mở đất Phương Nam đã góp phần không nhỏ vào cuộc thăng hoa các nền văn hoá đa thần, nặng về thể xác, tính giao với những Linga và Yoni của người Chiêm Thành ở miền Trung và người Chân Lạp, Thủy Chân Lạp ở miền Nam.

2.3. Hội nhập văn hoá thời kỳ phát triển (1802-1960)

Đối mặt với những vu khống, hiểu lầm và bị giết hại dã man, người Công giáo thời đó âm thầm chịu đựng, không nổi loạn chống lại triều đình, không thoả hiệp với người Pháp để phản bội dân tộc. Họ muốn bắt chước Đức Giêsu chấp nhận cuộc khổ nạn để làm chứng cho sự thật⁹¹, sẵn sàng chết như Đức Giêsu để cứu độ thế giới và bảo vệ những giá trị mà họ đã giới thiệu cho dân tộc.

Để tránh xa những người tìm giết mình, người tín hữu rủ nhau trốn vào những nơi hoang vu, núi cao, rừng thẳm như La Vang, Trà Kiệu ở miền Trung và nhiều vùng xa, vùng sâu ở miền Nam để cùng phá rừng, làm rẫy, mong được sống yên ổn để giữ đạo. Chính lối sống này làm cho quê hương phát triển về mặt kinh tế, mở mang bờ cõi quốc gia.

Một số nhà Nho có tâm huyết như Phan Bội Châu (1867-1940), Phan Chu Trinh (1872-1926) nhận ra được những giá trị văn hoá của người Công giáo Việt Nam. Họ đã hô hào dân chúng sống theo những giá trị đó: bỏ đi cái học tử chương cổ hủ của Nho giáo, cắt bỏ búi tóc, móng tay, nhận thức rõ mọi người đều là anh em chứ không ai có quyền sinh sát đối với người khác, nam nữ bình đẳng, bỏ chế độ đa thê và gia trưởng trong gia đình, học chữ Quốc ngữ và khoa học Tây Phương. Đây là những điểm cơ bản trong phong trào Duy Tân, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, nhưng người Công giáo

⁹¹ x. Ga 18,37.

Việt Nam đã phải chứng minh những giá trị đó bằng chính mạng sống của mình⁹².

Thật vậy, trước khi người Pháp xâm chiếm Việt Nam, những cuộc giết hại một số đông người Công giáo đã gây nên tiếng vang quốc tế khiến cho các nước như Anh, Pháp, Tây Ban Nha⁹³ muốn can thiệp vào Việt Nam, nhân danh quyền sống và quyền tự do tôn giáo của con người, dù ẩn ý của họ là để chiếm Việt Nam làm thuộc địa. Một số sử gia đã ghép việc một vài giám mục truyền giáo người Pháp như: P. de Béhaine (Bá Đa Lộc), Lefèbvre, Pellerin, Retord, Puginier giúp đỡ thực dân Pháp thực hiện thành công việc xâm lược Việt Nam⁹⁴. Thật ra, đó chỉ là vài cá nhân trong số hơn 200 giáo sĩ nước ngoài đang truyền giáo tại Việt Nam vào thời đó. Người ta không thể “vơ đũa cả nắm” để kết tội tất cả người Công giáo đều làm tay sai cho Pháp.

Hơn nữa, các giám mục đó, dù là người Pháp hay không, đều hiểu rằng cuộc sống ở Việt Nam hay ở nước Pháp chỉ là một giai đoạn của đời sống con người, tất cả đều sẽ qua đi để chỉ còn tồn tại Nước Thiên Chúa. Do đó, họ không phục vụ trực tiếp cho nước Pháp hay bất cứ nước nào. Theo tâm thức và cách nhìn của các giám mục Tây Phương thời đó, họ chỉ hành động để cứu giúp những người Việt Nam, bị bách hại dã man, có quyền được sống đúng phẩm giá con người và sống theo niềm tin của mình. Đó là nghĩa vụ lương tâm đối với người bị nạn, mà sau này nhân loại chúng ta gọi là sứ mệnh bảo vệ nhân quyền theo *Hiến chương Liên Hiệp Quốc* và *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền* ngày 10/12/1948.

Ngày nay, người ta hiểu rằng không thể đổ lỗi cho một vài vị giáo sĩ nước ngoài hay một ít đồng bào Công giáo Việt Nam là nguyên nhân chính gây nên tình trạng mất nước, như một số quan lại và nho

⁹² x. *Một số vấn đề lịch sử đạo Thiên Chúa trong lịch sử dân tộc Việt Nam*, Ủy ban Khoa học Xã hội, Viện KHXH và Ban Tôn giáo Chính Phủ, 1988, tr.78.

⁹³ x. *Một số vấn đề lịch sử đạo Thiên Chúa trong lịch sử dân tộc Việt Nam*, Ủy ban Khoa học Xã hội, Viện KHXH và Ban Tôn giáo Chính Phủ, 1988, tr.19.

⁹⁴ x. *Một số vấn đề lịch sử đạo Thiên Chúa trong lịch sử dân tộc Việt Nam*, Ủy ban Khoa học Xã hội, Viện KHXH và Ban Tôn giáo Chính Phủ, 1988, tr.17-21.

sĩ trong phong trào Văn Thân đã kết án. Chiến thắng của người Pháp ở Việt Nam hay của các cường quốc Tây Phương ở Trung Quốc trong cuộc Chiến tranh Nha phiến (1839-1842) là hậu quả tất yếu của một đất nước lạc hậu trước nền văn minh khoa học, quân sự hùng mạnh với ý đồ xâm lược của phương Tây.

Tuy nhiên, dưới ánh sáng đức tin, người tín hữu lúc nào cũng nhận ra, qua những thăng trầm ấy, ý định cứu độ của vị Chúa lịch sử. Người Công giáo Việt Nam không phản kháng hay nổi loạn chống lại chính quyền, dù rằng với dân số đông đảo, với sự trợ giúp quốc tế, họ có thể liên kết, để chống lại sự áp bức. Đó là giá trị văn hoá mới của lòng tin từ thời Chúa Giêsu đến nay.

2.4. Hội nhập văn hoá thời kỳ trưởng thành (1960 đến nay)

Quả thật, sau khi thống nhất đất nước, GHCGVN đã bước vào một thời kỳ mới, thời kỳ trưởng thành, để ý thức hơn về sứ mệnh của mình và càng thêm tin tưởng vào quyền năng, ân huệ của Chúa. Sự trưởng thành thể hiện trong việc nhận thức được những giá trị nền tảng, những lĩnh vực cần hành động, những nhiệm vụ cần làm và cùng đích để sống.

- Trưởng thành trong nhận thức

Kể từ sau Công đồng Vaticanô II, người tín hữu có rất nhiều lợi thế để đạt tới sự trưởng thành về nhận thức hơn các thời kỳ của 20 thế kỷ đã qua. Cuốn Thánh Kinh bằng ngôn ngữ bản địa, các văn kiện của Công đồng Vaticanô II (1962-1965), sách *Giáo lý của Hội Thánh Công giáo* (1992), sách *Tóm lược Học thuyết Xã hội của GHCG* (2004), sách *Youcat* (2011), *Docat* (2016), các thông điệp, huấn từ, tông thư của các giáo hoàng, các sách đạo đức, phụng vụ... tất cả thường được dịch ngay sang tiếng Việt, dễ dàng cho các tín hữu học hỏi. Hơn nữa, thánh lễ và kinh nguyện cũng được cử hành bằng tiếng Việt thay vì bằng tiếng Latinh như trước, giúp cho người tín hữu tham dự cách sống động và tích cực. Các biến cố xảy ra trong Giáo Hội và trên thế giới được truyền tin rất nhanh nhờ các phương tiện mới mẻ của mạng truyền thông đại chúng.



Sự trưởng thành trong nhận thức đã giúp GHCGVN bắt đầu xây dựng nền văn hoá mới. Sự nhận thức đó có được là do các thành phần dân Chúa được đào tạo tương đối hoàn chỉnh để có mối tương quan tốt đẹp với Chúa, với tha nhân, với vạn vật và với chính mình trong mọi lĩnh vực của đời sống. Giáo Hội chú ý xây dựng nền nhân bản toàn diện và liên đới, thay vì xây dựng các cơ sở vật chất, tổ chức nghi lễ phụng tự bên ngoài như trước đây. Sự trưởng thành này đòi hỏi phải nhìn lại việc đào tạo các linh mục, chủng sinh, tu sĩ và giáo dân ưu tuyển như giáo lý viên, đoàn viên các tổ chức Công giáo Tiến hành, để giúp họ xác tín về các giá trị văn hoá Công giáo.

Điểm đáng ghi nhận về lĩnh vực nhận thức là cần phải hoá giải cuộc xung đột về ý thức hệ. Nhiều người Việt Nam chưa phân biệt được rõ ràng rằng các hệ tư tưởng luôn có quá trình phát triển biến chứng, nên cần được điều chỉnh, tổng hợp.

Nếu người Công giáo Việt Nam giới thiệu được những giá trị văn hoá của nền nhân bản mới, như tổ tiên chúng ta đã thực hiện được trước đây, thì mới có thể Phúc Âm hoá dân tộc Việt Nam. Họ chỉ theo Chúa Giêsu là con người mới để nhận ra con người thật sự là trung tâm cho mọi hoạt động trần thế.

- *Trưởng thành trong hành động*

Người tín hữu Công giáo Việt Nam thời nay đã biết đưa các nhận thức đúng đắn, hoàn chỉnh và toàn diện của Kitô giáo thành những hành động cụ thể trong đời sống, vì “*đức tin không có hành động là đức tin chết*”⁹⁵.

Sự trưởng thành trong hành động có lẽ phải khởi đầu từ các linh mục, những người đóng vai trò quan trọng nhất trong việc phổ biến các giá trị văn hoá, khi họ dám “đi ra” khỏi nhà thờ, nhà xứ để hoà mình vào đời sống người dân. Nhất là hoà mình để cứu giúp người nghèo khổ, tật bệnh, bị gạt ra ngoài lề xã hội như yêu cầu của ĐGH Phanxicô trong tông huấn “Niềm vui của Tin Mừng”, ngày 24/11/2013. Rồi sự trưởng thành đó phải phát huy nơi các tín hữu giáo dân khi họ biến nhận thức về những giá trị văn hoá mới thành hành động cụ thể trong đời sống thường ngày.

Đời sống tín hữu, giống như thời kỳ mở đầu, sẽ tràn đầy những hành động tích cực, niềm vui, hạnh phúc, bình an và cả sự sung túc vật chất nhờ tình yêu trong sáng, quảng đại dành cho Chúa và cho mọi người trong thế giới. Hàng hoá, nông sản, thuỷ hải sản của người Công giáo làm ra hay bán ra là phải an toàn, tốt đẹp, bổ dưỡng, khiến ai cũng muốn giao hảo với người Công giáo, như tổ tiên ta đã làm được trước đây. Chúng ta phải hành động như anh chị em Công giáo Hàn Quốc đang làm được ở đất nước của họ, khiến tỉ lệ người Công giáo so với dân số trong vòng 65 năm (1949-2015) tăng từ 1% lên đến 10,5%⁹⁶ và người Kitô giáo lên tới 31%.

Chúng ta sẽ hành động với tất cả ý thức và trách nhiệm, không cần đề phòng như thời bị người Trung Quốc đô hộ. Chỉ khi đó ta mới cảm nhận được “Nước Trời” đã đến gần với dân tộc Việt Nam. Đó là nước của “sự thật và sự sống, của sự thánh thiện và ân sủng, của tình yêu, công lý và hoà bình”⁹⁷.

-Trưởng thành trong việc Tân Phúc Âm hoá

⁹⁵ x. Gc 2,17

⁹⁶ x. Our Sunday Visitor's, *Catholic Almanac 2015*, tr.316; *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.280.

⁹⁷ x.. Kinh Tiền Tụng Lễ Chúa Giêsu, Vua Vũ Trụ.

Hình như chúng ta chưa thấy rõ được sự trưởng thành về mặt truyền giáo của GHVN⁹⁸. Nếu so sánh một vài số thống kê gần đây, chúng ta còn nhận ra sự sút giảm tỉ lệ dân số Công giáo. Theo kết quả Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam thực hiện ngày 1/4/2009, Công giáo có 5,6 triệu người, chiếm 6,61% trên tổng số dân 85,8 triệu người. Trong kết quả của Tổng Điều tra ngày 1/4/2019, Công giáo chỉ có 5,9 triệu người, chiếm 6,1% trong tổng số dân 96,2 triệu. Như thế là sau 10 năm, số người Công giáo không tăng theo sự phát triển tự nhiên. Điều này chứng tỏ việc truyền giáo ở Việt Nam chưa hiệu quả⁹⁹ so với thời kỳ từ 1885 đến nay vì thời đó người Công giáo chiếm tới 8% dân số.

GHCG toàn cầu đã triệu tập Thượng Hội đồng Giám mục (THĐGM) thế giới vào tháng 10/2012 tại Rôma với đề tài “*Tân Phúc Âm Hoá để thông truyền đức tin*” và nhắc nhở tín hữu rằng: tình trạng xã hội, văn hoá của thế giới đã thay đổi sâu xa nhưng người Công giáo chưa thay đổi cách thức truyền đạo, nên không đạt kết quả. THĐGM phân tích những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này và chúng ta gặp thấy các nguyên nhân ấy ở GHCGVN. Giáo Hội cũng đề ra *giải pháp Tân Phúc Âm hoá*, nghĩa là mỗi tín hữu phải trở thành Lời Sống động là Ngôi Lời Thiên Chúa làm người, trở thành hiện thân của Đức Giêsu Kitô, thì mới mong đạt được kết quả như thời các Thánh Tông đồ xưa¹⁰⁰.

Trở thành hiện thân của Đức Giêsu Kitô là người tín hữu phải gặp được và kết hợp mật thiết với Đức Kitô để Người chuyển thông cho họ tình yêu quảng đại, sự thật toàn diện, sự sống dồi dào, cái đẹp trọn vẹn, quyền năng vô biên và ân huệ dồi dào của Chúa Thánh Thần, rồi từ đó họ mới có thể chia sẻ cho người khác. Xã hội Việt Nam đang rất cần những giá trị đó để có thể đứng vững và phát triển,

⁹⁸ x. *GHCGVN Niên Giám 2016*, Chương 21, *GHVN trong tình hiệp thông*.

⁹⁹ x. Ban Chỉ đạo Tổng Điều tra Dân số, *Kết quả toàn bộ*, NXB Thống Kê, Hà Nội, 2010, tr. 281; Cổng Thông tin Điện tử Chính phủ, Bài *Công bố kết quả chính thức Tổng điều tra Dân số 2019*, ngày 19/12/2019.

¹⁰⁰ x. *GHCGVN Niên Giám 2016*, Chương 13, *Công cuộc Tân PAH ở Việt Nam*.

nhưng hình như tín hữu Công giáo VN chưa quan tâm đến việc hội nhập văn hoá này.

- *Trưởng thành trong Đức Giêsu Kitô*

Cùng đích của sự trưởng thành là trở thành Đức Giêsu Kitô¹⁰¹, nhưng không phải một hài nhi Giêsu trong lễ hội Giáng Sinh, mà là một Đức Giêsu trưởng thành để giới thiệu Người cho đồng bào mình. Tin vào Đức Giêsu Kitô, người dân Việt Nam sẽ nhìn đất nước mình bằng một ánh mắt mới. Người dân Việt hôm nay, dù là người Kinh hay dân tộc thiểu số, dù thuộc giai tầng nào, sẽ nhìn nhau với ánh mắt đầy tin tưởng và hy vọng, bao dung và nhân ái, vì sự sống bất diệt trong mình được khởi đầu từ chính đất nước này.

Thật vậy, những cây lúa, ngọn rau rút tinh hoa từ lòng đất nước đã ngấm bao mồ hôi, xương máu của cả người Việt, người Hoa, người Nùng lẫn người Chăm, người Thái, người H'Mông,... trong suốt dòng lịch sử đang nuôi sống tất cả. Do đó, ta có thể nói rằng, tất cả đều cùng chung một huyết thống, đều là anh em ruột thịt của nhau. Sự sống tự nhiên này, nhờ lòng tin vào Đức Giêsu, sẽ biến đổi thành sự sống siêu nhiên.

Những nét khác biệt của mỗi dân tộc trong dòng lịch sử chỉ biểu lộ những giới hạn của vật chất và con người. Chính Đức Giêsu Cứu Thế sẽ quy tụ và biến đổi mọi người để không còn là Kinh hay Thượng¹⁰², “Do Thái hay Hy Lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà; nhưng tất cả chỉ là một trong Đức Giêsu Kitô”¹⁰³. Điều này Chúa Thánh Thần đã thực hiện trong ngày Ngài hiện xuống để quy tụ tất cả những con người thuộc các ngôn ngữ khác nhau làm thành Giáo Hội của Đức Giêsu và thành Thân Thể máu nhiệm của Người¹⁰⁴.

¹⁰¹ x. Ep 4,13.

¹⁰² x. *GHCGVN Niên giám 2016*, tr.438-459

¹⁰³ x. Gl 3,28.

¹⁰⁴ x. Cv 2,1-12; 1Cr 12,12-30



Lời kết

Nhìn lại dòng lịch sử dân tộc, người tín hữu Việt Nam sẽ cảm nghiệm được tình yêu thương của Cha Trên Trời để sống hoà thuận và hoà hợp với đồng bào trên mọi miền đất nước, cũng như với mọi người trên thế giới. Ý thức được điều này, người Công giáo Việt Nam càng muốn hoà nhập vào lòng dân tộc để thể hiện sứ mệnh đã được Cha Trên Trời trao phó: xây dựng tình huynh đệ chân thành nơi địa phương mình sống. Trong đại gia đình dân tộc hiện nay có nhiều nền văn hoá khác nhau nên người tín hữu cần tìm hiểu và đối thoại với anh em để cùng xây dựng một nền văn minh tình yêu và hoà bình.

Câu hỏi gợi ý

- 1. Bạn biết gì về những lý do tiềm ẩn trong triều đình nhà Nguyễn dẫn đến việc giết hại các tín hữu Công giáo?*
- 2. Những giá trị văn hoá nào được tín hữu Công giáo giới thiệu cho dân tộc qua mỗi thời kỳ?*
- 3. Những giá trị văn hoá nào được các tín hữu thu nhận từ nền văn hoá dân tộc?*
- 4. Các tín hữu Công giáo thời xưa đã sống cụ thể như thế nào để thu phục đồng bào tin theo Chúa Giêsu Kitô?*
- 5. Tín hữu Công giáo thời nay nên sống cụ thể tích cực ra sao để làm chứng cho Nước Trời?*

Con đường tình yêu

Lời mở

Sau khi tìm hiểu về cuộc hội nhập văn hoá của con người, của người Việt Nam và người Công giáo Việt Nam, chúng ta tìm đến các giá trị văn hoá như tình yêu, sự sống, sự thật, sự thiện, cái đẹp, hạnh phúc, tự do, hoà bình, liên đới... Các giá trị này giống như những chất liệu làm thành các con đường tâm linh, gọi là đạo hay tôn giáo, như đạo làm người, đạo Phật, đạo Khổng, đạo Lão, đạo Hồi, đạo Thiên Chúa... Trước hết chúng ta nên tìm hiểu thái độ hiện nay của nhiều người Việt Nam đối với tôn giáo, rồi mới có thể chọn lựa một con đường tâm linh cho chính mình hay cho những người thân yêu để tìm được những giá trị cao cả đó của đời sống.

1. Thái độ của người Việt Nam đối với tôn giáo

1.1. Hiện trạng xa rời tôn giáo

Nhiều người Việt hiện nay lãnh đạm với tôn giáo, nhất là các bạn trẻ. Có người còn thù ghét tôn giáo vì đã gặp phải những chuyện tàn ác, xấu xa do những người theo một tôn giáo nào đó gây nên. Người khác lại cho tôn giáo là một thứ ma tuý mê hoặc và làm con người vong thân. Trong lịch sử loài người, tín đồ của các tôn giáo xung đột với nhau, gây nên những cuộc chiến tranh khốc liệt vì những niềm tin khác nhau hoặc vì bị thúc đẩy bởi những quyền lực chính trị khiến cho người ta nghi ngờ tôn giáo. Nhiều người lại tin rằng khoa học kỹ thuật sẽ có thể giải đáp tất cả những thắc mắc và vấn đề của con người, nên không cần đến tôn giáo.

Người ta xa rời tôn giáo vì nhiều lý do, nhất là họ thấy tôn giáo không có ý nghĩa gì với đời sống thực dụng của mình. Những lời kinh, nghi lễ chẳng đem lại một lợi ích thiết thực nào, trái lại còn gây khó chịu, phiền toái. Nếu dành số thời gian đọc kinh, dự lễ đó để học hành, làm việc, giải trí,... họ đã thu nhận được một chút gì. Những bài giảng không dọn căn thân của các linh mục, thiếu những

Lý chứng khoa học, hoặc thái độ vô cảm, chuộng hình thức của các giáo sĩ, tu sĩ cũng khiến cho giới trẻ xa lánh các lễ nghi tôn giáo. Những tai tiếng về tình dục, tài chính, những thái độ tự cao cho mình là hiểu mọi vấn đề, những cách đối xử thiếu tôn trọng với người cao tuổi, người nghèo khổ của những người đại diện cho tôn giáo càng làm cho người ta xa tránh tôn giáo¹⁰⁵.

Ở Việt Nam, từ năm 1954 ở miền Bắc và từ năm 1975 trong cả nước đến nay, nhiều người xa rời tôn giáo vì các nguyên nhân khác nữa. Trước hết, họ không biết đến tôn giáo ngay từ tuổi ấu thơ vì cha mẹ họ chỉ giữ đạo ông bà, thờ cúng tổ tiên nên không dạy họ về tôn giáo. Khi bắt đầu đi học, tri thức được lĩnh hội thuộc các lĩnh vực khoa học, không liên quan đến tôn giáo.

Tuy nhiên, dù quan tâm hay không quan tâm đến tôn giáo, chúng ta vẫn phải đối mặt với những vấn đề thực tế của cuộc sống để trả lời cho chính mình. Có khoảng 10.000 tôn giáo khác nhau trên toàn thế giới, nhưng khoảng 84% dân số thế giới theo một trong năm nhóm tôn giáo lớn nhất, đó là Kitô giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo và các dạng tôn giáo dân gian. Trong đó, Kitô giáo có trên 2,4 tỉ người, Hồi giáo có 1,8 tỉ, Ấn Độ giáo có 900 triệu, Đạo giáo có 400 triệu, Tôn giáo dân gian Trung quốc 394 triệu, Phật giáo 365 triệu, tôn giáo các bộ tộc 300 triệu... Như thế, theo tôn giáo hay “có đạo” là sự chọn lựa của đại đa số nhân loại.



¹⁰⁵ x. ĐGH Phanxicô, Tông huấn Hậu Thượng Hội đồng Đức Kitô hằng sống (Christus Vivit), số 40.



Đạo Đức Thiên Tôn chính là Thái Thượng Lão Quân, là Giáo chủ, còn gọi là Hồn Nguyên Lão Quân, Hằng Sinh Thiên Tôn, Thái Thanh Đại Đế





Với hơn 6,7 tỉ người trong số hơn 8 tỉ sống trên trái đất đang theo những tôn giáo khác nhau, chúng ta nhận ra rằng khoa học và tôn giáo vẫn đang cùng tồn tại. Cả hai, dù với những phương pháp khác nhau, vẫn có thể hội tụ hài hoà nơi một con người, vừa có thể xác kỳ diệu vừa có tinh thần phi thường, để giải thích cho ta hiểu về cội nguồn của mọi hiện hữu và các giá trị khác.

Số tín đồ Công giáo hiện chiếm 18%¹⁰⁶ dân số thế giới với hơn 1,329 tỉ người. Theo thống kê của Ban chỉ đạo Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở, được công bố ở Hà Nội ngày 19/12/2019, tính đến thời điểm 1/4/2019, dân số Việt Nam có 96,2 triệu người. Có 16 tôn giáo được

¹⁰⁶ x. *Vatican News*, ngày 25/3/2020; trang web Hội đồng Giám mục Việt Nam, mục *Tin Giáo hội Hoàn vũ*, ngày 5/5/2020.

phép hoạt động với 13,2 triệu người theo tôn giáo, chiếm 13,7% tổng số cả nước. Trong đó, số người theo Công giáo là đông nhất, với 5,9 triệu người, chiếm 6,1% dân số¹⁰⁷. Số người theo các tôn giáo sụt giảm từ 15,6 triệu (năm 2009) xuống 13,2 triệu (năm 2019) nói lên thực trạng người Việt Nam càng ngày càng bớt quan tâm đến tôn giáo, nhất là giới trẻ.

Từ ngàn xưa cho đến ngày nay, dân tộc Việt Nam chúng ta tin vào Trời. Niềm tin ấy được diễn tả trong đời sống hằng ngày, trong những nghi lễ của vua chúa trên Tế đàn Nam Giao cũng như trong các lễ hội dân gian, được lưu trữ trong kho tàng văn hoá dân tộc qua những câu ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích.

Đối với tổ tiên người Việt chúng ta, Trời không phải chỉ là khoảng không gian xanh thẳm trên đầu, nhưng là một Đấng quyền phép vô song, tạo dựng nên vạn vật (*Trời sinh, Trời dưỡng; Con chim nó hót trên cành, Nếu Trời không có, có mình làm sao, Con chim nó hót trên cao, Nếu Trời không có, làm sao có mình?*). Trời nhìn thấu mọi sự (*Trời cao có mắt*) và soi thấu lòng dạ khôn dò của con người (*Trời nào có phụ ai đâu, Hay làm thì giàu, có chí thì nên*). Vì thế, người ta cầu Trời ban cho mình những thứ cần thiết (*Lạy Trời mưa xuống, Lấy nước tôi uống, Lấy ruộng tôi cày, Lấy đầy bát cơm, Lấy rom đun bếp...*). Trời là gương mẫu cho người ta noi theo, tạo thành một nền luân lý gọi là “đạo Trời” để con người tuân giữ (*Dù ai nói ngược, nói xuôi, Ta đây vẫn giữ đạo Trời khăng khăng*). Tất cả đều diễn tả tình yêu của Trời đối với muôn loài và con người cảm nhận được tình yêu ấy.

1.2. Sự suy thoái về đạo đức, văn hoá và vai trò của tôn giáo

Sự suy thoái về đạo đức bắt nguồn từ sự suy thoái văn hoá, trong đó có yếu tố tôn giáo, đã làm cho các cấp chính quyền¹⁰⁸ và nhiều người

¹⁰⁷ x. Cổng thông tin điện tử Chính phủ, bài: *Công bố kết quả chính thức Tổng Điều tra Dân số 2019*, ngày 19/12/2019.

¹⁰⁸ x. Lm. Nguyễn Ngọc Sơn, Bài phát biểu tại Hội thảo Quốc tế do Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức tại Đồ Sơn, TP. Hải Phòng, từ 11-12/11/2013, với chủ đề: *Thực trạng việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp Việt Nam*. Hội thảo gồm đại biểu các nước: Đức, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Lào và Việt Nam.

lo ngại. Thật vậy, khi con người chỉ biết có vật chất, đề cao vật chất như “một thứ Thần Tài” có thể giải quyết mọi khó khăn, thì sự suy đồi về luân lý và đạo đức chắc chắn sẽ xảy ra, đúng như lời nhận định của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc vào chiều ngày 29/7/2013 tại Trụ sở Chính phủ trong Hội nghị Sơ kết 6 tháng đầu năm 2013 của Ban Chỉ đạo 138: “*Sự suy thoái, xuống cấp về đạo đức xã hội, đề cao lối sống vật chất tầm thường, ý thức kém, coi thường pháp luật của một bộ phận người dân... là những vấn đề đáng lo ngại*”¹⁰⁹.

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cũng phát biểu tại “Hội nghị Tổng kết 15 năm Thực hiện Nghị quyết Trung Ương 5 về xây dựng và phát triển nền văn hoá VN tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” diễn ra tại Hà Nội ngày 8/8/2013: “*Đạo đức, lối sống, nhân cách, văn hoá của người VN chúng ta nhiều nơi nhiều lúc vẫn chưa được quan tâm đúng mức, ngay từ nhà trường, gia đình, từ sự tự giác, giữ gìn xây dựng của mỗi con người. Sự tha hoá, lối sống xa hoa, giả dối, vô cảm có xu hướng phát triển. Bệnh thành tích và hình thức trong các hoạt động văn hoá ngày càng lan rộng. Những yếu kém nêu trên không chỉ hạn chế sự phát triển kinh tế xã hội, mà còn làm xấu hình ảnh đất nước, con người, văn hoá VN. Theo tôi, đây là nguy cơ, thậm chí còn là nguy cơ của mọi nguy cơ, trong bối cảnh chúng ta phải xây dựng và phát triển đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng*”¹¹⁰.

Sự suy thoái đạo đức gây nên những hậu quả vô cùng tai hại trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là văn hoá. Nếu người ta công nhận *chức năng thẩm mỹ của văn hoá*¹¹¹ là chức năng tối thượng của văn hoá hướng con người tới Chân Thiện Mỹ, thì một khi loại bỏ tôn giáo như giá trị của cái đúng, cái thiện, cái đẹp, con người sẽ tìm đến những cái

¹⁰⁹ x. Báo Thanh Niên, số ra ngày 4/8/2013; Lm. Antôn Nguyễn Ngọc Sơn, *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, NXB Tôn Giáo, 2014, tr.355.

¹¹⁰ x. <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20130809/xay-dung-con-nguoi-van-hoa-la-kem-nhat.aspx>.

¹¹¹ x. Lê Văn Chương, *Cơ sở Văn hoá Việt Nam*, NXB Trẻ, 1999, tr.24.

giả dối, tàn ác, xấu xa như ta thấy đang xuất hiện trong cộng đồng xã hội.

Sau khi thành công bước đầu trong việc ngăn chặn và kiểm soát được dịch bệnh Covid-19, Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới tìm cách phục hồi nền kinh tế bị suy thoái trầm trọng vì dịch bệnh. Nhiều biện pháp kinh tế đang được thực hiện, trong đó có cả những biện pháp phục hồi con người và nền luân lý, nhưng chúng ta đừng quên rằng chính con người mới là chủ thể của mọi hoạt động, trong đó có hoạt động kinh tế.

Luật pháp không có khả năng khám phá tất cả những hành động bí ẩn của con người bắt nguồn từ trong tâm trí. Vì thế, khi tin vào một chủ thể luân lý tối cao nhìn thấu lòng mình (Trời cao có mắt), con người được thôi thúc ý thức và tự nguyện sống theo lương tâm ngay chính, vượt qua những quyến rũ của vật chất, đam mê để sống đạo đức. Từ căn bản đạo đức này, người Việt mới có thể vượt qua những tệ nạn như: dối trá, tham nhũng, quan liêu, lãng phí, phá thai... đang nhức nhối trong xã hội hiện thời. Như thế, suy cho cùng thì sự có mặt của các tôn giáo rất cần thiết cho xã hội. Một số ít người đã nhận ra điều ấy và đang cố vũ cho những lễ hội dân gian hoặc tham gia các lễ nghi tôn giáo. Nhưng nhiều người VN hiện nay chưa ý thức được điều này¹¹².

2. Tôn giáo là gì?

Để phát huy nguồn lực tôn giáo, cần phải hiểu bản chất của tôn giáo. Vì vậy chúng ta cũng nên tìm hiểu tôn giáo thật sự là gì.

2.1. Các định nghĩa về tôn giáo

Định nghĩa về tôn giáo cần đoàn kết được mọi tầng lớp dân chúng trong xã hội Việt Nam có nhiều tôn giáo, cũng như tôn trọng cộng đồng nhân loại mà đa số đang theo một tôn giáo nào đó. Nội hàm khám niệm Tôn giáo cần phản ánh thực tế của con người với những giá trị cần tìm ra nguồn gốc, thực tế của đại gia đình nhân loại và

¹¹² x. Lm. Nguyễn Ngọc Sơn, Bài tham luận *Có nên quan tâm đến yếu tố tôn giáo trong hoạt động doanh nghiệp ở Việt Nam không?* trong Hội thảo Quốc tế tại Đồ Sơn, Hải Phòng, 11-12/11/2013.



đưa ra một nhận định tích cực nào về tôn giáo. Ta có thể tìm thấy một câu định nghĩa quân bình trong *Từ điển tiếng Việt* do Viện Ngôn ngữ học biên soạn¹¹³.

Trong cuốn *Từ điển Công giáo* do Hội đồng Giám mục Việt Nam biên soạn, xuất bản năm 2019, ta có câu định nghĩa sau đây: “*Tôn là tín ngưỡng; giáo là đạo. Vậy tôn giáo là một tín ngưỡng có tổ chức với hệ thống giáo lý và niềm tin vào Đấng thiêng liêng. Tôn giáo là hệ thống,*

*lý thuyết dạy những điều phải tin và sống. Tôn giáo còn là cộng đồng những người cùng chung một tín ngưỡng, một niềm tin, có tổ chức, hệ thống giáo lý để giáo huấn các tín đồ, những quy định và những thực hành nghi thức tế tự. Tôn giáo thể hiện lòng con người khao khát Thiên Chúa và luôn mong mỏi tìm kiếm Ngài, hoặc ít là những giá trị “chân-thiện-mỹ”. Lòng khao khát đó được chính Thiên Chúa đặt vào lòng con người để họ luôn tìm về nguồn hạnh phúc đích thực của mình*¹¹⁴⁻¹¹⁵.

“Đạo Công giáo là thuật ngữ chỉ tổng thể đức tin, luân lý, nghi lễ và tổ chức của Hội Thánh Công giáo Rôma mà Chúa Giêsu Kitô thiết lập qua các Tông Đồ. “Công giáo” có nghĩa là tôn giáo phổ quát vì đạo chứa đựng mọi điều cần thiết để được ơn cứu rỗi và là đạo cho toàn thể nhân loại trong mọi thời đại và mọi cảnh sống”¹¹⁶.

Như thế, trong các định nghĩa về tôn giáo, chúng ta nên quan tâm đến hai yếu tố chính: đó là niềm tin vào Đấng Linh Thiêng mà ta sẽ phải tìm hiểu xem đáng đó là ai, và hệ thống những điều phải tin,

¹¹³ x. *Từ điển tiếng Việt* 2013, mục từ *Tôn giáo*, tr.1301.

¹¹⁴ x. GLHTCG, số 2566.

¹¹⁵ x. *Từ điển Công giáo*, 2019, mục từ *Tôn giáo*, tr.914.

¹¹⁶ x. *Từ điển Công giáo*, 2019, mục từ *Công giáo*, tr.178; Giáo lý Hội Thánh Công giáo (GLHTCG), số 868.

những việc phải làm để thể hiện niềm tin. Chúng giống như phần hình thức bên ngoài của tôn giáo trong khi niềm tin là phần tinh thần của mỗi tôn giáo. Hình thức giống như quần áo mặc bên ngoài có bộ đẹp, bộ xấu, màu sắc, kiểu cách, chất liệu khác nhau tùy theo mỗi người, mỗi dân tộc, mỗi thời đại. Nhưng tinh thần cần phải rõ ràng, trong sáng, chân thật mới có thể dẫn con người gặp được Đấng Linh Thiêng. Nếu không, tôn giáo sẽ trở thành một thứ mê tín, dị đoan.

Nhiều người thời nay có đầu óc thực dụng, nhưng lại không thực tế. Họ không muốn mất thời giờ, tiền bạc, công sức cho những giờ dự lễ, cầu kinh, những buổi tĩnh tâm hay thực hành các hoạt động tôn giáo để dành nguồn lực cho việc học hành, làm việc, giải trí, vui chơi. Tuy nhiên, họ lại không hiểu rằng hoạt động tôn giáo đó rất cần để dẫn họ đến với Đấng Linh Thiêng là nguồn mọi giá trị hiện hữu.

Họ tốn giờ tập thể dục, chơi thể thao, mua các loại mỹ phẩm, ăn uống các thực phẩm chức năng cho mình tươi trẻ, đẹp đẽ, nhưng lại quên rằng chính khi tìm về được nguồn sống, nguồn đẹp, người ta mới thật sự tươi đẹp muôn đời. Họ bỏ ra rất nhiều công sức học hành, nghiên cứu để tìm ra sự thật, nhưng lại không hiểu rằng nếu tìm được nguồn khôn ngoan, họ mới khám phá ra sự thật ẩn tàng trong vạn vật, trong lòng người và nhất là trong Đấng đó để có những phát minh kỳ diệu, những hiểu biết siêu phàm.

Vì vậy, chúng ta cần thực tế hơn: nếu mỗi ngày ta dành rất nhiều giờ cho việc ăn uống, ngủ nghỉ, học hành, làm việc, giải trí, thì tại sao ta không dành một số thời gian tương xứng cho việc tìm đến Đấng Linh Thiêng là nguồn của chân thiện mỹ, của hạnh phúc vô tận, của sự sống phi thường để bồi bổ tinh thần và phát huy mọi nguồn lực của mình!?



2.2. Đấng Tối cao và thần linh trong Kitô giáo

Sau khi tìm hiểu sơ qua về thần linh của các tôn giáo trong bài 2 trước đây, chúng ta muốn biết Kitô giáo nói gì về Đấng Linh Thiêng và các thần linh vì Kitô giáo là tôn giáo được nhiều người tin theo nhất và dạy cho ta hiểu biết rõ ràng nhất về tôn giáo.

Trước hết Kitô giáo xác định rằng *Đấng Linh Thiêng là nguồn của mọi hiện hữu*, thật sự đã dựng nên muôn loài và đặc biệt tạo thành con người giống hình ảnh Ngài, khi ban tinh thần cho con người để có thể mở ra với Đấng siêu việt là Tinh thần Tuyệt đối.

Hơn nữa, nhờ tinh thần này, con người cũng mở ra với muôn loài hiện hữu gồm con người sống trên trái đất, muôn loài trong vũ trụ, mọi hữu thể thuộc giới tinh thần gồm những thiên thần, quý dữ là các thiên thần sa ngã, những linh hồn người đã chết gồm các thánh nhân và cả tà ma. Học thuyết Xã hội Công giáo xác định rằng: *“Mở ra với siêu việt là đặc tính của con người: con người mở ra với Đấng vô biên cũng như với muôn loài thụ tạo. Nhờ tinh thần với trí khôn và ý chí, con người không bị giới hạn bởi vật chất, không gian và thời gian, có thể nâng mình lên trên mọi thụ tạo và cả chính mình*

để có thể tiếp xúc được với Đấng siêu việt là Thiên Chúa cũng như với muôn vật muôn loài hiện hữu”¹¹⁷.

Đấng đó mang nhiều tên khác nhau, không phải do con người đặt ra, nhưng do Ngài soi sáng cho con người¹¹⁸ và đã được ghi lại trong cuốn sách gọi là Sách Thánh. Những tên diễn tả đặc tính hay hoạt động của Ngài: Đấng Tạo Hoá¹¹⁹, Thiên Chúa¹²⁰, Đấng Tự Hữu¹²¹, Đức Giavê¹²², Đấng Thánh¹²³, Đấng Hằng Sống¹²⁴...

Sách Thánh, hay Thánh Kinh, được người Do Thái chép ra từ 2000 năm trước Công nguyên làm thành phần Cựu Ước. Sau đó, người Kitô giáo chép thêm phần Tân Ước kể về cuộc đời của Chúa Giêsu và hoạt động của Hội Thánh trong khoảng 100 năm của thế kỷ I sau Công nguyên. Bộ Thánh Kinh Cựu Ước này được cả 3 tôn giáo là Do Thái giáo, Kitô giáo và Hồi giáo công nhận. Cả ba có cùng niềm tin vào một Thiên Chúa hằng sống và chân thật cũng như không chấp nhận một thần linh nào khác ngang hàng với Thiên Chúa. Theo đó, tất cả các thần linh của các tôn giáo khác đều là hư ảo, không hiện hữu¹²⁵ nên không được tôn thờ¹²⁶.

Thiên Chúa đó tạo thành muôn loài và chia sẻ cho các thụ tạo những giá trị tích cực như sự sống, tình yêu, chân thiện mỹ của Ngài. Trong các loài thụ tạo, Ngài dựng nên hai loài có tinh thần, một loài không có thân xác vật chất, chỉ có tinh thần tinh ròng, gọi là thiên thần, loài kia có tinh thần trong thể xác gọi là loài người. Nhờ có tinh thần nên các loài đó có lý trí, ý chí và những giá trị tinh thần để chọn lựa và

¹¹⁷ x. Tóm lược HTXHCN, số 130; Docat, câu 53.

¹¹⁸ x. Giáo hoàng Học viện Piô X, *Điển ngữ Thần học Thánh Kinh*, mục từ *Thiên Chúa*, Tập IV, tr.119-136.

¹¹⁹ x. St 1; Ga 1,1.

¹²⁰ X. El, Elohim: Xh 3,6; 6,7; Is 41,10; 43,3; 1V 18,21.

¹²¹ x. Xh 3,14.

¹²² x. Xh 3,1-15; 33,18-23; 34, 1-7.

¹²³ x. Am 4,2; Os 11,9; Is 6,3; Am,7; Lc 20,3...

¹²⁴ x. 1V 17,1; 1Sm 17,26,36

¹²⁵ x. Gr 2,11; 5,7; Is 43,10.

¹²⁶ x. Xh 20,3.

điều khiển những hành động của mình, đồng thời cũng chịu trách nhiệm về những hành động đó.

Vì là những thụ tạo có tự do nên một số thiên thần đã nghe theo lời hứa hẹn của Lucifer chống lại Thiên Chúa, để hy vọng có được sự thăng tiến nhanh chóng. Lucifer, với tên gọi “người mang ánh sáng”¹²⁷, lúc đó là một tổng lãnh thiên thần hết sức cao quý, đầy quyền năng, chỉ kém một mình Thiên Chúa, nên nghĩ rằng nếu loại bỏ được Thiên Chúa, mình sẽ trở thành Thiên Chúa và hứa cho các thiên thần theo mình nhiều ân huệ hơn tình trạng họ đang có.

Tuy nhiên các thiên thần ấy đã không hiểu rằng tất cả ân huệ họ có được đều là những ơn lành Chúa ban. Nên khi cắt đứt sự hoà hợp với Thiên Chúa, họ không còn nhận được những ơn mới, trở thành quý dữ, và đau khổ mãi mãi vì sự chọn lựa sai lầm của mình. Những giá trị tích cực nơi họ biến thành tiêu cực như tình yêu thành thù hận, sự sống thành sự chết, sự thật thành dối trá, tốt đẹp thành xấu xa, hạnh phúc thành bất hạnh, quyền lực thành bạo lực, khôn ngoan thành xảo quyệt, bình an trở thành bất an, trật tự trở thành hỗn loạn,...

Điều mạc khải này giúp chúng ta hiểu rằng không có những thần cai quản sự chết, âm phủ, chiến tranh, bão tố, nghèo đói, dịch bệnh, xấu xa, bất hạnh... Những thứ tiêu cực này chỉ là mặt trái của những ơn lành của Thiên Chúa ban cho các thụ tạo mà thôi. Khi thụ tạo cắt đứt sự hoà hợp với Chúa, các ân huệ đó đều biến đổi, không còn tốt lành cho họ nữa.

¹²⁷ x. Is 14,12-15.

Điều này cũng giúp ta hiểu về những người sử dụng ma thuật. Họ có thể là phù thủy, thầy pháp, tu sĩ, giáo sĩ trong các tôn giáo biết lợi dụng mối quan hệ với quỷ dữ, tà ma, tạo nên những bùa ngải, pháp thuật gây nguy hại cho con người. Chúng ta thấy người ta rao bán những thứ đó ở nhiều nơi, ngay cả trên internet như bùa yêu, bùa trừ tà, những con tỳ hưu, con Kuman Thong đem lại may mắn, bình an, nhưng thực chất chỉ là dối trá và lường gạt để làm hại con người. Nhờ quyền năng của Thiên Chúa và của Đức Giêsu, chúng ta có thể xua trừ ma quỷ ra khỏi con người. Đây không phải là mê tín nhưng là những thực tế trong đời sống, dù rằng có nhiều người hiểu lầm và lạm dụng.



Do ghen tức với con người được Chúa yêu thương nên quỷ dữ căm dỗ những con người đầu tiên là Adam-Eva để họ cắt đứt mối tương quan với Thiên Chúa như chúng. Con người đã sa ngã¹²⁸ và đánh mất các hồng ân Chúa ban: không còn trẻ đẹp, tốt lành, sống mãi, khôn ngoan vô tận... Hơn nữa, vì con người có thể xác, gắn bó với vũ trụ vật chất (qua việc ăn uống, hít thở, lao động hằng ngày), nên vạn vật cũng bị kết án phải chịu sự hư nát¹²⁹, tan rã, chêt chóc cùng với con người. Vì vậy, tất cả những ác độc xấu xa trong xã hội loài người không phải do các thần linh (ví dụ: thần Chiến tranh, Tử thần, Diêm vương) chi phối hay điều khiển, nhưng chỉ bắt nguồn từ sự căm dỗ của ma quỷ và ý muốn xấu xa của con người. Tuy nhiên, Thiên Chúa đã có kế hoạch cứu độ loài người và vũ trụ bằng tình yêu của Ngài¹³⁰.

Người Công giáo không phải chỉ cổ vũ lòng khoan dung đối với tín đồ các tôn giáo khác, mà còn trân trọng nhìn nhận giá trị của

¹²⁸ x. St 3,1-24.

¹²⁹ x. Rm 8,20-22.

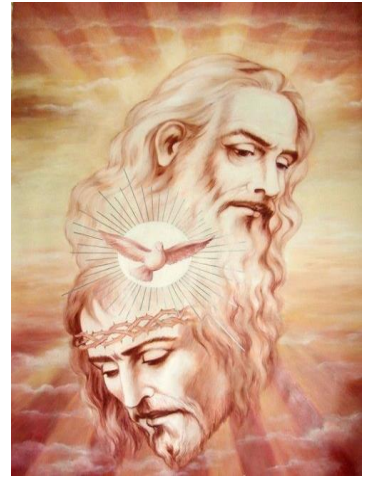
¹³⁰ x. *Docat*, chương 1.

các tôn giáo chân chính cũng là những con đường tâm linh dẫn con người đến với Thiên Chúa, cũng chứa đựng những sự thật của Đức Giêsu Kitô và luôn cộng tác với mọi người thành tâm thiện chí để xây dựng trần thế này¹³¹. Không thiếu những thiên sư, đạo sĩ, tăng ni, tu sĩ của các tôn giáo khác có khả năng xua trừ ma quỷ, chữa lành bệnh tật nhờ đời sống đạo đức, kết hợp với Đấng Linh Thiêng, dù họ không nhận thức rõ ràng Thiên Chúa hay Đức Giêsu là ai, trong khi nhiều tín hữu Kitô lại không thực hiện được các phép lạ như họ. Đức Giêsu đã cảnh báo điều này để mời gọi tín hữu mở lòng ra đón nhận mọi người¹³².

Thật ra, những người này khi tin vào một Đấng Linh Thiêng ban phát mọi ơn lành, khi họ sống theo sự thật và lương tâm ngay chính, họ đã là những “Kitô hữu ẩn danh”, vì như thế là họ đã nhận biết Thiên Chúa và đi theo Đức Giêsu Kitô “là con đường, là sự thật, là sự sống”. Thánh giáo phụ Justinô đã quả quyết điều đó¹³³.

3. Thiên Chúa Ba Ngôi

Điểm khác biệt lớn giữa các tôn giáo độc thần: trong khi Do Thái giáo và Hồi giáo chỉ tin Đức Giavê hay Đức Allah là Thiên Chúa duy nhất, thì Kitô giáo tin Đấng duy nhất đó có ba ngôi vị: Ngôi Cha, Ngôi Con và Ngôi Thánh Thần. Ba Ngôi có ba tác động chuyên biệt, dù trong hoạt động chỉ có một Thiên Chúa thực hiện: Ngôi Cha sáng tạo, Ngôi Con cứu độ, Ngôi Thánh Thần thánh hoá.



¹³¹ Giáo hội Công giáo xác nhận điều này trong các văn kiện của CĐ Vaticanô II, như Hiến chế *Lumen Gentium*, số 16; Hiến chế *Gaudium et Spes*, số 22; SL *Ad Gentes*, số 7; TN *Nostra Aetate*, số 2; và trong sách *Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, số 2609.

¹³² x. Mc, 9,38-39

¹³³ x. Thánh Justinô, *Apologia I*, 46; *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.247.

3.1. Mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi

Đây là mầu nhiệm cao siêu nhất của Kitô giáo được chính Đức Giêsu là Con Một Thiên Chúa mạc khải cho con người¹³⁴. Dù Thánh Kinh Do Thái đã nói rất nhiều về Đấng Messia (Messiah) và Đức Giêsu đã chứng minh Người là Đấng Messia đó bằng đời sống, bằng cái chết để đền tội cho nhân loại và bằng cuộc sống lại của Người, nhưng Do Thái giáo, Hồi giáo vẫn không chấp nhận Đức Giêsu là Con Thiên Chúa và mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi.

Mầu nhiệm này tuy không thể giải thích bằng lý trí tự nhiên của con người nhưng lại có thể cảm nghiệm được, nếu chúng ta đã từng yêu và hành động theo tình yêu. Thời trước, trong các lớp giáo lý, nhiều giáo lý viên khi dạy về Thiên Chúa Ba Ngôi, thường lấy hình ảnh của một tam giác có ba cạnh đều nhau hay một tinh thần có ba tài năng khác biệt nhau như trí hiểu, trí nhớ và ý chí. Tuy nhiên sự so sánh đó không chính xác.

Chúng ta có thể diễn tả mầu nhiệm này bằng tình yêu là hình ảnh gần gũi và chính xác hơn cả. Khởi đầu Thiên Chúa chỉ có một mình, nhưng vì bản chất của Ngài là tình yêu, nên đòi phải có đối tượng để yêu. Do không có ai ngoài mình nên Ngài đưa chính mình làm đối tượng: Thiên Chúa yêu chính mình. Khi yêu, Ngài dâng hiến tất cả những gì là của mình cho đối tượng mình yêu, mà tất cả những gì thuộc về Thiên Chúa lại là chính bản thể của Ngài. Tác động yêu thương đó tức khắc phát sinh ra hai ngôi khác biệt: đó là Ngôi Cha là chủ thể yêu và Ngôi Con là đối tượng được yêu. Cả hai ngôi có chung một bản thể Thiên Chúa.

Tác động tiếp theo là Ngôi Con bây giờ là chủ thể yêu. Người yêu lại Chúa Cha như là đối tượng cho tình yêu của mình và Người cũng dâng hiến cho đối tượng đó tất cả những gì là của mình. Tất cả những gì Chúa Con có chính là bản thể Thiên Chúa mà Người đã nhận được từ Ngôi Cha. Tác động này tức khắc phát sinh Chúa Thánh Thần là Ngôi Thứ Ba, có cùng một bản thể với hai ngôi kia

¹³⁴ x. Mt 28,19; Ga 7,38-39; 14,15-16.26; 15,26; 16,13-15; 20,22-13; Cv 2,1-11; Rm 15,6; 2Cr 11,31; Ep 1,3...

nhưng lại khác biệt với hai ngôi đó vì Ngài là tình yêu nối kết hai ngôi lại với nhau.

Hơn nữa, tình yêu Thiên Chúa không dừng lại hay chỉ luân chuyển giữa ba ngôi Thiên Chúa với nhau. Tình yêu đó vẫn tiếp tục chuyển động để chia sẻ cho muôn loài muôn vật những tác động riêng biệt của từng ngôi.

Điểm khác biệt nữa của Kitô giáo đó là nói rõ bản chất của Thiên Chúa là tình yêu¹³⁵. Tình yêu không phải chỉ là một đặc tính của Thiên Chúa hay một ân huệ được Thiên Chúa ban tặng cho thụ tạo. Nhưng tình yêu là tất cả Thiên Chúa, là toàn thể những quan hệ bên trong của Thiên Chúa, quyết định tính cách và mọi hoạt động bên ngoài của Thiên Chúa.

Do tình yêu thúc đẩy, Thiên Chúa chia sẻ những gì mình có cho muôn loài muôn vật, nên ta thấy chúng phản ánh cái đúng, cái tốt, cái đẹp của Ngài, nhất là chúng phản ánh tình yêu của Ngài và yêu thương nhau như Ngài. Tình yêu của Thiên Chúa là một điều hiển nhiên trong đời sống vạn vật. Chúng yêu ta nên tôm cá rau cỏ hy sinh sự sống cho ta, những bông hoa tỏa hương khoe sắc cho ta dù ta yêu hay ghét chúng.

Tuỳ theo bản chất của bậc sống mà mỗi loài diễn tả tình yêu Thiên Chúa một cách khác nhau. Những nguyên tử, phân tử vật chất mà ta tưởng như chúng vô hồn, nhưng thật sự chúng yêu thương nhau: những nguyên tử mang điện tích âm nối kết với những chất mang điện tích dương để tạo nên chất mới như đứa con của chúng. Thí dụ: Hydro + Oxy tạo ra nước. Ở loài thực vật, ta thấy hoa cái, nhị đực tìm đến nhau để sinh hoa kết trái. Ở loài động vật: con đực gắn bó với con cái theo bản năng để sinh con nối tiếp giống nòi.

Cao cả hơn là những loài có tinh thần, như các thiên thần và con người, bởi vì được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa, nên họ có tinh thần tự do để đón nhận hay từ chối tình yêu của Ngài. Thật sự một số trong họ đã chối từ. Khi cắt đứt mối hoà hợp với Thiên Chúa

¹³⁵ x 1Ga 4,8,16.

là họ làm tổn thương bản chất của chính mình, và làm mất luôn nguồn sống vĩnh hằng, hạnh phúc vô tận, nguồn chân thiện mỹ vô biên mà Thiên Chúa đặt vào trong bản chất của họ. Họ trở nên gian ác, sai lầm, xấu xí, bất hạnh và phải chết cũng như gây nên những đau khổ, thiệt hại cho người khác, vật khác.

Nhưng vì bản chất là tình yêu, nên Thiên Chúa vẫn tiếp tục yêu thương. Ngài không muốn muôn loài bị phá huỷ bởi tội lỗi của con người nên Ngài đã ban Con Một là Ngôi Lời Thiên Chúa trở thành người để cứu độ tất cả. Thánh Gioan cũng nói rằng: *“Tình yêu cốt ở điều này: không phải chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa, nhưng chính Ngài đã yêu mến chúng ta và sai Con của Ngài đến làm của lễ đền tội cho chúng ta”*¹³⁶. Vì thế, Đức Giêsu Kitô, Ngôi Lời Thiên Chúa làm người, chính là tình yêu cụ thể của Thiên Chúa. Người đến để dạy cho ta biết Thiên Chúa yêu thương ta và ta phải yêu thương nhau như thế nào.

3.2. Con đường tình yêu

Khi hiểu được Thiên Chúa là tình yêu, người ta sẽ biết đạo Kitô là con đường tình yêu, là “đạo tình yêu” như người Việt xưa đã gọi như thế khi so sánh với Phật giáo là “đạo từ bi”. Công đồng Vaticanô II đã xác định: *“Đối với những ai tin vào tình yêu Thiên Chúa, Ngài cho họ xác tín rằng con đường tình yêu mở rộng cho tất cả mọi người”*¹³⁷. Trên con đường này, tình yêu vừa là khởi điểm tạo thành nên ta, vừa là động lực thúc đẩy ta tiến bước, vừa là mối dây nối kết ta với các bạn đồng hành, và là đích điểm để ta nhắm tới.

Vì thế, người Công giáo cần nắm chắc *nguyên lý tình yêu* trong mọi hoạt động của đời sống. Theo đạo, tin đạo, giữ đạo, sống đạo ở đây không còn là cử hành những nghi lễ phụng tự, đọc những lời kinh hay tuân giữ các khoản luật lệ do Giáo Hội đặt ra, nhưng là tin theo Đức Giêsu vì Người chính là đạo, là con đường, đồng thời phải yêu thương như Đức Giêsu và gắn bó mật thiết với Đức Giêsu để Người chuyển thông cho ta sự sống kỳ diệu vĩnh hằng của Thiên Chúa. *“Ai nói rằng*

¹³⁶ x 1Ga 4,10.

¹³⁷ x. *Gaudium et Spes*, số 38.

*mình ở lại trong Thiên Chúa, thì phải đi trên con đường Đức Giêsu đã đi*¹³⁸.

Tình yêu của người tín hữu Công giáo còn mạnh mẽ và sâu xa hơn nhờ lòng tin vào Thiên Chúa Ba Ngôi. Chúng ta sẽ thấy ba đặc tính kỳ diệu trong tình yêu của Thiên Chúa Ba Ngôi mà không một tôn giáo nào khác có thể dạy chúng ta như Kitô giáo.

Tình yêu sáng tạo của Chúa Cha

Tình yêu chân thật không bao giờ ích kỷ, đóng kín nơi mình, tự thoả mãn với mình, nhưng luôn luôn hướng về đối tượng mình yêu để chia sẻ tất cả những gì mình có. Đó là tình yêu sáng tạo của Chúa Cha. Từ tình yêu đó, Chúa Con đã sinh ra. Cũng nhờ tình yêu đó mà muôn loài muôn vật được tạo thành. Chúng ta thấy muôn loài đều phản ánh tình yêu trong sáng và tốt lành của Cha Trên Trời qua màu sắc của từng bông hoa, cánh bướm, đặc biệt là vẻ đẹp nơi mỗi con người. Chúng biểu lộ đặc tính chân thiện mỹ, hạnh phúc, bình an, niềm vui của tình yêu sáng tạo này.



Vì thế, chúng ta đang được mời gọi nhìn lại tình yêu của mình để xem tình yêu đó có thúc đẩy ta chia sẻ những gì mình có cho người khác không, nhất là cho những người nghèo khổ quanh ta? Tình yêu của ta có mang lại niềm vui, hạnh phúc và bình an cho họ không, hay lại khai thác, bóc lột, làm cho họ khổ hơn cả khi ta chưa yêu họ? Tình yêu của ta có mang đặc tính chân thiện mỹ hay nó giả dối, ác độc, xấu xa?

¹³⁸ x. 1Ga 2,6

Tình yêu cứu độ của Chúa Con

Đặc tính cứu độ đã được diễn tả bằng những hành động cụ thể như Đức Giêsu đã làm trong cuộc đời trần thế của Người. Những hành động đó nhắc nhở rằng ta không được yêu chỉ bằng lời lẽ ngoài môi miệng, nhưng bằng những hành động tích cực thông thường trong đời sống¹³⁹. Tình yêu cứu độ của Ngôi Con luôn mời gọi chúng ta dám hy sinh cho đến cùng như Chúa Giêsu đã chết trên thập giá. Chúng ta cảm nghiệm được sự hy sinh ấy của vạn vật trong từng bữa ăn mỗi ngày, cảm nghiệm được sự hy sinh ấy nơi cha mẹ dành mọi sự cho con cái, như người tình dám chết cho người mình yêu, như người chiến sĩ dâng hiến mạng sống cho đất nước. Nếu tình yêu của ta không mang đặc tính cụ thể và hy sinh thì nó cũng không có tính cách cứu độ muôn loài của Chúa Con.

Chúng ta đang được mời gọi dám chia sẻ tất cả những gì mình có cho đời tượng mình yêu để nâng cao họ lên hơn cả chính mình, như Chúa Giêsu đã quỳ gối xuống rửa chân cho các môn đệ. Người đã hy sinh mạng sống để phục vụ con người và nâng chúng ta lên thành Thiên Chúa như Người. Con đường tình yêu đó cũng là chính Đức Giêsu khi mời gọi chúng ta bước theo Người “anh em hãy theo Thầy”, vì Người chính là con đường dẫn đến sự thật giải thoát và sự sống vĩnh hằng. Người thúc giục ta: *"Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, và Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em"*¹⁴⁰.

Tình yêu thần thánh hoá của Chúa Thánh Thần

Tình yêu đó là chính Chúa Thánh Thần được Chúa Giêsu ban cho ta khi thổi Thần Khí của Người trên chúng ta. Đó cũng là “tình yêu của Cha Trên Trời đổ vào lòng chúng ta nhờ Thần Khí Ngài ban cho ta”¹⁴¹ để hướng dẫn chúng ta như những người con tự do của Thiên Chúa, chứ không phải là những nô lệ sợ hãi, mà dân Do Thái xưa

¹³⁹ x. 1Ga 3,18; Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, số 38.

¹⁴⁰ x. Mt 28,19-20.

¹⁴¹ x. Rm 5,5.

kia đã cảm nhận, và để chúng ta có thể nói lên hai tiếng "Abba, Cha ơi!" đối với Thiên Chúa¹⁴².

Tình yêu thần thánh hoá là của Chúa Thánh Thần. Tình yêu này biến đổi con người và vạn vật thành thánh, thành thần linh như Thiên Chúa. Vì thế, tình yêu thật sự luôn mời gọi ta tôn trọng, nâng cao đối tượng mình yêu để giúp họ trở thành thần thánh, thành con cái Chúa như ta, chứ không phải làm nhục, hạ thấp họ thành vật sở hữu của mình. Rất nhiều lần, chúng ta đã hạ thấp, làm nhục, thậm chí biến người yêu thành phương tiện để thoả mãn tham vọng và dục vọng hoặc bắt người yêu hành động như những con rối. Chúa Thánh Thần mời gọi ta thay đổi để tình yêu trong sáng, quảng đại hơn.

Niềm tin vào tình yêu Ba Ngôi này luôn được thể hiện trong đời sống giúp cho người Công giáo an vui và hạnh phúc, cả những lúc bị đau khổ, thiệt thòi, thất bại, thử thách, hiểm nguy và bách hại. Nó được diễn tả qua dấu Thánh Giá họ làm trên mình mỗi ngày nhiều lần. Nhờ tin rằng Thiên Chúa tình yêu biết rõ mọi sự nên họ vẫn yêu thương mọi người, mọi vật cho đến cùng như Đức Giêsu, yêu cả những người giết hại mình. Nhờ tin vào Thiên Chúa toàn năng, nên họ vẫn giữ tâm hồn bình an giữa mọi biến động của đời sống và thế giới. Họ chỉ ước mong được kết hợp mật thiết với Thiên Chúa tình yêu để xây dựng được nền văn minh tình yêu cho cộng đồng nhân loại hôm nay.

Lời kết

Tìm hiểu những giá trị của Kitô giáo đóng góp cho nền văn hoá nhân loại, chúng ta mới thấy tôn giáo không phải là chuyện dị đoan, mê tín, làm cho con người đánh mất chính mình. Tôn giáo chân thật sẽ đưa ta tìm về được nguồn hiện hữu của mình để đưa tinh thần của ta vươn cao và bay xa đến những vùng đất lạ lùng trong cõi nhân sinh. Rồi khi hiểu được bản chất tình yêu và Ba Ngôi Thiên Chúa là giá trị văn hoá cao cả nhất của Kitô giáo, chúng ta sẽ hiểu mình nên đi theo con đường tâm linh nào trong cuộc lữ hành trần thế.

¹⁴² x. Rm 8,14-17.

Câu hỏi

- 1. Bạn hãy kể tên những thần linh và xác định xem thần linh nào có thật và thần linh nào do trí tưởng tượng của con người tạo nên.*
- 2. Bạn đã từng nghĩ về tôn giáo như thế nào? Bạn nghĩ tôn giáo thật sự là gì và mang lại những giá trị nào?*
- 3. Bạn biết gì về Thiên Chúa tình yêu của Kitô giáo?*
- 4. Bạn biết gì về nền văn minh tình yêu của Công giáo?*

Bài 6

Con đường Giêsu

Nhập đề

Mỗi tôn giáo thường có đấng sáng lập như Phật giáo do Đức Phật Thích Ca, Nho giáo do Đức Khổng Tử, Đạo giáo do Đức Lão Tử, Hồi giáo do Đức Muhammad¹⁴³. Còn Kitô giáo gồm Công giáo, Chính Thống giáo, Anh giáo và các hệ phái Tin Lành do Đức Giêsu Kitô sáng lập.

Vì thế, trong phạm vi bài này chúng ta sẽ tìm hiểu Đức Giêsu như một nhà văn hoá lớn, đã mang đến cho nhân loại những giá trị cao cả tuyệt vời, vì chỉ có Người mới cho ta hiểu con người thật sự là trung tâm của mọi sinh hoạt trần thế và có thể đạt được những gì cho cuộc sống của mình. Nhưng tiếc thay, rất nhiều người lại không biết Đức Giêsu thật sự là ai. Tại sao lại như vậy và cần làm gì để biết thật sự Đức Giêsu?

¹⁴³ x. Phật giáo do Đức Phật Thích Ca (Siddhartha Gautama) (566-480 TCN), Nho giáo do Đức Khổng Tử (551-497 TCN), Đạo giáo do Đức Lão Tử (571-471 TCN), Hồi giáo do Đức Muhammad (570-632).

1. Vài nguyên nhân khiến nhiều người chưa biết Đức Giêsu

1.1. Những người ngoài Kitô giáo

Thế giới hiện nay có 2,4 tỉ người theo Kitô giáo, trong số hơn 8 tỉ người sống trên trái đất, nghĩa là họ có biết Đức Giêsu. Nhưng nếu có ai hỏi các Kitô hữu đó rằng “Đức Giêsu là ai” thì ta sẽ nghe rất nhiều câu trả lời khác nhau, tùy theo trình độ hiểu biết về giáo lý và kinh nghiệm đời sống của từng người. Nhiều người trả lời: “Đức Giêsu là Đấng Kitô” như ông Phêrô trong đoạn Thánh Kinh của Marcô¹⁴⁴.

Có khoảng hơn 6 triệu người Công giáo ở Việt Nam. Họ có thể nói theo lời Kinh Tin Kính thường đọc mỗi ngày Chúa Nhật: “*Đức Giêsu là Đấng Kitô, là Con một Thiên Chúa và là Chúa chúng tôi. Bởi phép Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai, sinh bởi bà Maria đồng trinh, chịu nạn đời quan Phongxiô Philatô, chịu đóng đinh trên cây thánh giá, chết và táng xác, xuống ngục tổ tông. Ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại*”. Lời tuyên xưng đức tin này rất đầy đủ, nhưng họ thường không hành động theo niềm tin đó, nên không tạo được hiệu quả thiết thực trong đời sống và không thu hút được người khác tin theo Đức Giêsu. Vì thế, thánh Giacôbê nhắc nhở chúng ta: “*Đức tin không có hành động quả là đức tin chết*”¹⁴⁵.

Còn đối với 92 triệu người khác ở Việt Nam, hầu như ít người biết Đức Giêsu là ai. Nguyên nhân là vì tên Giêsu và những gì liên quan tới Đức Giêsu rất ít được các hệ thống truyền thông xã hội như báo chí, truyền thanh, truyền hình trong nước nhắc đến. Rất may là từ khi có mạng internet, người ta có thể tìm thấy trên đó rất nhiều điều liên quan tới Đức Giêsu nếu muốn tìm hiểu về Người.

Một thí dụ cụ thể là bộ Từ điển Bách khoa Việt Nam, trong đó có tiểu sử cả ngàn nhà khoa học, văn hoá, xã hội, nghệ thuật, tôn giáo, nhưng không có tên Đức Giêsu. Việc im lặng này quả thật là bất công đối với người đóng góp nhiều giá trị cho nhân loại và thế giới.

¹⁴⁴ x. Mc 8,27-35.

¹⁴⁵ x. Gc 2,14-18.



Điều nên làm là chúng ta hãy đối xử công bằng với Đức Giêsu, hãy giúp cho người Việt Nam và các bạn trẻ Việt Nam biết đến Đức Giêsu, vì càng biết về Người, ta càng sống đúng giá trị làm người và làm con cái Thiên Chúa, vì Đức Giêsu chính là Con Thiên Chúa làm người. Càng biết Đức Giêsu, người ta càng muốn sống hào hùng, tươi đẹp, phi thường để giúp cho mình và dân tộc Việt Nam tốt đẹp, vững bền mãi mãi, nhất là trong ước muốn hoà nhập với cộng đồng thế giới như hiện nay qua các hiệp định thương mại mới ký kết gần đây¹⁴⁶. Trong tinh thần đó chúng tôi muốn viết tóm tắt ít điều về Đức Giêsu.

1.2. Tín hữu Công giáo cũng kém hiểu biết về Đức Giêsu¹⁴⁷

Trong nội bộ Giáo hội Công giáo, môn học về Đức Giêsu Kitô, gọi là Kitô học, đáng lẽ phải quan trọng nhất, nhưng lại ít được quan tâm và nghiên cứu kỹ lưỡng. Tôi là người dạy môn học này trong nhiều học viện Công giáo và biết khá rõ tình trạng yếu kém này. Thánh Kinh là môn học được coi trọng nhất với khoảng 400 tiết học

¹⁴⁶ Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU (EVFTA), viết tắt từ tiếng Anh của Free Trade Agreement, là một FTA thế hệ mới giữa Việt Nam và 28 nước thành viên EU. EVFTA, cùng với Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), là hai FTA có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao nhất của Việt Nam từ trước tới nay. Hai hiệp định được ký kết ngày 30/6/2019.

¹⁴⁷ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.188-193.

trong chương trình đào tạo linh mục, tu sĩ, trong khi môn Kitô học chỉ có khoảng 60 đến 90 tiết.

Hơn nữa, do bị phân hoá vì những quan điểm khác nhau của các dòng tu về Đức Giêsu (dòng Tên, dòng Đa Minh, dòng Phan Sinh...), nên người dạy không dám đi sâu vào một số vấn đề. Thí dụ như: Đức Giêsu có thể sai lầm không? Sự hiểu biết của Người có vô tận không? Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo đã phải giải thích điều này¹⁴⁸.

Một nguyên nhân khác cũng giới hạn sự hiểu biết về Đức Giêsu Kitô, đó là do phương pháp nghiên cứu Kitô học. Các nhà thần học kinh viện Công giáo xác định bốn nguồn phải tìm đến để khám phá ra một sự thật về Đức Giêsu: Thánh Kinh, Thánh Truyền, kho tàng giáo huấn của Giáo Hội và luận đề của các nhà thần học Công giáo, đặc biệt là của thánh Thomas d'Aquino, xem các nguồn này nói gì về điểm mình đang tìm.

Tuy nhiên, phương pháp này chỉ nên áp dụng cho các tín điều thần học nói chung. Còn về Đức Giêsu, người ta cần mở rộng các nguồn, nếu muốn hiểu rõ “tính người” của Ngôi Lời Thiên Chúa làm người. Các khoa học tự nhiên như vật lý, hoá học, thiên văn học, nguyên tử học, v.v... đều có thể giúp ta hiểu về Đức Giêsu như một con người thuộc trái đất hay vũ trụ này. Các khoa học xã hội nhân văn như lịch sử, địa lý, nhân học, nhân chủng học, tâm lý học, xã hội học... cũng giúp ta khám phá về Đức Giêsu như một con người sống giữa cộng đồng nhân loại.

Ví dụ cấu trúc thân xác của Đức Giêsu gồm các thành phần hoá học, nên những lít không khí Người thở, những lít nước Người uống đều rút ra từ trái đất này, đều chia sẻ cho toàn thể loài người và vạn vật theo các định luật khoa học, thí dụ như định luật Avogadro. Hoặ cấu trúc tâm lý của Đức Giêsu có những tầng ý thức, tiềm thức, vô thức và siêu thức như thế nào? Đức Giêsu có tính dục như người bình thường không? Đức Giêsu có rung động trước những cô bạn gái của Người không?...

¹⁴⁸ x. *GLHTCG*, số 474-477.

Ta không thể tìm thấy câu trả lời cho các vấn đề này trong các nguồn chính thống cổ điển. Tuy nhiên, một khi đã làm người, Đức Giêsu đã hoà nhập vào trần thế này, và trở nên một con người như chúng ta, chỉ trừ tội lỗi, nên ta có thể dựa vào những khám phá của các khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để hiểu biết thêm về Người, ngoài những gì được Giáo Hội xác định.

Chính Thánh Kinh đã quả quyết như thế: “*Vì những kẻ được Người giúp đỡ không phải là các thiên thần, mà là con cháu Abraham. Bởi thế, Người đã phải nên giống anh em mình về mọi phương diện, để trở thành một vị thượng tế nhân từ và trung tín trong việc thờ phượng Chúa, hầu đền tội cho dân*”¹⁴⁹. “*Người đã chịu thử thách về mọi phương diện cũng như ta, nhưng không phạm tội*”¹⁵⁰. Hiểu được điều này chúng ta sẽ cảm thấy an ủi và hy vọng vì Đức Giêsu cũng là một con người như ta để đưa ta lên tầng cao hơn, giúp ta vượt thắng chính mình để hoà nhập vào Thiên Chúa như Người.

2. Đức Giêsu là ai?

2.1. Những cách thức để biết Người

Để hiểu Đức Giêsu thật sự là ai, người ta có thể đọc trong hàng ngàn cuốn sách viết về Người, trong đó Thánh Kinh là cuốn sách vẫn được in và đọc nhiều nhất trên thế giới. Đó là cuốn sách viết về Đức Giêsu, dù Người không viết một cuốn sách nào. Ta cũng có thể vào mạng internet, gõ từ “Giêsu Nazareth” hay “Giêsu Kitô” sẽ thấy các bài viết về Người.

Trong lịch sử cũng không thiếu bài viết xuyên tạc về cuộc đời Đức Giêsu và ta có thể tìm thấy chúng trên internet. Đức Giêsu không thanh minh hay biện hộ cho mình, Người vẫn im lặng vì Người yêu thương tất cả các tác giả ấy và đã chết cho họ¹⁵¹.

Nếu thích khoa học, ta có thể đọc tiểu sử của các nhà bác học hàng đầu thế giới như Albert Einstein, Isaac Newton, Galileo Galilei,

¹⁴⁹ x. Dt 2,16-17.

¹⁵⁰ x. Dt 4,15.

¹⁵¹ Thí dụ: bài của Charlie Nguyễn: *Một góc nhìn về huyền thoại Thiên Chúa Giáng Sinh*, 24/12/2019, trên trang web Reds.vn có cả cờ đỏ, sao vàng của Việt Nam.

Charles Robert Darwin, Thomas Edison, André-Marie Ampère, Alessandro Volta, Louis Pasteur, Marie Curie, Alexander Fleming... để nghe họ kể về Đức Giêsu như là nguồn phát minh của mình.

Nếu thích xem phim, nghe nhạc, ta cũng có thể xem hàng trăm cuốn phim hấp dẫn, nghe hàng ngàn bài hát rất hay về Đức Giêsu, trong đó có cả đĩa nhạc “Đức Giêsu Siêu sao”¹⁵² của các nhóm sáng tác từ năm 1971 đến nay¹⁵³. Các bộ phim nổi tiếng với hàng chục giải Oscar như *Quo Vadis*¹⁵⁴, *Jesus of Nazareth*, *Ten Commandments* (1956), *Ben Hur*¹⁵⁵ (1959), *King of Kings*¹⁵⁶ (1961)...



Nếu thích hội họa hay điêu khắc, ta có thể vào các nhà thờ, tu viện, bảo tàng để chiêm ngưỡng những tác phẩm nổi tiếng của các nghệ

¹⁵² *Đức Giêsu Siêu Sao* (Jesus Superstar) là một vở opera rock, được sáng tác năm 1970, với âm nhạc của Andrew Lloyd Webber và lời của Tim Rice. Đây là một album nhạc kịch rock trước khi ra mắt trên sân khấu Broadway vào năm 1971.

¹⁵³ *Jesus Superstar 2020* do Tim Minchin tái lên trên mạng www.youtube.com, ngày 13/4/2020, trong dịch bệnh Covid-19 “Stay home”.

¹⁵⁴ *Quo Vadis* là tiểu thuyết thành công bậc nhất của Henryk Sienkiewicz, người Ba Lan, sáng tác năm 1895, giúp ông giành giải Nobel Văn học năm 1905. Tiểu thuyết được chuyển thành phim nhiều lần. Năm 1951, hãng phim MGM của Mỹ đạt 8 giải Oscar cho phim này.

¹⁵⁵ *Ben Hur* là phim sử thi của Mỹ sản xuất năm 1959 do William Wyler đạo diễn. Phim đã đoạt kỷ lục 11 giải Oscar.

¹⁵⁶ *King of Kings* là bộ phim sử thi Kinh Thánh Mỹ năm 1961 được thực hiện bởi Samuel Bronston Productions và được phân phối bởi Metro-Goldwyn-Mayer (MGM).

sĩ bậc thầy thực hiện về Đức Giêsu như Michelangelo, P. Picasso, Vincent van Gogh, Leonardo da Vinci, Salvador Dali... Nhưng nếu muốn biết về Đức Giêsu để đi theo con đường của Người, chúng ta nên theo một lớp học gọi là “giáo lý cho người muốn nhập đạo”, ta sẽ được hướng dẫn kỹ hơn.

Tuy nhiên, tôi muốn chia sẻ với những ai đang muốn tìm hiểu về Đức Giêsu Kitô rằng: những bài học đó giống như bộ luật giao thông phải học khi thi bằng lái xe. Ta không thể chỉ biết luật đi đường, nhưng chính ta phải lên đường, đi vào những con đường, đó mới là điều đáng nói. Đức Giêsu không đưa ra những luật lệ phải giữ một cách cặn kẽ để trở thành tín hữu, nhưng Người chính là “con đường” mà ta phải theo để Người dẫn ta về với Cha của Người là nguồn mọi hiện hữu. Đi vào con đường Giêsu, ta sẽ tìm được sự thật giải phóng và sự sống kỳ diệu để phát huy tối đa những khả năng tinh thần của ta, như Người xác định: “Tôi là con đường, là sự thật và là sự sống”¹⁵⁷.

Còn nếu ai muốn biết Đức Giêsu, muốn học về đạo Công giáo để lập gia đình với người Công giáo, chúng tôi khuyên họ hãy tìm hiểu kỹ lưỡng, đừng vì người tình của mình mà vội vã tin theo. Lý do là vì chuyện hôn nhân không quan trọng bằng việc theo đạo: chúng ta lập gia đình để sống với nhau trong cuộc đời trần thế, còn theo đạo là để sống muôn đời với Thiên Chúa và với muôn loài. Nếu theo đạo chỉ để làm vui lòng người tình, đẹp lòng cha mẹ họ hàng, hoặc để cho có đầy đủ lễ nghi cưới xin, việc theo đạo này sẽ không chính đáng, không bền lâu, như người ta vẫn chế diễu:

Sắp mình lạy Chúa Ba Ngôi

Tôi lấy được vợ, tôi thôi nhà thờ!

Giáo hội Công giáo không đòi buộc ai phải theo đạo. Người ta có thể nói với bên Công giáo để xin Giáo Hội ban phép “chuẩn” cho cuộc hôn nhân của người đó với mình là đủ.

Tuy nhiên, nếu thật sự muốn biết Đức Giêsu để trở thành một tín hữu, ta phải gặp được chính Đức Giêsu. Những sách báo, phim ảnh, bài học về Đức Giêsu chưa đủ, vì chúng chỉ cung cấp cho ta những dữ

¹⁵⁷ Ga 14,6.

liệu (data) chứ không đưa ta vào một sự kiện, một biến cố làm thay đổi cuộc đời. Những cuốn sách, phim ảnh kể về một nhân vật lịch sử nổi tiếng nào đó có thể làm ta say mê, ngưỡng mộ, nhưng hầu như họ đều đã chết và ít ai có thể gặp họ. Còn Đức Giêsu vẫn đang sống và ta có thể gặp được Người. Ta chỉ biết rõ về một người nếu gặp gỡ được người đó, tiếp xúc lâu dài và sống thân mật với người đó, như cha ông ta vẫn thường khuyên: *“Thức lâu mới biết đêm dài, ở lâu mới biết lòng người có nhân”*.

Đức Giáo hoàng Bênêđictô XVI xác định: *“Làm một Kitô hữu không phải là kết quả của một sự lựa chọn đạo đức hay một ý tưởng cao cả, mà là cuộc gặp gỡ với một biến cố, một con người, mà người này mang đến cho cuộc sống của ta một chân trời mới và một hướng đi dứt khoát”*¹⁵⁸.

Đức Giêsu không chỉ là một nhân vật lịch sử đã đi vào dĩ vãng. Người đang sống và muôn đời hằng sống¹⁵⁹. Sau khi tự nguyện chết trên thập giá để cứu độ muôn loài, Người đã sống lại, không còn bị giới hạn bởi vật chất, không gian và thời gian, nên Người đang sống để cho bất cứ ai tin vào Người đều có thể cảm nhận được Người, cảm nhận được ân huệ, tình yêu, sức sống thần linh, quyền năng siêu phàm của Người. Đó mới là những giá trị ta cần trong thời đại hôm nay. Chính Người đã nói với những môn đệ tin Người rằng: *“Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế”*¹⁶⁰. Rất nhiều người trong suốt dòng lịch sử đã tìm Đức Giêsu và quả thật họ đã gặp được Người.

Vì Đức Giêsu đang sống nên mỗi người đều có thể gặp được Người ở bất cứ nơi đâu, vào bất cứ lúc nào, không cần hẹn trước. Người có thể mang hình hài của một bác làm vườn như với cô Maria Magdala¹⁶¹, một khách đồng hành như với hai môn đệ trên đường

¹⁵⁸ x. ĐGH Bênêđictô XVI, Thông điệp *Deus Caritas est* (Thiên Chúa là Tình yêu), ngày 25/12/2005, số 1.

¹⁵⁹ x. ĐGH Phanxicô, Tông huấn *Christus Vivit* (Đức Giêsu hằng sống), ngày 25/3/2019, số 1; số 124-129.

¹⁶⁰ x. Mt 28,20.

¹⁶¹ x. Ga 20,11-18.

đi Emmaus¹⁶², một người mua cá buổi sớm khi hiện ra ở biển hồ Tibêria¹⁶³. Nhưng muốn nhận ra Người, ta cần có đôi chút kinh nghiệm về Người, hiểu biết đôi chút về Người, dù sự hiểu biết đó có thể sai lầm và bị xuyên tạc, giống như Phaolô đã có, trước khi gặp gỡ Đức Giêsu trên đường đi Damas để tìm bắt những ai theo Đức Giêsu¹⁶⁴.

Cuối cùng, nếu muốn hiểu sâu xa về Đức Giêsu như người Con của Thiên Chúa, ta cần cầu nguyện, hay đúng hơn, ngỏ lời với Đấng Linh Thiêng rằng mình muốn biết, muốn gặp Đức Giêsu. Chắc chắn Đấng đó sẽ mạc khải rõ ràng cho ta về Con của mình vì Ngài yêu thương ta và rất vui vì điều đó. Đức Giêsu cũng đã nói: “*Không ai biết Con, trừ ra Cha, và cũng không ai biết Cha, trừ ra Con và những người mà Con muốn mạc khải cho*”¹⁶⁵.

Muốn theo một tôn giáo để gặp được Đấng Linh Thiêng, chúng ta cần có đức tin. Đức tin theo định nghĩa là cuộc gặp gỡ giữa Thiên Chúa linh thiêng với con người phạm tục, hay nói rõ hơn, giữa một Thiên Chúa cụ thể là Đức Giêsu và một con người cụ thể là từng người chúng ta¹⁶⁶. Đây cũng là một ơn ban vì chính Thiên Chúa đã đi bước trước, đã đến với con người và con người cũng tiến tới bằng nỗ lực của mình để gặp được Ngài. Quả thật, trong cộng đồng Giáo Hội hiện nay, nhiều tín hữu không gặp hay chưa gặp được Đức Giêsu, dù họ đã nhận các bí tích hay vẫn dự lễ cầu kinh. Họ chỉ được nghe nói, nghe giảng về Người.

Trong thời buổi dịch bệnh Covid-19 hoành hành, câu trả lời cho Đức Giêsu được nhiều người tín hữu thể hiện qua hành động đã làm xúc động hàng triệu con tim trên khắp thế giới cũng như ở Việt Nam. Hàng ngàn linh mục, nam nữ tu sĩ và hàng triệu giáo dân đã tình nguyện dấn thân vào các tâm dịch. Riêng tại châu Âu đã có cả trăm

¹⁶² x. Lc 24,13-35; Mc 16,12-13.

¹⁶³ x. *Cảm nang Tân Phúc Âm hoá*, “*Các lần hiện ra của Đức Giêsu*”, tr.222-231; x. Ga 21,1-6.

¹⁶⁴ x. Cv 9,1-9.

¹⁶⁵ x. Mt 11,27; Lc 10,22.

¹⁶⁶ x. *GLHTCG*, số 2563, 2567, 2591.

giám mục và cả ngàn linh mục chết vì dịch bệnh Covid-19 sau khi bị lây nhiễm vì săn sóc người bệnh.

Ở Việt Nam cũng có hàng ngàn linh mục, tu sĩ khắp nơi âm thầm lo cho các người bệnh tật nghèo khổ. Nhiều người đã hy sinh sự sống để cứu người khác như Đức Giêsu. Đối với họ, Đức Giêsu là Đấng Cứu Độ nên họ đã hành động như Người: *“Ai liều mất mạng sống mình vì tôi và vì Tin Mừng, thì sẽ cứu được mạng sống ấy”*¹⁶⁷.

Ngày 19/7/2021, người chủ nhà của tôi nhập viện cùng với người vợ, ở Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, vì nhiễm Covid-19. Bác sĩ chẩn đoán phổi anh đã bị trắng, điểm sinh tồn chỉ còn 5%, cơ thể anh tím tái và đã hôn mê. Người vợ và gia đình thiết tha cầu nguyện. Rồi nhờ sự can thiệp lạ lùng của một bác sĩ để Bộ Y tế cho Bệnh viện xuất kho loại thuốc có tên Actemra của Công ty Roche để tiêm cho anh, anh đã hồi phục nhanh chóng và ngày 27/7/2021 xuất viện. Gia đình anh lúc đó mới biết rằng Đức Giêsu là sự sống.

Mẹ thánh Têrêsa Calcutta (1910-1997), người được cả thế giới tôn vinh với giải thưởng Nobel Hoà Bình 1979, sau cả một đời phục vụ người nghèo khổ, bệnh tật, hấp hối trên đường phố Ấn Độ và trên thế giới, đã viết nên lời kinh *“Đức Giêsu là ai đối với tôi”*. Chúng tôi xin trích dẫn sau đây:

“Đối với tôi, Đức Giêsu là Ngôi Lời Thiên Chúa làm người, là bánh ban sự sống, là của lễ được dâng trên thập giá để đền tội cho chúng ta, là lễ vật hy sinh được dâng trong thánh lễ để đền tội cho tôi và cho toàn thế giới.

Đức Giêsu là Ngôi Lời cần được nói tới, là sự thật cần được công bố, là con đường cần được đi theo, là ánh sáng cần được thắp lên, là sự sống cần được sống với, là tình yêu cần được yêu thương, là niềm vui cần được chia sẻ, là của lễ cần được hiến dâng, là hoà bình cần được trao tặng, là bánh hằng sống cần được hưởng dùng.

Đức Giêsu là người đói cần cho ăn, là người khát cần cho uống, là người rách rưới cần cho mặc, là người không nhà cửa cần tiếp đón,

¹⁶⁷ x. Mc 8,35.

là người cô độc cần yêu thương, là người thừa thãi cần đón nhận, là người phong cùi cần rửa vết thương, là người ăn xin cần nhận được nụ cười.

Đối với tôi, Đức Giêsu là Thiên Chúa của tôi, là người chồng của tôi, là sự sống của tôi, là tình yêu duy nhất của tôi, là tất cả cho những gì tôi có và là tất cả cho tôi. Amen”.

3. Tiểu sử Đức Giêsu

Chúng ta có thể tóm tắt một vài điểm đáng nhớ trong cuộc đời của Đức Giêsu để tìm ra ý nghĩa cho cuộc đời của mình.

Những lời tiên báo về Đức Giêsu

Trước hết, Đức Giêsu không phải là một con người đột ngột xuất hiện trong lịch sử, nhưng đã được báo trước từ nhiều thế kỷ trong lịch sử dân tộc Do Thái qua hình ảnh của Đấng Kitô. Các bản văn Thánh Kinh Cựu Ước trình bày rất rõ Đấng này được xức dầu để làm vua, làm tư tế, làm tiên tri và làm con người. Làm vua để lập Nước Thiên Chúa, giải phóng dân tộc thoát ách nô lệ. Làm tư tế để dâng lễ vật cho Chúa và cầu khẩn cho dân, chịu đau khổ và chịu chết để đền tội cho dân như một đày tớ của Thiên Chúa. Làm tiên tri là biết trước những điều Chúa muốn để hướng dẫn lại cho dân chúng. Làm con người bình thường như mọi người trong tinh thần khiêm tốn, vừa là con người có mặt từ muôn thuở để đón nhận vinh quang sau khi hoàn thành nhiệm vụ cứu thế của mình.

Người Do Thái, sau bao thăng trầm kể từ lúc đất nước bị tàn phá bình địa vào năm 70 cho đến ngày nay, vẫn hướng lòng chờ đợi Đấng Messia này. Dù rằng những người đồng thời với Đức Giêsu đã xác định Người chính là Đấng Messia, khi hoàn thành tất cả những điều tiên báo về Người. Lý do chính để người Do Thái từ chối là vì Đức Giêsu quả quyết mình là Con Thiên Chúa, trong khi người Do Thái chỉ tin một mình Đức Giavê là Thiên Chúa.

Tên Giêsu Kitô

Giêsu là tên riêng, được phiên âm từ gốc tiếng Hipri “yehôsuac”, có nghĩa là “Thiên Chúa cứu độ” chuyển sang tiếng Hy Lạp là *Iêsous* hay tiếng Latinh là *Jesus*, và các ngôn ngữ khác như *Jésus*

(Pháp), Jesus (Anh), Đa Tô (Trung Quốc). Đây là tên được sứ thần báo cho Đức Maria để đặt tên cho “Con Thiên Chúa làm người”. Tên này nói lên tư cách và sứ mệnh căn bản của Chúa Giêsu “vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ”¹⁶⁸.

Kitô là tước hiệu đi kèm với tên Giêsu. Từ “Kitô” bắt nguồn từ từ *Messia* (Anh ngữ: Messiah) của tiếng Hipri, có nghĩa là “Đấng được xúc dầu”, chuyển dịch sang tiếng Hy Lạp là *Christos*, chuyển âm sang tiếng Latinh là *Christus*, các ngôn ngữ khác là *Christ* (Anh, Pháp), *Cơ Đốc* (Trung Quốc), *Ki-ri-xi-tô* trong tiếng Việt cổ từ thế kỷ XVII và từ năm 1924 đọc gọn thành *Kitô* như ngày nay.

Cha mẹ Đức Giêsu được thế giới biết đến là thánh Giuse và Đức Maria. Hai người đã đính hôn với nhau. Tuy nhiên, trước khi về chung sống với thánh Giuse, Đức Maria đã mang thai Chúa Giêsu bởi quyền năng Chúa Thánh Thần. Điều này cũng đã được Tiên tri Isaia tiên báo từ 700 năm trước¹⁶⁹ và cũng được dự báo ngay khi con người đầu tiên phạm tội¹⁷⁰. Với quyền lực vô biên, Thiên Chúa tạo dựng muôn loài từ hư vô, thì việc làm cho một trinh nữ mang thai chẳng phải là khó khăn. Điều này không đi ngược với khoa học, nhưng vượt lên trên khoa học, nên cần phải có lòng tin. Nó thuộc lĩnh vực mầu nhiệm giống như tín điều trong các tôn giáo.

Tuy nhiên, đây là một mầu nhiệm sâu xa mà chúng ta cần tìm hiểu để thấy rằng loài người chúng ta đóng góp phần “tính người” (nhân tính) của mình qua Đức Maria, và Thiên Chúa Ngôi Con đóng góp tính Thiên Chúa (thiên tính) để hình thành nên Đức Giêsu có hai bản tính: nhân loại và Thiên Chúa. Vì trở thành “con của loài người” (Con Người) nên Thiên Chúa Ngôi Hai mới có thể mang thân xác hữu hình, sinh vào một thời gian và không gian nhất định như mỗi người chúng ta. Đồng thời Người cũng đón nhận những giá trị văn hoá của thời đại và dân tộc như ta, với toàn bộ cuộc sống cụ thể có vui buồn và sướng khổ, thất bại và thành công, sự sống và cái chết.

¹⁶⁸ x. Mt 1,21; Lc 2,21; Cv 4,10-12; *GLHTCG*, số 430.

¹⁶⁹ x. Is 7,14.

¹⁷⁰ x. St 3,2.

Vì là Thiên Chúa, Người mới có thể đưa thần tính vĩnh hằng, vô hạn, vô biên vào trong nhân tính đó để biến đổi toàn diện con người và vũ trụ. Mầu nhiệm này gọi là “nhập thể”¹⁷¹ (đi vào thể xác) và cũng là “nhập thế” (đi vào thế giới) để Thiên Chúa hoà nhập vào vũ trụ vật chất, hoà hợp với mọi người và biến đổi tất cả. Từ nay chúng ta không còn phải bi quan, cho cuộc sống hiện tại (hiện sinh) của mình là vô nghĩa và phi lý nữa, vì mỗi giây phút của đời ta đã được Đức Giêsu đón nhận, biến đổi thành vĩnh hằng và có giá trị vô song.

Thánh Giuse, khi hiểu được Đức Maria mang thai là do Chúa Thánh Thần để thực hiện kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa, qua lời báo mộng của thiên thần¹⁷², đã sẵn sàng dâng hiến tình yêu của mình cho Thiên Chúa. Ngài sống cùng một nhà với Mẹ Maria để nuôi dưỡng, bảo vệ, dạy dỗ Đức Giêsu, trở thành người cha trần thế của Đức Giêsu và người chồng muôn thuở của Đức Maria. Tình yêu tuyệt vời của đôi vợ chồng này mãi mãi là biểu tượng trong sáng nhất cho các bạn trẻ thời nay, trước những khuynh hướng sống thác loạn và đòi hỏi của tình dục như một nhu cầu không thể thiếu của con người.

Đức Giêsu sinh ở Bêlem (Bethlehem)¹⁷³. Đây là một thành phố nhỏ bé nằm ở phía Nam, cách thủ đô Giêrusalem khoảng 10km, ở độ cao 775m trên mực nước biển, quê hương của vị vua David nổi tiếng. Thánh Giuse phải đến đó khai báo trong dịp tổng kiểm tra dân số toàn quốc, vì ngài thuộc hoàng tộc David.



¹⁷¹ x. Ga 1,14; Gl 4,4-5.

¹⁷² x. Mt 1,18-25.

¹⁷³ x. Lc 2,4.

Là những người nghèo, nên thánh Giuse và Mẹ Maria không thuê được nhà trọ và đành phải đến trú thân trong một hang đá ngoài đồng vắng. Đức Maria đã sinh con tại đây. Bà lấy vải bọc con và đặt bé Giêsu vào trong máng cỏ của chiên lừa. Hang đá nơi Chúa giáng sinh ngày nay được trang hoàng lộng lẫy, nhưng thực tế ngày xưa không phải như vậy. Từ đó ta mới cảm nhận được phận nghèo của kiếp người được Con Chúa Trời đón nhận để giúp ta trở thành giàu sang, cao quý như Người.

Khi Đức Giêsu sinh ra có mấy vị đạo sĩ từ phương Đông tìm đến thủ đô Giêrusalem. Họ là những nhà chiêm tinh đi theo ngôi sao lạ báo hiệu một vị vua mới sinh. Các nhà thiên văn học đã tìm hiểu ngôi sao lạ có thật sự xuất hiện vào thời đó hay chỉ là chuyện hoang đường. Ngôi sao đó có thể là ba ngôi sao Thổ, sao Mộc, sao Hoả đã hội tụ gần nhau, tạo thành như một ngôi sao chổi, xuất hiện vào khoảng vài năm trước Công nguyên¹⁷⁴.

Khi các đạo sĩ tiến vào Giêrusalem, ngôi sao đã tắt, khiến họ phải vào tận hoang cung để hỏi vua Hêrôđê I: “*Vị vua mới sinh hiện đang ở đâu. Chúng tôi đã thấy ngôi sao của Người ở phương Đông nên chúng tôi đến đây bái lạy Người*”. Nhà vua và cả thành náo loạn. Vua triệu tập các đại giáo trưởng, các tiến sĩ để hỏi cho biết nơi sinh của vị vua mới và người ta trả lời là ở Bêlem, đúng như lời tiên tri Mikêa báo trước¹⁷⁵.

Các đạo sĩ liền đi Bêlem. Ngôi sao lại hiện ra dẫn đường cho họ đến tận chỗ Hài Nhi Giêsu. Họ dâng những lễ vật để tỏ lòng thần phục: trầm hương tượng trưng cho Thiên Chúa, vàng dành cho vua, mộc dược ám chỉ đến cái chết và việc tẩm liệm xác. Rồi họ từ giã Hài Nhi, mang niềm hy vọng về phương Đông, do đó các giáo hội Chính Thống phương Đông mừng lễ Chúa Giáng Sinh vào ngày 6 tháng Giêng.

¹⁷⁴ x. Hiện tượng này được nhà thiên văn học Johannes Kepler tìm ra. Ba ngôi sao này hội tụ từ tháng 5 đến tháng 12 năm 7 TCN và có thể tạo thành ngôi sao lạ cho các đạo sĩ Đông phương. Chu kỳ hiện tượng này khoảng 805 năm.

¹⁷⁵ x. Mk 5,1.

Vua Hêrôđê, sau khi biết tin các đạo sĩ đã đi đường khác trở về xứ sở, đã nổi giận, ra lệnh giết tất cả các bé trai từ 2 tuổi trở xuống trong vùng, hy vọng loại trừ được người sẽ chiếm ngai vàng của mình. Nhưng trước đó thiên thần đã báo mộng để ông Giuse đưa Hài Nhi Giêsu và Mẹ Maria trốn sang Ai Cập và ở lại đó cho tới khi vua Hêrôđê băng hà. Để tránh nguy hiểm cho Hài Nhi khi vua Hêrôđê Con lên ngôi, ông Giuse đã đưa gia đình đến định cư tại làng Nazareth ở miền Bắc nước Israel. Vì thế, người ta thường gọi Đức Giêsu là người Nazareth, theo như lời tiên báo từ trước.

Ngày tháng năm sinh của Đức Giêsu

Đế quốc Rôma trước đây lấy cuộc giáng sinh của Đức Giêsu là điểm mốc để phân chia lịch sử thế giới và định vị các biến cố. Do đó, thời gian được chia thành hai thời kỳ: trước Công nguyên (TCN) và Công nguyên. Thí dụ năm 2022, có nghĩa là 2022 năm tính từ cuộc giáng sinh của Đức Giêsu.

Cách tính này do ông Dionixius, một nhà lịch sử người Rôma, thực hiện vào năm 533. Tuy nhiên, do căn cứ trên triều đại của các hoàng đế Rôma, ông đã tính sai mất khoảng 4-6 năm. Vì thế, năm sinh thật sự của Đức Giêsu phải đặt sớm hơn. Các nhà sử học sau đó đã nhận ra khuyết điểm này¹⁷⁶. Nhưng nếu sửa lại tất cả các biến cố của các dân tộc theo thời điểm mới, sẽ rất phức tạp và còn tạo ra nhiều lầm lẫn hơn nữa, nên tất cả đều đồng ý giữ nguyên cách tính cũ.

Vì Đức Giêsu không phải là nhân vật nổi danh từ bé, hay thuộc hoàng tộc, nên người ta chẳng quan tâm đến ngày sinh tháng đẻ của Người. Sau 3 thế kỷ bị coi là tà giáo, năm 313 Hoàng đế Constantinus ra sắc chỉ Milan công nhận chính thức đạo Công giáo trong toàn đế quốc Rôma. Kể từ năm 336 theo lịch Rôma, người ta mừng ngày sinh của Đức Giêsu vào ngày 25 tháng 12, trùng với ngày kính thần Saturn của đế quốc Rôma.

¹⁷⁶ x. Lm. Phan Tấn Thành, bài *Chúa Giêsu sinh ra vào năm nào?*, www.daminh.net,

Thời thơ ấu và trưởng thành của Đức Giêsu

Các sử gia không biết gì nhiều về thời thơ ấu và trưởng thành của Đức Giêsu, trừ sự kiện Người đã theo gia đình lên đền thờ Giêrusalem mừng lễ Vượt Qua khi được 12 tuổi¹⁷⁷. Xong kỳ lễ, Người ở lại đền thờ mà cha mẹ không hay biết vì tưởng Người về chung với đoàn lũ hành và bà con thân thuộc. Sự kiện này cho ta hiểu về mối tương quan của Người với Chúa Cha: "Cha mẹ không biết là con có bốn phận ở nhà của Cha con sao?"¹⁷⁸.

Trong suốt thời gian từ đó cho đến tuổi trưởng thành, Đức Giêsu được rèn luyện để thực hiện kế hoạch cứu độ của Chúa Cha. Người học nghề mộc của cha mình là thánh Giuse và thay cha làm thợ mộc vì "thiên hạ vẫn coi Người là con ông Giuse"¹⁷⁹. Người là "con bác thợ mộc"¹⁸⁰ hay đơn giản là "bác thợ mộc"¹⁸¹, khiến cho người ta không thể tưởng tượng do đâu Người được khôn ngoan và quyền năng như thế: "Ông này lại không phải là con ông Giuse sao?"¹⁸². Nghề mộc lúc đó và thời nay không phải là một nghề có đẳng cấp cao, được xã hội trọng vọng. Đức Giêsu quả thật muốn là người bình thường như mọi người, để ai cũng có thể đến với Người và đi theo "con đường" Người đã đi¹⁸³.

Ba năm giảng dạy công khai của Đức Giêsu

Đức Giêsu khởi sự rao giảng vào khoảng 30 tuổi¹⁸⁴. Sau những năm tháng sống ẩn dật, Đức Giêsu xuất hiện và hoạt động công khai trong khoảng 3 năm. Người thu nhận các môn đệ và dạy dỗ họ để họ cùng với mình loan báo Tin Mừng cứu độ và tiếp tục công trình này cho muôn dân tộc. Mỗi ngày, vào buổi sáng sớm, sau những giờ phút cầu nguyện, gặp gỡ Chúa Cha, Người dạy bảo dân chúng về Nước

¹⁷⁷ x. Lc 2,41-50.

¹⁷⁸ x. Lc 2,49; ĐGH Phanxicô, Tông huấn *Đức Kitô đang sống*, số 27-28.

¹⁷⁹ x. Lc 3,23.

¹⁸⁰ x. Mt 13,55.

¹⁸¹ x. Mc 6,3.

¹⁸² x. Lc 4,22; ĐGH Phanxicô, Tông huấn *Đức Kitô đang sống*, số 28.

¹⁸³ x. 1Ga 2,6.

¹⁸⁴ x. Lc 3,28. Tuổi lập thân: "Tam thập nhi lập"

Trời qua các dụ ngôn. Giáo thuyết của Người có nhiều điều mới mẻ¹⁸⁵, vượt lên trên những giới luật và truyền thống Do Thái¹⁸⁶. Người dạy họ về Thiên Chúa là Người Cha hết lòng yêu thương mọi người như con cái, nên mọi người phải yêu thương nhau như anh chị em.

Người giảng dạy như mình có đủ thẩm quyền để giải thích và kiện toàn những điều luật¹⁸⁷ với một quyền lực phi thường¹⁸⁸. Quyền lực ấy được minh chứng cụ thể bằng các phép lạ Người làm trên vạn vật như dẹp yên bão tố, hoá bánh cá ra nhiều, trên con người như chữa lành mọi bệnh hoạn tật nguyền, cho kẻ chết sống lại, trên quỷ dữ khi xua đuổi chúng ra khỏi con người¹⁸⁹.

Cái chết của Đức Giêsu

Cả bốn sách Phúc Âm đều kể về cái chết¹⁹⁰ và cuộc sống lại của Đức Giêsu, một số sách khác trong Tân Ước, sử gia Tacitus người Rôma, sách Tamud của người Do Thái... cũng nói đến cái chết này. Vì thế Đức Giêsu chết là một thực tại lịch sử.



Sự kiện xảy ra là: Đức Giêsu Nazareth đã bị quan toàn quyền người Rôma là Phongxiô Philatô (Pontius Philatus) kết án đóng đinh trên thập giá, do áp lực của các thượng tế và kỳ mục người Do Thái, vào

¹⁸⁵ x. Mc 1,27; 11,18.

¹⁸⁶ x. Mt 15,1-9.

¹⁸⁷ x. Mt 5,17.

¹⁸⁸ x. Mt 13,54.

¹⁸⁹ x. Mt 4,23-25; Lc 6, 17-19; *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr. 96-198. 202-205.

¹⁹⁰ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.207-216.

thứ Sáu, ngày 7 tháng 4 năm 30, ngày áp lễ Vượt Qua của người Do Thái, 14 tháng Nisan¹⁹¹. Giáo hội Công giáo đã giữ truyền thống cử hành ngày Chúa Giêsu chịu chết vào trung tuần tháng Ba Âm lịch, tương ứng với lễ Vượt Qua, nên khác nhau mỗi năm, thay vì cử hành vào đúng ngày Dương lịch.

Lý do Đức Giêsu bị kết án. Người ta muốn quy trách nhiệm việc xử án bất công cho nghị viện Do Thái hoặc quan toàn quyền Rôma. Thực sự chính vì đời sống của Đức Giêsu: thái độ của Người đối với lề luật, với ngày Sabbat, với các tội nhân, hành động của Người trong việc trừ quỷ, tha tội, xua đuổi người buôn bán ra khỏi đền thờ Giêrusalem, một số lời dạy của Người có vẻ như chống lại những người cầm quyền, nên họ muốn tận diệt Đức Giêsu.

Khởi đầu các môn đệ Đức Giêsu hoảng hốt, không hiểu, bởi vì truyền thống Do Thái không nói rõ việc Đấng Messia bị chính dân tộc của mình từ chối và giết đi. Sau này cộng đồng Kitô hữu sơ khai mới hiểu được ý nghĩa của thập giá và coi đó là nằm trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa¹⁹²: *“Đức Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta đúng như lời Thánh Kinh, rồi Người đã được mai táng và ngày thứ ba đã trở lại đúng như lời Thánh Kinh”*¹⁹³.

Mục đích: Đức Giêsu tự nguyện hiến dâng chính mình cho Thiên Chúa như của lễ đền tội cho con người:¹⁹⁴ *“Đây là mình Thầy hiến tế vì anh em...”*. Người là đây tố đầu khổ của Đức Giavê được Isaia báo trước: *“Chính Người đã bị đâm vì chúng ta đã phạm tội, bị nghiền nát vì chúng ta lỗi lầm...”*¹⁹⁵. Đức Giêsu chết để thiết lập giao ước mới với Thiên Chúa: *“Tất cả anh em hãy uống chén này, vì đây là máu Thầy, máu giao ước đổ ra cho muôn người được tha tội”*¹⁹⁶. Đức Giêsu làm trung gian cho giao ước mới mẽ để một bên là Thiên Chúa tha thứ tội lỗi và đón nhận bên kia là con cái của

¹⁹¹ x. Mt 27,45-54; Mc 15,33-39; Lc 23,44-48; Ga 19,31.

¹⁹² x. Cv 2,23; 4,28; Pl 2,8.

¹⁹³ 1Cr 15,3-4.

¹⁹⁴ x. 1Cr 11,24; Lc 22,19...

¹⁹⁵ x. Is 52,5-10.

¹⁹⁶ x. Mt 26,28; Mc 14,22-25; Lc 22,19-20; 1Cr 11,23-25

mình, còn một bên cam kết sẽ tôn thờ, vâng phục và yêu mến Thiên Chúa như những người con thảo hiếu.

Đức Giêsu chết như thế nào? Đức Giêsu là người thế nào thì sẽ chết thế ấy: Người chết như con người, như Đấng Kitô và như Ngôi Lời Thiên Chúa.

Đức Giêsu chết như một con người. Vì là con người, nên khi đối mặt với cái chết, Người cũng kinh hãi, run sợ do bản năng bảo tồn sự sống như bất cứ sinh vật nào, đến nỗi “các giọt mồ hôi pha lẫn máu nhỏ xuống đất”¹⁹⁷, như từng thấy ở một số tử tội trước khi bị hành quyết. Theo truyền thống Do Thái: chết là hết hy vọng, cắt đứt với nguồn sống, xa cách Thiên Chúa¹⁹⁸. Hơn nữa, Người còn bị giết chết nhục nhã giữa tuổi thanh xuân¹⁹⁹, với khổ hình dành cho hạng người nô lệ. Tuy nhiên, với tất cả sự tự nguyện và ý thức về tình yêu của Người Con đối với Cha mình, Người đón nhận cái chết, cầu xin Chúa Cha tha thứ cho những kẻ giết hại mình²⁰⁰ và tin tưởng đọc lên lời nguyện cuối cùng: “*Lạy Cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha*”²⁰¹.

Đức Giêsu chết như Đấng Kitô. Người là hiện thân của những gì Đức Giavê hứa với dân Israel trong suốt dòng lịch sử và thực hiện tất cả theo từng chi tiết đã được ghi trong Thánh Kinh.

Người là Messia Vua từ việc đội mão gai cho đến bản án ghi trên đầu thập giá: “*Giêsu Nazareth Vua dân Do Thái*” (INRI: Jesus Nazarenus Rex Judeorum). Ngay cả việc an táng Đức Giêsu trong nấm mộ còn mới²⁰² và việc liệm xác với mộc dược và trầm hương “chùng 100 cân”²⁰³, vượt quá thói quen táng xác thông thường, đều chứng tỏ tính cách đế vương của Người²⁰⁴.

¹⁹⁷ x. Lc 22,44

¹⁹⁸ x. Tv 6,6; 88,11-13; Is 38,18...

¹⁹⁹ x. Is 53,2-3.

²⁰⁰ x. Lc 23,34.

²⁰¹ Lc 23,46; Tv 31,6.

²⁰² x. Mt 27,60; Lc 23,53; Ga 19,41.

²⁰³ x. Ga 19,39-40.

²⁰⁴ x. ĐGH. Bênêđictô, *Đức Giêsu thành Nazareth*, tập II, chương 8.

Người là Messia Tiên tri đã chết như người tội trung đau khổ của Thiên Chúa vì mang lấy tất cả tội lỗi của toàn thể nhân loại. Người cảm thấy như bị Thiên Chúa thánh thiện xua đuổi, bỏ rơi: “*Lạy Thiên Chúa, Lạy Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ con?*”²⁰⁵. Thật ra, Thiên Chúa chẳng bao giờ bỏ rơi Con của mình cũng chẳng bỏ mặc con người Ngài đã dựng nên. Tiếng kêu của Đức Giêsu là tiếng kêu thay cho mọi người đau khổ trước sự ân mình của Thiên Chúa. Tiếng kêu khởi đầu của Thánh Vịnh 22 này sẽ kết thúc trong niềm tin tưởng, hy vọng cứu độ và chiến thắng của tình yêu²⁰⁶.

Người là Messia Tư tế đã dâng lễ vật là chính mình Người trên bàn thờ thập giá để chuyển cầu cho muôn dân. Chính khi Người gục đầu trên thập giá, Đức Giêsu Thượng tế đi vào trong cung thánh vĩnh cửu, thì màn trong Đền thờ Giêrusalem bị xé ra làm đôi²⁰⁷ để từ nay Thiên Chúa mở rộng cửa lòng cho tất cả mọi người. Khi người lính đâm ngọn giáo vào cạnh sườn bên phải, vào thẳng trái tim Đức Giêsu, “*tức thì máu cùng nước chảy ra*”²⁰⁸, đó là giờ các chiên Vượt Qua bị giết. Người chính là con chiên Vượt Qua thanh khiết và hoàn hảo như Gioan Tẩy Giả giới thiệu lúc khởi đầu²⁰⁹.

Việc rút thăm chiếc áo dài không có đường khâu, dệt liền từ trên xuống dưới²¹⁰ theo Thánh Vịnh 22,19 và qua thông tin của sử gia Flavius Josephus²¹¹ như muốn nhắc đến phẩm giá thượng tế của Đức Giêsu. Ngay trong giây phút bị chà đạp danh dự đến tột đỉnh, Người vẫn hoàn tất nhiệm vụ tư tế của mình²¹².

Đức Giêsu chết như Thiên Chúa. Lời tuyên xưng của viên đại đội trưởng người Rôma: “*Quả thật, ông này là Con Thiên Chúa*”²¹³ xác định tính chất cao cả nhất trong cái chết của Đức Giêsu. Thiên Chúa

²⁰⁵ Mt 27,46; Mc 15,34.

²⁰⁶ x. ĐGH. Bê-nê-đi-cô XVI, *Đức Giêsu thành Nazareth*, tập II, chương 8.

²⁰⁷ x. Lc 23,45.

²⁰⁸ Ga 19,34.

²⁰⁹ x. Ga 1,29.

²¹⁰ x. Ga 19,23-24.

²¹¹ x. *Ant. Iud.* III, 7, 4.

²¹² x. Đức GH. Bê-nê-đi-cô, *Đức Giêsu thành Nazareth*, tập II, chương 8.

²¹³ x. Mt 27,54.

có thể trở thành con người thì cũng có thể chết như con người. Ngôi Lời Thiên Chúa đã trở nên người phạm và cư ngụ giữa chúng ta. Người không có gì ở nơi mình để chết cho chúng ta, nếu Người đã không nhận lấy xác phạm phải chết của ta. Như thế, Đấng bắt tử có thể chết. Người làm thế là vì muốn ban sự sống cho ta, vì với những gì chúng ta có xưa, chúng ta không thể sống, cũng như với những gì là của Người trước kia, Người không thể chết. Do đó đã có một cuộc trao đổi lạ lùng, trong đó cả 2 bên đều góp phần: phần của ta khiến Người phải chết, còn phần của Người khiến ta được sống²¹⁴.

Vì Thiên Chúa là tinh thần tuyệt đối, vượt lên trên không gian và thời gian nên hành động của Thiên Chúa mới có thể lan rộng tới mọi người, mọi vật ở bất cứ đâu và vào bất cứ thời điểm nào. Do đó, cái chết giao hoà với Thiên Chúa của Đức Giêsu mới mang lại ơn cứu độ cho toàn thể loài người và vũ trụ trong mọi thời điểm.

Vì Thiên Chúa là tình yêu vô biên và có quyền năng tuyệt đối nên Ngài có thể làm bất cứ điều gì để diễn tả tình yêu của mình. Đức Giêsu đã muốn chết như một vị Thiên Chúa làm người để diễn tả “*tình yêu cho đến cùng của Người*”²¹⁵ và “*không có tình yêu nào cao quý hơn tình yêu của người thí mạng vì bạn hữu mình*”²¹⁶. Trên thập giá, Thiên Chúa xuất hiện như Đấng hoàn toàn tự do trong tình yêu tuyệt đối của mình. Tình yêu tuyệt đối là trao hiến chính mình một cách hoàn toàn cho người mình yêu.

Cái chết còn nói lên bản chất của thụ tạo và tính liên đới của vũ trụ vạn vật với Ngôi Lời Thiên Chúa, vì tất cả được dựng nên nhờ Người và cho Người. Cái chết của Chúa Giêsu mang chiều kích vũ trụ, nên vạn vật đồng cảm với Người: “*Bóng tối bao phủ khắp mặt đất từ giữa trưa cho đến 3 giờ chiều. Khi Người gục đầu tắt thở: đất rung, đá vỡ, mồ mả bật tung và xác của nhiều vị thánh đã an nghỉ được trôi dậy*”²¹⁷.

²¹⁴ x. T. Augustinô, Bài Đọc II, thứ Hai Tuần Thánh, *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*.

²¹⁵ Ga 13,1.

²¹⁶ Ga 15,13.

²¹⁷ x. Mt 27,45.51-52; Mc 15,33; Lc 23,44-55.

Cuộc sống lại của Đức Giêsu

Chúa Giêsu Phục Sinh là tâm điểm trong lời rao giảng của các tông đồ cũng như của tất cả đời sống tín hữu vì “*nếu Đức Kitô không sống lại, lời rao giảng của chúng tôi sẽ vô ích và lòng tin của anh em cũng thật là trống rỗng...*”²¹⁸. Cuộc sống lại này được chứng thực bằng 2 chứng cứ: ngôi mộ trống và các lần hiện ra của Đấng Phục Sinh²¹⁹.



Ngôi mộ trống

Ở nước Do Thái, người ta không đào huyệt và chôn người chết trong quan tài như ở Việt Nam. Do có nhiều đồi núi nên người ta thường khoét sâu vào trong sườn đồi một hang nhỏ, rộng khoảng 4-5m², kê một phiến đá phẳng rồi đặt người chết nằm trên phiến đá đó. Mộ có cửa nhỏ để người ta chui vào. Bên trong lòng mộ người ta khoét rộng hơn, cao hơn để có thể đứng tầm liệm. Xác chết được quấn bằng nhiều băng vải, trên mặt đặt một khăn dài, rồi đổ dầu thơm và mộc dục lên trên để có thể giữ xác không bị thối rữa trong vòng vài ngày. Trong 3 ngày đầu sau khi chết, người thân thường đến mộ để đổ dầu. Từ ngày thứ 4, người ta đóng cửa mộ và trét vữa kín để thân xác tự huỷ, không bốc mùi ra ngoài. Bên ngoài có một tảng đá lớn che cửa mộ²²⁰, nhưng mộ chưa đóng kín trong thời gian tầm liệm.

²¹⁸ 1Cr 15,14-19.

²¹⁹ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.217-235.

²²⁰ x. Mt 27,60; Lc 23,58; Ga 1,19,41.

Sau khi Đức Giêsu được mai táng, các thượng tế đã xin quan Philatô niêm phong ngôi mộ Chúa Giêsu và các binh lính của đền thờ canh giữ ngôi mộ hết sức cẩn thận²²¹.

Tuy nhiên, vào sáng sớm ngày 9/4/30, ngôi mộ chôn táng Đức Giêsu trống rỗng! Sách Tin Mừng cũng tả rõ: tảng đá che cửa mộ đã lăn sang một bên, không còn xác Chúa Giêsu bên trong²²². Các phụ nữ định đến viếng xác và đổ dầu tẩm liệm đã không thấy xác Đức Giêsu ở trong mộ²²³. Hai môn đệ Phêrô và Gioan được báo tin đã chạy tới ngôi mộ và thấy không còn người lính nào canh gác ở đây. Các băng vải và khăn che mặt Đức Giêsu đã xếp gọn gàng để riêng ra một nơi²²⁴.

Lời giải thích về ngôi mộ trống

Trước hết, chắc chắn đã xảy ra một sự kiện lạ lùng ở đó, nên mới có chuyện tảng đá lớn che cửa mộ đã lăn sang một bên và đám lính canh không còn túc trực. Thánh Matthêu giải thích: có một cơn động đất dữ dội và thiên thần Chúa đến lăn tảng đá ra và ngồi lên trên, khiến bọn lính canh và các phụ nữ hoảng sợ²²⁵.

Thánh Phêrô, trong bài giảng đầu tiên cho người dân thành Giêrusalem, giải thích ngôi mộ trống rỗng là vì Thiên Chúa đã không muốn cho thân xác Đức Giêsu phải chịu cảnh hư nát trong mồ. Điều này ứng nghiệm những lời báo trước của Thánh Vịnh 16 mà người Do Thái thường đọc: *“Thân xác con cũng được nghỉ ngơi trong niềm hy vọng, vì Chúa chẳng đành bỏ mặc linh hồn con trong cõi âm ty, cũng không để Vị Thánh của Ngài phải hư nát. Chúa sẽ dạy con biết đường về cõi sống”*²²⁶.

Những ghi nhận về việc các dải băng liệm và khăn che mặt Đức Giêsu được xếp gọn gàng để lại trong mộ như muốn chống lại điều bịa đặt vô lý “là các môn đệ đến cướp xác Đức Giêsu”. Nếu thật sự

²²¹ x. Mt 27,62-66.

²²² x. Ga 20,1-2.

²²³ x. Mt 28,1-7; Mc 16,1-7; Lc24,1-7.

²²⁴ x. Ga 20,7.

²²⁵ x. Mt 28,1-4.

²²⁶ x. Cv 2,26-28.

có chuyện cướp xác, họ phải làm thật nhanh và âm xác chạy trốn thay vì từ từ cởi các khăn vải đó ra. Hơn nữa làm sao họ dám đương đầu với quân lính của đền thờ và quân đội Rôma.

Chúng ta cũng không muốn nhắc đến các cuộc nghiên cứu khoa học đối với khăn liệm thành Turinô mới được công bố trong tác phẩm *Il Mistero della Sindone* ngày 29/3/2013 của giáo sư Giulio Fanti và nhà báo Saverio Gaeta ở Ý, để xác định chất liệu vải in hình Chúa Giêsu đúng là thuộc vào thời của Người²²⁷.

Những lần hiện ra của Đấng Phục Sinh

Đây là những bằng chứng tích cực giúp cho người tín hữu xác tín về sự hiện diện sống động của Đấng Phục Sinh và làm chứng cho Người. Nhờ những khám phá mới của khoa Thánh Kinh, khảo cổ, dân tộc, văn hoá, ngôn ngữ gần đây, nhiều vấn đề liên quan đến những lần hiện ra đã được giải đáp²²⁸.



Chúa Giêsu hiện ra bao nhiêu lần?

Chúng ta có thể nói rằng: Đức Giêsu phục sinh đã hiện ra 14 lần. Thánh Ignatiô Loyola, sáng lập Dòng Tên, đã kể lại những lần hiện ra đó trong tác phẩm “*Những Bài Linh Thao*” viết vào năm 1544 của ngài²²⁹. Chúng tôi đã mạn phép sửa lại cuộc hiện ra lần thứ XII cho

²²⁷ x. Báo , bài *Rửa oan cho vải liệm Turin*, ngày 3/4/2013, trang 10B.

²²⁸ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.229-231.

²²⁹ x. Bản dịch của Lm. Đinh Văn Trung S.J, từ số 299 đến 312.

hợp với Thánh Kinh²³⁰ và viết thành *Đường Ánh Sáng* để giúp tín hữu cầu nguyện²³¹.

Động lực và mục đích. Các lần hiện ra này đều biểu lộ lòng thương xót vô bờ và tình yêu tuyệt vời của Thiên Chúa đối với tất cả chúng ta là con cái của Ngài, để chia sẻ cho ta sự sống lạ lùng của Đấng Phục Sinh, đồng thời để ta làm chứng cho Người.

Bản chất. Cuộc sống lại của Chúa Giêsu không phải giống như cuộc hồi sinh của con gái ông Giairô, con trai bà goá thành Naim, anh Ladarô, cậu bé Euticô, bà Tabitha²³². Người không phải chỉ trở lại cuộc sống tự nhiên, bình thường trong không gian, thời gian với các điều kiện vật chất như trước đây, mà Người sống cách hoàn toàn mới trong chiều kích của Thiên Chúa hằng sống.

Chúa Giêsu Phục Sinh giới thiệu cho chúng ta *một sự sống mới*, một sự hiện hữu mới để ta thông phần vào sự sống kỳ diệu của Thiên Chúa, một Thiên Chúa ở khắp mọi nơi và hiện diện trong mọi thời. Vì thế Đức Giêsu đã hiện ra ở bất nơi nào²³³, dù cửa nhà đóng kín²³⁴, vào bất cứ lúc nào²³⁵, cho bất cứ ai, dù là môn đệ²³⁶ hay cả kẻ thù ghét Người, như hiện ra với Phaolô trên đường đi Damas²³⁷.

Sự sống mới mẻ này là khởi đầu cho một *cuộc sáng tạo mới*: Chúa Giêsu Phục Sinh thổi hơi trên các môn đệ và ban Thánh Thần của Người cho họ²³⁸. Trong cuộc tạo dựng đầu tiên, Chúa thổi hơi vào khối bùn đất để tạo thành con người sống động, có tinh thần, giống hình ảnh của mình. Với cuộc sống lại, Chúa Giêsu Phục Sinh cũng

²³⁰ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.223. 227.

²³¹ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.416-43; *Bạn là Lời Cứu độ*, tr. 120-149.; xem trên Google.

²³² Hồi sinh của con gái ông Giairô (x. Mc 5,22-43), con trai bà goá thành Naim (x. Lc 7,11-17), anh Ladarô (x. Ga 11,1-41), cậu bé Euticô (x. Cv 20,9-12), bà Tabitha (x. Cv 9,36-41).

²³³ x. Ga 19, 1-18; Lc 24,13-35; Mt 28,16-20...

²³⁴ x. Ga,19-23.

²³⁵ x. Cv 8,4-40

²³⁶ x. Mc 16,1-7; 1Cr 15,6

²³⁷ x. Ga 20,19-23.

²³⁸ x. 1Cr 15,8-10.

thời Thần Khí của Người trên các môn đệ để tạo dựng những con người mới, cho họ được chia sẻ sự sống vĩnh hằng, sức mạnh vô biên và quyền năng kỳ diệu của Người. Đời sống của các tông đồ, môn đệ, thánh nhân trong suốt 2000 năm qua đã chứng minh điều đó. Như thế, con người không còn bị lệ thuộc vào vật chất, không gian, thời gian và định luật của thể xác, nhưng có thể mở rộng tinh thần cho mọi người, mọi vật quanh mình.

Trong cuộc sáng tạo mới này, vật chất được thâm nhận và biến đổi để hoà nhập thành một với tinh thần, rồi tất cả những gì gắn bó với Thân Thể mầu nhiệm của Đấng Phục Sinh đều tồn tại mãi mãi. Vì thế, Chúa Giêsu cho các môn đệ xem tay và cạnh sườn bị đâm thủng của Người²³⁹, ăn uống trước mặt các ông²⁴⁰, cho bánh cá hoá nhiều trên bờ biển Galilê²⁴¹. Nhờ đó, tín hữu Công giáo hiểu rằng vật chất từ nay có giá trị vĩnh hằng, nếu mình gắn kết được chúng với Chúa Giêsu bằng lòng tin và tình yêu.

4. Những giá trị văn hoá Đức Giêsu đem đến cho nhân loại

Trong 2000 năm qua, có hàng ngàn cuốn sách viết về Đức Giêsu, về các giá trị Người đem đến cho những con người cụ thể trong gia đình nhân loại. Mỗi người cảm nhận chúng cách khác nhau, tùy theo giá trị, ý nghĩa và hiệu quả mà chúng đem đến cho họ trong cuộc sống. Tuy nhiên, người ta chỉ có thể nhận ra và nhận được những giá trị đó, nếu họ thật sự cần và muốn có chúng. Sau đây, chúng ta nêu lên vài giá trị căn bản để thấy Đức Giêsu là nhà văn hoá lớn như thế nào đối với nhân loại và vũ trụ.

Sự thật toàn diện

Con người khao khát sự thật²⁴². Đây là đặc tính riêng của con người có tinh thần. Rất nhiều tôn giáo, hệ tư tưởng, khoa học đã ra đời nhưng chưa thoả mãn khát vọng sự thật nơi con người, như quan

²³⁹ x. Ga 20, 19-29.

²⁴⁰ x. Lc, 2441-43.

²⁴¹ x. Ga 21, 21,9.

²⁴² x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, bài "Con đường sự thật giải thoát ta", tr.255-264.

Philatô từng hỏi Đức Giêsu: "Sự thật là gì?"²⁴³, bởi vì con người đã sai lạc khi cắt đứt với nguồn sự thật là Thiên Chúa.

Chỉ Đức Giêsu mới dạy ta *sự thật đầy đủ và toàn diện về*:

- Thiên Chúa là một Người Cha, Cha của Đức Giêsu và cũng là Cha của muôn loài. Ngài dựng nên và yêu thương mọi loài thụ tạo như con cái, chứ không phải là một vị thần oai nghiêm, đáng sợ, huỷ diệt những ai xúc phạm đến mình. Thiên Chúa yêu thương đến nỗi đã ban Con Một của mình để cứu độ tất cả²⁴⁴.

- Tất cả mọi người đều là anh chị em của nhau vì cùng là con cái của Cha Trên Trời²⁴⁵.

- Vạn vật không phải là thần linh hay sức mạnh huỷ diệt, nhưng là những đứa em được Cha trao cho con người tìm hiểu, chăm sóc, yêu thương.

- Quỷ dữ không phải là thần linh mà con người phải bái thờ vì sợ hãi, nhưng là những thụ tạo nguy hiểm vì luôn cám dỗ con người đi ngược với kế hoạch tình yêu của Chúa. Con người cần phải biết phân định thần lành, thần dữ để loại trừ quỷ dữ, tà ma ra khỏi tinh thần và cộng đoàn mình, nhờ quyền lực của Đức Giêsu²⁴⁶.

Sự sống của chính Thiên Chúa

Con người mơ ước đạt được sự sống kỳ diệu, siêu việt và Đức Giêsu đã minh chứng sự sống này nơi chính mình qua những phép lạ và chính đời sống của Người. Người ban cho những ai tin vào Người sự sống vĩnh hằng đó, cho họ kết hợp với mình thành một thân thể nhiệm mầu, có chung một sức sống, một tình yêu, một nguồn lực là chính Thiên Chúa²⁴⁷. Chính trong sự sống này, tất cả mọi giá trị khác của con người đều được thăng hoa và thần hoá.

²⁴³ x. Ga 18,37-38.

²⁴⁴ x. Ga 3,16.

²⁴⁵ x. Mt 6, 7-14.

²⁴⁶ x. Mc 16,17; *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, bài "Cuộc chiến đầu thiêng liêng", tr.106-116.

²⁴⁷ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, bài "Con đường sự sống thần hoá ta", tr.264-272.

Con đường: Đức Giêsu giúp ta hiểu giá trị của các con đường tâm linh hay tôn giáo trong đời sống để ta tôn trọng và cộng tác với mọi người thành tâm, thiện chí. Người thật là con đường chắc chắn nhất, dẫn con người và toàn thể vũ trụ tìm về được với Thiên Chúa là nguồn hiện hữu của mình. Đây là con đường hai chiều: một chiều đi xuống từ phía Thiên Chúa đến với thụ tạo và một chiều đi lên để nâng thụ tạo thành thần linh, thành Thiên Chúa như Người. “Không ai lên trời được, ngoại trừ con người, Đấng từ trời xuống”²⁴⁸. Ai cũng có thể tìm được con đường sự thật và sự sống đó, nếu biết lắng nghe tiếng lương tâm²⁴⁹ và bước theo Đức Giêsu.

Cuộc cách mạng. Đức Giêsu là một nhà cách mạng, hiểu theo nghĩa trọn vẹn nhất của từ “cách mạng là cuộc biến đổi xã hội, chính trị lớn và căn bản, thực hiện bằng việc lật đổ một chế độ xã hội lỗi thời, lập nên một xã hội mới, tiến bộ”²⁵⁰. Người đã thay đổi tận gốc thân phận con người: từ thụ tạo thành tạo hoá, từ nô lệ cho quỷ dữ, tà ma và bản năng thành người tự do, được sự thật giải phóng toàn diện, từ những con người xa lạ, khác biệt thành anh chị em gần gũi của nhau. Cuộc cách mạng này không làm ai đổ máu, nhưng Người đã tự nguyện để mình bị giết và đổ máu mình trên thập giá để hoà giải muôn loài với Chúa Cha và hoà giải muôn loài với nhau. Nhờ đó đem lại tự do, bình an, hạnh phúc cho tất cả.

ĐGH Phanxicô đã nói rằng: “Các cuộc cách mạng trong lịch sử đã thay đổi các hệ thống chính trị và kinh tế, nhưng không có cuộc cách mạng nào thật sự đã thay đổi tâm hồn con người. Cách mạng thật sự, cuộc cách mạng triệt để làm thay đổi đời sống do Đức Giêsu Kitô đem đến qua sự phục sinh của Người”. ĐGH Bênêdictô XVI cũng đã nói về cuộc cách mạng này rằng: “Đó là cuộc chuyển biến vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại”.

“Ta hãy suy nghĩ về điều này: đó là một cuộc cách mạng thật sự. Chúng ta là những nhà cách mạng, và hơn nữa còn là những nhà cách

²⁴⁸ Ga 3,13.

²⁴⁹ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, bài "Đạo là con đường Giêsu", tr.245-254.

²⁵⁰ x. *Từ điển tiếng Việt 2013*, mục từ *Cách mạng*, tr.141.

mạng của cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử, vì ta đã tiếp nhận đường lối của cuộc biến đổi siêu việt nhất trong lịch sử nhân loại. Ngày nay và trong thời đại này, các Kitô hữu phải là các nhà cách mạng, nếu không, họ không phải là Kitô hữu”²⁵¹. Nếu chúng ta muốn thật sự thay đổi xã hội và thế giới, hãy đi theo Chúa Giêsu, Người sẽ không làm ta thất vọng!

Sự cứu độ

Tuy nhiên, công cuộc cứu độ do Đức Giêsu thực hiện mới là giá trị cao cả nhất mà Người đem lại cho loài người và vũ trụ; đồng thời nó cũng bao gồm tất cả các giá trị khác mà chúng ta mới kể được đôi nét trên đây.

“Ơn cứu độ theo Công giáo là được chia sẻ sự sống kỳ diệu của Chúa Giêsu Kitô Phục Sinh, được kết hợp vĩnh viễn vào sự sống siêu việt của Chúa Cha và được hưởng niềm vui bất tận với biết bao ơn phúc của Chúa Thánh Thần”²⁵². Như thế, ơn cứu độ không phải là một tình trạng sống sau khi chết mà chúng ta gọi là thiên đàng, nhưng được thực hiện ngay ở đời này và đạt tới mức viên mãn ở đời sau. Đó không phải là ân huệ được chúng ta đón nhận cách thụ động sau khi chết, nhưng là một tình trạng sống cần phải tích cực thể hiện ngay trong ở trần thế này, mà chúng ta vẫn gọi là việc xây dựng Nước Trời²⁵³ hay vương quốc của Thiên Chúa²⁵⁴.

Để cứu độ, Thiên Chúa đã lập nên một kế hoạch, nghĩa là sắp đặt một chương trình và Ngài vận hành lịch sử từng bước theo chương trình đó để gặp gỡ, ban ơn và cứu rỗi con người cũng như vũ

²⁵¹ x. ĐGH Phanxicô, Huấn từ ngày 17/6/2013; *Docat*, mục từ *Chương trình hành động*, tr.277-278; *Cách mạng tình yêu và công lý*, tr.11.

²⁵² x. *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo*, số 38.

²⁵³ “Nước Trời” là từ Chúa Giêsu dùng trong Tin Mừng theo thánh Matthêu, trong khi 3 bản văn Tin Mừng theo thánh Marcô, Luca và Gioan dùng từ “Nước Thiên Chúa”. Từ “Trời” dễ khiến người tín hữu hiểu lầm là nước ở trên trời hay nước thiên đàng sau khi chết, nhưng từ “Trời” là do người Do Thái tránh gọi tên Thiên Chúa. Ta cần hiểu đó là nước hay vương quốc của những giá trị được Đức Giêsu muốn ta thể hiện trong cuộc sống: sự thật, sự sống, tình yêu, công bằng, hoà bình, ân huệ của Thánh Thần....

²⁵⁴ ĐGH Phanxicô xác định: “Nhờ Đức Giêsu Kitô, vương quốc của Thiên Chúa đã thật sự khởi đầu ở thế gian”, x. *Docat*, số 21.

trụ²⁵⁵. Kế hoạch này khởi đầu từ công trình sáng tạo thế giới, xuyên qua lịch sử dân Israel xưa, đến việc Con Thiên Chúa làm người thành Đức Giêsu. Rồi Đức Giêsu rao giảng Tin Mừng, tự nguyện đón nhận cái chết để đền tội cho muôn loài và hoà giải muôn loài với Thiên Chúa. Sau đó Người sống lại để làm chứng cho sự giải thoát đã thành công và lên trời để chứng tỏ cùng đích của sự cứu độ là “đưa muôn loài thụ tạo đến sự hợp nhất trọn vẹn với Thiên Chúa Ba Ngôi diễm phúc”²⁵⁶, chờ ngày Thiên Chúa thực hiện trời mới, đất mới viên mãn trong Đức Giêsu.

Nhiều người đã biết câu chuyện Adam Eva ăn trái cấm ở vườn Địa Đàng, khiến loài người mất đi ơn lành của Đấng Tạo Hoá, phải đau khổ, bệnh tật, chết chóc²⁵⁷. Đoạn Thánh Kinh này chỉ muốn diễn tả con người kiêu căng, muốn trở thành Thiên Chúa, nên đã phản bội và bất tuân mệnh lệnh của Ngài. Thiên Chúa không nhỏ nhen đến độ phạt con người vì ăn một vài trái cây. Nhưng con người, qua hành động ăn trái cây, muốn tự ý cắt đứt với nguồn sống vĩnh hằng, nguồn hiện hữu vô biên, nên đương nhiên phải chết và mất hết ân huệ của Ngài. Tuy nhiên, vì Thiên Chúa là tình yêu, nên khi con người phạm tội, Thiên Chúa vẫn tiếp tục yêu thương và đã lên kế hoạch cứu độ²⁵⁸.

Con người, do tinh thần bị suy thoái, nên không còn hiểu được tội lỗi của mình đã xúc phạm nặng nề đến Thiên Chúa như thế nào. Cũng một câu nói tiêu cực, nếu nói với người bạn ngang hàng, sự xúc phạm có thể được tha thứ nhờ hai bên thông cảm và trực tiếp xin lỗi nhau. Nhưng nếu lời này xúc phạm đến người có địa vị cao như thủ tướng, tổng thống, nhà vua... tội trở nên trầm trọng, không thể xin lỗi trực tiếp, mà cần phải có người trung gian để hoà giải. Người này phải biết và có mối quan hệ mật thiết với cả hai bên.

Hành động tội lỗi của con người xúc phạm đến Thiên Chúa tuyệt đối cao cả, nên cũng mang tính cách nặng nề vô cùng, không thể tha

²⁵⁵ x. *Docat*, chương I: “Kế hoạch tổng thể của Thiên Chúa tình yêu”, tr.15-32.

²⁵⁶ x. *GLHTCG*, số 260.

²⁵⁷ x. St 3,1-24.

²⁵⁸ x. St 3,15.

thứ, đền bù, vì con người chỉ là loài thụ tạo hữu hạn, thấp hèn. Con người, dù ý thức về tội lỗi và hết lòng sám hối, cũng không thể tự giải hoà với Thiên Chúa. Nhiều tôn giáo đã cử hành nghi lễ sám hối, đền tội, nhưng không thể hoàn toàn xoá bỏ được tội lỗi vì những nghi thức đó chưa xứng đáng và ngang tầm với Thiên Chúa.

Vì thế, Ngôi Lời Thiên Chúa trở thành người để làm Đấng Trung Gian hoà giải Thiên Chúa với con người. Vì là con người, Đức Giêsu đã tự nguyện vâng lời cho đến chết trên thập giá, Người thay mặt tất cả để xin lỗi Chúa Cha và Chúa Cha đã nhận lời. Vì là Thiên Chúa, nên hành động cứu độ của Người mới có giá trị tuyệt đối, vô biên cho mọi loài trong mọi thời đại. Vì thế Đức Giêsu là Đấng Cứu Độ duy nhất cho cả loài người và vũ trụ.

Lời kết

Tìm hiểu đôi chút về Đức Giêsu Kitô, chúng ta thấy Người khác hẳn các nhà sáng lập tôn giáo khác. Người không phải chỉ là người dẫn đường, giới thiệu con đường tâm linh dẫn tới sự cứu độ toàn diện, nhưng Người đã trở thành chính con đường dẫn đến sự thật giải phóng và sự sống vĩnh hằng. Đi theo Đức Giêsu chúng ta thật sự sẽ trở thành những nhà hoạt động cho cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử loài người, trở thành người xây dựng nền văn hoá cao đẹp nhất cho toàn thể vũ trụ.

Câu hỏi

- 1. Bạn biết gì về Đức Giêsu Kitô?*
- 2. Bạn có thắc mắc hay có điều gì khó hiểu về Đức Giêsu?*
- 3. Bạn cảm nhận được Đức Giêsu đang sống với bạn như thế nào?*
- 4. Bạn thường nghĩ đến giá trị nào được Đức Giêsu đem lại cho bạn hay cho thế giới?*
- 5. Bạn có muốn cùng Đức Giêsu làm cách mạng không?*



Thở được tinh hoa của đất trời

Lời mở

Trong đời sống thường ngày, chúng ta thường quan tâm đến ăn, ít chú ý đến uống và hầu như chẳng để ý đến thở. Nhiều người thở rất yếu nên sức khoẻ kém cỏi, mang nhiều bệnh tật. Trong kinh nghiệm tiếp xúc với hơn 10.000 bệnh nhân, tôi thấy 95% người bệnh thở không đủ khi đo hơi thở cho họ. Ít các bác sĩ quan tâm đến lượng khí thở của bệnh nhân và quên rằng thiếu khí trong máu và thiếu máu trong não là 2 nguyên nhân hàng đầu của đa số các bệnh tật trong con người.

Nhưng hầu như người ta chẳng biết rằng tinh thần cũng cần phải thở một loại khí thiêng thì mới có thể phát huy những nguồn lực và mọi khả năng của tinh thần. Nhiều người mắc các bệnh tinh thần như buồn chán, trầm cảm, hoang tưởng, học hành kém cỏi, tâm địa gian ác cũng là do họ thở không đủ khí thiêng. Nếu hiểu được tầm quan trọng của khí trong đời sống tự nhiên cũng như siêu nhiên như thế, người ta mới sống khoẻ mạnh, xinh đẹp, thông minh, tài giỏi vì thở dồi dào được khí sạch của trái đất và trở thành kỳ diệu, phi thường, siêu việt vì thở được khí thiêng của Trời cao.

1. Tầm quan trọng của khí thở

Chúng ta cũng đã biết rằng con người là một ngôi vị với thể xác và tinh thần. Cả hai phần này đều cần đến khí thở.

1.1. Tầm quan trọng của khí thở tự nhiên

Nhiều người chưa hiểu khí cần thiết và quan trọng như thế nào cho sự sống, nên chỉ quan tâm đến việc ăn uống và bỏ qua việc thở. Một ngày không ăn là họ cảm thấy đói cồn cào, tay chân rã rời, như mất hết sức sống. Nhưng thật ra, lương thực là loại nhu cầu thấp nhất so với nước uống và khí thở. Người ta có thể nhịn ăn tối đa khoảng 30-40 ngày, nhịn uống khoảng 3-4 ngày và nhịn thở tối đa khoảng 4 phút nhờ 1 lít không khí luôn được dự trữ trong buồng phổi. Mỗi

ngày người lớn trung bình cần 1,5kg lương thực, 3-4 lít nước và tối thiểu 10.000 lít không khí. Chỉ cần thiếu khí trong một vòng quay máu trong khoảng một giây là bạn có thể choáng váng, ngất xỉu, lạc tay lái, gây tai nạn hay mất mạng rồi!

Để có thể sống được, 75 ngàn tỉ tế bào trong cơ thể con người cần được liên tục cung cấp oxy từ khí quyển bên ngoài vào trong cơ thể và thải khí carbonic ra. Nhờ có khí oxy, tế bào sẽ chuyển hoá hay đốt các chất dinh dưỡng mà máu đưa tới thành năng lượng và khí carbonic sinh ra trong quá trình này sẽ được thải ra ngoài²⁵⁹. Dòng máu đen đầy khí carbonic không còn ích lợi cho sự sống đó phải được quả tim chuyển sang buồng phổi để đổ trở lại nhờ nhận được oxy. Trong vòng $\frac{1}{4}$ giây, máu đen tràn vào các túi chứa khí, gọi là phế nang của phổi. Có khoảng 500 triệu túi, tạo ra một bề mặt có diện tích khoảng 70m² để việc trao đổi khí được diễn ra thật nhanh chóng.



Khi hô hấp bình thường, có khoảng 500ml khí lưu thông vào và ra khỏi phổi. Tuy nhiên, người ta có thể gia tăng lượng khí hít thở trong khi vận động nhờ tập thở. Lượng khí tối đa mà hai lá phổi có khả năng giữ lại bên trong là 5.800ml, nhưng có khoảng 1000ml gọi là khí cặn, luôn được giữ lại trong phổi sau mỗi nhịp thở, để phòng trường hợp khẩn cấp do thiếu khí, ngạt hơi²⁶⁰.

²⁵⁹ x. Gs Phạm Đình Lưu, *Sinh lý học Y khoa*, tập I, NXB Y học, 2011, tr.196.

²⁶⁰ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.330.

Hệ thần kinh, với bộ não và tủy sống, tiếp nhận thông tin từ tất cả các bộ phận của cơ thể và đáp lại bằng các chỉ thị đến mọi mô và cơ quan. Não có hai nguồn chính nuôi dưỡng và thải các chất cặn bã là dòng máu và dịch não tủy²⁶¹. Đặc biệt bộ não với khoảng 100 tỉ tế bào thần kinh gọi là neuron, tuy chỉ to bằng nắm tay, nhưng cần một lượng khí tối thiểu chiếm khoảng 1/5 lượng khí của toàn thân, nghĩa là khoảng 2.000 lít không khí một ngày. Vì thế, khi bộ não được nuôi dưỡng đầy đủ bằng máu và khí oxy trong máu, hệ thống thần kinh mới phát ra đầy đủ các lệnh cho mọi cơ quan hoạt động và sức khoẻ con người mới được bảo vệ và phát triển.

Hơn nữa, các thông tin càng hướng đến phần cao của não, chúng càng tiến gần tới sự nhận biết có ý thức của ta: các chức năng cao nhất về thần kinh xảy ra trong vỏ não: các ý nghĩ, tưởng tượng, học hỏi, cảm xúc và ra quyết định có ý thức.

Như thế, nếu con người tăng cường hệ hô hấp để có nhiều oxy trong máu, người ta sẽ tăng cường được các chức năng của hệ thần kinh: ý thức dồi dào hơn, cảm xúc mãnh liệt hơn, ý chí mạnh mẽ hơn, học hành làm việc hiệu quả hơn. Đây là lý do chúng ta cần tập thở cho đúng, cho tốt để tăng cường chất lượng sống tự nhiên.

Trong kinh nghiệm chữa trị bệnh nhân, chúng tôi thấy nhiều người không làm chủ được tinh thần. Họ có những triệu chứng của tâm thần hoang tưởng, tâm thần phân liệt, trầm cảm có ý muốn tự tử hoặc tăng động, đập phá đồ đạc, tượng ảnh, nghe những tiếng nói bên tai, thấy những hình ảnh quái đản trong giấc mơ. Người thân có khi tưởng họ bị ma ám quỷ nhập. Tình trạng này khá phổ biến cho những người bị Covid-19 vì buồng phổi của họ bị thương tổn do virus Sars-CoV-2 đã tạo nên các nắm trong khí quản và bao quanh các phế nang khiến việc trao đổi khí oxy trong máu giảm đáng kể. Khi đo dung lượng khí thở cho họ, nồng độ oxy trong máu (SPO2) thì thấy rất thấp trong khi nhịp tim lại tăng rất cao, có khi trên 100 nhịp trong một phút.

Đây chỉ là hiện tượng thể lý thông thường vì khi thiếu khí oxy trong máu và thiếu máu lên não, các dữ liệu chứa trong bộ nhớ hoà trộn hỗn

²⁶¹ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.302-303.

độn vào nhau tạo nên ảo giác, ảo thanh, ảo tưởng. Chỉ cần xoa vùng ngực để điều hoà nhịp tim và kích thích hoạt động của phổi, xoa đầu để đưa máu lên não và tập thở sâu là có thể chữa trị các triệu chứng này. Nếu cần ta có thể tác động trên cột sống lưng từ đốt sống C1 đến T5 để các lệnh thần kinh đưa từ não xuống phổi và tim không bị ngăn cản bởi các đĩa đệm đã thoát khỏi vị trí đúng của chúng.

Dĩ nhiên cũng có một vài trường hợp thật sự do tâm linh, nhất là nơi những người phá thai, cần phải giúp họ hoà giải với đứa con và với Thiên Chúa, nhưng số này thường chỉ chiếm khoảng 1-2% mà thôi.

1. 2. Tầm quan trọng của khí thở siêu nhiên

Khi hiểu được tầm quan trọng của khí thở đối với sự sống tự nhiên, ta có thể suy diễn và hiểu được phần nào tầm quan trọng của khí siêu nhiên đối với đời sống tinh thần của từng người. Cuộc đời hào hùng của Nguyễn Công Trứ²⁶² như mời gọi ta thở được linh khí của trời đất qua bài thơ *Kẻ Sĩ* của ông:

*“Khí hạo nhiên chí đại chí cương
So chính khí đã đầy trong trời đất”.*

Người Việt đã từng biết đến “linh khí” là khí thiêng của trời đất, núi sông, biết đến “dũng khí”, “hào khí”, “chính khí” của những con người có ý chí mạnh mẽ, dám đương đầu với những khó khăn, nguy hiểm. “Khí hạo nhiên” được Nguyễn Công Trứ nhắc đến là thứ khí phách, năng lực tinh thần, phẩm cách cao quý nhất, không gì so sánh được của con người. Khí phách đó nhân hậu, cương trực mà những nhà Nho, kẻ sĩ luôn phải gìn giữ trong đời sống.

Từ nhiều ngàn năm qua, các triết gia Hy Lạp, Latinh đã biết đến khí như một thành phần cơ bản cấu tạo nên vũ trụ và muốn thở được linh khí của trời đất. Các nhà đạo học Đông Phương cũng mong ước được như vậy. Nhiều đạo sĩ, thiền sư ngồi thiền và vận khí để mong được giác ngộ như Đức Phật Thích Ca. Nhiều võ sĩ các môn phái

²⁶² x. Nguyễn Công Trứ (1778-1858) vừa là nhà chính trị, kinh tế, quân sự, nổi bật với việc khai hoang lập ấp, đắp đê quây lấn biển, tạo thành một vùng đất rộng lớn ở hai huyện Kim Sơn (Ninh Bình), Tiên Hải (Thái Bình) làm quan tới chức thượng thư, tổng đốc nhưng cũng nhiều lần bị cách chức làm dân, làm lính.

tập khí công để mong đả thông kinh mạch, khai mở được “sinh tử huyền quan” và có sức mạnh vô biên. Tất cả đều là những mơ ước muốn được thần hoá của con người.

Nhiều người theo Phật giáo và Lão giáo còn hiểu rằng “khí” không phải là không khí ta thở, nhưng là thứ năng lượng sống thuần khiết nhất của trời đất, của vũ trụ gọi là “khí tiên thiên” mà con người có thể thu nhận được, hoà hợp với “khí hậu thiên” do ta tập luyện được qua khí công (công phu luyện khí), được lưu chuyển khắp cơ thể ta. Những hiểu biết này giúp ta dễ hiểu hơn về thần khí của Do Thái giáo và Kitô giáo.

Từ “thần khí” xuất phát từ chữ *Ruah* trong tiếng Do Thái, và có nghĩa đầu tiên là hơi thở, làn khí, làn gió, sức mạnh, sức sống²⁶³. Thần khí là hơi thở của Thiên Chúa trong công trình tạo dựng vũ trụ và đem lại sự sống cho con người²⁶⁴. Trong lịch sử Do Thái, thần khí còn được hiểu như sức mạnh của Thiên Chúa ban cho một số nhân vật đặc biệt như các quan án, vua Saulê, David hay các tiên tri như Elia, Elisê, Isaia, Gieremia, Samuel²⁶⁵, và cho chính Đấng Messia như Đức Giêsu đã nhắc đến ở Hội đường Do Thái²⁶⁶.

2. Chúa Thánh Thần và thần khí của Kitô giáo

Chính Chúa Giêsu mới dạy cho ta biết thần khí là gì và Chúa Thánh Thần thật sự là ai.

2.1. Chúa Giêsu dạy về Chúa Thánh Thần

Trong Thánh Kinh Tân Ước, các tác giả dùng nhiều hình ảnh, từ ngữ để nói đến thần khí và Chúa Thánh Thần. Có nhiều hình ảnh hay biểu tượng chỉ Chúa Thánh Thần như hình chim bồ câu đậu phía trên đầu Đức Giêsu khi Người chịu phép rửa dưới sông Jordan²⁶⁷,

²⁶³ x. *GLHTCG*, số 691.

²⁶⁴ x. St 1,2; 2,7; Tv 33,6; 104,30; Gv 3,20-21; Xh 37,10.

²⁶⁵ x. Giáo hoàng Học viện Piô X, *Diễn ngữ Thần học Thánh Kinh*, tập 4, mục từ *Thần Khí*.

²⁶⁶ x. Lc 4,18

²⁶⁷ x. Lc 3,22.

dòng nước hằng sông chảy ra từ lòng con người²⁶⁸, làn gió mạnh²⁶⁹, lưỡi lửa²⁷⁰, dầu xúc, nhưng “hoi thở”, “thần khí” là những từ được dùng nhiều hơn cả, khoảng 100 lần, để chỉ Chúa Thánh Thần.

Ngài là nguồn hiện hữu và sự sống của mọi loài thụ tạo²⁷¹. Ngài là hồng ân cao quý nhất mà Chúa Giêsu Phục Sinh ban cho các môn đệ khi thổi hơi trên họ để họ có quyền tha tội như Thiên Chúa: “*Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần...*”. Chúa Thánh Thần chính là “*làn gió mạnh mẽ ùa vào đầy nhà nơi các môn đệ đang tụ họp*”²⁷² để biến đổi họ thành con người mới đầy ân sủng và quyền năng. Nhưng trước hết và trên hết, Ngài chính là Ngôi Ba Thiên Chúa, đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Con.

Là ngôi vị thần linh, nên Chúa Thánh Thần muốn ta kết hợp với Ngài khác với Chúa Cha trong mối tình cha con, khác với Chúa Giêsu trong mối tình anh chị em, nhưng trong mối tình bạn hữu, tình yêu trong sáng nam nữ và cao hơn cả là tình vợ chồng. Ngài chính là “người tình không chân dung” của ta vì luôn ở trong ta mãi mãi. Như thế có nhiều mức độ kết hợp trong tình yêu với Chúa Thánh Thần.

Chúng ta đã tìm hiểu về Chúa Thánh Thần như tình yêu nối kết hai ngôi Cha và Con lại với nhau, Ngài cũng nối kết chúng ta và muôn loài với Thiên Chúa để biến đổi chúng ta thành Thiên Chúa như Ngài. Đó là tác động thần thánh hoá riêng biệt của Ngài. Vì thế Chúa Thánh Thần là một *ngôi vị* mà chúng ta cần phải tìm hiểu, gặp gỡ, yêu mến và kết hợp với Ngài như kết hợp với Chúa Giêsu thì mới có thể cảm nhận được tác động của Ngài và đón nhận được những ân huệ muôn hình vạn trạng của Ngài.

Để nhắc nhở ta điều này, Đức Giêsu đã dùng nhiều hình ảnh để diễn tả hoạt động của Chúa Thánh Thần như Đấng Bảo trợ, Thầy dạy, Đấng luôn ở với chúng ta. Đức Giêsu nói: “*Thầy sẽ xin Chúa Cha*

²⁶⁸ x. Ga 7,38.

²⁶⁹ x. Cv 2,2.

²⁷⁰ x. Cv 2,3.

²⁷¹ x. *GLHTCG*, số 703.

²⁷² x. Cv 2,1-11.

và Ngài sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo trợ khác đến ở với anh em luôn mãi”²⁷³. Đấng Bảo trợ cũng có nghĩa là Đấng An ủi, Đấng Bênh vực, Đấng Chuyên cầu, Đấng Bào chữa cho con người sau khi Đức Giêsu là Đấng Bảo trợ đầu tiên về trời. “Đấng đó sẽ dạy anh em mọi điều và sẽ làm cho anh em nhớ lại mọi điều Thầy đã nói với anh em”²⁷⁴. “Đấng đó là Thần Khí sự thật phát xuất từ Chúa Cha”²⁷⁵. “Khi nào Thần Khí sự thật đến, Ngài sẽ dẫn anh em đến sự thật toàn vẹn”²⁷⁶. “Đấng mà thế gian không thể đón nhận, vì thế gian không thấy và cũng chẳng biết Ngài. Còn anh em biết Ngài, vì Ngài luôn ở giữa anh em và ở trong anh em”²⁷⁷.

Chỉ có Chúa Giêsu mới có thể ban trọn vẹn và tràn đầy Chúa Thánh Thần cho ta vì Người là Ngôi Lời Thiên Chúa và cùng bản thể với Chúa Thánh Thần: “Đấng được Thiên Chúa sai đi thì nói những lời của Thiên Chúa vì Thiên Chúa ban Thần Khí cho Người vô ngần vô hạn”²⁷⁸.



Như thế chúng ta phải phân biệt Chúa Thánh Thần là ngôi vị, khác với những ân huệ như sự sống, sự thật, tình yêu và đủ loại ơn lành Ngài ban như 7 ơn Chúa Thánh Thần²⁷⁹. Chúng ta cũng nên phân biệt Chúa Thánh Thần là ngôi vị và cách thở thần khí chỉ là phương tiện để ta nối kết với Ngài. Chúa Thánh Thần giống như người tình

²⁷³ x. Ga 14,16

²⁷⁴ x. Ga 14,26.

²⁷⁵ x. Ga 15,26.

²⁷⁶ x. Ga 16, 13.

²⁷⁷ x. Ga 14,17.

²⁷⁸ x. Ga 3,34.

²⁷⁹ x. GLGTCG, số 1303.

mà chúng ta muốn liên lạc hay gặp gỡ và ta dùng cách thở thần khí như dùng chiếc điện thoại để gọi Ngài. Các ân huệ kia chỉ là quà tặng, có hay không cũng không quan trọng, nhưng khi ta kết hợp được với người tình của mình, ôm được Ngài trong vòng tay mình, đó mới là hạnh phúc tuyệt vời. Tuy nhiên vẫn có những người không hiểu được tình yêu, nên chỉ thích quà tặng, mà coi thường hay không để tâm đến người cho quà.

Hình ảnh Đức Maria mở lòng ra đón nhận Chúa Thánh Thần và tức khắc hình thành nên Chúa Giêsu trong lòng Mẹ là hành động điển hình cho mỗi tín hữu biết cách kết hợp với Chúa Thánh Thần như thế nào²⁸⁰. Chúa Giêsu sẽ lớn lên trong lòng ta từng ngày nếu ta gắn bó với Chúa Thánh Thần. Rồi Mẹ được Thần Khí thúc đẩy lên đường viếng thăm bà chị họ Elizabeth để chia sẻ Chúa Giêsu và bà này cũng được đầy tràn Thánh Thần²⁸¹. Khi đã mang thai Chúa Giêsu đủ ngày đủ tháng, Mẹ đã sinh Người cho thế giới thì chúng ta cũng sẽ sinh Chúa Giêsu cho những người chúng ta gặp gỡ trong xã hội hôm nay. Mẹ cùng với các tông đồ và môn đệ Chúa Giêsu cầu nguyện trong nhà Tiệc Ly và đón nhận Chúa Thánh Thần hiện xuống²⁸² để Ngài khai sinh Hội Thánh với những con người phi thường thì chúng ta cũng được biến đổi như thế. Tất cả các hình ảnh đó như mời gọi chúng ta nhìn lại mối quan hệ của ta với Chúa Thánh Thần trong đời sống hằng ngày theo gương Mẹ Maria, “Người nữ của Thần Khí”²⁸³.

Mỗi người chúng ta là một phần tử của Giáo Hội, là chi thể trong thân thể nhiệm mầu của Đức Giêsu Kitô là Giáo Hội, có chung sự sống của Chúa Giêsu, nên cũng thở cùng một Thần Khí với Người. Chúa Thánh Thần chính là khí thiêng của Trời, được ban cho ta thở và biến đổi ta thành con cái Thiên Chúa như Chúa Giêsu²⁸⁴.

²⁸⁰ x. Lc 1,35-37.

²⁸¹ x. Lc 1,39-41.

²⁸² x. Cv 1, 14.

²⁸³ x. Lm. Gioan Nguyễn Văn Ty, SDB, *Sống Thần Khí*, NXB Phương Đông, 2016, tr.196-216.

²⁸⁴ x. Gl 4,6

Khi thở hít được linh khí ấy, ta mới hoà nhập thành một với Chúa Giêsu, trở thành chi thể sống động trong thân thể mầu nhiệm của Người. Thánh Phaolô đã nhắc nhở rằng: *“Tất cả chúng ta đều đã chịu phép rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể, tất cả chúng ta được đầy tràn một Thần Khí duy nhất”*²⁸⁵. Có thở được Thần Khí ấy ta mới phát huy sự sống kỳ diệu, tràn đầy sự thật, niềm vui, bình an của Thiên Chúa để tiếp tục công trình cứu độ của Chúa Kitô. Đó là “sứ mệnh phối hợp của Chúa Con và Chúa Chúa Thánh Thần”²⁸⁶, đồng thời cũng là sứ mệnh của Hội Thánh *“như Chúa Cha đã sai Thầy, Thầy cũng sai anh em”*²⁸⁷.

Chúng ta phải thú nhận rằng: nhiều tín hữu Công giáo chưa ý thức tầm quan trọng của Chúa Thánh Thần và chưa thở được thần khí. Trong một vài thế kỷ đầu, Chúa Thánh Thần đã ngự xuống trên các tông đồ và môn đệ khiến họ hăng say rao giảng Tin Mừng và phát huy các ân sủng kỳ diệu của Ngài. Nhưng sau đó, Giáo hội Công giáo rơi vào tình trạng quên lãng sự hiện diện sống động của Ngài và đánh mất bí quyết thở thần khí do các tông đồ truyền lại. Họ rất thụ động trong việc thở khí thiêng. Thần khí mà họ nhận được khi chịu bí tích Rửa Tội hay Thêm Sức chỉ lưu lại rất ít, giúp họ sống yếu ớt thoi thóp, chứ không dồi dào với đủ loại ơn đoàn sủng, hiện sủng, đặc sủng của Thánh Thần như các ơn nói tiên tri, phục vụ, chữa bệnh, trừ tà, thông thạo các ngôn ngữ, khoa học...

Vì thế, chúng ta cần phải tập thở thần khí và làm sống lại sự hiện diện lạ lùng của Chúa Thánh Thần, để giúp cho con người thời nay cảm nghiệm được ơn cứu độ của Chúa Giêsu và tin theo Người.

2.2. Tình trạng phân hoá và Chúa Thánh Thần hợp nhất

Thiên Chúa Tạo Hoá dựng nên muôn loài muôn vật và cho mỗi loài có những đặc tính riêng để diễn tả sự tốt lành, đẹp đẽ vô cùng phong phú của Ngài. Tất cả giống như một khu vườn có trăm hoa đua nở với vẻ đẹp, màu sắc, hương thơm khác nhau.

²⁸⁵ x. 2Cr 12,37.12.13.

²⁸⁶ x. *GLHTCG*, số 689-690, 727.

²⁸⁷ x. *GLHTCG*, số 730.

Đặc biệt Ngài dựng nên con người theo hình ảnh và giống như Ngài, ban cho họ tinh thần tự do để họ làm thành một gia đình nhân loại duy nhất với những con người khác nhau về màu da, tiếng nói, chủng tộc, văn hoá, tôn giáo cũng như khác biệt về tư tưởng, cảm xúc, mơ ước, hành động... Câu chuyện tháp Babel²⁸⁸ cho thấy con người không thích nghi với sự đa dạng này”.

Hơn nữa, khi con người cắt đứt sự hoà hợp với Thiên Chúa, không còn tin yêu và vâng phục Ngài để chiều theo những tham vọng, dục vọng, thì con người đã tạo nên sự chia rẽ trong chính tâm hồn mình và lan rộng ra ngoài cộng đồng xã hội. Tình trạng phân hoá và chia rẽ xảy ra khắp nơi trên thế giới, ăn sâu vào từng cộng đồng, từng gia đình, gây nên những hậu quả tai hại và nghiêm trọng. Đúng ra, “con người chúng ta nên chấp nhận một số khác biệt nhất định vì sự đa dạng này được xem là sự phong phú” chứ không phải dẫn đến tình trạng phân hoá, đối kháng và xung đột²⁸⁹.

Những cuộc chiến tranh xảy ra liên miên trong suốt dòng lịch sử nhân loại do những xung đột về giai cấp, tôn giáo, chủ nghĩa, quyền lợi kinh tế đã làm cho con người đau khổ, chét chóc, dù người thắng kẻ thua đều biết rằng mình chẳng mang được những của chiếm đoạt vào cõi vĩnh hằng. Chính cộng đồng Kitô hữu cũng bị chia thành những Giáo hội Công giáo, Chính Thống, Tin Lành, Anh giáo. Trong nội bộ Công giáo cũng thấy sự chia rẽ giữa các giáo phận, giáo xứ, hội đoàn, tổ chức...

Như thế, gia đình nhân loại cũng như cộng đồng môn đệ Chúa Giêsu đang rất cần Chúa Thánh Thần quy tụ và hợp nhất “vì Thiên Chúa sai Thần Khí của Con Ngài đến, Thần Khí là Thiên Chúa và là Đấng ban sự sống, là khởi điểm quy tụ và là nguyên lý hợp nhất của toàn thể Giáo Hội cũng như của từng người tín hữu”²⁹⁰.

Thiên Chúa quy tụ muôn dân tộc với những tiếng nói khác nhau, nhờ tác động của Chúa Thánh Thần trên các môn đệ của Chúa Giêsu

²⁸⁸ x. St 11,1-9.

²⁸⁹ x. Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II, *Mater et Magistra*, số 157; *Docat*, số 235.

²⁹⁰ x. CĐ.Vat II, Hiến chế *Lumen Gentium*, số 13.

Kitô, khi Ngài hiện xuống và đốt lên ngọn lửa tình yêu trong lòng họ²⁹¹ như Thánh Kinh đã kể lại. Như thế là nhân loại đã vượt qua sự phân hoá và chia rẽ do những khác biệt từ câu chuyện tháp Babel để quy tụ thành một Giáo Hội của Chúa Kitô. “Giáo Hội quy tụ trong Chúa Thánh Thần mọi người của mọi quốc gia, chủng tộc hay văn hoá. Giáo Hội trở thành dấu chỉ của tình huynh đệ, nhân tố tạo điều kiện và củng cố cho cuộc đối thoại chân thành”²⁹².

Chúa Thánh Thần còn đi xa hơn nữa để quy tụ tất cả những người tin vào Đức Giêsu trở thành một thân thể duy nhất, nhiệm mầu. Dù là Do Thái hay Hy Lạp, tự do hay nô lệ, giàu hay nghèo, nam hay nữ, học thức hay ít học... tất cả chúng ta trở thành một thân thể duy nhất trong Đức Giêsu Kitô²⁹³. Người đã quy tụ chúng ta khi Người thổi thần khí của Người trên chúng ta.

Thánh Thần ấy sẽ làm cho chúng ta nên thánh như Thiên Chúa là Đấng thánh. Thánh Thần ấy sẽ biến đổi chúng ta thành thần linh như Thiên Chúa là tinh thần, để chúng ta có khả năng vô biên, vô tận như Chúa Giêsu nói với chúng ta: “*Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần, anh em tha tội cho ai thì người ấy được tha*”²⁹⁴. Quyền tha tội là quyền của riêng Thiên Chúa, thế mà chúng ta có khả năng ấy vì chúng ta trở thành Thiên Chúa như Người. Chúng ta có thể làm được những phép lạ, chữa lành bệnh nhân, xua trừ ma quỷ, để giúp cho mọi người cảm nghiệm được ơn cứu độ, bình an, hạnh phúc.

Tuy nhiên, Giáo Hội chỉ thực hiện được công trình quy tụ và hợp nhất này nếu mỗi Kitô hữu chúng ta gặp được Đức Giêsu Phục Sinh và đón nhận được làn khí kỳ diệu của Người thổi trên chúng ta. Chỉ thần khí ấy mới có thể biến đổi dòng máu đen tội lỗi của ta thành dòng máu đỏ tinh tuyền của Chúa Giêsu, như khí oxy ta hít vào buồng phổi để chuyển hoá dòng máu đen tự nhiên của mình. Vậy ta phải thở hít thần khí hợp nhất ấy như thế nào?

²⁹¹ x. Cv 2,1-11.

²⁹² x. CĐ.Vat II, Hiến chế *Gaudium et Spes*, số 92.

²⁹³ x. 1Cr 12,3-13; Ga 3,28.

²⁹⁴ Ga 20,22-23.

3. Bài học thở từ thực tế đời sống

Để phát triển con người toàn diện, ta phải tập thở cả khí tự nhiên lẫn siêu nhiên cách dài, nhẹ, êm, sâu và bảo vệ bầu khí quyển trong sạch cho mọi người, mọi vật quanh ta.

3.1. Bầu khí trong lành

Bầu khí quyển hiện nay đang bị ô nhiễm và tàn phá nặng nề bởi sự vô tâm và lòng tham của con người. Cần phải trồng lại những cánh rừng vì 1 mẫu cây xanh cung cấp 16 tấn oxy hằng năm cho ta thở. Cần phải bớt việc dùng hoá chất trên ruộng đồng và thay thế bằng các loại phân xanh, phân hữu cơ; giảm bớt việc tiêu thụ dầu mỡ cho các phương tiện chuyên chở, máy móc, nông cụ bằng việc sử dụng những nguồn năng lượng khác như thuỷ điện, điện gió, điện năng, điện mặt trời; bỏ hẳn việc hút thuốc lá để bảo vệ sức khoẻ cho buồng phổi con người, giữ vệ sinh chung trong khu xóm với thùng rác đầy kín, giảm bớt các loại khí độc hại như CO₂, NO₂, chất CFC làm thủng tầng ozone.



Bầu khí quyển tinh thần còn bị ô nhiễm trầm trọng hơn vì không ít phương tiện truyền thông đại chúng như sách báo, phim ảnh, đài phát thanh, truyền hình, internet và các mạng xã hội đang phổ biến đủ loại quan điểm sai lạc, phim ảnh đồi trụy, ma quái, bạo lực, học thuyết gây chia rẽ, thù hận, nhân danh tự do tuyệt đối của con người. Vì thế, chúng ta phải bảo vệ bộ thần kinh trung ương không bị nhiễm độc bằng cách chỉ nghĩ những điều tốt đẹp, nói những lời chân thành và làm những việc chính đáng để cổ vũ tình yêu thương, liên đới với người khác.

3.2. Tập thở tự nhiên

Với một hơi thở, không khí được đưa vào trong các phế nang của phổi qua đường hô hấp. Nó di chuyển từ mũi hoặc miệng, qua yết hầu, qua thanh quản và vào khí quản. Trong hành trình dài này, không khí được làm ấm lên cho bằng nhiệt độ cơ thể và lọc bỏ các vật thể nếu có. Không khí đã qua sử dụng sẽ đi trở ngược lại con đường đó. Vì nó đi qua thanh quản nên có thể được sử dụng để phát ra âm thanh.

Dòng khí ta hít vào gồm oxy chiếm 20,9%, nitơ 78,6%, nước 0,4%, các khí khác 0,06% và carbonic 0,04%. Khối lượng khí carbonic thải ra cũng tương đương khí hít vào. Nitơ chiếm tỉ lệ lớn nhất, nhưng ở áp suất bình thường, nó rất ít hoà tan trong máu người, nên có thể đi vào và ra khỏi cơ thể ta cách vô hại ²⁹⁵.

Chúng ta nên hít khí vào bằng mũi và thở ra bằng miệng. Nhiều người tập Yoga được yêu cầu tập thở ra bằng mũi. Tuy nhiên, theo cấu trúc tự nhiên của cơ thể, khi hít vào bằng mũi, dòng khí được toả ra trong khoang mũi nhờ 3 chỗ lồi ra gọi là xoăn, sẽ được làm ấm và làm ẩm từ từ. Các lông mũi cản các hạt bụi bẩn, các hạt bụi nhỏ hơn, như bụi than, sẽ nằm lại dọc theo khí quản. Chất nhầy và các sợi lông rung sẽ dần đẩy chúng ra ngoài. Các bụi trong khí quản có thể đi sâu hơn, đến được các phế nang và làm tổn thương phế nang, giảm diện tích bề mặt trao đổi khí. Khi thở ra, khí carbonic đang ở nhiệt độ cơ thể, không có bụi, nên không cần qua khoang mũi. Thở ra bằng miệng sẽ nhanh hơn và dễ dàng hơn.

Nhiều người tập khí công được yêu cầu thở theo 4 thì: nạp khí (hít khí vào), vận khí (nín thở dẫn hơi vào đan điền), xả khí (thở ra hết và thót bụng lại), bế khí (ngưng thở khi bụng trống rỗng). Nhiều cách thở của các môn phái như Hatha Yoga, Thiền Tông, Zen, phương pháp Dưỡng sinh, hoặc các phái võ thuật như Aikido, Vovinam, Thiêu Lâm... cũng được tập luyện theo 3 thì hay 4 thì trên đây, kèm thêm cách ngồi, cách đứng khác nhau ²⁹⁶.

²⁹⁵ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.324.

²⁹⁶ x. Các mục về Khí công trong các sách hay trên internet.

Thật ra, người tín hữu Kitô giáo có thể tự do tập luyện các phương pháp ấy, miễn là không bị ảnh hưởng bởi các lý thuyết sai lạc của tôn giáo đi kèm theo cách thờ. Chúng tôi cố vũ một phương pháp thờ 2 thì theo cấu trúc tự nhiên của cơ thể, vì nghĩ rằng càng tôn trọng cấu trúc tự nhiên, ta càng có sức khoẻ ổn định và an lành.

Một điểm cần lưu ý, là khi ngủ đêm chúng ta cần thở nhiều vì số lần thở khi ngủ đêm thường thấp hơn ban ngày khoảng $\frac{1}{4}$, nghĩa là thở khoảng 12 lần/phút thay vì 16 lần/phút. Ta nên nằm thẳng, đừng ôm gối, hai tay xuôi theo thân người để thở khí dễ dàng, giấc ngủ sẽ sâu hơn và thân kinh thư giãn tốt hơn. Tình trạng thiếu khí oxy khi ngủ thường dẫn đến giấc ngủ chập chờn, ác mộng do những dữ liệu của bộ nhớ hoà trộn với nhau, có khi dẫn đến ảo giác, ảo thanh, nói mê, khối nặng đè ở ngực, khiến ta tưởng lầm là bị bóng đè, ma ám.

Chúng ta có thể tập những động tác thở để tăng dung tích khí trong phổi bằng những bài tập thể dục sẵn có. Do lồng ngực gắn kết với buồng phổi, nên khi ta làm căng lồng ngực sẽ làm tăng áp suất trong buồng phổi, nhờ đó đưa được nhiều khí vào trong phổi hơn. Ta tập như sau:

- *Dãn lồng ngực theo chiều ngang*: người đứng thẳng, chân giang rộng khoảng 20cm

B1: vừa giang 2 tay rộng theo chiều ngang vừa hít mạnh vào, cơ bụng phình ra.

B2: khép 2 tay vào giữa ngực và thở mạnh ra, thót bụng lại.

- *Dãn lồng ngực theo chiều dọc*: người đứng thẳng, giang chân rộng 20cm

B1: bước 1 chân lên trước, hít mạnh vào bằng mũi, giơ 2 tay cao trên đầu, ngửa người ra sau, lồng ngực dãn ra theo chiều dọc.

B2: từ từ cúi người xuống, thở ra bằng miệng, cho đến khi 2 bàn tay chạm vào đầu gối. Chân rút về ngang với chân kia.

B3: bước chân khác lên và làm các động tác giống B1 và B2.

Mỗi lần có thể tập khoảng 5 phút. Sau vài tuần tập ta sẽ có thói quen thở mạnh và dung tích khí trong buồng phổi sẽ tăng lên.

3.3. Tập thở siêu nhiên

Người Kitô hữu được mời gọi gắn bó mật thiết với Chúa Giêsu để biến đổi thành “con người mới”²⁹⁷ “trong một Thần Khí duy nhất”²⁹⁸ “với muôn vàn ơn phúc của Chúa Thánh Thần”²⁹⁹. Khi thở được Thần Khí của Đức Giêsu, dòng máu đen tội lỗi của ta sẽ được biến đổi thành dòng máu đỏ tinh tuyền của Người. Lúc đó là ta được “thần hoá”, trở thành người con thật sự của Chúa Cha và có thể phát huy những ân huệ kỳ diệu của Chúa Thánh Thần để “hoàn thành kế hoạch yêu thương mà Chúa Cha đã định từ trước muôn đời trong Đức Kitô”³⁰⁰.

Lịch sử cứu độ của Giáo hội Công giáo chứng thực giấc mơ thần hoá này đã thể hiện trong đời sống của nhiều thánh nhân và ngay trong đời thường của các tín hữu. Họ không cần phải đi tìm các bí quyết vận công, luyện khí của những vị cao tăng trong rừng núi Himalaya được kể trong những câu chuyện như *Hành trình về Phương Đông, Đường mây qua Xứ tuyết...*

Thánh Phaolô nói rất nhiều về Thần Khí trong các thư của ngài. Ngài mời gọi chúng ta “hãy sống theo Thần Khí”³⁰¹, “hãy để cho Thần Khí hướng dẫn”³⁰², “hãy nhờ Thần Khí mà tiến bước”³⁰³ thì chúng ta sẽ hưởng được “hoa quả của Thần Khí là bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hoà, tiết độ”³⁰⁴. Nhất là khi hiểu được Chúa Thánh Thần là tình yêu nối kết Chúa Cha, Chúa Con và chúng ta lại với nhau, chúng ta sẽ cố gắng thực hiện mọi việc vì tình yêu. Mỗi lần hành động như thế là một lần ta thở được khí thiêng của Trời.

²⁹⁷ Ep 2,5.

²⁹⁸ Ep 2,18.

²⁹⁹ Ep 1,3.

³⁰⁰ x. Ep 1,9.

³⁰¹ Gl 5,16.

³⁰² Gl 5,18.

³⁰³ Gl 5,25.

³⁰⁴ Gl 5,22.

Đề cụ thể hơn, chúng tôi đề nghị một cách thở tự nhiên kết hợp với siêu nhiên, nhất là cho những ai đang bị bệnh tật về thể lý hay về tinh thần. Nhiều bệnh nhân đã được chữa lành nhờ cách thở này:

Chúng ta dành khoảng 5 phút, ngồi ở nơi làm việc hoặc nằm trên giường trước khi ngủ trưa hay ngủ đêm. Khi hít khí tự nhiên vào bằng mũi thì tinh thần ta cũng cần mở ra để hít khí siêu nhiên. Làn khí tình yêu, sức mạnh, bình an, ân sủng này tràn vào hồn ta, toả khắp người ta. Vừa hít khí vào từ từ, ta vừa nói thầm với Chúa Giêsu: “*Lạy Chúa, xin ban Thần Khí cho con*”. Khi thở ra, thể xác ta thải ra khí carbonic, tinh thần ta cũng đẩy những khí dơ của tinh thần gọi là tà khí ra khỏi tâm trí mình. Tà khí đó là những tư tưởng tiêu cực, hình ảnh dâm ô, cảm xúc buồn phiền, thất vọng, ghen tương, sợ hãi... Tâm trí ta lúc đó hoàn toàn trống rỗng để chỉ còn Thần Khí tác động. Vừa thở ra từ từ, ta vừa nói thầm: “*Lạy Chúa, xin đuổi tà khí ra khỏi con*”³⁰⁵. Ta sẽ cảm nhận sự thanh thoát và tràn đầy ơn lành của Chúa Thánh Thần.

Việc Chúa Thánh Thần chữa lành bệnh nhân đã có trong Giáo hội Công giáo suốt 20 thế kỷ qua, đặc biệt trong ngày lễ Chúa Thánh Thần Hiện xuống. Chỉ vài chục năm gần đây, Giáo Hội mới chuyển Ngày lễ Quốc tế Cầu cho Bệnh nhân vào dịp lễ Đức Mẹ Lộ Đức, ngày 11 tháng 2 hằng năm. Khi tín hữu gắn bó với Chúa Thánh Thần và thở được thần khí của Chúa Giêsu, chắc chắn họ sẽ chữa lành cho nhiều người khỏi các bệnh tật như các tông đồ xưa.

Lời kết

Bài học “Thở được tinh hoa của đất trời” này đối với chúng tôi là một trong những kinh nghiệm sống quan trọng nhất. Mỗi người chúng ta phải tập để nâng cao khối lượng khí tự nhiên và siêu nhiên trong đời sống hằng ngày, nếu ta muốn sống dồi dào và trọn vẹn để phát huy mọi nguồn lực và khả năng kỳ diệu trong ta.

³⁰⁵ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.173-175; *Bạn là Lời Cứu độ*, tái bản lần IV, NXB Tôn Giáo, 2017, tr.30-31.

Câu hỏi gợi ý:

1. Dung tích thở của bạn đo được bao nhiêu? Bạn tập thở như thế nào để tăng cường khí thở tự nhiên của bạn? ³⁰⁶.

³⁰⁶ Có nhiều phương pháp và dụng cụ để đo dung lượng khí thở trong mỗi quốc gia như Voldyne 2500 Volumetric Exerciser của Teleflex Medical ở Hoa Kỳ, AirLife của CareFusion được nhiều nước sử dụng. Chúng tôi xin giới thiệu dụng cụ AirLife 001902A như một ví dụ cụ thể. Khi đo dung lượng khí thở, ta cần nhớ mấy điểm sau đây:

1. Vệ sinh đầu ống thở bằng bông tắm còn 90⁰.
2. Ngậm ống thở và hít vào từ từ bằng miệng với 1 hơi dài tối đa.
3. Vừa hít vào vừa quan sát piston trong ống đo đẩy lên tới vạch nào.
4. Ngắt hơi ở điểm nào thì đó là mức đo khí thở tại điểm đó (xem số dung lượng ghi trên ống đo).
5. So sánh với Bảng Dung lượng Dự đoán Khí thở để xem mình thở có đủ không.
6. Vệ sinh đầu ống thở bằng bông tắm còn 90⁰ để lần sau sử dụng.

BẢNG DUNG LƯỢNG DỰ ĐOÁN KHÍ THỞ

Bảng dành cho nữ

Chiều cao Tuổi	1,47	1,52	1,57	1,62	1,67	1,72	1,77	1,82	1,87
20	1900	2100	2300	2500	2700	2900	3100	3300	3500
25	1850	2050	2250	2450	2650	2850	3050	3250	3450
30	1800	2000	2200	2400	2600	2800	3000	3200	3400
35	1750	1950	2150	2350	2550	2750	2950	3150	3350
40	1700	1900	2100	2300	2500	2700	2900	3100	3300
45	1650	1850	2050	2250	2450	2650	2850	3050	3250
50	1600	1800	2000	2200	2400	2600	2800	3000	3200
55	1550	1750	1950	2150	2350	2550	2750	2950	3150
60	1500	1700	1900	2100	2300	2500	2700	2900	3100
65	1450	1650	1850	2050	2250	2450	2650	2850	3050
70	1400	1600	1800	2000	2200	2400	2600	2800	3000
75	1350	1550	1750	1950	2150	2350	2550	2750	2950
80	1300	1500	1700	1900	2100	2300	2500	2700	2900

2. Bạn thở khí thiêng theo phương pháp nào? Hiệu quả ra sao?
3. Bạn biết gì về phong trào Thánh Linh của anh em Tin Lành và Công giáo?
4. Bạn cầu nguyện với Chúa Thánh Thần như thế nào trước mỗi công việc?

Bảng dành cho nam

Chiều cao Tuổi	1,47	1,52	1,57	1,62	1,67	1,72	1,77	1,82	1,87	1,92	1,97
20	2000	2200	2400	2600	2800	3000	3200	3400	3600	3800	4000
25	1950	2150	2350	2550	2750	2950	3150	3350	3550	3750	3950
30	1900	2100	2300	2500	2700	2900	3100	3300	3500	3700	3900
35	1800	2000	2200	2400	2600	2800	3000	3200	3400	3600	3800
40	1750	1950	2150	2350	2550	2750	2950	3150	3350	3550	3750
45	1700	1900	2100	2300	2500	2700	2900	3100	3300	3500	3700
50	1650	1850	2050	2250	2450	2650	2850	3050	3250	3450	3650
55	1550	1750	1950	2150	2350	2550	2750	2950	3150	3350	3550
60	1500	1700	1900	2100	2300	2500	2700	2900	3100	3300	3500
65	1400	1600	1800	2000	2200	2400	2600	2800	3000	3200	3400
70	1350	1550	1750	1950	2150	2350	2550	2750	2950	3150	3350
75	1300	1500	1700	1900	2100	2300	2500	2700	2900	3100	3300
80	1250	1450	1650	1850	2050	2250	2450	2650	2850	3050	3250

(Bảng Dung lượng Dự đoán Khí thở do G.Polgar và V. Promadhat công bố trên tạp chí của Hiệp hội Thân ngực Mỹ, th. 9/1979, bộ 122, số 3)

Xây dựng nền nhân bản toàn diện và liên đới

Lời mở

Nền văn minh tình yêu là đích điểm cuối cùng cho mọi hoạt động của Giáo hội Công giáo ở trần thế này³⁰⁷. Để đạt được mục đích đó, Giáo Hội cổ vũ mọi tín hữu xây dựng một nền nhân bản toàn diện và liên đới. Đường hướng này được Giáo Hội xác định ngay trong lời mở đầu và ở phần kết luận của cuốn *Tóm lược HTXHCG*³⁰⁸, và nội dung của nền nhân bản này được trình bày trong 12 chương của cuốn *Tóm lược* và cuốn *Docat*. Tuy nhiên, rất nhiều học viện Công giáo ít quan tâm và hầu hết tín hữu Công giáo chưa hiểu biết nền nhân bản này là gì và bao gồm những nội dung nào.

1. Nền nhân bản Công giáo là gì?

1.1. Xác định từ ngữ

Từ “nhân bản” có nguyên ngữ Latinh là *humanismus* (Anh ngữ: humanism) bắt nguồn từ từ *homo* - con người (nhân). Nhiều từ điển Việt Nam dịch là chủ nghĩa nhân bản, chủ nghĩa nhân văn (theo Trung Quốc), chủ nghĩa nhân đạo³⁰⁹.

Trước hết, chúng ta dùng từ "nền nhân bản" với ý nghĩa: *nền* là cơ sở của một việc gì, *nhân* là người, *bản* là gốc, cội rễ. Chúng ta dùng từ *nền nhân bản* thay vì chủ nghĩa nhân bản để tránh sự hiểu lầm rằng Giáo hội Công giáo đang muốn xây dựng một chủ nghĩa đối kháng với các chủ nghĩa đang có mặt hiện nay như tư bản, cộng sản, duy thực, duy lý, duy tâm, duy vật...

³⁰⁷ x. *TLHTXHCG*, số 103, 391, 582.

³⁰⁸ x. số 6, 19; được nhắc lại ở phần kết luận số 582.

³⁰⁹ x. *Từ điển Tiếng Việt 2013*, mục từ *chủ nghĩa nhân bản, nhân văn, nhân đạo*, tr. 24-27; *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, q.1, 2005, mục từ *chủ nghĩa nhân bản, nhân văn, nhân đạo*, tr. 638; *Từ điển Công giáo 2019* của HĐGMVN, mục từ *nền nhân bản Kitô giáo*, tr. 637.

Hệ tư tưởng này xây dựng trên sự thật được Thiên Chúa mạc khải về con người, nên bất cứ chế độ chính trị, tổ chức chính quyền, loại hình kinh tế, văn hoá, xã hội, tôn giáo nào cũng có thể tiếp nhận và hoà hợp, miễn là không đi ngược với bản chất và những quyền căn bản của con người.

Chúng ta dùng từ *nhân bản*, và không dùng từ *nhân văn*. Lý do là vì nhân văn thuộc về văn hoá con người với những giá trị vật chất hay tinh thần do con người sáng tạo ra, trong khi nhân bản có ý nghĩa rộng lớn hơn, bao gồm tất cả những gì thuộc về con người, không phải chỉ những giá trị do con người sáng tạo, mà còn cả những giá trị được ban tặng cho con người.

Nhân bản cũng không đồng nghĩa với *nhân đạo* (humanitarian), vì nhân đạo là đạo đức thể hiện sự yêu thương, quý trọng và bảo vệ con người. Nhân bản bao gồm nội dung cao cả và rộng lớn hơn nhiều, vì bao gồm mọi lĩnh vực hoạt động và mọi mối tương quan của con người trong vũ trụ, trong đó có cả Thiên Chúa và vạn vật.

Nền nhân bản này không phải là một hệ tư tưởng hay chủ nghĩa vì nó không áp đặt hay buộc con người phải công nhận nó. Nó cũng không đưa ra các giải pháp mang tính tổ chức chính quyền và xã hội, nhưng chỉ đề nghị đường hướng hành động theo các nguyên tắc nền tảng mà thôi³¹⁰.

Ta cũng cần phân biệt rằng nền nhân bản toàn diện và liên đới là do Công giáo giới thiệu cho cộng đồng nhân loại, chứ không phải Kitô giáo giới thiệu, như *Từ điển Công giáo 2019* của HĐGMVN ghi nhận. Nền nhân bản này lấy Đức Giêsu Kitô là con người mới, hoàn hảo, nhưng nhiều hệ phái Tin Lành không đồng quan điểm với Công giáo về Đức Giêsu Kitô. Nhất là từ khi nhà thần học Rudolf Bultmann (1884-1976), vào những năm 1940-1960, chủ trương giải trừ huyền thoại khỏi các sách Tin Mừng, loại bỏ các phép lạ và cả cuộc sống lại của Đức Giêsu vì muốn cho người chuộng khoa học thực nghiệm dễ đón nhận Lời Chúa³¹¹.

³¹⁰ x. *TLHTXHC*, số 72.

³¹¹ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr. 201.

1.2. *Nền nhân bản Công giáo*

Sau khi xác định từ ngữ, ta có thể tạm thời định nghĩa rằng nền nhân bản mới này là *một hệ thống suy tư và hành động lấy con người làm nền tảng, làm trung tâm để quy chiếu* như các chủ nghĩa nhân bản khác, thay vì lấy vật chất hay thần linh. Đây là hệ thống suy tư giúp con người có những nhận thức đúng đắn về bản chất, nguồn gốc, hướng đi, mối tương quan, mục đích cuối cùng của con người và cộng đồng nhân loại trong vũ trụ này³¹². Đồng thời cũng là hệ thống hành động gồm các kỹ năng sống để con người thể hiện cách tốt đẹp và hiệu quả các nhận thức trên.

Trong dòng lịch sử nhân loại, nhiều tôn giáo, trong đó gồm cả Kitô giáo, đã có những lúc quá chú trọng đến các hình thức lễ nghi phụng tự, mà coi nhẹ những hoạt động dành cho con người. Đây cũng là một trong các nguyên nhân phát sinh thái độ chôi bỏ thần linh của con người, tạo nên chủ nghĩa vô thần. Các chủ nghĩa này đã nhân danh con người hay xã hội loài người để đòi lại những gì mà các tôn giáo lấy của con người để đem về cho thần linh, cho Thiên Chúa³¹³.

Nền nhân bản Công giáo đặt con người và xã hội con người vào điểm trung tâm để quy chiếu mọi hoạt động của Giáo hội Công giáo vào đó. Con người này, từ muôn thuở, được Thiên Chúa yêu thương, được tạo dựng theo hình ảnh và giống như Thiên Chúa, nghĩa là có tính thần với tình yêu và tự do theo kế hoạch tổng thể của Thiên Chúa³¹⁴. Con người này đã dùng tự do để khước từ tình yêu với Thiên Chúa, cắt đứt với nguồn sống vĩnh hằng, tình yêu vô biên, quyền năng vô tận là Thiên Chúa, nên dẫn đến cái chết và muôn vàn hậu quả tai hại khác cho mình và cộng đồng xã hội. Vì thế Thiên Chúa sai Con của Ngài đến cứu độ con người và vũ trụ.

³¹² x. *Gaudium et Spes*, số 3.

³¹³ x. *Gaudium et Spes*, số 19-21.

³¹⁴ x. *Gaudium et Spes*, số 12-18; *TLHTXHC*, số 34-48; *Docat*, chương 1.



Nền nhân bản này có thể được gọi là nền nhân bản Kitô (không phải *Kitô giáo*), vì được xây dựng trên Đức Giêsu Kitô là Ngôi Lời Thiên Chúa, Đấng tự nguyện trở thành người theo kế hoạch của Chúa Cha³¹⁵. Người sống như con người để làm cho mọi giá trị của con người thành cao cả vô biên, vì “màu nhiệm về con người chỉ thực sự được sáng tỏ trong màu nhiệm Ngôi Lời nhập thể”³¹⁶.

Nền nhân bản Công giáo nhằm mục tiêu đổi mới và xây dựng mỗi tín hữu và những ai thành tâm thiện chí thành hiện thân sống động của Đức Giêsu Kitô³¹⁷. Người là con người mới, con người hoàn hảo, vì nhờ Người mà bản tính nhân loại được nâng cao và đạt tới một phẩm giá siêu việt. Nhờ kết hợp với Đức Giêsu Kitô, người tín hữu sẽ nhận được “những hoa trái đầu mùa của Thánh Thần”³¹⁸ để trở thành con người mới³¹⁹, có khả năng chu toàn luật yêu thương mới³²⁰, xây dựng được nền văn minh tình yêu cho cộng đồng nhân loại, vì Đức Giêsu Kitô là nguyên mẫu và là nền tảng của nhân loại mới này³²¹.

³¹⁵ x. Ga 1,14; 3,16; Dt 4,15.

³¹⁶ x. *GS*, số 22.

³¹⁷ x. *TLHTXHCG*, số 58.

³¹⁸ x. Rm 8,23.

³¹⁹ x. *TLHTXHCG*, số 19, 36.

³²⁰ x. Mt 22,40; Ga 15,12; Rm 8,1-11.

³²¹ x. *TLHTXHCG*, số 431.

Lúc đó loài người sẽ vượt qua bí ẩn của đau khổ và cái chết để sống trọn vẹn trong niềm vui, bình an và tình yêu của Thiên Chúa³²². Như thế, nền nhân bản này không nhìn con người theo quan điểm duy vật thuần túy để chối bỏ sự hiện diện của Thiên Chúa theo quan điểm vô thần của các chủ nghĩa nhân bản thế tục.

Nền nhân bản Công giáo được gọi là nhân bản tâm linh vì liên quan đến “con người duy nhất và toàn diện với thể xác và linh hồn, tình cảm và lương tri, trí khôn và ý chí”³²³. Đồng thời, nó cũng đề ý đến mọi lĩnh vực hoạt động và tương quan của con người trong đó có tương quan với Thiên Chúa.

Do đó, nó được gọi là nền nhân bản toàn diện và liên đới³²⁴.

2. Nền nhân bản toàn diện

“Nền nhân bản toàn diện bao gồm mọi lĩnh vực của con người như thể xác và tinh thần, cá nhân và tập thể, tự nhiên và siêu nhiên, nội tâm và ngoại giới, vì con người là một mâu nhiệm không thể nào khám phá cho cùng...”³²⁵.

2.1. Thể xác và tinh thần

Con người được Thiên Chúa tạo dựng thành một thể thống nhất với tinh thần và thể xác. Hai yếu tố thể xác và tinh thần đều do Thiên Chúa dựng nên, không phải bắt nguồn từ hai sức mạnh đối nghịch nhau³²⁶. Thông qua thân xác mình, con người thống nhất nơi mình các yếu tố của thể giới vật chất. Mỗi ngày, qua đồ ăn, thức uống, khí trời... con người hoà hợp với vạn vật trong vũ trụ và thống nhất chúng nơi mình³²⁷. Nhờ tinh thần, con người có thể khám phá vạn vật và thấy mình vượt lên trên thể giới vật chất nhờ phẩm giá độc đáo và lương tâm ngay chính³²⁸.

³²² x. *TLHTXHCG*, số 583.

³²³ x. *Gaudium et Spes*, số 3; *TLHTXHCG*, số 13; *Docat*, câu 47.

³²⁴ x. *TLHTXHCG*, số 19.

³²⁵ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.315-317.

³²⁶ x. *TLHTXHCG*, số 127; *GS*, số 14.

³²⁷ x. *TLHTXHCG*, số 128.

³²⁸ x. *TLHTXHCG*, số 129

2.2. Cá nhân và tập thể

Lịch sử loài người đã cho chúng ta thấy những xung đột giữa các hệ tư tưởng và chủ nghĩa, giữa cá nhân và tập thể với những cuộc chiến tranh, tàn sát ghê rợn. Nguyên nhân là vì con người không nhận ra phẩm giá cao quý của mình và của người khác: đó là mọi người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa³²⁹, dù họ là nam hay nữ³³⁰, mạnh khoẻ hay khuyết tật³³¹ hoặc thuộc bất cứ giai cấp xã hội nào.

"Con người không phải là một hữu thể cô độc mà là một hữu thể xã hội, không thể nào sống cũng như không thể nào phát triển tiềm năng của mình bao lâu con người không liên hệ với người khác"³³². Con người là một cá nhân độc đáo³³³ và không thể sao chép trong số hơn 8 tỉ người đang sống trên trái đất hiện nay, nhưng mỗi con người đang sống với những người khác làm thành một gia đình nhân loại³³⁴.



³²⁹ x. *TLHTXHC*G, số 144.

³³⁰ x. *TLHTXHC*G, số 110-114, 146-148.

³³¹ x. *TLHTXHC*G, số 148.

³³² x. *GS*, số 12; *TLHTXHC*G, số 110.

³³³ x. *Docat*, câu 54.

³³⁴ x. *Tóm lược HTXHC*G, số 125-126.

Nhờ tinh thần, con người có thể gặp gỡ những người khác để xây dựng thành những cộng đồng yêu thương. Cộng đồng đầu tiên và cơ bản là gia đình³³⁵, tiếp theo là cộng đồng xã hội nơi họ lao động³³⁶, làm kinh tế³³⁷, làm chính trị³³⁸ hay hoà nhập với mọi người trong cộng đồng quốc tế³³⁹ để cùng xây dựng và đem lại hạnh phúc cho nhau.

2.3. Tự nhiên và siêu nhiên

Nền nhân bản tâm linh Kitô xác định cho chúng ta rằng: Thiên Chúa là nguồn của mọi hiện hữu³⁴⁰. Ngài dựng nên thế giới và loài người chúng ta theo một kế hoạch đã định trước: đó là để diễn tả bản tính yêu thương của Ngài, vì Thiên Chúa là tình yêu³⁴¹.

Sự hiện diện của muôn loài trong đời sống tự nhiên đã đòi hỏi phải có một chủ thể tạo thành nên chúng theo một quy luật chính xác. Chúng ta đã tìm hiểu con người vô cùng kỳ diệu trong đời sống tự nhiên ở bài 2 và càng thấy con người là một mẫu nhiệm nhờ các giá trị tinh thần như tình yêu, tư tưởng, ước muốn, khát vọng, ân huệ của Thánh Thần để làm nên một thân thể của Đức Giêsu Kitô trong đời sống siêu nhiên.

Vì thế, HTXHCG quả quyết: “mở ra với siêu việt là một đặc tính của con người: con người mở ra với Đấng vô biên cũng như với mọi thụ tạo” trong đó có các thiên thần, hồn người đã khuất và cả vũ trụ vạn vật³⁴². Đây là điểm khá mới mẻ đối với con người hiện nay, nhưng lại không xa lạ với Đức Giêsu Kitô và các môn đệ thời Giáo Hội sơ khai, khi Người và họ làm cho gió im, biển lặng, bánh cá hoá nhiều, chữa lành bệnh tật, cho kẻ chết sống lại, xua trừ ma quỷ để giải phóng con người.

³³⁵ x. Chương 5 của *TLHTXHCG* và *Docat*.

³³⁶ x. Chương 6.

³³⁷ x. Chương 7.

³³⁸ X. Chương 8.

³³⁹ x. Chương 9.

³⁴⁰ x. *TLHTXHCG*, số 20.

³⁴¹ x. 1Ga 4,16; x. *Docat*, chương 1.

³⁴² x. *TLHTXHCG*, số 130; *Docat*, câu 53.

2.4. Nội tâm và ngoại giới

“Con người đã không lầm khi nhận biết mình cao quý hơn vũ trụ vật chất và không coi mình chỉ như một mảnh nhỏ của thiên nhiên hay như một phân tử vô danh trong xã hội loài người. Bởi vì nhờ có nội tâm, con người vượt trên vạn vật: khi con người quay về với lòng mình là lúc họ tìm về nơi nội giới thâm sâu này. Ở đó, Thiên Chúa, Đấng thấu suốt tâm hồn đang chờ đợi họ và cũng chính nơi đó, con người tự định đoạt về vận mệnh riêng của mình dưới ánh mắt của Thiên Chúa”³⁴³.

Vì được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, con người có phẩm giá của một ngôi vị, là một ai đó, chứ không phải là một thứ gì đó. Con người có khả năng nhận biết bản thân và suy ngẫm về chính mình, đưa ra những quyết định tự do và bước vào mối tương quan với người khác. Hơn nữa, con người được ơn Chúa thúc đẩy để đáp lời mời gọi của Thiên Chúa bằng đức tin và tình yêu, đi tìm Thiên Chúa, hoà nhập với Thiên Chúa và Đức Giêsu Kitô để phát triển trọn vẹn tiềm năng làm người của mình³⁴⁴.

Khi hiểu con người hiện hữu như một cái “tôi” có khả năng hiểu mình, làm chủ mình và tự quyết về mình, chúng ta cần phải tôn trọng nhân phẩm siêu việt của con người. Không một tổ chức chính trị, xã hội, khoa học, văn hoá, kinh tế nào được quyền sử dụng con người như là một phương tiện để thực hiện các dự án của mình, hoặc lôi lái con người vào những mục tiêu xa lạ với sự phát triển trọn vẹn của con người³⁴⁵.

Ngoại giới được hiểu là toàn thể thế giới ở bên ngoài con người. Tuy nhiên, con người cũng hiểu rằng ngoại giới và mình cần phải liên kết mật thiết với nhau. Con người thống nhất nơi mình các yếu tố của thế giới vật chất và thông qua con người, chúng tự do cất lời

³⁴³ *Gaudium et Spes*, số 14; *TLHTXHCG*, số 128; *Docat*, câu 47.

³⁴⁴ x. *TLHTXHCG*, số 108-109, 131; *Docat*, câu 47.

³⁴⁵ x. *TLHTXHCG*, số 132-134.

ca ngợi Đấng Tạo Hoá³⁴⁶. Con người có trách nhiệm phải bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống của mình³⁴⁷.

3. Nền nhân bản liên đới

Con người toàn diện có 4 mối quan hệ căn bản với 4 tinh thần phải giữ để làm cho các mối quan hệ tốt đẹp và bền vững:

- Đối với Thiên Chúa, giữ tinh thần thảo hiếu.
- Đối với người khác, giữ tinh thần huynh đệ.
- Đối với vạn vật, giữ tinh thần huynh trưởng.
- Đối với chính mình, giữ tinh thần tự chủ.

3.1. Tinh thần thảo hiếu trong quan hệ với Thiên Chúa

Khi con người nhận thức mình được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa và Thiên Chúa là nguồn của mọi hiện hữu, mà mình đang thụ hưởng, con người mới nhận ra được phẩm giá cao quý vô song của mình mà không thụ tạo nào có thể so sánh được. Con người được mời đáp lại tình yêu của Thiên Chúa bằng đức tin và tình yêu³⁴⁸.

Hơn nữa, nhờ Đức Giêsu Kitô, Con Một Thiên Chúa làm người, con người nhận biết mình được tha thứ, được nhận làm con cái của Chúa và được chia sẻ thần tính của Ngài. Vì thế, con người phải đối xử với Chúa bằng tinh thần thảo hiếu chân thành, khác hẳn thái độ sùng bái các thần thánh trong lo sợ của nhiều tôn giáo khác³⁴⁹.

Con người khám phá tận đáy lòng mình lương tâm ngay chính như tiếng nói của Thiên Chúa hay như một lề luật phải theo, để dạy mình phải yêu thương, làm điều thiện, tránh điều ác³⁵⁰. Tuân theo các lề luật ấy là tuân theo các giá trị đạo đức. Các giá trị này bắt nguồn từ luật tự nhiên được ghi khắc trong lương tâm, nhờ đó phẩm giá con người được nâng cao và xã hội được ổn định³⁵¹.

³⁴⁶ x. *Gaudium et Spes*, số 14, *TLHTXHCG*, số 128.

³⁴⁷ x. Chương 10 của *TLHTXHCG* và *Docat*.

³⁴⁸ x. *TLHTXHCG*, số 108; *GS*, số 12; *GLHTCG*, số 357.

³⁴⁹ x. *TLHTXHCG*, số 105.

³⁵⁰ x. *TLHTXHCG*, số 140-142; *Gaudium et Spes*, số 12; *Docat*, câu 57, 62, 85, 128.

³⁵¹ x. *TLHTXHCG*, số 22, 37, 53, 89, 93; *GS*, số 20.

Từ lòng thảo hiếu đối với Thiên Chúa, con người sẽ thảo hiếu đối với cha mẹ, thầy cô, ông bà, tổ tiên, dân tộc... là những người thay mặt Chúa để chia sẻ sự sống, sự thật, hạnh phúc, tình yêu, kiến thức và các ơn lành cho mình. Chính trong môi tương quan với Chúa, con người được đào tạo để biết giữ lòng ái quốc với dân tộc, bảo vệ các nền văn hoá và quảng đại chia sẻ vô điều kiện những ơn lành của Cha Trên Trời cho mọi người, mọi vật, thay vì đòi hỏi quyền sở hữu cách bất công như hiện nay.

3.2. *Tình thân huynh đệ trong quan hệ với mọi người*

Từ nền tảng lòng thảo hiếu với Thiên Chúa, con người mới nhìn nhận mọi người, sống trên trái đất và trong cả vũ trụ, đều là anh chị em trong một đại gia đình, để đối xử với nhau bằng tình huynh đệ, không kỳ thị vì bất cứ lý do gì.

Vượt lên trên đòi hỏi của Thiên Chúa trong giai đoạn Cựu Ước: “Người phải yêu thương người khác như chính mình”³⁵², Đức Giêsu còn mời gọi con người: “*Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em*”³⁵³ để tha thứ và cầu nguyện cho kẻ đóng đinh mình, dám chết thay cho mọi người và diễn tả tình yêu thành hành động cụ thể đối với các nhu cầu của người khác³⁵⁴.

Khi mở rộng tình yêu tha nhân tới mọi người trong vũ trụ, nền nhân bản Kitô cho chúng ta một tầm nhìn mới. Thuyết Big Bang giúp con người hiểu rằng vũ trụ bao la này có thể có những “người khác” ở ngoài hành tinh của mình để tìm hiểu, gặp gỡ, yêu thương và cùng nhau xây dựng một nền hoà bình giữa các vì sao³⁵⁵.

Khi Giáo hội Công giáo tôn vinh Đức Giêsu Kitô là Vua Vũ Trụ vào Chúa Nhật cuối cùng của năm Phụng vụ và Kinh Thánh nhắc nhở ta về việc mọi sự trong vũ trụ được tạo dựng nhờ Người và cho Người³⁵⁶, thì mọi con người ở bất cứ nơi nào trong vũ trụ đều có thể

³⁵² x. Lc 19,18.

³⁵³ x. Ga 15,12.

³⁵⁴ x. *TLHTXHC*G, số 112; Mt 22,37-40; Mc 12,29-31; Lc 10,27-28.

³⁵⁵ x. Báo Tuổi Trẻ online, ngày 9/3/2009.

³⁵⁶ X. Ga 1,3.

đón nhận được ơn cứu độ của Đức Giêsu. Khi Đức Giêsu đón nhận thể xác được cấu thành bởi vật chất của trái đất này thì Người cũng là thành viên của vũ trụ và cứu độ tất cả theo kế hoạch của Chúa Cha. “Thiên Chúa yêu thương thế gian nên đã ban Người Con Một”³⁵⁷. “Thế gian” này được hiểu là cả vũ trụ và muôn loài biết tin vào Đức Giêsu. Nếu tinh thần của con người ở các hành tinh khác mở ra đến vô biên, họ cũng có thể gặp được Đức Giêsu cách nào đó để nhận được ơn cứu độ của Người³⁵⁸.

3.3. Tinh thần huynh trưởng trong quan hệ với vạn vật

Đối với vạn vật và các thụ tạo không phải là con người, con người giữ tinh thần của người anh lớn, chị lớn để lo lắng cho các đứa em của mình. "Con người có khả năng và bổn phận lấy các thụ tạo khác phục vụ mình và hưởng dùng chúng, nhưng việc chế ngự thế giới đòi hỏi họ phải thi hành trách nhiệm, chứ không được tự do khai thác cách tùy tiện và ích kỷ"³⁵⁹. Thiên Chúa đã giao phó vạn vật cho con người để thay Ngài quản trị muôn loài³⁶⁰. Con người quản lý thụ tạo bằng cách đặt tên cho chúng³⁶¹ và như thế, Ngài mời gọi họ có trách nhiệm với chúng³⁶².



Khi hiểu được vạn vật làm nên xương thịt mình qua đồ ăn, nước uống, khí thở, con người sẽ thể hiện trách nhiệm huynh trưởng với tình yêu mãnh liệt đối với vạn vật như Đức Giêsu. Tình yêu ấy làm

³⁵⁷ x. Ga 3,16.

³⁵⁸ x. *TLHTXHCG*, số 130.

³⁵⁹ x. *HTXHCG*, số 113.

³⁶⁰ x. St 1,26-28; Kn 2,23.

³⁶¹ x. St 2,19-20.

³⁶² x. *TLHTXHCG*, số 113; *GLHTCG*, số 373.

cho con người nhận ra bản chất đúng của vạn vật để điều khiển chúng, ra lệnh cho gió yên, biển lặng, bánh cá hoá nhiều, đi trên mặt nước... như Chúa Giêsu. Vì vạn vật hy sinh sự sống cho con người, nên con người cũng sẵn sàng tự nguyện chết cho vạn vật như Đức Giêsu để bảo vệ, phát triển, giải thoát và đưa chúng vào chung hưởng vinh quang vĩnh hằng của con cái Thiên Chúa³⁶³.

Tinh thần huynh trưởng được thể hiện qua việc chuyên cần học hỏi, nghiên cứu vạn vật qua các khoa học tự nhiên, siêng năng lao động, làm ra của cải vật chất và biết chia sẻ những của cải đó cho người yếu kém, bảo vệ môi trường sống cho sạch, xanh, đẹp và an lành cho mọi người và muôn loài.

3.4. Tinh thần tự chủ trong quan hệ với chính mình

Trong tương quan với chính mình, con người giữ tinh thần tự chủ. Con người chú ý lắng nghe những khát vọng sâu xa của tâm hồn mình, cảm nghiệm những khắc khoải muốn được nghỉ ngơi trong Chúa³⁶⁴, những thôi thúc của bản năng, của dục vọng và cả những hậu quả tai hại của tội lỗi³⁶⁵. Vì thế, con người phải cố gắng làm chủ bản thân, thời giờ, tình cảm, ân huệ, tham vọng và dục vọng để trở thành một con người tự do thật sự trước mọi ràng buộc của đời sống. Khả năng tự chủ này được đào tạo qua việc giáo dục và tập luyện những kỹ năng sống sau đây:

- *Làm chủ ân huệ Chúa ban* qua đời sống kết hợp với Chúa, Mẹ Maria, các thần thánh bằng việc cầu nguyện, phụng tự, bí tích, sử dụng những ân huệ Chúa ban và luôn sống trong tâm tình tạ ơn.

- *Làm chủ cá tính* bằng việc làm các trắc nghiệm tâm lý để biết mình thuộc loại cá tính nào, mỗi cá tính có những ưu điểm, khuyết điểm nào, có nhu cầu căn bản nào, sinh hoạt ra sao.

- *Làm chủ tài năng tinh thần* như trí hiểu, trí nhớ, trí tưởng tượng, ý chí để trở thành con người biết sống tự lập, sáng tạo và đem lại hạnh phúc cho mình cũng như cho mọi người.

³⁶³ x. *TLHTXHCG*, số 123.

³⁶⁴ x. *TLHTXHCG*, số 14.

³⁶⁵ x. *TLHTXHCG*, số 115-123.

- *Làm chủ thời giờ* vì hiểu rằng mỗi giây phút sống đều có giá trị vĩnh hằng khi kết hợp với Chúa và đều có thể đem lại niềm vui, hạnh phúc, ơn cứu độ cho muôn loài³⁶⁶. Vì thế, cần lập chương trình sống mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi tháng, mỗi năm để tận dụng thời giờ Chúa ban.

- *Làm chủ các phương tiện vật chất* để bảo đảm những điều kiện cần thiết cho một đời sống tự lập³⁶⁷. Của cải không phải chỉ làm lợi cho người sở hữu và còn cho người khác, vì Thiên Chúa ban trái đất chung cho con người³⁶⁸. Đó là mục tiêu phổ quát của vật chất và nhờ đó tạo ra một thế giới công bằng và liên đới³⁶⁹. Người sở hữu vật chất cần biết tự nguyện sống tinh thần nghèo khó của Đức Giêsu³⁷⁰ để làm giàu cho thế giới và nhân loại.

Kết luận

Khi hiểu nền nhân bản, được Giáo hội Công giáo cổ vũ, là một nền nhân bản toàn diện và liên đới, người tín hữu rất tự hào và quyết tâm xây dựng cho mình cũng như cho cộng đồng của mình thành những con người mới trong một trời mới, đất mới³⁷¹ mà Đức Giêsu Phục Sinh đã bắt đầu ngay tại trần thế này. Chỉ nhờ nền nhân bản này, con người mới có thể phát triển trọn vẹn và cộng đồng xã hội mới đạt được an vui, hạnh phúc vững bền.

Câu hỏi

1. Nguyên nhân nào đã khiến các hệ tư tưởng đòi trả lại cho con người vị trí trung tâm của mọi quan tâm và hoạt động?
2. Lĩnh vực nào của con người ít được quan tâm nhất trong thời đại hiện nay?
3. Trong các mối tương quan của con người, tương quan nào bị bỏ bê hơn cả?

³⁶⁶ x. *Gaudium et Spes*, số 22.

³⁶⁷ x. *TLHTXHCG*, số 176.

³⁶⁸ x. *TLHTXHCG*, số 177.

³⁶⁹ x. *TLHTXHCG*, số 174.

³⁷⁰ x. 2Cr 8,9.

³⁷¹ x. *GS*, số 39; *TLHTXHCG*, số 123.

4. Tương quan nào là nền tảng để xây dựng các tương quan khác?

5. Bạn nghĩ mình cần làm chủ điều gì trong thời điểm hiện tại?

Bài 9

Sự thật giải thoát

Lời mở

Nền nhân bản Kitô giáo giới thiệu bốn giá trị căn bản trong đời sống xã hội của con người, đó là: sự thật, tự do, công bằng, tình yêu³⁷². Đây cũng là các giá trị cốt lõi của văn hoá cho bất cứ dân tộc nào. Tùy vào sự hiểu biết và thực hành những giá trị này mà người ta đánh giá nền văn hoá cao thấp khác nhau.



Giá trị đầu tiên là sự thật. Đây là giá trị khởi đầu để giúp con người nghĩ đúng, nói thật, làm thật, sống thật trong xã hội hầu sống đúng phẩm giá con người và làm chứng cho Tin mừng cứu độ. Đó là lý do tại sao từ “sự thật” được nhắc đến ở 86 số trong 583 số của sách *Tóm lược HTXHCG* và ở 38 câu trong 328 câu của sách *Docat*.

Sau đây, chúng ta tìm hiểu tóm tắt sự thật trong đời sống con người hiện nay ra sao, nhân loại đi tìm sự thật như thế nào và sự thật toàn diện của con người là gì.

³⁷² x. *Gaudium et Spes*, số 26; ĐHG Gioan XXIII, Thông điệp *Pacem in terris*, số 55; *TLHTXHCG*, số 197-208.

1. Sự thật trong đời sống

Hiện nay, mỗi ngày hàng tỉ người đang theo học trong các trường lớp, miệt mài nghiên cứu trong các phòng thí nghiệm, say mê tìm hiểu qua các sách báo, phim ảnh, internet, chia sẻ điều mình tìm được qua các buổi nói chuyện và các phương tiện truyền thông xã hội... Mục đích chỉ nhằm khám phá ra sự thật ẩn chứa trong thiên nhiên, trong vạn vật, trong lòng người, trong các thần linh và trong cả Thiên Chúa.

Nhân loại khát khao sự thật, mơ ước tìm ra sự thật tiềm ẩn trong một ngọn cỏ vì dược liệu của nó có thể cứu chữa hàng triệu bệnh nhân. Con người mong mỏi tìm ra sự thật trong lòng người để có thể kết ước trăm năm, nhưng “Dò sông dò biển dễ dò. Nào ai lầy thước mà đo lòng người!”. Con người hy vọng tìm được sự thật trong các mối tương quan xã hội để có thể xây dựng được một cộng đồng an bình và phát triển bền vững, nhưng hầu như từng giây phút phải đối phó với những lừa dối và lùm lùm. Những nỗi khao khát đó không phải lúc nào cũng được đáp ứng và thoả mãn. Con người cảm nghiệm rằng không dễ dàng tìm được sự thật ngay trong chính tâm hồn vì “nhiều lúc mình đã phải dối lòng!”.

Sống trong nền kinh tế thị trường, một số đồng bào ta vẫn còn giữ thói quen lừa dối để kiếm lợi nhất thời, mà không hiểu cần phải trung thực thì mới tồn tại lâu dài. Những loại hàng giả, hàng độc hại chỉ lừa người ta được một vài lần, nhưng sẽ làm thiệt hại cho cộng đồng xã hội và cả dân tộc, nhất là trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Những kiểu ăn chặn vật tư khi làm những công trình xây dựng, cầu đường, rồi tự nghiệm thu lấy với nhau, những cách trốn thuế bằng 2 loại hoá đơn cho một món hàng, những kiểu mua hàng cho tập thể nhưng đòi thêm hoa hồng cho riêng mình đều là các hành vi đi ngược với sự thật.

Hạnh phúc gia đình được xây dựng trên nền tảng sự thật, nhưng nhiều khi người ta tưởng rằng lừa dối sẽ tạo nên tình yêu theo kiểu: “Yêu nhau cởi áo cho nhau, về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay; yêu nhau cởi nhẫn cho nhau, về nhà mẹ hỏi qua cầu đánh rơi!”. Những đứa trẻ khi sống trong gia đình đã chứng kiến cha mẹ chúng dối trá

với nhau và với người: “Con ra nói với bác là mẹ không có nhà nhé!”.

Đến trường lớp chúng lại gặp các “thủ thuật” của một số thầy cô trong cách dạy học, cách làm bài, cách cho điểm để đạt được danh hiệu xuất sắc, tiên tiến. Cả đến khi xuôi tay nằm xuống, người ta vẫn còn phải thấy những vòng hoa “Vô cùng thương tiếc” của những kẻ thù không đội trời chung hay những giọt nước mắt của những người khóc mướn. Nhiều người đã quen với những sự lừa dối như thế nên rất ngạc nhiên, thậm chí lấy làm khó chịu, vì những người nói thật, làm thật, sống thật với lòng mình.

Thật ra, vì được Thiên Chúa chân thật tạo dựng, nên muôn vật muôn loài đều phản ánh sự thật. Sự thật không phải là một cái gì ở bên ngoài, nhưng ở trong ta, trong mọi sự và ta có thể cảm nhận được ngay³⁷³. Nhìn vào một bông hoa, ta cảm nhận được sự thật vì màu sắc của cánh, của nhụy, của đài hoa, dù rực rỡ hay đơn sơ, đều là thật chứ không tô vẽ giả tạo bằng những nét sơn phết bên ngoài. Một lời nói, dù có vẻ thô lỗ, cộc cằn, nhưng ta biết đó là lời thật, chứ không rào trước đón sau của những ai khéo ăn khéo nói.

Con người nào cũng muốn sống thật với chính mình và muốn người khác sống thật lòng với mình. Chẳng ai muốn đóng kịch trên sân khấu cuộc đời, dù là những vai diễn cao sang như vua quan hay tươi đẹp như đại gia kiêu nữ. Chẳng ai muốn người khác lừa bịp mình bằng lớp quần áo hoá trang hay lớp son phấn vật chất bên ngoài. Ai cũng muốn sống hạnh phúc, chân thành như nguyên tổ Adam – Eva trong vườn Địa đàng, vì thân thể trần trụi và thân phận thụ tạo của họ đã được bao phủ bằng hào quang của Chúa³⁷⁴.

Học thuyết Xã hội Công giáo giải thích việc con người đánh mất sự thật nơi mình bằng bi kịch của tội³⁷⁵, khi Adam vi phạm giới răn của Chúa, đánh mất sự thánh thiện và công chính mà mình đã có khi

³⁷³ Mọi hữu thể đều thật (Omne ens est verum): đây là luận đề căn bản của triết học kinh viện Công giáo.

³⁷⁴ x. St 1-2.

³⁷⁵ x. *TLHTXHC*, số 115-123.

được tạo dựng, cắt đứt với nguồn sống vô tận và chân thật là Thiên Chúa. “Hậu quả của tội làm con người xa rời, không phải chỉ với Chúa, mà còn với chính mình, với người khác và với thế giới chung quanh”³⁷⁶.

“Hậu quả cụ thể là con người phải chết vì xa rời nguồn sống chân thật vĩnh hằng. Con người tố cáo, lừa dối, giết hại nhau”³⁷⁷. “Các hậu quả của tội làm cho cơ cấu của tội (dục vọng, bạo lực, bất công) kéo dài mãi mãi. Những cơ cấu này lại ẩn sâu trong tội cá nhân... khiến cho tội trở nên trầm trọng hơn, dễ lan truyền và trở thành nguồn phát sinh các tội khác, chi phối cách ứng xử của con người”³⁷⁸. Nhất là khi con người ham muốn thu nhiều lợi nhuận và khát khao quyền lực bằng bất cứ giá nào³⁷⁹. Từ đó ta hiểu tại sao có những tin giả, hàng giả và nhiều thứ giả dối trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá và cả tôn giáo.



Khi Adam – Eva cắt đứt mối tương quan với Thiên Chúa chân thật, xé rách vầng hào quang ân sủng bao phủ, họ chỉ còn thấy mình là thụ tạo trần trụi, yếu đuối và cái chết ở cuối cuộc đời. Họ không nhận ra người khác cùng xương thịt với mình, mà chỉ đánh giá nhau theo những lớp áo “da thú” bên ngoài và trở thành những chú Cuội với nhau. Họ cũng chẳng nhận ra vạn vật là những đứa em nhỏ trong

³⁷⁶ x. TLHTXHCG, số 116.

³⁷⁷ x. St 3,12; St 4,2-16.

³⁷⁸ x. TLHTXHCG, số 119; GLHTCG, số 1869.

³⁷⁹ x. ĐGH Gioan Phaolô II, TĐ. Sollicitudo Rei Socialis, số 36, năm 1988.

đại gia đình Thiên Chúa đã làm nên xương thịt của mình, mà chỉ coi chúng là loài vô tri, vô giác và khai thác chúng cạn kiệt như những ông chủ bạo tàn.

Vì thế, nền nhân bản Công giáo mời gọi con người đi tìm sự thật toàn diện về Thiên Chúa, về con người, về vạn vật, về chính mình.

"Thiên Chúa là chính sự thật"³⁸⁰. Nhưng vì là tinh thần tuyệt đối, siêu việt, nên con người tương đối, bất toàn không thể cảm nhận trực tiếp sự thật này, nếu không được Thiên Chúa bày tỏ mình ra cho con người. Con người chỉ có thể dùng tinh thần để nhận biết sự thật đó qua những thụ tạo hữu hình³⁸¹, từ đó mới nhận ra Ngài là nguồn của mọi sự thật.

2. Nhân loại đi tìm sự thật

Kể từ khi biết suy nghĩ về thân phận con người và sự hiện hữu của vạn vật, trong suốt dòng lịch sử, con người luôn khao khát sự thật và cố gắng tìm giải đáp cho những câu hỏi về nguồn gốc, giá trị, cùng đích của con người, cũng như về đau khổ, cái chết và sự sống vĩnh hằng để tìm sự giải thoát cho mình, cho vạn vật. Những chủ nghĩa, hệ tư tưởng, khoa học và tôn giáo đủ loại nói lên cố gắng của con người trên đường đi tìm sự thật.

Con người hiện đại đã biết sử dụng trí óc để tìm hiểu sự thật. Nhờ khám phá ra ngôn ngữ, chữ viết, ngành in và các phương tiện truyền thông như điện thoại, truyền thanh, truyền hình, internet vào thế kỷ 19-20, con người có nhiều phương tiện để khám phá, tìm hiểu, chia sẻ và phổ biến sự thật. Bước vào thế kỷ 21, những khám phá và phát minh của tin học đã mở rộng con đường sự thật cho mọi người.

Sự thật, theo nghĩa thông thường, là cái có thật, cái có trong thực tế. Theo nghĩa triết học: là điều phản ánh đúng hiện thực khách quan³⁸². Theo nghĩa sau, sự thật đồng nghĩa với chân lý (lẽ thật) là *sự phản ánh chính xác sự vật khách quan và quy luật của chúng vào ý thức*

³⁸⁰ x. *TLHTXHC*, số 144, 214, 215-17, 2465.

³⁸¹ x. Dc 1,1-4

³⁸² x. *Từ điển Tiếng Việt 2013*, mục từ *sự thật*, tr.1129

của con người³⁸³. Chân lý là lẽ thật vốn có một cách khách quan, người ta phải nhìn nhận nó, không tùy thuộc vào sở thích hay ý muốn cá nhân³⁸⁴. Thánh Thomas de Aquino định nghĩa: "chân lý là sự tương hợp giữa thực tại và trí khôn" (*Veritas est adequatio rei et intellectus*)³⁸⁵. Sự thật trong triết học kinh viện được định nghĩa là "sự tương hợp giữa trí khôn và thực tại" (*veritas est conformitas intellectus cum re*). Ví dụ cái ghế màu xanh và ai nói đúng như thế là nói thật.

Người tiền sử nhận biết vạn vật như cây cối, hổ báo, biển cả, núi non, sao trời là những thứ có thật trong đời sống, nhưng lại tôn thờ chúng là thần linh vì thấy chúng mạnh mẽ hơn mình. Khi trí khôn phát triển, họ nhận ra mình mạnh hơn chúng. Như thế, chân lý luôn phát triển. Con người càng thâm nhập sâu sắc vào các đối tượng, hiện tượng, thì tri thức của con người về thế giới càng chính xác hơn, đầy đủ hơn, khách quan hơn. Hơn nữa, thế giới cũng thường xuyên biến đổi và phát triển nên sự hiểu biết về thế giới cũng biến đổi theo. Vì thế, tính đúng đắn của chân lý hay sự thật phải được kiểm tra bằng thực tiễn³⁸⁶.

Cách đây khoảng 5.000 năm, khi trí khôn con người vượt qua những thực tại vật chất để suy tư về những thực tại tinh thần như tình yêu, sự sống, cái đẹp, cái tốt, cái đúng, chiến tranh, hoà bình... con người muốn biết chúng thật sự là gì. Khi thấy chúng vượt quá trí khôn, không thuộc quyền hạn của mình, con người đưa chúng vào lĩnh vực của thần linh. Đó là thời kỳ của những huyền thoại và tôn giáo muốn giải thích chân lý về chúng cho con người: mỗi thứ đều có những vị thần cai quản như thần Mars về chiến tranh, thần Venus về sắc đẹp, thần Minerva về thi ca theo văn hoá La Mã. Các tôn giáo cũng cố gắng giải thích cho con người sự thật về cái chết, về sự sống, về hạnh phúc, về ơn cứu độ.

³⁸³ x. *Từ điển Tiếng Việt 2013*, mục từ *chân lý*, tr.195.

³⁸⁴ x. *Từ điển Công giáo*, 2019, mục từ *chân lý*, tr.123.

³⁸⁵ x. *Từ điển Công giáo Anh-Việt*, 2014, mục từ *truth*, tr.2088.

³⁸⁶ x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, q.1, mục từ *chân lý*, tr.516.

Tuy nhiên, những lời giải thích về các thực tại tinh thần đó hầu hết chỉ mang tính chủ quan và không thể kiểm tra bằng thực tiễn, nên chúng không phải là sự thật và cũng không giải thoát con người. Con người vẫn cứ sinh ra, lớn lên, già cỗi, bệnh tật và chết đi, dù mong ước được sống mãi, trẻ mãi, đẹp mãi. Xã hội con người vẫn cứ xung đột, giết hại, lừa dối nhau với bao trò bịp bợm và chiến tranh lớn nhỏ, dù ai cũng mong ước được sống sung túc, bình an, hạnh phúc. Con người chưa tìm được sự thật giải thoát mình nên vẫn còn phải đi tiếp con đường để tìm ra sự thật đúng nghĩa.

Cách đây khoảng hơn 2.000 năm, vào đầu kỷ nguyên của chúng ta, Kitô giáo xuất hiện với vị sáng lập là Đức Giêsu. Vào thời điểm quyết định trong lịch sử, Thiên Chúa, vì là nguồn của sự thật, sự sống và mọi hiện hữu, đã muốn bày tỏ cho loài người biết một sự thật cụ thể và siêu việt để quy tụ tất cả các sự thật tương đối về một mối. Từ đây, sự thật không còn phải là những lý lẽ trừu tượng theo định nghĩa của con người, nhưng là một con người cụ thể để mọi người, mọi vật đều có thể tìm đến với Người đó, đi vào được con đường sự thật và sự sống của chính Thiên Chúa.

Thiên Chúa đã cho Con Một Ngài là Ngôi Lời trở thành người, trở thành Đức Giêsu Kitô³⁸⁷. "Lời Cha là sự thật"³⁸⁸ sẽ giải thoát con người và vạn vật khỏi u mê, lầm lạc do sự bất toàn của con người và sự lừa dối của quỷ ma. Đức Giêsu đã chứng minh Người là sự thật giải thoát bằng lời giảng dạy đầy uy quyền, bằng những phép lạ chữa lành bệnh tật, xua trừ ma quỷ, bằng cái chết cứu độ và sự sống lại của Người.

Trong hàng chục thế kỷ tiếp theo, những sự thật về Thiên Chúa, về con người, về vạn vật theo lời giảng dạy của Đức Giêsu được truyền bá ở vùng Địa Trung Hải, trong đế quốc Roma và lan rộng ra khắp thế giới. Tuy nhiên, nhiều nơi ở châu Á, châu Phi như Trung Quốc, Nhật Bản, Đông Nam Á, các nước ở Trung Á, Trung Đông, châu

³⁸⁷ x. Ga1,1-18.

³⁸⁸ x. Ga 17,17.

Phi, người ta vẫn giữ những quan niệm của các tôn giáo cổ xưa hay theo Ấn Độ giáo, Phật giáo, Hồi giáo.

Từ thế kỷ 13, khi các đại học được mở tại nhiều nước châu Âu, các giáo sĩ, tu sĩ Kitô giáo trở thành những người tiên phong cổ vũ con người đi tìm sự thật và phát triển các ngành khoa học. Nhưng nền triết học và thần học kinh viện của Kitô giáo dựa trên những suy tư trừu tượng đã dần dần xa rời thực tiễn của con người và xã hội.

Từ thế kỷ XVIII-XIX, cuộc cách mạng khoa học đã đưa nhân loại đến các miền đất mới của tri thức là khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn, để con người khám phá các sự thật của vạn vật (khoa học vật lý, hoá học, sinh học, y học, thực vật học, động vật học, vũ trụ học, thiên văn học...), của chính mình (tâm lý học, phân tâm học, luận lý học, đạo đức học...), của xã hội mình sống (xã hội học, kinh tế học, nhân học...). Những khám phá này càng giúp con người hiểu hơn sự thật về chính mình, về vạn vật, về vũ trụ thì lại càng thôi thúc con người đi tìm sự thật cho các câu hỏi: "Con người là gì? Đâu là ý nghĩa của đau khổ, sự dữ, cái chết? Sao chúng vẫn tồn tại mặc dù đã có bao nhiêu tiến bộ? Con người có thể đem lại gì cho xã hội và trông đợi gì ở xã hội? Điều gì sẽ xảy ra tiếp theo sau cuộc sống ở trần gian này?"³⁸⁹.

Thế kỷ XX-XXI, chứng kiến sự phân hoá về quan điểm sự thật giữa nhiều hệ tư tưởng khác nhau, nhất là giữa các chủ nghĩa tư bản và cộng sản, duy lý và duy thực, duy tâm và duy vật. Tuy nhiên, tất cả đều chú tâm vào con người, vào khoa học vì tin tưởng khoa học tiến bộ có thể giải thoát con người.

Thật sự, các khoa học kỹ thuật giúp ích cách thiết thực cho con người. Tuy nhiên, con người ý thức rằng: dù khoa học có phát triển đến đâu, chúng cũng không thể nào vượt qua được những giới hạn nằm trong chính bản chất của sự vật và bản tính của con người. Vạn vật và thể xác con người luôn bị giới hạn bởi vật chất, không gian và thời gian. Con người không thể tự giải thoát chính mình để trở

³⁸⁹ x. *Gaudium et Spes*, số 10.

thành tuyệt đối, vĩnh hằng, vô biên. Chỉ tinh thần con người không bị giới hạn mới có thể vươn tới sự thật này.

Con người cần một *sự thật siêu việt* ở bên ngoài mình để mình vươn tới, đồng thời ở bên trong mình để thúc đẩy và biến đổi chính mình. Con người cũng cần một *sự thật tuyệt đối* để đảm bảo cho mọi hoạt động đúng đắn của mình được đón nhận và có giá trị mãi mãi. Sự thật này chỉ có nơi Đức Giêsu Kitô, và chỉ có Người mới có thể chia sẻ sự thật đó cho những ai tin vào Người³⁹⁰.

Tuy nhiên, chủ nghĩa duy vật biện chứng đã phân biệt "*chân lý tuyệt đối*" phản ánh hoàn toàn đầy đủ và trọn vẹn bản chất của khách thể, không thể bổ sung và cũng không thể bác bỏ" với "*chân lý tương đối*" phản ánh được khách thể một cách đúng đắn, nhưng không đầy đủ"³⁹¹. Chủ nghĩa này cho rằng con người không thể đạt được chân lý như vậy ngay một lúc, bởi vì nhận thức là một quá trình đi sâu mãi vào bản chất của khách thể. Chủ nghĩa này không công nhận tinh thần con người mở ra với siêu việt vì được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa và Đức Giêsu là chân lý tuyệt đối cụ thể của Thiên Chúa đã đến với con người và hoà nhập vào trong con người.

Trong nhiều thế kỷ, người tín hữu Công giáo, nhất là các linh mục, tu sĩ, khi học trong các học viện, đã quá chú tâm vào những vấn đề triết học, thần học và ít quan tâm đến các khoa học tự nhiên, xã hội nhân văn, các vấn đề thiết thực của con người cũng như các biến chuyển trong xã hội. Suy tư của họ hầu như xoay quanh những vấn đề luân lý hay những lời giải thích theo Thánh Kinh. Do không theo dõi các tiến bộ của khoa học, họ không thể giải thích kịp thời những vấn nạn của con người liên quan đến đức tin, luân lý. Thí dụ như: thuyết Big Bang và thuyết tiến hoá của Darwin. Do cứ luẩn quẩn trong những câu định nghĩa về sự thật siêu hình, sự thật mạc khải, sự thật tự nhiên và siêu nhiên, họ quên mất Đức Giêsu chính là sự thật toàn vẹn giải thoát muôn loài.

3. Đức Giêsu là sự thật toàn diện

³⁹⁰ x. Ga 17,17; 18,37-38

³⁹¹ x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, q.1, mục từ *Chân lý tuyệt đối*, tr.516

Con người sa ngã kéo theo vạn vật bị cưỡng bách phải chịu hư nát chung với con người³⁹², nhưng Thiên Chúa vẫn yêu thương con người và vũ trụ vật chất này. Ngài hứa ban Đấng Cứu độ ngay khi con người vừa phạm tội³⁹³. Đấng đó là Người Con Một của Ngài³⁹⁴, “đầy tràn ân sủng và sự thật”³⁹⁵. Đó là Ngôi Lời Thiên Chúa tự nguyện làm người, trở thành Đức Giêsu Kitô để dạy cho con người biết sự thật toàn diện là gì. Chính Người đã tự giới thiệu mình: “Tôi là con đường, là sự thật và là sự sống”³⁹⁶.



Khi tự nguyện trở thành con người mang thể xác vật chất, Con Một Thiên Chúa đã hoà mình vào dòng lịch sử của loài người, trở thành anh em của mọi người cũng như mọi vật. Người chia sẻ cho tất cả sự thật, sự sống và ân huệ của Thiên Chúa để tất cả cùng nhận ra nhau là con cái của Cha Trên Trời. Người còn cho con người khả năng nhận biết sự thật trong vạn vật nhờ những tài năng tinh thần và ân huệ của Thánh Thần như ta thấy thể hiện trong đời sống của nhiều vị thánh. Hơn nữa, nền nhân bản Kitô được diễn tả trong Học thuyết Xã hội Công giáo, đề cao sự thật như một giá trị căn bản. Sự thật ở đây không được xác định là tương đối hay tuyệt đối, chủ quan hay khách quan, tự nhiên hay siêu nhiên, thuộc về hữu thể học, luân lý

³⁹² x. Rm 8,28.

³⁹³ x. St 3,1-24.

³⁹⁴ x. Ga 3,16.

³⁹⁵ x. Ga 1,14.

³⁹⁶ x. Ga 14,6.

học hay luận lý học, thuộc về thần khải hay do lý trí con người khám phá ra.

Ngay trong số đầu tiên của phần nhập đề, Học thuyết này xác định: "Đức Giêsu Kitô chính là con đường, là sự thật và là sự sống", khi nhìn ngắm dung nhan Người, chúng ta càng thêm tin tưởng và hy vọng nơi Người, Vị Cứu Tinh duy nhất và cũng là mục tiêu duy nhất của lịch sử³⁹⁷. Người không phải là những ý niệm trừu tượng của suy luận bằng lý trí, nhưng là một con người cụ thể, để ta nhìn ngắm, tiếp xúc, gắn bó trong tin tưởng và yêu thương.

Đức Giêsu Kitô, vì là *sự thật cụ thể* của Thiên Chúa, nên Người vừa mang tính tuyệt đối của Thiên Chúa, vừa mang tính tương đối của con người. Người vừa là sự thật khách quan ở ngoài con người, nhưng đồng thời vừa hoà nhập với con người để họ nhận ra một sự thật chủ quan theo lương tâm ngay chính của mình. Người vừa là sự thật tự nhiên có thể dùng lý trí tìm hiểu về đời sống của Người trong lịch sử, đồng thời là sự thật siêu nhiên để khám phá bằng đức tin và ân huệ. Như thế sự thật Giêsu Kitô là một tổng hợp tuyệt vời có thể nối kết và quy tụ mọi quan điểm của các hệ tư tưởng, tôn giáo của loài người trên đường tìm kiếm sự thật toàn diện và hoàn hảo. Học thuyết này xác định: "Đức Giêsu Kitô là Con Thiên Chúa làm người, trong Người và nhờ Người, thế giới và con người đạt tới sự thật đích thực và trọn vẹn của mình"³⁹⁸.

Đức Giêsu dạy những sự thật căn bản để giải phóng con người và mang lại ơn cứu độ: "Người nói với những người Do Thái đã tin Người rằng: 'Nếu các ông ở lại trong lời của tôi, thì các ông thật là môn đệ tôi. Các ông sẽ biết sự thật và sự thật sẽ giải phóng các ông'³⁹⁹. Người dạy ta sự thật về Thiên Chúa là người Cha yêu thương đến nỗi ban Con Một mình⁴⁰⁰ và chỉ muốn con người thờ phượng Ngài trong Thần Khí và sự thật⁴⁰¹. Người giải phóng ta khỏi mọi loại tôn giáo sai lạc, mê tín, làm tha hoá con người.

³⁹⁷ x. TL, số 1.

³⁹⁸ x. TLHTXHC, số 45.

³⁹⁹ x. Ga 8,31-32.

⁴⁰⁰ x. Ga 3,16.

⁴⁰¹ x. Ga 4,23-24.

Người dạy ta sự thật về con người không phải là một đám vật chất tình cờ tụ lại, sống ít năm ở trần thế rồi lại tan rã thành bụi đất, nhưng là người con yêu quý của Chúa Cha và là anh em của nhau, để sống mãi mãi và chia sẻ hạnh phúc với Thiên Chúa. Qua việc làm người, Đức Giêsu đã đón nhận tất cả những gì thuộc về con người để biến đổi chúng thành những thứ thuộc về Thiên Chúa với giá trị phi thường. Mọi tư tưởng, lời nói, hành động của ta, khi gắn kết với Người là sự thật tuyệt đối vĩnh hằng, sẽ tồn tại mãi mãi.

Điều này vừa là một lợi thế giúp con người can đảm sống theo sự thật một cách độc lập vượt ra ngoài mọi áp lực xã hội. Nhưng đây cũng là một thách đố cho tất cả những ai đang sống trái với sự thật vì họ sẽ bị chính Đức Giêsu Kitô, là thẩm phán, xét xử những hành vi dối trá, giả tạo của họ.

Đức Giêsu đã minh chứng Người là sự thật toàn diện cho con người khi rao giảng Tin Mừng cứu độ, chữa lành bệnh nhân, cho người đói được no nê, giải thoát người bị ma quỷ kiềm chế, tha thứ tội nhân, cho kẻ chết sống lại. Người còn chia sẻ quyền năng và sự sống kỳ diệu của mình cho các môn đệ để họ đi khắp nơi rao giảng và làm chứng cho Người. Như thế là Người phá vỡ mọi giới hạn do tội lỗi đặt ra để giúp con người đạt đến sự thật phi thường mà họ vẫn ước mơ: đó là họ có thể mở ra với Đấng Siêu Việt và mọi chân trời của hiện hữu⁴⁰².

Đức Giêsu dạy ta sự thật về vạn vật là những đứa em trong đại gia đình Thiên Chúa và chúng ta là những anh chị lớn của chúng. Vì thế, càng yêu thương và tìm hiểu chúng qua các khoa học để biết sự thật về chúng, ta càng có khả năng cứu độ chúng, điều khiến chúng như Đức Giêsu đã làm nhiều phép lạ trên thiên nhiên, vạn vật. Trời đã tối sầm lại như đồng cảm với Đức Giêsu khi Người hấp hối trên thập giá và đất rung động trong vui mừng khi Người sống lại để mời gọi ta nên có cái nhìn mới về vạn vật quanh ta.

Đức Giêsu dạy ta sự thật về con người toàn diện và xã hội mới mẻ gồm những con người biết vượt qua những xung đột và đối kháng

⁴⁰² x. *TLHTXHCG*, số 130.

để tìm được sự thật trong khoa học⁴⁰³, triết học, luân lý, tôn giáo, luật tự nhiên cũng như siêu nhiên. Người đưa con người biết đón nhận nhau trong cộng đồng xã hội⁴⁰⁴, để hành động theo những nguyên tắc và sự thật của xã hội⁴⁰⁵, xây dựng những mối quan hệ trên nền tảng sự thật⁴⁰⁶, xây dựng gia đình theo sự thật khách quan của hôn nhân⁴⁰⁷, xây dựng trật tự xã hội với các tổ chức chính quyền⁴⁰⁸, hoạt động thông tin dựa trên sự thật về con người⁴⁰⁹.

Cuối cùng, chúng ta cần lưu ý rằng sự thật này không phải chỉ để biết, nhưng còn để sống. "Sống trong sự thật" là điều đặc biệt quan trọng trong các quan hệ xã hội. Mọi người có nghĩa vụ đặc biệt là phải luôn hướng tới sự thật, tôn trọng sự thật và làm chứng về sự thật một cách có trách nhiệm"⁴¹⁰. Như thế, trong mọi mối tương quan của con người, chúng ta được mời gọi để nghĩ thật, nói thật, làm thật. Điều này người tín hữu Công giáo có thể thực hiện được, nhờ gắn bó với Đức Giêsu và đón nhận các ân huệ của Thánh Thần Chân Lý⁴¹¹ được Người ban cho tất cả những ai tin vào Người.

Lời kết

Như thế, nhân loại đã khám phá ra được sự thật mà họ tìm kiếm trong suốt dòng lịch sử đã qua. Câu hỏi Philatô đặt ra cho Đức Giêsu: "Sự thật là gì?" (Ga 18,38) đã được giải đáp. Đó là Đức Giêsu Kitô, Người đúng là con đường dẫn đến sự thật giải thoát. Nhưng ta chỉ cảm nghiệm được sự giải thoát đó, nếu cùng Người bước đi trên con đường này. Bạn có dám bước theo Đức Giêsu?

⁴⁰³ x. *TLHTXHCG*, khoa học, số 78; triết học, số 77; luân lý, số 83; tôn giáo, số 141; luật tự nhiên, số 142 cũng như siêu nhiên, số 70.

⁴⁰⁴ x. *TLHTXHCG*, số 150.

⁴⁰⁵ x. *TLHTXHCG*, số 163-167.

⁴⁰⁶ x. *TLHTXHCG*, số 199-200.

⁴⁰⁷ x. *TLHTXHCG*, số 218-219.

⁴⁰⁸ x. *TLHTXHCG*, số 397.

⁴⁰⁹ x. *TLHTXHCG*, số 415

⁴¹⁰ x. *TLHTXHCG*, số 198; *GLHTCG*, số 2467.

⁴¹¹ x. Ga 14,26; 15,26-27; 16,12-13.

Câu hỏi

1. Bạn có kinh nghiệm gì về “sự thật” qua những thông tin trên báo chí, truyền thanh, truyền hình và các mạng xã hội?
2. Có nhiều lúc trong cuộc sống, ta bắt buộc dĩ phải nói dối để cho gia đình an vui, cộng đồng không hỗn loạn. Bạn có nghĩ đó là giải pháp tốt không? Theo bạn, ta nên làm gì?
3. Những định nghĩa khác nhau của các chủ nghĩa, hệ tư tưởng về sự thật đã đồng quy về một con người, là Đức Giêsu Kitô. Bạn tìm được hiệu quả gì nơi sự kiện này?
4. Bạn đã có kinh nghiệm nào về sự giải thoát của Đức Giêsu khi biết được sự thật về Thiên Chúa, về con người, về vạn vật, về chính mình?

Bài 10

Hãy yêu thương nhau

Lời mở

Chúng ta đã tìm hiểu “Thiên Chúa là Tình yêu” và Đức Giêsu Kitô là tình yêu cụ thể của Chúa Cha. Chúng ta cũng vừa bàn đến sự thật và thảm trạng của đời sống khi con người chối bỏ sự thật. Tuy nhiên, đời sống thực tế hiện nay còn là một báo động về tình yêu. Chỉ tính riêng ở Việt Nam mỗi năm đã có hàng triệu cuộc tình tan vỡ và hàng triệu bào thai bị phá bỏ, khoảng 600.000 cuộc ly hôn⁴¹², chưa kể hàng trăm ngàn người bị phản bội, bị giết hại, tự tử và hơn chục triệu bệnh nhân tâm thần, chỉ vì nhiều người không giải nghĩa được tình yêu và chưa biết yêu thương nhau thật tình. Họ không biết đến giá trị thứ hai làm nền tảng cho đời sống xã hội của con người là tình yêu⁴¹³.

⁴¹² x. Giao lưu trực tuyến “Thực trạng hôn nhân ở VN và thế giới”, ngày 29/9/2020 ở Hà Nội.

⁴¹³ Sách *Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo* nói đến tình yêu ở 129 số trong 583 số của toàn cuốn sách. Sách *Docat* nhắc đến tình yêu ở 72 câu trong 328 câu, Công đồng

Vì thế chúng ta sẽ tìm hiểu những quan niệm khác nhau của con người về tình yêu, tình yêu thật sự và toàn diện theo Kitô giáo, để tiến tới việc xây dựng nền văn minh tình yêu như mục đích cuối cùng của mọi hoạt động xã hội.

1. Tình yêu là gì?

Yêu là một trong các hành động thường ngày của con người, liên hệ mật thiết với sự sống: sống để yêu và yêu để sống. Tình yêu vừa là cội nguồn tạo ra sự sống vừa là cùng đích của sự sống. Tuy nhiên, hiện nay người ta có nhiều quan niệm khác nhau về tình yêu nên cũng có những thái độ sống khác nhau.

1.1. Những quan niệm khác nhau

- Trước hết, *nhiều người không tin có tình yêu*, nên họ cũng không cần tìm hiểu tình yêu là gì và bắt nguồn từ đâu, vì phân tích con người bằng máy móc khoa học hiện đại nhất, người ta không thấy chỗ nào chứa đựng tình yêu.

Dù “yêu” là một từ được nhắc đến nhiều lần trong ngày: yêu cha mẹ, yêu vợ con, yêu người tình, yêu bè bạn, yêu công việc, yêu tổ quốc, yêu đồng bào, yêu đất nước... nhưng thật khó giải nghĩa tình yêu là gì, nên cũng không thể xác định yêu như thế nào mới tốt đẹp.

Xuân Diệu, là một thi sĩ nổi tiếng về tình yêu, đã viết bài *Vì sao* trong tập “*Thơ Thơ*”, sáng tác năm 1938, rằng:

*"Làm sao cắt nghĩa được tình yêu,
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều,
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,
Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu".*⁴¹⁴

Vaticanô II nhắc đến tình yêu hàng trăm lần trong tất cả các văn kiện. Sách *Giáo lý Hội Thánh Công giáo* nói đến 101 lần. Đức Giáo hoàng Bênêđictô XVI đã giải thích rất rõ về tình yêu trong 2 thông điệp: “Thiên Chúa là Tình yêu” (Deus est Caritas) và “Bác ái trong sự thật” (Caritas in veritate). Những số thống kê này cho ta hiểu ý nghĩa phong phú và tầm quan trọng của tình yêu trong đời sống Kitô hữu.

⁴¹⁴ Xuân Diệu (1916-1985), tên thật là Ngô Xuân Diệu, nhà thơ tiêu biểu của phong trào thơ mới. Ông nổi tiếng với các bài thơ về tình yêu, nhưng lại mang tiếng về tình yêu “đồng tính”, qua những bài thơ *Biển*, *Tình Trai* mà nhà văn Tô Hoài đã viết trong cuốn



Ông cho rằng tình yêu là cái gì đó mờ ảo, trừu tượng, bằng bạc trong thiên nhiên cũng như trong lòng người, nhưng không thể giải thích và xác định được.

- *Những người hiểu sai tình yêu*: Một số tôn giáo ít khi nói đến tình yêu, vì hiểu đó là tình cảm yêu đương nam nữ bị bản năng sinh lý chi phối, nên xem thường và nhắc nhở các tu sĩ phải xa tránh cho xứng đáng với thần linh. Nhiều linh mục, tu sĩ Công giáo đang hiểu sai về tình yêu và rất ngại ngùng khi biết có người đang yêu thương họ. Họ chỉ dám nói đến tình thương mà không dám bàn đến tình yêu dù họ không ngừng nói đến tình yêu Thiên Chúa!

Chúng tôi thử tìm định nghĩa về tình yêu trong các từ điển của Phật giáo nhưng không thấy⁴¹⁵. Anh em Phật giáo cho tình yêu là vô thường, tình cờ tụ lại trong một kiếp người hay trong một ít năm sống, sau đó lại tan biến. Vì vậy mà Sư Giác Duyên nói với Thuý Kiều rằng: “*Tu là cõi phúc, tình là dây oan*”⁴¹⁶. Tín đồ Phật giáo thường đưa tình yêu vào một trong ba, hay vào cả ba loại phiền não

hồi ký *Cát bụi chân ai* (x. Internet, ngày 15/3/2016, Hội thảo Khoa học “Xuân Diệu với văn hoá dân tộc”).

⁴¹⁵ x. Đoàn Trung Côn, bộ *Phật học Từ điển*, 3 cuốn, NXB TP.HCM, 1992; Giáo hội Phật giáo Việt Nam, bộ *Từ điển Phật học Hán Việt*, 2 cuốn, NXB Phân viện nghiên cứu Phật học, Hà Nội, 1992; Thích Minh Châu - Minh Trí, *Từ điển Phật học Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.

⁴¹⁶ x. Đây là câu 2658 trong Truyện Kiều. Sư Giác Duyên nói với Thuý Kiều: “*Sự rằng phúc họa đạo trời, Cõi nguồn cũng ở lòng người mà ra. Có trời mà cũng tại ta, Tu là cõi phúc tình là dây oan*”.

căn bản, quấy nhiễu thân tâm, đầu độc con người là tham-sân-si, vì tình yêu, hiểu theo nghĩa tình dục, làm cho người ta tham lam, giận dữ, ngu si và phải dùng các phương pháp đối phó như phép quán bất tịnh, quán từ bi, quán nhân duyên để giải trừ⁴¹⁷. Chắc hẳn còn nhiều bộ từ điển Phật giáo khác có thể đề cập đến định nghĩa tình yêu mà chúng tôi chưa có điều kiện để tham khảo.

- Nhiều người không biết tình yêu bắt nguồn từ đâu

Có những người tuy nhận ra tình yêu chân thật và giá trị tốt đẹp của nó, nên đã yêu thương, nhưng họ lại đau khổ, không đi trọn được đường tình do bị lừa dối, phản bội. Có người bị quan hơn lại cho những khổ đau đó là lẽ thường tình của kiếp người vô thường. Tình yêu chỉ đem lại thứ hạnh phúc nửa vời nên cho rằng:

*Tình chỉ đẹp khi còn dang dở
Đời mất vui khi đã vẹn câu thề*⁴¹⁸.

Trong cộng đồng của những người này ta chỉ gặp thấy những loại hạnh phúc dở dang, những niềm vui không trọn vẹn. Người ta vội vàng yêu nhau, sống thử với nhau như vợ chồng để khi sống thật lại ly dị vì những lý do nhỏ nhặt. Người ta có cùng một lúc rất nhiều những người tình để có thể chọn ra người "bạn trăm năm", nhưng lại không muốn gắn bó suốt đời, dù thề thốt với nhau hàng trăm lần với sự chứng giám của trời đất, núi sông.

- Những người biết rõ cội nguồn tình yêu

Một số người theo các tôn giáo độc thần như Do Thái giáo, Kitô giáo, Hồi giáo biết rõ cội nguồn của tình yêu là Thiên Chúa, là Đức Allah, nhưng họ không biết được tình yêu của Ngài cao cả, vô biên như thế nào. Họ mong muốn tình yêu của mình trong sáng, quảng đại, tốt đẹp nhưng họ biết không thể yêu được như vậy. Họ cần một tiêu chuẩn hay một Đấng nào đó dạy cho họ thật sự về tình

⁴¹⁷ x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, mục từ *Tham Sân Si*, tr.137.

⁴¹⁸ x. Lấy ý từ bài thơ *Ngập Ngừng* của thi sĩ Hồ Dzếnh trong tập thơ "Quê Ngoại", sáng tác năm 1943. Nguyên văn: "Tình mất vui khi đã vẹn câu thề, Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở".

yêu. Nhà thơ Công giáo Hàn Mặc Tử đã trả lời cho Xuân Diệu qua bài *Đà Lạt trắng mờ*, rằng:

*Ai hãy lặng thinh chớ nói nhiều
Để nghe dưới đáy nước hồ reo
Để nghe tơ liễu run trong gió
Và để nghe Trời giải nghĩa yêu*⁴¹⁹.

Tình yêu bằng bạc trong muôn loài và trong lòng người vì Trời đã đặt tình yêu của mình trong đó.

Kitô giáo nói rất rõ về tình yêu khác hẳn với tất cả các tôn giáo khác. Nhưng ít người tín hữu Kitô hiểu được ý nghĩa phong phú tuyệt vời và diễn tả được nó trong đời sống, nên họ vẫn chưa thuyết phục được nhiều người khác theo đạo của mình.

1.2. Đi tìm một định nghĩa tình yêu

1.2.1. Tình yêu bị hiểu lầm là tình cảm yêu đương nam nữ

Các văn nghệ sĩ, các triết gia, học giả, các nhà xã hội học, thần học, tín đồ các tôn giáo... nói rất nhiều đến tình yêu, nhưng hầu hết đều hiểu là tình cảm yêu đương nam nữ. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã thôi thúc mọi người "hãy yêu nhau đi":

*"Hãy yêu nhau đi quên ngày u tối
Dù vẫn biết mai đây xa lìa thế giới
Mặt đất đã cho ta những ngày vui với
Hãy nhìn vào mặt người lần cuối trong đời"*⁴²⁰.

Rồi người ta phân biệt tình yêu này với tình cha mẹ, tình huynh đệ, lòng ái quốc... dù mỗi người chỉ có một trái tim để yêu thương.

1.2.2. Định nghĩa tình yêu

Mở cuốn *Từ điển Tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên với sự cộng tác của các nhà ngôn ngữ học, chúng ta tìm được câu định nghĩa sau đây: "Tình yêu là tình cảm yêu mến, làm cho gắn bó mật thiết và có trách nhiệm với người, với vật", nghĩa thứ hai mới là "Tình cảm yêu

⁴¹⁹ x. Hàn Mặc Tử (1912-1940), tên thật là Phêrô Nguyễn Trọng Trí, sáng tác được 213 bài thơ. Các câu thơ này ở trong tập *Thu Thương (Thơ Điên)*, sáng tác năm 1937). Ông bị bệnh phong cùi, chết ở Quy Nhơn.

⁴²⁰ x. Trịnh Công Sơn, (1939-2001) với 236 ca khúc được phổ biến rộng rãi.

đương giữa nam và nữ"⁴²¹. Còn yêu là "có tình cảm dễ chịu khi tiếp xúc với một đối tượng nào đó, muốn gần gũi và thường sẵn sàng vì đối tượng đó mà hết lòng". Nghĩa thứ hai của yêu mới là "có tình cảm thắm thiết dành riêng cho một người khác giới nào đó, muốn sống chung và cùng nhau gắn bó cuộc đời". "Yêu đồng nghĩa với thương"⁴²².

1.2.3. Nghĩa "tình yêu" theo Do Thái giáo và Kitô giáo

Tôn giáo nhắc nhiều đến tình yêu là Do Thái giáo. Người Do Thái hiểu biết và cảm nhận được tình yêu⁴²³ của Thiên Chúa Giavê mà họ thờ kính⁴²⁴ nên họ cũng phải yêu mến đồng bào⁴²⁵ và cả ngoại kiều⁴²⁶, bằng tình yêu chân thành như tình yêu đối với Giavê⁴²⁷. Các tác giả Thánh Kinh mô tả tình yêu vợ chồng⁴²⁸, tình bạn⁴²⁹, tình yêu đối với lề luật Chúa⁴³⁰, với đền thờ Giêrusalem⁴³¹ ... bằng một từ duy nhất: *yêu* để dẫn mọi người đến cội nguồn tình yêu là chính Thiên Chúa.

Tuy nhiên, Kitô giáo mới là tôn giáo duy nhất xác định tình yêu là gì, phải yêu thương cụ thể như thế nào, tình yêu bắt nguồn từ đâu và dẫn con người đến đâu. Người Công giáo đã dựa trên giáo huấn về tình yêu này để xây dựng nền văn hoá đặc biệt của mình trong suốt 20 thế kỷ qua, kể từ lúc Đức Giêsu Kitô rao giảng Tin Mừng về tình yêu cứu độ của Thiên Chúa. Nền văn hoá này đã tác động mạnh mẽ đến các dân tộc ở các nước Âu Mỹ trong nhiều thế kỷ. Chỉ vài thế kỷ gần đây, khi nhiều người đặt tất cả niềm tin vào khoa học kỹ thuật, đề cao chủ nghĩa cá nhân và hưởng thụ vật chất, người ta mới ít quan tâm đến những giá trị tinh thần, trong đó có tình yêu.

⁴²¹ x. *Từ điển Tiếng Việt* 2013, mục từ *Tình yêu*, tr.1284.

⁴²² x. *Từ điển Tiếng Việt* 2013, tr.1492.

⁴²³ x. 2Sbn 2,11.

⁴²⁴ x. Xh 20,6.

⁴²⁵ x. Lv 19,18.

⁴²⁶ x. Đnl 10,19.

⁴²⁷ x. Đnl 6,5; 11,1.

⁴²⁸ x. 1V 11,1.

⁴²⁹ x. 1Sm 18,1.3; 20,17.

⁴³⁰ x. Tv 119.

⁴³¹ x. Tv 122

1.2.4. Lẫn lộn giữa tình yêu và tình thương

Riêng ở Việt Nam, người tín hữu Công giáo có nguy cơ bị lầm lạc khi họ lẫn lộn "tình yêu" với "tình thương", bắt nguồn từ việc phiên dịch thiếu chính xác các bản văn Thánh Kinh và các văn bản chính thức của Giáo Hội của vài nhóm dịch giả. Do ảnh hưởng của xã hội và các tôn giáo khác đã đồng hoá tình yêu là tình cảm yêu đương nam nữ, nên nhiều dịch giả Công giáo đã dùng từ "tình thương" để dịch từ *Agape* của tiếng Hy Lạp, từ *Caritas* và *Amor* của tiếng La Tinh hay *Love* của tiếng Anh.

Tuy nhiên, tình thương khác với tình yêu. Tình thương, theo gốc tiếng La Tinh là *Misericordia* và tiếng Anh là *Mercy*, không thể dùng lẫn lộn với từ "tình yêu", dù rằng "tình thương" bắt nguồn từ tình yêu. "Tình thương" được Từ điển Tiếng Việt định nghĩa: "*tình cảm thương yêu, chia sẻ và đùm bọc một cách thấm thiết*"⁴³² và nó mang một ý nghĩa thương xót: "*cảm thấy đau đớn, xót xa trong lòng trước một cảnh ngộ không may nào đó*"⁴³³.

Trong khoảng 20 năm gần đây, Giáo hội Công giáo cổ vũ phong trào "Lòng Chúa Thương Xót" nên người ta càng thích dùng từ tình thương thay cho tình yêu. Có tác giả lại kết hợp cả hai và tạo nên từ "tình yêu thương" để diễn tả tình yêu mang nhiều sắc thái của Thiên Chúa cũng như của con người.

Thật ra, khi đồng hoá tình yêu là tình thương, người ta đã làm nghèo nội dung của tình yêu, vì con người có thể chia sẻ, quan tâm, săn sóc người khác mà vẫn không yêu họ, như người vợ săn sóc người chồng đã phản bội mình. Đó là kiểu yêu nhau vì nghĩa chứ không phải vì tình. Hơn nữa, dùng từ như vậy có thể hiểu sai nghĩa thần học, vì khi nói "tôi thương Thiên Chúa" thì người ta lại hiểu lầm rằng Thiên Chúa đang gặp một cảnh ngộ bất hạnh nào đó đáng cho

⁴³² x. Từ điển Tiếng Việt 2013, mục từ *Tình yêu*, tr.1283.

⁴³³ x. Từ điển Tiếng Việt 2013, mục từ *Tình yêu*, tr.1256, mục từ *Thương* và mục từ *Thương xót*, tr.1237.

ta động lòng thương xót đối với Ngài. Tuy nhiên, Thiên Chúa có đầy đủ mọi sự, hoàn hảo và không cần đến lòng thương xót của ta!⁴³⁴

1.3. Giải thích tình yêu theo sinh lý học và tâm lý học

Đối với nhiều người, tim là biểu tượng của tình yêu bởi vì tim là bộ phận quan trọng trong hệ tuần hoàn. Tim bơm máu đi khắp cơ thể để nuôi sống toàn thân con người. Tình yêu cũng được coi là động lực quan trọng nhất đem lại sức sống và niềm vui.

Đối với các tôn giáo, nhất là Công giáo, “Trái tim”⁴³⁵ là thuật ngữ chỉ toàn thể nội tâm con người: vừa là trung tâm của cảm xúc⁴³⁶, vừa là nơi phát sinh tư tưởng⁴³⁷, diễn tả ý muốn hành động⁴³⁸ và cũng là nơi con người gặp gỡ Thiên Chúa⁴³⁹. Vì thế, người Công giáo tôn thờ “Thánh Tâm Chúa Giêsu” hay tôn kính “Trái tim Vẹn sạch Đức Mẹ Maria”.

Tuy nhiên, nếu muốn hiểu được các mức độ tình yêu, người ta phải phân tích hoạt động của bộ não và hệ thần kinh của con người vì khi ta biết rõ cảm xúc và suy tư của con người, ta sẽ hiểu tại sao con người lại lầm tưởng tình yêu là cảm xúc, là tình cảm, là tình dục và mới hiểu tình yêu bắt nguồn từ đâu.

Khi con người yêu một đối tượng nào đó, dù là đồ vật hay là con người, thậm chí là khoa học, tổ quốc, Thiên Chúa, thì họ yêu bằng cả con người của mình, nghĩa là với các giác quan, cảm xúc và nhận thức. Những yếu tố này xuất hiện trong hệ thần kinh. Hệ thần kinh gồm não, tuỷ sống và các tế bào thần kinh gọi là neuron. Hệ này cho phép chúng ta thích nghi được với hoàn cảnh chung quanh, cảm nhận được thế giới quanh mình và hoà hợp với nó⁴⁴⁰. Hệ này tiếp nhận thông tin từ tất cả bộ phận của cơ thể và đáp lại bằng các chỉ

⁴³⁴ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.136-137.

⁴³⁵ x. *Từ điển Công giáo*, 2019, mục từ *Con tim*, tr.7.

⁴³⁶ x. 1V 8,66; 1Sm 1,8.

⁴³⁷ x. 1V 5,9; Hc 17,6.

⁴³⁸ x. Et 7,10.

⁴³⁹ x. 1Sm 12,24; G 32,40.

⁴⁴⁰ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.295.

thị đến mọi mô và cơ quan⁴⁴¹. Vì thế, tình yêu con người được cảm nhận theo những mức độ khác nhau.

Yêu theo cảm giác

Tuỷ sống thu thập các thông tin từ thân mình và tay chân rồi chuyển chúng lên não. Các thông tin này càng đi lên cao, hướng đến các phần cao của não: chất trắng và chất xám ở vỏ não, thì càng tiến gần tới sự nhận biết có ý thức của con người.

Cảm giác là hình thức thấp nhất của nhận thức. Đó là những cảm nhận nhất thời, không được chủ thể yêu ý thức một cách rõ ràng. Cảm giác là quá trình tâm lý cho ta biết những thuộc tính riêng lẻ của sự vật đang tác động vào các giác quan của ta. Ví dụ: Người ta thấy thân thể người mình yêu xinh đẹp, thơm tho, giọng nói êm ái, làn da mát dịu, cặp môi ngọt ngào ... nên yêu thương. Nhưng khi thấy thân hình người tình biến dạng vì tai nạn, bệnh tật hay bốc mùi thối tha, họ xa tránh. Có người yêu nghề nghiệp vì được ngồi làm việc trong căn phòng sang trọng, mát mẻ, chứ không phải vì công việc mang lại ích lợi cho người khác.

Ngoài 5 giác quan chính như thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác, ta còn có cảm giác thăng bằng, đau đớn⁴⁴². Các thụ thể cảm giác phát đi các tín hiệu thần kinh từ cơ quan cảm giác như mắt, tai, lưỡi, mũi, da qua tuỷ sống, đến phần cao nhất của não là vỏ não, để từ đó phát ra các ý nghĩ, cảm nhận, học hỏi và ra quyết định có ý thức. Rất nhiều người đang yêu ở mức độ cảm giác này. Họ chỉ yêu cách thụ động để thu nhận vào mình theo cảm giác của cơ thể.

Yêu theo cảm xúc

Nhiều người yêu ở mức độ cảm xúc. Cảm xúc là những thái độ rung cảm của con người trước những sự vật hay hiện tượng có liên quan đến việc thoả mãn hay không thoả mãn những nhu cầu cá nhân. Có những người chỉ yêu cha mẹ vì được cho ăn, yêu nghề nghiệp vì kiếm được tiền bạc, yêu người khác vì được cho quà, yêu người tình vì được đáp ứng đòi hỏi sinh lý, yêu đất nước vì được hưởng lợi,

⁴⁴¹ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.302.

⁴⁴² x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.310.

yêu thân linh vì được ơn lành. Khi không còn những mối lợi, mà họ cảm nhận được qua giác quan, là họ trở thành một con người vô cảm: xa lạ với cha mẹ, người tình; thay đổi nghề nghiệp, quốc tịch, tôn giáo.

Theo tiến sĩ Paul Ekman, có 7 cảm xúc cơ bản của con người thể hiện giống nhau ở mọi nền văn hoá: vui, buồn, sợ hãi, giận dữ, ngạc nhiên, ghê tởm, khinh bỉ⁴⁴³. Cha ông chúng ta cũng nói đến 7 cảm xúc chính của con người là hỷ (vui), nộ (giận), ai (buồn), cụ (sợ), ái (yêu), ó (ghét), dục (muốn). Ngoài ra còn có các cảm xúc khác như: chán, hận, nhút nhát, quá khích, yêu thích, hưng phấn, tự tin do các nhà tâm lý khám phá gần đây.

Xét về lĩnh vực sinh lý, “não cảm xúc” là một thuật ngữ thường áp dụng cho hệ viền là một nhóm các phần nằm trên đỉnh của thân não, gồm: hạnh nhân, đồi thị, vùng dưới đồi, vom và các thể núm, các vùng hướng vào trong của vỏ não và hồi đai. Hệ viền chi phối khi có các cảm giác sâu kín và phản ứng mãnh liệt trong những lúc xúc động mạnh và lý trí khó có thể kiểm soát. Đặc biệt là vùng dưới đồi, nối não với hệ thống hormon, là trung tâm của những nỗ lực, bản năng, phản ứng trước những cảm xúc và tình cảm. Thí dụ: khi giận, tuyến thượng thận tiết ra chất adrenalin để thúc đẩy hành động bất ngờ; khi thích thú, hệ thần kinh trung ương và tuyến yên tiết ra chất endorphin.

Nhiều phần của hệ viền có liên quan đến việc hình thành ký ức. Vì thế, khi có cảm xúc mạnh, người ta có ký ức mạnh ngay lúc đó và lại có cảm xúc trước đây khi ký ức này được gọi lại⁴⁴⁴. Điều này khiến ta hiểu vì sao những cảm xúc mạnh như ngày đầu tiên đi học, lần đầu đi xe đạp, nụ hôn đầu đời, lần đầu ân ái, kỷ niệm ngày cưới... khiến người ta nhớ mãi. Hoặc một người chứng kiến cha mẹ mình bị tai nạn, mỗi khi trở lại quãng đường xảy ra tai nạn, thường nhớ

⁴⁴³ x. P. Ekman, *Emotions Revealed*, 2003; mạng internet 21/3/2017, Ngan Nguyen, *Tìm hiểu về 7 cảm xúc cơ bản*.

⁴⁴⁴ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.306.

lại hình ảnh, có những cảm xúc như khóc ngất do không làm chủ được mình.

Người yêu theo cảm xúc có thái độ chủ động để định hướng và thích nghi các hoạt động của mình. Họ sẵn sàng dấn thân và hành động khi có cảm xúc mạnh, nhất là bảo vệ người hay vật họ yêu thích và không muốn chia sẻ cho ai. Vì thế trong “tình yêu” con người ích kỷ, thường muốn loại trừ các tình địch!

Tuy nhiên, các cảm xúc đều mang tính chủ quan, nhất thời. Đối với một số người có chỉ số xúc cảm thấp (emotional quotient), họ thường không quan tâm bảo vệ “tình yêu” của mình và dễ dàng đánh mất khi có cảm xúc mạnh với người khác, vật khác. Điều này ta gặp thấy nơi những người chồng bỏ bê vợ mình khi quan hệ với những cô gái mãi mãi biết tạo những cảm xúc mạnh cho họ, hay ngược lại nơi những người vợ bỏ rơi chồng mình.

Trong lĩnh vực tôn giáo người ta thường có những cảm xúc mạnh qua những buổi cầu nguyện đông người, những bài thánh ca vang động mạnh mẽ vào tai họ, những cuộc hành hương đông đảo... Vì thế một tín đồ có thể bỏ đạo mình đang giữ để theo một tôn giáo khác nếu được tham dự các nghi lễ tạo cảm xúc mạnh hay theo đạo của tín đồ nào đáp ứng được những nhu cầu cá nhân của họ. Tuy nhiên những cảm xúc đó cần phải được nâng lên mức độ nhận thức để biến thành tình cảm thì mới phát triển được lòng đạo đức chân thực, lâu dài.

Yêu theo tình cảm

Mức độ cao hơn cả là yêu theo tình cảm. Tình cảm được hình thành trên cơ sở những cảm xúc của con người đối với đối tượng mình yêu. Khi chủ thể *nhận thức được nguyên nhân* tạo nên những cảm xúc đối với một đối tượng nhất định, trong một thời gian nhất định, có mối tương quan xã hội rõ ràng giữa con người với con người hay với một đối tượng nào đó, như khoa học, nghệ thuật, tôn giáo... thì cảm xúc yêu biến thành tình cảm lâu dài.

Ví dụ: một người vợ yêu chồng vì luôn ý thức cả hai đã gắn bó với nhau, có trách nhiệm với con cái, với gia tộc và được nối kết bởi bí

tích hôn nhân của tôn giáo. Một người biết yêu và tha thứ cho kẻ làm hại đời mình vì hiểu biết họ là anh chị em cùng một Cha Trên Trời. Một người yêu tổ quốc dám hy sinh mạng sống vì nhận ra các giá trị văn hoá mình có được là do cha mẹ ông bà tổ tiên để lại.

Căn cứ vào đối tượng, người ta phân loại tình cảm: tình yêu đôi lứa, tình cha mẹ, tình vợ chồng, tình quê hương, tình dân tộc, tình yêu nghề nghiệp, tình yêu thiên nhiên, tình yêu thần linh. Các tình cảm này là nguồn động lực kích thích con người hành động, tìm tòi chân lý, sáng tạo nghệ thuật, điều hoà đời sống cá nhân, thúc đẩy khoa học và làm cho đời sống con người được phát triển trọn vẹn. Tuy nhiên tất cả đều bắt nguồn từ một tình yêu của chủ thể.

Vì thế khi định nghĩa *tình yêu là tình cảm yêu mến, làm cho gắn bó mật thiết và có trách nhiệm với người với vật*", chúng ta đã thấy tình yêu của con người là một tổng thể phức tạp, vừa là một tình cảm làm cho người ta gắn bó mật thiết nhưng đồng thời lại có trách nhiệm với nhau. Thiếu phần ý thức trách nhiệm này, nó chỉ còn là những cảm giác hay cảm xúc nhất thời, làm cho con người bị lệ thuộc vào vật chất, không gian và thời gian. Chỉ có con người mới có tình yêu vượt qua mọi giới hạn vì được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa, được chia sẻ bản tính thần linh của Ngài.



Tuy nhiên vì tình yêu này đã bị tội lỗi phá huỷ cấu trúc tốt đẹp do Thiên Chúa ban tặng nên nó chiều theo những tham vọng, dục vọng

của bản năng, khiến con người càng ích kỷ, càng tìm nhiều thủ đoạn để loại trừ mọi “tình địch” nhằm chiếm hữu được đối tượng mình yêu. Từ đó gây nên những hậu quả vô cùng tai hại trong suốt dòng lịch sử loài người.

Ví dụ: một phụ nữ yêu chồng, nghi ngờ chồng phản bội nên đã thuê người theo dõi, lén chụp hình, ghi âm các cuộc nói chuyện. Người chồng biết chuyện, cảm thấy mình bị xúc phạm do người vợ không tin tưởng nên đã khinh thường vợ và cuối cùng ly hôn. Người vợ ích kỷ còn có thể thuê xã hội đen hại người khác vì nghi ngờ có quan hệ bất chính với chồng mình, thậm chí tạt acid hay gây tai nạn cho họ. Hành động như thế càng huỷ hoại tình yêu nơi người chồng và xúc phạm đến nhân phẩm người khác.

Cũng trong ví dụ trên, nếu người chồng nhận thức được người vợ là “bạn trăm năm” do Chúa kết hợp nên đã tha thứ, thì tình yêu của người này được nâng lên một tầng cao mới.

Đi tìm nguồn tình yêu

Điều khiến chúng ta kinh ngạc về bộ não con người và đặt câu hỏi là những nhận thức về mối quan hệ với đối tượng mình yêu bắt nguồn từ đâu, những nhận thức về hoàn cảnh, những phân biệt giữa các tình cảm đủ loại bắt nguồn từ đâu? Những chức năng như tổng hợp, phân tích, điều phối, thích nghi đến từ nơi nào? Bởi vì nếu ta phân tích việc truyền tín hiệu thần kinh trong các neuron, chúng ta sẽ chỉ thấy đó là các dạng xung động điện rất nhỏ.

Những xung động điện và các chất dẫn truyền trong bộ não của con người có thể nói là giống nhau, nhưng mức độ nhận thức về tình cảm nơi mỗi người lại rất khác nhau. Có người yêu cha mẹ vì hiểu được rằng cha mẹ sinh thành, dưỡng dục mình chứ không phải chỉ cho ăn (ở mức độ cảm giác), hay chiều chuộng theo sở thích của mình (ở mức độ cảm xúc). Nếu đi xa hơn về nhận thức, người đó yêu cha mẹ vì là hình ảnh của Thiên Chúa, vì vâng theo điều răn của Thiên Chúa, dù cha mẹ họ già yếu, bệnh tật, khó tính, bất công với họ (ở mức độ tình cảm). Tất cả những nhận thức đó đều cần thiết để giúp cho con người nâng cao giá trị tình yêu của mình. Tình yêu của

họ không còn bị lệ thuộc vào vật chất, không gian và thời gian để bước vào lĩnh vực tinh thần. Vì thế tình yêu của họ mang tính vĩnh hằng và bất diệt!

Điều chúng ta ghi nhận ở đây là trong bộ não con người, ta không thấy có chỗ nào chứa đựng nhận thức về trách nhiệm, tự do, hạnh phúc, tình yêu... Tất cả chỉ là những xung điện và chất dẫn truyền thần kinh dưới dạng các phân tử hoá học. Vậy chúng bắt nguồn từ đâu? Câu trả lời không thể tìm thấy nơi con người và khoa học hiện đại, nên phải tìm về nguồn của mọi hiện hữu là Thiên Chúa, là Trời như nhà thơ Hàn Mặc Tử và nhiều người tin tưởng. Chỉ Đấng đó mới giải nghĩa được tình yêu nơi con người và vạn vật trong vũ trụ.

2. Tình yêu thật sự và toàn diện theo Kitô giáo

Nền nhân bản Kitô đặt tình yêu là giá trị căn bản cho mọi hoạt động của con người, vì tình yêu là bản chất cao cả nhất được Chúa ban cho con người thuộc giới tinh thần có ý thức và tự do⁴⁴⁵.

2.1. Tình yêu là bản chất của muôn loài

Thiên Chúa vì yêu thương nên đã tạo dựng muôn loài để chia sẻ cho mọi loài thụ tạo những gì tốt đẹp của mình, trong đó tình yêu là ân huệ cao cả nhất. Chính vì Ngài yêu thương nên từng giây phút sống, ta đều nhận được ân huệ sự sống, tình yêu, tri thức, niềm vui, chân thiện mỹ và tất cả những giá trị hiện hữu khác. Vì thế không phải chỉ con người có tình yêu, mà vạn vật cũng có tình yêu. Tình yêu của con người đặt nền tảng trên sự nhận thức, còn tình yêu của vạn vật đặt nền tảng trên bản chất của mỗi loài. Thánh GH Gioan Phaolô II đã xác định: "*Tình yêu là ơn gọi căn bản và thuộc bản tính của con người*"⁴⁴⁶.

Ta cảm nhận được tình yêu của Thiên Chúa tràn ngập khắp nơi qua từng cánh hoa, ngọn cỏ, gió mát, trăng thanh như Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử. Khi Thiên Chúa đặt tình yêu vào bản chất của vạn vật cũng như bản tính của con người, Ngài chia sẻ tình yêu là bản tính của

⁴⁴⁵ x. *TLHTXHC*, số 9, 46, 65.

⁴⁴⁶ x. Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio*, 11: AAS74 (1982), 92; *GLHTCG*, số 2392.

Ngài cho muôn loài, nhờ đó ta thấy muôn loài yêu thương nhau. Nhìn những bông hoa rất đẹp trong vườn, chúng tỏa hương, khoe sắc cho ta mà đâu có đòi ta 1 xu nào! Tình yêu của chúng rất quảng đại và trong sáng.

Vạn vật trong trời đất cũng thế, không vật chất nào trong thế giới tự nhiên đứng một mình. Ví dụ: Nước. Nếu phân tích ra, chúng là Hydro và Oxy. Chúng yêu nhau nên gắn bó với nhau thành nước. Nước đó cho ta uống, chẳng đòi hỏi gì ta. Trong bữa ăn hằng ngày, ta cảm nghiệm được tình yêu của muôn loài thụ tạo hy sinh sự sống cho ta vì bản chất của chúng là tình yêu. Vì thế, ta được mời gọi cảm nhận được tình yêu của Thiên Chúa trong vạn vật và bắt chước chúng để yêu cách trong sáng và quảng đại hơn.

2.2. Yêu như Đức Giêsu

Đối với người Do Thái, yêu Đức Giavê là giữ đúng luật của Ngài. Vì thế, khi nhà thông luật hỏi Chúa Giêsu: “Tôi phải làm gì để được sự sống đời đời”, nghĩa là đạt được sự sống kỳ diệu, phi thường của Thiên Chúa, Chúa Giêsu nói: “Ông hãy giữ luật”. Nhà thông luật hiểu luật đó là “yêu Đức Chúa hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực, hết trí khôn và yêu tha nhân như chính mình”. Luật tình yêu không phải ở trên trời hay ở biển xa nào đó, nhưng được Thiên Chúa đặt trong chính lòng con người, ngay trên môi miệng con người⁴⁴⁷ cũng như trong bản chất của vạn vật. Yêu như vậy mới cảm nghiệm được sự sống kỳ diệu của Thiên Chúa⁴⁴⁸.

Chúa Giêsu còn gợi ý cho ta nâng tình yêu lên bậc cao hơn. Nếu ta muốn sống đời đời, muốn chia sẻ sự sống kỳ diệu, vĩnh hằng, phi thường của Thiên Chúa, ta hãy yêu như Người vì Người là tình yêu cụ thể của Thiên Chúa⁴⁴⁹. Thiên Chúa là tinh thần, nên chúng ta không biết được tình yêu của Ngài cao cả, vô biên như thế nào. Nhưng khi Thiên Chúa cho Con của Ngài trở thành người, là Đức Giêsu, Ngài dạy cho ta bài học tình yêu rất cụ thể. “Đây là Con ta

⁴⁴⁷ x. Đnl 30,10-14, TLHTXHC, số 32, 32, 160, 196.

⁴⁴⁸ x. Lc 10,25-28.

⁴⁴⁹ x. TLHTXHC, số 29, 491.

yêu dấu, hãy vâng nghe Lời Người⁴⁵⁰. Đức Giêsu dạy ta: “*Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em*”⁴⁵¹.

Đức Giêsu yêu cho đến nỗi chết trên thập giá, đổ máu đào cho mọi loài thụ tạo để hoà giải chúng với Chúa Cha. Nhờ sự hoà giải của Người, mọi người mọi vật đều là anh chị em của nhau, thành chi thể trong thân thể mẫu nhiệm của Người⁴⁵². Khi chúng ta yêu thương nhau một cách trọn vẹn như Người, ta sẽ cảm nghiệm được sự sống diệu kỳ sung mãn của Thiên Chúa⁴⁵³. Vì thế, *mức độ cao nhất là yêu như Chúa Giêsu*.

Tình yêu của Đức Giêsu chính là tình yêu mang tính sáng tạo của Chúa Cha, cứu độ của Chúa Con và thần hoá của Chúa Thánh Thần⁴⁵⁴. Vì thế, tình yêu của người tin vào Đức Giêsu luôn mang 3 đặc điểm sáng tạo, cứu độ, thần hoá như chúng ta đã bàn đến ở bài 5 “Con đường tình yêu”.

Tình yêu này tuy ở trong con người để họ vẫn rung động theo cảm giác, cảm xúc, cảm tình của con người, nhưng lại đưa họ mở ra với siêu việt và hướng tới vô biên, để không còn bị lệ thuộc vào đối tượng, vật chất, không gian và thời gian⁴⁵⁵. Đó là tình yêu của Đức Giêsu Phục Sinh khi sống lại từ cõi chết, hiện ra với các môn đệ dù cửa nhà họ đều đóng kín, ở bất cứ nơi đâu, vào bất cứ lúc nào⁴⁵⁶.

Người yêu theo tình yêu này không đóng kín vào một đối tượng nào, nhưng mở ra cho muôn loài, muôn vật. Họ yêu từng người bằng tình yêu trọn vẹn của mình, nhưng đồng thời yêu mọi người mà không loại trừ ai, người lành cũng như kẻ dữ, người xinh đẹp cũng như kẻ xấu xí, người thánh thiện cũng như kẻ tội lỗi.

Tình yêu của họ tồn tại mãi theo năm tháng chứ không chỉ trăm năm, và nguyên vẹn dù ở bất cứ nơi nào chứ không phải xa mặt,

⁴⁵⁰ x. Mc 9,7.

⁴⁵¹ x. Ga 15,12, *TLHTXHCG*, số 54, 580.

⁴⁵² x. *TLHTXHCG*, số 34.

⁴⁵³ x. Cl 1,15-20.

⁴⁵⁴ x. *TLHTXHCG*, số 31,34,54.

⁴⁵⁵ x. ĐGH Bênêdictô XVI, *TĐ Thiên Chúa là tình yêu- Deus est Caritas*, số 8.

⁴⁵⁶ x. *TLHTXHCG*, số 30, 34, 121, 431.

cách lòng! Tình yêu của họ luôn phát triển vì Thiên Chúa vĩnh hằng cho họ được hoà nhập vào tình yêu của Ngài. Họ cũng không bao giờ tuyệt vọng về tình yêu đến nỗi tự tử như Trịnh Công Sơn mô tả “*Một dòng sông nước cuốn một cuộc tình không may*” trong bài *Tình sâu* của mình. Dù có bị người tình phản bội, họ vẫn chung thủy cho đến chết vì hiểu rằng tình yêu của mình trường tồn mãi mãi với Thiên Chúa.

Như thế, những vấn nạn về tình yêu đã được giải đáp, bởi vì tình yêu là bản tính của Thiên Chúa được ban cho con người chứ không phải là những nhịp đập tự nhiên của trái tim con người. “*Chúa Cha đã đổ tình yêu vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần Ngài ban cho chúng ta*”⁴⁵⁷. Thánh Thần Tình Yêu đã nối kết Ngôi Cha, Ngôi Con lại với nhau thì cũng nối kết ta lại với Thiên Chúa. Nhờ đó, ta mới có thể yêu cách trong sáng và quảng đại như Chúa Giêsu.

Có những lúc vì muốn trung thành với tình yêu, ta sẽ gặp những thiệt thòi, mất mát, nhục nhã, thậm chí phải hy sinh mạng sống. Nhưng vì Thiên Chúa tình yêu nhìn thấu tất cả, nên hành động yêu nào của ta cũng được Ngài ban thưởng và tồn tại mãi với Thiên Chúa. Niềm xác tín này sẽ biến các tín hữu thành những *nhà cách mạng bằng tình yêu* như ĐGH Phanxicô đã từng nhắc nhở.

2.3. Tình yêu trong Học thuyết Xã hội Công giáo

Học thuyết Xã hội Công giáo xác định ngay từ đầu: “Học thuyết này có một mối thống nhất rất sâu xa, bắt nguồn từ niềm tin vào một ơn cứu độ toàn diện và trọn vẹn, từ niềm hy vọng vào sự sung mãn của công lý và từ tình yêu sẽ làm cho mọi người trở thành anh chị em với nhau trong Đức Kitô. Đó cũng chính là dấu hiệu của tình yêu Thiên Chúa dành cho thế giới, một thế giới đã được Ngài yêu thương tới mức “ban tặng cả Con Một của mình”⁴⁵⁸. Luật yêu thương⁴⁵⁹ mới mẻ này bao trùm lên cả gia đình nhân loại và là luật không có giới

⁴⁵⁷ x. Rm 5,5.

⁴⁵⁸ x. Ga 3,16.

⁴⁵⁹ x. *TLHTXHCG*, số 3.

hạn, vì ơn cứu độ do Đức Kitô thực hiện được công bố rộng rãi “tới tận cùng trái đất”⁴⁶⁰.

“Khi khám phá ra mình được Thiên Chúa yêu thương, người ta mới hiểu được phẩm giá siêu việt của mình, biết như thế không phải để mình hài lòng với mình mà còn để đến gặp người khác qua một mạng lưới quan hệ ngày càng nhân bản hơn. Những người này, khi đã được tình yêu Thiên Chúa đổi mới, có thể thay đổi các luật lệ và chất lượng của các mối quan hệ, thậm chí làm chuyển biến cả các cấu trúc xã hội, khiến cho xã hội càng ngày càng ổn định, bình an và huynh đệ hơn”⁴⁶¹.



“Tình yêu Kitô giáo sẽ đưa chúng ta tới chỗ tổ cáo, đề nghị và dẫn thân vào những dự án văn hoá và xã hội. Tình yêu này thúc đẩy sự hoạt động tích cực để tất cả những ai thành thật coi trọng ích lợi của con người đều muốn góp phần của mình”⁴⁶².

Học thuyết Xã hội Công giáo xác định như Công đồng Vaticanô II rằng: “Con đường tình yêu trời vượt hơn cả⁴⁶³ vì tình yêu là tiêu chuẩn cao nhất và phổ quát nhất của toàn bộ nền đạo đức xã hội”⁴⁶⁴. Chính từ cội nguồn yêu thương sâu xa này mà các giá trị như sự thật, tự do và công lý đã khai sinh và phát triển⁴⁶⁵.

⁴⁶⁰ x. Cv 1,8.

⁴⁶¹ x. TLHTXHCG, số 4.

⁴⁶² x. TLHTXHCG, số 6.

⁴⁶³ x. 1Cr 12,31.

⁴⁶⁴ x. TLHTXHCG, số 204.

⁴⁶⁵ x. TLHTXHCG, số 205.

Hơn nữa, “tình yêu không phải chỉ là cảm xúc nhưng còn là một *nhân đức*, một năng lực được thủ đắc bằng huấn luyện”⁴⁶⁶. Người tín hữu Kitô đã từng có thời nghĩ rằng tình yêu hay đức ái là ân huệ của Thiên Chúa, mình chỉ cần cầu nguyện mà không cần đào tạo hay huấn luyện cho mình hay cho người khác. Học thuyết Xã hội nhắc nhở Kitô hữu phải tự đào tạo mình để tình yêu của họ ngày một trong sáng, quảng đại hơn trong mọi lĩnh vực và mọi quan hệ xã hội, như ta đã nói đến trong nền nhân bản Kitô vì tình yêu gắn bó với sự thật, mà sự thật về con người, về vạn vật có thể thay đổi, nên tình yêu cũng phải biến đổi theo.

“Người Kitô hữu phải trở nên ngày càng can đảm và mạnh dạn hơn, đồng thời thêm ngay chính và yêu thương hơn”⁴⁶⁷. Thánh Phaolô đã xác định những đặc tính phải luyện tập để tình yêu thật sự là một nhân đức đặc biệt của Kitô hữu trong bài ca đức ái: “Tình yêu thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. Tình yêu tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả”⁴⁶⁸.

Điểm đặc biệt của Học thuyết Xã hội Công giáo là đã đưa tình yêu vào lĩnh vực xã hội và chính trị như một đòi hỏi thiết yếu và tất nhiên cho mọi hoạt động của Kitô hữu. Do đó phát sinh một từ mới: “*bác ái chính trị và xã hội*”. Bác ái là “yêu rộng”. Tình yêu được người tín hữu diễn tả trong những lĩnh vực xã hội và chính trị không còn là hành vi mang tính cá nhân, thực hiện trong quan hệ riêng tư, để đáp ứng nhu cầu nào đó “tại đây và lúc này” như việc bác ái từ thiện họ vẫn thường làm.

Nhưng tình yêu đó phải đưa họ đi xa hơn, trải rộng hơn trên mọi quan hệ của con người trong cộng đồng chính trị và xã hội, đòi hỏi họ phải tổ chức và xây dựng các cơ cấu mới để thay đổi các trung gian xã hội

⁴⁶⁶ x. *Docat*, câu 16.

⁴⁶⁷ x. *Docat*, câu 16.

⁴⁶⁸ x. 1Cr 13,1-13.

hay xoá bỏ những nhân tố đã gây ra những cảnh túng thiếu, bất an trong xã hội. Thí dụ: họ phải liên kết để thiết lập những công ty, xí nghiệp mới sản xuất tốt hơn, không tàn phá môi trường, tham gia các nghiệp đoàn để bảo vệ quyền lợi người lao động, người nhập cư...⁴⁶⁹. Có như thế chúng ta mới hy vọng xây dựng được nền văn minh tình yêu cho dân tộc và nhân loại.

3. Nền văn minh tình yêu

3.1. Giải thích từ ngữ

Lịch sử nhân loại đã chứng kiến nhiều nền văn minh. Văn minh là trình độ đạt được trong sự phát triển văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần của loài người qua từng giai đoạn lịch sử⁴⁷⁰. Văn minh là điểm sáng của vẻ đẹp, của giá trị, là đỉnh cao của văn hoá.

Người ta thường chia thành văn minh cổ đại và văn minh hiện đại. Văn minh cổ đại tiêu biểu là sự phát triển rực rỡ của các quốc gia cổ đại như Ai Cập, Hy Lạp, La Mã hoặc Maya, Inca ở châu Mỹ, Hồ Sát ở châu Phi. Văn minh hiện đại được chia thành văn minh công nghiệp và văn minh tin học. Tuy nhiên, các nền văn minh ấy còn lại gì ngoài những đồng gạch đá đồ nát và tàn tích ở khắp nơi!

Lịch sử loài người đã chứng minh rằng con người càng đặt nền văn minh dựa trên giá trị vật chất, gắn bó nhiều với sức mạnh của thiên nhiên, của chính con người hay của khoa học kỹ thuật, thì con người càng sống trong sự bất an và lo sợ vì những cuộc chiến tranh huỷ diệt tương tàn⁴⁷¹. Những quả bom hạt nhân nổ ở Hiroshima và Nagasaki năm 1945 ở Nhật Bản là một thí dụ điển hình! Vì thế, GHCG cổ vũ cho một nền văn minh mới: văn minh tình yêu.

Cụm từ văn minh tình yêu được ĐGH Phaolô VI nói đến đầu tiên⁴⁷², rồi được ĐGH Gioan Phaolô II nhắc đến nhiều lần⁴⁷³. Kể từ đó, từ

⁴⁶⁹ x. *TLHTXHC*, số 207-208.

⁴⁷⁰ x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, mục từ *Văn minh*.

⁴⁷¹ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, bài "Xây dựng nền văn minh tình yêu", tr.292.

⁴⁷² x. Thông điệp *Ngày Hoà bình Thế giới* năm 1977.

⁴⁷³ x. Thông điệp *Centessimus Annus* (Bách Chu niên), năm 1991, số 10; *Ngày Giới trẻ Thế giới 1995* tại Manila, Philippines.

này càng ngày càng được phổ biến trong các văn kiện của Giáo hội Công giáo⁴⁷⁴. GHCGVN cũng đã công bố đường hướng xây dựng nền văn minh này qua Đại hội Dân Chúa năm 2010 trong Thư chung "Cùng nhau bồi đắp nền văn minh tình yêu và nền văn hoá sự sống".

3.2. Văn minh tình yêu

Khi cở vũ cho nền văn minh lấy tình yêu là nền tảng để xây dựng mọi mối tương quan của con người, là tiêu chuẩn để phán đoán mọi hành động nhân linh và là cùng đích mọi hoạt động của con người hướng đến, Giáo hội Công giáo muốn xây dựng một nền nhân bản toàn diện và liên đới cho con người⁴⁷⁵.

Tình yêu này không phải chỉ là những cảm giác, cảm xúc, cảm tình nơi con người, dù mãnh liệt nhưng vẫn bị giới hạn bởi vật chất, không gian và thời gian. Nhưng đây là một thực thể siêu việt, vĩnh hằng, vô biên, vô tận, là chính tình yêu của Thiên Chúa. "Tình yêu siêu việt của Thiên Chúa là khởi đầu cho 'một nền văn minh tình yêu' theo lời dạy của các Thánh GH Phaolô VI và Gioan Phaolô II, tất cả mọi người đều có thể góp phần kiến tạo nền văn minh ấy"⁴⁷⁶. "Người Công giáo có sứ mệnh biến đổi xã hội thành một nền văn minh tình yêu"⁴⁷⁷.

Khi con người coi tình yêu là nguồn lực cho mọi hoạt động của mình, là phương tiện cần thiết dùng để hoàn thành các hành động ấy và là mục đích tối hậu cho mọi hoạt động của con người và xã hội nơi trần thế, chắc chắn nền văn minh tình yêu sẽ làm cho mỗi người hay cộng đồng xã hội ngày càng liên kết với nhau, cảm nhận được niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống ở trần thế, nếm hưởng trước niềm vui và hạnh phúc của thiên đường.

⁴⁷⁴ x. *TLHTXHC*, số 103, 391, 582; *Docat*, số 14 tr.23, số 51 tr.63, số 102 tr.102-111, số 275 tr.255, số 276 tr.256, số 278 tr.257, số 319 tr.290.

⁴⁷⁵ x. *Cảm nang Tân Phúc Âm hoá*, bài "Xây dựng nền văn minh tình yêu", tr.292; *TLHTXHC*, số 1-19, 20-59, 105-159.

⁴⁷⁶ *Docat*, số 14 tr. 23.

⁴⁷⁷ *Docat*, số 319 tr. 290.



Chúng ta biết rằng nền văn minh tình yêu này cần nhiều thời gian để thiết lập cho mọi con người, nhất là thuyết phục các dân tộc chưa nhận biết Thiên Chúa đón nhận tình yêu Thiên Chúa. Tuy nhiên, khi chúng ta hiểu tình yêu là bản chất tự nhiên đã được Thiên Chúa ban cho muôn loài, thì việc xây dựng nền văn minh tình yêu không còn phải là chuyện ảo tưởng hay mơ mộng hão huyền, mà là một thực tại có sẵn, chỉ cần con người chúng ta nhận thức và phát huy nó ra trong đời sống.

Rồi khi ta hiểu được Đức Giêsu là tình yêu cụ thể của Thiên Chúa, thì việc xây dựng nền văn minh này chỉ còn là việc kêu gọi mọi người tin tưởng vào và gắn bó với Đức Giêsu. Chính Người sẽ chuyển thông cho ta tình yêu Thiên Chúa nhờ Thánh Thần Người ban cho mỗi người khi ta thờ được Thần Khí từ trời.

Tuy nhiên ta cũng nên xác định thêm rằng, Thánh Thần Tình yêu này phải đi kèm với sự thật là chính Đức Giêsu Kitô, như ĐGH Bênêđictô XVI đã lưu ý trong Thông điệp *Caritas in Veritate* của ngài. Thánh Thần Tình yêu sẽ giúp cho những ai xây dựng nền văn minh này hiểu được sự thật về vạn vật, về con người và về Thiên Chúa để nền văn minh này thật sự tốt đẹp và bền vững.

Lời kết

Quả thật, *“con người không thể sống thiếu tình yêu. Nếu tình yêu không được tỏ bày cho con người, nếu con người không tìm gặp tình*

yêu, nếu con người không thể cảm nghiệm và tiếp nhận tình yêu, nếu con người không tham dự mật thiết vào tình yêu, thì con người vẫn là một hữu thể không hiểu nổi chính mình”⁴⁷⁸.

Chỉ khi nào nền văn minh tình yêu ngự trị, nhân loại mới có thể hưởng một nền hoà bình chân chính và vững bền⁴⁷⁹.

Câu hỏi gợi ý

1. *Bạn nghĩ tình yêu là gì?*
2. *Bạn thử tự kiểm xem tình yêu của mình đang ở mức độ nào: cảm giác, cảm xúc, cảm tình thấm thiết và có trách nhiệm?*
3. *Tình yêu chân thật có những đặc tính nào?*
4. *Tình yêu trọn vẹn đưa con người và nhân loại tới đâu?*
5. *Văn minh tình yêu là loại văn minh nào?*

Bài 11

Những con người tự do

Lời mở

Tự do là một giá trị căn bản được Liên Hiệp Quốc xác định ngay trong Điều 1 của Bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền⁴⁸⁰ năm 1948: “Mọi người sinh ra tự do và bình đẳng về phẩm cách và quyền lợi, có lý trí và lương tri, và phải đối xử với nhau trong tình bác ái”. Tuy nhiên, tự do là một giá trị cao quý đến nỗi con người khó lòng đạt được trọn vẹn trong suốt dòng lịch sử nhân loại.

⁴⁷⁸ x. Thông điệp *Redemptor Hominis* (1979), số 10; *Docat*, NXB Tôn Giáo, 2017, tr.28.

⁴⁷⁹ x. Thánh Gioan Chrysostom; *TLHTXHC*, số 582.

⁴⁸⁰ x. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Tuyen-ngon-quoc-te-nhan-quyen-1948-65774.aspx>.

Người Việt Nam tìm nó còn khó khăn hơn. Sau 11 thế kỷ bị người Trung Quốc đô hộ, 10 thế kỷ tiếp theo sống dưới chế độ quân chủ chuyên chế, cho tới năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập”⁴⁸¹.

1. Những kiểu tự do trong đời sống con người

Sau khi con người được giải thoát khỏi sức mạnh của thiên nhiên và vạn vật nhờ đầu óc biết suy tư của mình, con người luôn khao khát tự do, nhưng mỗi người lại hiểu và sống tự do theo ý của mình. Tự do là một khái niệm luôn gây ra những căng thẳng và xung đột trong đời sống cá nhân cũng như xã hội.

1.1. Tự do cá nhân: con người muốn cõi trời cho chính mình

Trong nhiều thế kỷ, con người bỏ quên chính mình, quy hướng mọi sự về thần linh, về Thiên Chúa, vì nghĩ rằng chỉ có thần linh mới có giá trị và tồn tại mãi mãi. Chính các thần linh định đoạt số phận con người. Vì thế, con người muốn được tự do, thoát khỏi những ràng buộc của tôn giáo, nhất là khi quyền lực của tôn giáo liên kết với quyền lực chính trị, làm con người mất nhiều quyền căn bản như ta thấy phụ nữ trong một số nước hiện nay.

Có những người theo thuyết định mệnh cho rằng Trời đã an bài, sắp đặt từ trước mọi biến cố xảy ra trong đời sống của mỗi người hay của toàn thế giới, nên con người phải cúi đầu chấp nhận số phận, có phản kháng cũng vô ích. Mỗi người đều có một ngôi sao chiếu mệnh. Con người hoàn toàn thụ động trước thần linh, làm nô lệ cho thần linh, nên không thể có tự do. Nhiều tín hữu Công giáo lại tưởng lầm đó là sự quan phòng hay an bài của Thiên Chúa mà họ phải tuyệt đối vâng theo.

Khi khám phá thấy mình có nhiều tài năng tinh thần như ý chí, lý trí, tình cảm, con người muốn được tự do để thoả mãn mọi nhu cầu. Con người thấy rằng những khái niệm về “tự do, định mệnh” chỉ là

⁴⁸¹ x. https://special.nhandan.vn/tuyengondoclaph_toanvan/index.html.

các phạm trù triết học bị xã hội hay tôn giáo làm cho sai lệch, khác xa với những trải nghiệm cụ thể thường ngày của con người. Ví dụ hai người khác biệt về tôn giáo, đẳng cấp xã hội như ở Ấn Độ hay những người đồng tính hoặc chuyển giới cũng muốn được tự do kết hôn với nhau dù bị tôn giáo hay xã hội ngăn cản.



Con người là một ngôi vị, một cá nhân với các đặc điểm riêng tư, muốn hành động, cảm nghiệm và sống như một người tự do, không bị hạn chế vô lý trong bất cứ chọn lựa nào của mình. Đây là hướng đi chung của một nhóm triết gia theo Chủ nghĩa Hiện sinh xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Các nhà tư tưởng này nhìn nhận giá trị hàng đầu của con người là “tự do” và tiêu chuẩn đạo đức hàng đầu là “sự chân thực”. J.P. Sartre đã minh chứng cho hành động tự do chọn lựa và lòng chân thực khi từ chối giải thưởng Nobel Văn chương năm 1964 do Viện Hàn Lâm Thụy Điển trao cho ⁴⁸².

Chủ nghĩa hiện sinh trở nên phổ biến vào những năm sau Thế chiến II, vì con người thật sự khủng hoảng khi thấy bao nhiêu triệu nhà cửa, ruộng vườn, cơ nghiệp xây dựng cả đời người bị bom đạn tàn phá trong chớp mắt, hàng chục triệu người chết vì những viên đạn vô tình sau cả một đời cố gắng học hành, làm việc. Tất cả những cố gắng của con người như thế đều có vẻ phi lý. Vì vậy người ta hô hào hãy hưởng thụ hạnh phúc, hãy sống trọn vẹn lúc này (hiện sinh) bằng một sự chọn lựa không bị ràng buộc bởi bất cứ luật lệ nào.

⁴⁸² x. Tuyên bố từ chối giải Nobel của J.P. Sartre, Internet, 14/12/2017.

J. P. Sartre đã diễn tả cái phi lý của cuộc sống qua tác phẩm tiêu biểu *La nausée* (Nausea) (Buồn nôn) xuất bản năm 1938⁴⁸³. Trong đó, qua nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết là Roquentin, ông nhìn sự hiện hữu mang tính làm li, ngẫu nhiên, xám xịt, không thể hiểu được. Nó giống như những chiếc rễ cây bần thui, vô nghĩa, trôi lên mặt đất trong công viên, làm cho người ta liên tưởng đến các bãi phân chó khô và buồn nôn! Chủ nghĩa này càng phổ biến hơn khi gợi ý cho các văn nghệ sĩ, các triết gia, các nhà tâm lý học, phân tâm học và thần học có những sáng tác, suy tư, nói lên thực trạng bi đát của đời người.

Những khám phá mới của tâm lý học, phân tâm học về những dồn nén, ức chế gây nên bệnh tật, lại càng thúc đẩy con người đưa tự do của mình đến mức độ hầu như tuyệt đối, “xem tự do như là quyền làm bất cứ điều gì mình thích, kể cả điều xấu”⁴⁸⁴, thoả mãn mọi bản năng dục vọng đã bị tội lỗi làm tổn thương, thậm chí làm chủ cả sự sống và cái chết của mình để tự tử như là một hành động hiện sinh cuối cùng trong sự phi lý của cuộc đời.

Vì chỉ thấy phi lý nên mọi mối tương quan của con người trong đời sống xã hội không còn tốt đẹp và cởi mở. Con người sử dụng vạn vật hoàn toàn theo quyết định tự do của mình một cách vô độ và nguy hiểm cho sự sống, dẫn đến những thói nghiện ngập và tàn phá môi trường sống. Con người chối bỏ mối tương quan với Thiên Chúa vì cho rằng Thiên Chúa ngăn cản tự do của con người, khiến cho con người không còn thoả mái tự do làm theo ý mình.

Ví dụ đứng trước cơn khủng hoảng do dịch bệnh Covid-19 gây ra với 431 triệu người nhiễm bệnh và 5,93 triệu người chết, tính đến ngày 26/2/2022, nhiều người rơi vào cuộc khủng hoảng niềm tin như các nhà hiện sinh thời trước. Họ tự hỏi không lẽ Chúa ác độc đến độ tạo nên cái chết và lại là cái chết cho hàng triệu con người, trong đó có cả những người vô tội, sống đạo đức tốt lành? Rồi lời

⁴⁸³ x. NXB An Tiêm, in năm 1967, tại Sài Gòn; NXB Văn hoá Sài Gòn, tái bản năm 2008, tại TP.HCM.

⁴⁸⁴ x. *Gaudium et Spes*, số 17.

kinh cầu nguyện trong mấy năm trời của hàng triệu tín hữu, sao lại không đánh động được lòng Chúa xót thương? Chúa quyền năng vô cùng, sao lại bất lực trước thảm họa thiên nhiên hay tội ác?

Vì Ngài không giải thích cho con người nên con người đã chối bỏ Thiên Chúa nhân danh sự phi lý của hiện sinh. Nhiều người, vì không tìm hiểu sâu xa, nên đã bỏ cầu nguyện, bỏ dự lễ sau con dịch bệnh, không phải vì họ lười biếng, nhưng vì không giải toả được những câu hỏi về các thảm họa trong đời sống. Vì thế chúng ta cần tìm hiểu về tự do của con người và sự quan phòng thật sự của Thiên Chúa để có thể an bình như Chúa Giêsu bình thản nằm ngủ giữa cơn giông bão⁴⁸⁵.

Riêng ở Việt Nam, rất nhiều người vẫn nhớ thuộc lòng câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”⁴⁸⁶. Tuy nhiên nội hàm khái niệm “Tự do” cần được hiểu cách đúng đắn. Nhiều thiếu nhi và thanh thiếu niên nhận câu nói này như một nguyên tắc hướng dẫn hành động, mà không được giải thích đúng đắn, nên lớn lên đã có nhiều hành động sai trái khi đề cao tự do cá nhân của mình. Trong bối cảnh của phong trào đấu tranh đòi tự do cho dân tộc, câu nói này hợp lý, nhưng khi áp dụng vào đời sống thường ngày, cá nhân không thể viện dẫn câu nói để đòi hỏi quyền tự do được làm tất cả theo ý mình.

Ví dụ nhiều người nhân danh tự do cá nhân để vượt đèn đỏ, bất chấp luật lệ giao thông, sản xuất nông sản độc hại, pha thuốc tăng trọng vào thực phẩm cho heo gà, tôm cá gây nguy hiểm cho sự sống của người khác. Nhiều người mua loa phóng thanh với công suất lớn để hát karaoke, gây hại cho cuộc sống chung. Nhiều người hút thuốc lá ở nơi công cộng, làm nhà vệ sinh trên dòng sông, kênh rạch, tàn phá môi trường tự nhiên.

⁴⁸⁵ x. Mc 4,35-4.

⁴⁸⁶ x. Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 2/9/1945, và lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, tháng 12/1946.

Do đó, trước những quan niệm khác nhau về tự do cá nhân, chúng ta cần tìm hiểu tự do thật sự của con cái Thiên Chúa là gì và bao gồm nội dung nào.

1.2. Tự do cộng đồng: con người muốn giải phóng dân tộc

Trong lĩnh vực xã hội, tự do được hiểu như là “trạng thái của một dân tộc, một xã hội mà các thành viên không bị cấm đoán, hạn chế vô lý trong các hoạt động xã hội, chính trị như dưới các chế độ thực dân, chuyên chế, độc tài, để dân tộc được hưởng độc lập, tự do và các quyền tự do dân chủ”⁴⁸⁷.

Khi con người tập trung vào việc tổ chức xã hội mình sống cho tốt đẹp, văn minh, nhiều thể chế chính quyền được thiết lập để lo cho dân giàu, nước mạnh. Hầu hết các dân tộc cho đến thế kỷ XIX theo chính thể quân chủ và tin tưởng vua là “con trời”, là thiên tử, thay Trời hành đạo, nên có toàn quyền sinh sát trong tay. Khi quyền lực tập trung vào một con người hay vào một dòng họ tài giỏi nhưng kém đạo đức, quyền lực đó trở thành một phương tiện áp chế những người khác, những dòng họ khác hay những dân tộc yếu thế hơn. Rất nhiều người không còn được sống xứng đáng với phẩm giá con người, nhiều quyền lợi của họ bị tước đoạt, nhiều dân tộc trở thành nô lệ cho dân tộc khác. Vì thế, phát sinh phong trào giải phóng dân tộc, giải phóng con người, đòi quyền tự quyết cho dân tộc, đòi độc lập tự do và các quyền dân chủ.

Từ đầu thế kỷ XX, các đế quốc như Pháp, Anh, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan bắt đầu kiệt quệ và suy yếu vì hai cuộc Thế chiến, đành phải từ bỏ các thuộc địa của mình trước phong trào đấu tranh đòi quyền độc lập dân tộc của các nước ở châu Á, châu Phi: Ai Cập năm 1918, Trung Quốc năm 1919, Mông Cổ năm 1921, Thổ Nhĩ Kỳ năm 1922.

Sau năm 1945, phong trào này còn mạnh mẽ hơn nữa, nhất là sau chiến thắng ở Điện Biên Phủ của Việt Nam năm 1954. Hệ thống các nước thuộc địa tan rã nhanh chóng ở các nước Đông Nam Á, châu

⁴⁸⁷ x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, q.4, mục từ *Tự do*, tr.716, “*tự do biển cả*”, “*tự do hàng hải*” tr. 717.

Phi và châu Mỹ Latinh. Hơn nữa, phong trào này còn nhận được sự hỗ trợ về mặt tư tưởng và cả nhân sự của Đệ tam Quốc tế Cộng sản, đứng đầu là Liên Xô. Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc cũng là một nhân tố tích cực của phong trào đòi các quyền tự quyết của dân tộc⁴⁸⁸ qua Bản Hiến chương Liên Hiệp Quốc ký ngày 26/6/ 1945⁴⁸⁹ và các quyền tự do cơ bản của con người qua việc thông qua Bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền ngày 10/12/1948 ở Paris, Pháp.

Từ cuối thế kỷ XX đến thế kỷ XXI, đa số các nước trên thế giới đã giành được độc lập. Tuy nhiên, tình trạng lệ thuộc của các nước nghèo vào các nước giàu cũng như các nước giàu tiếp tục can thiệp vào chính trị của nước nghèo vẫn còn phổ biến. Thế giới trước đây bị phân cực từ hai phe Tư bản và Cộng sản, cổ vũ cho hai loại tự do cá nhân và tập thể, thì hiện nay phân thành đa cực, và tất cả theo nền kinh tế thị trường.

Vì thế, HTXHCG muốn trình bày về ý nghĩa tự do trong các lĩnh vực khác nhau⁴⁹⁰ để tìm ra tự do thật sự của con cái Thiên Chúa.

2. Những quan niệm khác nhau về tự do

2.1. Giải thích từ ngữ

Tự do là từ được nhắc đến ở 93 số trong 583 số của cuốn *Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo*, 40 lần trong số 328 câu hỏi của cuốn *Docat*. Trong 16 văn kiện của Công đồng Vaticanô II, tự do được nhắc đến nhiều lần trong 10 văn kiện, đặc biệt trong Hiến chế *Gaudium et Spes* và tuyên ngôn *Dignitatis Humanae* về tự do tôn giáo. Những số thống kê này gợi ý cho ta về tầm quan trọng của tự

⁴⁸⁸ Trong Thế chiến II, nguyên tắc “dân tộc tự quyết” được đưa vào Hiến chương Đại Tây Dương, được ký vào ngày 14 tháng 8 năm 1941, bởi Franklin D. Roosevelt, Tổng thống Hoa Kỳ, và Winston Churchill, Thủ tướng Anh, được công nhận là một quyền hợp pháp quốc tế sau khi được liệt kê rõ ràng như là một quyền trong Hiến chương Liên Hiệp Quốc.

⁴⁸⁹ x. Bản Hiến chương Liên Hiệp Quốc, điều 1, mục 2.

⁴⁹⁰ x. Kinh tế và sự tự do của các dân tộc ở số 321 và 326, thị trường và tự do từ số 350-352, tự do cá nhân và hành động của chính quyền ở số 354, toàn cầu hoá và tự do thương mại ở số 366.

do như là một giá trị căn bản của cá nhân con người cũng như của cộng đồng xã hội.

Theo định nghĩa: “tự do là phạm trù triết học chỉ khả năng biểu hiện ý chí, làm theo ý muốn của mình, trên cơ sở nhận thức được quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội (nghĩa I). Đó là trạng thái của một dân tộc, một xã hội mà các thành viên không bị cấm đoán, hạn chế vô lý trong các hoạt động xã hội chính trị (nghĩa II). Hoặc là trạng thái không bị giam cầm hoặc không bị làm nô lệ (nghĩa III), hay trạng thái không bị cấm đoán, hạn chế vô lý trong việc làm nào đó (nghĩa IV)”⁴⁹¹.

Với cách tiếp cận một chiều, người ta giải thích tự do và phân loại tự do theo những định kiến khác nhau. Ngay cả khi nói đến những quyền tự do của con người theo Bản Hiến chương Liên Hiệp Quốc như tự do ngôn luận, tự do sáng tác, tự do tín ngưỡng, mỗi quốc gia cũng quy định theo những luật lệ khác nhau.

“Người ta nói về tự do theo những cách khác nhau, và thực tế có những kiểu tự do khác nhau. Ở một cấp độ, có thể nói tự do như là không bị ràng buộc về thể chất hoặc không bị đe dọa ràng buộc về thể chất (bị xiềng xích, đánh đập, khủng bố, v.v.). Loại tự do thứ hai là tự do nội tâm và tâm lý khiến chúng ta có thể làm những gì ta nhận định là tốt mà không bị trói buộc bởi những đam mê, nghiện ngập hỗn loạn, v.v. Hình thức tự do cao nhất đạt được khi con người nhận ra lời kêu gọi tự trao tặng trong tình yêu. Hình thức tự do và phẩm giá lớn nhất này đã được Đức Giêsu Kitô mạc khải và thực hiện trên thập giá”⁴⁹².

Tóm lại, ta có thể định nghĩa: *Tự do là khả năng bắt nguồn từ lý trí và ý chí để hành động hay không hành động, làm việc này hay việc*

⁴⁹¹ x. *Từ điển Tiếng Việt 2013*, mục từ *Tự do*, tr.1379; *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, q.4, mục từ *Tự do*, tr.716.

⁴⁹² x. ĐÔ Martin Schlag, *Cẩm nang Giáo huấn Xã hội Công giáo*, câu số 69; TLHT, số 143; ĐGH Gioan Phaolô II, *Diễn từ Kinh truyền tin tại Berlin*, ngày 23 tháng 6 năm 1996.

nọ, nhờ đó, con người có thể thực hiện những hành vi có ý thức và trách nhiệm”⁴⁹³.



Như thế, những quan niệm khác nhau về tự do tiến hoá theo từng giai đoạn lịch sử, khi con người nhận thức được vị thế của mình trong thiên nhiên hay trong xã hội, cũng như nhận ra những trói buộc mình trong các mối tương quan với thần linh, với người khác, với vạn vật và với chính mình. Tất cả những xung đột, đấu tranh, thậm chí chiến tranh giữa con người với nhau bắt nguồn từ những quan niệm khác nhau về tự do. Vì thế, chúng ta được mời gọi đi tìm tự do thật sự của con cái Thiên Chúa, thứ tự do được tác động bởi Thần Khí của Đức Giêsu Kitô sẽ đưa con người mở ra với siêu việt và hướng tới vô biên.

2.2. Tự do thật sự của con người có những đặc tính nào

Công đồng Vaticanô II đã nhìn nhận rằng: “Tự do là điều con người đương thời đánh giá cao và hăm hở theo đuổi, và họ có lý khi làm như thế. Tuy nhiên, lắm lúc họ cố vũ cho tự do một cách lệch lạc, xem tự do như là quyền làm bất cứ điều gì mình thích, kể cả điều xấu. Nhưng *tự do đích thực là dấu chỉ cao cả nhất của hình ảnh Thiên Chúa trong con người*. Thật vậy, Thiên Chúa đã muốn để cho con người tự định liệu⁴⁹⁴, tự quyết định đi tìm Đấng Tạo Hoá và nhờ kết

⁴⁹³ x. *GLHTCG*, số 1731.

⁴⁹⁴ x. Hc 15,14.

hợp với Ngài cách tự do, con người tiến tới sự hoàn thiện trọn vẹn và hạnh phúc”⁴⁹⁵.

Ngay trong lời mở đầu của cuốn Tóm lược HTXHCG, Giáo hội Công giáo xác định: “Vào lúc khai nguyên thiên niên kỷ III, Giáo Hội không mệt mỏi để công bố Tin Mừng mang ơn cứu độ và sự tự do đích thực đến cho các thực tại trần thế”⁴⁹⁶.

Trước hết, *con người có tự do vì con người được Thiên Chúa dựng nên theo hình ảnh của Ngài*, “giống với Ngài”, có nghĩa là bản chất và hiện hữu của con người có liên quan đến Thiên Chúa Tạo Hoá một cách hết sức sâu xa⁴⁹⁷. Trong bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc, các nước cũng xác nhận: “*Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền. Mọi con người đều được Tạo Hoá ban cho lý trí và lương tâm và cần phải đối xử với nhau trong tình bằng hữu*”.

Như thế, tự do của con người là thứ *tự do được trao ban như một quà tặng*⁴⁹⁸, chứ không phải là thứ tự do tuyệt đối của Thiên Chúa. Tự do đó giống như một hạt giống cần được gieo trồng. Thiên Chúa đã ban cho chúng ta luật luân lý như một bản hướng dẫn tâm hồn để qua đó bản tính con người và xã hội phát triển. Ví dụ nhờ lý trí, ta biết tự do sử dụng thời giờ học hành, làm việc, vui chơi để phát huy tài năng thay vì để cho đam mê xui khiến. Tâm hồn biểu lộ những khả năng riêng của con người: lý trí, sự phân biệt tốt xấu và ý muốn tự do⁴⁹⁹. Vì thế khi cho rằng mình là người sáng tạo và người chủ tuyệt đối quyết định về thiện ác, thì con người bóp chết tự do, huỷ diệt con người và xã hội⁵⁰⁰.

Tự do con người không phải là vô hạn. Tự do này, dù rằng rất lớn, “vì con người được phép ăn bất cứ cây nào trong vườn Eden, nhưng

⁴⁹⁵ x. GS, số 17.

⁴⁹⁶ x. TLHTXHCG, số 2.

⁴⁹⁷ x. TLHTXHCG, số 109; GLHTCG, số 356-358.

⁴⁹⁸ x. TLHTXHCG, số 138.

⁴⁹⁹ x. TLHTXHCG, số 114; Thánh GH Gioan Phaolô II, TĐ. *Evangelium vitae*, 1995, số 37.

⁵⁰⁰ x. ĐÔ Martin Schlag, *Cẩm nang Giáo huấn Xã hội Công giáo*, câu số 70.

vẫn phải dừng lại trước cây biết lành biết dữ”⁵⁰¹. Như thế con người được kêu gọi để biết chấp nhận luật luân lý do Thiên Chúa đặt trong lòng họ⁵⁰². Ví dụ người ta không thể cho phép mình uống rượu quá mức, chơi trò chơi trực tuyến hay xem phim ảnh hết ngày này qua đêm khác, làm tình cách vô độ... Lương tâm và luật luân lý tự nhiên sẽ nhắc bảo ta đó là những điều xấu, không được phép làm. Nếu không nghe theo, ta sẽ chịu những hậu quả tai hại cho mình, cho xã hội vì tự do vô độ của mình.

“*Tự do của con người đã bị tội lỗi làm tổn thương*”⁵⁰³. Tội chính là việc con người lạm dụng tự do của mình⁵⁰⁴ khi muốn cắt đứt mọi hoà hợp với Thiên Chúa Tạo Hoá. Từ sự cắt đứt này, con người mất đi sự khôn ngoan, sáng suốt, và luôn bị thúc đẩy bởi tham vọng và dục vọng. Tuy nhiên con người vẫn được Thiên Chúa ban cho luật luân lý là tiếng nói của Ngài trong lương tâm mình. Khi chiều theo tham vọng, dục vọng là con người làm nô lệ cho tội lỗi và đánh mất tự do tốt đẹp được Chúa ban cho⁵⁰⁵. Tội là hành vi tự do của một cá nhân chứ không phải là của tập thể hay cộng đồng đúng nghĩa, nhưng có những hậu quả trên xã hội⁵⁰⁶.

“Thế nên, chính phẩm giá con người buộc con người phải hành động phù hợp với sự lựa chọn có hiểu biết và tự do, nghĩa là được thúc đẩy và hướng dẫn một cách rất riêng tư từ bên trong, chứ không do sự thôi thúc của bản năng mù quáng hay bởi áp lực hoàn toàn bên ngoài. Nhờ được tự do thật sự, con người mới tổ chức và hướng dẫn đời sống cá nhân và xã hội của mình theo sáng kiến riêng, đồng thời dám chịu trách nhiệm về việc đó. Có như thế xã hội con người mới thật sự phát triển theo đường hướng tốt đẹp”⁵⁰⁷.

⁵⁰¹ x. *TLHTXHCG*, số 135

⁵⁰² x. *TLHTXHCG*, số 136.

⁵⁰³ x. *Gaudium et Spes*, số 17.

⁵⁰⁴ x. *TLHTXHCG*, số 116.

⁵⁰⁵ x. Rm 6,20-23.

⁵⁰⁶ x. *TLHTXHCG*, số 117.

⁵⁰⁷ x. *TLHTXHCG*, số 135; *Gaudium et Spes*, số 17.

“Muốn thực hành đúng đắn tự do cá nhân, con người *cần có những điều kiện đặc biệt*, liên quan đến trật tự kinh tế, xã hội, pháp lý, chính trị và văn hoá là những điều kiện rất hay bị coi thường hoặc vi phạm”. Cha ông ta vẫn thường nói: “Đói ăn vụng, túng làm càn!”. Nhiều người do hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn, mức độ hiểu biết giới hạn, nên không có tự do hoàn toàn khi hành động và chịu trách nhiệm về hành động của họ⁵⁰⁸, ví dụ họ đánh cá bằng cách chích điện giết hết cá con. Vì thế họ cần được giáo dục để biết sử dụng quyền tự do của mình.

*Tự do phải liên kết với sự thật và luật tự nhiên*⁵⁰⁹. “Sự thật liên quan đến điều tốt và điều xấu được nhìn nhận một cách thực tiễn và cụ thể, dựa vào phán đoán của lương tâm. Sự thật này đưa con người tới chỗ sẵn sàng chịu trách nhiệm về điều tốt đã làm và điều xấu đã phạm”. “Khi hành xử tự do là chúng ta gián tiếp liên hệ đến một luật luân lý tự nhiên, có tính phổ quát, đi trước và liên kết hết mọi quyền lợi và nghĩa vụ của con người”.

Trong tình trạng có nhiều nền văn hoá khác nhau như hiện nay, luật tự nhiên chính là điểm liên kết mọi dân tộc, thống nhất các nguyên tắc chung. Dù khi áp dụng các luật ấy, chúng ta cần phải thích nghi cho phù hợp với các điều kiện sống khác nhau theo nơi chốn, thời gian và hoàn cảnh”⁵¹⁰.

Tuy nhiên, tự do thật sự của con người và của dân tộc không chỉ giới hạn trong cuộc sống ở trần thế. Tự do này đã được mở ra cho siêu việt và hướng tới vô biên vì sau khi con người sa ngã vì bị ma quỷ cám dỗ và làm nô lệ cho tội lỗi, Thiên Chúa đã thực hiện một cuộc giải phóng toàn diện và hoàn hảo.

2.3. Cuộc giải phóng con người của Thiên Chúa

Nhiều người thời nay nhân danh tự do để chối từ và gạt bỏ Thiên Chúa ra khỏi đời sống vì không giải thích được sự phi lý của hiện sinh và hiểu sai sự quan phòng của Thiên Chúa.

⁵⁰⁸ x. *TLHTXHC*, số 137.

⁵⁰⁹ x. *TLHTXHC*, số 138-144.

⁵¹⁰ x. *GLTHCG*, số 1955-57.

Sự quan phòng của Thiên Chúa

Thật ra khi ban cho con người tự do, Thiên Chúa luôn tôn trọng họ. Ngài không can thiệp để làm cho họ mất tự do, như Ngài đã để cho Adam-Eva gơ tay hái trái cấm, dù Ngài có thể gạt tay họ ra. Chỉ sau khi họ phạm tội lạm dụng tự do, Ngài mới giải thoát họ.



Thiên Chúa đặt con người sống giữa những đau khổ, buồn phiền, thất bại, bệnh tật, chết chóc, không phải như một định mệnh an bài tự nhiên của kiếp người. Những thứ tiêu cực đó bắt nguồn từ việc con người tự ý muốn cắt đứt mối hiệp thông với Chúa. Chúa không dựng nên chúng. Chúng xuất hiện do tội lỗi của con người và làm xáo trộn vạn vật. Ngài quyền năng vô cùng nên thấy rõ tất cả, biết trước tất cả, vì thế khi con người phải chịu đựng chúng, Chúa vẫn ở bên và nâng đỡ họ bằng sự quan phòng của Ngài.

Từ *quan phòng* bắt nguồn từ nguyên ngữ Latinh “*Providentia*”, tiếng Anh, tiếng Pháp là “*Providence*”, gồm động từ “*Videre*” có nghĩa là quan sát, và từ “*Pro*” có nghĩa là “hữu ích cho”. Từ điển tiếng Việt không có từ này, nhưng có từ “an bài”. Từ điển tiếng Anh chuyển dịch thành “Ý Trời, ý Chúa, mệnh Trời, Thiên cơ”.

Từ điển Công giáo giải thích: “Quan phòng có nghĩa là chú ý nhìn xem và gìn giữ. Vì thế, tin vào sự quan phòng là tin vào việc Thiên Chúa lo liệu trong sự khôn ngoan và tình yêu của Ngài, để dẫn đưa mọi thụ tạo tới mục đích sau cùng là chính Ngài”⁵¹¹. “Thiên Chúa

⁵¹¹ x. HĐGMVN, *Từ điển Công giáo*, 2019, mục từ *Quan phòng*; *GLHTCG*, số 321.

không dựng nên mọi sự rồi bỏ mặc chúng, nhưng quan tâm, bảo tồn, chăm sóc và hướng dẫn chúng theo ý định muôn thuở của Ngài. Mọi thụ tạo được dựng nên đều tốt lành và hoàn hảo nhưng chưa tuyệt đối. Chúng đang tiến đến sự hoàn hảo tối hậu do Thiên Chúa định sẵn. Sự quan phòng chính là đường lối Ngài sắp đặt để đưa vạn vật tới sự trọn hảo đó⁵¹². Thiên Chúa cũng ban cho con người khả năng tham dự vào sự quan phòng của Ngài qua việc làm chủ trái đất”⁵¹³.

Hành động của Thiên Chúa vượt quá khả năng hiểu biết và phán đoán của con người. Những đau khổ, mà con người trải qua như ông Gióp, có là gì so với những diễn biến trong vũ trụ này theo một trật tự mà chỉ có một mình Thiên Chúa biết. Vì thế, con người bé nhỏ hãy tin vào sự quan phòng của Ngài như ông Gióp⁵¹⁴, họ sẽ được bình an và sẽ được phục hồi gấp đôi những gì họ phải chịu đựng và mất mát. Còn những người đã chết, không phải là họ biến mất vào cõi hư vô, nhưng là về với Chúa là cha của mình.

Các cuộc giải phóng của Thiên Chúa trong lịch sử

Khi Thiên Chúa mời gọi con người gắn bó với mình qua tôn giáo, nhất là Kitô giáo, không phải là Ngài muốn con người làm nô lệ thần linh, nhưng là dẫn con người đến một cuộc giải phóng trọn vẹn để con người được tự do hoàn toàn giống như Thiên Chúa.

Trong dòng lịch sử nhân loại, Thiên Chúa đã cứu dân Do Thái thoát khỏi ách nô lệ người Ai Cập và dẫn họ vào Đất Hứa⁵¹⁵, ký kết với họ một giao ước là tuân giữ Mười Điều Răn⁵¹⁶. Đây không phải là một hình thức nô lệ mới, nhưng Mười Điều Răn là luật luân lý tự nhiên để người Do Thái không nô lệ cho tội lỗi, nhưng trung thành với một Thiên Chúa chân thật duy nhất và có những mối quan hệ tốt đẹp với nhau⁵¹⁷. Lịch sử dân tộc Do Thái cũng đã loan báo một Đấng Messia

⁵¹² x. *GLHTCG*, số 301-302.

⁵¹³ x. *GLHTCG*, số 307.

⁵¹⁴ x. G 40,4-5.

⁵¹⁵ x. *TLHTXHCG*, số 21.

⁵¹⁶ x. *TLHTXHCG*, số 22.

⁵¹⁷ x. *TLHTXHCG*, số 23.

khác sẽ đưa dân tộc và toàn thể nhân loại vào miền đất mới với giao ước mới mang tính quyết định.

Đấng đó là Đức Giêsu Kitô, người Nazareth, sẽ hoàn thành kế hoạch giải phóng trọn vẹn con người và vũ trụ mà Thiên Chúa đã tạo thành vì tình yêu vô biên và đầy trách nhiệm của Ngài. Đức Giêsu đã nói: “Nếu các ông ở lại trong lời của tôi, thì các ông thật là môn đệ tôi; các ông sẽ biết sự thật và sự thật sẽ giải phóng các ông... Hễ ai phạm tội thì làm nô lệ cho tội. Mà kẻ nô lệ thì không được ở trong nhà luôn mãi, người con mới được ở luôn mãi. Vậy nếu Người Con có giải phóng các ông thì các ông mới thật sự là những người tự do”⁵¹⁸.

Đức Giêsu đã giải phóng con người khỏi mọi sự lệ thuộc bằng các hành động cụ thể nhờ kết hợp với Chúa Cha⁵¹⁹. Giải thoát khỏi sức mạnh của tự nhiên và vật chất khi Người đi trên mặt biển, hoá bánh, rượu, cá ra nhiều. Giải thoát khỏi mọi áp chế của con người khi Người vạch trần những âm mưu con người, vượt qua các luật lệ lỗi thời của tôn giáo. Giải thoát khỏi sức mạnh của chính mình khi vượt qua các cơn cám dỗ, nỗi sợ hãi cái chết. Giải thoát khỏi quyền lực của quỷ dữ, tà ma khi Người xua trừ ma quỷ, chữa lành bệnh tật do chúng gây nên và ban quyền đó cho con người.

Đức Giêsu đã thể hiện sự tự do cao cả nhất khi tự nguyện bỏ tất cả vinh quang Thiên Chúa để làm con người, rồi tự nguyện làm một người thợ mộc bình thường để hoà nhập vào đời sống xã hội. Người cũng tự nguyện đón nhận cái chết nhục nhã trên thập giá để giải thoát tất cả loài người và vũ trụ khỏi ách tội lỗi và sự chết⁵²⁰, rồi đã sống lại để chứng minh là chúng ta đã trở thành những *người con tự do của Thiên Chúa*⁵²¹. Đó là thứ *tự do được trao tặng vì tình yêu* đối với Chúa Cha và đối với muôn loài là anh chị em của mình. Đây mới chính là thứ tự do mà chúng ta được mời gọi để thể hiện trong đời sống hằng ngày.

⁵¹⁸ Ga 8, 32.34-36.

⁵¹⁹ x. *TLHTXHCG*, số 29.

⁵²⁰ x. Rm 6,18; Rm 8,2.

⁵²¹ x. Gl 4,6-10; Rm 8,14-16.

Như thế, sự cứu độ của Kitô giáo là một sự giải phóng toàn diện dành cho hết mọi người và cho từng con người⁵²². Khi con người tin vào Đức Giêsu Kitô, họ làm thành một dân tộc mới để cảm nghiệm được rằng tự do này không còn chỉ là sự độc lập cho những hoạt động xã hội chính trị, kinh tế hay văn hoá, nhưng còn mở ra cho siêu việt và hướng tới vô biên, vì “không còn là chuyện Do Thái hay Hy Lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà, nhưng tất cả anh em chỉ là một trong Đức Giêsu Kitô”⁵²³.

Tự do siêu việt của con cái Thiên Chúa

HTXHCG giới thiệu “Đức Maria là hình ảnh trọn vẹn nhất của một nhân loại và vũ trụ được tự do và được giải thoát”⁵²⁴, vì Mẹ Maria đã mở lòng cho Chúa Thánh Thần, Đấng như “ngọn gió muốn thổi đâu thì thổi, người ta nghe tiếng gió nhưng không biết gió từ đâu đến và thổi đi đâu. Ai bởi Thần Khí mà sinh ra thì cũng như vậy”⁵²⁵. Tự do vừa là một khả năng của con người nên phải được thực hiện theo sự hướng dẫn của lương tâm, tình yêu, vừa là một ân huệ của Chúa Thánh Thần “bởi vì Thần Khí của Chúa ở đâu, thì ở đấy có tự do”⁵²⁶.

Nhờ tác động của Thần Khí Thiên Chúa, “con người mở ra với Đấng Vô Biên cũng như với mọi loài thụ tạo, mở ra với sự hiện hữu sung mãn, với chân trời vô biên của hiện hữu... Nhờ trí khôn và ý chí, con người có thể nâng mình lên trên mọi thụ tạo và cả chính mình, độc lập với thụ tạo, tự do trong quan hệ với thụ tạo, vươn tới sự thật toàn diện và sự thiện tuyệt đối”⁵²⁷.

Nhờ sự soi sáng của Chúa Thánh Thần, con người vượt qua sự phi lý của thuyết hiện sinh để nhận ra *sự thật sẽ giải phóng* con người, đưa con người vào trong không gian màu nhiệm của tình yêu. Con

⁵²² x. TLHTXHCG, số 38-40.

⁵²³ x. GI 3,28.

⁵²⁴ x. TLHTXHCG, số 59; Bộ Giáo lý Đức tin, Huấn thị *Libertatis Conscientia*, 1987, số 97.

⁵²⁵ x. Ga 3,8.

⁵²⁶ x. 2Cr 3,17.

⁵²⁷ x. TLHTXHCG, số 130.

người sẽ khám phá ra cái rễ cây đen đui kia là một thực tại chứ không phải là bãi phân chó tưởng tượng. Nó đang cắm sâu vào lòng đất, hút chất bổ để biến thành dòng nhựa cho lá tạo oxy, cho hoa toả hương thơm, cho cây kết trái và đem lại sự sống cho muôn loài. Con người không còn là kẻ “bị kết án phải tự do”, mà được ban tặng tự do để thực hiện kế hoạch nhiệm mầu của tình yêu Thiên Chúa. Vì thế con người phải thay đổi cái nhìn của mình.



Điều này cũng giúp cho ta vượt qua các khác biệt về hệ tư tưởng giữa duy vật và duy tâm, duy thực và duy lý, vô thần và hữu thần, tư bản và cộng sản. GHCG không đồng hoá mình với một hệ tư tưởng nào và cũng không ủng hộ một đường lối chính trị cụ thể nào. Đúng hơn GH loan báo những nguyên tắc và giá trị quy định sinh hoạt chính trị, hướng đến nền tảng và mục đích của nó là con người⁵²⁸. Người Công giáo được tự do làm theo lương tâm mình trong mọi lĩnh vực khoa học, kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá.

Huấn quyền Giáo Hội không áp đặt bất kỳ cương lĩnh chính trị nào bởi vì GH không cung cấp các giải pháp kỹ thuật⁵²⁹. “Giáo huấn xã hội của GH không thuộc phạm trù tư tưởng, cũng không phải là “con

⁵²⁸ x. ĐÔ. Martin Schlag, *Cẩm nang GHXHCG*, phần mở đầu cho số 245.

⁵²⁹ x. ĐÔ. Martin Schlag, *Cẩm nang GHXHCG*, số 282.

đường thứ ba” giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, nhưng đúng hơn, giáo huấn này là thần học. Đó là việc công bố rằng sự thật đức tin soi sáng ý nghĩa tối hậu của các thực tại xã hội, và cho thấy các đòi hỏi phải thực hiện để tôn trọng con người”⁵³⁰.

Con người bước ra khỏi chính mình để bước vào một quan hệ đối thoại và hoà nhập với Thiên Chúa, Đấng Siêu Việt, với muôn loài thụ tạo để sống an bình giữa biển đời trôi nổi với bao cơn sóng dữ, như Đức Giêsu bình thản nằm ngủ và sau đó truyền lệnh cho gió im biển lặng⁵³¹. Điều đó diễn tả sự giải phóng toàn diện của Đức Giêsu có thể đem lại cho con người thứ *tự do siêu việt*.

Lời kết

Trong suốt dòng lịch sử nhân loại, con người đã, đang và sẽ còn mong ước tự do thật sự, tự do mở ra cho những gì cao cả và đạt được chúng bằng tình yêu. Đức Giêsu đã thực hiện điều này cho mình và cho tất cả những ai tin vào Người.

Câu hỏi

1. *Bạn quan niệm tự do là gì, tự do cho cá nhân và cho dân tộc?*
2. *Bạn có thấy điều gì phi lý trong đời sống? Bạn tìm cách giải đáp điều phi lý đó thế nào?*
3. *Tự do thật sự của con người là thứ tự do nào?*
4. *Đức Giêsu đã mang lại cho bạn thứ tự do nào? Bạn đã cảm nhận được nó chưa? Bạn làm gì để chia sẻ tự do siêu việt của Chúa Giêsu cho người khác?*

⁵³⁰ x. ĐÔ. Martin Schlag, *Cẩm nang GHXHCG*, số 25.

⁵³¹ x. Mc 4,35-41; *TLHTXHCG*, số 130; *Docat*, câu 57; *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.383-400.

Giá trị của công bằng

Lời mở

Ý niệm về công bằng xuất hiện muộn màng trong lịch sử con người. Do bản năng sinh tồn, nhiều loài động vật phải giết nhau, ăn thịt nhau để sống. Mạnh được yếu thua hình như là lẽ sống còn của mọi loài. Câu chuyện chia phần của vua sư tử cho ta thấy công lý của kẻ mạnh. Trong xã hội loài người cũng thế, có những con người, những tổ chức xã hội, những công ty hay quốc gia có thể mạnh hơn về nguồn lực, kỹ thuật nên đàn áp đối thủ yếu kém hơn. Người ta đối xử bất công với nhau trong mọi lĩnh vực cũng như trong các môi trường quan đối với con người, với vạn vật, với Thiên Chúa và với cả chính mình, nhưng nhiều khi lại tưởng rằng mình đang giữ công bằng.

Vì thế, nhiều người, nhiều dân tộc vẫn đang tranh chấp, xung đột và gây chiến với nhau. Hậu quả là con người không cảm nhận được niềm vui, bình an, hạnh phúc cũng như các dân tộc chưa được hưởng hoà bình vì “công lý và hoà bình luôn đi chung với nhau”. Do đó, “công lý” hay “công bằng” là giá trị cần được chúng ta tìm hiểu và thể hiện trong đời sống.

1. Ý nghĩa và phân loại

Từ *công lý*, *công bằng*, *công chính* mà các dân tộc đang sử dụng bắt nguồn từ ý niệm được người Rôma đưa vào bộ dân luật của họ cách đây khoảng hơn 2.000 năm. Nguyên ngữ Latinh là *Justitia*, chuyển sang Anh ngữ, Pháp ngữ: *Justice*. Từ này cũng được sử dụng trong lĩnh vực tôn giáo, nhất là Kitô giáo.

1.1. Giải thích từ ngữ

Trong *Từ điển Tiếng Việt* 2013, “*công lý* là lẽ phù hợp với đạo lý và ích lợi chung của xã hội”. Từ này diễn tả một nội dung trừu tượng, thuộc về tinh thần. Do đó người ta thường nói đến “cán cân công lý”, “truy tìm công lý”, “Ủy ban Công lý”.

“*Công bằng* là theo đúng lẽ phải, không thiên vị”. Từ này nhắm đến những sự kiện rõ ràng, cụ thể như trả lương theo đúng hợp đồng là công bằng; đối xử với mọi công nhân hay chấm điểm các bài làm theo đúng những tiêu chuẩn đặt ra là công bằng. Từ điển cũng ghi nhận rằng từ “*công bình*” là từ cũ, ít dùng. “*Bình*” là từ địa phương của “*bằng*”



“*Công chính* là ngành chuyên môn về quản lý và xây dựng các công trình công cộng như đường xá, cầu cống...”⁵³². Chúng ta muốn lưu ý đến từ này vì ý nghĩa hoàn toàn khác với từ được sử dụng trong Kitô giáo với nghĩa là ngay thẳng, không thiên vị.

Từ điển Bách khoa Việt Nam nói nhiều đến công lý và công bằng⁵³³. *Công lý* là sự nhận thức đúng đắn và hành động đúng vì chân lý, vì công bằng và lẽ phải, phù hợp với lợi ích chung, với đạo lý của nhân dân, được xã hội và pháp luật thừa nhận.

Công bằng là khái niệm đạo đức và ý thức pháp quyền, chỉ điều chính đáng, tương ứng với bản chất và quyền con người. Khái niệm công bằng nói lên mối tương quan của một số hiện tượng giữa phúc và họa của trời với người như “*thiên bất dung gian*”, “*ở hiền gặp lành*”, giữa lợi và hại của người với người như buôn bán sòng phẳng, giá cả phải chăng. Công bằng đòi hỏi sự tương xứng giữa vai trò của những cá nhân với địa vị xã hội của họ, giữa hành vi với sự đền bù như lao động và thù lao, giữa công và tội, thưởng và

⁵³² x. *Từ điển Tiếng Việt 2013*, mục từ *Công bằng*, tr. 282.

⁵³³ x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Q.1, mục từ *Công bằng*, tr. 724.

phạt, quyền lợi và nghĩa vụ. Không có sự tương xứng giữa các quan hệ ấy là bất công.

Từ điển Công giáo Việt Nam, trong bản in năm 2019, dùng từ “công bình” thay cho “công bằng” và “công chính”, nhưng không dùng từ “công lý”. Bản in năm 2016 lại dùng từ “công lý” thay cho “công bình”. “Theo định nghĩa, *công bình* là việc mỗi người tôn trọng quyền lợi của mình và của tha nhân theo quy định của pháp luật hoặc của quy tắc xã hội. Xét như một nhân đức trụ, đó là quyết tâm trả lại cho Thiên Chúa những gì thuộc về Thiên Chúa và trả lại cho tha nhân những gì thuộc về tha nhân”. Từ điển cũng giải thích “*công chính* có nghĩa là không thiên vị, ngay thẳng”⁵³⁴. Đó là từ ghép của công bằng và chính trực. Công chính là một phẩm tính của Thiên Chúa⁵³⁵, biểu hiện qua việc Ngài chống lại sự dữ⁵³⁶, xét xử công bằng⁵³⁷, tha thứ và cứu độ con người⁵³⁸. Đức công chính cũng làm cho con người sống theo lề luật và thánh ý Thiên Chúa nhờ tác động của ân sủng⁵³⁹. Vì thế Giáo hội Công giáo tuyên xưng Thánh Giuse là “người công chính”.

Chúng ta cũng ghi nhận thêm rằng các bản văn Thánh Kinh⁵⁴⁰ nói nhiều đến *công bằng*, *công lý*, *công chính*, nhưng vì các dịch giả ít phân biệt nên dùng từ không chuẩn và lẫn lộn làm cho người đọc khó phân biệt đâu là lĩnh vực xã hội, đâu là lĩnh vực đức tin, tôn giáo. Điều này cũng xảy ra tương tự đối với các bản dịch Công đồng Vaticanô II⁵⁴¹ của Học viện Giáo hoàng Piô X và của Hội đồng Giám mục Việt Nam.

⁵³⁴ x. *Từ điển Công giáo Việt Nam*, 2019, tr 170-171.

⁵³⁵ x. Is 5,16.

⁵³⁶ x. Kb 1,13.

⁵³⁷ x. Đnl 10,18.

⁵³⁸ x. Rm. 3,25.

⁵³⁹ x. Đnl 6,25; Rm.5,17-21.

⁵⁴⁰ x. Giáo hoàng Học viện Piô X, *Điển ngữ Thần học Thánh Kinh*, q. I, mục từ *Công bình*, *Công chính*, 1973, tr. 343-356; King James Version, *A New Concordance to the Holy Bible*, 1960, mục từ *Just* 55 lần, *Justice* 18 lần, tr. 239-240.

⁵⁴¹ x. HĐGMVN, Công đồng Vaticanô II, *Mục lục Phân tích*, 2012, tr. 814.

Từ thiên niên kỷ thứ ba, Giáo hội Công giáo nói nhiều đến công bằng, nhất là công bằng xã hội, để hướng dẫn các tín hữu trong các hoạt động ở trần thế. Sách *Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo* dùng từ “công bằng” và “công lý” trong 131/583 số. *Docat* dùng từ này trong 66/328 câu. Điều đó chứng tỏ mối quan tâm của Giáo Hội về lĩnh vực này. Tuy nhiên việc dùng lẫn lộn 2 từ “công lý” và “công bằng” khiến cho bản dịch trở nên khó hiểu trong cuốn *Tóm Lược*. Bản dịch *Docat* chính xác hơn.

Ý kiến chúng tôi hiện nay là nên phân biệt từ: “công bằng”: theo đúng lẽ phải, không thiên vị, hướng đến nội dung cụ thể, còn “công lý”: lẽ phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của xã hội, hướng đến giá trị tinh thần như các từ điển đã giải thích trên đây.

1.2. Phân biệt vài dạng công bằng

Chúng ta nên phân biệt có nhiều loại công bằng.

+ *Công bằng giao hoán*: quy định việc trao đổi của cải, phân phối hàng hoá dịch vụ theo quy tắc tương xứng về giá trị giữa các cá nhân hay các nhóm với nhau⁵⁴².

+ *Công bằng phân phối*: quy định việc cộng đồng phải thực hiện cho mỗi thành viên của cộng đồng phần xứng hợp với sự đóng góp và nhu cầu của họ⁵⁴³. Ví dụ người dân được hưởng dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội tương xứng với sự đóng góp của mình.

+ *Công bằng pháp lý*: quy định những bổn phận của mỗi thành viên phải đóng góp cho cộng đồng phần thích hợp của mình, ví dụ nghĩa vụ quân sự, đóng thuế⁵⁴⁴.

+ *Công bằng tham gia*: quy định các cá nhân phải tham gia vào đời sống của cộng đồng như quyền ứng cử, bầu cử, tham gia vào sinh hoạt cộng đồng của các hiệp hội, tôn giáo, đảng phái chính trị: tất cả mọi người có đủ điều kiện đều có quyền tham gia, không được loại trừ ai⁵⁴⁵.

⁵⁴² x. *TLHTXHCG* số 201, 203; *Docat*, câu 107.

⁵⁴³ x. *TLHTXHCG*, số 201; *Docat*, câu 206.

⁵⁴⁴ x. *TLHTXHCG*, số 396; *Docat*, câu 109.

⁵⁴⁵ x. *Docat*, câu 100-101.

+ *Công bằng xã hội*⁵⁴⁶. Đây là loại công bằng đang được quan tâm hơn cả vì nó bao gồm các lĩnh vực liên quan tới xã hội, chính trị, kinh tế và đặc biệt liên quan đến khía cạnh cơ cấu của các vấn nạn và các giải pháp cho từng vấn nạn, thí dụ như sự chênh lệch giàu nghèo đòi hỏi phải tổ chức lại theo những chuẩn mực về công bằng xã hội⁵⁴⁷, trả cho người nghèo những gì thuộc về họ⁵⁴⁸ và chính quyền phải can thiệp để thiết lập lại công bằng⁵⁴⁹ khi xảy ra những bất công. Công bằng xã hội, buộc các tổ chức xã hội, không phải chỉ có chính quyền, cung cấp các điều kiện để các đoàn thể và mỗi cá nhân có được những gì mà họ có quyền hưởng theo bản tính và ơn gọi của họ. Xét về khía cạnh toàn cầu, công bằng này buộc các quốc gia hay các tổ chức quốc tế phải điều hoà các quan hệ xã hội theo tiêu chuẩn tuân thủ luật pháp và công ích toàn cầu. Thí dụ: Các nước phải tuân thủ Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển 1982⁵⁵⁰.

+ *Công bằng kinh tế*⁵⁵¹: đòi hỏi phải trả cho tha nhân những gì thật sự của họ, nghĩa là đôi bên phải hoàn thành cách trung thực các hợp đồng, tôn trọng các thoả thuận đã ký kết, giao hàng đúng hẹn trong tình trạng tốt và thanh toán đúng thời hạn quy định. Muốn được công bằng, các bên ký hợp đồng phải được tự do kết ước, không bị lừa dối hay ép buộc. Khi đàm phán các hợp đồng kinh tế, sẽ xảy ra bất công khi một bên có nhiều quyền lực hơn có thể áp đặt các điều kiện lên bên đối tác.

Nhiều yếu tố khác cũng có thể làm cho việc thoả thuận tự do bị sai lệch như gian lận (hàng mẫu giới thiệu khác với hàng giao), thiếu thông tin (thí dụ máy móc mới mẻ, kỹ thuật hiện đại nên bị đội giá quá cao), độc quyền của người bán hoặc người mua (thí dụ giá đất hiếm), nhu cầu cực đoan của một bên đối tác (thí dụ không được

⁵⁴⁶ x. *TLHTXHCG*, số 81, 82, 99, 167, 171, 201, 203, 340, 449; *GLHTCG*, số 1928-1942; *Docat*, câu 30, 40, 43, 65, 142.

⁵⁴⁷ x. *TLHTXHCG*, số 167, 171.

⁵⁴⁸ x. *TLHTXHCG*, số 184.

⁵⁴⁹ x. *TLHTXHCG*, số 187.

⁵⁵⁰ x. Wikipedia, *Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển 1982*; x. ĐÔ. Martin Schlag, *Cẩm nang GHXGCG*, số 131.

⁵⁵¹ x. ĐÔ. Martin Schlag, *Cẩm nang GHXHCG*, số 232, 233, 237.

chia sẻ về loại vũ khí này cho bên thứ ba). Hối lộ hoặc tham nhũng của các viên chức tham gia ký kết hợp đồng, những kiểu viện trợ có điều kiện cũng là những hành động tạo nên bất công trong lĩnh vực kinh tế.

Tuy nhiên, những hoạt động kinh tế cần phải tôn trọng phẩm giá con người và sự thịnh vượng của toàn xã hội. Trong nền kinh tế thị trường, một số điều kiện như bệnh hoạn, tật nguyền, nỗi đau khổ, không thể tính theo công bằng kinh tế, nhưng được hỗ trợ riêng. Sự phát triển xã hội trong công bằng có giá trị hơn sự tăng trưởng kinh tế: do đó phải tôn trọng nền văn hoá, quyền sở hữu cá nhân và doanh nghiệp, tôn trọng thị trường tự do khi nó phục vụ toàn thể cộng đồng⁵⁵².

Hầu như mọi nước trên thế giới đang tham gia và quan tâm tới các loại Hiệp định Thương mại Tự do (FTA: *Free Trade Agreements*). Hiện có khoảng hơn 200 hiệp định có hiệu lực. Nổi bật là các hiệp định lớn, có tầm ảnh hưởng rộng như Hiệp định Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU) và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Trong các hiệp định này, các thành viên quan tâm tới sự công bằng và bình đẳng để tất cả các bên cùng có lợi. Tuy nhiên, các thành viên cũng không được làm thiệt hại cho những nước ở ngoài hiệp định. Lý do là “ngay trong lĩnh vực kinh tế và xã hội, phẩm giá cũng như ơn gọi toàn diện của con người và sự thịnh vượng của toàn thể xã hội cần phải được tôn trọng và thăng tiến, vì con người là nguồn gốc, trung tâm và mục đích cuối cùng của tất cả đời sống kinh tế và xã hội”⁵⁵³.

2. Công bằng và bất công bắt nguồn từ đâu?

Công bằng và bất công không phải chỉ là những khái niệm trừu tượng, nhưng còn là những sự kiện cụ thể, gắn liền với con người trong đời sống cá nhân hay liên quan đến xã hội rộng lớn, nhất là khi những con người đó nắm vận mệnh của một dân tộc hay một quốc gia. Vì thế muốn tìm được cội nguồn tạo nên công bằng hay

⁵⁵² x. *TLHTXHC*, số 332; *Docat*, câu 157-183.

⁵⁵³ x. *Gaudium et Spes*, số 63; *Docat*, câu 158.

nguyên nhân gây ra bất công, ta phải tìm hiểu con người và tìm ra nguyên nhân tại sao họ lại suy nghĩ và hành động như thế.

2.1. Trong đời sống cá nhân

Hầu như mọi người chúng ta đều sống chung với nhiều người trong xã hội chứ không phải sống đơn độc trên một hoang đảo. Khi so sánh mình với họ, ta thấy có những sự khác biệt: lớn bé, già trẻ, nam nữ, giàu nghèo, đẹp xấu, hiền ác, khôn dại, sang hèn khác nhau. Nếu không nhận ra những vẻ khác biệt ấy tạo nên sự phong phú đa dạng và vẻ đẹp tuyệt vời của gia đình nhân loại, giống như bàn tay có ngón dài ngón ngắn, hay như vườn hoa có muôn sắc, muôn loài, thì người ta dễ phát sinh những mặc cảm tự tôn hay tự ti. Chúng tạo nên tình cảm đen tối, phức tạp, dồn nén con người theo đường hướng tiêu cực và dẫn họ đến những hành động bất công, bất chính.

Nhiều bạn trẻ chắc còn thuộc lời bài *Mặc cảm* của Karik theo điệu rap:

*“Vì khuôn mặt của anh bình dị, nếu không muốn nói quá xấu xí,
Còn em thì xinh như hotgirl, đi đâu cũng có người để ý.
Tiền trong ví của anh không có nhiều nên anh thường hay lo nghĩ,
Còn em thì gia cảnh khá giả khi tiêu xài đâu cần lo gì.
Xếp thứ tự những người thích em có lẽ anh chỉ là người đứng cuối,
So về mọi mặt anh đều thua xa thì gặp em sao dám theo đuổi.
Nơi anh làm không có máy lạnh, xung quanh chỉ toàn là bụi.
Tiền kiếm được không đủ dẫn túi, chỉ đủ lo cơm ngày 3 buổi.
Tương lai của em tiến bước, còn với anh thì ngày càng lùi.
Em đi đâu cũng được chào đón, anh đi đâu cũng bị hắt hủi.
Cuộc sống em tràn đầy niềm vui, còn riêng anh chỉ toàn buồn tủi.
Nói chung cuộc đời của anh đen tối,
nên gặp được em chỉ biết ngậm ngùi ! Em ơi !!!!”*

Những mặc cảm đủ loại về nguồn gốc, phái tính, về ngoại hình, nghề nghiệp, về thu nhập, duyên phận, về bằng cấp và trình độ văn hoá, về địa vị và quan hệ xã hội... thường bắt đầu ngay từ thuở nhỏ và ngày càng lớn lên trong ta. Chúng dẫn đến những tranh chấp, xung đột, loại trừ nhau trong xã hội, nếu không được giải toả bằng những hành động yêu thương, dạy dỗ cẩn thận bởi cha mẹ, giáo dục đầy đủ

bởi thầy cô, nâng đỡ tích cực bởi cộng đồng xã hội và nhất là mỗi cá nhân phải tự rèn luyện để vượt lên chính mình.



Hơn nữa, ta cũng nên để ý đến mấy loại mặc cảm tự nhiên mà hầu như mọi người thường gặp sau đây. Những mặc cảm này, bắt nguồn từ lòng tham và dục vọng, tạo nên tình trạng tội lỗi của con người.

Mặc cảm vị kỷ quy tất cả về mình, coi mình là trung tâm, bắt mọi người phải phục vụ, chiều chuộng. Mặc cảm này xuất hiện ngay từ lúc mới sinh khi đứa trẻ biết rằng mình cất tiếng khóc là người lớn phải cho bú, ru ngủ, thay tã, tắm rửa... Mặc cảm này càng phát triển trong những trẻ thuộc về gia đình có ít con vì được chiều chuộng quá đáng. Khi lớn lên, nếu không giải trừ được mặc cảm này, đứa trẻ sẽ có nhiều hành động bất công với người khác, nhất là khi nhu cầu không được đáp ứng.

Mặc cảm Cain xuất hiện khi người mẹ sinh thêm em bé. Đứa trẻ tưởng rằng mình bị đối xử bất công khi cha mẹ dành nhiều sự quan tâm cho đứa em, dù mình có khóc cũng không được chiều chuộng, trong khi em vừa khóc là mẹ chạy đến ngay. Vì thế đứa trẻ thù ghét, muốn loại trừ đứa em ra khỏi cuộc sống để được cha mẹ yêu thương, chiều chuộng mình như xưa. Nếu không giải trừ được mặc cảm này, người ta sẽ luôn giữ thái độ ghen ghét, muốn loại trừ tất cả những ai hơn mình trong đời sống xã hội như Cain giết em mình là Abel trong câu chuyện Thánh Kinh⁵⁵⁴.

⁵⁵⁴ x. St 4,1-16.

Mặc cảm Oedipus, do nhà tâm lý Sigmund Freud tìm ra, phát triển trong độ tuổi từ 3 đến 7, khi trẻ thể hiện tình cảm quý mến đối với người sinh thành khác giới tính với mình và căm ghét người cùng giới. Trẻ nam gắn bó với mẹ và ghét cha, trong khi trẻ nữ lại yêu cha ghét mẹ, như thần thoại Hy Lạp kể chuyện chàng Oedipus đã cưới mẹ và giết cha mình.

Thật ra, khi yêu thương như thế, trẻ nam sẽ bắt chước mẹ để học được tính cách mềm mỏng, thiên về tình cảm, cách nhìn chi tiết, thực tế của sự việc. Trái lại, trẻ nữ sẽ noi gương cha để sống mạnh mẽ, thiên về lý trí, cách nhìn toàn thể, sâu rộng. Nhờ thế, tâm tính của mỗi người được cả hai giới bổ túc, hài hoà cho nhau. Nếu như trẻ sống trong gia đình có cha mẹ ly hôn, hoặc cha mẹ mất sớm và phải sống với một trong hai người cùng giới tính với mình, tình trạng mất quân bình tình cảm sẽ ảnh hưởng nhiều đến đời sống xã hội. Những người như thế thường có những hành động hoặc là quá cứng cõi, bạo lực hoặc là quá nhu nhược, yếu đuối.

Lớn lên, những đòi hỏi của bản năng tình dục sẽ tác động đến hầu hết những hành vi của con người cho đến khi chết. Nếu không được giáo dục và đào luyện về một tình yêu trong sáng, quảng đại, vô vị lợi và biết hy sinh cho người khác, thì con người luôn đòi xử bất công trong những giao tiếp xã hội của mình do bị dục vọng chi phối. Chúng dẫn đến những bất công cho chính mình cũng như cho xã hội. Ví dụ người ta có thể tiêu một số tiền lớn để mua quà cho người tình hay cho cô gái mãi dâm trong khi số tiền đó phải dành để nuôi sống gia đình. Thầy giáo có thể chấm điểm cao hơn cho cô nữ sinh có khuôn mặt đẹp mà không nghĩ đó là bất công với các học sinh khác.

2.2. Trong lịch sử dân tộc

Ngoài những mặc cảm thường thấy trong mỗi con người, chúng ta còn phải để ý đến tính cách tâm lý dân tộc được hình thành trong dòng lịch sử cũng có thể là nguồn tạo nên những bất công hay cổ vũ cho công bằng trong xã hội. Có những dân tộc nổi tiếng về liêm chính, công bằng trong các mối tương quan xã hội, nhưng cũng

không thiếu những dân tộc mang tiếng về những vụ lừa bịp, hàng giả trong các thương vụ khiến cho thế giới phải e dè.

Gần đây, người Việt hoà nhập với cộng đồng thế giới, tham gia các hiệp định thương mại quốc tế, áp dụng những tiến bộ khoa học trong mọi lĩnh vực, chúng ta càng cần phải giữ công bằng trong mọi lĩnh vực, nhất là về kinh tế, xã hội, nếu muốn làm ăn lâu dài với cộng đồng các nước. Ví dụ chúng ta đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật để xây dựng nền nông nghiệp 4.0, sản xuất được nông sản đạt tiêu chuẩn. Tuy nhiên nếu chỉ cần một hộ nông dân lén lút phun thuốc trừ sâu hay bón bằng những loại phân hoá học, thì sản phẩm của cả một vùng rộng lớn sẽ bị loại bỏ, khi người ta kiểm tra nông sản xuất khẩu. Vì thế lương tâm của nhà nông vẫn cần được đề cao, mà điều này chỉ có thể có được nhờ giáo dục quần chúng và nhờ cả tôn giáo.

Vì thế, người Việt chúng ta cần phải học ý nghĩa của công lý, công bằng và những phương cách hoá giải bất công nếu muốn cho dân tộc được trường tồn và hoà nhập với cộng đồng thế giới.

2.3. Trong một thế giới đa dạng và bất bình đẳng

Trong phạm vi quốc tế, chúng ta đang sống trong một thế giới đa dạng và bất bình đẳng. Vì thế, chúng ta cũng nên tìm hiểu nguyên nhân gây nên những bất công và cả những phương cách hoá giải chúng vì chúng ta là thành phần của thế giới này. Hơn nữa, ngay cả khi đang sống giữa những căng thẳng và biến động, đang phải chịu những bất công, chúng ta vẫn có thể tìm được sự an tĩnh trong tâm hồn và tạo nên hạnh phúc cho người khác. Đây là nhiệm vụ của cả cộng đồng nhân loại và là sứ mệnh của người tín hữu Kitô, nhất là của những ai đang nắm giữ quyền lực trong xã hội.

Thế giới hiện nay đang có khoảng 200 quốc gia với nguồn lực nhân sự, kinh tế, văn hoá, chính trị, quân sự lớn nhỏ khác nhau. Mỗi nước lại nằm ở một vị trí khác nhau trên bản đồ thế giới với tài nguyên thiên nhiên không đồng đều. Đó là sự đa dạng phong phú và cần thiết trong cộng đồng nhân loại để mọi người có thể giúp đỡ và bổ túc cho nhau trong cuộc lữ hành ở trần thế. Vì thế các nước phải chia sẻ nguồn lực cho nhau để tất cả cùng được hưởng niềm vui và

hạnh phúc vì trái đất là quà tặng chung của Tạo Hoá cho toàn thể nhân loại.

Tuy nhiên, khi không coi trái đất là ngôi nhà chung cho mọi loài có thể sinh sống an lành và phát triển trọn vẹn, khi chối bỏ Người Cha Tạo Hoá của mình và không còn đối xử với nhau như anh chị em một nhà, một số người bắt đầu muốn chiếm hữu những vùng đất, vùng biển, vùng trời giàu tài nguyên cho riêng dân tộc hay quốc gia mình, cho tổ chức, đảng phái hay tôn giáo của mình. Do đó chúng ta thấy trong suốt dòng lịch sử, từ thuở sơ khai cho đến ngày nay, nhân loại đã phải chịu bao nỗi bất công do lòng tham và lòng dục của con người.



Artwork: Javier Zarracina

Tuy nhiên, các bất công giữa các nước hiện nay lại mang những hình thức tinh vi và khốc liệt hơn, xúc phạm đến con người không chỉ thể xác mà cả tinh thần. Nhiều nước giàu tài nguyên thiên nhiên nhờ có đất đai rộng lớn thường dùng ưu thế để tạo ảnh hưởng và gây căng thẳng.

Dù dân số thế giới hiện nay khoảng hơn 8 tỷ người, nhưng với tài nguyên thiên nhiên dồi dào, cộng thêm các ứng dụng khoa học vào nông nghiệp, nhân loại vẫn dư thừa lương thực cho tất cả mọi người. Nhưng Liên Hiệp Quốc cảnh báo vẫn có 690 triệu người đói ăn năm

2019 và do dịch bệnh Covid-19, có thể thêm 130 triệu người năm 2020, nhất là ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh và vùng Caribê⁵⁵⁵.

Chính quyền các nước quan tâm nhiều nhất đến sức mạnh quân sự. Ngân sách quốc phòng các nước năm 2020 khoảng 2.000 tỉ đô la Mỹ, trong khi tổng chi phí cho các công tác xoá đói giảm nghèo chỉ có khoảng 25 tỉ đô la, chiếm khoảng gần 2% so với chi phí quân sự. Chỉ cần dành 10-20% ngân sách đó thì không còn ai phải ăn đói, mặc rách⁵⁵⁶. Hàng trăm, ngàn tỉ Mỹ kim dành cho việc nghiên cứu, chế tạo những vũ khí tối tân, huỷ diệt hàng loạt trong khi có cả trăm triệu người trên thế giới mù chữ hay không được học hành đến nơi đến chốn. Nếu chỉ dành một phần nhỏ số ngân sách ấy cho việc giáo dục và đào tạo con người, nhân loại sẽ bình an và hạnh phúc hơn nhiều.

Hàng triệu những người tự xưng là trí thức với những khả năng thiên phú, nhưng chỉ dành tất cả sức lực để xâm nhập, quấy rối hệ thống an ninh mạng của quốc gia đối phương, để sản xuất những băng hình đòi truy, ma quái, bạo lực làm băng hoại tinh thần, để ăn cắp những thông tin cá nhân đem bán cho những công ty thương mại điện tử. Hàng trăm ngàn ông trùm xã hội đen với những tên đàn em côn đồ dùng bạo lực để sản xuất và buôn bán ma tuý, buôn bán nội tạng con người, buôn bán các cô gái nhà nghèo bắt họ làm gái mãi dâm, cho vay nặng lãi rồi dùng bạo lực để cướp của người vay nợ. Bạo lực, khủng bố của phe nhóm này làm phát sinh bạo lực và khủng bố của các phe nhóm khác như ta đang thấy xuất hiện ở nhiều nơi trên thế giới.

Sự bất bình đẳng giữa các quốc gia cũng như giữa các cá nhân là một thực tế cần phải có để tạo nên sự đa dạng, nhưng *không phải mọi bất bình đẳng đều là bất công*. Có nhiều bất bình đẳng tự nhiên mà không bất công. Ví dụ như tất cả chúng ta đều sinh ra bởi những

⁵⁵⁵ x. Unicef.org/vietnam/ Báo cáo của LHQ, ngày 13/7/2020, tại Rome.

⁵⁵⁶ x. Wikipedia, *Ngân sách quốc phòng các nước năm 2020*; VTV.VN, *Chi tiêu quân sự toàn cầu*.

cha mẹ khác nhau, có các yếu tố di truyền khác nhau, có những tài năng khác nhau, vào những thời điểm, địa điểm khác nhau, hoàn cảnh chính trị, kinh tế, xã hội khác nhau. Do đó sự bất bình đẳng là điều không thể tránh được. Nếu ta nhìn dưới khía cạnh tích cực thì đó là sự đa dạng của đời sống. Thiên Chúa Tạo Hoá cho mỗi người chúng ta một vẻ đẹp khác nhau ai có được, từ đó cũng bao hàm một sứ mệnh không giống bất kỳ ai. Mỗi người được mời gọi hoàn thành sứ mệnh riêng trước khi trở về hưởng hạnh phúc trọn vẹn và viên mãn với Ngài.

Bất bình đẳng chỉ trở thành bất công khi nó là kết quả của các hành vi phi pháp, vô đạo đức, các phương pháp mờ ám, thiên vị hoặc do lợi ích của các phe nhóm thôi thúc. Một dân tộc gồm những con người chịu khó học hành, làm việc, cần kiệm đương nhiên giàu có hơn dân tộc chỉ biết lười biếng, hưởng thụ, ăn chơi. Từng cá nhân cũng giống như thế. Cá nhân không thể nhân danh bất bình đẳng của mình hay của người khác để đòi công bằng. Họ chỉ có thể nhân danh công lý để đòi được đối xử bình đẳng.

Chúng ta đã từng thấy những người tự xưng là “anh hùng”, đi cướp của người giàu để chia cho người nghèo, nhưng đâu phải người giàu nào cũng bất công! Họ đã cùng với tổ tiên, ông bà, cha mẹ làm việc cực nhọc bao đời mới tích góp được của cải, cướp của họ là hành động bất công.

Tất cả mọi người đều bình đẳng về phẩm giá và các quyền căn bản, bất kể công trạng, nhu cầu và chức vụ của họ là gì vì họ là những thụ tạo được dựng nên theo hình ảnh của Thiên Chúa và giống với Thiên Chúa như điều 1 của Hiến chương Liên Hiệp Quốc về quyền con người xác định. Đây là nguyên tắc xã hội và cũng là nguyên tắc pháp lý.

Nhưng *bình đẳng cũng không có nghĩa là đồng nhất*. Để đạt được công bằng và bình đẳng, pháp luật phải đối xử với các thực tại khác nhau theo sự khác biệt của chúng, cũng như phải đối xử các thực tại giống nhau theo sự tương đồng của chúng. Một luật đối xử với các vấn đề khác nhau theo một cách giống hệt nhau hoặc đối xử các vấn

đề giống hệt nhau theo một cách khác nhau là một luật phân biệt đối xử và bất công⁵⁵⁷.

Ví dụ, một điều dưỡng không thể đòi được trả lương bằng một bác sĩ lấy lý do là cả hai làm việc 8 giờ mỗi ngày như nhau. Toà án cũng không thể xử hai người cùng phạm tội làm chết người như nhau thì bị kết án như nhau mà không xét đến tình tiết người vị thành niên, uống rượu say, bị tâm thần...

Điều chúng ta cần ghi nhớ, nhất là những ai đang nắm vận mệnh thế giới, là không một đế quốc và bạo chúa nào trên thế giới đã trường tồn. Vì thế, các người làm chính trị không được lừa dối người dân bằng những phong trào hay chủ nghĩa dân túy như A. Hitler đã làm đối với dân tộc Đức và nhiều chính khách nửa mùa đang làm trên đầu trường chính trị của thế giới.

Mỗi một hành động bất công, bất chính của chúng ta, dù không một ai biết đến và không bị toà án nào kết tội, đều ghi một vết nhơ trong tinh thần của ta và ta phải tẩy sạch chúng nếu muốn cảm nhận được niềm vui và hạnh phúc vĩnh hằng. Nếu một tập thể xã hội hay một dân tộc phạm lỗi bất công thì mỗi thành viên đều phải chịu trách nhiệm tập thể, phải đền bù thiệt hại và đền tội của mình, nếu muốn cho dân tộc được thật sự tự do và hạnh phúc. Ta đã thấy thể hiện điều đó khi dân tộc Nhật Bản đền bù cho các phụ nữ Hàn Quốc bị quân đội của họ lạm dụng tình dục trong Thế chiến II.

3. Từ công bằng đến bác ái

Như thế việc đi tìm công lý và hành xử công bằng không còn phải là việc thỉnh thoảng ta mới phải làm, nhưng là một nhiệm vụ cần thể hiện mỗi ngày trong tư tưởng, lời nói, hành động, nhờ đó ta tìm được sự ổn định, trật tự và thịnh vượng. Vì thế, muốn đạt được mục tiêu này, chúng ta phải hành động theo những nguyên tắc căn bản sau đây. Tuy nhiên, công bằng mới chỉ là điểm khởi đầu cho con đường tình yêu dẫn tới niềm vui, bình an và hạnh phúc.

⁵⁵⁷ x. ĐÔ. Martin Schlag, *Cẩm nang GHXHCN*, số 75-76.

3.1. Vài nguyên tắc hướng dẫn để đạt được công lý và công bằng

Để giải quyết những bất bình đẳng giữa con người, trước hết, chúng ta phải hoá giải được các mặc cảm tự ti, tự tôn dẫn đến ghen ghét, hận thù trong chính mình bằng việc nhận ra mình được Thiên Chúa yêu thương⁵⁵⁸, nhận ra mình độc đáo với một sứ mệnh đặc biệt⁵⁵⁹, có khả năng vô tận để phát huy⁵⁶⁰, và nhận ra mọi người, mọi vật là anh chị em của ta, con cùng một Cha Trên Trời⁵⁶¹.

Hầu hết những mặc cảm tự ti là do chúng ta chỉ nhìn vào người khác và so sánh mình với họ để thấy mình thua kém về tài năng, sắc đẹp, giàu sang, cao quý mà không nhận ra sự độc đáo với những cái hay, cái đẹp, cái tốt của chính mình. Có người còn trách móc Thiên Chúa đã đối xử bất công với mình khi cho người khác nhàn nhã hơn họ, như trong dụ ngôn ông chủ và các người làm vườn nho⁵⁶². Tuy nhiên khi chúng ta nhận ra rằng tất cả những gì mình có đều là ơn Chúa ban, chúng ta sẽ khiêm tốn hơn.

Những mặc cảm tự tôn, ngược lại, thường bắt nguồn từ việc chúng ta chỉ nhìn vào mình để thấy mình hơn người khác về tài năng, sức khoẻ, sắc đẹp... Chúng ta xem thường họ, nhất là những người nghèo khổ, thiếu thốn, xấu xí quanh ta, bởi vì chúng ta không nhận ra họ là anh chị em thật sự trong đại gia đình Thiên Chúa. Chúng ta không nghĩ được rằng nếu họ có điều kiện học hành, làm việc, ăn uống như ta, họ có thể còn tài giỏi, xinh đẹp, khoẻ mạnh hơn ta nhiều. Chúng ta cũng không biết rằng cơm bánh mà ta ăn vào có thể là do họ lao động vất vả thay ta, tài năng ta có được cũng nhờ họ hy sinh chịu những bất công trong xã hội thay ta.

Thánh Têrêsa Calcutta đã nhắc nhở chúng ta rằng: “Đối với tôi, sự bất công lớn nhất gây nên cho những người nghèo không phải là chúng ta tước đoạt những thứ vật chất, nhưng là việc chúng ta làm cho họ mất phẩm giá làm con Thiên Chúa, mất sự tôn trọng mà

⁵⁵⁸ x. *Bạn là Lời cứu độ*, in lần IV, NXB Đồng Nai, 2017, tr.18; *HTXHC*, số 108-11.

⁵⁵⁹ x. Sđd, *Bạn là Lời Cứu độ*, tr. 19.

⁵⁶⁰ x. Sđd, *Bạn là Lời Cứu độ*, tr. 20; 25

⁵⁶¹ x. Sđd, *Bạn là Lời Cứu độ*, tr.21.

⁵⁶² x. Mt 20,1-16.

chúng ta phải có đôi với một con người. Chúng ta nghĩ rằng họ không tốt gì cả, họ làm biếng, họ thế này, thế kia và ta thêm vào đó nhiều từ ngữ nhục mạ. Đối với tôi, đó mới là bất công lớn nhất”⁵⁶³.

“Người nghèo của chúng ta không cần cảm thông suông. Họ không cần chúng ta thương hại họ, nhưng họ cần tình yêu và lòng nhân từ. Chúng ta phải biết rằng họ là những người xứng đáng được yêu thương, đáng được trân trọng và điều hiểu biết này sẽ làm chúng ta yêu thương họ và thích phục vụ họ. Người nghèo là niềm hy vọng cứu rỗi của nhân loại vì chúng ta sẽ bị xét xử vào giờ chết về những gì mà chúng ta đối xử với họ và những gì chúng ta đã làm cho họ”⁵⁶⁴.



Để giải quyết sự bất bình đẳng giữa các quốc gia, GHCG giới thiệu “nguyên tắc mục tiêu phổ quát của của cải”. Nguyên tắc này dựa trên sự kiện Thiên Chúa tạo ra mọi thứ hiện hữu và trao ban trái đất cho người nam và người nữ đầu tiên để họ thống trị trái đất bằng lao động của họ và tận hưởng thành quả của công việc họ làm⁵⁶⁵. Nguyên tắc này là nền tảng của trật tự đạo đức xã hội và có thể được diễn giải như sau: “Thiên Chúa đã tiền định cho trái đất và tất cả những gì trái đất chứa đựng đều là cho mọi người và mọi dân tộc, ngõ hầu mọi thụ tạo đều được chia sẻ một cách tương xứng cho hết mọi người dựa vào công lý, và công lý này được điều tiết bởi bác

⁵⁶³ x. Sdd, *Bạn là Lời Cứu độ*, tr. 123.

⁵⁶⁴ x. Sdd, tr. 119; Mt 25, 31-46.

⁵⁶⁵ x. St 1,28-29.

ái”⁵⁶⁶. Do đó, nước giàu tài nguyên có trách nhiệm phải hỗ trợ các nước nghèo, nhất là khi các nước này bị thiệt hại bởi thiên tai, dịch tễ, khủng hoảng...

Đối với các cá nhân có nhiều của cải, nguyên tắc này cũng được áp dụng để mời gọi từng người biết đến chức năng xã hội của tài sản, nghĩa là mỗi người “nên nhìn các sự vật bên ngoài mà mình đang sở hữu hợp pháp không chỉ như của mình mà còn như của chung, theo nghĩa chúng phải làm lợi không chỉ cho mình mà còn cho những người khác”⁵⁶⁷. Điều này dẫn ta đến việc dùng của cải giúp đỡ họ và ưu tiên chọn lựa người nghèo như Đức Giêsu Kitô⁵⁶⁸.

Tuy nhiên, nguyên tắc mục tiêu phổ quát của của cải không chống lại quyền tư hữu. Tư hữu và các hình thức sở hữu tư nhân khác đối với của cải là hoàn toàn cần thiết cho sự độc lập của cá nhân và gia đình, cũng như cần thiết để đạt được một chính sách kinh tế xã hội và dân chủ đích thực. Ta cũng nên nhớ rằng: “truyền thống Kitô giáo chưa bao giờ công nhận quyền tư hữu là quyền tuyệt đối và bất khả xâm phạm”. Vì thế, nếu như một người có nhiều ruộng đất mà không canh tác, họ cần phải tự nguyện giao chúng cho người khác có nguyện vọng và khả năng để sử dụng tốt các tài sản ấy⁵⁶⁹.

Nguyên tắc mục tiêu phổ quát của của cải cũng áp dụng vào quyền sở hữu trí tuệ. Chúng ta biết rằng việc áp dụng thực tiễn các khám phá của khoa học và công nghệ ngày càng có tính quyết định cho sự phát triển và giàu có của một quốc gia. Singapore là một thí dụ điển hình. Vì thế nhiều quốc gia đã quản lý những phát minh khoa học và kỹ thuật của người dân như là tài sản trí tuệ của quốc gia, trong khi một vài thế lực khác lại tìm mọi cách để chiếm đoạt các sở hữu đó bằng những thủ đoạn bất chính, thậm chí còn phong thưởng cho những kẻ ăn cắp được chúng. Việc tranh cãi về việc giữ bản quyền sáng chế và công nghệ sản xuất vaccine ngăn chặn dịch bệnh Covid-

⁵⁶⁶ x. ĐÔ. Martin Schlag, *Cẩm nang GHXHCG*, số 101; *TLHTXHCG*, số 171, GS 69.

⁵⁶⁷ x. ĐÔ. Martin Schlag, *Cẩm nang GHXHCG*, số 104; *TLHTXHCG*, số 178; GS 69; *GLHTCG*, số 2444.

⁵⁶⁸ x. ĐÔ. Martin Schlag, *Cẩm nang GHXHCG*, số 105; *TLHTXHCG*, số 182-184.

⁵⁶⁹ x. ĐÔ. Martin Schlag, *Cẩm nang GHXHCG*, số 107; *TLHTXHCG*, số 175-180.

19 là một thí dụ: trong khi Hoa Kỳ kêu gọi không giữ bản quyền thì một số nước khác lại bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bắt chắp dịch bệnh đang giết hại 5,93 triệu người và hơn 431 triệu nhiễm virus⁵⁷⁰.

GHCG đề nghị “phải đưa các kiến thức mới về công nghệ và khoa học phục vụ những nhu cầu hàng đầu của con người”⁵⁷¹. Điều này cũng áp dụng cho mọi quyền sở hữu trí tuệ của các cá nhân. Nhiều người đã đòi tiền bản quyền quá cao mà không nghĩ họ đã bắt công với người khác, nhất là khi những phát minh, những tác phẩm của họ tác động đến xã hội và được trao quyền quản lý cho những tổ chức thương mại. Những phần mềm máy tính điện tử của Công ty Microsoft là một thí dụ: mỗi máy tính sử dụng đều phải mua phần mềm với giá rất cao. Cá nhân nào bẻ khóa, ăn cắp bản quyền thì lại bị cài mã độc phá nát máy tính.



Thế giới ngưỡng mộ và biết ơn tiến sĩ Sarah Gilbert và nhóm nghiên cứu của bà thuộc viện nghiên cứu Jenner của Đại học Oxford, Anh quốc. Bà đã quảng đại hiến tặng trọn vẹn thành quả nghiên cứu vaccine cho cộng đồng, yêu cầu hãng dược Astra Zeneca phân phối phi lợi nhuận với giá gốc chính thức thật rẻ, chỉ khoảng 3 USD mỗi liều, trong khi giá của công ty Sinopharm lên đến 13,6 USD/liều, của công ty Moderna và Pfizer hơn 30 USD/liều. Tình yêu quả thật hoàn thiện công bằng.

3.2. Công bằng trong các lĩnh vực và mọi mối tương quan

Người Do Thái là một dân tộc đặc biệt đã sớm nhận ra giá trị của con người vượt lên trên mọi sự khác biệt vì họ đã từng là nô lệ cho

⁵⁷⁰ x. Worldmeter, Thông tin về dịch bệnh Covid-19, ngày 26/2/2022.

⁵⁷¹ x. TLHTXHC, số 179.

đế quốc Ai Cập. Họ quy định *Mười điều răn*⁵⁷², luật “*mạng đền mạng, mắt đền mắt, răng đền răng, tay đền tay, chân đền chân*”⁵⁷³, luật “không được áp bức người cùng khổ, mồ côi, goá bụa”, “không được xét xử bất công, thiên vị giữa người giàu và người nghèo, giữa người Do Thái và người ngoại bang”... như luật công bằng xã hội cho dân tộc mình. Để giữ được công bằng, người Do Thái tin rằng Thiên Chúa là vị thẩm phán chí công vô tư, Ngài biết rõ lòng con người cũng như mọi hành động của họ⁵⁷⁴, đồng thời Ngài cũng là chủ lịch sử và mọi biến cố xảy ra trong lịch sử nên sẽ xét xử mọi người và muôn dân tộc một cách công minh⁵⁷⁵ trong cuộc phán xét cuối cùng⁵⁷⁶.

Người tín hữu Kitô giáo có chung niềm tin với người Do Thái vì Đức Giêsu thường đề cập đến cuộc phán xét cuối cùng⁵⁷⁷. Đức Giêsu được Chúa Cha phong làm thẩm phán của Ngày Cuối cùng⁵⁷⁸, nhưng không phải để xét xử mà để cứu thế gian⁵⁷⁹. Người sẽ phán xét cách công minh⁵⁸⁰ người sống và kẻ chết⁵⁸¹ về mọi hành động công khai hay thầm kín của từng người⁵⁸². Vì thế mỗi người phải giữ công bằng trong mọi lĩnh vực và mọi tương quan.

Trong các lĩnh vực như kinh tế, xã hội, chính trị, giáo dục, văn hoá, nghệ thuật... mỗi cá nhân, tổ chức xã hội hay từng chính quyền đều phải giữ và làm đúng những điều đã quy định trong luật pháp, trong hợp đồng đã được ký kết, để bảo đảm công lý và công bằng cho mọi người dân và các thành phần của xã hội.

⁵⁷² x. Đnl 5, 1-21; Xh 20,1-17.

⁵⁷³ x. Đnl 19,20.

⁵⁷⁴ x. Gr 10,20; 17,10.

⁵⁷⁵ x. Gr 25,30-38.

⁵⁷⁶ x. Đn 7,9-12.26.

⁵⁷⁷ x. Mt, 25, 14-30.

⁵⁷⁸ x. Ga 5,22-30.

⁵⁷⁹ x. Ga 3,17;8,15.

⁵⁸⁰ x. 1P1,17; Rm 2,6.

⁵⁸¹ x. 2Tm 4,1; Rm 2,16; Kh 19,11.

⁵⁸² x. Rm 2,16; 1Cr 4,4.

Trong các tương quan với Thiên Chúa, với con người, với vạn vật và với chính mình, chúng ta phải giữ công bằng, nghĩa là “*có ước muốn kiên định và vững chắc trả lại những gì mình mắc nợ với Chúa và tha nhân*”⁵⁸³.

Vậy công bằng đối với Thiên Chúa là trả cho Ngài sự tôn kính trọn vẹn và biết ơn: đó là đức thờ phượng⁵⁸⁴ vì Ngài không mắc nợ ai trong khi tất cả những gì ta có đều do Ngài ban tặng. Đức Giêsu cũng xác nhận: “*Của Caesar trả về Caesar, của Thiên Chúa trả về Thiên Chúa*”⁵⁸⁵. Như thế, việc “*phải yêu Chúa hết lòng, hết sức, hết linh hồn và hết trí khôn*”⁵⁸⁶ cũng chỉ là luật công bằng trong mối tương quan với Chúa.

Còn việc “*phải yêu người thân cận như chính mình*”⁵⁸⁷ cũng chỉ là luật công bằng trong tương quan với tha nhân vì người khác là anh chị em của ta trong đại gia đình Thiên Chúa. Trong tương quan với con người, ta phải giữ công bằng giữa các cá nhân với nhau⁵⁸⁸, giữa các quốc gia với nhau⁵⁸⁹, giữa chính quyền với công dân⁵⁹⁰. Những nông sản, hải sản không an toàn do hoá chất độc hại, những viên thuốc chữa bệnh không đủ hàm lượng hay giả tạo... đều là các vi phạm về công bằng trong phạm vi cá nhân. Những việc chèn ép giá cả, áp thuế quá đáng trong cuộc chiến tranh kinh tế, thương mại giữa các nước vì dầu hoả, vì đất hiếm, vì tài nguyên thiên nhiên... cũng vi phạm công bằng trong phạm vi quốc gia. Những cuộc bầu cử gian lận, đầu thầu không công khai cho các dự án lớn... cũng vi phạm công bằng giữa chính quyền và công dân.

Trong tương quan với vạn vật, chúng ta cũng phải giữ công bằng để không khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, như tránh đánh bắt

⁵⁸³ x. *TLHTXHCG*, số 201, *GLHTCG*, số 1807.

⁵⁸⁴ x. *TLHTXHCG*, số 17, 23, 63, 66, 67.

⁵⁸⁵ x. Mt 22,21.

⁵⁸⁶ x. Mt 22,37.

⁵⁸⁷ x. Mt 22,39.

⁵⁸⁸ x. *TLHTXHCG*, số 462, 474.

⁵⁸⁹ x. *TLHTXHCG*, số 453, 497; *Docat*, câu 185-207.

⁵⁹⁰ x. *TLHTXHCG*, số 527, 565.

cá trong mùa đẻ trứng hay dùng lưới quét bắt mọi thứ hải sản lớn nhỏ, thải các chất độc, khí độc ra ngoài môi trường.

Trong tương quan với chính mình, ta phải giữ công bằng để làm việc điều độ, dành thời giờ nghỉ ngơi, ăn uống bồi dưỡng để phục hồi sức khoẻ, phát triển tinh thần.

3.3. Can đảm dẫn thân hành động cho công bằng xã hội

“Tin Mừng dứt khoát dẫn người ta đến chỗ phải dẫn thân cho tình yêu, công lý, tự do và hoà bình. Khi Đức Giêsu tuyên bố Nước Trời đã đến, Người không chỉ chữa lành và cứu mạng một số cá nhân, mà hơn thế nữa, Người thiết lập một hình thức mới của cộng đồng – một vương quốc của hoà bình và công lý”⁵⁹¹.

“Bắt chước Đức Giêsu, mỗi tín hữu tiếp tục công trình cứu độ của Người, nhờ sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần: để trả lại công bằng cho người nghèo, giải thoát người bị áp bức, an ủi người phiền muộn, tích cực đi tìm một trật tự xã hội mới, trong đó có những giải pháp thích đáng để giải quyết sự nghèo nàn về vật chất”⁵⁹².



Tín hữu phải biết hợp tác với mọi người để bảo vệ công bằng trong mọi lĩnh vực⁵⁹³ như giáo dục, truyền thông, kinh tế, chính trị.

⁵⁹¹ x. *TLHTXHCG*, số 63, 260; *Docat*, câu 28.

⁵⁹² x. *TLHTXHCG*, số 325.

⁵⁹³ x. *TLHTXHCG*, công bằng, số 448; trong mọi lĩnh vực như giáo dục, số 332; truyền thông, số 562; kinh tế, số 564; chính trị, số 565.

Vấn đề không phải là đi tìm những công thức mới, kế hoạch mới, nhưng GH giới thiệu “Đức Giêsu Kitô như là tâm điểm cho mọi hoạt động xã hội của chúng ta để Người được nhận biết, yêu thương, bắt chước”⁵⁹⁴.

3.4. Tình yêu hoàn thiện những công trình của công bằng

Tình yêu, theo nghĩa “*bác ái*, là có lòng yêu thương rộng khắp, yêu cách quảng đại, vô vị lợi” sẽ hoàn thiện những công trình của công bằng vì “chỉ có tình yêu mới có khả năng thay đổi tận gốc những mối quan hệ con người đang có với nhau. Đây chính là viễn cảnh giúp mọi người thiện chí thấy được những chân trời công lý rộng mở, và con người phát triển trong sự thật và sự thiện hảo”⁵⁹⁵.

“Công bằng không ở bên ngoài bác ái, không là một lựa chọn khác hoặc con đường song song với bác ái: nhưng luôn đi liền với bác ái, và ở bên trong bác ái. Công bằng là bước đường khởi đầu của bác ái hoặc, theo ngôn từ của Đức Phaolô VI, là ‘mức tối thiểu’ của bác ái”⁵⁹⁶. Công bằng nghĩa là đưa cho người khác cái gì thuộc về họ. Bác ái nghĩa là công hiến cái gì là “của tôi” cho người khác. Do đó, bác ái vượt quá công bằng, nhưng không bao giờ thiếu công bằng. Nếu tôi yêu người khác, trước tiên tôi phải hướng về họ, tôi phải cung cấp cho họ cái gì là của họ theo lẽ công bằng⁵⁹⁷.

Tình yêu vừa giả thiết có công bằng, vừa vượt lên trên công bằng. “Công bằng phải được hoàn tất trong bác ái”. Nếu công bằng “tự nó thích hợp cho chúng ta dựa vào mà phân xử giữa con người với nhau, mỗi khi đụng chạm đến việc phân phối các thiện ích khách quan sao cho công bằng, thì tình yêu và chỉ có tình yêu, bao gồm cả

⁵⁹⁴ x. TLHTXHC, số 577.

⁵⁹⁵ x. TLHTXHC, số 4.

⁵⁹⁶ ĐGH Bênêdictô XVI, TD. *Caritas in Veritate*, số 6. Ở đây thông điệp trích dẫn Đức Phaolô VI: “Diễn từ Ngày Phát triển, 23 tháng 8 năm 1968; *Acta Apostolicae Sedis* 60 (1968), tr.626–627.

⁵⁹⁷ x. ĐÔ. Martin Schlag, *Cẩm nang GHXHC*, số 7.

tình yêu nhân hậu mà Chúa Giêsu quen gọi là lòng thương xót, mới có khả năng khôi phục con người trở lại với chính mình⁵⁹⁸.

Kết luận

Bài học về công bằng hết sức cần thiết để mỗi người chúng ta hoá giải được những mặc cảm trong chính mình cũng như những xung đột trong xã hội. Thiên Chúa là Đấng công minh luôn nhìn thấu mọi cố gắng thể hiện công bằng của ta để ban thưởng cho mỗi người theo tình yêu bao la của Ngài.

Câu hỏi

- 1. Con người ngày nay đang quan tâm tới loại công bằng nào nhất?*
- 2. Khi người chủ trả lương không công bằng cho người làm công cho mình, người làm công sẽ hành động thế nào để đòi được công bằng cho mình? Tự động lấy của chủ hay đàm phán?*
- 3. Bạn nghĩ sao về những “tác quyền” đang được bảo vệ kỹ lưỡng và rất cao giá trong nhiều lĩnh vực như hiện nay. Bạn có đề nghị gì về tác quyền của những tác phẩm Công giáo ở nước ta?*
- 4. Tại sao không có một hệ thống phân phối văn hoá phẩm Công giáo qua các giáo phận, giáo xứ, dòng tu để bớt trung gian và hạ giá sách xuống?*
- 5. Tại sao ít người Công giáo tặng sách theo kiểu “án tống” như các anh em Phật giáo, Tin Lành để phổ biến văn hoá Công giáo mà chỉ tập trung cho việc xây cất những cơ sở vật chất?*

⁵⁹⁸ TLHTXHC, số 206, 582, 583; ĐTC Gioan Phaolô II, *TĐ Ngày Thế giới Hoà bình năm 2004*, số 10.

Các nguyên tắc hành động

Lời mở

Một ngày sống bắt đầu. Chúng ta thấy mình có nhiều việc phải làm: thức dậy, đánh răng, rửa mặt, vệ sinh, ăn uống, đi học, đi làm, nghỉ ngơi, giải trí, thể thao, vui chơi với bạn bè, gần gũi người thân, rồi kết thúc bằng giấc ngủ đêm để sáng mai lại lặp lại hầu như các hành động như thế.

Có những hành động ta làm với nhận thức và ý muốn rõ rệt, nhưng cũng có những hành động ta làm theo thói quen như một cái máy. Có những hành động ta làm theo những cảm xúc thăng hoa, nhưng cũng có những lúc ta vô cảm hay làm vì hận thù, ghen ghét hoặc do những tham vọng và dục vọng thúc đẩy, tạo nên những hậu quả tai hại cho mình và cho người. Có những hành động khiến ta vui sướng, hạnh phúc, tự hào khi nhớ lại, nhưng cũng có những hành động làm ta đau khổ, buồn phiền, xấu hổ mỗi khi nhắc đến. Rồi có cả những lúc ta thấy đời mình bất hạnh, nằm yên một chỗ, không làm được việc gì, không giúp ích cho ai, tưởng như đời mình chẳng còn giá trị, nên không còn muốn sống. Như thế, có thể nói rằng đời sống là một chuỗi những hành động nối tiếp nhau tạo nên chất lượng và giá trị cho mỗi con người.

Vậy hành động là gì? Ta cần nguồn năng lượng nào để hành động? Muốn hành động tốt đẹp và cao thượng ta phải theo các nguyên tắc nào? Để hành động có giá trị vĩnh hằng và siêu việt ta cần phải làm gì? Đó là các vấn đề thiết thực và quan trọng đáng ta quan tâm.

1. Hành động là gì?

Ta cần hiểu rõ và phân biệt nhiều loại hành động để có thể loại bỏ cái xấu, phát huy cái tốt cũng như để biết rõ trách nhiệm của mình.

1.1. Phân biệt hành động và hành vi

Tiếng Việt cũng như nhiều ngôn ngữ khác rất phong phú. Cùng một từ *actus*, *actio* của tiếng Latinh; *act*, *action* của tiếng Anh, hay *acte*,

action của tiếng Pháp, tiếng Việt có thể dịch thành nhiều từ như *hành động, hành vi, tác động, hoạt động, việc làm* và nhiều từ khác. Tuy nhiên ta cần hiểu 2 từ chính sau đây.

- *Hành động*: là việc làm cụ thể của con người nhằm một mục đích nhất định⁵⁹⁹. Ví dụ: ăn một bữa cơm; uống một ly nước; nói một lời chào, mua một đồ vật, chịu một cơn đau,... Như thế ăn, uống, ngủ, nghỉ, mua, bán... là những hành động.

- *Hành vi*: toàn bộ những phản ứng, cách cư xử biểu hiện ra bên ngoài của một người trong một hoàn cảnh cụ thể⁶⁰⁰ khi thực hiện hành động đó. Ví dụ: hành vi ăn: bao gồm cách gấp thức ăn, nhai nuốt, bộ mặt biểu lộ cảm xúc khi ăn, đến cách ngồi ở bàn ăn, ý hướng và mục đích ăn...

Trong thực tế, nhiều người dùng lẫn lộn 2 từ trên mà không biết phân biệt. Trong các vụ án, người ta phân tích hành động và hành vi. Ví dụ hành động giết người là lấy dao đâm vào người khác, còn hành vi giết người được phân tích bằng thái độ khi đâm, mối quan hệ cá nhân của các người liên quan, cảm xúc qua ánh mắt khi đâm, thái độ trốn chạy sau khi đâm... Trong tôn giáo, hành động phụng vụ là nâng lễ vật lên cao, còn hành vi phụng vụ là bao gồm cả ý hướng, tâm tình, cử chỉ khi dâng lễ vật đó; hoạt động phụng vụ có nghĩa rộng hơn, bao gồm các hành động và hành vi khi thực hiện các lễ nghi tôn giáo.

1.2. Phân biệt hành vi nhân sinh và nhân linh theo luân lý

Hành vi nhân sinh là hành vi của con người, nhưng không do lý trí con người điều khiển, cũng không được ý chí con người kiểm soát. Ví dụ: té ngã, nói mê, xuất tinh trong giấc mơ, vô tình nổ súng làm chết người, lái xe đứt thắng gây tai nạn⁶⁰¹. Con người không chịu trách nhiệm luân lý về các hành vi này, nhưng phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự cho những thiệt hại gây ra.

⁵⁹⁹ x. *Từ điển tiếng Việt 2013*, mục từ *Hành động*, tr.548.

⁶⁰⁰ x. *Từ điển tiếng Việt 2013*, mục từ *Hành vi*, tr.549.

⁶⁰¹ x. Nguyễn Đình Diễm, *Từ điển Công giáo Anh-Việt*, 2014, tr.40,42.

Hành vi nhân linh là hành động đã được lựa chọn cách có ý thức và tự do theo phán đoán của lương tâm nên có trách nhiệm luân lý⁶⁰² và trách nhiệm pháp lý nếu có những hậu quả trong cộng đồng xã hội. Ví dụ ăn một bữa cơm với ý thức tạo nên sức khoẻ cho mình để phục vụ người khác, đọc một cuốn sách để có kiến thức, chịu đựng một cơn đau để cầu nguyện cho người thân... đều là những hành vi có giá trị tốt.

Chúng ta cũng ghi nhận rằng ý thức và ý chí con người là hai tài năng khác nhau. Một hành vi nhân linh đòi hỏi phải có đủ hai yếu tố: nhận thức đầy đủ và hoàn toàn tự do muốn thực hiện hành động đó. Nếu một trong 2 yếu tố không đầy đủ hoặc không trọn vẹn thì trách nhiệm luân lý cũng giảm bớt. Ví dụ một nhân viên ngân hàng bị bọn cướp nhà băng bắt mở khoá két sắt đựng tiền, nếu không sẽ bị bắn chết, người đó biết việc mình làm là phạm pháp nhưng không có tự do, nên không thể bị kết án. Hoặc nhiều bạn trẻ phạm tội thủ dâm, dù hoàn toàn tự do hành động, nhưng lại không nhận thức đó là tội lỗi vì được dạy ở trường hay đọc sách báo hướng dẫn tình dục sai lạc: cho đó là việc cần làm mỗi khi căng thẳng.

Tính cách luân lý của các hành vi nhân linh tùy thuộc vào 3 yếu tố sau đây: trước hết, đối tượng được chọn lựa là điều thiện chủ ý nhắm tới; tiếp theo là ý hướng hay mục đích mà chủ thể hành động muốn thể hiện; thứ ba là các hoàn cảnh của hành động, bao gồm cả những hậu quả. Ví dụ: chàng trai cho tiền người nghèo trước mặt người yêu. Anh ta cho tiền người nghèo không phải để giúp đỡ họ, nhưng có ý mua chuộc lòng tin của người yêu để lừa



⁶⁰² x. *Từ điển Công giáo*, 2019, tr.375.

dối người đó sau này⁶⁰³. Hành động đó bên ngoài là tốt theo đánh giá của con người, nhưng vì Chúa nhìn thấu tâm hồn, nên hành động đó là xấu xa, đáng bị lên án và trừng phạt.

Như thế, một hành vi tốt về mặt luân lý đòi phải tốt cả 3 yếu tố. Người ta không thể áp dụng nguyên tắc “Mục đích biện minh phương tiện” để thực hiện các hành động nguy hiểm, bất công cho mình hay cho người khác. Ví dụ người ta không thể ăn cắp tiền của cha mẹ hay người giàu để giúp đỡ người nghèo, không thể ngoại tình để an ủi một người bạn đang tuyệt vọng⁶⁰⁴.

1.3. Phân biệt các hành vi theo quan điểm xã hội

Hành vi cá nhân là hành động do một người thực hiện. Hành động nào chỉ thực hiện trong ý thức hay ý chí của chủ thể mà không thể hiện ra bên ngoài thì đó là *hành động nội tâm hay thầm kín, riêng tư* của cá nhân. Ví dụ như nghĩ đến các hình ảnh dâm dăng, nghĩ xấu về người khác, muốn ân ái với người tình, muốn lấy cắp chiếc nhẫn của người bạn, thậm chí muốn giết chết kẻ thù đang đứng trước mắt. Con người có tự do nên được quyền có những ý nghĩ và ước muốn như thế. Họ chỉ chịu trách nhiệm với lương tâm mình, còn pháp luật không thể kết tội vì chưa thể hiện ra bên ngoài.

Từ điển Bách khoa Việt Nam⁶⁰⁵: gọi đó là *hành động trí óc*: hành động chỉ thực hiện trong tâm trí con người dành cho việc suy tư, nhận thức, ước muốn, cảm xúc, nhớ nhung... nhưng không dựa vào một phương tiện bên ngoài nào như tay chân, máy tính, ngôn ngữ, chữ viết. Tuy nhiên Từ điển này lại gọi *hành động ý chí*, thay vì gọi là *hành động chủ ý*, tương đương với “hành vi nhân linh” được chúng ta bàn ở trên, là hành động đặc thù của con người, có mục đích đề ra từ trước một cách ý thức, có lựa chọn phương tiện, biện pháp để thể hiện mục đích, có theo dõi kiểm tra, điều khiển, nỗ lực khắc phục khó khăn trong quá trình thực hiện mục đích.

⁶⁰³ x. *GLHTCG*, số 1749-1754.

⁶⁰⁴ x. *GLHTCG*, số 1756-1761; *Youcat*, số 288.

⁶⁰⁵ x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, mục từ *Hành động, Hành vi*, tr.215-218.

Con người là một thực thể tinh thần được Thiên Chúa tạo dựng nên có quyền tự do suy nghĩ và ước muốn cả điều tốt lẫn điều xấu. Tuy nhiên, họ phải giữ tinh thần mình trong sáng, tốt đẹp, xứng đáng với Thiên Chúa. Do đó, nếu những hành vi nào làm vẩn đục tinh thần của mình hay của người khác đều bất xứng với Ngài và đều ghi những vết bẩn trên tinh thần của con người, đòi hỏi họ phải thanh tẩy chúng. Vì thế chúng ta nghe Đức Giêsu nhắc nhở rằng: “Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi!”⁶⁰⁶.

Hành vi xã hội: là hoạt động của con người trong xã hội, có quan hệ đến người khác, đến một tổ chức, một tập thể trong xã hội, gây ảnh hưởng và tác động trực tiếp hay gián tiếp đến người khác. Ví dụ một người xem truyền hình hay hát karaoke với âm thanh quá lớn vang đến tai người khác, viết thư lăng nhục vu cáo người khác, sản xuất phim ảnh đồi trụy hoặc loan những tin tức thất thiệt trên các mạng xã hội.

Trong các hành vi xã hội, người ta còn phân biệt thêm:

+ *Hành vi bản năng*: là các hành vi bẩm sinh, giống như ở tất cả các cá thể cùng loại, bảo đảm những chức năng cơ bản nhất cho sự sinh tồn của cá thể và phát triển của giống loài như bản năng ăn uống, tự vệ, tính dục, bầy đàn, di cư... Nơi con người, những bản năng không còn y nguyên như lúc mới sinh, mà phần lớn đều ghi dấu ấn của văn hoá xã hội, nghĩa là bản năng được ý thức hoá.

+ *Hành vi hành chính*: toàn bộ những hoạt động nhằm phục vụ công dân thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ của mình, thông qua sự chỉ đạo và quản lý của Nhà nước. Ví dụ như làm thẻ căn cước công dân, khai báo hộ khẩu, khai báo di chuyển...

+ *Hành vi pháp luật*: những hành vi do pháp luật quy định. Thí dụ: việc khai báo tài sản của các viên chức; xin phép nhập khẩu hàng tiêu dùng nước ngoài. Việc xem phim đồi trụy là hành động luân lý

⁶⁰⁶ x. Mt 5,28.

xấu nhưng không bị pháp luật quy định và lên án, nhưng việc sản xuất phim đồi trụy là hành vi trái pháp luật.

2. Nguồn lực hành động của con người

Chúng ta vừa phân loại hành vi theo những hiểu biết của khoa học của thế kỷ 21, nhưng con người hiện đại đã xuất hiện gần 200.000 năm. Việc con người nhận thức được hành động, phân biệt các loại hình hoạt động, khám phá ra giá trị luân lý của hành động, mới chỉ bắt đầu từ vài ngàn năm nay. Muốn khám phá ra nguồn lực hành động ta cần tìm hiểu sâu xa hơn.

2.1. Hành động con người tiến hoá theo thời gian

Từ thuở sơ khai, con người hành động theo bản năng sinh tồn giống như những loài vật khác. Nhiều loài vật phải giết hại các loài khác để sống, thậm chí sát hại cả đồng loại. Giai đoạn hành động theo bản năng kéo dài vì tâm trí con người chưa mở mang, sống theo bầy đàn và hành động theo bầy đàn.

Nhờ trí khôn phát triển, con người ý thức về giá trị của từng hoạt động cá nhân, lưu giữ chúng trong trí nhớ và truyền lại cho thế hệ tiếp theo qua việc dạy dỗ con cái và giáo dục công dân. Những hành vi cao thượng tốt đẹp hay xấu xa đê tiện còn được lưu giữ qua sử sách và truyền lại cho đời sau nhờ các phương tiện truyền thông xã hội.

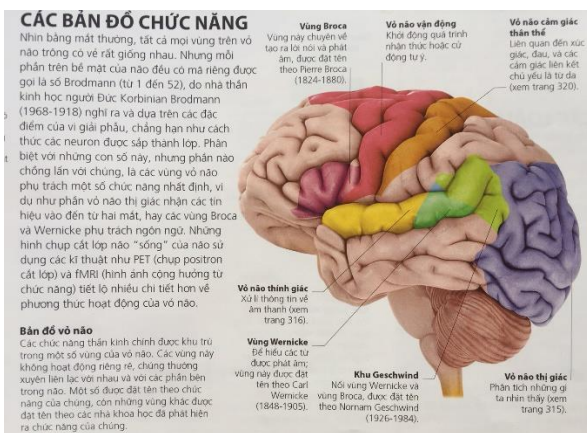
Rồi nhờ khoa học phát triển, con người dần dần hoàn thiện hoá các hành động của mình: từ những cử động đơn giản như chạy nhảy, bơi lội... để mỗi ngày một “cao hơn, xa hơn, nhanh hơn và cùng nhau” như trong đại hội thể thao Olympic 2021 tại Tokyo Nhật Bản, cho đến những hoạt động phức tạp như chống đại dịch Covid-19, phục hồi kinh tế sau đại dịch, biến đổi khí hậu, an ninh toàn cầu trong Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc ở New York, Hoa Kỳ, tháng 9/2021.

2.2. Sức khoẻ thể chất

Con người nhận ra rằng muốn hành động, mình phải có sức khoẻ. Trước hết là sức khoẻ thể xác. Một người đau yếu, không nhấc nổi tay chân, phải nằm yên một chỗ thì khó có thể hành động. Sức khoẻ này lấy nguồn năng lượng từ dòng sữa mẹ, từ đồ ăn thức uống, khí

thờ hằng ngày. Nhưng muốn cho sức khoẻ dẻo dai, hành động lâu bền, con người phải biết ăn uống, làm việc, nghỉ ngơi và tổ chức đời sống đúng cách. Do đó, hành động là kết quả của một đời sống thể lý được tổ chức quy củ, được rèn luyện cẩn thận chứ không còn hoàn toàn chiều theo bản năng.

Nghiên cứu hệ thần kinh trung ương với bộ não và tuỷ sống, con người thấy rằng các hành động hình như đều bắt nguồn từ đó. Bộ não thu nhận tất cả các dữ liệu về chuyển động, âm thanh, hình ảnh, màu sắc, cảm xúc, cảm giác thân thể, từ ngữ với những ý nghĩa của chúng, và huy động thông tin từ các phần khác để lập ra kế hoạch hành động ở phần não xám của vỏ não⁶⁰⁷. Các dữ liệu đó được lưu trữ trong các vùng khác nhau của phần não trắng tạo nên các vùng trí nhớ của con người. Các vùng này hoà hợp với nhau để gọi nhớ lại toàn bộ kinh nghiệm kèm theo cảm xúc của những sự kiện trong quá khứ⁶⁰⁸.



Một hành động có ý thức và thực hiện có mục đích theo ý muốn được tập trung ở vùng vỏ não vận động. Đó là một dải chất xám uốn cong từ tai này qua đỉnh đầu sang tai kia. Vùng này gửi đi và nhận về hàng triệu xung động thần kinh mỗi giây, ngay cả khi ta không cử động, vì có khoảng 600 cơ trên khắp người cần kết hợp để giữ

⁶⁰⁷ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.305.

⁶⁰⁸ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.306-307.

cho cơ thể đứng yên, nếu không nó sẽ rũ xuống thành một đồng. Tuy nhiên, những cử động như chạy hết tốc độ hay một cái nháy mắt thật nhanh đòi hỏi phải vận động một số cơ nhất định, và ta không thể điều khiển có ý thức từng cử động của mình.

Do đó bộ não sẽ phối hợp với các vùng khác trong não liên quan đến sự vận động, như tiểu não, để phân chia thành vùng xử lý những cử động khác nhau, ví dụ những phản xạ như cúi đầu né tránh cái đâm của võ sĩ quyền anh, bước đi, nhắm mắt... mà không cần sự cho phép của ý thức và vùng xử lý những hành động có ý thức như cười, nói...

Vị trí của tiểu não giúp nó “nhìn” thấy tất cả các thông tin cảm giác trên đường đến não và “thấy” hết mọi chỉ thị vận động trên đường chúng đi từ não đến tủy sống và sau đó là đến các phần khác của cơ thể. Vai trò chính yếu của tiểu não là khi thấy các chỉ thị chung chung đến từ vùng vỏ não vận động, sẽ cho các thông tin chi tiết nhờ tìm trong các vùng trí nhớ và gửi chúng ngược trở về vùng vỏ vận động để có tín hiệu đầu ra chi tiết cho các cơ, và giám sát phản hồi để đảm bảo rằng mọi cử động đều mềm mại, khéo léo và phối hợp tốt. Vùng tiểu não chỉ chiếm 10% dung tích não, tuy nhiên số neuron mà nó chứa đựng lại nhiều gấp đôi tổng số neuron của 90% còn lại⁶⁰⁹. Tiểu não đóng vai trò khá quan trọng trong mọi hành động của con người. Các nhà khoa học còn đang nghiên cứu về hoạt động của cơ quan này.

2.3. Sức khoẻ tinh thần

Tiếp theo, con người nhận thấy rằng sức khoẻ tinh thần còn cần thiết hơn vì tinh thần có thể làm cho hành động con người không còn bị lệ thuộc vào thể xác vật chất, vượt ra ngoài những giới hạn của không gian và thời gian. Con người cần những động lực như tình yêu, niềm tin, niềm hy vọng, niềm vui, hạnh phúc... để hành động. Vậy con người kín mức được nguồn lực tinh thần từ đâu?

⁶⁰⁹ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.308-309.

Các nhà khoa học đã bắt chước cấu trúc hoạt động của các neuron trong bộ não để tạo ra trí tuệ nhân tạo (AI= Artificial Intelligence) và sản xuất ra các robot là những người máy có những cử động giống con người, và còn hơn cả con người vì chúng không phải nghỉ ngơi, ăn uống để nạp năng lượng, nhưng có thể làm việc ngày đêm trong những môi trường độc hại, nguy hiểm và đòi hỏi độ chính xác cao. Tuy nhiên những cử động của robot không bao giờ là hành động của con người, vì không được điều khiển bởi một tinh thần tự do, có ý thức và có chọn lựa, nên chúng không bao giờ có giá trị luân lý và chịu trách nhiệm về các cử động đó. Nếu phải quy trách nhiệm thì người đã lập trình cho chúng mới phải chịu trách nhiệm về những hậu quả do chúng gây ra.

Hơn nữa, chúng ta nên biết rằng các nhà khoa học, cho đến hôm nay và cả trong tương lai, cũng chỉ thấy những xung động điện chạy trong các neuron của bộ não con người. Họ không bao giờ tìm thấy hay đo lường được nhận thức đúng hay sai, ý hướng cao thượng hay thấp hèn, tình yêu trong sáng hay dục vọng đòi truy, tự do trọn vẹn hay áp lực nửa vời, cảm xúc thăng hoa hay tình cảm tiêu cực trong mỗi hành vi của con người vì chúng thuộc về tinh thần. Những thứ này không lệ thuộc vào vật chất, nên khi gắn bó với hành động của con người, chúng làm cho hành động đó tồn tại lâu dài, có giá trị hay bị lên án.

Vì thế, các triết gia đã suy nghĩ về hành vi của con người và gọi là “hiện thể” vì nó diễn tả cấp độ hiện có của hữu thể. Mỗi con người (hữu thể), bằng hành động của mình với ý thức và tự do, với ý hướng cao đẹp và tình cảm trong sáng, đều thể hiện giá trị làm người của mình. Ví dụ qua nụ hôn của người mẹ dành cho con hay của người yêu dành cho bạn tình. Nhưng nụ hôn của người diễn viên trên sân khấu hay của một tên “sở Khanh” lại có giá trị khác hẳn vì không giống nhau về nhận thức, ý hướng và tình cảm. Nụ hôn của các con đười ươi, tinh tinh có thể được chúng thể hiện nhưng hoàn toàn khác với cấp độ của con người.

Nói một cách đơn giản, chỉ khi con người hành động với tư cách là người, họ mới thể hiện được chính mình, giống như con bướm đang

khỏe sắc trong vườn hoa của cuộc sống. Còn lúc họ đang là con sâu xấu xí vì những nhận thức kém cỏi, ước muốn thấp hèn, họ vẫn có khả năng tiềm ẩn để trở thành bướm, các triết gia gọi đó là “tiềm thể” hay tiềm năng nơi con người.

Nếu suy nghĩ sâu xa hơn về hiện thể và hữu thể, ta có thể tìm ra được nguồn lực hành động của mọi hiện hữu là chính Thiên Chúa. Ngài là tinh thần tuyệt đối vì trong Ngài có tất cả những gì thuộc về tinh thần mà con người cần đến cho hành động của mình như tình yêu, sự thật, sự sống, tự do, hạnh phúc, niềm vui, niềm tin, hy vọng... Ngài là Đấng Tự Hữu, nghĩa là tự mình hiện hữu và tự mình có tất cả những giá trị của tinh thần. Đó chính là ý nghĩa của danh xưng mà Thiên Chúa mạc khải cho loài người⁶¹⁰.



Vì thế các triết gia gọi Ngài là *Hiện thể Thuần Tuý* (tiếng Anh: Pure Act; tiếng La Tinh: Actus Purus) vì nơi Ngài không có sự chuyển đổi từ tiềm thể sang hiện thể như ở các hữu thể hữu hạn. Thánh Thomas Aquinas (1225-1274) đã trình bày điểm này trong luận văn của ngài⁶¹¹.

Như thế, con người không thể tự mình hành động nếu không nhận được nguồn lực hành động từ Chúa, cũng như họ không thể hiện hữu nếu không được Ngài ban ơn. Nhưng vì con người được Thiên Chúa dựng nên theo hình ảnh của mình và ban cho con người những giá trị tích cực vô biên⁶¹², nên con người có khả năng thể hiện sự hiện hữu của mình bằng hành động giống như Thiên Chúa.

⁶¹⁰ x. Xh 3,14.

⁶¹¹ x. *Summa theologica*, I, q.3, a.2; Nguyễn Đình Diễm, *Từ điển Công giáo Anh Việt*, mục từ *Act*, NXB Đông Nai, 2014, tr 43.

⁶¹² x. *TLHTXHCG*, số 34, 108-109.

Tuy nhiên, vì là loài có tinh thần, được ban tặng tự do để vâng phục và yêu mến Thiên Chúa, nên con người cũng có thể chống lại Thiên Chúa, không vâng phục Ngài và từ chối yêu thương. Con người đã chiều theo tên cám dỗ⁶¹³, muốn tự mình hiện hữu, nên cắt đứt mối hiệp thông với Thiên Chúa là nguồn sự sống và mọi giá trị. Hành động này, được gọi là “tội nguyên tổ của Adam và Eva”, đã ảnh hưởng tới bản tính nhân loại, làm cho mọi người mất đi sự thánh thiện và công chính nguyên thủy⁶¹⁴. Từ đó mọi hành động của con người cũng bị ảnh hưởng: con người có những tư tưởng tiêu cực, nhận thức sai trái, ước muốn xấu xa, dâm dăng, tưởng tượng điên rồ... do cắt đứt với nguồn chân thiện mỹ.

Nhắc tới tên cám dỗ con người là chúng ta muốn nói đến những thực thể tinh thần khác, gọi là quỷ dữ tà ma, có thể tác động vào tinh thần của con người, dẫn con người đến những hành động sai trái. Đây không phải là điều mê tín, nhưng là một sự thật trong đời sống. Tuy nhiên chúng không thể xúc phạm đến tự do của con người, chúng không thể kéo tay con người hái trái cấm, nên con người vẫn phải chịu trách nhiệm về những hành động nhân linh của mình.

Khi xa rời Chúa là nguồn của chân thiện mỹ, con người đưa vào tâm trí mình những điều sai lầm, ác đức, xấu xa. “Khi xa rời Chúa, con người cũng xa rời chính mình để làm những điều mình không muốn và không làm được những điều mình muốn. Con người cũng xa cách với người khác, không còn coi họ là anh chị em trong đại gia đình của Cha Trên Trời. Con người xa cách với thế giới vạn vật để khai thác chúng như một ông chủ ích kỷ”⁶¹⁵.

Vì thế, khi một hành động nhân linh bị coi là đi ngược với luân lý, bị coi là tội xúc phạm đến Thiên Chúa, thì “tội nào cũng là một tội cá nhân, xét về một phương diện nào đó, nhưng xét về một phương diện khác, tội nào cũng là tội xã hội trong mức độ nó gây ra những hậu quả trong xã hội”⁶¹⁶.

⁶¹³ x. *GLHTCG*, số 404.

⁶¹⁴ x. *TLHTXHCG*, số 115.

⁶¹⁵ x. *TLHTXHCG*, số 116.

⁶¹⁶ x. *TLHTXHCG*, số 117.

2.4. Yếu tố văn hoá xã hội của hành động

Hành động của con người cũng còn bị tác động bởi xã hội vì con người là một thực thể xã hội, sống chung với người khác nên bắt chước người khác hoặc ảnh hưởng lên người khác. Nhờ vốn sống tích lũy qua các nền văn hoá trong nhiều thế hệ, con người càng ngày càng có nhiều nhận thức về hành động của mình và càng có thể chọn lựa những phương cách hành động, từ đó hành động cũng có nhiều mức độ giá trị và hiệu quả khác nhau. Như thế, nhờ giáo dục và đào tạo, con người mới có thể có nhiều nhận thức về hành động và tự do chọn lựa.

Tuy nhiên trong một nền giáo dục và đào tạo đóng kín bởi những hệ tư tưởng, tôn giáo, văn hoá cực đoan như chúng ta đã từng thấy trong dòng lịch sử nhân loại, con người không có nhiều hiểu biết để định hướng, không được tự do chọn lựa, mà bắt buộc phải hành động theo bản năng, tham vọng, dục vọng, hay bị áp lực từ phe nhóm, đảng phái, dân tộc. Vì thế, con người có thể không làm chủ được hành động, đánh mất giá trị làm người, thậm chí không phải chịu trách nhiệm về hành động của mình.

Chúng ta đang sống trong thời đại tin học, tiếp xúc hằng ngày bằng điện thoại, máy tính, truyền hình, mạng internet, đủ các chương trình hấp dẫn, có thể thoả mãn mọi nhu cầu của con người về khoa học, chính trị, văn hoá, tôn giáo, kinh tế, giải trí... Mỗi ngày bộ não thu nhận hàng tỉ dữ liệu (data) về màu sắc, âm thanh, từ ngữ, cử động để tạo thành tư tưởng, lời nói, hành động của mỗi người. Do nắm giữ quyền lực trong gia đình, trong xã hội và các phương tiện truyền thông, nhiều người đã tự đầu độc mình hay đầu độc người khác bằng những phim ảnh đồi trụy, ma quái, bạo lực, tư tưởng tiêu cực, khoa học hoang tưởng, tôn giáo cực đoan.

Người ta tô vẽ giả tạo một nhân vật, biến họ thành thần tượng, anh hùng. Quần chúng, vì bị đầu độc tinh thần, nên chỉ còn biết hành động theo những gì được tuyên truyền, như đã từng xảy ra ở Đức với Hitler, ở vài nước Tây Á với các phân tử Hồi giáo cực đoan... Vì thế Bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc xác định: “Ai cũng có quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự

do tôn giáo. Ai cũng có quyền tự do quan niệm, tự do phát biểu” (điều 18-19).

3. Những nguyên tắc hành động

Vì thế, muốn cho những hành động thật sự tạo nên những giá trị tích cực cho mình cũng như cho cộng đồng, ta phải theo những nguyên tắc căn bản. Những nguyên tắc này là kết tinh từ kinh nghiệm của nhiều người và của Giáo hội Công giáo trong suốt dòng lịch sử. Chúng được giới thiệu để ta tự do chọn lựa tùy theo cấp độ hiện hữu mà ta muốn đạt tới: hành động tốt đẹp, cao thượng hay hành động siêu việt, vĩnh hằng.

3.1. Những nguyên tắc cho hành động tốt đẹp, cao thượng

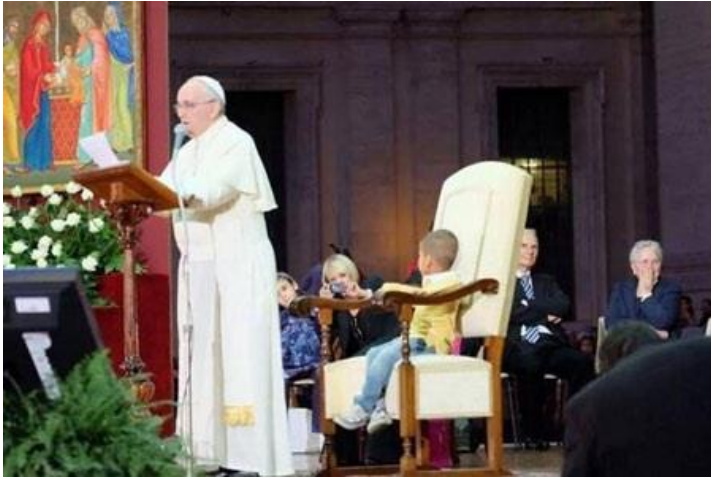
Học thuyết Xã hội Công giáo giới thiệu 4 nguyên tắc sau đây: nhân vị - công ích - bổ trợ - liên đới. Các nguyên tắc này gắn bó chặt chẽ với nhau và hình thành nên một thể thống nhất qua các mối quan hệ và liên kết mạch lạc của chúng⁶¹⁷.

*Nguyên tắc Nhân vị*⁶¹⁸ nhắm đến chủ thể hành động và đối tượng là người nhận được hành động: cả hai đều là những con người có phẩm giá của một ngôi vị vì được Thiên Chúa tạo dựng theo hình ảnh của Ngài, nên phải tôn trọng và phục vụ nhau như anh chị em của đại gia đình nhân loại.



⁶¹⁷ x. TLHTXHC, số 160-162.

⁶¹⁸ x. HTXHC, số 105-159; Docat, số 47-83.



Nguyên tắc nhân vị này đòi hỏi chúng ta nhận ra Thiên Chúa là nguồn mọi hiện hữu của con người, để con người gắn bó với chính Thiên Chúa như một quan hệ “tự thân”⁶¹⁹, cũng như diễn tả sự gắn bó trong các mối quan hệ với người khác và vũ trụ vạn vật. Vì được gắn bó mật thiết với Thiên Chúa, nên con người không thể cho phép mình có những hành động bất xứng với Thiên Chúa, Đấng đang ở trong họ, như suy nghĩ và ước muốn những điều dâm dăng, tham lam, xấu xa, có những cảm xúc, cảm tình tiêu cực... dù điều đó chỉ ở trong tâm trí chứ chưa thể hiện ra bên ngoài.

Vì mỗi quan hệ thân tình với người khác như anh chị em ruột có chung một người Cha Trên Trời, nên con người phải tôn trọng người khác: sự sống, danh dự và mọi thứ thuộc quyền sở hữu của họ⁶²⁰, nhất là “mạng sống con người linh thiêng và bất khả xâm phạm”, vì chỉ Thiên Chúa mới là chủ thể sự sống và cái chết⁶²¹. Do đó, con người không được giết người⁶²², nhưng còn phải yêu thương người thân cận như chính mình⁶²³, và chăm lo các nhu cầu của người

⁶¹⁹ x. *TLHTXHCG*, số 108-109.

⁶²⁰ x. *TLHTXHCG*, số 110.

⁶²¹ x. *Gaudium et Spes*, số 27; x. *GLHTCG*, số 2259-2261.

⁶²² x. Xh 20,13; Đnl 5,17.

⁶²³ x. Lv 19,18.

khác⁶²⁴. Trong mối quan hệ như một nhân vị với vũ trụ vạn vật, con người thấy mình hiện diện với tất cả các thụ tạo khác được Chúa giao phó cho con người. Con người được quyền hưởng dùng nhưng không được tùy tiện khai thác thế giới cách ích kỷ⁶²⁵.

*Nguyên tắc Công ích*⁶²⁶: mọi hoạt động phục vụ phải nhắm đến công ích, thay vì chỉ tìm tư lợi cho cá nhân, tập thể, thậm chí cho một dân tộc nào đó.

*Công ích là toàn bộ những điều kiện của đời sống xã hội cho phép con người, tập thể hay cá nhân, đạt tới sự phát triển của mình cách đầy đủ và dễ dàng hơn*⁶²⁷. Con người không thể tìm được sự phát triển mỹ mãn nơi bản thân mình, nếu con người không nhận ra mình hiện hữu “với” người khác và “vì” người khác. Sự thật này thúc đẩy con người đi tìm, không phải chỉ trong ý tưởng, mà còn trong thực tế đời sống, điều tốt hay ích lợi cho chính mình hay cho tổ chức xã hội, từ cấp địa phương đến cấp quốc gia và quốc tế⁶²⁸.

*Nguyên tắc Hỗ trợ*⁶²⁹ nhắc nhở chủ thể hành động hay người phục vụ không được trực tiếp làm thay cho cấp dưới, mà chỉ hỗ trợ để cấp dưới có thể tự làm với cố gắng và sáng kiến của mỗi người, vì thế được gọi là sự “hỗ trợ bổ túc”. Ví dụ thầy giáo không làm bài thay cho học sinh.

Nguyên tắc này xác định rằng *mọi xã hội thuộc trật tự cao hơn phải có thái độ trân trọng giúp đỡ - tức là hỗ trợ, đẩy mạnh, phát triển - các xã hội thuộc trật tự thấp hơn*. Nhờ nguyên tắc này, dân chúng có thể được bảo vệ khỏi sự lạm dụng của chính quyền cấp cao hơn, chủ động tham gia vào mọi lĩnh vực một cách sáng tạo và thích ứng với những đòi hỏi của hoàn cảnh địa phương. Muốn cho có sự tham gia tích cực của tư nhân, cần phải gây ý thức, khuyến khích các sáng kiến, cổ vũ các tổ chức tư nhân phục vụ công ích, bảo vệ nhân quyền

⁶²⁴ x. Mt 22,37-40; Mc 12,29-31; Lc 10,27-28.

⁶²⁵ x. TLHTXHCG, số 114.

⁶²⁶ x. TLHTXHCG, số 164-184; *Docat*, số 87-94.

⁶²⁷ x. *Gaudium et Spes*, số 26.

⁶²⁸ x. GLHTCG, số 1912; ĐGH Gioan XXIII, Thông điệp *Pacem in Terris*, số 55.

⁶²⁹ x. TLHTXHCG, số 185-188; *Docat*, số 95-99.

và quyền lợi của các nhóm thiểu số, dẹp bỏ tình trạng trung ương tập quyền về hành chính và bàn giấy, tạo thế cân bằng giữa khu vực công cộng và khu vực tư nhân.

*Nguyên tắc Liên đới*⁶³⁰ đòi hỏi mọi người phục vụ, khi nhắm tới công ích, đều ý thức làm với tất cả trách nhiệm và khả năng của mình vì liên đới với mọi người, mọi vật: mình vì mọi người, mọi người vì mình.

Tuy nhiên, trước hiện tượng lệ thuộc vào nhau và bành trướng các phương tiện truyền thông trên khắp thế giới, người ta vẫn còn thấy sự bất bình đẳng sâu sắc giữa các nước đã phát triển và các nước đang phát triển, những hình thức bất công, bóc lột, tham nhũng, đàn áp của những tập đoàn đa quốc gia, những tổ chức xã hội đen chuyên buôn người, ma tuý và nội tạng, các tổ chức khủng bố tôn giáo cực đoan, những hành động đàn áp công khai của vài nước cậy mạnh đàn áp các nước yếu kém.

Liên đới là nguyên tắc xã hội⁶³¹. Nó không phải là một cảm xúc mơ hồ hay đau buồn hời hợt trước nỗi bất hạnh mà một số người gần xa phải chịu, nhưng là một quyết tâm chắc chắn và kiên định muốn dần dần lo cho công ích, nghĩa là lo cho ích lợi của mọi người và mỗi người, vì tất cả chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về tất cả mọi người⁶³².

Vì thế, sự liên đới cần phải trở thành một thực tế trong đời sống cộng đồng như một nguyên tắc xã hội phải tuân theo, mà hơn thế nữa, còn là nhân đức luân lý thật sự chi phối đời sống con người.

Liên đới là một đức tính luân lý thuộc phạm vi công bằng, vì thúc đẩy con người phải dần dần lo cho ích lợi của người thân cận tới mức sẵn sàng liều mất bản thân mình như Đức Giêsu Kitô, thay vì khai thác, áp bức người khác vì ích lợi riêng⁶³³. Đây là điểm tột cùng

⁶³⁰ x. *TLHTXHC*, số 192-196; *Docat*, số 100-103.

⁶³¹ x. *GLHTCG*, số 1939-1941.

⁶³² x. ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis*, số 36,37.

⁶³³ x. Mt 10,40-42; 20,25; Mc 10,42-45; Lc 22,25-27; ĐGH Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis*, số 38; Thông điệp *Laborem Exercens*, số 8; Thông điệp *Centesimus Annus*, số 57.

của tình yêu và tình liên đới để có thể xây dựng được nền văn minh tình yêu.

Khi bàn đến hành động của con người và mối liên đới, ta không thể không nhắc đến quan niệm của Phật giáo về hành động theo luật nhân quả: hành động của kiếp này là hậu quả của kiếp trước và trở thành nguyên nhân cho kiếp sau. Nếu kiếp này làm người có những hành động sai trái, kiếp sau có thể phải làm trâu bò, chó ngựa. Theo đó, những con vật, khi hành động, đều có ý thức và ý chí tự do nên chúng phải chịu trách nhiệm luân lý về các hành động của chúng. Theo giáo huấn của HTXHCG, chỉ có con người mới phải chịu trách nhiệm luân lý về các hành vi nhân linh của mình, còn các con vật chỉ hành động theo bản năng tự nhiên.

3.2. Nguyên tắc cho hành động siêu việt vĩnh hằng

Bốn nguyên tắc trên đây giúp chúng ta hành động đúng đắn và tốt đẹp trong cộng đồng xã hội theo đúng đạo lý của con người. Nhưng, vì là môn đệ của Đức Giêsu Kitô, nên người tín hữu còn được mời gọi hành động để phục vụ mọi người như Đức Giêsu, nhờ đó, những hành động của họ mang tính siêu việt và có giá trị mãi mãi. Điều này làm cho hành động của Kitô hữu hoàn toàn vượt xa mọi loại hành động của con người tự nhiên, dù họ là ai trong cộng đồng xã hội.

Nguyên tắc Nhân vị: chủ thể hành động và đối tượng nhận hành động, không còn chỉ là những con người với nhân phẩm cao quý, nhưng là chính Đức Giêsu, Con Thiên Chúa. Thánh Phaolô nhắc nhở rằng: “VẬY, dù ăn, dù uống, hay làm bất cứ việc gì, anh em hãy làm tất cả để tôn vinh Thiên Chúa”⁶³⁴ hay “Anh em có làm gì, nói gì, thì hãy làm hãy nói nhân danh Chúa Giêsu và nhờ Người mà cảm tạ Thiên Chúa Cha”⁶³⁵. Do đó hành động của họ mang tính siêu việt, vĩnh hằng của Thiên Chúa và có giá trị vô biên.

⁶³⁴ 1Cr 10,31.

⁶³⁵ Cl 3,17.



Hơn nữa, khi hành động chúng ta trở nên người phục vụ, thành đầy tớ của mọi người, với những tâm tình⁶³⁶ của Đức Kitô: “*Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ và hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người*”⁶³⁷. Bản văn Thánh Kinh nói đến hàng trăm lần từ “phục vụ” và “người đầy tớ” để diễn tả hành động và thái độ hành động của con người⁶³⁸.

Đức Giêsu loan báo nhiều lần cho môn đệ biết hành động phục vụ Người sắp làm: “*Con Người sẽ bị nộp vào tay người đời, họ sẽ giết chết Người, và ba ngày sau khi bị giết chết, Người sẽ sống lại*”. Như thế, phục vụ không phải chỉ bằng những hành động đem lại lợi ích cho người khác, mà còn bằng chính những đau khổ, bệnh tật, bất công, chết chóc mình phải chịu⁶³⁹. Từ đó ta hiểu rằng, mỗi đau khổ, thiệt thòi, mất mát, nhục nhã mình chịu đều là hành động cứu độ của Chúa Giêsu, nếu ta kết hợp với Người bằng tình yêu của Thánh Thần. Tuy nhiên, các môn đệ và rất nhiều người chúng ta “không hiểu lời đó”⁶⁴⁰, nên cũng không muốn phục vụ kiểu đó.

Đối tượng được ta phục vụ là chính Đức Giêsu ẩn thân trong mọi người, nhất là trong những con người nhỏ bé, yếu kém, bệnh tật,

⁶³⁶ x. Pl 2,5-11.

⁶³⁷ Mt 20,28.

⁶³⁸ x. King James, *A New Concordance to the Holy Bible*, American Bible Society, New York, 1960, mục từ *Serve* và *Servant*, tr 380-381.

⁶³⁹ x. Mc 9,30-32; Kn 2,12.17-20.

⁶⁴⁰ x. Mc 9,32.

nghèo khổ quanh ta, qua hình ảnh em nhỏ mà Đức Giêsu đặt vào giữa cộng đồng “*Ai tiếp đón một em nhỏ như thế này vì danh Thầy là tiếp đón chính Thầy; và ai tiếp đón Thầy, là tiếp đón Đấng đã sai Thầy*”⁶⁴¹. “*Ta bảo thật các ngươi, mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy*”⁶⁴².

Khi chúng ta tự nguyện dấn thân phục vụ, chấp nhận tất cả những đau khổ, căng thẳng, hiểm nguy, bất công như Đức Giêsu, là ta đang cùng với Người cứu độ thế giới. Không một hành động nào bị uổng phí nhưng đều được đền bù, khen thưởng gấp bội, vì ta biết rằng sau cái chết của Người là sự sống lại vinh quang.

Nguyên tắc Công ích: công ích mà chúng ta nhắm tới ở đây là *ơn cứu độ toàn diện* cho con người và vạn vật mà chúng ta đã bàn đến trong bài về Đức Giêsu Kitô.

Nguyên tắc Liên đới: tất cả tín hữu đều liên đới và nối kết với nhau trong Chúa Giêsu và đều là thành phần trong một thân thể mầu nhiệm của Người, do được tác động bởi Thánh Thần Tình Yêu, nên có chung một sự sống để chia sẻ, một nguồn lực để hành động và một quyền năng để thể hiện ơn cứu độ toàn diện này. Nhờ liên kết với các thành phần khác nhau của Hội Thánh, mỗi người có thể chuyển thông ân phúc cho nhau, có khả năng làm được các hành động kỳ diệu như Chúa Giêsu và kín múc được những ân huệ của Chúa Thánh Thần nhờ đời sống cầu nguyện và tham dự các bí tích.

Nguyên tắc bổ trợ: Dù được Thiên Chúa Ba Ngôi và các Thần Thánh nâng đỡ, mỗi tín hữu đều chịu trách nhiệm về hành động của mình với tất cả tự do và ý thức. Do đó họ cần phải học hỏi để gia tăng sự hiểu biết, đào luyện ý chí vững mạnh và cùng giúp nhau xây dựng một nền văn hoá Công giáo qua đời sống của từng người, trở thành hình ảnh sống động của Đức Giêsu trong thế giới. Ân sủng không thay thế thực tại và cấp trên không làm thay cấp dưới vì mỗi người đều độc đáo trước mắt Thiên Chúa.

⁶⁴¹ Mc 9,37.

⁶⁴² Mt 25,40.

Lời kết

Bốn nguyên tắc căn bản hướng dẫn hành động không phải là những quy tắc ứng xử để ta thỉnh thoảng áp dụng trong đời sống, khi cần giải quyết một vài trường hợp khó khăn điển hình nào đó. Nhưng đây là những nguyên tắc sống áp dụng hằng ngày cho bất cứ hành vi nào của con người. Càng áp dụng nhuần nhuyễn, ta càng biết rõ mình đang hành động theo đúng lương tâm ngay chính, phù hợp với chân thiện mỹ và xây dựng được một xã hội công bằng, tốt đẹp, hạnh phúc, yêu thương.

Câu hỏi

- 1. Bạn đã phân biệt những loại hành động, hành vi nào khiến con người phải chịu trách nhiệm luân lý?*
- 2. Trong 4 nguyên tắc hướng dẫn hành động, bạn nghĩ người Việt Nam ít quan tâm đến nguyên tắc nào? Tại sao?*
- 3. Liên đới là một nhân đức xã hội cần phải luyện tập để có được nó, bạn đã luyện tập như thế nào?*
- 4. Tại sao ta lại phải hy sinh mạng sống như thánh Maximilianô Kolbe (1894-1941) khi chết thay cho một tù nhân không quen biết?*



Sống sao cho đáng

Lời mở

*“Sống là động giữa dòng đời biến động,
Tâm bình an trong vạn biến bất an”.*

Trong mùa đại dịch Covid-19, nhìn thấy những hình ảnh về hàng ngàn người chết chửa trong các xe đông lạnh ở Hoa Kỳ, những bãi thiêu xác ở Ấn Độ, và hơn chục ngàn người chết trong tháng 7 và 8/2021 ở Sài Gòn, nhiều người kinh hãi và tự hỏi sống để làm gì?

Có những bệnh nhân nằm trần truồng trong phòng hồi sức cấp cứu, hơi thở khó khăn, nghĩ đến việc bỏ lại tất cả danh vọng, tiền của, người thân, đã rơi những giọt nước mắt sám hối muộn màng. Bên cạnh đó, những bác sĩ và nhân viên y tế ngày đêm chăm sóc họ đến kiệt sức, chẳng ngại bị lây nhiễm, chẳng sợ bản thân, họ mới cảm nhận được đây mới là những cuộc đời đáng sống. Ngoài hàng rào bệnh viện, vẫn không thiếu những người trẻ lén lút tụ họp để chơi ma túy, những đại gia và kiều nữ buông mình theo dục vọng và tưởng rằng sống hưởng thụ như mình mới đáng làm người. Trong khi những nông dân và đồng bào thiểu số, dù nghèo khổ, vẫn góp nhặt nông sản gửi về nuôi sống họ khi Sài Gòn thiếu thực phẩm vì giãn cách.

Những thái độ sống khác nhau đó như mời gọi ta nhìn lại chính mình để tìm hiểu xem sống thật sự là gì và sống thế nào mới đáng.

1. Những thách đố và xung đột trong đời sống con người và xã hội hiện nay

1.1. Sống là gì?

Dù sự sống đã có mặt trên trái đất này cách đây một tỉ năm, nhiều người vẫn chưa hiểu sống là gì. Người ta thường nghĩ theo thuyết tiến hoá của Darwin: sự sống ngẫu nhiên mà có chứ không bắt nguồn từ đâu cả.

Tìm trong bộ *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, chúng ta không thấy có định nghĩa của động từ “sống”⁶⁴³. Theo *Từ điển Tiếng Việt*, “sống là tồn tại ở hình thái có trao đổi chất với môi trường bên ngoài, có sinh sản, lớn lên và chết”⁶⁴⁴. Những lời giải thích này chỉ mô tả một số chức năng chung của các vật thể sống chứ không định nghĩa được sự sống, nhất là sự sống của con người.

Sự sống là một cái gì hiển nhiên, không cần giải nghĩa hay minh chứng, vì nó đang ở trong ta và trong mọi sinh vật quanh ta, dù ta thấy hay không thấy được nó. Một người bạn vừa mới cười nói với ta, ta biết bạn ấy đang sống. Bẵng đi một tuần, ta nghe tin người ấy chết vì một căn bệnh hay một tai nạn nào đó. Người ta chẳng thấy những con virus Sars-CoV-2 bằng mắt thường, nhưng biết chúng đang sống và làm xáo trộn đời sống của cả thế giới.



Sự sống là một cái gì lạ lùng, thiêng liêng, cao quý và là một thực tại nhiệm màu cần khám phá không ngừng⁶⁴⁵. Từng ngọn cỏ, cánh

⁶⁴³ x. *Từ điển chi có từ “sống ghép”, “sống bám cố định”, “sống lâu năm”* (x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tr.798).

⁶⁴⁴ x. *Từ điển Tiếng Việt 2013*, tr.1117.

⁶⁴⁵ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, bài “Con đường sự sống”, tr.264-272.

hoa, con bướm sống động làm mê mẩn bao nhà khoa học, nhưng cho đến nay y học vẫn chưa khám phá hết sự chuyển động trong tế bào của sinh vật, đừng nói chi đến tế bào của con người vô cùng phức tạp. Và dù thấy rõ sự vận động của vật chất, nhưng chưa nhà khoa học nào xác định được sự sống ở đâu trong khối cơ thể đó. Chặt gốc tia cành, thân cây vẫn đâm ra những chồi non để sống! Bị tai nạn, cụt chân, cụt tay, con người vẫn quyết tâm sống! Hơn nữa, nếu không hiểu sự sống con người là gì, ta cũng không thể nào biết được khát vọng sống của mình có thể vươn cao và bay xa đến đâu.

1.2. Những thách đố và xung đột trong đời sống

Chính vì không biết sống là gì nên người ta mới có những thái độ sống rất khác nhau. Có người thấy sự sống có vẻ như rất mong manh, tạm thời và phi lý. Chỉ cần một cơn gió nóng thổi qua, bông hoa xinh đẹp kia cũng héo tàn. Chỉ cần một sự cố môi trường của Nhà máy Formosa ở Hà Tĩnh năm 2016, hàng triệu tôm cá bị giết chết. Chỉ cần một vài thay đổi trong cơ thể, con người trẻ trung, tài giỏi, xinh đẹp kia cũng biến mất sau cơn nhồi máu cơ tim hay tai biến mạch máu não. Đó là mặt trái của sự sống nên nhiều tôn giáo cho đời là bể khổ, cuộc sống là vô thường, nhiều triết gia cho hiện sinh là phi lý. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn tự hỏi: “*Hạt bụi nào hoá kiếp thân tôi, để một mai tôi về làm cát bụi. Ôi cát bụi phận này, vết mực nào xoá bỏ không hay!*”⁶⁴⁶.

Vì không nhận ra được những giá trị tích cực của sự sống, nên người ta hững hờ với nó, chẳng lo cho mình, chẳng giúp cho đời. Họ phung phí những năm tháng sống để thoả mãn các đòi hỏi của bản năng và dục vọng trong các cuộc vui tiêu đêm. Họ tàn phá sự sống của mình bằng đủ thứ nghiện ngập và của người bằng đủ loại hành động gian ác, xấu xa như bắt công, buôn gian bán dối, nói lời bất hoà, bạo hành gây chiến, tự tử, phá thai... Họ nghĩ rằng chẳng ai nhìn thấy các tội ác đó xúc phạm đến sự sống. Nhưng thật ra sự sống nào cũng mang tính vĩnh hằng vì sự sống của con người được tinh thần điều khiển,

⁶⁴⁶ x. Trịnh Công Sơn (1939-2001) sáng tác bài này năm 1965 và ca sĩ Khánh Ly trình bày đầu tiên trong Sơn Ca 7.

nên bất cứ hành động nào, dù tốt hay xấu, cũng đều ghi lại dấu ấn trong sáng hay đen bản của nó trên bản chất người làm, buộc họ phải tẩy xoá mọi vết bản, nếu muốn toả sáng và hạnh phúc trọn vẹn trong cõi vĩnh hằng.

Trái lại, không ít người nhận thức được sự sống lạ lùng, quý báu, thiêng liêng. Dù chỉ là một ngọn cỏ, một con bướm, nhưng cấu trúc kỳ diệu lạ lùng của hàng tỉ tế bào chuyển động không ngừng trong chúng đã làm kinh ngạc bao nhà khoa học. Dù chỉ cần có thêm một vài giây phút sống, nhưng người ta vẫn sẵn sàng đánh đổi mọi thứ cho người thân đang hấp hối được sống, để nghe được lời tha thứ yêu thương, để xem được nụ cười mãn nguyện của họ vì sự sống quý báu vô cùng. Một nụ cười trong sáng kéo dài chỉ một vài giây, nhưng cũng có sức lan toả từ người này sang người khác và tồn tại lâu dài trong suốt dòng lịch sử con người. Một câu nói yêu thương sẽ tồn tại mãi trong tâm hồn của những người đang yêu. Vì thế, ta được mời gọi sống đẹp từng giây phút trong đời, dù không ít lần, ta đã bị tổn thương hay làm tổn thương người khác!

Sự sống thiêng liêng vì nó được nối kết với giá trị tinh thần mà không máy móc khoa học hay kỹ thuật nào có thể cân đo đong đếm. Một nụ hôn đầu đời khiến người ta nhớ mãi về tình yêu. Một dấu bước chân của Neil Amstrong đặt lên mặt trăng ngày 20/7/1969 ghi nhớ mãi sự tiến bộ của loài người trong việc chinh phục không gian.



Một nụ cười rạng rỡ ngày cưới làm cho lòng người chứa chan hạnh phúc mỗi khi nhớ đến. Tình yêu, tiến bộ, hạnh phúc là những thứ

thuộc về tinh thần, không lệ thuộc vào vật chất, không gian, thời gian, nên chúng tồn tại mãi mãi với sự sống. Đó là tính cách thiêng liêng, vĩnh hằng của sự sống tinh thần mà nhiều khi ta không biết đến hay chẳng quan tâm.

Chính vì thế, chúng ta được mời gọi để ý đến những thách đố và xung đột trong đời sống con người hiện nay để có thể thăng hoa sự sống của mình cũng như của toàn thể nhân loại⁶⁴⁷.

2. Giải thích hiện tượng sống

Sống là một hiện tượng xảy ra trong không gian và thời gian mà ta có thể thấy được, làm chủ được bằng nhận thức và ý chí của mình, cảm nhận được hạnh phúc hay bất hạnh như kết quả nó mang lại cho ta, và làm cho nó vượt ra khỏi mọi giới hạn để trở thành siêu việt vĩnh hằng. Tất cả đều tùy thuộc vào hành động ta chọn lựa cho mình trong dòng đời chuyển động mỗi ngày. Đó là lý do tại sao: “sống là động trong dòng đời biến động”. Trước hết, ta cần chú ý đến hai yếu tố căn bản làm nên sự sống là thể lý và tinh thần.

2.1. Sự sống thể lý

Anh chị em của muôn loài

Có thể nói muôn loài muôn vật trong vũ trụ này, dù sống động hay không, đều liên kết và hoà hợp với nhau như các thành phần trong một thân thể nhiệm mầu.

Từng giây phút sống là ta nhận được khí Oxy từ những cây xanh toả ra, nhận được các chất bổ dưỡng từ bát cơm, miếng thịt, cọng rau, nước uống rút tinh hoa từ lòng đất nước. Vật chất là các loài thực vật, động vật trở thành thịt máu xương cốt của ta. Rồi khí Carbonic và cặn bã ta thải ra, qua sự chuyển hoá của vũ trụ, lại trở thành xương thịt cho muôn loài sống động quanh ta. Trong đời sống vài chục năm, mỗi người chúng ta thở hàng triệu lít Oxy, uống hàng trăm ngàn lít nước và ăn hàng chục tấn lương thực. Tất cả đều chuyển hoá và hoà trộn vào muôn vật muôn loài.

⁶⁴⁷ x. CĐ. Vat. II, Hiến chế *Gaudium et Spes*, số 4-11.

Nếu phân tích các gen trong nhiễm sắc thể, ta là con cháu của ông này bà kia theo huyết thống. Nhưng nếu phân tích sâu xa hơn theo khía cạnh sự sống, ta là anh em ruột thịt của muôn loài trong vũ trụ vì cùng chia sẻ sự sống qua việc thu nhận vật chất vào mình và chia sẻ cho nhau. Từ đó chúng ta mới hiểu được sống là liên đới và có trách nhiệm với mọi người, mọi vật quanh mình. Người xưa đã gợi ý về tình huynh đệ đại đồng này khi nói: “Tứ hải giai huynh đệ – Người trong bốn bể đều là anh em”.

Nhà bác học Amedeo Avogadro (1776-1856) đã đưa ra số $N = 6,022 \times 10^{23}$ với nguyên lý nổi tiếng của ông: “*Trong cùng một điều kiện nhiệt độ và áp suất, các khí khác nhau có cùng một thể tích, sẽ chứa cùng một số nguyên tử hay phân tử như nhau*”. Nói một cách dễ hiểu: nếu lấy 16 gram Oxy ta thở hay lấy 18gr nước ta uống đếm trong máy tính điện tử, ta sẽ có $6,022^{23}$ nguyên tử thật và phân tử thật. Nếu chia đều chúng cho 8 tỉ người đang sống trên thế giới này, mỗi người sẽ nhận được khoảng 7.500 tỉ nguyên tử thật và phân tử thật của khí Oxy và nước vào thân thể của mình.

Từ hiện tượng này, ta có thể suy tư thêm để thấy rằng Chúa Giêsu và Mẹ Maria, trong đời sống, đã thở, đã ăn, đã uống như chúng ta. Tất cả vật chất đều hoà trộn trong thế giới này. Như thế, thân thể của mỗi người đang có những nguyên tử, phân tử Carbon, Hydro, Oxy, Nitơ, Sắt, Đồng, Chì, Kẽm... đã từng ở trong thân thể của Chúa Giêsu và Mẹ Maria. Do đó, chúng ta thật sự là anh chị em ruột của nhau xét về lĩnh vực vật lý khoa học, chưa cần nói đến khía cạnh tôn giáo tâm linh.

Hiểu được như vậy chúng ta sẽ vượt qua những tranh cãi về vấn đề “Đức Giêsu có anh chị em ruột hay không?” giữa các tín hữu Công giáo và Tin Lành, vượt qua những xung đột nặng nề trong các cuộc chiến tranh giữa Kitô giáo và Hồi giáo, giữa các dân tộc với nhau. Chúng tôi đã cố gắng giải đáp vấn nạn này và đã trình bày trong cuốn *Cảm nang Tân Phúc Âm hoá*⁶⁴⁸. Đó cũng là ý nghĩa cần hiểu khi GHCG luôn dùng từ “anh chị em ruột” để nói về những người

⁶⁴⁸ x. Lm Nguyễn Ngọc Sơn, NXB Tôn Giáo, 2014, tr. 371-382.

thân của Chúa Giêsu, trong đó có chúng ta⁶⁴⁹, cũng như để chào hỏi, nói với nhau trong thánh lễ: “Chúa ở cùng anh chị em”.

Anh chị em của nhau trong gia đình nhân loại

Nếu phân tích bộ gen của giống người với khoảng 3 tỉ base của ADN, chúng ta lại càng xác tín mình là anh chị em của nhau trong đại gia đình nhân loại, vì không có loài sinh vật nào có bộ gen giống chúng ta⁶⁵⁰. Từ nhận thức căn bản này chúng ta mới có thể sống tốt đẹp, trong sáng, trung thực, quảng đại với mọi người và yêu người khác như chính mình.



Vật chất tạo nên hình hài thể lý của con người, từ trẻ thơ cho đến người già, đồng thời là nguồn năng lượng cho các hành động. Vì thế con người phải hít thở, ăn uống thì mới có thể học hành, làm việc,

⁶⁴⁹ x. Mc 3,31-35; Mt 12,46-50; Lc 8,19-21; Mc 6,3; Mt 13,53-58; Lc 4,16-30; Ga 7,2.5; Cv 1,14; 1Cr 9,5; Gl 1,19

⁶⁵⁰ x. Bs. Alice Robert, *Atlas*, tr. 14-18.

hoạt động, nghỉ ngơi... Tất cả đều diễn tả tình trạng sống của con người. Nếu không có những hoạt động đó, con người bị coi như không còn sống, dù họ vẫn tồn tại về mặt tinh thần. “Sống là động” được hiểu theo nghĩa đó.

Tuy sự sống thể lý không phải là sự sống toàn diện, nhưng vì nó gắn bó với vật chất, không gian và thời gian, nên con người dễ cảm nhận nó hơn cả. Chính vì thế, người ta rất chú trọng đến vẻ bên ngoài của thân xác để chăm sóc, chữa trị và làm đẹp cho mình. Người ta quan tâm nhiều đến thực phẩm, nhà ở, địa vị, chức vụ, nghề nghiệp, phương tiện di chuyển, môi trường sinh sống để đánh giá nhau theo những bậc thang giá trị hình thức, nên tưởng rằng càng ăn ngon, mặc đẹp, ở nhà cao cửa rộng, dùng xe sang, du lịch nhiều, thì cuộc đời càng đáng ước mơ!

Nhưng chúng ta nên biết rằng sự sống thể lý chỉ là phân nửa của con người có “xác và hồn”. Nếu chỉ chú ý đến đời sống thể lý, chúng ta không thể thật sự là người, vì khối vật chất tạo nên thể xác ta, nếu không được tinh thần định hình và điều khiển, nó sẽ tan rã và biến mất theo thời gian, giống như bụi phấn bay trong gió, mà không viết lên một dòng chữ nào có ý nghĩa cho đời!

2.2. Sự sống tinh thần

Người ta chỉ nhận ra sự sống tinh thần khi có một chút nhận thức, suy tư hay gặp một biến cố nào đó trong cuộc sống. Tinh thần đó thúc đẩy con người biết tự hỏi “ăn để làm gì?” thay vì ăn theo bản năng như một con vật. Tinh thần đó nhắc nhở những người đang nằm bất động trong phòng hồi sức cấp cứu hay những người bị thất tình, thất bại nặng nề trong một lĩnh vực nào đó: “hãy đứng vững trong thử thách, đau thương hơn là buông xuôi, tuyệt vọng”. Khi người ta thấy những gì mình tự mãn như sức khỏe, sắc đẹp, tiền của, danh vọng, địa vị... không thể giữ lại được sự sống thể lý, họ mới khám phá ra mình có một sự sống tinh thần.

Sự sống này bao gồm những giá trị tích cực mà con người có thể cảm nhận được ngay trong cuộc đời có vẻ như tạm bợ, nhất thời, phi lý của mình: đó là giá trị của tình yêu, niềm vui, độc lập, tự do, hạnh

phúc, hoà bình, cái đúng, cái tốt, cái đẹp... Cùng một hành động ăn uống, ngủ nghỉ, làm việc, vui chơi bình thường hằng ngày, nhưng mỗi người lại thực hiện chúng với nhận thức và ý hướng khác nhau, nên giá trị hành động của họ cao thấp khác nhau, và kết quả cuộc sống của họ cũng rất khác nhau.

Ví dụ: Có người ăn uống thô lỗ theo bản năng đói khát của mình như một “phàm phu tục tử”, có người ăn như một nghệ sĩ theo “văn hoá ẩm thực”, có người ăn với niềm vui để có sức khoẻ phục vụ cộng đồng, có người ăn vì tình yêu muốn làm sáng danh Chúa và phục vụ mọi người theo gương Chúa Giêsu. Vì vậy, khi ăn bát cơm chỉ có vài cọng rau và miếng cá khô, có người cảm thấy đau khổ vì nhớ đến bữa tiệc xa hoa lúc còn giàu sang; người khác lại vui mừng được ăn ngon vì đang phải ăn xin nhục nhã; người này cảm thấy hạnh phúc vì được chia sẻ bữa cơm thanh đạm với người yêu; người kia lại bất an vì thấy đời sống biến đổi không ngừng. Do đó, cần giữ cho “tâm bình an giữa vạn biến bất an” là thế!

Con người chỉ nâng mình lên bậc sống mới nhờ "tinh thần" khi họ biết vượt lên chính mình, vượt qua vật chất, không gian và thời gian, để đưa những suy tư, ước muốn và cảm xúc tự nhiên của mình vào những tầng cao mới trong một thế giới khác: thế giới của tinh thần với các giá trị phi thường, siêu việt và tồn tại mãi mãi. Do đó, từ nay người ta không còn phải tự hỏi: “tồn tại hay không tồn tại” khi chính mình đang sống, cũng không còn cho rằng “hiện sinh là phi lý” vì mỗi giây phút sống đều hữu lý hay vô nghĩa là tùy theo chủ ý sống của con người.

Như thế, dường như con người chúng ta “bị ép buộc” phải sử dụng tự do bên trong hay “tự do nội tâm” để chọn lựa thái độ sống và chịu trách nhiệm về nó. Đây là suy tư của những triết gia hiện sinh khi thấy mình “bị kết án phải tự do” trong khi thấy cuộc đời là phi lý! Họ lập luận rằng “Làm sao bắt tôi phải chịu trách nhiệm về hành động ăn của mình khi hiểu rằng ăn hay không ăn thì mọi người đều cũng chết như nhau!”.

Thật ra, là con người, ai cũng muốn sống mãi, trẻ mãi, đẹp mãi, tốt mãi, vui sướng trọn vẹn, hạnh phúc tràn đầy, tự do hoàn toàn, quyền

năng vô biên. Những khát vọng chính đáng này đưa con người vượt ra ngoài vũ trụ vật chất, để bước vào thế giới linh thiêng chỉ dành cho loài có tinh thần. Khát vọng cao cả nhất của con người là trở thành thánh nhân, thành thần linh, thành Thiên Chúa, như Đức Không Tử, Đức Lão Tử, Đức Muhammad, Đức Giêsu... mà các tôn giáo gọi là được “giải thoát”, được “cứu độ”, được “vào Thiên Đàng”, “vào Niết Bàn”, “vào Nước Trời”. Nhà ái quốc Phan Bội Châu đã diễn tả ước vọng này trong cái chết siêu thoát của những anh hùng dân tộc: “Chết như Hưng Đạo hồn thành thánh, chết tựa Trưng Vương phách hoá thần”⁶⁵¹.

Trong suốt dòng lịch sử, con người đã thể hiện khát vọng kéo dài sự sống bằng cách tìm ăn các củ nhân sâm ngàn năm, tạo ra mỹ phẩm để làm cho mình đẹp hơn, trẻ hơn, thay đổi gen hay dùng tế bào gốc để kéo dài tuổi thọ... nhưng thực tế con người vẫn già nua, xấu xí và chết. Thất vọng về các giải pháp vật chất và khoa học, con người tìm đến tôn giáo vì hy vọng có được giải pháp tinh thần thoả mãn khát vọng của mình.

Quả thật, một số người đã tiếp xúc được với thần linh, đã tham dự vào đời sống tinh thần và chứng minh cho những người khác thực tại của đời sống này. Vì thế, hơn 7 tỉ người sống trên trái đất đang theo một tôn giáo nào đó. Đây chỉ là dấu hiệu nhắc nhở ta quan tâm đến sự sống tinh thần, còn ta có chọn nó hay không, đều hoàn toàn tùy thuộc vào tự do của ta, vì Thiên Chúa không ép buộc ta phải theo một tôn giáo nào.

Tôn giáo là một trong những phương tiện đưa con người vào đời sống tinh thần, khi cổ vũ nền văn hoá sự sống, mà chỉ con người mới có thể xây dựng, để giúp vũ trụ đạt tới cùng đích của nó trên con đường tiến hoá. Nhiều phương tiện khác cũng có thể đưa con người vào đời sống tinh thần như giáo dục, khoa học, nghệ thuật mà nhiều người đang chọn lựa.

Vì thế con người phải trân trọng tôn giáo vì đó là hình thái cao nhất của nền văn hoá sự sống khi cổ vũ một sự sống tinh thần hoàn hảo.

⁶⁵¹ x. Bài thơ *Chết* của Phan Bội Châu.

Tôn giáo đúng đắn sẽ giúp cho con người được tự do hoàn toàn và phát triển trọn vẹn khả năng tinh thần để đạt tới con người toàn diện, được tạo dựng theo hình ảnh của Đấng là Cội Nguồn của sự sống, tình yêu, hạnh phúc, nhờ có tinh thần luôn mở ra cho siêu việt và hướng tới vô biên⁶⁵².

3. Sống sao cho đáng!

Một câu hỏi được nhiều người đặt ra là cuộc đời nào mới đáng sống? Tuy nhiên tính cách đáng sống lại tùy thuộc vào nhận thức về sự sống của từng người. Thật ra, ai cũng muốn sống hạnh phúc, cao thượng và phát huy những phẩm chất đặc biệt của mình, nhưng làm sao để sống được như thế mới là điều đáng quan tâm.

3.1. Những cấp bậc sống khác nhau

Có nhiều nhận thức về cuộc sống nên cũng có nhiều kiểu sống và giá trị khác nhau. Nhiều người cho rằng cuộc sống ở trần thế này vô nghĩa, nên chẳng cần học hành, làm việc, mà chỉ cần ăn uống, vui chơi cho thoải thích, vì chắc chắn mọi người đều phải chết, phải bỏ lại tất cả.

Trái lại, nhiều người cho rằng kiểu sống như thế là xấu xa, tủi hổ, thấp hèn, ngu si, nô lệ cho những bản năng thấp kém của con người. Nhà ái quốc Phan Bội Châu đã gửi lời tâm huyết cho những người sống kiểu này qua bài “Sống”⁶⁵³ của ông:

*Sống tủi làm chi đứng chật trời?
Sống nhìn thế giới hổ chằng ai?
Sống làm nô lệ cho người khiến,
Sống chịu ngu si để chúng cười,
Sống tưởng công danh, không tưởng nước.
Sống lo phú quý, chẳng lo đời,
Sống mà như thế, đừng nên sống!
Sống tủi làm chi đứng chật trời!*

⁶⁵² x. TLHTXHC, số 47, 130; Docat, câu 47, 52, 53, 56,57.

⁶⁵³ x. Bài thơ *Sống* của Phan Bội Châu.

Phan Bội Châu đã có lý khi dựa vào tiêu chuẩn sống tốt đẹp, hào hùng, khôn ngoan, cao thượng, tự do của nền đạo đức xã hội để lên án những kiểu sống như thế.

Tuy nhiên, chúng ta không có quyền phán xét người khác vì họ được tự do chọn lựa và chịu trách nhiệm về hành động của mình. “Chúng ta là ai mà dám xét đoán người thân cận? Chỉ có một Đấng ra lẽ luật và xét xử, đó là Đấng có quyền cứu thoát và tiêu diệt”⁶⁵⁴. Chỉ có Thiên Chúa mới là thẩm phán tối cao vì Ngài đã dựng nên tất cả và đặt luật luân lý vào trong lương tâm của con người. Chính lương tâm đó sẽ nhắc nhở con người nên làm hay nên tránh một hành vi cụ thể trong đời sống. Chỉ có Ngài mới xét xử công minh vì nhìn thấy mọi bí ẩn trong lòng người, cũng như thấy rõ mọi hoàn cảnh khiến người đó đã chọn kiểu sống như vậy. Có thể vì họ đã bị dẫn dắt sai lầm, bị đối xử bất công, bị lạm dụng tình dục, bị phản bội cay đắng trong cuộc đời, nên có khi người khác phải chịu trách nhiệm nhiều hơn về cách sống của họ.



Hơn nữa, Thiên Chúa đầy tình yêu và lòng thương xót khi xét xử vì Ngài thúc đẩy con người hành động theo lương tâm chân chính cũng như ban ơn để họ hành động, dù vẫn tôn trọng tự do của những loài thụ tạo có tinh thần như loài người và thiên thần. Con người có thể nghe theo lời cám dỗ của quỷ ma, trở thành tội phạm như bất cứ ai. Do đó, chúng ta được mời gọi tỏ lòng khoan dung và thương xót đối với những ai có đời sống hèn kém, xấu xa. “Vì thế, chúng ta hãy nói năng và hành động như những người sẽ bị xét xử theo luật tự do. Vì

⁶⁵⁴ Gc 4,12

Thiên Chúa không thương xót khi xét xử kẻ không biết thương xót. Còn ai thương xót thì chẳng quan tâm đến việc xét xử”⁶⁵⁵.

Thời xưa sống xứng đáng là phải có công danh, sự nghiệp: “Đã mang tiếng ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông”⁶⁵⁶, phải sống hào hùng như những vị tướng cầm quân đánh Đông, dẹp Bắc, đem lại an bình cho dân cho nước: “Làm trai cho đáng nên trai! Xuống Đông Đông tĩnh, lên Đoài Đoài yên”. Còn đa số con người thời nay lại nghĩ rằng sống là phải học hành để có kiến thức, có bằng cấp, có việc làm ổn định và địa vị cao trong xã hội, nhờ đó mới đủ điều kiện để ăn ngon, mặc đẹp, ở nhà cao cửa rộng, lập được gia đình với chồng giỏi, vợ đẹp, con khôn. Đời thành công như thế mới là đáng sống.

Tuy nhiên, những người sống kiểu này chỉ tập trung vào đời sống vật chất bên ngoài chứ không phải đời sống tinh thần, dù người ta học hành để có kiến thức hay làm việc để giúp đời. Họ giống như người Do Thái nói với ông Moise và ông Aaron: “*Phải chi chúng tôi chết bởi tay Đức Chúa trên đất Ai Cập, khi còn ngồi bên nồi thịt và ăn bánh thoả thuê. Nhưng các ông lại đưa chúng tôi ra khỏi đó mà vào sa mạc này, để bắt chúng tôi chết đói cả lũ ở đây!*”⁶⁵⁷. Họ sẵn sàng sống kiếp nô lệ mới để được ăn uống no nê, việc làm ổn định, địa vị bền vững, hơn là được tự do sống theo những giá trị của tinh thần, dù chịu khổ nhục, đói nghèo, thua thiệt.

Trong thực tế của đời sống, do sự phân công của xã hội cũng như sự bất bình đẳng sẵn có của mỗi người, không phải ai cũng có một cuộc đời đáng sống. Nhiều người giàu sang, giữ chức vụ cao quý trong cộng đồng xã hội hay trong tổ chức tôn giáo, nhưng cuộc sống của họ thật đáng chê trách vì những lừa dối, thủ đoạn, bất công. Trái lại, những đời sống có vẻ tầm thường, bình dị, thấp kém, như những bà nội trợ trong gia đình, những công nhân quét dọn vệ sinh, những người tàn tật đi bán vé số hay người ăn xin trong các

⁶⁵⁵ Gc 2,12-13.

⁶⁵⁶ x. Nguyễn Công Trứ (1778-1859).

⁶⁵⁷ x. Xh 16,2-15.

khu chợ... lại rất đáng cho chúng ta ngưỡng mộ tôn vinh vì sự liêm chính, trong sáng, tốt lành của họ. Tuy nhiên những giá trị này có thể chỉ có Thiên Chúa mới biết và công nhận trong sự phán xét cuối cùng của Ngài.

Hơn nữa, việc đánh giá đời sống ở trần thế cũng chỉ là tạm thời vì giá trị đời sống cao thấp thay đổi theo thời gian đối với con người cũng như đối với Thiên Chúa. Một người sống công chính, tốt đẹp lúc này, tại đây, có thể trở thành kẻ bất chính, xấu xa trong một thời điểm khác hay trong một môi trường khác. Giá trị cuối cùng của họ thuộc quyền xét xử của Thiên Chúa. Vì thế ta đừng để những định kiến chi phối việc đánh giá đời sống của mình cũng như của người. Nhiều người giữ mãi định kiến về người khác qua một hành động tốt xấu của họ, như tục ngữ thường nhắc nhở: “Một lần thất tín, vạn sự khó tin”. Cư xử như thế là không đúng và có thể là bất công với người khác. Do đó Đức Giêsu mời gọi ta phải luôn luôn tha thứ, dù người khác xúc phạm đến ta nhiều lần⁶⁵⁸.

Điểm cần để ý là nhiều người chúng ta giữ mãi một ký ức đau buồn, một biến cố bất hạnh, một đoạn đời tủi nhục hay xấu xa của mình để biếu lộ nỗi ân hận, lòng thống hối tội lỗi trong quá khứ. Xét về mặt tinh thần, chúng ta hãy để cho tâm hồn mình được thanh thoát và hoàn toàn tự do theo sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Ngài như một luồng gió, “muốn thổi đâu thì thổi, ta nghe tiếng gió, nhưng không biết gió từ đâu đến và thổi đi đâu. Ai bởi Thần Khí mà sinh ra thì cũng vậy”⁶⁵⁹. Hồn ta như cánh diều bay, một khi còn bị ràng buộc bởi sợi chỉ, dù mong manh đến mấy, cũng không thể bay cao và bay xa đến cõi vĩnh hằng.

Lời cầu nguyện của cha Thánh Piô Năm Dấu (1887-1968) có thể là một gợi ý tuyệt vời: “Lạy Chúa, con xin dâng quá khứ của con cho lòng thương xót Chúa, hiện tại của con cho tình yêu Chúa, và tương lai của con cho sự quan phòng của Chúa”. Chúng ta đừng để tâm hồn bị dày vò, ray rứt về quá khứ tội lỗi của mình, nhưng hãy để cho

⁶⁵⁸ x. Mt 18,15.21-22; Lc 17,3-4.

⁶⁵⁹ Ga 3,8.

lòng thương xót của Chúa nhắc nhở ta rằng Chúa đã tha thứ vì không tiếc ban Con Một Ngài cho ta. Hãy tập trung mọi nguồn lực để sống giây phút hiện tại bằng việc thể hiện lòng mến Chúa yêu người. Như thế, những giây phút hiện tại qua đi sẽ tạo nên một quá khứ tốt đẹp và mở ra một tương lai huy hoàng. Tương lai chúng ta chắc chắn tươi sáng vì Chúa an bài và ban mọi ơn cần thiết để giúp ta sống theo thánh ý Ngài.

Tóm lại, chúng ta thấy có những cấp bậc và giá trị khác nhau của đời sống mà con người được quyền tự do chọn lựa cho mình. Đó là đời sống tầm thường theo bản năng, đời sống bình thường theo luật luân lý tự nhiên, đời sống cao thượng biết hy sinh vì đại nghĩa và đời sống dồi dào với những giá trị vĩnh hằng của tinh thần, mà chỉ có Đức Giêsu, Con Thiên Chúa, mới có thể đem lại cho những ai tin vào Người. Sau đây, chúng ta muốn tìm hiểu thêm về đời sống dồi dào đó.

3.2. Sống toàn diện, dồi dào về tinh thần

Đức Giêsu vạch trần thái độ “sống để ăn” chứ không phải “ăn để sống” của người Do Thái sau khi làm phép lạ hoá bánh ra nhiều cho hàng ngàn người ăn: *“Thật, tôi bảo thật các ông, các ông đi tìm tôi không phải vì các ông thấy dấu lạ, nhưng vì các ông đã được ăn bánh no nê. Các ông hãy ra công làm việc không phải vì lương thực mau hư nát, nhưng để có lương thực trường tồn đem lại phúc trường sinh, là thứ lương thực Con Người sẽ ban cho các ông”*⁶⁶⁰. Đây cũng là lời mời gọi của Đức Giêsu gửi đến từng người trong thời đại này, vì nhiều người đang ra sức làm việc, kiếm thật nhiều tiền để hưởng thụ cuộc sống, thậm chí nhiều người cầu nguyện chỉ để được Chúa ban ơn.

Đức Giêsu không dài lời giải thích về sự sống bằng những ý niệm trừu tượng, nhưng Người dạy ta tôn trọng và bảo vệ sự sống toàn diện của muôn loài quanh ta vì tất cả đều là *con cái của Thiên Chúa hằng sống*. Người mời gọi ta hãy nhìn xem vạn vật như hoa huệ ngoài đồng, những chú chim sẻ ríu rít quanh ta để nhận ra quyền

⁶⁶⁰ x. Ga 6,24-35

năng và tình yêu của Cha Trên Trời đối với tất cả⁶⁶¹. Người yêu cầu ta thu nhặt từng mẩu bánh nhỏ, dù phép lạ Người làm cho mọi người no nê, để không phí phạm vật chất cũng như để tiết kiệm, dành dụm cho những bữa sau⁶⁶².

Người quý trọng *sự sống thể lý* của con người nên đã chữa lành mọi bệnh hoạn tật nguyên⁶⁶³. Người cổ vũ *sự sống tâm lý* khi nhắc nhở con người giữ tinh thần cho trong sáng, quảng đại vì không phải những đồ ăn đưa vào bụng con người làm cho họ ra như uest, nhưng những gì là tham lam, ghen tuông, giận dữ, dối trá... từ lòng con người xuất ra mới làm cho họ bần thiêu, nhuốc nhơ⁶⁶⁴. Người đề cao *sự sống tâm linh* khi nhắc nhở con người “không phải chỉ sống bằng cơm bánh mà còn bằng những lời từ miệng Chúa phán ra”⁶⁶⁵. Người chia sẻ *sự sống của Chúa* cho tất cả những ai tin vào Người⁶⁶⁶.

Người xua đuổi ma quỷ vì đó là những thụ tạo gây hại cho đời sống con người “cả thể xác lẫn tinh thần” nên khi xua đuổi ma quỷ khỏi người tật bệnh, thì họ được mạnh khoẻ, an lành⁶⁶⁷.

Người đã làm nhiều phép lạ cho người chết sống lại để chứng tỏ rằng sự sống ở đời này chỉ là một giai đoạn vô cùng ngắn ngủi so với đời sống vĩnh hằng. Người cho con trai bà goá thành Naim⁶⁶⁸, con gái ông Giairô⁶⁶⁹ và Lazarô chết 4 ngày sống lại⁶⁷⁰ để chứng tỏ Người là chủ sự sống, một sự sống toàn diện, siêu việt, hoàn hảo: “*Tôi là sự sống lại và là sự sống*”⁶⁷¹. Người ban sự sống đó cho những ai tin vào Người: “*Ai tin tôi sẽ được sống đời đời*”⁶⁷².

⁶⁶¹ x. Mt 6,26-32.

⁶⁶² x. Ga 6,12.

⁶⁶³ x. Mc 1,32-33; 3,10-12; 6,55-56; Mt 8,16; Lc 4,40...

⁶⁶⁴ x. Mt 14,10-20; Mc 7,14-23.

⁶⁶⁵ x. Mt 4,4.

⁶⁶⁶ x. Ga 1,4; 3,16; 3,36; 5,24,26; 6,47; 10,10; 11,25; 17,3...

⁶⁶⁷ x. Mc 1,21-28; 5,1-20; 7,24-30; 9,14-29; Mt 9,32-34; Lc 4,31-37

⁶⁶⁸ x. Lc 7,11-17.

⁶⁶⁹ x. Mc 5,21-43.

⁶⁷⁰ x. Ga 11,1-44.

⁶⁷¹ x. Ga 14,6.

⁶⁷² x. Ga 11,25-26.



Cuối cùng, chính Người đã chết và sống lại để chúng tỏ con người có thể tham dự vào sự sống của Thiên Chúa. Người đã hiện ra với các môn đệ nhiều lần, cùng ăn uống với họ để chứng tỏ Người đang sống và chia sẻ cho họ sự sống của chính Thiên Chúa. Thân thể phục sinh của Đức Giêsu có thể hiện ra ở trong phòng đóng kín cửa⁶⁷³, ở bất cứ nơi nào, vào bất cứ lúc nào⁶⁷⁴.

Người còn cho các tông đồ được chia sẻ quyền năng của Người để làm các phép lạ minh chứng sự sống kỳ diệu đó⁶⁷⁵: Phêrô chữa người què⁶⁷⁶, người bị tê bại tên Ênê⁶⁷⁷, cho chị Tabitha sống lại⁶⁷⁸. Phaolô chữa lành người bại chân ở Lystra⁶⁷⁹, trừ quỷ ma quỷ⁶⁸⁰, cho cậu bé Euticô sống lại⁶⁸¹. Điều này chứng tỏ con người đã được thần hoá chứ không phải chỉ là “những vị thần mặc lột người phàm đã xuống với chúng ta”⁶⁸².

Chúng ta có nhiều thí dụ trong Thánh Kinh cũng như trong đời sống của các thánh nhân về những đặc tính của đời sống mới. Chẳng hạn

⁶⁷³ x. Ga 20,19.

⁶⁷⁴ x. Lc 24,13-25.

⁶⁷⁵ x. Mt 10,1-6; Mc 3,13-19; 6,7-13; Lc 9,6.

⁶⁷⁶ x. Cv 3,1-10.

⁶⁷⁷ x. Cv 9,32-35.

⁶⁷⁸ x. Cv 9,36-42.

⁶⁷⁹ x. Cv 14,8-18.

⁶⁸⁰ x. Cv 19,11-20.

⁶⁸¹ x. Cv 20,7-12.

⁶⁸² x. Cv 14,11.

trong sách Công vụ Tông đồ, thánh Philipphê đang giảng dạy ở miền Samari, Thánh Thần bồng ngài đi gặp viên hoạn quan đang trên đường từ Giêrusalem về Gaza để nói cho ông về Chúa Giêsu, rồi sau khi rửa tội cho ông, Thánh Thần lại cất ông đi ngay trước mắt viên quan ấy và đặt ông xuống miền Asdôt, cách xa hàng trăm cây số⁶⁸³.

Hoặc thánh Martinô Porès (1579-1639) sống ở Nam Mỹ nhưng được Chúa cho vượt Đại Tây Dương trong nháy mắt, đưa vào tù ngục để chữa cho một tù nhân ở châu Âu. Khi ngài dẫn đoàn học sinh đi chơi, thầy trò vui vẻ đến quên giờ về đọc kinh chiều, trong khi đường còn rất xa, ngài xin tất cả nhắm mắt lại cầu nguyện, mở mắt ra, mọi người đã thấy mình ở trước cổng tu viện. Các thí dụ đó giúp ta hiểu về sự sống mới được Đấng Phục Sinh chia sẻ cho ta.

Khi gắn bó với Đấng Phục Sinh, Thiên Chúa giàu lòng thương xót sẽ cho chúng ta cảm nghiệm được sức mạnh và quyền năng kỳ diệu của Người, để chúng ta hiểu rằng Người đang hiện diện sống động bên ta, chia sẻ sự sống kỳ diệu cho ta để ta không còn lệ thuộc vào vật chất, không gian, thời gian của thể xác, để tâm hồn chúng ta mở rộng ra cho mọi người, mọi vật quanh mình⁶⁸⁴.

Tôi xin chia sẻ với các bạn cảm nghiệm về quyền năng và tình yêu của Đức Giêsu trong cơn đại dịch Covid-19. Ngày 5/7/2021, ngõ hẻm nhà tôi ở bị phong tỏa vì có người bị F0, chúng tôi không thể đi đâu. Sau đó, hẻm có 7 gia đình thì 5 hộ có người bị F0. Nhà tôi ở có 3 người, thì 2 người kia bị nhiễm bệnh, tôi phải nấu ăn và nấu nước xông cho họ cả tuần, rồi họ lần lượt được đem đi cách ly.

Dù không bước ra khỏi nhà trong 3 tháng 7-8-9/2021, nhưng chúng tôi tha thiết xin Chúa Giêsu giúp chúng tôi cứu chữa các bệnh nhân, và Người đã nhận lời chúng tôi. Nhóm chúng tôi chỉ có vài người, nhưng nhờ các người thân và bạn bè góp công góp của, chúng tôi đã gửi nhiều thuốc men, 32.800 khẩu trang N95, 1.370 bộ đồ bảo hộ y tế, 10 máy tạo Oxy các loại, 35 máy đo Oxy SpO2, 10 máy đo thân

⁶⁸³ x. Cv 8,4-40

⁶⁸⁴ x. *Cảm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.232-233.

nhật điện tử, 12,4 tấn gạo, 107 thùng sữa ít đường (48 hộp/thùng), 15 thùng sữa Varna (24 hộp/thùng), 104 cây tã (120 tã/cây), 23 thùng khăn ướt (40 hộp/thùng), 90 cây giấy vệ sinh (100 cuộn/cây). Tổng giá trị là 1.382.200.000 VND.

Chúng tôi đã giúp đỡ các bệnh viện như BV Hồi Sức Cấp cứu Thủ Đức, BV Tân Bình Q. Tân Bình, BV An Bình Q.5, BV Nguyễn Trãi Q.5, các bệnh viện Dã chiến số 1, 8, 9 của TP.HCM, của tỉnh Bình Dương và Biên Hoà-Đồng Nai.

Từ tháng 10/2021 đến cuối tháng 2/2022, chúng tôi nghiên cứu, làm thuốc giúp cho khoảng hơn 4.000 người nghèo bị nhiễm Covid-19 và thuốc phục hồi sức khoẻ cho những người có triệu chứng hậu Covid. Trị giá số thuốc khoảng hơn 1 tỉ đồng VN. Chúng tôi cảm nghiệm phép lạ hoá bánh ra nhiều và chữa lành của Người vẫn còn thực hiện trong đời sống chúng ta.

Như thế, con đường Giêsu sẽ dẫn loài người và vạn vật đến một điểm xa nhất và cũng cao nhất, đó là được thần hoá để chia sẻ sự sống của chính Thiên Chúa, trở thành Thiên Chúa nhờ công trình cứu độ của Đức Giêsu Kitô trong tác động thánh hoá của Chúa Thánh Thần. Ước mơ của con người đã biến thành sự thật!

3.3. Con đường thần hoá

“Sự sống, đời sống, những điều kiện sống” là những từ được Học thuyết Xã hội Công giáo nhắc tới 271 lần trong 583 số của cuốn Tóm lược HTXHCG và là từ thứ ba được dùng nhiều nhất sau từ *con người* (639 lần) và *Thiên Chúa* (325 lần). Tất cả 16 văn kiện của Công đồng Vaticanô II đều nhắc đến từ này hàng trăm lần để cho chúng ta thấy trọng tâm của Học thuyết Xã hội cũng như Giáo huấn Giáo Hội là giúp cho con người sống dồi dào, bình an và hạnh phúc như Đức Giêsu đã xác định: “*Tôi chính là mục tử nhân lành. Tôi đến để cho chiên được sống và sống dồi dào.*”⁶⁸⁵.

Ngay trong số đầu tiên của cuốn *TLHTXHCG*, Giáo Hội đã xác định Đấng có thể giải quyết mọi thách đố và xung đột trong đời sống là “Đức Giêsu Kitô, vì Người là Vị Cứu Tinh duy nhất và cũng là mục

⁶⁸⁵ x. Ga 10,10-11.

tiêu duy nhất của lịch sử. Người chính là “con đường, là sự thật và là sự sống”. Chính Người đã phải trả “một giá đắt”⁶⁸⁶ bằng cái chết và sự sống lại của mình để đem đến cho mọi người sự sống mới: đó là ơn cứu độ”.

Sự cứu độ ấy đang thâm nhập vào thế giới này qua các thực tại của kinh tế và lao động, công nghệ và truyền thông, xã hội và chính trị, cộng đồng quốc tế và các mối quan hệ giữa các nền văn hoá và giữa các dân tộc. “Đức Giêsu đến để mang ơn cứu độ toàn diện, một sự cứu độ bao trùm lên mỗi con người và toàn thể nhân loại, đồng thời mở ra một triển vọng rất kỳ diệu, là mọi người được nhận làm con Thiên Chúa”⁶⁸⁷.

Đức Giêsu Kitô đã giải đáp cho con người những vấn đề mà các nền văn hoá, văn minh đã phải đối mặt về nguồn gốc của con người và vũ trụ, về mâu nhiệm hiện hữu, về đau khổ, sự dữ và sự chết, về tương lai của con người⁶⁸⁸. Đồng thời cũng giới thiệu cho con người con đường hướng tới sự sống sung mãn mà con người đang mơ ước để mời gọi họ dần thân⁶⁸⁹.

Chính các môn đệ của Đức Giêsu trong Giáo hội Công giáo đã cùng với mọi người dần thân vào con đường đi tìm sự thật giải phóng và sự sống thần hoá. Họ đã và đang làm chứng rằng: “Thiên Chúa đã tặng ban Con Một của Ngài là Đức Giêsu để giải thoát con người khỏi tội lỗi và chỉ cho mọi người con đường mình phải đi và đích điểm mình phải phấn đấu đạt tới”⁶⁹⁰.

Khi gắn bó mật thiết với Đức Giêsu Kitô trong mâu nhiệm Vượt Qua, người môn đệ Đức Giêsu chết đi cho con người cũ của mình cùng với những khuynh hướng xấu xa, để trở thành thụ tạo mới, được ân sủng tăng sức để có thể “bước đi trong đời sống mới”⁶⁹¹. Vì Đức Kitô đã chết cho mọi người và vì ai ai cũng được mời gọi hưởng chung một

⁶⁸⁶ x. 1Cr 6,20.

⁶⁸⁷ x. *TLHTXHCG*, số 1; ĐGH Gioan Phaolô II, TĐ. *Redemptor Missio*, số 11.

⁶⁸⁸ x. *TLHTXHCG*, số 14.

⁶⁸⁹ x. *TLHTXHCG*, số 15.

⁶⁹⁰ x. *TLHTXHCG*, số 17.

⁶⁹¹ x. Rm 6,4.

định mệnh duy nhất – một định mệnh thần thánh – nên chúng ta phải tin rằng Thánh Thần sẽ ban cho mọi người khả năng trở thành những người tham dự vào mầu nhiệm Vượt Qua, tức là đi từ đời sống tạm thời ở trần thế để bước vào đời sống vĩnh hằng, bằng cách nào chỉ có Chúa biết mà thôi⁶⁹².

Sự biến đổi nội tâm làm cho ta dần dần trở nên giống Đức Kitô, chính là điều kiện tiên quyết và cần thiết để các mối quan hệ của ta với người khác được biến đổi thật sự. Việc biến đổi này sẽ thúc đẩy ta đổi mới các khả năng tâm linh, đời sống luân lý của mình, đồng thời tìm ra những phương thế thích hợp để sửa đổi các tổ chức và điều kiện sống có nguy cơ dẫn đến tội lỗi và sự dữ, phù hợp với các chuẩn mực của công lý, sự thật, bình an và tình yêu⁶⁹³.

“Người môn đệ của Đức Giêsu sẽ kính trọng và yêu thương mọi người, thật sự chịu trách nhiệm về mọi người, dù họ suy nghĩ và hành động khác với chúng ta về các vấn đề xã hội, chính trị và tôn giáo. Chúng ta có thể thực hiện được điều này nhờ ơn Chúa ban, để vượt qua mọi thứ dối trá và bạo động, với một tinh thần luôn mới mẻ và sẵn sàng, trong một mạng lưới quan hệ trung thực và đúng đắn với anh chị em đồng loại của mình”⁶⁹⁴.

Trong quan hệ với vũ trụ, người môn đệ Đức Giêsu có khả năng và bổn phận yêu thương mọi loài, tiếp nhận chúng từ Thiên Chúa, tôn trọng chúng, sử dụng và thụ hưởng chúng trong tinh thần nghèo khó và tự do. Bằng cách đó, con người thật sự làm chủ thế giới như thể không có gì hết, mà lại có tất cả: “*Mọi sự là của anh em, nhưng anh em thuộc về Đức Kitô và Đức Kitô thuộc về Thiên Chúa*”⁶⁹⁵.

Đức Giêsu là con Thiên Chúa làm người, trong Người và nhờ Người, thế giới và con người đạt tới được sự thật đích thực và trọn vẹn của mình: đó là được chia sẻ đời sống làm con Thiên Chúa cùng

⁶⁹² x. TLHTXHCG, số 41; *Gaudium et Spes*, số 22.

⁶⁹³ x. TLHTXHCG, số 42; GLHTCG, số 1888.

⁶⁹⁴ x. TLHTXHCG, số 43; GLHTCG, số 1889.

⁶⁹⁵ x. TLHTXHCG, số 44; 1Cr 3,22-23.

với Đức Kitô, nhờ cuộc nhập thể và nhờ quà tặng của Thánh Thần trong mầu nhiệm Vượt Qua⁶⁹⁶.

Kết luận

Tóm lại, con đường sự sống của Đức Giêsu mở ra đến vô tận. Nó giúp ta từ nay nhìn ra muôn loài ẩn chứa một sự sống lạ lùng của Thiên Chúa để ta tôn trọng và yêu quý tất cả. Nó cũng giúp ta luôn sống trong niềm vui, hy vọng và trân trọng từng giây phút sống để mang lại ơn cứu độ của Đức Giêsu cho chính mình và muôn loài.

Câu hỏi gợi ý



- 1. Bạn đang cảm nghiệm gì về cuộc sống của mình: căng thẳng, chán chường, mệt mỏi, vô nghĩa, phi lý hay thanh thản, hữu ích, trân trọng, vui tươi, hạnh phúc?*
- 2. Bạn có coi thường và đánh giá thấp đời sống thể lý với các hoạt động như ăn uống ngủ nghỉ, giải trí, vui chơi, thể dục thể thao? Hoặc bạn quá chú tâm đến chúng?*
- 3. Bạn chú ý đến những giá trị nào của đời sống tinh thần?*
- 4. Bạn có kinh nghiệm gì về một sự can thiệp lạ lùng của Chúa trong đời bạn? Bạn nghĩ mình có thể làm phép lạ không?*

⁶⁹⁶ x. TLHTXHC, số 45.

PHẦN II

NẾP SỐNG VĂN HOÁ CÔNG GIÁO

Bài 15

Ăn để hoà nhập vào sự sống và tình yêu

Lời mở

Ăn là hành động ta làm hằng ngày trong đời sống. Cha ông ta thường dạy: “Ăn để sống” chứ không phải “sống để ăn”. Nhưng hầu như người ta ít khi tìm hiểu xem “sống là gì, sống như thế nào mới đáng ăn”, nên cũng không biết “ăn là gì” và “ăn như thế nào mới đáng sống”. Thật ra, khi suy tư đôi chút về cuộc sống, ta sẽ thấy mỗi lần ăn uống là ta kết nối với muôn loài trong trời đất và hoà nhập⁶⁹⁷ với nhau trong sự sống và tình yêu. Vì thế, để phát huy nét văn hoá ẩm thực của người Công giáo Việt Nam, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu: ăn là gì, con người ăn như thế nào, người Việt ăn uống ra sao. Từ đó ta sẽ thấy người Công giáo nên ăn và tổ chức bữa ăn gia đình như thế nào cho tốt đẹp.

1. Ăn là gì?

Xét về khía cạnh sinh học, ăn là hành động đưa lương thực vào hệ tiêu hoá để thu nhận, biến đổi, phân giải các thức ăn về mặt vật lý, hoá học, chiết xuất các chất dinh dưỡng có ích từ đồ ăn và bài tiết ra ngoài những thứ không cần thiết cho cơ thể⁶⁹⁸.

⁶⁹⁷ x. Chúng tôi dùng từ “hoà nhập” với nghĩa “cùng tham gia, cùng hoà chung vào để không có sự tách biệt” (*Từ điển Tiếng Việt 2013*), thay cho từ “hiệp thông” chỉ phổ biến trong giới Công giáo (*Từ điển Công giáo 2019*).

⁶⁹⁸ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.78.

Đây là một tiến trình phức tạp với nhiều công đoạn, từ việc nhai đồ ăn trong miệng để nước bọt chuyển hoá tinh bột thành đường nhờ các men tiêu hoá (enzyme) gọi là Amylase và Lysozym để diệt vi khuẩn. Trong dạ dày, thức ăn được đảo trộn với dịch vị có chứa các men tiêu hoá protein. Ruột non là phần dài nhất và quan trọng nhất của hệ tiêu hoá, dài khoảng 7m với bề mặt 290m². Nhờ các men tiêu hoá của tuyến tụy và túi mật hỗ trợ, thức ăn được phân giải thành các chất dinh dưỡng đơn và được hấp thu vào dòng máu nhờ các nhung mao ở ruột non. Cuối đường tiêu hoá là ruột già, có nhiệm vụ xử lý các chất thải không tiêu hoá được, tạo thành phân để tống ra ngoài, qua hậu môn⁶⁹⁹.

Khi hiểu được tiến trình tiêu hoá, chúng ta sẽ thấy việc tiêu tốn nhiều thời giờ, tiền bạc để tìm ăn những món ngon, vật lạ, đặc sản trong nước hay ngoài nước nhằm thoả mãn cơn đói theo bản năng đều không xứng hợp với nền văn hoá sự sống. Dù ăn nem công chả phượng, lưỡi chim sẻ, tay gấu... trong “bát bửu” của Trung Quốc thì chúng chỉ đánh lừa giác quan mà thôi. Nuốt vào dạ dày rồi, chúng sẽ tự động phân giải thành những chất đơn như Carbon, Hydro, Oxy, Nitơ, Calci, Kali, Sắt, Đồng, Chì, Kẽm... mà 4 chất đầu đã chiếm tới 96% trọng lượng cơ thể. Dù ăn nhiều chất dinh dưỡng nhưng cơ thể chỉ thu nhận và dự trữ các chất cần thiết cho sự sống và loại bỏ các chất dư thừa. Nếu cơ thể không thải được chất thừa ra ngoài, sự sống sẽ bị tổn thương.

Điều hiểu biết này cũng nhắc nhở chúng ta phải ăn uống theo khoa học và đừng vội tin những lời đồn thổi, những “kinh nghiệm dân gian”: ăn con này, cây nọ để chữa một số bệnh tật nan y hiện đang tải đầy trên mạng internet. Nhiều người đã chết hay bệnh trở nên nặng hơn vì những kiểu ăn uống liều lĩnh này.

2. Con người ăn gì và ăn như thế nào?

Những con người thời sơ khai (homo habilis) cách đây 2,4 triệu năm⁷⁰⁰ chỉ biết “ăn tươi nuốt sống” những thú vật mình bắt được.

⁶⁹⁹ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.350-361.

⁷⁰⁰ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.014.

Khi con người đứng thẳng (*homo erectus*) khám phá ra lửa cách đây khoảng 800.000 năm, do hoả hoạn tạo ra như cháy rừng, núi lửa, họ thấy thịt nướng ăn ngon hơn, lành hơn và giữ được lâu hơn. Họ biết dùng lửa để nướng thịt, sưởi ấm, thắp sáng và xua đuổi thú dữ. Thức ăn loài người lúc đó là những lá cây, quả rừng và thịt thú vật. Con người sống theo bản năng nên chỉ ăn để sống và dành hầu hết thời gian sống để tìm thức ăn. Cộng đồng xã hội khi đó là bộ lạc do một tù trưởng đứng đầu, tất cả bộ tộc cùng chia sẻ thức ăn và bữa ăn là dịp họp mặt chung của cộng đồng.

Con người hiện đại đã tự tạo ra lửa để chế biến đồ ăn và tìm ra ý nghĩa của việc ăn uống. Đời sống an toàn và nhàn rỗi hơn khi con người thuần hoá được các thú vật thành gia súc (như heo, bò, trâu, gà...) để ổn định nguồn thịt và thuần dưỡng được các loại lúa gạo vào khoảng 3500 năm TCN, lúa mì hoang dại khoảng 3000 năm TCN, để ổn định nguồn tinh bột cho cơ thể. Con người có thêm thời gian để học hành, nghỉ ngơi, phát triển nghệ thuật và suy tư về các giá trị tinh thần thay vì dành hết thời giờ làm việc kiếm ăn.

Nền văn minh Hy Lạp và La Mã ở Tây Phương và Trung Hoa ở Đông Phương đã đưa việc ăn tiến một bước dài. Xã hội lúc này đã phân hoá thành các dân tộc với nhiều giai cấp như vua chúa, quan quyền, tầng lữ, nhà buôn và dân chúng, nên đồ ăn cũng được phân loại cao thấp và ý nghĩa bữa ăn cũng khác nhau. Chỉ người dân đen là phải nai lưng làm việc để có của ăn nuôi sống mình và gia đình. Từ tình trạng bị bóc lột bởi các nước giàu mạnh và sống như những nô lệ luôn “ăn đói, mặc rách”, họ chỉ mơ ước được “ăn no, mặc ấm”. Chỉ giai cấp thượng lưu mới có quyền “ăn ngon, mặc đẹp”. Một ít người, như Tần Thủy Hoàng⁷⁰¹, còn mơ ước tìm được “của ăn trường sinh bất tử” chứ không phải chỉ ăn được những củ nhân sâm hay hà thủ ô ngàn năm⁷⁰².

⁷⁰¹ Tần Thủy Hoàng (259 TCN – 210 TCN), người đã xây dựng Vạn Lý Trường Thành, thống nhất Trung Quốc (221 TCN) sau khi tiêu diệt 6 nước chư hầu.

⁷⁰² x. Bài *Thế Tre 2000 năm*, gọi là “Tần giản”, khai quật vào năm 2002 ở cổ thành Lý Da, Hà Nam, có niên đại 222 TCN – 208 TCN tiết lộ mật lệnh tìm tiên dược của Tần Thủy Hoàng, Internet, ngày 12/3/2018, Sơn Tùng.

Các tôn giáo đã đem lại ý nghĩa cho việc ăn uống và thể hiện niềm mơ ước của con người: ăn để sống mãi mãi. Trong cuốn truyện Tây Du Ký, xuất bản vào những năm 1590 và được cho là của học giả Ngô Thừa Ân, nhiều loài yêu quái muốn ăn thịt nhà sư Huyền Trang (Đường Tam Tạng) vì chúng cho rằng thịt này mang lại cho mình sự trường sinh bất lão.

Con người không còn chỉ ăn uống cho mình, nhưng qua các tôn giáo thờ kính tổ tiên, họ còn làm các bữa cúng giỗ để tưởng nhớ người đã khuất. Con người cũng dành những lễ vật cao quý cho thần linh để cầu xin ơn thoát khỏi những tai hoạ thiên nhiên, đền bù tội lỗi và các ân huệ khác. Việc ăn uống từ đó mang lại sự nối kết giữa những con người sống với nhau và với thế giới của tinh thần để dẫn con người đến sự sống kỳ diệu, phi thường của thần linh. Mỗi tôn giáo dạy cho tín hữu của mình nên ăn gì, kiêng gì và tại sao phải làm như vậy.

Các triết gia cũng bắt đầu suy tư về đồ ăn cho thể xác và thức ăn cho tinh thần. Họ cho thể xác đối nghịch với tinh thần, nên chủ trương sống nghiêm khắc với chính bản thân (phái Khắc Kỷ), ăn uống đạm bạc, không chiều theo thú vui và dục vọng để thể xác càng nhẹ nhàng thì tinh thần càng thanh thoát. Người theo đạo Phật “cấm sát sinh” vì tin rằng mỗi sinh vật có thể là ông bà, cha mẹ, bạn hữu của mình đầu thai ở kiếp này nên chỉ ăn thực vật. Người theo đạo Công giáo lại được quyền ăn mọi thứ sinh vật và thực vật trên trái đất theo lời Chúa dạy⁷⁰³. Nhiều người vô thần không cảm tạ Chúa Trời Đất trước mỗi bữa ăn, nhưng các tín hữu của Do Thái giáo, Kitô giáo, Hồi giáo lại đọc kinh cảm tạ vì Ngài ban cho họ “lượng thực hằng ngày” cũng như kêu gọi họ chia sẻ đồ ăn cho muôn loài như anh chị em trong cùng một gia đình, nhất là cho những người nghèo đói.

Người Công giáo trong nhiều thế kỷ bị ảnh hưởng bởi triết thuyết Khắc Kỷ sai lạc nên cho thân xác là một trong ba kẻ thù (ma quỷ, thể gian, xác thịt), đã coi thường những hoạt động ăn uống, vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao, trang điểm, thời trang, và nhiều tu sĩ dùng

⁷⁰³ x. St 1,28-29.

roi đánh tội hằng đêm. Công đồng Vaticanô II đã trả lại giá trị cho thân xác khi xác định: “*Con người là một với thân xác và tinh thần*” và “*Phải coi thân xác tốt lành và đáng trân trọng vì được Chúa tạo thành và được sống lại trong ngày sau hết*”⁷⁰⁴.

3. Văn hoá ẩm thực của người Việt

Cái nôi văn hoá của người Việt là đồng bằng sông Hồng với những trồng đồng Đông Sơn có trang trí hoa văn xuất hiện khoảng 2700 năm TCN⁷⁰⁵. Dù sống dưới ách nô lệ của người Trung Hoa, người Việt vẫn tồn tại và giữ được bản sắc văn hoá của mình, đặc biệt là về ăn uống.

Người Việt ăn uống thanh đạm một phần vì nghèo khổ do bị chính quyền vua quan, cường hào ác bá bóc lột, một phần vì bản sắc người Việt không coi trọng miếng ăn, thậm chí còn cho “miếng ăn là miếng nhục”, nên luôn giữ khí tiết trong sáng của mình: “đói cho sạch, rách cho thơm”. Người Việt ít ăn thịt, chỉ ngày lễ tết, lễ hội ăn chung ở đình làng người ta mới dám giết trâu, mổ heo để chia phần cho mọi người. Con gà nuôi cũng chỉ để đãi khách quý hay làm bữa cúng giỗ tổ tiên, ông bà. Con trâu, con bò chỉ để cày ruộng, làm việc đồng áng.



Ngoài cơm bánh cung cấp tinh bột, người Việt ăn nhiều tôm cua cá ốc bắt được ở ruộng đồng, sông biển để bù lại cho lượng thịt còn

⁷⁰⁴ x. Hiến chế *Vui mừng và Hy vọng*, 1965, số 14.

⁷⁰⁵ x. *GHCGVN Niên giám 2016*, tr.172.

thiếu. Đặc biệt người Việt phát triển nền văn hoá thực vật với những cây cỏ trồng đầy quanh nhà hay mọc đầy quanh làng. Hầu như cây nào cũng có thể ăn và làm thuốc chữa bệnh. Nguồn thực phẩm này cung cấp dồi dào vitamin và chất khoáng thay cho đồ ăn cao cấp mới được chế biến sau này như thịt, trứng, sữa, nấm và các loại rau. Vì thế, món ăn nào của người Việt cũng có thể ăn kèm thêm nhiều rau sống hay luộc chín.

Món phở của người Việt chẳng hạn, không nhiều mỡ nhiều thịt như món hủ tiếu mì của người Trung Hoa, cũng không nhiều tinh bột như của người Nhật, người Hàn, nhưng lại rất nhiều rau. Có khoảng 15-20 loại rau trong một bát phở Việt: hành lá, hành tây, giá, húng quế (rau mùi), húng cay, ngò gai, rau om, chanh, ớt, tiêu,... nước dùng ninh từ xương bò có nhiều gia vị như quế, hồi, gừng nướng, thảo quả, đinh hương, hạt ngò, hành khô nướng.

Nét văn hoá ẩm thực Việt Nam được diễn tả qua lời mời trước bữa ăn đối với mọi thành phần tham dự mâm cơm hay mâm cỗ. Người ít tuổi hay người có địa vị thấp nhất phải mời lần lượt từ người cao tuổi hay người có địa vị cao nhất xuống đến người áp sát tuổi mình. Đứa con hay đứa cháu nhỏ nhất khi được ngồi ăn chung với ông bà, cha mẹ, anh chị đều phải mời như thế. “Lời mời giúp ta ý thức bản phận đối với gia đình, dân tộc để sẵn sàng xới cơm và nhường cho nhau những miếng ăn ngon. Nếu chưa biết nhường nhau con tôm, miếng thịt, chắc sau này ta sẽ giận hờn, đâm chém nhau vì một chút lợi, chút danh”⁷⁰⁶. Ngày nay nhiều gia đình dường như quên dạy cho con cái lời mời này nên nhiều xung đột cũng bắt nguồn từ đây!

Người Việt thường bắt đầu bữa ăn bằng việc nhớ đến ông bà tổ tiên, không phải chỉ trong ngày giỗ tết. Nấu món gì ngon hay món “khoái khẩu” của người đã khuất, người ta thường múc ra bát hay đĩa rồi đặt lên bàn thờ. Bữa ăn vì thế mang tính cách tưởng nhớ, đồng cảm với người đã khuất, vừa để cảm ơn người sống (*ăn quả nhớ kẻ trồng cây, ăn gạo nhớ kẻ đâm xay giã sàng*), cảm ơn vạn vật (*giả ơn cái cối cái chày, đêm khuya giã gạo có mày có tao – giả ơn cái cọc cầu*

⁷⁰⁶ x. Lm. Antôn Nguyễn Ngọc Sơn, *Sứ điệp loài Hoa, Messages of flowers*, tr.19.

ao, đêm khuya giã gạo có tao có mày!), vừa để mở ra với chân trời vô biên của đất nước, núi sông:

Người ta đi cấy lấy công

Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề

Trông trời, trông đất, trông mây

Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm

Trông cho chân cứng đá mềm

Trời yên biển lặng mới yên tâm lòng.

4. Ăn là hoà nhập với muôn loài

Với tinh thần hội nhập văn hoá được Thánh GH Gioan Phaolô II đề ra trong Tông huấn *Giáo Hội tại châu Á* (năm 1999), người Công giáo Việt Nam hiểu rằng *ăn là hoà nhập vào sự sống và tình yêu của Thiên Chúa với muôn loài.*

Ăn là hoà nhập vào một cộng đồng hay một gia đình: từ gia đình riêng tư có vợ chồng, cha mẹ, con cái, ông bà, đến gia đình rộng lớn hơn là dân tộc, nhân loại, vũ trụ và lớn hơn cả là gia đình Thiên Chúa. Mỗi thành phần trong cộng đồng đều có trách nhiệm xây dựng và hy sinh cho nhau, như những tế bào sống trong cùng một thân thể vĩ đại, nhiệm mầu.

Khi đưa lương thực vào hệ tiêu hoá để chuyển đổi thành dòng máu nuôi sống mình, là con người liên kết với vạn vật trong vũ trụ và mọi người trên trái đất. Cơm bánh, rau củ, hoa trái, thịt cá... được hoà trộn thành một chất liệu chung tạo nên sự sống, giống như muôn trái nho ép thành chén rượu và muôn hạt gạo nấu thành nồi cơm. Sự hoà nhập này mời gọi mỗi cá nhân, mỗi thành phần bỏ đi những cái riêng tư ích kỷ để hoà mình vào cuộc sống chung và đón nhận trách nhiệm đối với muôn loài.

Việc hoà nhập vào sự sống phải dẫn người Công giáo chúng ta tôn trọng tuyệt đối sự sống của tha nhân. Vì thế, người ta không thể trở thành những kẻ “giết người” khi bán những thứ hàng độc hại, sản xuất những nông sản còn tồn đọng chất độc, ướp cá tôm, hoa trái bằng hoá chất nguy hiểm. Thiên Chúa hằng sống nhìn thấy hết mọi việc ta làm và Chúa Giêsu Thánh Thể yêu cầu ta đừng lên “ăn

Người” với lương tâm ác đức. Ước mong chúng ta noi gương tín hữu Hàn Quốc chỉ bán hàng tốt, hàng sạch, hàng bổ dưỡng để tạ ơn Chúa Trời, biết ơn muôn loài hy sinh sự sống cho ta.

Thánh Phaolô đã diễn tả cách sống động sự hoà nhập đó: *“Khi ta nâng chén chúc tụng mà cảm tạ Thiên Chúa, há chẳng phải là chúng ta dự phần vào máu Đức Kitô ư? Và khi ta cùng bẻ Bánh Thánh, đó chẳng phải là dự phần vào Thân Thể Người sao? Bởi vì chỉ có một tấm bánh và tất cả chúng ta chia sẻ cùng một bánh ấy, nên tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một thân thể”*⁷⁰⁷.



Sự hoà nhập này sẽ dẫn mỗi “thực khách” đến một “giao ước thiêng liêng”, đến sự “hoà hợp” với “giao ước mới mẻ và vĩnh cửu”⁷⁰⁸, mà Đức Giêsu đã thực hiện cho muôn loài trong vũ trụ, khi Người lập Bí tích Thánh Thể và tế lễ mình trên bàn thờ thập giá để trở thành Máu Thịt nuôi sống chúng ta. Thật vậy, mỗi khi ăn là ta ký kết một hợp đồng tinh thần và cam kết sẽ thực hiện để khỏi mắc nợ lẫn nhau. Trong đời sống, ta mắc nợ cha mẹ, ông bà, tổ tiên và cả nhân loại: nợ mồ hôi, nước mắt, sức lực, máu xương, trí tuệ và cả sự sống của nhiều người. Vì thế ta phải trả nợ cho tất cả bằng một đời sống tích cực học hành, làm việc, thay vì chỉ ăn để sống cho riêng mình.

Ta mắc nợ với muôn loài về sự sống, tình yêu chúng dành cho ta: bao nhiêu ngọn rau, tôm cá chết đi để ta được sống, trong khi chúng cũng yêu quý sự sống chẳng thua kém con người. Một cây xanh, dù

⁷⁰⁷ x. 1Cr 10,16-17.

⁷⁰⁸ x. Mt 26,26-28; Mc 14,22-24; Lc 22,19-20; 1Cr 11,23-25.

bị chặt ngang thân, vẫn cố đâm ra những chồi non để sống. Một con giun, dù bị dẫm nát thân mình, vẫn cố lê thân về miền đất ẩm. Như thế, mỗi giây phút ta sống đều quý giá, linh thiêng, nên ta phải trân trọng, bảo vệ và phát huy để biểu lộ lòng biết ơn đối với muôn loài. Người Công giáo tin rằng, khi ăn các sinh vật để tạo nên sự sống cho mình, tín hữu cũng giúp chúng được chia sẻ sự sống vĩnh hằng và phi thường với con người, vì chỉ con người mới có thể sống mãi. Như thế, ăn cũng là cứu độ muôn loài!

Ăn còn là hoà nhập vào tình yêu. Để tạo nên sự sống cho ta, bao người phải vất vả làm việc, thậm chí đón nhận cả cái chết. Họ đã đổ bao giọt mồ hôi, nước mắt, sức lực ở chợ đời để đem về cho ta bát cơm, con cá. Mồ hôi đổ ra có khi còn nhiều hơn bát canh trước mặt. Có người phải vùi thân trên biển vì cơn bão bất ngờ. Có người phải cụt chân, cụt tay vì quả mìn còn sót lại trên đồng ruộng. Bao chiến sĩ đã hy sinh thân mình để bảo vệ từng tấc đất quê hương, cho ta có được vườn rau, ruộng lúa.

Động lực khiến tất cả hy sinh cho ta ăn để sống chính là tình yêu. Muôn loài, muôn vật, muôn người đều yêu ta. Đó chẳng phải là thứ tình cảm yêu đương giữa nam nữ như người ta thường hiểu, nhưng là tình yêu trong sáng, quảng đại, tạo nên bản chất thiêng liêng của muôn loài, khi Thiên Chúa dựng nên vũ trụ vạn vật. Những bông hoa khoe sắc, toả hương mà chẳng đòi con người một đồng xu nhỏ, cũng chẳng cần biết họ tốt đẹp hay xấu xa. Chúng bắt chước “*Cha Trên Trời cho mặt trời mọc lên soi sáng cho kẻ xấu cũng như người tốt và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất lương*”⁷⁰⁹.

Hiểu biết và cảm nhận được tình yêu đó, ta mới sẵn sàng chia sẻ những gì mình đang “quản lý”, chứ không phải là sở hữu, như tiền bạc, tài năng, tình yêu, sự sống cách quảng đại và vô vị lợi để đáp lại tình yêu của Chúa và của muôn loài. Sống như thế ta mới đáng ăn như con cái của Trời và anh em ruột thịt của nhau.

⁷⁰⁹ x. Mt 5,45.

Trong lịch sử nhân loại, dân tộc Do Thái đã nhận được lương thực từ trời mà họ gọi là “manna” trong suốt 40 năm, khi đi trong sa mạc Sinai tìm về Đất Hứa. Đây là thứ bột rơi trên mặt đất mỗi sáng để họ lấy về làm bánh⁷¹⁰. Bánh từ trời này giúp họ đón nhận sự sống tinh thần kỳ diệu, nếu họ tin vào Đấng ban cho họ bánh ấy. Nhưng họ đã không tin và tất cả đều chết trên sa mạc⁷¹¹. Thiên Chúa cũng đã gửi tám bánh lạ lùng để tiên tri Êlia ăn và nhờ đó, ông đi suốt 40 đêm ngày đến núi Khoreb và gặp được Ngài⁷¹².

Đó chỉ là những hình ảnh báo trước về “tám bánh trường sinh từ trời xuống”⁷¹³ là Đức Giêsu Kitô, Ngôi Lời Thiên Chúa làm người, để muôn loài có thể đón nhận Người và đạt được sự sống vĩnh hằng, kỳ diệu của Thiên Chúa. Đức Giêsu đã nhiều lần làm các phép lạ hoá bánh và cá ra nhiều, chữa lành bệnh tật, cho kẻ chết sống lại và chia sẻ cho tất cả các tông đồ và môn đệ quyền năng ấy, nếu họ tin tưởng đón nhận và “ăn” Người để làm nên một thân thể nhiệm mầu, có chung một sự sống của Thiên Chúa.

Những tín hữu Công giáo cũng đã ăn theo “giao ước mới” được Đức Giêsu thiết lập⁷¹⁴ và thực hiện bữa ăn “agape” (bác ái) khi cùng bẻ bánh ăn chung với nhau⁷¹⁵. Tuy nhiên, hầu như họ vẫn chỉ đón nhận tám bánh theo kiểu hình thức bên ngoài của “bí tích” Thánh Thể, vì họ chưa phát huy được hiệu quả thật sự phi thường của tám bánh Giêsu trong đời sống.

5. Chúng ta nên ăn như thế nào?

Ngoài ý nghĩa của lương thực và việc ăn về mặt tinh thần, chúng ta cũng cần lưu ý xem mình nên ăn những thức ăn nào, và tổ chức bữa ăn như thế nào cho hợp với những ý nghĩa cao cả đó.

Trước hết, ta cần ăn đủ 4 chất dinh dưỡng chính của cơ thể: đường (glucid), mỡ (lipid), đạm (protid), các vitamin với muối khoáng.

⁷¹⁰ x. Xh 16,2-15.

⁷¹¹ x. Ga 6, 32.49.

⁷¹² x. 1V 19,4-8.

⁷¹³ x. Ga 6,51.

⁷¹⁴ x. Mc 14,22-24; Dt 9,11-15.

⁷¹⁵ x. Cv 2,42.46; 20,7.

Nhiều người sợ béo phì, mất đi hình dáng thon thả nên ăn rất ít tinh bột, chất béo, chỉ ăn nhiều rau. Có người lại không ăn rau vì có lần thấy con sâu lẩn trong rau, hoặc không ăn cá biển vì ngửi thấy mùi tanh. Có người bị rối loạn tâm lý về ăn uống khiến họ tránh thức ăn, nôn mửa khi ăn hoặc làm cho họ ăn uống quá mức (chứng cuồng ăn)⁷¹⁶. Họ cần được điều trị về tâm lý và hỗ trợ về dinh dưỡng.

Do cơ thể của mỗi người cao thấp, gầy béo, già trẻ, giới tính, hoàn cảnh xã hội, môi trường sống khác nhau nên lượng đồ ăn đưa vào cũng khác nhau. Hiện nay người ta tính lượng đồ ăn này theo số calo, nhưng các quốc gia lại đề nghị số calo khác nhau. Tổ chức Lương Nông Liên Hiệp Quốc (FAO) cho rằng nhu cầu tối thiểu của một người trung bình là 1.800 calo/ngày. Cơ quan Dịch vụ Y tế Quốc gia Anh lại ấn định nam giới trưởng thành trung bình cần 2.500 calo/ngày và nữ giới là 2.000 calo/ngày. Cơ quan Y tế Hoa Kỳ lại quy định con số cao hơn: 2.700 calo/ngày của nam giới và 2.200 calo/ngày cho nữ giới⁷¹⁷.

Đúng ra, chúng ta không cần đếm chính xác số calo, nhưng cần quan tâm đến chế độ ăn uống lành mạnh và cân đối giữa 4 chất chính, vận động thể chất, cân đối giữa lượng calo nạp vào và lượng calo tiêu đi mỗi ngày. Nếu là người làm việc chân tay, ta cần ăn nhiều chất đường để vận động các cơ bắp. Nếu là người làm việc nghiên cứu, lao động trí óc, ta cần ăn thêm chất đạm và bớt ăn các tinh bột tạo ra đường.

Hiện nay nhiều cơ quan đã trình bày “tháp dinh dưỡng hợp lý”⁷¹⁸ để ăn trong một ngày, một tuần, một tháng. Nói chung, ta nên ăn đủ các loại bánh mì, cơm, ngũ cốc; tiếp đến là các loại rau củ quả. Ta ăn vừa phải các loại phô mát, sữa chua, trứng, thịt, cá. Ăn ít các loại dầu mỡ, đường và hạn chế tối đa muối, các đồ ăn có chất cồn, các

⁷¹⁶ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.443.

⁷¹⁷ x. Dân Trí Việt Nam, *Bạn nên ăn bao nhiêu calo một ngày?* Internet, 20/7/2016.

⁷¹⁸ x. Dinhduong.online tổng hợp, bài *Phân tích tháp dinh dưỡng cho người lớn khỏe mạnh*, Internet, ngày 17/8/2018.

đồ ăn chế biến sẵn, nước uống có gas. Người Việt vì ăn quá nhiều muối nên có nhiều người bị các bệnh tim mạch, gan thận. Không nên ăn quá 5-6g muối một ngày. Nhiều trẻ em bị bệnh béo phì, chậm phát triển trí não vì cha mẹ chiều con nên cho ăn quá nhiều chất béo, chất đường qua đủ loại đồ uống, bánh kẹo.

Thái độ ăn uống của người Việt cũng cần thay đổi cho hợp với nền văn hoá mới. Sau nhiều thế kỷ bị nô lệ cho ngoại bang, bị áp bức bởi chế độ quân chủ độc tài, mang tâm trạng sợ phải ăn đói, nên người ta thường tham ăn và tích trữ đồ ăn. Có dịp ăn ngon, ăn không phải trả tiền trong các lễ hội là họ ăn xả láng, lấy cho mình thật nhiều đồ ăn dù ăn không hết và bỏ mặc người khác phải đói. Ta thấy điều này thường xảy ra ở các bữa tiệc, bữa ăn “buffet”. Họ ăn vội vã, cười nói to tiếng, vứt đồ ăn thừa và giấy lau đầy dưới chân bàn như bãi rác. Họ không nhận ra giá trị của vật chất hy sinh cho họ, không hiểu ý nghĩa cao quý của sự đồng cảm trong các mối tương quan xã hội và của việc tạ ơn Trời đất.

Chúng ta cần phải học lại bài học lịch sự, ăn mặc gọn gàng sạch sẽ, nói năng nhỏ nhẹ trong bữa ăn. Dù ở trong gia đình, chúng ta cũng nên ăn mặc gọn gàng, đứng đắn vì bữa ăn còn là một dịp để ta thể hiện sự hoà nhập vào sự sống và tình yêu với muôn loài cũng như với thế giới tâm linh.

Hiểu được ý nghĩa cao cả của việc ăn uống, từ nay ta sẽ tổ chức bữa ăn gia đình hằng ngày thành một cơ hội quý báu để diễn tả sự liên đới trong tình yêu và sự sống của mọi thành viên. Dù hoàn cảnh xã hội đô thị khiến vợ chồng, cha mẹ, con cái có thể đi học, đi làm trái giờ nhau, nhưng ta cần tổ chức bữa ăn gia đình cho tươm tất mỗi tuần một vài lần, có đủ mặt mọi thành viên. Ta cũng nên phân công cho mọi thành viên tham gia các công việc như nấu ăn, chuẩn bị bàn ăn, thu dọn bữa ăn, lau rửa bát đĩa.

Trừ trường hợp cả nhà muốn xem một chương trình đặc biệt, vào giờ ăn ta nên tắt tivi để cùng nói chuyện, chia sẻ cho nhau những buồn vui trong đời sống. Tuy nhiên, đừng biến giờ ăn thành giờ dạy dỗ con cái, phê bình, nói xấu người khác hay tranh luận căng thẳng

về một vấn đề nào đó. Chúng ta chỉ nên nói chuyện vui, theo hướng tích cực để khích lệ mọi người.

Dù được ăn nhiều món ngon của người Việt nhưng nhiều người nước ngoài vẫn chưa coi trọng nền văn hoá ẩm thực của người Việt khi họ thấy những chương trình quảng cáo trên các đài truyền hình Việt Nam. Vào đúng giờ ăn là quảng cáo các món hàng “bốc mùi” như tã lót cho trẻ em, băng vệ sinh phụ nữ, thuốc trị bệnh trĩ, bệnh tiền liệt tuyến, tiểu gắt, tiểu đêm, són,... Không lẽ các đài truyền hình lại không nhận ra điểm thiếu văn hoá đó sao?



Những ai đảm nhận việc nấu ăn nên biết tính toán số calo trong các thức ăn, nấu những món đơn giản nhưng ngon và đủ chất bổ dưỡng, để đừng tốn quá nhiều thời giờ cho việc ăn uống. Chỉ nên nấu lượng món ăn vừa đủ, ăn trong ngày, thay vì nấu quá nhiều rồi đồ đi hay cất giữ trong tủ lạnh. Nhiều gia đình thành thị đang lạm dụng việc trữ lạnh đồ ăn cho cả tuần, cả tháng. Các đồ ăn lạnh, khi rã đông đều mất đi nhiều chất dinh dưỡng, không ngon và có thể gây độc vì một số vi khuẩn, vi trùng có thể vẫn còn sống. Ta cũng cần biết một số những thực phẩm kỵ nhau, gây chết người theo kinh nghiệm dân gian và cũng đã được khoa học xác nhận để tránh bị ngộ độc.

Chúng ta cũng chỉ nên ăn vừa phải, không nên ăn quá no hay ăn nhiều một loại đồ ăn nào theo ý thích của mình vì việc phải tiết ra nhiều men tiêu hoá để phân hoá đồ ăn sẽ làm cho các bộ phận trong hệ tiêu hoá phải làm việc quá mức. Tốt hơn nên ngừng ăn lúc còn đang thèm ăn thêm để tạo cảm xúc thích thú thay vì nhàm chán, ghê sợ đồ ăn. Cần nhai kỹ để dễ tiêu hoá đồ ăn. Không nên ăn trên

giường ở tư thế nằm, trừ khi bị bệnh nặng. Không nên ngồi vào bàn làm việc, đọc sách, xem phim,... ngay sau khi ăn no vì các cơ quan trong hệ tiêu hoá cần tập trung để tiêu hoá đồ ăn. Nếu vận hành bộ não nhiều lúc đó, sẽ tạo ra sự căng thẳng, xáo trộn trong hệ tiêu hoá, dẫn đến bệnh tật.

Tính đến ngày 8/3/2022, Việt Nam chúng ta hiện có khoảng hơn 4,5 triệu người bị nhiễm bệnh Covid-19 trong số gần 100 triệu dân, nghĩa là cứ 20 người có một người bị nhiễm. Rất nhiều người hiện nay bị những triệu chứng hậu Covid-19 như rụng tóc, mất ngủ, giảm trí nhớ, mất vị giác, khứu giác, rối loạn nhịp tim, rối loạn tiêu hoá, đau nhức xương khớp và cả cơn bão Cytokine... Nhiều người không biết nguyên nhân vì sao và chữa trị như thế nào.

Nguyên nhân đầu tiên là Virus Sars-CoV-2 gây nên bệnh nấm đen (mucormycosis) nơi chúng xâm nhập do sử dụng bừa bãi các chất steroid, dexamethasone và methylprednisolone, nhất là những người bị tiểu đường, nam giới⁷¹⁹. Nhiều bệnh nhân khó thở, đau khó chịu ở ngực do các nấm bao quanh các phế nang, làm giảm diện tích trao đổi khí oxy ở phổi dẫn đến rối loạn giấc ngủ, khó ngủ, ngưng thở khi ngủ. Nấm còn tác động ở khí quản, khiến bệnh nhân hay ho khan, muốn khạc đờm ra ngoài. Chúng tôi đã trình bày cách chữa trị ở bài 7 trước đây.

Nguyên nhân tiếp theo là vì các kháng sinh và virus đã giết chết các men tiêu hoá trong hệ tiêu hoá gây nên những rối loạn trong cơ thể khiến người bệnh không hấp thu được các chất bổ dưỡng, các vitamin và chất khoáng từ đồ ăn thức uống để chuyển vào máu nuôi sống cơ thể. Khi không hấp thu được Vit. B1 và B6 thì các hệ thần kinh và cơ xương khớp bị ảnh hưởng khiến sút giảm trí nhớ, rối loạn chú ý, khó ngủ. Không hấp thu được B12 và các chất bổ dưỡng nên người bệnh sụt cân, ăn không ngon và không tiêu. Không hấp thu được Vit. E, PP, Kẽm khiến da bị đen xạm, rụng tóc, khó tiêu hoá đồ ăn. Không hấp thu các khoáng chất như Calci, Sắt, Đồng, Chì,...

⁷¹⁹ x. Trang web *Sức khoẻ và đời sống* của Bộ Y tế, ngày 9/6/2021.

thì đau nhức cơ xương, thiếu máu, không đủ sức làm việc. Vì thế ta phải tái tạo lại các men tiêu hoá bằng việc mua các men này ở nhà thuốc như Enterogermina, ăn yaourt, dưa chua..., tập các bài thể dục, chơi thể thao, chạy bộ để kích thích hoạt động của các cơ bắp trong hệ thống tiêu hoá.

Lời kết

Trong nền văn minh tình yêu và văn hoá sự sống, ta không còn chỉ đạt tới điểm “ăn ngon, mặc đẹp”, nhưng “ăn thần, mặc thánh” nghĩa là ăn để phát huy đời sống tinh thần, để trở nên thần thánh, vượt ra khỏi giới hạn của vật chất, không gian, thời gian và sống cho những giá trị siêu việt của tinh thần. Như thế, niềm mơ ước của Tần Thuỷ Hoàng tìm được của ăn trường sinh bất lão đã được chúng ta biến thành hiện thực nhờ Đức Giêsu Kitô, vì Người thật sự là “bánh hằng sống từ trời xuống”. Lịch sử của Giáo hội Công giáo đã và đang làm chứng về điều đó. Bạn có bao giờ mơ ước ăn được tấm bánh đó không?



Câu hỏi gợi ý

1. Bạn suy nghĩ gì về việc ăn uống hằng ngày của mình?
2. Bạn dự tính thay đổi bữa ăn của gia đình mình như thế nào để thể hiện việc hoà nhập vào tình yêu và sự sống?

Uống nước nhớ nguồn

Lời mở

Tháng 7 năm 2010, Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc đã bỏ phiếu công nhận việc tiếp cận nước sạch và điều kiện sống hợp vệ sinh là một trong những quyền căn bản của con người. Nước không phải chỉ hết sức cần thiết và quan trọng đối với con người, nước còn là cội nguồn của tất cả các dạng sống, từ những đơn bào, cho đến thực vật, động vật. Vì thế, chúng ta muốn tìm hiểu vai trò của nước trong đời sống tự nhiên của con người và trong đời sống siêu nhiên của người tín hữu để có thái độ sống đúng đắn.

1. Nước trong đời sống tự nhiên

Theo nghiên cứu của Viện Nước Quốc tế Stockhohn (SIWI), nước bẩn giết chết nhiều người hơn so với động đất và chiến tranh. Ước tính mỗi ngày trên thế giới có tới 5.000 trẻ em bị chết do các bệnh liên quan đến nước bẩn. Theo bản báo cáo của Liên Hiệp Quốc năm 2006, có tới 1,1 tỉ người không tiếp cận được nước sạch và hơn 2,6 tỉ người không có điều kiện vệ sinh cơ bản. 1,5 triệu trẻ em dưới 5 tuổi và 4,43 triệu trẻ em ở độ tuổi đến trường bị chết mỗi năm do các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh môi trường⁷²⁰.

Ở Việt Nam, có tới 80-90% phụ nữ ở Đồng bằng sông Cửu Long mắc bệnh phụ khoa vì không có nước sạch, phải dùng trực tiếp nước sông, nước kênh. Hầu hết các học sinh Việt Nam không uống đủ nước và sợ dùng nhà vệ sinh ở trường do quá dơ bẩn.

1.1. Vai trò của nước trong cơ thể con người

Khoảng 70% cơ thể chúng ta là nước. Nước xuất hiện ở tất cả các cơ quan, bộ phận trên cơ thể. Hàm lượng nước trong gan là 86%, não 85%, phổi 83%, máu 83%, thận 83%, cơ bắp 75%, da 64%, thấp

⁷²⁰ x. <https://www.thienhien.net/2019/10/28/chien-tranh-gianh-nguon-nuoc-trong-lich-su-nhan-loai/>

nhất là xương: 31%. Nước có vai trò điều hoà nhiệt độ cơ thể. Khi nhiệt độ môi trường biến đổi, nước sẽ điều hoà thân nhiệt bằng cách toát ra mồ hôi.

Nước cũng vận chuyển oxy, chất dinh dưỡng đến mỗi tế bào qua hoạt động của dạ dày, ruột non. Nước thực hiện chức năng giải độc, lấy đi các chất thải độc hại ở tế bào. Nhờ nước, các thức ăn đưa vào cơ thể được chuyển hoá và được phân giải về mặt vật lý và hoá học, hệ tiêu hoá chiết xuất các chất dinh dưỡng có ích và bài tiết những thứ không cần thiết ra ngoài. Nước đóng vai trò làm dung môi trong suốt quá trình này.

Nước còn làm trơn các khớp xương để xương vận hành nhịp nhàng trơn tru, không bị tổn thương. Nước còn giúp làm sạch phổi bằng cách gột rửa những bụi bẩn, virus, vi khuẩn, khói thuốc. Não cần nước nhiều hơn các cơ quan khác, nên não sẽ báo hiệu để rút nước từ các cơ quan ấy. Vì thế chúng ta cần uống nhiều nước để não làm việc ổn định, đầu óc minh mẫn. Các cơ bắp cần nước để hoạt động. Nếu thiếu nước người ta sẽ bị mỏi cơ, cảm thấy rã rời, không muốn vận động.

Người trưởng thành có khoảng 5 lít máu. Tim bơm tất cả 5 lít máu này đi khắp cơ thể trong mỗi phút. Các thành phần của máu gồm: huyết tương (chiếm 54%), hồng cầu (45%), bạch cầu và tiểu cầu (1%); máu sẽ thu nhận các chất dinh dưỡng được hấp thu từ ruột cũng như oxy từ phổi để chuyển chúng đến các tế bào. Máu cũng lấy đi các hoá chất do tế bào thải ra như urê và acid lactic đến gan và thận để thải ra ngoài. Nước là thành phần chính của máu, nhất là trong huyết tương, chiếm tới 92%.

Hiểu được vai trò quan trọng của nước trong cơ thể, chúng ta phải tập thói quen uống đủ nước hằng ngày: như uống một ly nước ngay khi thức dậy, luôn mang theo nước bên mình, đặt lịch uống nước cách nhau khoảng 2 giờ trong thời gian làm việc ban ngày, uống nước trước khi ngủ để cơ thể ở trong trạng thái thư giãn, góp phần tái tạo tế bào và hỗ trợ các cơ quan hoạt động trong đêm. Nên uống nước từ từ và uống từng ngụm nhỏ.

1.2. Chiến tranh nước

Do tình trạng ô nhiễm trên thế giới mỗi ngày một nặng và dân số ngày càng tăng, nước sạch sẽ là một tài nguyên quý giá hơn cả dầu mỏ trong thế kỷ 21. Dầu mỏ có thể thay thế bằng các loại nhiên liệu khác như điện, gió, khí đốt, nhiên liệu sinh học,... còn nước lại không thể thay thế, nên nhiều dân tộc đang muốn chiếm hữu nước thật nhiều để bảo đảm sự sống cho mình. Vì vậy có thể xảy ra một cuộc chiến tranh nước trong tương lai gần.

Tài nguyên nước là các nguồn nước mà con người có thể sử dụng vào những mục đích khác nhau như nông nghiệp, công nghiệp, dân dụng, giải trí và môi trường. Hầu hết các hoạt động này cần nước ngọt. Tuy nhiên, 97% nước trên trái đất là nước muối, chỉ có 3% còn lại là nước ngọt. 2/3 lượng nước ngọt này tồn tại nơi các sông băng và khối băng ở các cực Nam-Bắc⁷²¹. Phần còn lại không đóng băng được tìm thấy chủ yếu ở dạng nước ngầm, chỉ một tỉ lệ nhỏ tồn tại trên mặt đất ở các sông hồ và trong không khí⁷²². Nước mặt ở các sông hồ được bổ sung bởi lượng mưa, mưa tuyết, mưa đá và nó sẽ mất đi khi chảy vào đại dương, bốc hơi hoặc ngấm xuống đất⁷²³. Việc cung cấp nước ngọt trên thế giới đang từng bước giảm đi, trong khi nhu cầu tăng theo dân số thế giới cũng như do các vùng đất ngập nước trên thế giới giảm đi một nửa trong thế kỷ 20.

Dù nhiều nơi hầu như không mất tiền mua nước, nhưng đó là thứ giá trị nhất hành tinh. Nhiều nước hiện nay phát động chiến tranh giành giật tài nguyên dầu mỏ, nhưng tất cả những hàng hoá giá trị nhất thế giới sẽ chẳng còn ý nghĩa gì nếu thiếu nước.

⁷²¹ x. *Earth's Water distribution*, United States Geological Survey, internet, 13/5/2019.

⁷²² x. *Scientific Facts on Water*: State of the Resource Green Facts website, internet, 31/1/2008.

⁷²³ x. <https://www2.hcmuaf.edu.vn>. Bài *Tài nguyên và hiện trạng sử dụng nước*.



Chính vì thiếu ý thức về giá trị của nước nên người ta đang khai thác cạn kiệt và làm bẩn nước do ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Cách đây 2000 năm, chỉ có khoảng 250 triệu người trên trái đất, vào năm 2021, có hơn 7,8 tỉ người. Các vùng sa mạc trên thế giới ngày càng mở rộng. Mực nước ngầm đang giảm 1m/năm. Các khối băng trên dãy Hymalaya đang tan chảy với tốc độ báo động, ảnh hưởng nghiêm trọng đến lưu lượng nước của các sông chính như Mêkông, Dương Tử (ở Trung Quốc), sông Hằng (ở Ấn Độ), sông Ấn (ở Pakistan). Trung Quốc bị cáo buộc gây ô nhiễm nguồn nước nhiều nhất khi đổ các chất thải vào các con sông⁷²⁴.

Theo thông tin của một số cơ quan chính quyền Thái Lan, Lào, Việt Nam và Ủy hội sông Mêkông (MKC): mực nước sông Mêkông trong đầu mùa lũ từ tháng 6 đến tháng 7/2019 đã ở mức thấp nhất, dưới cả mức tối thiểu trong nhiều năm. Ba nguyên nhân gây nên tình trạng suy giảm nguồn nước sông Mêkông: do hạn hán, lượng mưa quá ít, kể đến là việc giảm nguồn nước xả từ đập thủy điện Cảnh Hồng ở tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Cuối cùng là kế hoạch tích nước để chạy thử máy phát điện tại đập Xayaburi ở Lào dự kiến hoạt động vào tháng 10/2019⁷²⁵.

⁷²⁴ x. <https://thanhnien.vn/trung-quoc-ben-bo-vuc-cuoc-khung-hoang-nuoc-1851497297.htm>.

⁷²⁵ x. Báo Tuổi Trẻ, bài *Sông Mêkông trơ đáy, ĐBSCL lo hạn mặn khốc liệt*, ngày 25/7/2019, tr.7.

Học thuyết Xã hội Công giáo nói đến quyền có nước sạch là một quyền căn bản và phổ quát của con người⁷²⁶, nói đến tình trạng thiếu nước sạch, kém phát triển và nghèo đói của nhiều nước trên thế giới và nhắc đến mục tiêu phổ quát của của cải và nước⁷²⁷.

“Tự chính bản thân của nó, nước không thể được xem như một trong nhiều thứ hàng hoá của con người, nó cần được sử dụng cách hợp lý và liên đới với những người khác: quyền có nước, cũng như các quyền khác của con người, được đặt trên nền tảng là phẩm giá con người, chứ không phải dựa trên bất cứ việc đánh giá đơn thuần theo định lượng nào, mà coi nước chỉ như một hàng hoá kinh tế không hơn không kém. Không có nước, sự sống bị đe dọa. Thế nên, quyền có nước uống an toàn là quyền của mọi người trên thế giới và là quyền không thể chuyển nhượng”⁷²⁸.

2. Nước trong đời sống tự nhiên và siêu nhiên

Vì con người được tạo dựng có thể xác và tinh thần giống với Thiên Chúa, nên tầm quan trọng của nước trong đời sống siêu nhiên cũng không thua kém so với đời sống tự nhiên.

2.1. Nước theo ý nghĩa Thánh Kinh

Nước là nguồn mạch, là tiềm năng của sự sống⁷²⁹. Chính Đức Giêsu Kitô đã dùng hình ảnh nước hằng sống để nói về sự sống siêu nhiên do Người ban cho nhân loại⁷³⁰.

Trong sinh hoạt hằng ngày, ngoài việc uống nước để sống, người ta còn dùng nước để tắm rửa, giặt giũ. Vì thế, trong đời sống siêu nhiên, nước cũng chỉ sự thanh tẩy. Người ta dùng nước đã làm phép để tẩy sạch tội lỗi con người⁷³¹.

⁷²⁶ x. *Tóm lược HTXHCG*, số 365, 447, 485.

⁷²⁷ x. *Tóm lược HTXHCG*, số 448; *Docat*, tr.181, 207, 220.

⁷²⁸ x. *Tóm lược HTXHCG*, số 485.

⁷²⁹ x. Ez 47,1-12; Tv 104; Lv 26,4; Am 4,7; Đn 11,14.

⁷³⁰ x. Ga 3,5; 4,10-14; 7,37-38; *Từ điển Công giáo*, 2019, mục từ *Nước*, tr.655; Hội đồng Giáo hoàng về Văn hoá, Huân thị Đức Giêsu Kitô, *Đáng đem lại Nước Hằng Sống*, 2002, tr.33; *TLHTXHCG*, số 463.

⁷³¹ x. Ez, 16,4-9; St 18,4; Tv 26,6; Lv 16,4.24; Mt 27,24; 3,11; Lc 11,38-41; 1Cr 6,11.

Nước là hình ảnh của Thần Khí⁷³² và sự sống do Chúa Giêsu trao ban đặc biệt qua biến cố Thập Giá khi Người đổ máu và nước từ vết thương ở cạnh sườn Người⁷³³.

Vì thế, nước được sử dụng nhiều trong các nghi thức bí tích và phụng vụ của Giáo hội Công giáo, tượng trưng cho việc tham dự vào cái chết và sống lại của Đức Giêsu Kitô.

2.2. Nước trong đời sống đạo đức

Người tín hữu Công giáo cần nhìn lại cách sử dụng nước tự nhiên trong đời sống hằng ngày để có sức khoẻ ổn định giúp cho mọi hệ thống trong cơ thể hoạt động tốt đẹp. Mỗi ngày cần phải uống đủ nước, khoảng 2-3 lít, trong điều kiện bình thường. Tránh uống những loại nước ngọt, bia rượu đầy hoá chất như hiện nay, nhất là trong các bữa tiệc, bữa ăn. Tránh uống nhiều nước trước bữa ăn khoảng 1 giờ để khỏi làm loãng dịch vị và men tiêu hoá, cũng như nên uống nhiều nước sau bữa ăn khoảng 1 giờ để giúp tiêu hoá đồ ăn và hấp thu các chất bổ dưỡng trong ruột non.



Việc dùng nước để tắm rửa, giặt giũ như mời gọi ta thanh tẩy tâm hồn bằng bí tích Giải Tội như một lần tắm rửa thiêng liêng. Việc thanh tẩy đó còn là dịp giúp ta nhìn lại đời sống để định hướng cho một đoạn đường đời.

⁷³² x. Ga 7,39; Tt 3,5; *GLHTCG*, số 694-696.

⁷³³ x. Ga 19,34.

“Bài học ý nghĩa của nước đến từ các dòng sông: dòng Cửu Long đầy phù sa, dòng Hồng Hà đỏ thắm hay dòng Hương Giang lững lờ, cũng như mọi sông suối trên thế giới, tất cả đều muốn chảy ra biển. Không một sông suối nào muốn chảy ngược dòng. Ta tưởng chừng như chúng đã chết khi hoà mình vào biển cả bao la, nhưng thật sự không dòng sông nào chết cả, không một giọt nước nào của chúng bị mất. Những rác bần thối tha người ta đổ vào các dòng sông sẽ được ướp mặn, được chuyển hoá. Hơi nước từ sông, từ biển bốc lên thành mây, thành mưa trả lại cho chúng dòng nước ngọt tinh khiết từ trời. Nhiều người làm việc gì, cho vật nào cũng muốn ghi dấu ấn mình lên đó như để người khác khỏi quên. Nhưng chính khi ta biết quên mình, ta lại tìm được mình mãi mãi”⁷³⁴.

Lời kết

Hiểu được bài học từ những dòng sông, ta mới âm thầm làm việc, hy sinh cho đời như những giọt nước quảng đại trao tặng sự sống cho con người mà chẳng cần biết người dùng nó là tốt đẹp hay xấu xa. Vì thế, mỗi lần uống nước ta lại nhớ đến nguồn nước từ trời.

Câu hỏi gợi ý

- 1. Mỗi ngày bạn uống bao nhiêu nước và uống như thế nào?*
- 2. Bạn làm gì để bảo vệ nguồn nước tự nhiên của sông suối, kênh rạch gần nơi bạn ở?*
- 3. Bạn học được bài học đạo đức nào từ những dòng sông?*
- 4. Bạn cần làm gì để sử dụng nguồn nước sạch cách hữu ích cho bản thân và cho người khác?*

⁷³⁴ x. Lm. Antôn Nguyễn Ngọc Sơn, *Sứ điệp loài hoa*, Hoa Lưu ly, tr.11.

Mặc lấy con người mới

Lời mở

Mặc là một trong những nhu cầu thiết thân của con người trong xã hội. Quần áo và những trang phục như mũ nón, ví cặp, giày dép... không phải chỉ che thân và bảo vệ sự sống, nhưng còn nói lên tính cách và phẩm giá cao quý của người dùng chúng. Nhiều người săn tìm những bộ quần áo của các công ty thời trang nổi tiếng, trong khi nhiều người khác lại chỉ mặc những chiếc quần jeans rách nhiều chỗ cho có vẻ phóng khoáng tự do. Một số bạn trẻ chỉ thích mặc những quần áo ngắn ngắn, mỏng manh, để khoe những đường cong, cơ bắp trên thân thể.

Vậy ta sẽ mặc gì và mặc như thế nào có lẽ vẫn là câu hỏi được nhiều người đặt ra hằng ngày mỗi khi phải thay quần áo để đi học, đi làm hay sinh hoạt trong xã hội.

1. Cái mặc trong dòng lịch sử nhân loại

Nếu người ta sống một mình trên hoang đảo như Robinson Crusoe⁷³⁵ hay trong căn nhà kín cổng cao tường, có lẽ chẳng cần mặc quần áo như một số các bộ lạc sơ khai, dù rằng quần áo vẫn cần để bảo vệ cơ thể như giữ ấm, chống ướt, chống lạnh... Nhưng khi tiếp xúc với người khác trong cộng đồng gồm nhiều loại người khác nhau như nam nữ, già trẻ, giàu nghèo, sang hèn, trí thức hay bình dân... chúng ta cần phải ăn mặc cho phù hợp để nói lên tư cách của mình và tôn trọng người khác. Thí dụ: ta không thể chạy xe máy ngoài đường với chiếc quần ngắn, mình trần như một vài người thiếu học, cũng không thể tiếp khách lạ với bộ đồ ngủ để nói rằng mình phóng khoáng, tự do.

⁷³⁵ Robinson Crusoe là tiểu thuyết của nhà văn Anh Daniel Defoe, tên tiếng Anh đầy đủ: *The life and strange surprising adventures of Robinson Crusoe of York, Mariner*, xuất bản năm 1719.

Kể từ thời tiền sử, dù còn ăn lông ở lỗ, chỉ biết mặc những manh áo, tấm khố làm bằng vỏ cây, da thú, con người đã biết trang điểm mình bằng những vệt màu bằng đất sét⁷³⁶, đeo vỏ ốc, gắn lông chim sặc sỡ. Người càng có địa vị cao trong bộ lạc như tù trưởng, thầy pháp, già làng, quần áo càng có thêm những điểm khác biệt. Khi những bộ lạc kết thành những cộng đồng lớn trong thời kỳ bộ tộc, trang phục của những người có địa vị còn được ấn định rõ ràng hơn và khác biệt với dân thường.

Vào thời kỳ hình thành các dân tộc, trang phục dần dần mang nét đặc sắc của nền văn hoá. Mỗi dân tộc có bộ trang phục truyền thống để mặc trong các lễ hội hay các ngày trọng đại của đất nước, như bộ Sari của Ấn Độ, Kimono của Nhật Bản, Hanbok của Hàn Quốc, Kebaya của Indonesia, Sabai của Thái Lan, Kilt của Scotland, Gho của Bhutan.

Ngoài bộ quần áo đơn giản được người dân thường mặc trong ngày làm việc, những bộ trang phục đẹp chỉ tìm thấy ở chốn cung đình dành cho vua chúa, hoàng tộc, cho quan lại các cấp hay người giàu sang quyền quý. Chỉ các người này mới đủ điều kiện mặc những bộ quần áo may bằng chất liệu đặc biệt như gấm vóc, lụa là, thêu bằng chỉ vàng, đính thêm ngọc quý.

Từ đầu thế kỷ IV, do ảnh hưởng của Kitô giáo, mọi người đều bình đẳng trước mặt Thiên Chúa nên quần áo sang trọng không còn là độc quyền của giới quý tộc. Ai cũng phải ăn mặc nghiêm chỉnh để ra mắt Thiên Chúa, nhất là khi tham dự những nghi lễ phụng tự. Khi các cuộc cách mạng lật đổ chế độ quân chủ độc tài bùng nổ ở nhiều nước châu Âu, khởi đầu từ cuộc Cách mạng Pháp năm 1789, việc mặc những trang phục đẹp dần dần phổ biến cho quảng đại quần chúng, nhất là trong giới tư bản giàu có.

Nhiều công ty thời trang nổi tiếng được thành lập từ thế kỷ XIX để đáp ứng nhu cầu mặc đẹp của con người và còn tồn tại tới ngày nay như Louis Vuitton (1854), Chanel, Prada, Versace, Gucci, Dior,

⁷³⁶ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.15.

Burberry, Hermès, Dolce-Galbana, Armani, Ferdi, Yves-Saint-Laurent, Givenchy, Bottega, Veneta...

Từ thế kỷ XIX, khi đời sống cộng đồng ở đô thị phát triển, cách ăn mặc cũng thay đổi: người ta không còn chỉ muốn ăn no mặc ấm, nhưng còn muốn ăn ngon mặc đẹp. Những bộ quần áo truyền thống cầu kỳ, phức tạp, nhiều chi tiết được thay bằng những bộ quần áo gọn gàng, đơn giản để tiện làm việc trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp, nhất là khi ngành may mặc được công nghiệp hoá với máy móc hiện đại. Quần áo may sẵn với những tiêu chuẩn rõ ràng, màu sắc hấp dẫn, vừa rẻ vừa đẹp, có thể đến tay mọi người. Sự phân cấp xã hội qua trang phục giữa những con người sang hèn, giàu nghèo, già trẻ không còn gay gắt như trước vì ai cũng có thể mặc những bộ quần áo giống nhau. Nghề may cá nhân hầu như biến mất vì ít người mất công đem vải đi may do tiền công may mắc hơn tiền vải.

Khuynh hướng "ăn bở, mặc bụi" bắt nguồn từ những người trẻ thuộc phong trào Hippy ở Hoa Kỳ trong những năm 1960, sau đó lan rộng sang các nước khác trên thế giới. Nhiều bạn trẻ thời đó bất mãn với định ước xã hội đương thời, với tầng lớp trung lưu bị chi phối bởi chủ nghĩa tiêu dùng. Họ phản đối chiến tranh, đề cao tự do, tình yêu, hoà bình, lòng khoan dung, bác ái. Họ chủ trương từ bỏ xã hội công nghiệp, quay về với thiên nhiên. Họ thường mặc quần jeans⁷³⁷, cố tình để rách nát hoặc chấp vá vì muốn chứng tỏ mình chống lại những hình thức, luật lệ rườm rà của xã hội, cổ vũ cho đời sống tự do, phóng khoáng.

Những quần áo cực ngắn bắt nguồn từ thời xa xưa với những nghệ sĩ, vận động viên thời đế quốc Hy Lạp, La Mã. Họ mặc như thế vừa để phô bày những nét đẹp thân thể khoẻ mạnh vừa để dễ dàng chơi các môn thể thao, trình diễn các tiết mục nghệ thuật như múa, xiếc... Kitô giáo với khuynh hướng chế ngự những đòi hỏi của dục vọng, kết hợp với chủ nghĩa khắc kỷ và thuyết Nhị Nguyên của các triết

⁷³⁷ Miền Bắc gọi là "quần bò" vì dân chăn bò ở bang Texas, Hoa Kỳ, thường mặc. Loại quần áo này may bằng vải dày do ông Levi Strauss (1829-1902), người Đức, di cư sang Hoa Kỳ năm 1847, phát minh để giúp dân đào vàng ở San Francisco, California, có loại quần áo đủ bền chắc trong công việc nặng nhọc của họ.

gia Hy Lạp, La Mã, đã lên án những loại quần áo “khoe thân” suốt 19 thế kỷ. Vào đầu thế kỷ 20, khi bác sĩ phân tâm học người Áo, Sigmund Freud (1856-1939), viết “Ba tiểu luận về tình dục” xuất bản năm 1905, đề cao những ham muốn của thể xác để giải toả những ản ức bản năng, thì khuy nh hướng mặc những quần áo khoe thân bắt đầu nở rộ.

Những loại quần áo cực ngắn, bó sát thân mình, dùng những loại vật liệu trong suốt hay lẫn với màu da để khoe các nét đẹp trên thân thể, nhất là của phụ nữ, được nhiều người trẻ ưa chuộng. Phong trào mặc những loại quần áo “mát mẻ” này còn được hỗ trợ bởi phim ảnh, sách báo đề cao tình dục dành cho người lớn trên các phương tiện truyền thông xã hội.

Chủ nghĩa Hiện Sinh, do triết gia Jean Paul Sartre (1905-1980), khởi xướng sau Thế chiến II, cũng đóng góp nhiều cho phong trào ăn mặc phóng túng, hở hang này khi đề cao tự do chọn lựa để hưởng thụ đời sống có vẻ như phi lý của con người. Nhiều bãi biển khoả thân được lập nên để đáp ứng yêu cầu của những người theo chủ nghĩa Tự Nhiên.

2. Người Việt mặc như thế nào?

Về cái mặc, dân tộc Việt chúng ta cũng tiến từ giai đoạn trần trụi thời các vua Hùng dựng nước với yếm, váy ngắn cho đàn bà; áo giao lĩnh, trục lĩnh, viên lĩnh và khố vải cho đàn ông⁷³⁸, tiến đến giai đoạn có quần áo tươm tất hơn khi bắt đầu nền quân chủ độc lập của đất nước vào năm 938. Trong thời kỳ bị người Trung Quốc đô hộ, những người thân chính quyền và giàu có mặc theo người Trung Quốc, trong khi quần chúng mặc quần áo của người Việt cổ. Điều này nói lên tinh thần ái quốc chống lại cuộc xâm lăng văn hoá, vì phụ nữ Trung Quốc mặc quần với hai ống riêng, thì phụ nữ Việt Nam mặc váy. Vì thế mới có câu ca dao:

Cái thúng mà thúng hai đầu

⁷³⁸ x. <https://www.bachhoaxanh.com/kinh-nghiem-hay/nhin-lai-trang-phuc-phu-nu-viet-nam-co-phuc-qua-cac-thoi-ky-1339874>; <https://gence.vn/nhung-trang-phuc-viet-nam-qua-cac-thoi-ky-dep-va-la>.

Bên Tây thì có, bên Tàu thì không.

Quần chúng bình dân mặc quần áo đơn giản cho dễ làm việc, may bằng vải bông hay đũi⁷³⁹. Đũi là loại tơ tằm sợi to, dệt thô, có nhiều đường nổi. Nhiều người giàu hoặc quan lại mới có điều kiện may quần áo bằng lụa là, gấm vóc. Màu sắc thường là màu trắng, đen, xanh đậm, nâu. Còn những màu rực rỡ khác đều dành cho người quyền quý, giàu sang. Đặc biệt màu vàng với những đường thêu các linh vật như long, ly, quy, phụng chỉ dành cho vua chúa, quan lại. Người dân nếu mặc màu vàng và thêu các linh vật có thể bị khép vào tội khi quân, phản loạn.



Áo dài là trang phục cách tân từ chiếc áo ngũ thân của người Việt, mặc cùng với quần dài, dành cho cả nam lẫn nữ. Chúa Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1744) được coi là người có công sáng chế chiếc áo dài và định hình chiếc áo dài Việt Nam như ngày nay⁷⁴⁰. Áo có hai vạt, mỗi vạt có hai thân nổi, vị chi thành bốn, tượng trưng cho tứ thân phụ mẫu là cha mẹ hai bên. Vạt con nằm dưới vạt trước chính là thân thứ năm tượng trưng cho người mặc áo. Vạt con nổi

⁷³⁹ Thành phố Hồ Chí Minh còn giữ một địa danh là Chợ Đũi là khu vực ở góc đường Võ Văn Tần, Q.3 và giáo xứ Công giáo Chợ Đũi ở đường Tôn Thất Tùng, Q.1, TP.HCM. Đây là khu vực buôn bán đũi cách đây khoảng 100 năm.

⁷⁴⁰ x. <https://gence.vn/nhung-trang-phuc-viet-nam-qua-cac-thoi-ky-dep-va-la>; <https://hoilhpn.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/lich-su-phat-trien-ao-dai-viet-nam-qua-cac-thoi-ky-35475-4512.html>

với hai vạt nhờ cổ áo có bâu đệm và khép kín nhờ năm chiếc khuy tượng trưng cho ngũ thường, ngũ hành theo Nho giáo và triết học Đông Phương.

Cho đến thế kỷ 17, truyền thống mặc váy vẫn còn tồn tại ở Việt Nam như đã ghi trong sách Lê Triều Thiên Chính, đời vua Lê Huyền Tông, tháng 3 năm 1665, với sắc lệnh nhắc nhở: "Áo đàn bà con gái không có thất lưng, quần không có hai ống từ xưa đến nay vốn đã có cô tục như thế...". Năm Minh Mạng thứ 9 (1828), triều đình Huế ra chiếu chỉ cấm đàn bà mặc váy và bắt phải mặc quần hai ống, nên hồi ấy mới có câu ca dao kêu trách như sau:

Tháng Tám có chiếu vua ra

Cấm quần không đáy người ta hãi hùng!

Chiếc áo dài ngày nay được họa sĩ Nguyễn Cát Tường⁷⁴¹ giới thiệu đầu tiên trên báo Phong Hoá, số 90, ra ngày 23/3/1934. Áo chia hai tà trước sau từ dưới eo khoảng 8cm. Thay vì yếm làm vùng ngực của phụ nữ không đẹp và không nổi, thì họa sĩ đã nhờ chủ hiệu Cur Chung sản xuất thêm nịt vú để nâng ngực cho người mặc. Năm 1935, những chiếc áo dài Le Mur được xuất xưởng, tạo sự duyên dáng sang trọng cho phụ nữ được cả xã hội đón nhận. Từ đó đến nay, chiếc áo dài đã được cách tân, với tay ráp Raglan năm 1960 do nhà may Dung ở Đakao, Sài Gòn, và thay đổi với nhiều kiểu dáng và chất liệu nên trở thành một trang phục riêng biệt của nữ giới Việt Nam được nhiều nước trên thế giới biết đến⁷⁴². Chiếc áo dài Việt Nam cũng đã gợi ý cho biết bao nhạc sĩ, thi sĩ viết thành những ca khúc, vần thơ tuyệt vời:

Chiếc áo quê hương dáng thướt tha

Non sông gấm vóc mở đôi tà

Tà bên Đông Hải lung linh sóng

Tà phía Trường Sơn rục rờ hoa

Vạt rộng Nam Phần theo cánh gió

Vòng eo Trung Bộ thắt lưng gà

⁷⁴¹ Cát Tường dịch sang tiếng Pháp: Le Mur.

⁷⁴² x. <https://hoilhpn.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/lich-su-phat-trien-ao-dai-viet-nam-qua-cac-thoi-ky-35475-4512.html>

*Nhịp tim Hà Nội nhô gò ngực
Hương lúa ba miền thơm thịn da*⁷⁴³.

3. Mặc theo truyền thống Công giáo

Người tín hữu Công giáo có quan điểm khác biệt về cái mặc và hướng nhiều về lĩnh vực đạo đức, tinh thần hơn là những quần áo, trang sức bằng vật chất bên ngoài.

Đức Giêsu nói: *“Còn về áo mặc, anh em lo lắng làm gì? Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng mọc lên thế nào mà rút ra bài học: chúng không làm lụng, không kéo sợi, thế mà, Thầy bảo cho anh em biết, ngay cả vua Salomon, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy. Vậy nếu hoa cỏ ngoài đồng nay còn, mai đã quăng vào lò, mà Thiên Chúa còn mặc đẹp cho như thế, thì huống hồ là anh em, ôi những kẻ kém tin! Vì thế, anh em đừng lo lắng tự hỏi: ta sẽ ăn gì, uống gì hay mặc gì đây? Cha anh em trên trời thừa biết anh em cần những thứ đó. Trước hết, hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người, còn tất cả những thứ kia, Người sẽ thêm cho”*.

Khởi đầu, người Công giáo giữ nguyên quan niệm truyền thống về y phục như Do Thái giáo đã diễn tả trong Thánh Kinh Cựu Ước. Từ nguyên thủy, những người đầu tiên trần truồng không y phục vì họ được ánh sáng của Thiên Chúa bao phủ⁷⁴⁴. Chỉ sau khi phạm tội, cắt đứt sự hoà hợp với Chúa, họ mới cảm thấy xấu hổ trước mặt Chúa và trước mặt nhau, nên Ngài đã mặc cho họ những chiếc áo da⁷⁴⁵. Y phục bảo vệ thân thể, chống lại những thay đổi của thời tiết, những nguy hiểm của môi trường như các côn trùng, mà còn chống lại những cái nhìn thèm khát, muốn lột trần con người, hạ thấp giá trị con người thành một đồ vật để thoả mãn dục tính. Vì thế, luật cấm

⁷⁴³ x. Nhà thơ Đinh Vũ Ngọc, quê ở Quảng Nam, tên thật là Đinh Văn Bảo (1935-2014), bài thơ *Chiếc áo dài Việt Nam*, trong tập *Thơ Đường Thi Cảm Dịch*, NXB Đà Nẵng, 2000.

⁷⁴⁴ x. St 2,25.

⁷⁴⁵ x. St 3,21.

nhìn thân thể trần truồng của cha mẹ⁷⁴⁶, anh em⁷⁴⁷, vợ chồng⁷⁴⁸ để bảo vệ đời sống riêng tư của mỗi người.

Y phục còn phản ánh đời sống xã hội với những công việc khác nhau⁷⁴⁹, trở thành quà tặng nói lên tình bằng hữu⁷⁵⁰, trở thành ân phúc của Chúa để chia sẻ cho những ai nghèo túng, không để họ phải trần truồng, rách rưới⁷⁵¹. Y phục được phân loại cho ngày làm việc bình thường và ngày lễ trọng đại kính Chúa⁷⁵², loại dành cho vua⁷⁵³, cho tư tế⁷⁵⁴, cho ngôn sứ⁷⁵⁵.

Đời sống, lời rao giảng, nhất là mâu nhiệm chết đi-sống lại của Đức Giêsu đem lại ý nghĩa mới mẻ cho cái mặc của con người và của Kitô hữu. Thiên Chúa yêu thương toàn thể con người và vũ trụ nên đã sai Ngôi Lời, Con của Ngài, xuống thế làm người. Dù là Thiên Chúa vô cùng giàu có và cao sang, nhưng Người tự nguyện trở thành hài nhi, bọc tã nằm trong máng cỏ⁷⁵⁶. Cuối đời, Đức Giêsu bị lột hết y phục⁷⁵⁷, nằm chết nhục nhã trên thập giá như muốn đưa tất cả vào tình trạng nguyên thủy, khi con người được Thiên Chúa bao bọc bằng tình yêu và ánh sáng của Ngài.

Đức Giêsu đã báo trước tình trạng này vài tuần trước đó, khi Người biến hình trên núi trong y phục huy hoàng trắng tinh như ánh sáng⁷⁵⁸, cũng như khi Người hiện ra với Phaolô trên đường đi Damas⁷⁵⁹. Đức Giêsu phục sinh, khi xuất hiện với những người chưa có đủ đức tin

⁷⁴⁶ x. St 9,20-27.

⁷⁴⁷ x. St 34; 2Sm 3.

⁷⁴⁸ x. Lv 18.

⁷⁴⁹ x. 1Sm 25,48; Cn 31,10-31.

⁷⁵⁰ x. 1Sm 18,3-4.

⁷⁵¹ x. Ez 18,7; Is 58,7.

⁷⁵² x. St 35, 2; Xh 19,10.

⁷⁵³ x. 1V 22,30; 1Mcb 11,58.

⁷⁵⁴ x. Xh 28,2; Lv 16,4.

⁷⁵⁵ x. 1V 19,19.

⁷⁵⁶ x. Lc 2,7.12.

⁷⁵⁷ x. Mt 27,35; Ga 19,23.

⁷⁵⁸ x. Mt 17,2.

⁷⁵⁹ x. Cv 22,6-11.

manh mẽ, chỉ mặc trên người y phục như một người bình thường⁷⁶⁰ để họ được tự do nhận ra Người, thay vì bị ánh sáng và quyền uy Người khuất phục⁷⁶¹.

Người Kitô hữu không quan tâm đến y phục vật chất theo tinh thần nghèo khó của Đức Giêsu, họ muốn lột bỏ con người cũ và mặc lấy người mới⁷⁶² để thật sự “sống công chính và thánh thiện, nhờ đức tin và phép rửa”. Họ phải “mặc lấy Đức Kitô”⁷⁶³ là con người mới⁷⁶⁴ để từ nay trở thành chi thể trong thân thể mầu nhiệm của Người, thành con cái của Thiên Chúa. Mặc lấy Đức Kitô chính là mang một thứ y phục tinh thần mà Thánh Phaolô đã diễn tả rất rõ: “Hãy cởi bỏ con người cũ là tất cả những gì tiêu cực như giận dữ, nóng nảy, độc ác, thoá mạ, ăn nói thô tục và mặc lấy con người mới là lòng thương cảm, nhân hậu, khiêm nhu, hiền hoà, nhân nại, biết chịu đựng lẫn nhau và tha thứ cho nhau, nhất là mặc lấy lòng bác ái là mối dây liên kết tuyệt hảo”⁷⁶⁵.

Trong suốt 19 thế kỷ, người Công giáo ít quan tâm đến y phục bên ngoài. Họ vẫn tuân theo lời dạy bảo của thánh Phaolô nhắc nhở phụ nữ cần phải che đầu khi họp nhau cầu nguyện chung với cộng đồng⁷⁶⁶. Kitô hữu, dù nghèo khổ đến đâu, cũng cố sắm cho mình vài bộ quần áo tươm tất, nghiêm chỉnh khi dự thánh lễ và cầu nguyện trong thánh đường. Họ tuyệt đối không ăn mặc phóng túng, hở hang. Ở Việt Nam, trong nhiều thế kỷ, người giáo dân, nam cũng như nữ, đều mặc áo dài khi đến nhà thờ. Chỉ từ sau năm 1960, tại một ít nhà thờ trong các thành phố lớn, người ta mới thấy những khách lạ, từ nơi khác đến, ăn mặc có vẻ khác biệt so với tín hữu địa phương. Từ 1975 đến nay, người ta mới thấy một số tín hữu trẻ bắt đầu mặc

⁷⁶⁰ x. Ga 20,15; Lc 24,15t.

⁷⁶¹ x. *Diễn ngữ thần học Thánh Kinh*, Bản dịch của Giáo hoàng Học viện Piô X, cuốn 4, 1976, mục từ *Y phục*, tr 469-475.

⁷⁶² x. Cl 3,10; Ep 4,24.

⁷⁶³ x. Gl 3,25.

⁷⁶⁴ x. CĐ. Vat.II, GS, số 22.

⁷⁶⁵ Cl 3, 7-15.

⁷⁶⁶ x. 1Cr 11,5-14.

những quần áo ngắn ngủn, hở hang khi dự thánh lễ trong nhà thờ. Nhưng họ thường được nhắc nhở để ý thức về sự cao cả của Chúa và tôn trọng cộng đồng khi cầu nguyện chung với nhau.

Kể từ Công đồng Vaticanô II, người Công giáo vượt qua quan niệm Nhị Nguyên để nhận ra "con người là một với thể xác và tinh thần, và phải coi thể xác là tốt lành, đáng tôn trọng vì được Thiên Chúa tạo thành và sẽ được sống lại trong ngày sau hết"⁷⁶⁷. Hơn nữa, Thiên Chúa là nguồn chân, thiện, mỹ nên tất cả mọi sự Ngài dựng nên đều rất tốt đẹp⁷⁶⁸. Vì cái đẹp là một trong ba thuộc tính cơ bản của hữu thể: đúng-tốt-đẹp, nên người tín hữu phải tôn trọng và biểu lộ cái đẹp trong thân xác cũng như qua quần áo, trang phục của mình.



ĐGH Gioan Phaolô II nhắc bảo rằng: "Đẹp là hình thức bên ngoài của cái tốt, cũng như cái tốt là điều kiện siêu hình của cái đẹp và cả hai cái tốt và đẹp đều phải nằm trong cái thật của hữu thể"⁷⁶⁹. Vì thế, bước sang thiên niên kỷ thứ III, người Công giáo có quan điểm coi

⁷⁶⁷ x. CĐ. Vat.II, GS, số 14.

⁷⁶⁸ x. St 1,31; x. *Thư ĐGH Gioan Phaolô II gửi văn nghệ sĩ*, 4/4/1999).

⁷⁶⁹ x. *Thư gửi văn nghệ sĩ*, số 3.

mở hơn về y phục và tất cả những gì liên quan tới thân thể con người vì muốn biểu lộ cái đẹp của Thiên Chúa qua cách sống, ăn mặc, trang điểm của mình.

4. Chúng ta sẽ mặc gì và mặc như thế nào?

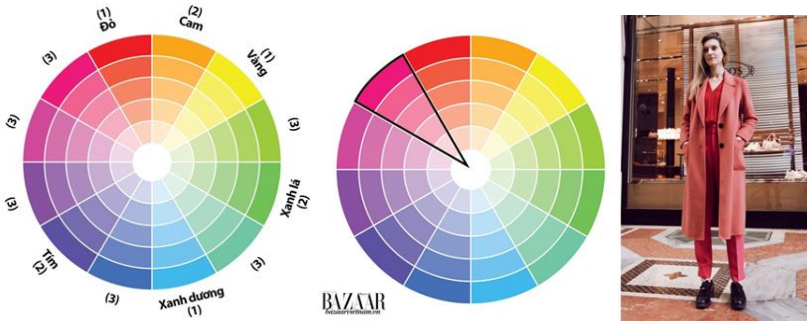
Mỗi ngày trước khi đi làm, đi học hay gặp một người nào đó, chúng ta lưỡng lự, tần ngần không biết chọn bộ quần áo nào cho xứng hợp, trang điểm thế nào cho đúng đắn. Nếu chỗ ta làm, ta học đã có bộ đồng phục, có lẽ ít phải bận tâm, nhưng nếu không có, ta nên đặt ra cho mình một vài tiêu chuẩn trước khi chọn lựa:

- *Trang phục phải phù hợp với hoàn cảnh và cộng đồng xã hội.* Ta không thể mặc bộ quần áo với màu sắc rực rỡ, tươi sáng để dự tang lễ của bất cứ ai, dù ta sống tự do phóng khoáng đến mấy, vì như thế là xúc phạm đến người đã khuất và cộng đồng trước nỗi mất mát và cái chết. Đến những nơi thờ tự ta cũng cần mặc trang phục nghiêm chỉnh để tỏ lòng tôn kính thần linh và trân trọng niềm tin của người khác.

- *Trang phục phải phù hợp với đức hạnh và tư cách.* Người xưa nhắc nhở rằng: "Y phục xứng kỳ đức", nghĩa là ăn mặc phải tương xứng với đức hạnh và địa vị trong xã hội. Một người tử tế, có giáo dục sẽ biểu lộ đức hạnh của mình qua trang phục họ mang: từ bộ quần áo, đến giày dép, mũ nón, ví cặp... Dù có quyền cao chức trọng, họ vẫn ăn mặc giản dị, để nói lên tính cách khiêm tốn, không muốn nổi trội, gây sự chú ý đối với người khác. Trái ngược với một số người kém tài, thiếu đức, lại muốn đánh bóng mình và che mắt người khác bằng những trang phục hàng hiệu, vòng vàng, nhẫn kim cương quý giá. Đó là chúng ta chưa muốn nói đến tinh thần nghèo khó của Đức Giêsu nhắc nhở ta phải "khiêm nhường" để làm vinh danh Chúa và mưu ích cho anh chị em mình.

- *Trang phục phải đẹp và nâng cao phẩm giá con người.* Tinh thần khiêm tốn, khó nghèo không ngăn cản ta tôn vinh cái đẹp và nhân phẩm. Về đẹp thể hiện qua màu sắc, kiểu dáng của trang phục hài hoà với người mặc và cộng đồng. Việc chọn đúng màu sắc nói lên phần nào tài năng, tính cách và đức hạnh của người mặc.

Ta có thể mặc những bộ quần áo theo nguyên tắc đồng bộ (toàn màu trắng hay đen), hay phối màu theo bánh xe màu sắc dựa theo màu cầu vồng do Isaac Newton tìm ra năm 1666. Ba cách phối màu sau đây: phối màu đơn sắc (thí dụ: hồng cánh sen, hồng nhạt và trắng) tạo cảm giác tinh tế; phối màu tương phản với hai sắc thái đối lập 180⁰ trên bánh xe (thí dụ: xanh biển và cam, hồng và xanh lá, vàng và tím) tạo nên sức hút mạnh mẽ; hoặc phối màu liền kề với ba tông màu (thí dụ: vàng, xanh lá mạ, xanh lá cây; hoặc tím, tím than, xanh dương) tạo nên sự tinh tế, trẻ trung, nhã nhặn.



- *Tuyệt đối không bao giờ dùng trang phục khoe thân.* Nhiều bạn trẻ hay phụ nữ mặc những bộ quần áo bằng voan hay lụa quá mỏng để khoe những đường cong trong thân thể, dù có được một ít bạn bè hay người hâm mộ tán thưởng, vẫn bị dư luận quần chúng coi thường, thậm chí chê trách. Họ đã tự đánh giá thấp bản thân, biến mình thành một tượng đài hay vật dụng cho người khác ngắm nhìn để chiều theo những dục vọng của người xem, hơn là biểu lộ những

nét đẹp trong sáng cao thượng của một con người toàn diện: vừa có thể xác vừa có tinh thần.

Tuy nhiên chúng ta tôn trọng tự do của tất cả những ai mặc loại trang phục đó. Chúng ta cũng không thể nhắm chặt đôi mắt trong cuộc tiếp xúc với con người, nhất là khi lái xe hay đi trên đường phố. Một bạn trẻ Công giáo chia sẻ kinh nghiệm này: chúng ta cứ việc nhìn thẳng vào các anh chị em đó và ca tụng Chúa đã ban cho họ một cặp chân dài, một vòng ngực đẹp, một chiếc eo thon và có thể cầu nguyện thêm cho họ để ăn mặc kín đáo hơn, tránh gây nguy hiểm cho người khác!

Như thế, dù mặc một tấm áo bình thường hay trang phục sang trọng, mọi người chúng ta đều không muốn dùng vật chất để làm nổi bật mình so với người khác vì chúng ta không còn “là Do Thái, hay Hy Lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà, nhưng tất cả chỉ là một trong Đức Kitô”⁷⁷⁰. Chúng ta không cần phải mặc sao cho thật đặc biệt để làm lu mờ người khác vì chúng ta đều là anh chị em của nhau, là con cái Cha Trên Trời: ta sẽ hoà mình vào cộng đồng “để chỉ có Đức Kitô là tất cả và ở trong mọi người”⁷⁷¹.

Lời kết

Vì thế, chúng ta *“hãy mặc lấy con người mới, con người hằng được đổi mới theo hình ảnh Đấng Tạo Hoá”*. Chúng ta hãy “mặc lấy Đức Kitô” vì Người là Ngôi Lời Thiên Chúa làm người, đã đưa tính vĩnh hằng, vô biên, tuyệt đối vào trong con người vô thường, tạm bợ, hữu hạn, nên mỗi hành động dù nhỏ bé nhất của ta như ăn, mặc hằng ngày đều có giá trị vô cùng, đều tạo nên công đức vì ta đóng góp vào cái đẹp vĩnh hằng của Thiên Chúa.

Câu hỏi

1. *Bạn thường chọn lựa quần áo như thế nào: chú ý đến màu sắc, kiểu dáng hay không quan tâm đến chúng?*

⁷⁷⁰ Gl 3,27-28.

⁷⁷¹ Cl 3,11.

2. *Nhiều tín hữu, trong đó có cả tu sĩ, linh mục, không quan tâm đến quần áo bên ngoài, mặc không đẹp và có vẻ luộm thuộm, lấy cớ là vì tinh thần nghèo khó của Đức Kitô. Bạn nghĩ sao?*
3. *Bạn nghĩ phụ nữ Việt Nam, và cả nam giới, có nên mặc chiếc áo dài truyền thống trong những dịp lễ đặc biệt không? Tại sao?*
4. *Bạn biết gì về cách phối màu cho quần áo bạn mặc hay chia sẻ cho bạn bè để họ ăn mặc đẹp hơn?*
5. *Khi thấy một phụ nữ mặc bộ quần áo quá ngắn hay quá mỏng để khoe thân, phản ứng của bạn thế nào?*

Bài 18

Học với người Thầy tuyệt vời

Lời mở

Mỗi người chúng ta thường dành 10 hay 20 năm đầu tiên trong cuộc đời để học hành. Chúng ta tốn rất nhiều công sức, thời giờ, tiền của cho hoạt động giáo dục và đào tạo này, nhưng rất ít người tự hỏi: Học để làm gì? Học thế nào cho hiệu quả nhất? Học với ai cho xứng đáng nhất?

1. Tình trạng giáo dục hiện nay

Trong hơn 10 thế kỷ bị người Trung Quốc đô hộ (111 TCN – 938) và 10 thế kỷ độc lập (938-1945), người Việt học để làm quan, vì đó là cách tiến thân và khẳng định chính mình nhanh nhất trong một xã hội phong kiến với nền quân chủ chuyên chế. Nội dung học là bộ Tứ Thư, Ngũ Kinh của Trung Quốc, và một số kỹ năng làm thơ phú vì nền giáo dục nước ta bị ảnh hưởng nặng nề của văn hoá Trung Quốc. Phương pháp học tập, cách thi cử cũng vì nội dung này mà bị hạn hẹp rất nhiều.



Bước vào thời kỳ mới (1945-nay), dù nội dung học là những kiến thức thiết thực hơn, nhưng phương pháp học, cách thi cử không khác xưa bao nhiêu. Gần đây người ta mới nhận ra những hạn chế của nền giáo dục này và đang quyết liệt đòi phải “đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục và đào tạo để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế”⁷⁷².

Lý do là vì nền giáo dục hiện nay quá chú trọng vào việc truyền đạt kiến thức, mang nặng tính cách nhồi nhét, trong khi lại coi thường việc vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề mà công việc và cuộc sống đặt ra. Thật ra, khoa học và công nghệ phát triển rất nhanh, kho tàng kiến thức mỗi ngày một lớn, nên một số hiểu biết ta thu nhận từ việc học cũng nhanh chóng trở thành lạc hậu và bị đào thải. Tin học và truyền thông thế giới lại đòi hỏi con người phải hoà nhập vào cộng đồng quốc tế, nếu không sẽ tụt hậu và bị bỏ rơi.

Vì thế, tham vọng muốn trang bị cho người học đầy đủ kiến thức cơ bản của nhân loại trong chương trình giáo dục là không thể, không cần thiết và không hiệu quả. Người học có thể tự đào tạo các kỹ năng và phẩm chất nhờ các phương tiện truyền thông và có thể tự học suốt đời.

Cũng vì tham vọng này nên nội dung giáo dục hiện nay mang nặng tính lý thuyết, không phù hợp với tâm sinh lý và khả năng tiếp thu của người học, nhất là học sinh bậc tiểu học và trung học. Chương

⁷⁷²x. Hội nghị Trung ương 8, Đảng Cộng sản Việt Nam, khoá XI, ngày 4/11/2013.

trình quá rộng, cách kiểm tra bằng số điểm và thi cử nặng nề; bệnh thành tích và gian lận trong việc chấm điểm và thi cử; không có thời giờ để suy tư, tìm hiểu nên chỉ còn một cách là học thuộc lòng để làm bài, để thi; cách quản lý “cầm tay chỉ việc”; ... đã làm mất đi ý nghĩa cao quý, vô tư, công bằng của nền giáo dục chân chính.

Kết quả là học sinh miệt mài học tập, mất đi tuổi thơ, ảnh hưởng đến sức khỏe và tâm sinh lý khiến cho năng suất làm việc của người Việt Nam gần như thấp nhất khu vực Đông Nam Á. Không ít sinh viên vừa học vừa tìm cách đối phó cho đạt điểm số, hơn là thu nhận kiến thức đầy đủ.

Do đó, thay vì đào tạo được những con người năng động, sáng tạo, biết phát hiện các vấn đề nảy sinh và giải quyết được chúng, thì phương thức giáo dục này lại tạo ra những con người ham học vị, nhạy cảm với lợi ích của bản thân và tập thể nhỏ, hơn là quan tâm đến lợi ích lâu dài của dân tộc và nhân loại⁷⁷³. Vụ Trường Đại học Đông Đô đã cấp hàng trăm văn bằng giả, hàng ngàn học viên ghi danh (3.527 người) và đóng 24 tỉ đồng cho trường là bằng chứng cụ thể⁷⁷⁴.

Người Việt chúng ta có nên quá chú trọng đến hư danh theo trào lưu của xã hội hiện nay không? Trào lưu này chỉ dẫn dân tộc ta đi vào con đường mòn của sự lừa dối, dẫn đến mất uy tín với cộng đồng nhân loại và có thể đưa dân tộc tới chỗ diệt vong. Vậy phải làm gì để chữa trị căn bệnh quái ác này? Chỉ có cách trân trọng những giá trị của văn hoá, nhất là giá trị của sự thật và đi vào con đường sự thật của Đức Giêsu Kitô, ta mới có thể chữa trị được.

2. Học để làm gì?

Nếu có dịp hỏi các học sinh, sinh viên và phụ huynh học sinh “học để làm gì”, nhiều người sẽ trả lời rằng không biết học để làm gì, vì chỉ làm theo mọi người; hay học để có công ăn việc làm, để kiếm tiền, để sau này giúp đỡ gia đình. Chỉ có vài người trả lời học để mở mang kiến thức hay để hoàn thiện chính mình.

⁷⁷³ x. Ts Giáp Văn Dương, *Học để làm gì?* Tuổi Trẻ Online, 12/11/2013.

⁷⁷⁴ x. Báo Thanh Niên, ngày 26/11/2020; Báo Tuổi Trẻ, ngày 16/12/2020. Báo Tuổi Trẻ, ngày 24/12/2020, bài “Bằng thật, học giả: xử lý thế nào?”, tr.14-15.

Năm 1997, Hội đồng Giáo dục của Unesco đã công bố một thông điệp mang tên: “*Học tập – một kho báu tiềm ẩn*” để xây dựng bốn trụ cột cho việc học và định hướng cho việc giáo dục thế kỷ XXI: “*Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình*” (Learning to know, to do, to live together and to be).

+ Học để biết là nắm được những kiến thức chuyên môn cần thiết.

+ Học để làm là có khả năng tác động vào môi trường sống của mình.

+ Học để sống chung là tham gia và hợp tác với người khác trong mọi hoạt động.

+ Học để tự khẳng định mình là phát triển được hết năng lực, phẩm chất của mỗi cá nhân, giúp làm chủ được cuộc đời, tìm được ý nghĩa cho đời sống, trở thành một con người cao quý, độc đáo trong cộng đồng nhân loại.

Bốn trụ cột này tạo nên một thể thống nhất vì chúng liên đới và tác động lên nhau để xây dựng thành “*một con người có giáo dục*”. Thiều vắng hay yếu kém một trụ cột nào thì nền giáo dục không toàn vẹn và hoàn hảo.



Công đồng Vaticanô II đã ra tuyên ngôn *Gravissimum Educationis* ngày 28/10/1965 và nhắc nhở chúng ta về “vai trò vô cùng quan trọng của việc giáo dục trong đời sống con người và tầm ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của ngành giáo dục đối với sự phát triển của xã hội hiện nay”. Học không phải chỉ để đạt 4 mục tiêu trên như một con người, mà còn như người con của Thiên Chúa, vì ta có thể

hiểu biết vô hạn, hành động phi thường, tồn tại mãi mãi và hạnh phúc vô biên.

3. Học thế nào cho hiệu quả nhất?

Tùy theo mục đích học tập, chúng ta được giới thiệu nhiều *phương pháp học* để đạt hiệu quả cao.

Nếu học để thu nhận kiến thức, kỹ năng, ta nên chọn thời điểm và không gian yên tĩnh, nên học vào buổi sáng, nên ngủ trưa và ngủ đêm đủ để hồi phục trí não, tập trung cao độ trong khoảng 1 giờ rồi nghỉ giải lao ít phút cho đầu óc thư giãn, tập ghi nhớ bằng các dàn bài tóm tắt, hạn chế nghe nhạc khi học, không học khi vừa ăn xong, tận dụng hai bán cầu não: não trái chủ yếu cho tư duy logic, não phải cho tưởng tượng hình ảnh⁷⁷⁵.

Nếu học để hành động, học sinh được khuyến nên tập trung nghe giảng để tăng hiệu suất tiếp thu, ghi chép hiệu quả, tích cực thực hành và làm bài tập, học từ cơ bản đến nâng cao, tạo lập thói quen tự học, tự làm, học với thái độ tích cực⁷⁷⁶.



Nếu học để sống tốt đẹp với người khác, người học cần hiểu biết tâm lý con người, các môn khoa học xã hội nhân văn. Muốn thành công, người đó cần có nhận thức đầy đủ về con người, về cộng đồng nhân loại mình đang sống và luyện tập các đức tính xã hội.

⁷⁷⁵ x. Dân Trí Online, *10 bí quyết học tập hiệu quả*, ngày 24/4/2013 của Hoa Học Trò.

⁷⁷⁶ x. Internet, ngày 19/8/2017, bài *Chăm thôi chưa đủ, muốn học tốt phải tìm phương pháp học đúng*, Kênh 14.vn, mục Học đường.

Nếu học để tự khẳng định mình bằng cách phát huy được hết những năng lực và phẩm chất của con người là mục đích cao cả nhất của hoạt động giáo dục (học để làm người, để thành nhân), thì khẳng định mình để làm gì, nếu không tin rằng mình tồn tại mãi mãi và nếu không có Đấng nào tồn tại muôn đời để công nhận sự khẳng định đó? Thật ra, tận thâm tâm, con người luôn muốn tự khẳng định mình, lúc nào cũng muốn sống mãi, trẻ mãi, đẹp mãi. Nhưng tìm đâu ra phương pháp nào để đạt được mục đích đó?

Hơn nữa, trước khi đi tìm phương pháp để thu nhận những hiểu biết, kỹ năng làm, nghệ thuật sống, rèn luyện ý chí, đón nhận tình yêu và hạnh phúc bền vững, ta cần phải hiểu rõ chúng là gì trong con người mình.

Các nhà khoa học cho đến hôm nay, vẫn chưa tìm ra được chỗ chúng ẩn náu trong con người thể lý của ta. Khi con người suy nghĩ hay có cảm xúc yêu thương, người ta chỉ thấy các dòng xung động điện chạy trong sợi trục của tế bào thần kinh, rồi đến cuối sợi trục, ở khe khớp thần kinh (synap), chúng phóng ra các chất dẫn truyền thần kinh là các túi hoá chất⁷⁷⁷.

Kiến thức, cảm xúc, tình yêu chỉ là những phản ứng như thế. Khoa học cũng chưa thể nào đo được kiến thức thế nào là cao, cảm xúc thế nào là mạnh, tình yêu thế nào là đẹp! Chúng phải bắt nguồn từ đâu đó để chuyển đến ta và ta phải biết cách để đón nhận, lưu giữ và phát huy chúng, cho cuộc đời của mình phong phú, tươi đẹp, hạnh phúc.

Như thế, *phương pháp học bằng tinh thần*, chứ không chỉ bằng bộ não, tóm gọn vào vài điểm cơ bản sau đây:

- Trí vô tư

Giữ sao cho tâm trí ta được hồn nhiên, trong sáng để dễ dàng tiếp nhận những kiến thức hữu ích, những kỹ năng hữu dụng và nhất là những sự thật về mọi người, mọi vật quanh ta.

⁷⁷⁷ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.300-307.

Trong thời đại thông tin kỹ thuật số, nhiều người đã làm thương tổn, thậm chí huỷ hoại tâm trí của mình. Ký ức hay bộ nhớ của họ chứa đầy những phim ảnh đồi trụy, bạo lực, ma quái, những trò chơi vô ích, những câu nói vô nghĩa bắt chước nhau trên những trang mạng hay truyền thanh, truyền hình.

Ta cứ tính thử xem: 1 giây có 24 hình ảnh động đi qua con mắt rồi lọt vào vỏ não thị giác và chứa trong bộ nhớ, kèm theo các dữ liệu về màu sắc, tiếng nói, âm thanh, ngữ nghĩa, cử động, cảm xúc của từng ảnh chứa trong các vùng vỏ não tương ứng. Một giờ xem phim, nghe nhạc hay chơi game online,... là bộ nhớ phải chứa hàng tỉ dữ liệu. Trong khi nội dung học lại chỉ là những dữ liệu nghèo nàn về âm thanh, màu sắc, hình ảnh, cảm xúc. Chúng bị chìm ngập vào khối lượng dữ liệu vô ích kia nên việc học của ta thường ít hấp dẫn và tiến triển.



Vì thế, ta cần phải xoá bớt những dữ liệu vô ích cho tâm trí trong sáng, vô tư. Nhờ đó, ta sẽ học rất nhanh, thu nhận được nhiều nội dung lạ lùng vì Đấng là nguồn của khôn ngoan và tư tưởng sẽ chia sẻ cho ta kho tàng của Ngài.

- *Thở nhiều khí trời và khí thiêng*

Khi học, bộ não cần rất nhiều khí trời để chuyển hoá các chất nuôi dưỡng từ máu, dịch não tủy và khí oxy vào các tế bào thần kinh. Do đó, khi học nên ngồi thẳng, thỉnh thoảng hít dài hơi và xoa các vùng vỏ não như thị giác, thính giác, cảm xúc, vận động, vùng ngôn ngữ

Broca, Wernicke, Geschwind, vùng điều hành trung tâm... cho máu lưu thông để kích thích hoạt động thần kinh⁷⁷⁸.

Hơn nữa, nếu ta tin rằng tư tưởng, tình cảm, kiến thức của mình bắt nguồn từ một nguồn là tinh thần tuyệt đối, thì ta cần phải tiếp cận được với nguồn đó bằng các phương tiện được các tôn giáo đề nghị như cầu nguyện, suy niệm, tâm niệm, chiêm niệm, thiền định... Như thế, phương pháp học theo khoa học và học theo tôn giáo không có đối lập và mâu thuẫn với nhau như một vài nhà khoa học vô thần diễn tả⁷⁷⁹. Ngược lại, cả hai khoa học và tôn giáo bổ túc cho nhau để giúp cho tâm trí con người mở ra với Đấng Siêu Việt và hướng tới vô biên⁷⁸⁰.

Có thể nói tinh thần của con người cũng có một nơi chứa đựng tất cả những gì thuộc về lĩnh vực thiêng liêng, nên ta cũng cần phải mở rộng tinh thần để có thể đón nhận được những ân huệ của Thánh Thần, làm nên kho tàng thiêng liêng cho mình. Nếu khí ôxy ta hít vào buồng phổi để chuyển hoá máu đen thành máu đỏ, cần thiết cho bộ não tự nhiên của con người và nhờ đó có thể suy nghĩ, nhận thức, phân biệt, quyết định, sáng tạo... thì luồng khí thiêng đó cũng hết sức cần thiết để chuyển hoá được dòng máu thiêng liêng bị tội lỗi làm đen bản thành dòng máu đỏ tinh tuyền của Đức Giêsu. Kitô giáo gọi thần khí ấy là Chúa Thánh Thần, được Đức Giêsu Kitô Phục Sinh ban cho các môn đệ, khi thổi hơi trên họ và nói: “*Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần*”, như chúng ta đã tìm hiểu trong bài *Thở được tinh hoa của đất trời*.

Chúa Thánh Thần ban cho những ai tin vào Ngài và thở thần khí của Ngài 7 hồng ân là khôn ngoan, thông minh, lo liệu, can đảm, hiểu biết, đạo đức, kính sợ Thiên Chúa⁷⁸¹. Ngài cũng ban những ơn lạ lùng khác gọi là đặc sủng, đoàn sủng, hiện sủng để giúp con người thể hiện bản chất là con cái Thiên Chúa của mình⁷⁸² như ơn làm

⁷⁷⁸ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.304-306.

⁷⁷⁹ x. Ngô Bảo Châu, bài *Học như thế nào*, Internet, ngày 8/4/2013.

⁷⁸⁰ x. *Tóm lược HTXHCN*, số 130, tr.112.

⁷⁸¹ x. *GLHTCG*, số 1831, 1845.

⁷⁸² x. *GLHTCG*, số 1799, 2003.

phép lạ, ơn chữa lành⁷⁸³, ơn thông thạo ngôn ngữ, ơn tiên tri, ơn khiết tịnh⁷⁸⁴, tình yêu⁷⁸⁵... Vì thế, tín hữu Kitô không phải chỉ học bằng sức lực con người mà còn bằng ơn lành của Chúa Thánh Thần. Lịch sử nhân loại đã chứng minh điều đó với những nhà bác học như Ampère, Volt, Newton, Marie Curie...

4. Học với ai cho xứng đáng nhất?

Trong đời sống con người, chúng ta đã được học với nhiều người thầy và cảm nghiệm rằng thầy nào càng yêu mến ta, càng dạy ta những điều tốt đẹp, ta càng quý trọng, biết ơn. Vị thầy nào càng dạy được nhiều người, ảnh hưởng và thay đổi lớn lao đời người, thì càng được tôn vinh. Tuy nhiên, ta nên hiểu rằng mọi tư tưởng tốt đẹp, sự khôn ngoan, tình yêu, ân huệ và các giá trị tinh thần đều bắt nguồn từ Thiên Chúa, Đấng tạo thành con người và ban cho con người có tinh thần vượt ra khỏi giới hạn của vật chất, không gian, thời gian nên Chúa là Người Thầy tối cao của ta.

Ngài đã sai Con Một của Ngài là Ngôi Lời Thiên Chúa trở thành Đức Giêsu Nazareth, để cứu độ con người và toàn thể vũ trụ, chỉ cho muôn loài con đường tìm về sự thật toàn diện và sự sống vĩnh hằng. Ngài còn ban Chúa Thánh Thần cho con người để soi sáng tâm trí và giúp con người nhận ra con đường dẫn tới Thiên Chúa.

Khi nhận ra Thiên Chúa là vị thầy tối cao⁷⁸⁶, nguồn của mọi tri thức, con người mới sẵn lòng chia sẻ cách quảng đại và vô vị lợi những gì mình khám phá được cho mọi người thay vì giấu nghề, giữ bí mật, đòi tác quyền quá đáng như hiện nay.

Khi nhận ra Đức Giêsu là vị Thiên Chúa cụ thể, là Người Thầy tuyệt vời⁷⁸⁷, con người mới cảm thấy tự hào được làm môn đệ của Người Thầy và cũng là vị Chúa của mình⁷⁸⁸. Người không chỉ dạy ta những mảnh sự thật nhưng là một sự thật toàn diện, hoàn hảo: về Thiên

⁷⁸³ x. *GLHTCG*, số 1508.

⁷⁸⁴ x. *GLHTCG*, số 2345.

⁷⁸⁵ x. *GLHTCG*, số 733, 735, 2712.

⁷⁸⁶ x. Mt 23,8-9.

⁷⁸⁷ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.236-272

⁷⁸⁸ x. Ga 13,13,14.

Chúa, về con người, về vạn vật, về chính mình. Sự thật là chính Đức Giêsu sẽ giải thoát ta khỏi mọi u mê lầm lạc⁷⁸⁹, đem lại cho ta sự tự do của con cái Thiên Chúa và chia sẻ cho ta sự sống vĩnh hằng. Đức Giêsu đã xác định điều đó khi Người nói: *“Tôi là con đường, là sự thật và là sự sống”*.

Vì thế, Đức Giêsu mời gọi ta: *“Anh em hãy học với tôi”*⁷⁹⁰. Học với Đức Giêsu để biết, không phải chỉ một số kiến thức, nhưng đạt tới nguồn khôn ngoan. Lúc đó ta có khả năng vô tận để khám phá vạn vật vì tất cả thụ tạo được dựng nên nhờ Người và cho Người.

Học với Đức Giêsu để hành động như Người đã làm khi yêu thương đến nỗi chết cho tất cả và sống lại vì tất cả. Lúc đó ta có khả năng ra lệnh cho vạn vật, chữa lành bệnh tật cho con người, xua trừ ma quỷ và hành động như Chúa muốn.

Học với Đức Giêsu bài học sống với tha nhân cách quảng đại và cao thượng như Người yêu cầu: *“Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em”*⁷⁹¹. Lúc đó ta sẽ làm cho cộng đồng nhân loại bình an, hạnh phúc, phát triển vững bền.

Học với Đức Giêsu để khẳng định mình, không phải chỉ làm chủ được mình và tìm ra ý nghĩa của đời mình, như một con người sống tạm bợ ở trần thế, nhưng ta còn khẳng định mình là con cái của Thiên Chúa vĩnh hằng trong Nước Trời mà chúng ta cùng xây dựng với Người⁷⁹².

Như thế Đức Giêsu là người thầy xứng đáng nhất để ta tìm học với Người.

5. Chia sẻ kinh nghiệm cá nhân

Tôi xin chia sẻ kinh nghiệm học hành của tôi như một bằng chứng cụ thể. Hy vọng có thể giúp ai muốn thăng tiến việc học hành của chính mình hay của người khác.

⁷⁸⁹ x. Ga 8,32.

⁷⁹⁰ x. Mt 11,29.

⁷⁹¹ x. Ga 13,34.

⁷⁹² x. Lc 11,20; 17,20-21.

Tôi sinh năm 1948 ở miền quê Quỳnh Côi, Thái Bình rồi trở về Hà Nội sống với gia đình. Tôi học lớp mẫu giáo ở Nhà Thờ Hàm Long, Hà Nội, rồi theo gia đình vào Nam năm 1954.

Tôi qua bậc tiểu học ở trường tiểu học Phú Thọ, Quận 11, TP.HCM với Thầy Toàn (lớp Ba), Cô Nghĩa (lớp Bốn), Thầy Long (lớp Năm). Sau đó, tôi học từ lớp 6 đến lớp 11 bậc Trung học ở tiểu chủng viện Phanxicô Xaviê, sát bên Trường Bùi Thị Xuân, Quận 1, TP.HCM, và lớp 12 ở tiểu chủng viện Phát Diệm, 397 Trương Tấn Bửu, Phú Nhuận, tốt nghiệp Tú tài Hai, Ban D, hạng Bình Thứ.

Tôi vào học đại học ở Giáo hoàng Học viện Thánh Piô X Đà Lạt và tốt nghiệp cử nhân Triết học năm 1969. Sau một năm đi dạy học ở các trường Hồng Lĩnh, Tấn Đức vùng Bình Giả, tôi học tiếp 4 năm khoa thần học ở Giáo hoàng Học viện và tốt nghiệp cử nhân Thần học năm 1975. Theo đánh giá chung, tôi không phải là một người có trí khôn xuất sắc, có số IQ cao, nhưng chăm chỉ làm việc và cố gắng đưa điều mình học được vào đời sống.

Từ năm 1975, tôi vào làm việc tại Công ty Ấn loát Nguyễn Bá Tông, ở 63 Bùi Thị Xuân, Quận 1, cho đến năm 1978 khi chính quyền tiếp quản công ty này để biến thành Nhà Máy In Tổng Hợp Thành phố HCM và Công ty LIKSIN, viết tắt của từ Liên hiệp Khoa học Sản xuất IN. Tôi thi đỗ thợ chuyên môn ngành in, bậc 5/7 và làm việc tại Tổ Sắp chữ máy Monophoto trong suốt 21 năm, từ từ lên bậc thợ 6/7, 7/7, rồi lên bậc chuyên viên 1/8 đến nấc cuối cùng là 6/8. Trong tư cách là tổ trưởng sản xuất, tôi có trách nhiệm phải sửa chữa hệ thống máy sắp chữ này khi bị hỏng, thay thế các bộ phận hư hao, tìm ra các nguyên lý vận hành, vì đây là giàn máy hiện đại độc nhất ở Đông Nam Á thời đó do nước Anh sản xuất và các kỹ sư người Anh phụ trách máy đã bỏ về nước từ năm 1975.

Tôi không phải là một kỹ sư chuyên ngành cơ khí, nhưng vì trách nhiệm nên phải nghiên cứu hệ thống máy mình phụ trách, sửa chữa các máy trong hệ thống (11 máy), tìm ra nguyên lý tạo chữ của Công ty Monotype, làm được những khuôn matrix chữ mới... Tất cả đều nhờ ơn soi sáng của Chúa Thánh Thần. Sau này, tôi được các Đại học mời làm thỉnh giảng viên: dạy 16 năm tại Đại học Sư phạm Kỹ

Thuật TP.HCM, khoa Kỹ Thuật In, 3 năm tại Đại học Kiến trúc, Khoa Mỹ thuật Công nghiệp và 2 năm tại Đại học Tổng Hợp TP.HCM, Khoa Ngữ văn Báo chí với nhiều công trình nghiên cứu⁷⁹³. Tất cả đều nhờ sự cố gắng học hỏi và làm việc trong sự soi sáng của Thầy Giêsu và Chúa Thánh Thần.

Vì tốt nghiệp ở Giáo hoàng Học viện về triết học và thần học, nên tôi cũng dạy cho các chủng sinh của giáo phận Vinh, Thái Bình, Bùi Chu trong những năm còn chưa được phép mở các đại chủng viện và đào tạo họ trở thành các linh mục. Trong 40 năm gần đây, tôi dạy môn Kitô học, Truyền giáo học, Hội nhập Văn hoá cho các học viện tu sĩ Công giáo tại TP.HCM và càng cảm nghiệm hơn sự soi sáng của Thầy Giêsu. Thầy gửi cho tôi những chỉ dẫn, chia sẻ cho tôi những hiểu biết về Thiên Chúa, về con người, về vạn vật để tôi có thể phục vụ trong nhiều lĩnh vực còn mới lạ đối với tôi, nhất là văn hoá, y học, sức khoẻ. Thầy cũng giúp tôi chuyển lời Thầy thành những bài giảng, cuốn sách⁷⁹⁴, bản dịch⁷⁹⁵ để chúng hấp dẫn hơn.

Trong 10 năm làm Thư ký thường trực của Hội đồng Giám mục Việt Nam, thay mặt cho Hội đồng đề dự các hội nghị quốc tế ở nhiều nước trên thế giới, tôi càng cảm nghiệm được mình cần đến ơn soi sáng của Chúa. Trong 15 năm qua, tôi cộng tác với Caritas Việt Nam và Hội Bảo trợ Người Khuyết tật & Trẻ Mồ côi TP.HCM, trực tiếp lo cho sức khoẻ, giúp đỡ người nghèo, người nghiện ma tuý, người khuyết tật và trẻ mồ côi.

Vài năm gần đây, chúng tôi đã dùng phương pháp neurofeedback (phản hồi thần kinh), với hệ thống máy Brainmaster do các nhà bác học thuộc Cơ quan Hàng không Vũ trụ Hoa Kỳ (NASA) phát minh,

⁷⁹³ x. Nguyễn Ngọc Sơn, *Kỹ thuật chữ*, Đại học Sư Phạm Kỹ thuật, NXB Giáo Dục, 1996.

⁷⁹⁴ x. Nguyễn Ngọc Sơn, *Sứ điệp Loài hoa*, in 7 lần với số lượng 160.000 bản; *Bạn là Lời Cứu độ*, in 4 lần với 45.000 bản; *Cảm nang Tân Phúc Âm hoá*, in 2 lần với 10.000 bản, *Niên giám Giáo hội Công giáo Việt Nam, Năm 2005, 2016, Thống nhất đời sống trong Chúa Giêsu Kitô*, ...

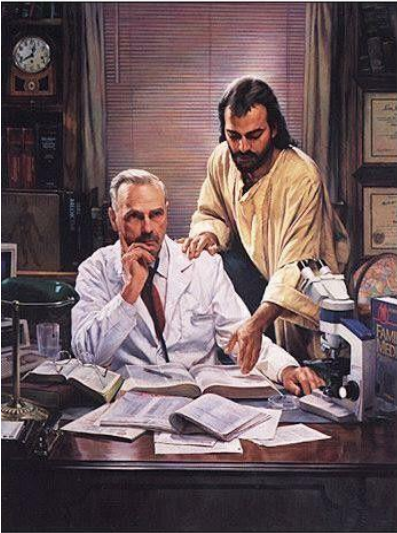
⁷⁹⁵ x. Bản dịch *Thánh Công đồng Chung Vaticanô II* của Giáo hoàng Học viện Thánh Piô X; *Sách lễ Rôma* của Ủy ban Phụng tự trực thuộc HĐGMVN; *Tóm lược Học thuyết Xã hội* của Ủy ban Bác ái Xã hội trực thuộc HĐGMVN; *Docat* của Ủy ban Giáo lý Đức tin trực thuộc HĐGMVN.

để chữa cho trẻ tự kỷ và người bệnh tâm thần⁷⁹⁶ và càng cảm nghiệm được rằng: khi chúng ta biết cộng tác với ơn Chúa, không có gì là không thể làm được. Trong cơn đại dịch Covid-19 vừa qua, tôi càng cảm nghiệm được điều đó.

Những chia sẻ trên đây chỉ muốn diễn tả lòng biết ơn chân thành của tôi với người Thầy tuyệt vời nhất và mọi người chúng ta đều được mời gọi tham dự vào lớp học tình thương của Người.

Lời kết

Vì thế, chúng ta hãy tin tưởng tuyệt đối vào Thầy Giêsu để chăm chỉ học hành và thực hiện lời dạy của Người trong mọi hoàn cảnh đời sống. Thánh Phêrô nói thay ta: “*Bỏ Thầy chúng con biết theo ai? Chỉ Thầy mới có những lời ban sự sống*”⁷⁹⁷.



Câu hỏi gợi ý

1. *Bạn có nhận định gì về nền giáo dục của nước ta hiện nay?*
2. *Bạn có kinh nghiệm nào khi học với Thầy Giêsu?*
3. *Bạn có kinh nghiệm nào về sự soi sáng của Chúa Thánh Thần và ân huệ của Ngài?*
4. *Bạn học để làm gì?*
5. *Bạn nghĩ mình có thể thay đổi cách học như thế nào cho có kết quả hơn?*

⁷⁹⁶ x. Bài *Chữa trị những trẻ chậm nói*, hanhkhatkito.org, mục Hoạt động Hành khát Kitô, ngày 15/11/2019; Bài *Tin Mừng cho người khuyết tật*, ngày 19/12/2019.

⁷⁹⁷ Ga 6,68.

Nói lời cứu độ

Lời mở

Nhiều nơi trên khắp thế giới tổ chức Lễ hội Giáng Sinh vào tháng cuối năm, trưng bày những cây thông Noel với đèn sao rực rỡ, trao gửi thiệp mừng và quà tặng cho nhau để biểu lộ niềm vui. Nhiều tín hữu Công giáo cũng hoà theo niềm vui đó. Nhưng ít người hiểu biết và cảm nhận được “niềm vui trọn vẹn”⁷⁹⁸ của người tín hữu vì đây là dịp kỷ niệm “Ngôi Lời sự sống”⁷⁹⁹ mặc lấy thân xác con người, hoà nhập vào vũ trụ để biến đổi tất cả và cho tất cả được tham dự vào sự sống Thiên Chúa của Người. Kể từ đó lời nói của Kitô hữu không chỉ là những âm thanh, tiếng nói của con người mà có thể biến thành lời cứu độ diệu kỳ của Thiên Chúa.

1. Tiếng nói trong lịch sử con người

Xét theo lĩnh vực thông tin, người ta chia lịch sử văn minh của loài người thành 4 thời kỳ: tiếng nói (1950.000 TCN – 4.000 TCN), chữ viết (4.000 TCN– 1000), ấn loát (1000-1900), tin học (thế kỷ XX – nay). Thời kỳ sau bổ túc cho thời kỳ trước và mỗi thời kỳ tiếp tục tồn tại và phát triển, như chúng ta đang ở trong thời kỳ tin học nhưng vẫn dùng tiếng nói, chữ viết, sách báo in để truyền thông tin cho nhau⁸⁰⁰.



⁷⁹⁸ x. 1Ga 1,4.

⁷⁹⁹ x. 1Ga 1,1.

⁸⁰⁰ x. Lm. Nguyễn Ngọc Sơn, *Kỹ thuật Chữ*, Đại học Sư Phạm Kỹ thuật, NXB Giáo Dục, 1996, tr.11,

Con người, ngay từ khi xuất hiện trên mặt đất, đã biết kêu hú, la hét như nhiều sinh vật khác, nhưng càng ngày tiếng kêu càng phát triển, cải tiến để trở thành phương tiện diễn tả tình cảm, ý nghĩ của mình. Tiếng kêu chỉ trở thành lời nói nhờ những con người hiện đại xuất hiện cách đây khoảng 195.000 năm trước Công nguyên. Ngày nay nhiều sắc dân trong các vùng rừng rậm ở Nam Mỹ, châu Phi, châu Úc vẫn còn sống trong giai đoạn tiếng nói sơ khai như đồng bào Rục ở Việt Nam. Ngôn ngữ của họ, với khoảng 500 – 1000 từ, chỉ đủ diễn tả những sinh hoạt bình thường chứ không thể bày tỏ những cảm tình sâu xa và tư tưởng cao đẹp như tiếng nói của một số dân tộc văn minh khác⁸⁰¹.

2. Tiếng Việt trong lịch sử dân tộc

Dân tộc Việt gồm các bộ tộc sống trong những hang động ở miền núi phía Bắc cách đây hơn 4000 năm, từ thời Hồng Bàng cho đến 18 đời Vua Hùng, đã có tiếng nói và chữ viết riêng⁸⁰². Trước bạo lực và thủ đoạn đồng hoá của người Trung Quốc, dân tộc Việt vẫn giữ nguyên được tiếng nói của mình trong suốt hơn 1000 năm bị đô hộ và đã phát triển thành một ngôn ngữ phong phú với trên 41.000 từ như hiện nay⁸⁰³.

Người Việt luôn nhắc nhở nhau phải bảo tồn quốc ngữ vì “tiếng Việt còn là nước ta còn”, dạy bảo con cháu “Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”, cần phải “học ăn, học nói, học gói, học mở”, “biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe”...⁸⁰⁴. Nhạc sĩ Phạm Duy (1921-2013) trong bản tình ca *Tiếng Nước tôi* đã diễn tả tiếng Việt thấm nhập vào lòng người qua tiếng ru của mẹ, tiếng hò, tiếng hát của bao người trong cộng đồng xã hội và qua chính những lời nói tốt đẹp, trong sáng thường ngày của mỗi con người, thay vì những lời thô lỗ, tục tằn, nói dối, nói xấu như đang xảy ra trong đời sống:

⁸⁰¹ x. *Kỹ thuật Chữ*, tr.11-12.

⁸⁰² x. Ủy ban Giáo dân, Bài 6: *Cuộc hội nhập văn hoá trong lịch sử dân tộc Việt Nam*, tháng 10/2018, mục 2.2.

⁸⁰³ x. *Từ điển Tiếng Việt 2013*, tr.5.

⁸⁰⁴ x. Mã Giang Lân, *Tục ngữ Ca dao Việt Nam*, NXB Giáo Dục, 1999.

*Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời
Mẹ hiền ru những câu xa vời.
À à ơi, tiếng ru muôn đời
Tiếng nước tôi, tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi
Thoát nghìn năm thành tiếng lòng tôi,
Nước ơi...⁸⁰⁵*

Nhiều người Việt chưa nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Việt trong việc gìn giữ và bảo vệ đất nước, hun đúc tinh thần dân tộc, phát triển tiếng Việt và chữ Việt giữa cộng đồng nhân loại. Có những trẻ Việt sống ở nước mình mà phải dùng tiếng nước ngoài để nói với cha mẹ. Có những người Việt ở nước ngoài không nói được tiếng Việt vì cha mẹ chúng không còn biết đến quê hương. Rất nhiều người trẻ Việt Nam đang dùng những kiểu nói lai căng, lố lằng, sòng sọng để thông tin cho nhau qua những dòng tin nhắn, mà không ngờ đang phá huỷ, hạ thấp tiếng nước mình.

3. Để nói nên lời

Có lẽ ta nên tìm hiểu sơ qua con người làm gì để nói nên lời. Từ nhiều thế kỷ, khoa học đã tìm hiểu tại sao con người biết nói và có ngôn ngữ riêng. Nhiều lý thuyết đã được nêu ra nhưng chưa làm sáng tỏ vấn đề. Năm 2009, một số nhà khoa học Hoa Kỳ đã nói đến sự đột biến gen FOXP2 khiến con người có thể nói chuyện, tạo ra ngôn ngữ, trong khi loài khỉ chỉ biết kêu la⁸⁰⁶.

Ngày nay, số trẻ tự kỷ không biết nói hoặc nói những từ vô nghĩa ngày càng tăng. Cách đây khoảng 30 năm, cứ 2.500 trẻ sinh ra mới có 1 trẻ tự kỷ. Hiện nay ở Hoa Kỳ cứ 58 trẻ sinh ra có 1 trẻ tự kỷ, ở Việt Nam là 65 trẻ có 1 trẻ tự kỷ. Chúng tôi đang nghiên cứu để chữa cho nhiều em chậm nói và thấy rằng để nói ra được một lời, con người phải thực hiện rất nhiều công việc, nhất là bộ não với các vùng vỏ não khác nhau.

⁸⁰⁵ x. Phạm Duy, *Tình ca Tiếng nước tôi*.

⁸⁰⁶ x. *Tại sao con người biết nói và có ngôn ngữ riêng*, Internet, ngày 15/7/2017.



Sự phát triển ngôn ngữ là yếu tố sống còn cho khả năng tương tác với những người chung quanh đứa trẻ. Một trẻ sơ sinh bắt đầu hiểu các từ và các mệnh lệnh ngắn gọn như “ăn, uống, ngủ” từ rất sớm trước khi nó biết nói và học các kỹ năng ngôn ngữ bằng cách bắt chước. Cha mẹ và những người chăm sóc cho trẻ càng nói chuyện nhiều với trẻ, nó càng phát triển về ngôn ngữ. Cùng với việc phát triển sự hiểu biết về thế giới, ngôn ngữ giúp trẻ phát triển các kỹ năng khác như suy nghĩ, lý luận, hành động, giải quyết vấn đề ⁸⁰⁷.

Nhiều phụ huynh không dành thời giờ nói chuyện với trẻ. Nhiều người muốn tránh cho chúng phá phách, quấy khóc nên bật máy truyền hình, ipad hay điện thoại cho chúng xem hình, trò chơi, nghe nhạc. Vì thế, nhiều trẻ không biết nói, nghe và hiểu được như các trẻ bình thường vì bộ nhớ trong não của chúng, ngay từ thuở đầu đời, đã chứa đầy những âm thanh vô nghĩa, hình ảnh hỗn loạn. Chúng không nhìn vào mặt người nói để biết phát âm từ ngữ như thế nào. Chúng cũng không biết những cảm xúc khi nói các từ ngữ đó ra sao. Vì thế, nhiều trẻ em, dù không mắc hội chứng tự kỷ, cũng không biết nói hoặc bị rối loạn ngôn ngữ ⁸⁰⁸.

Để nói nên lời, trước hết con người thu nhận tất cả những âm thanh và lưu trữ chúng ở vùng vỏ não thính giác. Vùng vỏ não ngôn ngữ Broca thu nhận tất cả các từ ngữ như “chó”, “mèo”, “bàn”, “ghế”.

⁸⁰⁷ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.407.

⁸⁰⁸ x. Nguyễn Ngọc Sơn, *Bài Chữa trị những trẻ chậm nói*, ngày 15/11/2019; *Bài Tin Mừng cho người khuyết tật*, ngày 19/12/2019, hanhkhatkito.org, mục Hoạt động Hành khất Kitô.

Vùng ngôn ngữ Wernicke chứa đựng các ý nghĩa của từ ngữ, như chó là “con vật kêu gâu gâu”, bàn là “đồ vật dùng để viết”. Vùng ngôn ngữ Geschwind là để nối kết đúng các từ với ý nghĩa của chúng. Ví dụ từ “chó” phải gắn liền với nghĩa “con vật kêu gâu gâu” chứ không phải một đồ vật như cái bàn, cái ghế. Các mạch máu nuôi não của ba vùng vỏ não này lại hay bị chèn ép do những tổn thương như bị va chạm, do mỡ trong máu nơi người lớn tuổi, nên cần được xoa nhẹ để hoạt động nối kết ngôn ngữ nơi các vùng này hiệu quả hơn.

Vùng vỏ não thị giác, ở phía gáy sau mắt, lưu trữ tất cả các hình ảnh như chó, mèo, bàn, ghế. Phía trên vỏ não thị giác là vùng lưu trữ các cảm xúc như yêu thương, giận ghét,... ví dụ như ta thích chó trắng, lông xù. Thê Tam giác và nhiều vùng ở phần não trắng thuộc phần ký ức lưu giữ các hoàn cảnh để giúp ta biết từ ngữ “chó” dùng như thế nào qua lệnh của tiểu não. Vùng vỏ não vận động thân thể trên đỉnh đầu khởi động quá trình nhận thức hoặc cử động tay, chân, môi, lưỡi, răng để nói được những từ muốn nói. Vùng điều hành trung tâm ở trán sẽ tổng hợp tất cả hoạt động của các vùng. Rồi lệnh từ trung tâm điều khiển đến thanh quản, khiến con người mới nói được câu: “Con chó của tôi”⁸⁰⁹.

Ta cứ tưởng tượng bộ não chứa hàng chục ngàn từ, hàng chục ngàn nghĩa của từ, hàng trăm ngàn hình ảnh khác nhau, hàng triệu âm thanh trầm bổng, hàng ngàn cách vận động thân thể... cần phải phối hợp đúng mới nói lên lời. Lúc đó ta mới hiểu lời nói là một sản phẩm trí tuệ kỳ diệu, chỉ con người mới có thể thực hiện được trong muôn loài đang sống trên mặt đất này. Lời nói chỉ có nơi con người, nhưng nó đã được thăng hoa, thành lời của Thiên Chúa.

4. Lời của Thiên Chúa

Trong lịch sử các tôn giáo, người ta kể nhiều chuyện về việc thần linh giao tiếp với con người, soi sáng và dạy dỗ họ nhiều điều sâu xa, huyền bí. Ta gọi đó là hành động “mạc khải”. Những lời dạy của thần linh, của Thiên Chúa có một giá trị siêu việt, cao cả mà con

⁸⁰⁹ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.305-306; Bài *Chữa trị những trẻ chậm nói*.

người phải tuyệt đối vâng theo. Thiên Chúa còn chọn ra một số người xứng đáng, soi sáng cho họ biết những ý định của mình và nhờ họ chuyển lời của mình đến cho dân tộc hay cho những con người khác. Vào thời điểm cuối cùng, Thiên Chúa sai Con Một của mình đến nói trực tiếp với con người để ai tin vào Người Con đó sẽ được cứu độ, được trở thành con cái Thiên Chúa và được sống mãi mãi như Thiên Chúa⁸¹⁰.



Người Con Một đó là Ngôi Lời Thiên Chúa đã tự nguyện trở thành người, mặc lấy thân xác người phàm để đưa bản tính Thiên Chúa vĩnh hằng, hạnh phúc vô tận, quyền năng vô biên, sự sống phi thường vào trong con người hữu hạn, vô thường, đau khổ và chết chóc này. Đó là lý do tại sao người Kitô hữu mừng lễ Chúa Giáng Sinh: vì Lời Thiên Chúa đã trở thành Đức Giêsu Nazareth và ở giữa chúng ta⁸¹¹. Sự kiện này đã xảy ra cách đây hơn 2000 năm và hiện nay hầu như cả thế giới mừng Lễ Chúa Giáng Sinh vào ngày 25/12 hàng năm, nhưng nhiều người lại không nhận ra ý nghĩa của ngày lễ để nâng cao giá trị lời nói của mình.

Người Kitô hữu vẫn cử hành lễ kỷ niệm này. Tuy nhiên, theo dòng lịch sử, gần đây họ lại quá tập trung vào ý nghĩa của Lời Chúa như những chữ viết, được ghi lại trong cuốn Thánh Kinh Cựu-Tân Ước, quá quan tâm đến các nghi lễ, bí tích. Những năm gần đây họ hăng hái học hỏi, suy niệm để “Sống Lời Chúa” bằng cách đi tìm những ý nghĩa trừu tượng của những câu chữ viết trong cuốn Thánh Kinh, được giải thích qua một con người hay một thánh nhân nào đó!

⁸¹⁰ x. Dt 1,1-2.

⁸¹¹ x. Ga 1,14.

Đường hướng sống này càng làm họ xa rời Đức Giêsu vì không gặp được Người như một Thiên Chúa sống động cụ thể đang hiện diện giữa con người và vạn vật, đang “nói” với con người và lắng nghe con người “nói” với Thiên Chúa. Đức Giáo hoàng Phanxicô nhiều lần nhắc đến lần lần này khi trưng dẫn câu nói của Giáo hoàng Bênêđictô XVI: “*Khi nói đến Tin Mừng, chúng ta không được chỉ nghĩ về nó như là một cuốn sách hay một tập hợp những lời giáo huấn. Tin Mừng là một cái gì nhiều hơn nữa, nó là một lời sống động và linh nghiệm, nói điều gì thì điều đó trở thành hiện thực. Tin Mừng không chỉ là một hệ thống các điều khoản đức tin và giới răn đạo đức... mà là một con người. Đó là Đức Giêsu Kitô, Lời của Thiên Chúa đã làm người...*”⁸¹².

Khi người tín hữu tin vào Đức Giêsu và kết hợp mật thiết với Người, họ được trở thành chi thể trong thân thể mầu nhiệm, trở thành chính Lời Thiên Chúa cho mọi người và vạn vật. Họ nhận được sức mạnh, quyền năng, tình yêu, ân sủng vô tận của Chúa Giêsu chuyển thông cho họ, để từng lời nói của họ có sức sáng tạo của Chúa Cha, sức cứu độ của Chúa Con và sức thánh hoá của Chúa Thánh Thần. Giống như Chúa Giêsu, lời của họ không còn là lời tự nhiên của con người, nhưng trở thành Lời sự sống, Lời sự thật, Lời cứu độ, Lời Tin Mừng như Chúa Giêsu. Lời đó nói ra có thể làm cho bánh cá hoá nhiều, gió yên biển lặng, chữa lành bệnh nhân, xua trừ ma quỷ, làm cho cả kẻ chết sống lại, như đã chứng minh trong đời sống của các tông đồ và môn đệ Chúa Giêsu. Họ không còn chỉ nói bằng môi miệng, nhưng bằng toàn thể con người sống động của mình như Đức Giêsu.

5. Nói lời cứu độ

Vậy để nói được những lời quyền năng như thế, người tín hữu phải chuẩn bị những gì? Mẹ Maria và thánh Giuse là hai mẫu gương tuyệt vời nhất có thể dạy cho ta biết phải làm gì.

⁸¹² x. Bản Đề cương Thượng Hội đồng Giám mục 2012: *Tân Phúc Âm hoá để thông truyền đức tin*, số 11.



Trước hết, ta phải mở lòng ra cho Chúa Thánh Thần, phải thở hít được Thần Khí của Chúa Giêsu Phục Sinh đã thổi trên các môn đệ. Khi đón nhận được Thần Khí là Chúa Thánh Thần, ta biến đổi mình từ con người tầm thường, tội lỗi, ngu dốt trở thành người phi thường, thánh thiện như các môn đệ thời xưa để đi đến đâu, các ngài làm phép lạ đến đó⁸¹³, như chúng ta đã bàn đến trong bài “Thở được tinh hoa của đất Trời”.

Như Mẹ Maria đã mở lòng ra cho Chúa Thánh Thần để Ngôi Lời hình thành trong lòng Mẹ, từ đó Mẹ sinh Chúa Giêsu cho thế giới, chúng ta cũng mở lòng ra đón nhận Chúa Thánh Thần để quyền năng của Thiên Chúa toả bóng trên chúng ta⁸¹⁴. Khi đó, Chúa Thánh Thần sẽ đưa thần tính của Thiên Chúa, sự sống kỳ diệu, tình yêu vô tận và quyền năng vô biên của Chúa vào trong con người tầm thường, yếu đuối của ta, ta mới có thể hình thành nên Đức Giêsu trong lòng mình và sinh Người cho thế giới.

Đức Maria đã đại diện cho toàn thể vũ trụ và nhân loại dâng hiến tất cả phần nhân tính của Mẹ cho Chúa, rồi Chúa Thánh Thần đã đưa thiên tính hằng hữu của Thiên Chúa vào trong lòng Mẹ và đã hình thành nên Chúa Giêsu với 2 bản tính của Thiên Chúa và của con người. Điều đó cũng được thể hiện lại trong lòng Trinh nữ Giáo Hội là Hiền Thê của Chúa Giêsu và cũng thể hiện lại trong lòng những ai biết dâng hiến trọn vẹn cho Thiên Chúa và biết mở rộng lòng đón

⁸¹³ x. Mc 16,15-20.

⁸¹⁴ x. Mt 1, 35.

nhận Chúa Thánh Thần như Mẹ. Từ đó ta trở thành con người phi thường, tràn đầy tình yêu, quyền năng và sức mạnh của Thiên Chúa, trở thành hình ảnh sống động của Chúa Giêsu.

Tuy nhiên, nếu Chúa Giêsu chỉ được sinh ra thôi, thì chưa đủ. Con người toàn diện: không phải chỉ được sinh ra mà còn phải được cha mẹ nuôi dưỡng, dạy dỗ để biết những kiến thức, để làm những công việc, để sống với mọi người và để tự khẳng định mình, không phải chỉ là con người mà còn là Con Thiên Chúa. Điều này cần đến thánh Giuse. Ngài là gương mẫu để giúp ta trở thành con người toàn diện khi biết gắn bó với Chúa Thánh Thần như ngài.

ĐGH Phanxicô, ngày 8/12/2020 đã gửi một bức thư rất hay, tựa đề là “Với tấm lòng người cha” (Patris Corde) để dạy ta nhiều điều về Thánh Giuse, nhân dịp kỷ niệm 150 năm, ĐGH Piô IX đặt ngài làm Bổn mạng của Hội Thánh. ĐGH đặt Năm đặc biệt kính Thánh Cả Giuse với nhiều cách nhận ơn toàn xá hàng ngày để cứu các linh hồn⁸¹⁵.

ĐGH đã giới thiệu Thánh Giuse chính là hình ảnh của mỗi người chúng ta, một người chẳng được ai để ý, xuất thân từ ngôi làng Nazareth nhỏ bé, một người thợ mộc bình thường chứ không phải là một vị giáo sư, một người dân thấp cổ bé miệng chứ không phải vua quan tai to mặt lớn nào. Thế nhưng, người đó vẫn âm thầm kín đáo hiện diện hằng ngày, cầu thay nguyện giúp và hướng dẫn ta khi ta gặp khó khăn. Ngài là một người ẩn mình trong bóng tối, nhưng đã đóng một vai trò lớn lao trong lịch sử cứu độ, mà không ai có thể so sánh được, nhờ kết hợp với Chúa Thánh Thần và dành tất cả cho Thiên Chúa, chỉ sau Mẹ Maria⁸¹⁶.

Ngài đã từng gặp gỡ, yêu thương và mơ về một gia đình hạnh phúc với Maria và những đứa con tài giỏi. Nhưng khi được Thiên Chúa chọn lựa và kêu gọi, ngài đã mau mắn đáp lại và dâng hiến trọn vẹn

⁸¹⁵ Năm Đặc biệt từ ngày 8/12/2020 đến 8/12/2021. x. Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 312, tr.47-48.

⁸¹⁶ x. Tông Thư ĐGH Phanxicô “Với tấm lòng người cha”, Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 312, tr.48-73.

cho Chúa để trở thành một người cha đầy tình yêu dịu dàng dành cho Chúa Giêsu và mọi người chúng ta như Chúa Cha⁸¹⁷. Một người cha vâng phục luôn hành động theo ý Thiên Chúa chỉ dẫn qua bốn giấc mơ tiếp xúc với thiên thần. Một người chồng đã chấp nhận Đức Maria vô điều kiện bằng một tình yêu cao thượng và tinh tế khi chưa biết Mẹ Maria mang thai bởi phép Chúa Thánh Thần. Một người cha can đảm đầy sáng tạo ở đồng vắng, khi dẫn Mẹ Maria đến Belem mà không tìm được chỗ trọ để sinh bé Giêsu; hay khi trốn sang Ai Cập để tránh cuộc bách hại của Hêrôđê. Một người cha làm việc lương thiện để nuôi sống gia đình hằng ngày. Một người cha luôn sống trong bóng tối để giúp con cái mình trưởng thành, để giúp cho người vợ của mình toả sáng, mà không can thiệp vào cuộc đời của vợ con và bắt mọi người sống theo ý của mình⁸¹⁸.

Những hình ảnh đó đã cho ta biết Thánh Giuse luôn gắn bó với Chúa Thánh Thần, đã sử dụng 7 ơn Thánh Thần. Nhất là ngài dành trọn vẹn tình yêu cho Thiên Chúa cũng như cho con người, bởi vì Thánh Thần chính là tình yêu nối kết con người với Thiên Chúa và nối kết con người với muôn loài. Ít nhà thần học nói về mối tương quan giữa Thánh Giuse và Thánh Thần. Nhưng ta có thể suy luận rằng: Thánh Giuse đã suy nghĩ nhiều về Chúa Thánh Thần khi biết việc hình thành nên thai nhi Giêsu trong lòng Đức Maria qua việc ngài tiếp xúc hằng ngày với Mẹ Maria. Nếu bà Elizabeth chỉ một lần tiếp xúc với Mẹ Maria đã “được đầy Thánh Thần”⁸¹⁹ và cất tiếng nói, thì Thánh Giuse phải đầy Thánh Thần hơn biết bao!

Trong đời sống hằng ngày, chúng ta rất dễ nói những lời nóng nảy, giận hờn, tục tĩu, chửi thề, nói dối, nói xấu, nói những lời gây nghi kỵ, bất hoà, làm tổn thương người khác. Vì thế, trước khi nói, ta hãy dành một hai giây, hít thật dài hơi và nói thầm: “*Lạy Chúa, xin ban Thần Khí của Chúa cho con*”. Nhờ thở như thế, ta có nhiều khí oxy trong máu não và ơn Chúa Thánh Thần giúp ta bình tĩnh lại, làm chủ

⁸¹⁷ x. Tv 103,13; Is 63, 16b. 64,7.

⁸¹⁸ x. Tông Thư ĐGH Phanxicô “Với tấm lòng người cha”, Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 312, tr.48-73.

⁸¹⁹ x. Mt 1,41.

được lời của mình và biến nó thành lời mang lại niềm vui, bình an, hạnh phúc và ơn cứu độ cho người khác.

Khi bắt đầu thờ Thần Khí thường xuyên hơn, ta sẽ thấy con người mình biến đổi dần dần thành Lời sống động của Chúa, nhờ đó có thể làm cho người khác được chữa lành, được giải thoát khỏi ma quỷ. Đó là ơn mà Chúa Giêsu ban cho ta khi Người sai chúng ta: “*Anh em hãy đi khắp nơi loan báo Tin Mừng, đặt tay chữa lành bệnh nhân, xua trừ ma quỷ*”⁸²⁰, bởi vì mỗi người chúng ta là hiện thân của Ngôi Lời Sống cho thế giới hôm nay.

Lời kết

Vì thế, nhờ gắn bó với Chúa Thánh Thần như Mẹ Maria và Thánh Giuse, chúng ta sẽ thấy mình biến đổi để chỉ nghĩ điều tốt đẹp, chỉ nói lời chân thành, chỉ làm việc chính đáng. Từ đó, toàn bộ con người chúng ta trở thành Lời cứu độ của Thiên Chúa.

Câu hỏi gợi ý

1. Trong giao tiếp hằng ngày, bạn đang nói lời gì: nói dối, nói dối, nói dối, nói khoác, nói kháy, nói láo, nói ngang, nói quanh, nói suông, nói thách, nói tục, nói xấu, ... hay nói ngon, nói ngọt, nói thật, nói tốt, nói thẳng, nói thâm, nói xa, nói gần...?
2. Bạn làm gì để sửa đổi lời nói của mình thành lời sự thật và sự sống, lời tạo nên niềm vui, hy vọng và cứu độ cho người khác?
3. Bạn nên làm gì để kiểm chế cơn nóng giận, trước khi buông lời cay chua, gắt gỏng, tục tĩu, giận hờn làm tổn thương người khác?

⁸²⁰ Mc, 16,15-18.

Chữ cũng là người

Lời mở

Sống trong thời đại tin học, ít người quan tâm đến chữ viết tay, vì chỉ cần gõ trên bàn phím của điện thoại hay máy vi tính là có thể gửi thư cho nhau, hoặc chỉ cần ra lệnh cho máy in bản là ta có một văn bản đẹp với đủ loại kiểu dáng chữ. Hơn nữa, vì cuộc sống vội vã, nên những gì cần viết tay, người ta thường viết rất nhanh, đường nét không chuẩn, đặt sai dấu chữ, nhưng vẫn có thể đọc được vì đã quen với chữ Việt và tiếng mẹ đẻ của mình. Trầm trọng hơn cả là người ta coi thường văn phạm trong những văn bản trên sách báo, truyền hình, mạng xã hội. Một số người Việt hiện nay quả thật ít quan tâm đến văn hoá chữ viết và quên rằng chữ cũng là người!

1. Tình trạng viết chữ Việt hiện nay

1.1. Câu chuyện thực tế

Khi dạy môn *Kỹ thuật Chữ* cho các sinh viên ở khoa Công nghệ In của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, ở khoa Mỹ thuật Công nghiệp của trường Đại học Kiến Trúc TP.HCM, ở khoa Ngữ văn Báo chí của trường Đại học Tổng hợp TP.HCM, cũng như các môn khác trong các học viện Công giáo trong nhiều chục năm qua, tôi đã thử cho các sinh viên viết 4 câu thơ sau đây trong Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du:

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trái qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Hơn 5.000 sinh viên được mời thử nghiệm. Trong lần viết đầu tiên, chưa có một ai viết đúng chính tả và đặt dấu giọng chính xác. Họ thường sai ở một số lỗi chính tả khi đặt dấu hỏi (cỏi) cho từ *cỏi*, hay đặt dấu ngã (~) cho từ *trái*. Hầu hết là họ đánh dấu giọng sai vị trí: những dấu đó thường được đánh vào chữ sau, đặt lên trên các phụ

âm, hay đánh vào phía sau từ mà không trên nguyên âm hay phụ âm nào⁸²¹. Người Việt chúng ta vì quen từ quen mắt nên đọc ra ngay được, nhưng đối với người nước ngoài đã học cách đánh dấu đúng chữ Việt, họ không thể hiểu từ đó là gì và tại sao lại đánh dấu như thế. Thí dụ: “Trăm năm trong cõi người ta..”.



1.2. Các em học sinh lớp 1 học viết tiếng Việt như thế nào?

Trở lại câu chuyện giáo dục, từ bao nhiêu năm nay, các thầy cô dạy tiếng Việt cho các em học sinh lớp 1 bậc tiểu học, vẫn dạy cách đánh dấu giọng hay dấu thanh (sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng) phải đặt trên nguyên âm chứ không đặt trên phụ âm.

Tra cứu các bộ sách giáo khoa *Tiếng Việt lớp 1*, gồm 2 tập của Bộ Giáo dục và Đào tạo, do Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành năm 2018 hay những bộ sách mới được biên soạn năm 2020 như *Tiếng Việt lớp 1*, gồm 2 tập của nhóm “Kết nối tri thức với cuộc sống” hoặc “Chân trời sáng tạo”, chúng ta đều thấy các từ được đánh dấu rất đúng theo khoa ngôn ngữ học. Ví dụ như các từ *hoà, toả, xoá, khoẻ, loè, xoè, huệ, thuế, lữ, thuy*⁸²².

Ngay từ những bài đầu tiên của sách Tiếng Việt lớp 1, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã yêu cầu các thầy cô dạy học sinh nhận diện các nét viết cơ bản, các chữ số, các dấu thanh, rồi dạy các vần từ đơn giản đến phức tạp⁸²³.

⁸²¹ *Kỹ thuật Chữ*, tr.129-130.

⁸²² x. *Tiếng Việt lớp 1*, Tập 2, tr.6, tr.8 của bộ “Chân Trời sáng tạo” hoặc Tập 1, bài 74, tr.160 và bài 77, tr.166 của bộ “Kết nối tri thức với cuộc sống”.

⁸²³ x. *Tiếng Việt lớp 1*, Tập 1, tr.6 của bộ “Chân Trời sáng tạo” hoặc Tập 1, tr.12 của bộ “Kết nối tri thức với cuộc sống”.

Chắc chắn các em ở tuổi 6,7 chưa thể phân biệt được các chữ *i, o, u* trong một số vần, lúc này là nguyên âm, lúc khác là bán phụ âm theo khoa ngôn ngữ học hiện đại. Nhưng các bài dạy trong giáo trình *Tiếng Việt lớp 1* là hoàn toàn chính xác, dù các em học theo phương pháp của Bộ Giáo dục hay theo phương pháp Công nghệ Giáo dục của giáo sư Hồ Ngọc Đại⁸²⁴.

1.3. Người lớn chúng ta hiện nay đánh dấu ra sao?

Dù Việt Nam chúng ta đã có Viện Ngôn ngữ học, với những cuốn từ điển Tiếng Việt được coi như quy chuẩn cho việc sử dụng từ ngữ và viết chữ. Ví dụ như *Từ điển Tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ do giáo sư Hoàng Phê chủ biên⁸²⁵, *Từ điển Bách khoa Việt Nam*⁸²⁶ do Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo biên soạn. Nhưng việc dùng từ ngữ và nhất là cách đánh dấu giọng vẫn còn rất tùy tiện.

Hơn nữa, chúng ta còn có Quyết định số 240/QĐ ngày 5/3/1984 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục, được ban hành kèm theo bản "Quy định về Chính tả tiếng Việt và về thuật ngữ tiếng Việt"⁸²⁷, và Quyết định số 09/1998/QĐ-VPCP, ngày 22/11/1998 của Văn phòng Chính Phủ về cách viết hoa các tên riêng⁸²⁸.

Dù các văn bản pháp quy đó rất rõ ràng và cụ thể, nhiều văn bản của chính quyền cũng như của các tổ chức xã hội dân sự vẫn chưa giữ đúng các quy định đó, nhất là các nhật báo. Dấu thường đánh sai dấu trên vần oa, oe, uê, uơ, uy vì không phân biệt được các chữ a, e, i, o, u, y có thể là nguyên âm và cũng có thể là bán phụ âm.

Chúng tôi đã phân tích vấn đề và đã trình bày trong cuộc Hội thảo Khoa học ở Bình Định, từ ngày 12-13/1/2016, với chủ đề *Bình Định*

⁸²⁴ x. Tranh cãi về Công nghệ giáo dục Tiếng Việt lớp 1, *Người trong cuộc nói gì*, Báo Tuổi Trẻ, ngày 9/9/2018, tr.1,2,3; Báo Thanh Niên, ngày 9/9/2018, tr.5.

⁸²⁵ x. *Từ điển Tiếng Việt* 2013.

⁸²⁶ x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*.

⁸²⁷ x. *Từ điển Tiếng Việt* 2013, tr.V.

⁸²⁸ x. Quyết định Số: 09/1998/QĐ-VPCP, Thư viện Pháp Luật, Internet.

với chữ *Quốc ngữ*⁸²⁹. Cách đặt dấu giọng sai sót này đang phổ biến và lan rộng trong các sách vở, báo chí, truyền hình, mạng xã hội.

Nếu như các em học sinh lớp 1 và các em học sinh bậc tiểu học được dạy đánh dấu theo khoa ngôn ngữ học, thì các cơ quan báo chí truyền thông trong cả nước lại đánh dấu tùy tiện, các sách biên soạn cho bậc trung học và đại học đánh dấu không thống nhất trong các từ có các vần *oa, oe, uê, uơ, uy*⁸³⁰.

Nguyên nhân: các sai sót này bắt nguồn từ những dữ liệu trong lịch sử như cách đánh dấu giọng chưa chính xác trong các từ điển như *Từ điển Việt La* của giám mục Adran biên soạn năm 1771-1772, của giám mục Taberd xuất bản năm 1838, *Từ điển Việt Pháp* của A. Caspar Lộc xuất bản năm 1877, và của J.M. Génibrel năm 1898, cuốn *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* của Paulus Huỳnh Tịnh Của xuất bản năm 1895-1896.

Gần đây chúng ta thấy còn có các từ điển như cuốn *Đại Từ điển Tiếng Việt* của Nguyễn Như Ý và các bạn xuất bản năm 2013, và một số *Từ điển Tiếng Việt* mới đây do Hoàng Long chủ biên xuất bản năm 2007 hay do Quang Hùng, Minh Nguyệt biên soạn xuất bản năm 2007, dưới danh nghĩa là của Viện Ngôn ngữ vẫn đánh sai các dấu trên các vần đó.

Sự sai sót của các từ điển này đã gây rối loạn trong cách viết tiếng Việt hiện nay⁸³¹. Một số người đã căn cứ vào các từ điển này mà không chú ý đến những tiến bộ của khoa ngôn ngữ học hiện đại.

2. Chữ cũng là người

2.1. Văn hay chữ tốt

⁸²⁹ x. Tài liệu Hội thảo, Lm. Nguyễn Ngọc Sơn; Bài tham luận *Việc thống nhất cách đặt dấu giọng trên vài vần cho phù hợp với khoa ngôn ngữ học hiện đại*, tr.519-527.

⁸³⁰ x. Cho đến hôm nay, ngày 8/3/2022, các nhật báo *Nhân Dân*, *Tiền Phong* phát hành ở Hà Nội cũng như báo *Tuổi trẻ*, *Thanh Niên* ở TP.HCM vẫn đánh dấu trên các từ như *hòa, tóa, xóa, khôe, lóe, huệ, ủy, thủy*.

⁸³¹ x. Lm. Nguyễn Ngọc Sơn, Bài tham luận tại Hội thảo khoa học ở Bình Định, ngày 12-13/1/2016, tr.520-523.

Cha ông ta thường nhắc nhở: *văn hay chữ tốt*, mà không đòi phải “*văn hay chữ đẹp*”. Nhiều người viết chữ rất đẹp như ông đồ xưa:

*Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay*⁸³².



Tuy nhiên, nhìn nét chữ bay bướm, người ta có thể xác định được tính nghệ thuật của chữ viết, nhưng không thể xác định sự cao thượng, tốt đẹp của tâm hồn. Vì thế cha ông ta mới khuyên dạy chúng ta cần *viết chữ tốt hơn là chữ đẹp* vì “*văn là người và chữ cũng là người*”!

Khoa tâm lý học hiện đại đã căn cứ vào những nét chữ viết tay để đoán ra tâm tính, tư cách, tài năng của con người. Người ta áp dụng việc phân tích nét bút của người viết trong các ngành tuyển dụng nhân sự, lựa chọn nghề nghiệp, giám định tư pháp. Các nhà tâm lý học còn cho rằng có mối tương quan giữa chữ viết và sức khỏe tâm lý. Căn cứ vào nét chữ to, nhỏ, đậm, nhạt, thẳng đứng hay cong queo, thân chữ rộng hay hẹp, khoảng cách giữa các từ nhiều hay ít, chiều cao của chữ hoa vừa hay thấp, độ nghiêng của chữ về bên phải hay bên trái... mà người ta có thể đoán ra phần nào khả năng, trí tuệ, tâm tính của người viết⁸³³.

⁸³² x. Vũ Đình Liên, Bài thơ *Ông Đồ*, sáng tác năm 1936.

⁸³³ x. Internet, 6/12/2018, *Chữ viết thể hiện tâm người, có thể phân biệt rõ người chính kẻ tà*, Bài của Tuệ Minh; *Chỉ cần nhìn chữ viết, tôi có thể nói bạn là người thế nào*, Bài của R.D.

Thật ra, việc phân biệt rõ chính tà, tốt xấu của một người không thể chỉ căn cứ vào chữ viết bên ngoài, dù rằng chữ viết có thể giúp phỏng đoán phần nào khi dùng nó như dấu hiệu.

Người ta có thể sử dụng bút tích như một dấu hiệu để suy đoán, vì những nét chữ hình thành từ những thói quen lâu dài của con người, từ quan điểm về nghệ thuật, từ hoàn cảnh của người viết (cấp bách hay bình thường), từ tâm trạng (thư thái hay bất an). Nếu nét chữ chỉ là một dấu hiệu để suy đoán, thì ta cũng đừng dùng nó như một bằng chứng để quyết đoán về con người. Con người luôn mở ra tới vô biên và nét chữ có thể luôn thay đổi để việc suy đoán của ta không bao giờ tận cùng!

Có lẽ vì muốn cho con cái mình luyện được chữ tốt, nên cha mẹ thời xưa thường thúc giục con cái tập đồ các chữ theo các tập in sẵn để luyện chữ viết cho thẳng hàng, cân đối, hài hoà. Các cháu học sinh lớp 1 hiện nay cũng đang làm như vậy, nhưng nhiều cha mẹ lại ít quan tâm đến việc này, vì chữ viết của họ rất xấu, không dám làm gương cho con cái. Nhiều người viết chữ nhưng người khác đọc không ra, khiến cho thi sĩ Nguyễn Khuyến phải than:

Văn hay chữ tốt ra tuồng

Văn dai như chấu, chữ vuông như hòm!

2.2. Chữ quốc ngữ - chữ nước ta

Chữ quốc ngữ hiện nay là chữ ghi âm tiếng Việt bằng chữ cái Latinh, có bổ sung một số dấu phụ của tiếng Ý, tiếng Bồ Đào Nha, được các linh mục Dòng Tên phương Tây như Francisco de Pina, João Roiz, Gaspar Luis, Cristo Forro Borri, Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ), với sự cộng tác của người Việt Nam như Igesicô Văn Tín, Bento Thiệu sáng tạo ra trong khoảng 1620-1659⁸³⁴.

Điều đáng ghi nhận ở đây là dù khoa ngôn ngữ học vào thời đó chưa được thành hình, nhưng trong các tác phẩm của Alexandre de Rhodes như *Phép giảng Tám ngày*, *Văn phạm Annam*, nhất là cuốn *Từ điển Việt-Bồ-La* xuất bản năm 1651 ở Rôma, các dấu giọng được

⁸³⁴ x. Đỗ Quang Chính, *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620-1659*, NXB Ra Khai, Sài Gòn, 1972.

đánh rất chính xác trên các từ như *hoá, hoà, hoả* (tr.329-330) phân biệt với *hào, hảo* (tr. 315,316) hoặc trên các từ *thuế* (tr. 782), *lào* (tr.402) *léo* (tr.411) và *lõa lồ* (tr.417) theo đúng với Từ điển Tiếng Việt của khoa Ngôn ngữ học. Riêng vẫn uy với từ *hủy* (tr.341) và *thủy* (tr.783)⁸³⁵ không đúng với nguyên tắc ngôn ngữ học ngày nay. Chúng tôi hiểu rằng những con chữ sắp tay đúc bằng chì thời đó chưa được đúc theo đúng ý tác giả vì việc đặt dấu "nặng" dưới chữ y (y) không thể thực hiện được. Tác giả Gustave Hue đã nói đến lý do này trong lời mở đầu cho cuốn *Từ điển Việt Hoa Pháp* xuất bản năm 1937 của ông ở Huế⁸³⁶, do khoảng cách dòng không thể thay đổi trong các chữ thủ công đúc bằng chì.

3. Sửa đổi vài cách viết cho thống nhất

3.1. Việc đặt dấu thanh trên các vần oa, oe, ue, uơ, uy

Chúng ta không thể nói đến việc đặt dấu thanh sai hay đúng đối với các bậc tiền nhân thuở trước, vì tiếng Việt là một sinh ngữ luôn luôn phát triển và khoa ngôn ngữ học hiện đại mới chỉ có mặt trên thế giới cách đây khoảng 100 năm, và trong nước ta khoảng 50 năm mà thôi. Việc chưa thống nhất dấu thanh trong các từ điển, sách báo từ thời Alexandre de Rhodes cho đến nay là chuyện bình thường trong việc hình thành và phát triển tiếng Việt.

Tuy nhiên, một khi chúng ta đã có những nguyên tắc rõ ràng của khoa ngôn ngữ học để đánh dấu chuẩn mực, được thể hiện qua các sách giáo khoa và từ điển quy chuẩn như bộ *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, thì chúng ta cần tiến tới sự thống nhất cách đặt dấu thanh trên toàn quốc và phổ biến cả ra nước ngoài để những ai học tiếng Việt tìm được sự trong sáng và hợp lý.

Việc thiếu thống nhất trong cách đặt dấu trên các vần *oa, oe, ue, uơ, uy* bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân như do thói quen đánh dấu từ nhỏ, do việc tra cứu các từ điển không đánh dấu đúng theo ngôn ngữ hiện đại. Lý do quan trọng nhất là *sự lẫm lẫn giữa âm và chữ trong tiếng Việt*.

⁸³⁵ x. Lm. Nguyễn Ngọc Sơn, Bài tham luận tại Hội thảo khoa học ở Bình Định, tr.520.

⁸³⁶ x. Lm. Nguyễn Ngọc Sơn, Bài tham luận tại Hội thảo khoa học ở Bình Định, tr.523.

Trong mỗi ngôn ngữ, người ta phân biệt phụ âm và nguyên âm. Tiếng Việt hiện nay có 33 chữ cái: A Ă Æ B C D Đ E Ê F G H I J K L M N O Ô Ơ P Q R S T U Ư V W X Y Z với 5 thanh điệu: huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng và không dấu⁸³⁷. Tiếng Việt có 55 âm vị.

Khi chưa biết ngôn ngữ học hiện đại, rất nhiều người Việt cho rằng các chữ *a e i o u y* đều là nguyên âm, nên việc phát âm và đặt dấu thanh trên các từ giống như nhau. Thí dụ: từ *hào* và từ *hòa* gồm hai “nguyên âm” **a** và **o**, vì thế đặt dấu thanh vào giữa hợp lý, nên viết “hào” và “hòa”. Tương tự, từ *héo* và *hoè* với hai “nguyên âm” **e** và **o** nên viết “héo” và “hòe”; từ *thửu*, *thúi*, *thúy* vì cho rằng đó là các “nguyên âm” **i**, **u** và **y**. Khi đặt dấu thanh như thế, người ta thấy cân đối và đẹp.

Nhưng khi gặp vần êu và uê với từ *tểu* và *tuế*, người ta lại đặt dấu thanh khác nhau dù vẫn là “nguyên âm” **ê** và **u**. Các từ điển đều đặt dấu thanh ở âm sau trên các từ *huệ*, *huê*, *Huế*, cũng như khi gặp vần ươ trong từ *thuở*. Người ta không còn đưa ra lý do cân đối mà giải thích theo thói quen, như ta thấy đa số trong các từ điển, sách báo và trên các phương tiện truyền thông hiện nay.

Với ngôn ngữ học hiện đại, người ta phân biệt các chữ *a e i o u y* khi đọc lên, có thể là nguyên âm nhưng cũng có thể là bán nguyên âm (hay bán phụ âm).

Trong tiếng Việt có 2 bán nguyên âm: /w/ và /j/ có đặc tính giống như nguyên âm /u/ và /i/ nhưng được phát âm lướt, không mở đầy đủ như /u/ và /i/⁸³⁸. Dấu giọng chỉ được đặt trên nguyên âm của một từ, vì khi “nguyên âm” kết hợp với các âm tố khác, nó luôn tạo thành đỉnh của vần⁸³⁹.

Trong các vần oa oe, uê, ươ, uy, nhiều người không phân biệt được các âm đầu (chữ o và u) chỉ là bán nguyên âm /w/, còn các âm sau

⁸³⁷ x. Quyết định số 240/QĐ, ngày 5/3/1984 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về *Quy định về Chính tả tiếng Việt và thuật ngữ tiếng Việt*.

⁸³⁸ x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, q.1, mục từ *Âm tiết*, tr.118.

⁸³⁹ x. L.R. Zinder, *Giản yếu lý thuyết đại cương về chữ Việt*, Mokba, 1987; Bùi Khánh Thế, *Nhập môn Ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục, 1995, tr.53.

mới là nguyên âm và là âm chính, nên dấu giọng phải đặt trên các nguyên âm này. Ví dụ: trong từ **hoà** /hwà/: chữ o là bán nguyên âm nên dấu giọng phải đặt trên nguyên âm a, còn trong từ **hào** /hàw/: chữ o là bán nguyên âm.

Tương tự, trong từ **héo** /hév/: chữ o là bán nguyên âm, còn trong từ **hoè** /hwè/: chữ o cũng là bán nguyên âm. Trong các từ **tếu** /têw/, **tuế** /twé/ chữ u là bán nguyên âm, nên dấu giọng được đánh trên nguyên âm ê. Trong các từ **thửu** /θiʷ/, **thúi** /θúj/ hai chữ i ở đây rất khác nhau: chữ đầu là nguyên âm, chữ sau là bán nguyên âm /j/, nên dấu giọng được đánh trên nguyên âm i ở từ đầu và nguyên âm u ở từ sau. Nếu so sánh hai từ **thúi** /θúj/ và **thuý** /θwi/: chữ u trong từ đầu là nguyên âm, chữ u ở từ sau là bán nguyên âm, nên đánh dấu khác nhau. Nhiều khi có 3 chữ được coi là nguyên âm viết liền nhau, nhưng phân tích về mặt ngôn ngữ học, ta chỉ thấy có 1 nguyên âm hay nguyên âm đôi. Thí dụ: **ngoài** /ŋwàj/, **tiêu** /tiêw/, **điều** /điêw/, **bưởi** /buớj/.

Chính vì dựa trên cách phiên âm theo ngôn ngữ học hiện đại mà *Từ điển tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ do Hoàng Phê chủ biên, bộ *Từ điển Bách khoa Việt Nam* và sách giáo khoa của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đặt dấu giọng trên các nguyên âm trong các vần oa, oe, uê, ươ, uy như trong các từ *hoà, hoả, hoá, hoa, hòe, huệ, thủy, thuở*. Khi đặt đúng dấu giọng như thế ta mới giải thích cho ai học các ngoại ngữ thấy sự hợp lý của các dấu thanh trong tiếng Việt.

Ta có thể phân biệt giữa nguyên âm và bán nguyên âm (hay bán phụ âm) bằng cách: khi đọc các vần oa, oe, uê, ươ, uy, chữ o và u tuy viết khác nhau, nhưng môi và miệng bó buộc phải chụm lại giống như nhau và đọc lướt vì là “những âm cần sự phụ giúp của các cơ quan phát âm”, nên là bán phụ âm /w/. Trong khi các chữ a, e ê, ơ, y là các nguyên âm nên luồng hơi đi ra không bị trở ngại.

Nếu so sánh với tiếng Anh, ta cũng thấy có sự tương tự. Nhiều người Việt Nam cảm thấy khó phân biệt các âm với chữ, nhất là đối với bán nguyên âm /w/ và /ju/ trong các từ bắt đầu bằng chữ o hay u. Thí dụ: chữ o trong các từ *onus, onyx, opinion...* là nguyên âm, trong khi chữ o trong các từ *one, once,..* là bán nguyên âm /w/. Hoặc

chữ u trong các từ ulcer, umbrella, unbelief, unguis... là nguyên âm /ʌ/, trong khi chữ u trong các từ unit, uniform, unicycle... là bán nguyên âm /ju/. Điểm phân biệt này khá quan trọng để ta có thể viết đúng các mạo từ a, an hoặc đọc đúng mạo từ the /ðe/ hay /ði/ trước các từ đó.

3.2. Thống nhất cách viết hoa các tên riêng

- Về cách viết tên riêng tiếng nước ngoài

Chúng ta cần tuân theo đúng Quy định số 240/QĐ, và quy định số 09/1998/QĐ-VPCP, của Văn phòng Chính phủ về *Cách Viết hoa các Tên riêng*. Cụ thể là chúng ta viết nguyên ngữ theo tiếng Latinh, viết liền các âm tiết, không có dấu giọng và cũng không viết phiên âm trong ngoặc đơn. Thí dụ: Marcus, Aurelius, Washington, Bastille. Chúng ta giữ nguyên những địa danh đã được Việt hoá quen thuộc như: Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha... Chúng ta giữ hình thức chuyển ngữ sang tiếng Latinh đối với những tên bản ngữ không phải là tiếng Latinh như: Poutine, Araphat, Tagore như đã được Quy định trong các văn bản quốc tế của Liên Hiệp Quốc.



- Đối với các tên riêng của Công giáo, chúng ta nên theo cách viết đã được giới thiệu trong cuốn *Từ điển Công giáo* (gồm 2022 mục từ) của Ủy ban Giáo lý Đức tin trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam, xuất bản năm 2019. Thí dụ: Giêsu Kitô, Maria, Clara... thay vì viết Giê-su Ki-tô, Ma-ri-a, Co-la-ra...

- Về cách viết hoa các tổ hợp tên riêng

Chúng ta nên phân biệt tổ hợp chữ hoa gồm nhiều thành tố. Viết hoa chữ đầu âm tiết tạo nên tên riêng (yếu tố 1), viết hoa âm tiết đầu của

các từ bỏ nghĩa (yếu tố 2), viết hoa tất cả các âm tiết tạo nên tên riêng (yếu tố 3). Thí dụ:

<i>Yếu tố 1</i>	<i>Yếu tố 2</i>	<i>Yếu tố 3</i>
Bộ	Văn hoá, Du lịch	Việt Nam
Nhà máy	Sản xuất Phích nước	Hoà Bình
Ủy ban	Công lý và Hoà bình	Việt Nam
Ban	Loan báo Tin Mừng Giáo xứ	Trà Kiệu

Lời kết

Người tín hữu Công giáo Việt Nam chúng ta có quyền tự hào vì đã đóng góp vào việc phát minh ra chữ Việt và đã chịu biết bao đau khổ, bách hại, thậm chí dâng hiến cả mạng sống để bảo vệ những giá trị văn hoá cao quý của Công giáo. Tuy nhiên hình như chúng ta chưa biết bảo tồn và phát huy những giá trị của tiếng Việt và chữ Việt, chưa tuân thủ các quy tắc và tiêu chuẩn của khoa ngôn ngữ học trong các sách báo, thông tin, chưa khuyến khích việc sáng tác các thơ văn để có nhiều tác phẩm giá trị. Vì thế, chúng ta cần cố gắng hơn nữa để khỏi hổ thẹn với cha ông và có trách nhiệm nhiều hơn với thế hệ tương lai.

Câu hỏi gợi ý:

- 1. Bạn đã quan tâm thế nào với chữ viết của bạn?*
- 2. Bạn nghĩ mình nên làm gì để cổ vũ cho việc phát triển văn học Công giáo?*

Bài 21

Làm tốt cho đời

Lời mở

Rất nhiều người hiện nay, nhất là các bạn trẻ, nghĩ rằng lao động chỉ xứng đáng nếu nó làm ra được nhiều tiền của vật chất, chỉ có ý nghĩa khi dùng tiền của ấy sắm sửa cho mình nhiều tiện nghi: áo quần, xe cộ, nhà cửa... Người ta đã hiểu lầm lao động khi thấy những cầu thủ

của đội bóng đá quốc gia chỉ chơi vài trận, đã được thưởng hàng tỉ đồng và được báo đài ca tụng như anh hùng của đất nước. Người ta coi thường lao động tay chân hay trí óc, khi nhìn những ca sĩ, diễn viên biến hình thành thần tượng dưới ánh đèn sân khấu đủ màu. Họ chỉ cần hát một bài vài phút, diễn một tiết mục ngắn, cũng nhận được cả trăm triệu đồng, trong khi công nhân hay thầy cô làm việc cả tháng mới kiếm được vài triệu bạc! Nhiều bạn trẻ nghĩ rằng đó mới là những nghề nghiệp đáng cho mình theo đuổi và đó mới là cuộc đời đáng sống! Nhiều người quả thật đã không hiểu được ý nghĩa của lao động.

Vậy lao động là gì? Làm thế nào tìm được nguồn lực để ta làm việc luôn mãi và làm tốt cho đời? Đây mới thật sự là những câu hỏi đáng ta quan tâm.

1. Lao động là gì?

Lao động là hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra các sản phẩm vật chất và tinh thần cho xã hội⁸⁴⁰. Lao động còn được hiểu là việc làm cụ thể hoặc sức người bỏ ra để tạo nên sản phẩm, như khi ta nói: “trả lương theo lao động”, hoặc “nâng cao năng suất lao động”.

Người ta còn phân biệt *người lao động* là người thợ hay người làm công ăn lương, đóng góp lao động và chuyên môn để nỗ lực tạo ra sản phẩm cho người chủ. Người lao động, (ở Việt Nam, theo khoản 1 điều 3 *Bộ luật Lao động* 2012), là người đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động. Người lao động có thể là người:

- Lao động phổ thông, lao động chân tay như công nhân, người thợ, nông dân làm thuê, người giúp việc.
- Lao động trí óc hoặc lao động văn phòng: nhân viên (công chức, tư chức), cán bộ, chuyên gia.

⁸⁴⁰ x. *Từ điển Tiếng Việt* 2013, mục từ *Lao động*, tr.702.

Đối với chính công việc phải làm: người ta cũng phân biệt các loại như lao động giản đơn, phức tạp, lành nghề, cù thể, trừu tượng, làm thuê, nông nghiệp, thặng dư, theo mùa, lao động xã hội cần thiết, lao động xã hội trực tiếp,⁸⁴¹... Những từ chuyên môn này nói lên tính cách phong phú và đa dạng của lao động con người.

2. Lao động trong đời sống hiện nay

Ngay từ lúc con người xuất hiện trên mặt đất, lao động là định luật bắt buộc để bảo tồn sự sống cho muôn loài. Những cây cối, dù to hay nhỏ, đều cố gắng vươn những cành lá ra chỗ có ánh sáng để biến dòng nhựa nguyên, do những chiếc rễ con con mỗi ngày cắm sâu vào lòng đất nước rút ra, thành dòng nhựa luyện nuôi sống toàn thân để đến mùa nở hoa, sinh trái. Những con ong, con kiến cùn cùn làm việc từng ngày mới có thể tồn tại và phát triển bầy đàn. Dù trái đất có cung cấp cho chúng đủ loại nguyên vật liệu, nhưng nếu không cùn cùn lao động, chúng sẽ chết khô, chết đói như những chú ve ca hát suốt cả mùa hè⁸⁴².



Con người thời sơ khai sống theo bộ lạc cũng lao động không ngừng để bảo tồn sự sống. Công việc được phân chia cho mọi người một cách đồng đều để cùng làm cùng hưởng. Ai không làm thì cũng không đáng ăn, đáng sống, đúng như cha ông ta có câu tục ngữ: “*Tay làm hàm nhai*”. Nhờ lao động, con người tách khỏi giới động vật,

⁸⁴¹ x. Từ điển Bách khoa Việt Nam, mục từ *Lao động*, tr.642-645.

⁸⁴² x. Jean de la Fontaine (1621-1695), nhà thơ ngụ ngôn nổi tiếng của Pháp. *Truyện ngụ ngôn con ve và con kiến*.

thực vật, có thể chế ngự được những sức mạnh của thiên nhiên như lấp sông, phá núi, lấn biển, thuần hoá gia súc để phục vụ mình. Nhờ lao động, con người biết chế tạo các công cụ, phát huy khả năng và kiến thức để làm cho đời sống cá nhân được no đủ và xã hội phát triển.

Nhưng khi con người sản xuất ra nhiều hàng hoá và dùng không hết, con người bắt đầu trao đổi sản phẩm, phân chia công việc thành những loại lao động khác nhau. Con người vượt qua xã hội nguyên thủy cùng làm cùng hưởng, sở hữu chung tư liệu sản xuất và sản phẩm để chuyên thành xã hội có sự đối kháng giữa các giai cấp. Giai cấp nào chiếm hữu được nhiều tư liệu sản xuất, có nhiều đất đai, dụng cụ thì sẽ sản xuất được nhiều sản phẩm hàng hoá, trở thành giai cấp hùng mạnh và chi phối giai cấp yếu kém hơn.

Từ đó những loại lao động cần nhiều sức lực thể chất như làm ruộng, làm vườn, chăn nuôi gia súc và những thợ thủ công như thợ may, thợ rèn, thợ mộc... bị đánh giá thấp so với những loại lao động trí óc của những người lãnh đạo, quản lý, dạy học, chữa bệnh, làm các nghi thức tôn giáo... Những người làm việc tinh thần sống nhàn nhã và được trả lương cao hơn, nên người ta coi trọng lao động trí óc hơn lao động chân tay, dù rằng theo sự phân công trong xã hội, cả hai đều cần thiết cho sự phát triển của cộng đồng và đáng lý phải được coi trọng như nhau.

Con người dần dần thích nhàn nhã, “ăn trắng”, “mặc trơn”, và coi thường những người phải làm các ngành nghề vất vả, bần thủ, nguy hiểm như thợ mỏ, người quét dọn vệ sinh. Đôi khi do ảnh hưởng của tôn giáo, người ta còn coi thường một số nghề như giết mổ động vật, phối giống động vật, diệt trừ sâu bọ... vì giới luật cấm sát sinh, phải thánh thiện để xứng với thần linh.

Dù chế độ nô lệ trực tiếp trong những đế quốc như Hy Lạp, La Mã và nhiều đế quốc châu Âu thời Trung cổ đã chấm dứt, nhưng những hình thức buôn người mới vẫn đang tồn tại giữa lòng xã hội văn minh hiện nay. Người ta buôn bán nội tạng như quả tim, quả thận

với giá vài trăm triệu đồng, mà đôi khi những người nghèo khổ liêu mình bán đi để cứu gia đình. Người ta buôn bán thân xác để thoả mãn những bản năng thấp kém của con người bằng cách lừa dối những cô gái, chàng trai nghèo túng bán mình để làm việc trong những nhà hàng, quán bar, quán massage trá hình, hộp đêm... Người ta lừa dối những con người muốn mau chóng làm giàu bằng cách lén lút đưa họ qua những nước Âu, Mỹ giàu có để làm những công việc tay chân vất vả hay những nghề nghiệp nguy hiểm, phạm pháp như trồng cần sa, buôn bán ma túy... khiến nhiều người phải chết oan như người ta tìm thấy 39 thi thể của người Việt chết tức tưởi trong một container để nhập lậu vào Anh quốc ngày 23/10/2019, ở hạt Essex⁸⁴³.

Một số chủ nghĩa đã cố gắng đi tìm ý nghĩa của lao động để giới thiệu những loại hình xã hội không còn cảnh người bóc lột người, hay người buôn người, nhưng ai nấy đều làm việc với tinh thần tự giác, sáng tạo để cùng xây dựng một cộng đồng xã hội thuận hoà. Tuy nhiên, các chủ nghĩa này đều nhận ra rằng không thể nào xây dựng một xã hội lý tưởng, nếu không giáo dục hay đào tạo được những con người hiểu rõ về giá trị lao động, làm chủ được tham vọng, dục vọng, để nhìn nhận mọi người đều là anh chị em của nhau trong đại gia đình nhân loại, hay đều là con cái của Người Cha Tạo Hoá luôn làm việc không ngừng.

3. Vượt qua những lao động bất chính

Khi hiểu lao động là định luật cần thiết để sống còn của con người, chúng ta sẽ cảm nhận được niềm vui và hạnh phúc khi được làm chung với mọi người để thăng tiến sự sống của cá nhân mình và sự phát triển bền vững của cộng đồng xã hội. Do những áp lực của xã hội và thiếu hiểu biết về ý nghĩa của lao động nên nhiều người đã không muốn làm việc hay chỉ làm việc cầm chừng.

Chúng ta đã hiểu rằng hơn 10 thế kỷ sống dưới ách đô hộ của người Trung Quốc đã làm cho người Việt hiểu làm lao động là một hình

⁸⁴³ x. Báo tuoitre.vn, ngày 25/10/201 và ngày 24/10/2020; www.bbc.com, ngày 30/11/2019.

thức khổ sai triền miên và chỉ làm việc cặm chường dưới ánh mắt quan sát của người khác, cũng như sẵn sàng ngưng làm nếu không bị ai theo dõi hay bắt buộc. Hơn nữa, đời sống khó khăn thiếu thốn đã làm cho người ta tìm hết cách để thu lợi từ lao động, mà không thật tâm làm việc vì công ích, vì liên đới với người khác. Kết quả là “trước khi làm việc, ai cũng ngại khó; khi đang làm việc, ai cũng sợ khổ; khi làm xong việc, ai cũng kể công”.

Vì không coi chủ thể và đối tượng lao động là những con người có phẩm giá cao quý, là anh em trong cùng một gia đình nhân loại, nên khi lao động, nhiều người chỉ coi nhau như món hàng để mua bán hay như phương tiện sản xuất ra hàng hoá để thu lợi cho mình. Từ đó ta thấy có nhiều người lao động bất chính, nhiều nghề nghiệp bất lương, sản xuất ra hàng hoá độc hại gây nguy hiểm cho cộng đồng xã hội, gây hại cho mình và làm xấu cuộc đời.

Ngược lại, do tham vọng muốn kiếm được thật nhiều tiền của vật chất nên nhiều người làm việc đầu tắt mặt tối, không biết nghỉ ngơi hoặc ép buộc người khác làm việc cho họ như những tên nô lệ, khiến lao động trở thành loại thần tượng đầy đọa con người.



- Rất nhiều nghề ở Việt Nam hiện nay không còn mang tính cao thượng, tốt đẹp như trước, do con lốc của chủ nghĩa hưởng thụ vật chất, kiếm tìm danh lợi bằng bất cứ giá nào. Không ít bác sĩ khai thác

bệnh nhân bằng những yêu cầu xét nghiệm, siêu âm, giải phẫu, dù không cần thiết. Không ít dược sĩ cố tình bán những loại thuốc giả hay kém chất lượng. Không thiếu giáo sư, giảng viên mua học vị tiến sĩ, thạc sĩ bằng tiền hay chép lại luận văn của người khác để biến thành luận án của mình. Không thiếu thầy giáo, cô giáo cho điểm học trò theo những quà cáp hay bố buộc học thêm trong những lớp dạy kèm ở nhà mình. Không thiếu người tốt nghiệp với những bằng cấp mua được bằng những đồng tiền bất chính... Không thiếu sinh viên, học sinh lười biếng, kém cỏi, nhưng vẫn nhận được điểm xuất sắc nhờ quà cáp hay chiêu chuộng đủ kiểu để lấy lòng thầy cô.

- Cũng từ lòng tham và lòng dục này, nhiều nghề đã trở thành phương tiện để thu lợi bất chính khiến nhiều người dân Việt không biết tin vào ai, dùng hàng hoá nào để cuộc sống an lành. Những nông dân dùng thuốc trừ sâu, diệt cỏ, phân bón độc hại khiến cho nông sản không còn an toàn; những người chăn nuôi dùng hoá chất tăng trọng, thuốc kháng sinh quá liều lượng, những ngư dân dùng hoá chất độc hại ướp cho thủy sản được lâu bền, dù biết rõ những hoá chất này rất nguy hiểm cho sự sống con người và sự phát triển của dân tộc. Họ thật sự “giết người” trước mắt Đấng Tối Cao, nhưng khi chối bỏ Đấng đó, họ chẳng còn sợ ai!

- Một số ngành nghề mới trong lĩnh vực thông tin đại chúng cũng là dịp có thể gây hại cho con người, vì làm vẩn đục tinh thần của những người thụ hưởng. Các phương tiện truyền thông xã hội như truyền thanh, truyền hình, báo chí, internet và các mạng xã hội đang bị lạm dụng⁸⁴⁴. Nhiều người đang hành động gian dối, lừa bịp trong lĩnh vực này khi họ loan báo những tin tức sai lạc, cố ý lèo lái quần chúng theo ý đồ nào đó của các công ty thương mại, khi đưa ra những sản phẩm dối trá, kém chất lượng, cổ vũ bạo lực,

⁸⁴⁴ Theo báo cáo Digital 2020 của We are social, Việt Nam có 96,9 triệu dân; số lượng thuê bao di động là 145,8 triệu thuê bao (chiếm tỷ lệ 150% so với tổng dân số cả nước); số lượng người dùng internet là 68,17 triệu người (chiếm tỷ lệ 70% số dân); số lượng người dùng mạng xã hội là 65 triệu người (chiếm tỷ lệ 67% số dân). Theo Website, webciptop.com, ngày 20/1/2020.

những trò chơi trực tuyến lồng ghép những cảnh dâm ô, những phim ảnh đồi trụy, những kiểu hài hước tục tĩu, thấp hèn, khai thác thông tin về đời sống cá nhân...

- Khi con người tôn thờ tiền bạc như ông chủ của đời mình, như vị thần Tài quyền năng có thể làm được hầu như mọi chuyện (*Có tiền mua tiên cũng được*), thì sẽ có nhiều nghề bất lương. Trong xã hội, chúng ta thấy không thiếu những nghề bất chính như mãi dâm, buôn bán ma túy, bảo kê của xã hội đen, môi giới đủ loại như chạy án giảm thuế, cho vay nóng, buôn bán hàng trộm cắp, in ấn sách báo lậu, làm bằng cấp giả, đòi nợ thuê... Không ít người sẵn sàng đánh đổi cả cuộc đời, dấn mất hết danh dự và làm ô nhục gia đình để theo đuổi những nghề bất lương. Lý do quan trọng dẫn họ tới thái độ sống đó là những suy nghĩ lệch lạc: “*Hãy hưởng thụ cuộc sống bằng bất cứ giá nào!*”.

Vậy gia đình cần dạy dỗ con cháu, chính quyền cần giáo dục người dân như thế nào để biết lao động chân chính? Dựa vào các tiêu chuẩn nào để giúp con người sống lương thiện và làm những nghề lương thiện?

4. Giáo huấn Xã hội của Công giáo về lao động con người

Cuộc xung đột về ý nghĩa của lao động giữa các chủ nghĩa kéo dài hơn một thế kỷ, kể từ khi Karl Marx viết cuốn *Tư bản*⁸⁴⁵. Nhưng cuộc xung đột này tự nó kết thúc vào cuối thế kỷ 20, khi các dân tộc nhận ra rằng chủ nghĩa nào cũng bị giới hạn bởi bối cảnh cụ thể khi chỉ phân tích và nghiên cứu con người lao động theo khía cạnh riêng lẻ chứ không tổng hợp, không toàn diện. Cuối cùng các nước đã đề cao nền kinh tế thị trường như ta thấy hiện nay.

4.1. Lao động trong một nền kinh tế tổng hợp

Trong thực tế, không có một nền kinh tế thị trường nào hoàn toàn tự phát vận hành theo đúng luật thị trường, cũng như không có nền kinh tế nào kế hoạch hoá tập trung hoàn toàn. Thay vào đó, hầu hết

⁸⁴⁵ x. *Das Kapital – Kritik der politischen Oekonomie* (Tư bản - chỉ trích về kinh tế chính trị) do K.Marx viết cuốn I, xuất bản ngày 14/9/1867. Bản thảo của ông được Friedrich Engels sử dụng để xuất bản cuốn thứ 2 (1885) và thứ 3 (1894).

các nước có nền kinh tế hỗn hợp. Mỗi nước sẽ căn cứ vào các yếu tố thị trường để Nhà nước can thiệp nhiều hay ít.

Khi lao động, con người trước hết làm việc cho mình hay cho gia đình mình với tất cả cố gắng sáng tạo, để có những sở hữu bảo đảm cho cuộc sống và tương lai như chủ nghĩa tư bản bảo vệ. Tuy nhiên, con người luôn liên đới với xã hội, với cả cộng đồng nhân loại, nên cũng cần phải điều hoà các quyền lợi cá nhân để tất cả cùng phát triển như chủ nghĩa cộng sản đề cao. Chối bỏ một yếu tố nào của con người toàn diện đều làm cho nền kinh tế sụp đổ như thực tế lịch sử đã minh chứng.

Giáo hội Công giáo đã trình bày học thuyết của mình về lao động con người ở chương 6 của cuốn *Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo*⁸⁴⁶, và trình bày đặc biệt dễ hiểu cho giới trẻ trong chương 6 của cuốn *Docat*⁸⁴⁷, với tựa đề *Nghề nghiệp và ơn gọi*. Chúng ta có thể tóm tắt một số điểm cơ bản sau đây:

4.2. Những nguyên tắc hướng dẫn lao động

Lao động trước tiên là hành động có chủ ý của con người nên phải tuân theo 4 nguyên tắc hướng dẫn hành động mà chúng ta đã tìm hiểu trong bài 13 trước đây: nhân vị, công ích, hỗ trợ và liên đới.

Tuy nhiên, lao động còn là một hành động xã hội cụ thể tạo ra sản phẩm vật chất hay tinh thần cho cộng đồng nên nó còn được quy định bởi một vài nguyên tắc căn bản sau đây:

- *Lao động là lời mời gọi của Thiên Chúa Tạo Hoá cho con người tham gia vào công trình sáng tạo của Ngài*⁸⁴⁸. Ngài đã tạo dựng vũ trụ vạn vật và con người theo hình ảnh Ngài và kêu mời con người lao động trên đất đai⁸⁴⁹, canh tác và chăm sóc vườn Eden mà Thiên Chúa đặt con người vào trong đó⁸⁵⁰ để con người lao động như chính

⁸⁴⁶ x. *TLHTXHCG*, tr.191-230.

⁸⁴⁷ x. *Docat*, tr.136-157, từ câu số 134-157.

⁸⁴⁸ x. St 2.2; G 38-41; Tv 104; Tv 147.

⁸⁴⁹ x. St 2,5-6.

⁸⁵⁰ x. St 2,15.

Thiên Chúa. Vì thế, Đức Giêsu nói với người Do Thái: “Cho đến nay Cha tôi vẫn làm việc thì tôi cũng làm việc”⁸⁵¹.



Như thế, lao động là một phần trong tình trạng nguyên thủy của con người và đã có trước khi con người phạm tội. Do đó, lao động không phải là một hình phạt hay một sự chúc dữ. Lao động chỉ trở thành vất vả và cực nhọc khi con người, qua Adam – Eva, phá vỡ mối quan hệ tin tưởng và hoà thuận với Thiên Chúa⁸⁵², cắt đứt với nguồn sức mạnh, khôn ngoan và tình yêu là Thiên Chúa. Vì thế, con người không còn đủ sức khoẻ để làm việc, không còn khôn ngoan để hành động cho có hiệu quả tốt và không còn tình yêu để thấy lao động là nguồn hạnh phúc vì làm được điều gì đó cho người mình yêu thương. Người đó là chính Thiên Chúa và cũng là những người mình sống với. Như thế lợi nhuận hay tiền của kiếm được từ lao động không phải là mục tiêu số 1 của lao động, nhưng mục tiêu đó là để làm sáng danh Chúa và mưu ích cho con người.

- Lao động là dịp may để thăng tiến con người và phát triển xã hội⁸⁵³. Thiên Chúa dựng nên con người giống Ngài và từng giây phút Ngài ban cho con người sức lực, tài năng, ân sủng và tình yêu. Khi lao động, con người phát huy những ơn lành ấy để thăng tiến bản thân, cải tạo trái đất cho xanh tươi tốt đẹp, phát triển cộng đồng

⁸⁵¹ x. Ga 5,17.

⁸⁵² x. St 3,6-8.

⁸⁵³ x. TLHTXHCG, số 256.

cho giàu mạnh, an lành. Tuy nhiên, khi lao động con người phải luôn biết tự chủ: để không bị lao động cuốn hút mình đến độ chỉ biết công việc, làm nô lệ cho công việc⁸⁵⁴. Vì thế, luật nghỉ ngơi ngày Chủ Nhật giúp cho con người được tự do để không trở thành nô lệ cho lao động, dù là nô lệ tự nguyện hay bị cưỡng bức, cũng như không bị bóc lột, dù là bóc lột kín đáo hay công khai.

- *Lao động với Chúa Giêsu và như Chúa Giêsu là tham gia vào công trình cứu độ của Người*. Đức Giêsu là Ngôi Lời Thiên Chúa. “Bản thân Người sau khi trở nên giống chúng ta mọi sự, đã dành phần lớn năm tháng sống trên đời này để lao động tay chân trên bàn thợ mộc”⁸⁵⁵, tại xưởng của Thánh Giuse⁸⁵⁶. Trong nhiều dụ ngôn, Đức Giêsu dạy chúng ta phải trân trọng lao động⁸⁵⁷, Người nói đến việc người thợ đáng hưởng lương⁸⁵⁸. Chính trong lao động, chúng ta bắt chước Chúa Giêsu mang lấy thập giá hằng ngày của mình và bước theo Người trên con đường sự thật và sự sống để cứu rỗi con người và cứu độ vạn vật⁸⁵⁹.

Trong những năm tháng sống trên trần thế, Đức Giêsu làm việc không ngừng, làm nhiều việc lớn lao để giải thoát con người khỏi bệnh tật, đau khổ và chết chóc⁸⁶⁰. Ngài lao động cả ngày “sabat”, không phải vì nô lệ cho công việc, nhưng muốn xác định lại ý nghĩa nguyên thủy của ngày sabat: “được lập ra cho con người chứ con người không được dựng nên cho ngày sabat”⁸⁶¹. Điều đó muốn nói rằng sabat là ngày giải phóng con người khỏi nô lệ cho công việc, tìm được sự nghỉ ngơi, tìm về nguồn lực lao động là Thiên Chúa và mục đích của lao động là phục vụ Thiên Chúa và tha nhân. Đó cũng là lý do tại sao người tín hữu đến nhà thờ tham dự thánh

⁸⁵⁴ x. *TLHTXHCG*, số 257.

⁸⁵⁵ x. ĐTC Gioan Phaolô II, Thông điệp *Labor exercens* (Lao động con người), số 6, 1981.

⁸⁵⁶ x. Mt 13,55; Mc 6,3.

⁸⁵⁷ x. Mt 25,14-30; 9,37-38.

⁸⁵⁸ x. Lc 10,7.

⁸⁵⁹ x. *TLHTXHCG*, số 263.

⁸⁶⁰ x. *TLHTXHCG*, số 261.

⁸⁶¹ x. Mc 2,27.

lẽ và nhất là rước Mình Máu Chúa Giêsu Kitô để có sức lao động trong tuần sống.

- *Lao động theo những ngành nghề khác nhau nhưng chung một tình yêu nhờ Chúa Thánh Thần.* Đức Giêsu dạy chúng ta điều đó qua dụ ngôn “Những nén bạc”⁸⁶². Chúa giao cho mỗi người những nén bạc khác nhau: người 5, người 2, người 1. Từng người, theo ơn gọi khác nhau, được giao phó những điều kiện vật chất, tài năng tinh thần và ân sủng khác nhau. Ngài mời gọi ta lao động giống như Chúa Giêsu và dưới tác động của Chúa Thánh Thần, chúng ta sẽ làm cho những nén bạc ấy sinh lời cho Chúa, đồng thời tạo nên hạnh phúc và ơn cứu độ cho muôn loài.

Những ngành nghề chính đáng, dù là lao động tay chân hay trí óc, không phải chỉ là sự phân công trong xã hội để mỗi người mỗi việc nhưng còn là một ơn gọi của Thiên Chúa. Không thể tất cả đều làm giám đốc trong một công ty. Không thể mọi người đều làm bác sĩ trong một cộng đồng. Nhưng mọi người đều có chung một bổn phận là làm phát triển chính mình và xã hội, có chung một mục đích là cứu độ thế giới và có chung một động lực là tình yêu của Chúa Thánh Thần.

Dù chỉ là một người phụ nữ lo việc nội trợ, một công nhân làm việc giản đơn trong xí nghiệp, một người thất nghiệp đi bán vé số, thậm chí đi nhặt rác ngoài đường ... nhưng nếu ta làm với tất cả tình yêu dành cho Chúa và cho anh chị em mình, như vậy là đã đủ rồi. Đó là ơn gọi của mỗi người chúng ta. Mỗi người, qua ơn gọi lao động và tài năng Chúa ban, ta đóng góp vào kế hoạch tổng thể là đem tình yêu cứu độ thế giới.

Khi ta đưa tình yêu vào trong từng công việc, qua từng nôi cơm ta nấu, từng chậu quần áo ta giặt, từng bài học, bài làm hay sản phẩm, Thánh Thần Tình yêu sẽ thánh hoá mọi việc. Ngài làm cho chúng trở thành thánh thiện vì được kết hợp với Chúa Giêsu trong công trình cứu độ của Người. Hơn nữa, qua dụ ngôn “Người thợ làm vườn

⁸⁶² x. Mt 25,14-30.

nhỏ”⁸⁶³, Đức Giêsu nhắc nhở ta rằng Thiên Chúa là người chủ rất cảm thông những nỗi khó nhọc, vất vả của ta trong vườn nho cuộc đời. Do tính chất công việc, hoàn cảnh xã hội, điều kiện vật chất và tinh thần mỗi người khác nhau, nên công việc có thể nhàn nhã với người này, và nặng nhọc với người kia. Nhưng vào ngày cuối cuộc đời, tất cả đều lãnh một phần thưởng Nước Trời như là một đồng bạc giống nhau.

Có thể khi so sánh nỗi cực khổ bên ngoài, có người thấy Chúa hình như đối xử bất công với mình vì họ phải chịu đựng gian nan khổ khó hơn nhiều người khác. Tuy nhiên tất cả chúng ta được mời gọi bỏ đi ánh mắt ghen tị đối với anh chị em để nhận ra tình yêu của Cha Trên Trời từng giây phút ban cho ta muôn ơn lành hồn xác và cả trái đất này làm sản nghiệp chung. Ngài còn ban cho ta Người Con Một yêu quý để chết thay cho ta và sống lại vì ta. Ngài cũng ban Thánh Thần Tình Yêu tràn ngập trong trái tim ta, để ta thấy rằng những nỗi cực khổ ở đời này sánh sao được với phần thưởng là đời sống vĩnh hằng của Cha Trên Trời ban đồng đều cho mọi người con của mình. Tuy nhiên, những hy sinh vất vả đó lại là ân huệ Chúa ban để giúp ta gắn bó và nên giống với Chúa Giêsu hơn. Vì thế chúng ta hãy cố gắng làm tốt cho đời!

Lời kết

Chúng ta hãy dâng lên Chúa những công việc đang làm bây giờ và trong suốt cuộc đời để xin Chúa giúp sức, thánh hoá, chúc lành. Xin Chúa Thánh Thần đổ tràn tình yêu vào lòng ta, để mỗi giây phút lao động trên đời, ta đều có ý làm cho sáng danh Chúa và mang lại ích lợi cho muôn loài.

Câu hỏi gợi ý

- 1. Trong các loại hình lao động, loại hình nào cao quý hơn cả?*
- 2. Ngành nghề nào ở Việt Nam hiện nay đang được giới trẻ quan tâm học và hành trong đời sống?*

⁸⁶³ x. Mt 20, 1-16.

3. *Bạn hãy liệt kê những nghề bất chính, bất lương mà bạn biết.*

4. *Nguyên tắc nào là nền tảng trong hành động và căn bản trong lao động của con người?*

Bài 22

Chơi cho khoẻ và đẹp

Lời mở

Người Việt chúng ta cần cù lao động nhưng cũng rất thích vui chơi giải trí, nhất là thời xưa trong những lúc nông nhàn. Ngày nay, nếp sống đô thị với nhiều tiện nghi vật chất như xe cộ, siêu thị, truyền hình, điện thoại, và nhiều trò chơi hiện đại trên các phương tiện truyền thông xã hội, đã khiến người ta ngại vận động, xem thường thể dục, thể thao. Từ đó dẫn đến các vấn đề về sức khoẻ và bệnh tật. Vì thế, ta cần biết chơi cho khoẻ và đẹp.

1. Cách chơi của người xưa

Chơi là hoạt động giải trí hoặc nghỉ ngơi. Vì thế ai cũng thích chơi để phục hồi sức khoẻ thân xác và thư giãn tinh thần. Nhưng nếu không tự chủ được bản thân, chúng ta rất dễ hoang phí thời gian sống hay sa vào những thú vui chơi không lành mạnh, như cha ông vẫn thường dạy bảo: “*ăn tùy nơi, chơi tùy lúc*”.

Trong 1000 năm nô lệ người Tàu, dân Việt phải làm việc quần quật quanh năm, suốt tháng mới kiếm đủ cái ăn, cái mặc và đóng những khoản thuế bất công, nên lúc nào cũng mơ ước được nghỉ ngơi, nhàn nhã.

Xong giờ lao động bó buộc, họ lao vào các trò vui, nhưng vẫn sợ bị mang tiếng là lười biếng, chơi bời, nên khi chơi họ cũng không thoải mái. Nhiều trẻ em hay sinh viên giả vờ học hành, nhưng dưới gầm bàn vẫn mở sẵn cuốn truyện đọc lén. Nhiều người lớn ngồi làm việc có vẻ chăm chú nhìn vào màn hình, nhưng máy vi tính vẫn đang mở trò chơi trực tuyến (game online). Thái độ sống nửa vời này cần phải thay đổi để biết phân chia thời gian: khi chơi thì hết sức và làm việc cũng hết mình.

Thời xưa, những trò chơi dân gian trong các làng quê luôn bắt người chơi phải vận động. Trẻ nam thường chơi đánh khăng, đánh bi, đánh đáo, đá cầu, thả diều, ném pháo đất. Trẻ nữ chơi nhảy dây, đánh chuyền, nhặt đũa, nhảy lò cò, ô ăn quan. Nam nữ có thể chơi chung nhiều trò cộng đồng như trốn tìm, bịt mắt bắt dê, thiên đàng địa ngục. Người lớn, tùy theo vùng có nhiều sông nước, có thể đua thuyền, bơi lội, múa rối nước, bắt vịt ở ao, đi câu ao lầy thưởng. Trên vùng đất bằng người ta chơi ném vòng, ném còn, đánh đu hoặc các trò chơi rèn luyện sức khoẻ như kéo co, đô vật, bắn cung, cưỡi ngựa, cày xe trâu, đua xe bò... Nhiều trò chơi mang tính lễ hội địa phương, hài hước như Trò Chặt ở thôn Thiết Định, xã Định Tường, tỉnh Thanh Hoá; Trò Gái Dại, Trò Ngô, Trò Nhại, Trò Nhời, tiền thân của nghệ thuật truyền thống như chèo, tuồng. Nhiều trò múa rối nước có chủ đề như Chú Tiều Đánh Trống, Rùa Vàng là tiền thân của ca, kịch⁸⁶⁴.



Người có trình độ văn hoá cao có thể chọn nhiều thú vui truyền thống của người Trung Quốc như chơi đàn, đánh cờ, làm thơ, vẽ tranh (cầm - kỳ - thi - hoạ) hay mở rộng thêm các thú chơi có vẻ hưởng thụ cá nhân hơn như đọc sách (thư), uống trà (trà), chăm sóc cây cảnh (hoa), thưởng thức các loại rượu (tửu). Các thú chơi này phát triển thành các bộ môn văn hoá, nghệ thuật, thể thao.

Nhiều dân tộc ở các nơi khác trên thế giới cũng chơi các trò tương tự như ở Việt Nam vì họ ý thức được tầm quan trọng của vận động trong việc giáo dục cá nhân và nối kết con người qua các trò chơi

⁸⁶⁴ x. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, q. IV, Mục từ *Trò Chơi*, tr. 597-600.

trong cộng đồng. Mỗi dân tộc có những cách chơi khác nhau, nhưng đều nhằm chung một mục đích là làm cho con người thoát khỏi những ưu tư, căng thẳng của công việc hằng ngày để thể xác và tinh thần được thư giãn, an vui.

Do đó, những trò chơi và thi đấu thể thao xuất hiện rất sớm ở Hy Lạp, ngay từ năm 776 trước Công nguyên, hướng đến những thần linh trên ngọn núi Olympia, cho đến khi bị hoàng đế La Mã Theodosius I cấm đoán vào năm 394. Đó là tiền thân của các thể vận hội Olympic do nam tước Pierre Frédy de Coubertin, người Pháp, tổ chức lại từ năm 1896 ở Athens, Hy Lạp. Nhiều dân tộc cử đoàn vận động viên đại biểu đến Hy Lạp thi đấu, tranh tài. Các môn thi đấu thời đó là đi bộ, đô vật tự do, đua ngựa và 5 môn điền kinh phối hợp: vật, ném đĩa, phóng lao, nhảy xa, chạy nước rút⁸⁶⁵.

2. Cách chơi của người thời nay

Từ đầu thế kỷ XIX, các khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn phát triển, giúp con người ý thức được tầm quan trọng của vận động cần thiết cho sức khỏe toàn diện và sự phát triển cộng đồng. Nhiều quốc gia thành lập bộ văn hoá - thể dục - thể thao để tổ chức và quản lý các hoạt động vui chơi giải trí. Nhiều trò vui được phát triển thành các bộ môn nghệ thuật có giá trị văn hoá cao như âm nhạc, hội hoạ, kịch nghệ, phim ảnh. Nhiều trò chơi được phát triển thành các bộ môn thể dục và thể thao.

Thể dục là hệ thống các bài luyện tập được lựa chọn cách chuyên biệt để tăng cường sức khỏe, phát triển cơ thể hài hoà. Thể thao là những hoạt động nhằm nâng cao thể lực con người, thường được tổ chức thành hình thức các trò chơi, thi đấu theo những luật lệ và quy tắc nhất định. Người ta chia thành thể dục thể thao trường học và quần chúng.

Các trường học thường huấn luyện thể dục cơ bản cho học sinh để phát triển toàn diện cơ thể, hình thành các tư thế đúng như đi đứng, ngồi nằm, chạy nhảy, nhào lộn, thăng bằng, vượt chướng ngại vật

⁸⁶⁵ x. <https://meta.vn/huong-dan/tong-hop/the-van-hoi-olympic-games-dau-tien-9725>.

để phát triển tố chất và năng lực vận động. Nhiều bài tập có tính nghệ thuật, sử dụng nhạc đệm, vũ đạo nhằm nâng cao tính thẩm mỹ của động tác và khả năng biểu cảm. Các bài tập này giáo dục tinh thần tập thể, ý thức đồng đội, tính kỷ luật, chấp hành điều lệnh thông qua việc luyện tập đội hình.

Các môn thể thao đều được quy định bởi các luật lệ riêng, phù hợp với từng tính chất hoạt động và đều được các cơ quan tổ chức quản lý một cách có hiệu quả, có quy mô tổ chức nhằm đảm bảo các kết quả công bằng. Các sự kiện thể thao như liên ngành, liên tỉnh, quốc gia, khu vực, quốc tế thường được truyền tải qua các phương tiện truyền thông xã hội để thông tin và khích lệ người tham gia.

Tuy nhiên, nhiều trò chơi và giải trí hiện nay lại tạo nên thói quen lười vận động. Người ta không cần phải đến rạp chiếu phim, sân khấu, phòng hoà nhạc, mà chỉ cần tốn một vài phút là có thể tải về máy tính và ngồi thành thoi ở nhà để thưởng thức các cuốn phim nổi tiếng, bộ phim truyền hình nhiều tập, trò chơi trực tuyến đủ loại với người cùng chơi ở khắp thế giới, bản nhạc mình ưa thích được ca sĩ hát đi hát lại cho riêng mình nghe.



Người chơi bây giờ không còn phải mất giờ, tốn công đến sân vận động, tìm bạn để chơi cờ vua, cờ tướng, cờ carô, mà chỉ cần nhập vào máy tính dữ liệu của loại cờ mình thích là có thể chơi suốt ngày đêm với đủ các trình độ cao thấp khác nhau. Họ cũng có thể chọn hàng ngàn trò chơi các loại, từ chiến tranh, bạo lực, võ thuật, thể

thao cho đến những trò chơi ăn tiền như cá độ bóng đá hay các trò chơi thoả mãn dục vọng thấp hèn.

Các trò chơi loại này làm cho tâm trí không còn thư giãn, mà bị cuốn hút theo những khát vọng muốn chiến thắng, muốn trở thành anh hùng, muốn kiếm được nhiều tiền, hoặc chiều theo dục vọng để thoả mãn các ẩn ức sinh lý. Người chơi trở thành con nghiện, bị lệ thuộc đến độ xem hay chơi suốt ngày đêm, bỏ ăn, bỏ ngủ, có khi ngất xỉu hoặc gục chết bên máy tính.

Ai đã từng nghiện trò chơi trực tuyến hay phim đời thực đều thấy rằng mình đã tiêu phí cả 1000 giờ của đời sống mà chẳng đạt được hiệu quả hữu ích nào. Nếu đầu tư số giờ ấy vào việc học hành hay công trình nào đó, chắc hẳn người ta đã thu được nhiều điều hữu ích. Hàng ngàn bộ phim hay trò chơi đó chỉ là ít cử điệu lặp đi lặp lại mà ta thừa biết, thế nhưng tại sao ta vẫn mê muội và thích thú kiếm tìm. Đó là vì chúng đáp ứng được những đòi hỏi thấp hèn của ta. Hơn nữa, vì quỷ dữ tà ma là loại tinh thần vô hình, chúng lợi dụng các dữ liệu ta có trong tâm trí để thôi thúc, cám dỗ ta đi vào những trò chơi đời bại, nguy hiểm hơn.

Do đó, thay vì giải toả tâm trí cho khỏi những căng thẳng của việc học hành, lao động, người chơi làm cho tâm trí mình thêm nặng nề và hưng phấn hơn vì nhồi nhét vào trí não hàng trăm ngàn hình ảnh, với hàng tỉ dữ liệu về màu sắc, âm thanh, cảm xúc, ngữ nghĩa. Hậu quả là các vùng não xám trong vỏ não và vùng não trắng dành cho bộ nhớ của họ hoạt động quá tải, các dữ liệu chứa trong đó bị hỗn độn, do không có thời giờ ngủ nghỉ để sắp xếp các dữ liệu và không vận động để lưu thông khí huyết. Họ làm cho mình trở thành yếu đuối và xấu xí hơn cả về thể xác lẫn tinh thần.

3. Các loại vận động cần cho sức khỏe toàn diện

Vận động, theo cách hiểu thông thường, là thay đổi tư thế (đi đứng, nằm ngồi, chạy nhảy), vị trí thân thể (chạy trên đường, bơi trên sông, đi trong rừng) hay bộ phận thân thể (vỗ tay, bóp chân, xoa đầu, xoay cổ), có tác dụng bảo vệ và tăng cường sức khỏe.

Ta có thể chia vận động thành 2 loại:

- *Vận động tự thân*: chủ thể tự ý thực hiện các động tác của thân thể mình. Ví dụ: chúng ta tự tay xoa bóp các chỗ đau, tập các bài thể dục, chơi bóng bàn, cầu lông...

- *Vận động ngoại lực*: chủ thể vận động nhờ lực tác động từ bên ngoài của người khác hay các dụng cụ. Ví dụ: chúng ta đến phòng massage cho nhân viên xoa bóp, hay chạy các máy rung cơ, máy massage làm tan mỡ bụng, ngồi các ghế massage rung toàn thân hay từng bộ phận. Cạo gió cũng là một cách massage nhưng mạnh tay nên có thể làm da bị tổn thương và vỡ các mao mạch.

Nhiều người hiểu lầm vận động ngoại lực có thể thay thế cho vận động tự thân nên đã trang bị dụng cụ, máy móc hoặc đi massage hằng tuần. Đối với những trẻ em, người già yếu, bệnh nhân bị tê liệt, nằm yên một chỗ, chúng ta có thể sử dụng cách vận động ngoại lực để giúp cho khí huyết của họ lưu thông. Còn bình thường, chính chúng ta phải tự thân vận động.

Thân thể ta có khoảng 600 cơ. “Khi luyện tập mạnh, các sợi cơ sẽ đáp lại bằng cách nở lớn ra. Ngược lại, nếu cơ không được sử dụng chỉ trong vài tháng, nó sẽ bắt đầu bị hao mòn. Ta gọi đó là hiện tượng teo cơ. Do đó, hoạt động thể lực cần để duy trì khối cơ”⁸⁶⁶.

Khi vận động, không phải chỉ có các cơ bắp mà toàn thân chuyển động. Cơ thể con người với hàng tỉ tế bào hợp thành các mô, các cơ quan, rồi thành 11 hệ cơ quan chính. Không hệ nào làm việc riêng rẽ, nhưng liên kết chặt chẽ và tác động qua lại với nhau, để tạo nên một cơ thể sống động và hợp nhất. Vì thế, mỗi vận động của cơ thể đều có thể tác động và ảnh hưởng đến toàn thân.

Khi ta vận động, ngoài các lệnh thần kinh từ bộ não trung ương truyền đến, các cơ, bộ não và hệ cơ xương khớp sẽ được nuôi dưỡng nhờ máu vận chuyển khí và chất bổ dưỡng do phổi và tim vận hành. Chất bổ dưỡng này lại được hệ tiêu hoá lấy ra từ thực phẩm, nước uống, rồi chuyển vào máu, đồng thời loại những chất thừa thải, cặn bã ra khỏi cơ thể qua hệ bài tiết và bảo vệ sức khỏe ổn định bằng hệ

⁸⁶⁶ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.055.

nội tiết và hệ miễn dịch. Như thế, dù chỉ một vài vận động nhỏ, hàng tỉ tế bào trong các hệ cơ quan được vận hành. Trái lại, vận động ngoại lực chỉ tác động phần nào đến một vài bộ phận cơ thể mà không có sự chủ động của hệ thần kinh vận động. Đó chính là sự khác biệt lớn lao giữa việc vận động tự thân và vận động ngoại lực.

Đời sống tiện nghi hiện nay thường làm cho ta ngại vận động. Chúng ta sống trong các căn phòng nhỏ hẹp ở thành thị nên thường ngồi yên một chỗ và ít đi lại. Hơn nữa do tính cách công việc đòi hỏi hiệu suất cao nên tâm trí ta rất tập trung khi làm việc, không muốn mất thời giờ di chuyển, đứng lên hay ngồi xuống, thậm chí không nghĩ đến việc ngừng ít phút để giải lao, thở hít dài hơi vài cái cho thần kinh bớt căng thẳng. Ra đường để di chuyển, dù gần hay xa, ta dùng xe máy hay xe hơi, ít khi đi bộ hay xe đạp như trước. Đến trường học, vào các thương xá, siêu thị, công ty, ta thường dùng thang máy hay thang cuốn cho khoẻ thay vì đi bộ, leo cầu thang như trước đây.

Nếp sống tiện nghi, thiếu vận động thể dục và thể thao là đầu mối của nhiều vấn đề về sức khoẻ như: béo phì, các bệnh tim mạch, cholesterol cao và bệnh tiểu đường,... Sách báo y khoa đều nói đến lợi ích của vận động, thể dục, thể thao đối với sức khoẻ là làm cho ta khoẻ và đẹp.

Trước đây, người ta thường hiểu sức khoẻ chỉ thuộc về thân xác nên mang tính thể lý. Nhưng hiện nay ta nên hiểu *sức khoẻ toàn diện* phải bao gồm 4 yếu tố: thể lý, tâm thần, tâm lý và tâm linh, dù yếu tố cuối cùng chưa có sự đồng thuận cao.

Trong kinh nghiệm chữa trị hàng ngàn bệnh nhân, chúng tôi đã gặp các người nhưc đầu vì cảm sốt do đi nắng, đi mưa (thể lý). Có người nhưc đầu vì vận dụng bộ não quá đáng, như chơi trò chơi trực tuyến trong nhiều giờ liên tục hay học bài thi, làm bài thi suốt buổi (tâm thần). Có phụ nữ lại nhưc đầu như búa bổ vì nghi ngờ chồng ngoại tình và hết ngay nhưc đầu khi giải toả được mối nghi ngờ mà không cần đến một viên thuốc (tâm lý). Có người lại nhưc đầu kinh khủng chỉ từ 1-2 giờ sáng và tự dung nổi giận, chửi bới bạn trai ngay trong nhà hàng. Khi gặp chúng tôi lại khóc như mưa và xưng tên của đứa con bị phá thai 7 năm về trước. Sau khi xưng tội và nói lời xin lỗi,

làm hoà với con, từ đó đến nay bệnh nhân hết ngay chứng nhức đầu và nổi giận vô cớ do đứa con không muốn mẹ nó bỏ người cha để quen bạn trai mới (tâm linh).

Chúng tôi đã tìm hiểu thêm về sức khoẻ toàn diện này trong chuyến tham quan học hỏi về chữa trị tâm lý ở Đức năm 2012, trong những bệnh viện hiện đại như bệnh viện chuyên khoa Berolina ở vùng Lohne Bad Oeynhausen. Khi ta hiểu con người là một tổng hợp vô cùng phức tạp và kỳ diệu gồm thể xác và tinh thần, ta sẽ hiểu ngay được sức khoẻ toàn diện con người đòi hỏi những vận động cần thiết cho cả hai yếu tố đó như thế nào.

Ngoài những vận động thể lý qua thể dục thể thao và vận động tâm thần như suy nghĩ, tưởng tượng, chơi cờ, chơi đàn, vẽ tranh, ta cần phải vận động tâm lý bằng cách giữ cho các cảm xúc, cảm tình luôn tích cực, trong sáng và thực hành các vận động tâm linh như tự kiểm, sám hối, cầu nguyện, tĩnh tâm, hiệp thông với các thánh nhân, cầu nguyện cho người đã khuất và gắn bó với Thiên Chúa. Các loại vận động này đều có thể hoà hợp với nhau và đóng góp vào sức khoẻ toàn diện con người.



4. Ích lợi của vận động

Chúng ta muốn nói đến một số ích lợi của vận động trong hoạt động thể dục, thể thao qua mấy điểm chính sau đây:

4.1. Vận động tự thân

- Nhờ vận động cơ thể qua các bài tập thể dục, chơi thể thao, kết hợp với việc thở, ta sẽ làm cho hệ tim mạch được cải thiện, giảm nguy cơ mắc các bệnh về tim mạch, giúp điều hoà nhịp tim, huyết áp, giảm nguy cơ tai biến mạch máu não, rối loạn tiền đình do thiếu khí trong máu hay thiếu máu lên não. Chúng ta có thể xoa nhẹ vùng ngực, vừa xoa vừa thở sâu để kích thích các huyết đạo chi phối khí huyết. Ta cũng có thể dùng ngón tay day nhẹ vùng dưới đầu vú trái khoảng 1cm để điều hoà nhịp tim.

- Ta dùng các ngón tay hay lòng bàn tay xoa nhẹ 3 đường máu ngoại biên vùng mặt để dẫn máu lên não, các mạch máu nội sọ ở các đốt sống cổ từ C1-C4, xoa nhẹ các phần vỏ não và tiểu não. Kết quả là bộ não làm việc hiệu quả hơn. Ta sẽ cảm thấy khoẻ mạnh, thông minh, bình tĩnh, tươi đẹp hơn vì nhiều bệnh tật có thể tự động hoá giải nhờ có lệnh thần kinh làm chuyển động toàn thân.

- Nhờ kết hợp với việc ăn uống điều độ, các vận động như chạy nhảy, đi bộ, thể dục, thể thao thường xuyên sẽ làm cho hệ cơ xương khớp được vận hành ổn định, các cơ bắp dẻo dai, săn chắc, làm tiêu mỡ, giảm *cholesterol xấu (LDL)*, giảm chất béo xấu (*triglyceride*), tăng *cholesterol tốt (HDL)*, làm tăng sự tiêu thụ đường glucose trong máu nơi các tế bào, tránh được các bệnh tiểu đường, gan nhiễm mỡ, các bệnh đường ruột, ngừa được chứng loãng xương và giảm nguy cơ xuất hiện một số bệnh ung thư như ở tiền liệt tuyến, tử cung và vú.

- Chúng ta cũng xoa nhẹ các mạch máu ở cổ, nách và háng, thường bị chèn ép bởi các hạch bạch huyết phình to ra để sản xuất thêm nhiều bạch cầu nhằm bao vây các vi trùng, vi khuẩn, virus xâm nhập cơ thể. Việc chèn ép này làm máu không đủ nuôi các cơ và dây thần kinh nên tay chân bị lạnh, tê cứng và lượng máu lên não kém. Đây là nguyên nhân gây nên nhiều bệnh tật như mệt mỏi, đau đầu, giảm trí nhớ, rụng tóc, không muốn vận động, trầm cảm, rối loạn tiền đình, tâm thần phân liệt, tâm thần hoang tưởng... là các triệu chứng hậu Covid 19 của nhiều người bị nhiễm virus hay từng chích vaccine.

- Việc vận động và tập thể dục thường xuyên giúp tinh thần bớt căng thẳng, bớt tình trạng trầm cảm, chán đời, nhất là khi ta đổ nhiều mồ hôi, sẽ khiến não tiết ra chất serotonin và dopamine. Hai chất này giúp ta bớt phiền muộn và trở nên yêu đời, tự tin, hưng phấn. Sự gia tăng chất dopamine trong não còn có khả năng giúp phòng ngừa bệnh Parkinson. Sau buổi tập thể dục như thế, não còn tiết ra chất beta-endorphin. Đây là thứ morphin thiên nhiên, giúp chúng ta bớt đau nhức, giảm mệt và cùng với chất serotonin tạo nên cảm giác sảng khoái, khoẻ khoắn⁸⁶⁷.

- Ta cũng có thể *tập mấy thế thể dục* sau đây để tăng cường sức khoẻ. Thế thứ nhất: nằm thẳng trên giường hay trên nền nhà bằng phẳng, hai bàn tay đan vào nhau, đặt sau gáy, nâng đầu hơi cao một chút, hai chân vừa đạp từ từ như đạp xe đạp, vừa hít vào thở ra dài hơi. Thế tập này sẽ làm khoẻ chân, tiêu mỡ bụng, làm cho các cơ bụng vận chuyển, bộ phận tiêu hoá, bài tiết, sinh dục sẽ khoẻ mạnh hơn. Thế tập thứ hai, cũng nằm ngửa, tay giữ đầu như thế thứ nhất, gờ thẳng hai chân lên cao, hít vào từ từ bằng mũi, sau đó từ từ hạ chân xuống, vừa thở ra bằng miệng. Thế tập này kéo thẳng các cơ và dây thần kinh dọc theo chân, làm chuyển động các dây thần kinh ở lưng, hông, xuống tới các đầu ngón chân.

Thế tập thứ ba: nằm thẳng, hai tay kéo hai đầu gối áp sát bụng, vừa kéo vừa hít vào. Sau đó vừa từ từ duỗi chân thẳng ra, vừa thở ra bằng miệng. Thế tập này làm khoẻ chân, khoẻ đầu gối, kéo dẫn các cơ và các dây thần kinh ở sống lưng giúp cho lưng thẳng, không đau nhức. Thế tập thứ tư: nằm sấp, mở hai bàn tay đặt ngang vai, đặt úp xuống nền, khuỷu tay sát hông, đầu thẳng, từ từ nâng nửa thân trên lên cao, bụng vẫn áp sát xuống nền, cong xương sống và ngửa cổ ra sau vừa làm vừa hít vào bằng mũi. Sau đó hạ người dần xuống tư thế ban đầu, vừa thở ra bằng miệng. Tư thế này giống với thế tập “rắn hổ mang” (cobra) của Hatha Yoga. Tư thế này kéo dẫn các đốt sống cổ và lưng, các thần kinh liên sườn, kéo dẫn lồng ngực, làm khoẻ tim, phổi.

⁸⁶⁷ x. advite.com, bài *Vận động để được khoẻ* của Nguyễn Thượng Chánh.

Mỗi ngày ta dành chừng 10-15 phút tập các động tác này, kèm thêm việc chạy tại chỗ, chạy từ từ. Vừa chạy vừa hít vào thở ra thật mạnh, 3 bước chân hít vào, 3 bước chân thở ra, để làm cho tất cả các cơ bắp trong người chuyển động. Ta sẽ làm tiêu các chất mỡ, chất đường dư thừa trong người, tạo được một sức khoẻ dẻo dai và làm cho tim mạch được điều hoà.

4.2. Vận động ngoại lực

Đối với một số người không thể tự mình vận động như bệnh nhân, trẻ em, người già, ta có thể giúp họ vận động bằng cách xoa bóp.

Khi giúp bệnh nhân, chúng tôi gặp nhiều người bị đau ở vùng cổ dẫn đến cánh tay và bàn tay tê cứng; hoặc đau ở vùng thắt lưng khiến cho đôi chân bước đi khó khăn, tê bại và rất nhiều các loại bệnh khác trong cơ thể. Tìm hiểu quá trình dẫn đến các triệu chứng này, chúng tôi được biết người bệnh đã từng gặp tai nạn xe, bị té ngã, hoặc do vận động không đúng tư thế khi vác nặng, hay ngồi lâu trước màn hình tivi, vi tính đặt quá cao hoặc quá thấp, nằm quá lâu trong đệm với tư thế không thẳng trên tấm nệm quá mềm... Xem hình chụp X-quang cột sống, chúng tôi thấy đĩa đệm ở các đốt sống bị lệch ra khỏi vị trí và chèn dây thần kinh ở đốt sống gây nên đau nhức. Y khoa gọi triệu chứng này là "thoát vị đĩa đệm".

Hướng điều trị hiện nay thường là bác sĩ cho dùng các thuốc giảm đau. Khi uống thuốc vào bệnh nhân không còn cảm thấy đau nhức, nhưng khi ngưng thuốc lại cảm thấy đau và đau hơn vì thật ra đĩa đệm vẫn còn bị lệch ra ngoài và chèn dây thần kinh. Khi nào bệnh nặng, người ta mới quyết định mổ cột sống để thay đốt sống hay đĩa đệm. Mỗi ca mổ như thế làm cho bệnh nhân tốn nhiều thời giờ, sức khoẻ, tiền bạc và nằm bất động nhiều ngày.

Trong cách chữa dân gian hiện nay, trừ trường hợp cột sống bị gãy dập tổn thương nặng, người ta có thể nắn khớp tay chân hay cột sống rất nhanh bằng vài động tác. Tôi còn nhớ cách đây 50 năm, khi học võ Hiệp khí đạo (Aikido), các võ sinh chúng tôi phải lao mình qua các chướng ngại vật, hoặc dùng những đòn nâng bổng đối thủ và quật xuống nền sân tập. Nhiều võ sinh đã bị trật khớp cổ hay khớp

lưng, nằm bất động trên sàn tập khi tiếp đất không đúng thế. Võ sư chỉ cần đặt võ sinh nằm ngửa hay nằm sấp, kéo nhẹ cổ, tay, chân một cái là hết đau và võ sinh lại tập luyện như thường. Nếu đưa vào nhà thương chắc phải chữa trị lâu ngày.

Điều này thôi thúc chúng tôi nghiên cứu về cột sống, hệ thần kinh, hệ tuần hoàn, hệ bạch huyết và sinh lý y khoa, hình thành nên *phương pháp xoa bóp để chữa một số bệnh thông thường*. Trong vòng 20 năm qua, chúng tôi đã chữa cho hơn 10.000 bệnh nhân.

Chúng tôi thấy rằng bộ não và những đường dây thần kinh chạy dọc theo cột sống dẫn đến từng cơ quan là rất quan trọng. Nhiều bệnh như đau tim, khó thở, ăn khó tiêu, trào ngược dạ dày, đau gan, đau thận, đau ruột, không giữ được đường tiêu, ... có thể không phải do các cơ quan đó bị tổn thương như một số bác sĩ cho thuốc để chữa trị trực tiếp, nhưng do đường thần kinh dẫn lệnh từ não đến các cơ quan đó bị ngăn chặn vì thoát vị đĩa đệm. Giải phóng được sự ngăn chặn này, người bệnh sẽ phục hồi sức khỏe mau chóng.



Nếu nhìn kỹ những dây thần kinh ở mỗi đốt sống trong hệ thần kinh⁸⁶⁸ từ cổ đến xương cụt, ta sẽ khám phá ra các dây thần kinh

⁸⁶⁸ Các hình ảnh minh họa trong phần này được trích trong cuốn *Atlas Giải phẫu Người* của Frank H. Netter, MD., được GS. BS. Nguyễn Quang Quyền dịch sang tiếng Việt với sự cộng tác của PTS. Phạm Đăng Diệu, do Nhà Xuất bản Y Học ấn hành năm 1999.

vận động, cảm giác, thần kinh tự chủ ở đốt sống nào, do đĩa đệm nào chèn ép, dẫn đến cơ quan nào để có thể xoa nắn, phục hồi cho bệnh nhân. Chúng tôi dùng tay xoa các vùng vỏ não và các đốt sống cổ như đã trình bày ở phần vận động tự thân. Sau đó dùng các kỹ thuật xoa nắn trên phần lưng của bệnh nhân, kéo giãn các đốt sống cổ, đốt sống lưng và đẩy các đĩa đệm vào đúng vị trí. Cuối cùng, kiểm tra bằng một vài động tác thể dục xem các đốt sống và đĩa đệm có vận hành đúng không. Chúng tôi đã chia sẻ kỹ thuật này cho nhiều người.

Nhiều bệnh nhân, sau khi được chữa trị trong vòng 30-45 phút, thấy mình đi được, chạy được, hết co thắt ở ngực, hồi hộp ở tim, đau nhức ở lưng, tê cứng ở tay chân, co thắt ở dạ dày... Họ tưởng như nhận được phép lạ sau khi chữa ở nhiều bệnh viện không khỏi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng đây chưa phải là một phương pháp khoa học đã được nghiên cứu kỹ lưỡng, mà chỉ là một ít kinh nghiệm trong đời sống thực tế để chia sẻ cho những ai quan tâm. Chúng tôi hy vọng có những nhà chuyên môn nghiên cứu sâu xa hơn để sửa chữa những thiếu sót của phương pháp này.

5. Thái độ của Công giáo đối với vận động, thể dục, thể thao

5.1. Hiện trạng

Ở Việt Nam, nhiều tín hữu Công giáo, nhất là linh mục, tu sĩ, ít quan tâm đến thể dục thể thao (TDTT) dù Công đồng Vaticanô II đã nhắc nhở: "Thể dục và các hoạt động thể thao giúp chúng ta giữ được quân bình trong tâm hồn của mỗi cá nhân cũng như của xã hội, và giúp chúng ta thiết lập được các mối tương quan huynh đệ giữa mọi người không phân biệt giai cấp, quốc gia hay chủng tộc. Vì thế, các Kitô hữu phải cộng tác vào việc đem tinh thần nhân bản và Kitô giáo thấm nhuần các sinh hoạt văn hoá tập thể, là những sinh hoạt đặc biệt của thời đại chúng ta"⁸⁶⁹.

Ngoại trừ 10 đại chủng viện và ít dòng tu nam có sân chơi thể thao hay phòng tập thể dục cho các tu sinh đang được đào tạo, hầu hết

⁸⁶⁹ CĐ Vat. II, *Gaudium et Spes*, số 61.

các cơ sở khác, nhất là dòng tu nữ, đều không tạo điều kiện cho các tu sĩ luyện tập TDDT. Nhiều tu viện có diện tích đất khá rộng, nhưng vẫn để đất trống làm vườn hoa, trồng cây cảnh, trong khi người trẻ cần vận động lại thiếu sân chơi. Một số xứ đạo có đất trống lại bỏ hoang thay vì biến thành sân chơi, hay có các phòng sinh hoạt giáo lý để không trong tuần, lại không dùng để tạo cho thanh thiếu niên có chỗ chơi cầu lông, bóng bàn, cờ vua, cờ tướng,...



Hậu quả của việc không sinh hoạt TDDT thể hiện rõ qua hình thể bên ngoài của nhiều linh mục, tu sĩ. Họ không còn gọn gàng, động tác kém nhanh nhẹn, sức khỏe suy yếu và mang nhiều bệnh tật. Đó là chưa kể đến những căng thẳng trong đời sống chung hay những dồn nén sinh lý, vì không được hoá giải nhờ hoạt động TDDT, nên một ít người đã mắc chứng thủ dâm, đồng tính luyến ái, nghiện trò chơi trực tuyến hay phim ảnh đồi trụy.

Trong khi đó, xã hội hiện nay tôn vinh những vận động viên TDDT như những anh hùng của đất nước trong các cuộc tranh tài châu lục hay thế giới hoặc giới trẻ tôn vinh những vận động viên nổi tiếng như những thần tượng. Giới trẻ dần dần xa nhà thờ, xa các lễ nghi tôn giáo vì thấy đạo cách biệt hẳn với đời. Lịch sử văn minh nhân loại đã minh chứng sức thu hút của tôn giáo, khi các môn thể thao được tổ chức cho cộng đồng xã hội qua nền văn minh Hy Lạp. Còn ở châu Á, các nhà sư phái Thiếu Lâm, các ni cô phái Nga Mi, phái Hằng Sơn ở Trung Hoa tập võ thuật để vừa rèn luyện thân thể vừa

hoạt động cứu đời, là những thí dụ điển hình của hoạt động TĐTT. Vậy tại sao Công giáo lại thờ ơ với TĐTT?

5.2. Nguyên nhân Công giáo thờ ơ với TĐTT

Tình trạng này bắt nguồn từ việc những người lãnh đạo Công giáo chưa ý thức được tầm quan trọng của TĐTT trong việc huấn luyện một nền nhân bản toàn diện cho con người, cũng như giá trị của hoạt động TĐTT trong đời sống. Công đồng Vaticanô II cũng nhắc nhở rằng: “Những phương tiện như TĐTT sẽ không đem lại một nền văn hoá giáo dục toàn diện cho con người, nếu đồng thời con người không tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của văn hoá và khoa học về thể dục và thể thao đối với con người”⁸⁷⁰.

Hơn nữa, tình trạng thiếu sinh hoạt TĐTT trong giới Công giáo hiện nay cũng là tình trạng chung của cộng đồng xã hội ở Việt Nam. Đời sống kinh tế quốc dân còn nghèo, nên việc xây dựng các sân vận động để tạo điều kiện cho dân chúng chơi thể thao hay tập thể dục bị coi là một nhu cầu chưa cần thiết đối với cộng đồng, vì nhiều nhu cầu khác đáng quan tâm hơn.

Thật ra, việc ít hoạt động TĐTT không bắt nguồn từ việc thiếu phương tiện như sân bãi, dụng cụ TĐTT, vì các cộng đồng có thể xây dựng hay mua sắm được, mà bắt nguồn từ việc không nhận ra tầm quan trọng của TĐTT trong đời sống cá nhân và tập thể, trong sinh hoạt hằng ngày cũng như hoạt động truyền giáo. Đây cũng là một sự lầm lẫn quan trọng trong công tác giáo dục và đào tạo con người, vì lĩnh vực thể chất được coi như nền tảng để xây dựng và phát triển ba lĩnh vực khác là tri thức, đạo đức và mục vụ. Vì thế, cách ngôn người Rôma từ ngàn xưa đã có câu: “Hồn lành trong xác mạnh” (*Mens sana in corpore sano*).

Nhiều tín hữu vẫn còn giữ quan niệm *Nhị Nguyên* sai lạc của hàng chục thế kỷ trước đây: coi thường thân xác, cho rằng thân xác thuộc về ma quỷ và tinh thần mới thuộc về Thiên Chúa. Họ nghĩ rằng thân xác vật chất thì nặng nề, đòi hỏi mình chiều theo các dục vọng xấu

⁸⁷⁰ CĐ Vat. II, *Gaudium et Spes*, số 61.

xa nên cần phải hãm mình ép xác, ăn uống kham khổ để làm chủ được dục vọng, cho tinh thần nhẹ nhàng thanh thoát, có thể vươn lên và bay bổng tới Thiên Chúa.

Do đó, TĐTT bị coi là lĩnh vực thuộc về thể xác, không đáng quan tâm, thậm chí còn nguy hiểm, tội lỗi vì đó là những hành vi chiều chuộng thân xác. Quan niệm này đã bị Công đồng Vaticanô II lên án và xác định: "Con người duy nhất với xác và hồn. Xét về thể xác, con người là một tổng hợp những yếu tố thuộc thể giới vật chất. Vì thế, nhờ con người, những yếu tố ấy đạt được tới tuyệt đỉnh của chúng và tự do dâng lời ca tụng Đấng Tạo Hoá. Vậy con người không được khinh miệt đời sống thể xác. Trái lại, con người phải coi thân xác mình là tốt đẹp và đáng tôn trọng vì thân xác ấy do Chúa tạo dựng và được sống lại vào ngày sau hết"⁸⁷¹.

Chúa chúng ta không muốn con người rơi vào lầm lạc của phái Nhị Nguyên hay phái Khắc Kỷ để coi thường thân xác, nên đã cho Con của Ngài là Ngôi Lời Thiên Chúa nhận lấy xác phàm⁸⁷², trở thành Đức Giêsu Kitô, trở thành con người giống chúng ta⁸⁷³ trong mọi sự, chỉ trừ tội lỗi⁸⁷⁴, để cứu độ con người toàn diện. Nếu Đức Giêsu đã trở nên giống con người trong mọi sự thì chúng ta được quyền tưởng tượng trẻ Giêsu cũng chơi đánh cầu, đánh khăng, đá bóng như các trẻ em cùng thời. Người coi trọng thân xác nên đã hoá bánh ra nhiều cho kẻ đói ăn, chữa lành bệnh tật, xua trừ ma quỷ thay vì hô hào ăn chay, hãm mình phạt xác như các luật sĩ, biệt phái và các môn đệ của ông Gioan Tẩy Giả thường làm⁸⁷⁵. Cuối cùng, Người đã chịu đóng đinh, chết nhục nhã và sống lại bằng chính thân xác ấy vì muốn dạy ta biết dùng thân xác mình để mang ơn cứu độ cho muôn loài.

Thánh Phaolô, qua kinh nghiệm bản thân, nhiều lần nhắc đến thể thao: "Anh em không biết sao, trong cuộc chạy đua trên thao trường,

⁸⁷¹ *Gaudium et Spes*, số 14.

⁸⁷² x. Ga 1,14.

⁸⁷³ x. Pl 2,7.

⁸⁷⁴ x. Dt 4,15; *Gaudium et Spes*, số 22

⁸⁷⁵ x. Mt 9,14-17.

tất cả mọi người đều chạy, nhưng chỉ có một người đoạt giải. Anh em hãy chạy thể nào để chiếm cho được phần thưởng. Phàm là tay đua, thì phải kiên ky đủ điều... Vậy tôi đây cũng chạy như thế, chứ không chạy mà không xác tín; tôi đăm như thế, chứ không phải đăm vào không khí”⁸⁷⁶.

Tuy đã nhận được gương sống của chính Đức Giêsu và lời dạy bảo của thánh Phaolô, nhưng nhiều người tín hữu Công giáo vẫn quay lưng với TĐTT. Người Công giáo ngại ngùng với thể thao, xa lánh sân vận động vì trong suốt 3 thế kỷ đầu cho đến năm 313, khi hoàng đế Constantinus ra sắc chỉ Milan nhìn nhận Công giáo là tôn giáo hợp pháp trên toàn đế quốc Rôma, thể thao không còn mang tính tranh tài trong sáng của Olympic Hy Lạp, nhưng trở thành nổi ô nhục và kinh hoàng cho tín hữu Công giáo. Sân vận động là nơi hành hình tín hữu, các thanh niên trở thành những tên nô lệ phải giác đấu cho đến chết, các phụ nữ và trẻ em thành miếng mồi ngon cho thú dữ cắn xé để mua vui cho quần chúng trên khán đài. Tuy nhiên, tất cả đã là quá khứ và Công đồng Vaticanô II mời gọi chúng ta hãy nhìn vào “Giáo Hội trong thế giới ngày nay”.



⁸⁷⁶ 1Cr 9,24-27; Pl 2,16; Dt 12,1.

5.3. Cổ vũ vận động thể dục thể thao

Chúng ta đã tìm hiểu giá trị và ích lợi của vận động trong đời sống cá nhân cũng như cộng đồng. Vì thế chúng ta cần phát động phong trào cổ vũ sinh hoạt này cho các tín hữu Công giáo. Người ngoài Công giáo làm sao có thể nhận ra Thiên Chúa là nguồn mọi sự tốt đẹp qua những tín hữu với thân xác yếu đuối, khuôn mặt xanh xao, cơ thể bệnh tật, dù đang ở tuổi thanh niên hay trưởng thành?

Đời sống tín hữu, nhất là của linh mục, tu sĩ, với ý thức đạo đức, ăn uống điều độ, nếu được đào luyện TĐTT, chắc chắn sẽ giúp cho mình có sức khoẻ dẻo dai để học hành làm việc, phục vụ tha nhân, có thân thể khoẻ mạnh, gọn gàng, xinh đẹp, có tài năng thu hút người khác đến với Đức Kitô. Nhất là đối với những người có khuynh hướng thực dụng hiện nay thì con người như thế chính là hình ảnh sống động của Tin Mừng. Cách ngôn Việt Nam ta có câu: *“Xem mặt mà bắt hình dong, con lợn có béo thì lòng mới ngon!”*.

Hơn nữa nếu các xứ đạo, tu viện biết dùng những khoảng đất trống, những nhà sinh hoạt giáo lý cho hoạt động TĐTT để quy tụ thanh thiếu niên ham thích vận động cũng như những người già đến tập hằng ngày bài thể dục dưỡng sinh, thì những nơi ấy chính là điểm gặp gỡ và giới thiệu Đức Kitô cho người khác một cách sống động và hiệu quả. Có thể còn hiệu quả hơn những buổi cầu nguyện hình thức, những bài giáo lý khô khan hoặc trình diễn thánh ca một đôi lần trong năm.

Những cuộc thi đấu giữa các tu viện, giáo xứ, giáo phận về những bài tập thể dục nghệ thuật, nhịp điệu, dưỡng sinh hay các bộ môn thể thao được quần chúng tham gia như: bóng bàn, bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, cầu mây... sẽ tạo điều kiện gặp gỡ, giao lưu giữa các cộng đồng trong và ngoài Công giáo. Chúng trở thành những dịp rao giảng Tin Mừng về mầu nhiệm Nhập Thể của Ngôi Lời cách rõ ràng và hiệu quả cho mọi người.

Đối với bộ môn thể dục như Yoga, một số người ngại ngùng và cho rằng người Công giáo không nên tập, vì có nguy hiểm về đức tin, do những yếu tố tâm linh và lý thuyết khác hẳn với niềm tin Công

giáo. Chúng tôi thiết nghĩ rằng: chúng ta nên phân biệt khoảng hơn mười trường phái Yoga khác nhau⁸⁷⁷. Chúng ta có thể tập những bài tập thể chất và bỏ qua những lý thuyết tinh thần.

Chúng tôi cũng đã chia sẻ phương pháp xoa bóp chữa bệnh cho một số tu sĩ và tín hữu giáo dân như một phương tiện để chúng ta hành động như Đức Giêsu Kitô: “*Người đi khắp nơi, giảng dạy trong các hội đường, rao giảng Tin Mừng Nước Trời và chữa hết mọi kẻ bệnh hoạn tật nguyền trong dân. Thiên hạ đem đến cho Người mọi kẻ ốm đau, mắc đủ thứ bệnh hoạn, tật nguyền: những kẻ bị quỷ ám, kinh phong, bại liệt; và Người đã chữa họ*”⁸⁷⁸. Kitô hữu chúng ta chính là hiện thân của Chúa Giêsu trong thời đại hôm nay và hành động theo lệnh truyền của Người⁸⁷⁹.

Kết luận

Chúng ta mơ ước là mỗi Kitô hữu, qua vận động TĐTT và các hoạt động chữa lành, trở thành hình ảnh sống động của Chúa Giêsu, thu hút người khác đến với Chúa Cha bằng con người khoẻ mạnh, tốt đẹp, đầy quyền năng của Thánh Thần. Như thế *chơi cho khoẻ và đẹp* từ nay trở thành bổn phận và sứ mệnh của mỗi người.

Câu hỏi gợi ý

- 1. Tình trạng sức khoẻ của bạn hiện nay thế nào? Bạn làm gì để cải thiện nó?*
- 2. Bạn có đang mắc một bệnh nào? Bạn làm gì để chữa trị nó?*
- 3. Bạn tập thể dục thường xuyên không và bạn tập như thế nào?*
- 4. Bạn đang chơi môn thể thao nào và bạn làm gì để chơi hay hơn? Bạn có nghiệm xem phim hay chơi trò chơi trực tuyến?*
- 5. Bạn có mơ ước trở thành hiện thân của Đức Giêsu và hành động cứu đời? Nếu có, bạn nghĩ mình bắt đầu từ lĩnh vực nào?*

⁸⁷⁷ x. Internet, Bài Yoga Việt Nam.

⁸⁷⁸ Mt 4, 23-24.

⁸⁷⁹ x. Mc 16,15-20.

Đi trong ánh sáng

Lời mở

Cuộc đời của mỗi người chúng ta là một con đường dài vô tận, mà đoạn đường ở trần thế lại gồm nhiều chỗ sáng tối, khúc khuỷu hay bằng phẳng khác nhau, khiến nhiều khi chúng ta không biết phải đi như thế nào cho đến điểm cuối cùng, nhất là những đoạn đời đen tối với nhiều thất bại, thử thách, đau thương. Làm thế nào để vượt qua chúng và tìm ra được ý nghĩa cho đời mình?

Nhà cách mạng Phan Bội Châu đã viết những lời an ủi rất sâu xa gửi linh mục Mai Lão Bạng đang bị tù vì tham gia Quang Phục Hội trong phong trào Đông Du: “*Trời toan đại dụng nên rèn chí, Chúa giúp thành công tất có hồi. Nếu phải đường đời bằng phẳng hết, Anh hùng hào kiệt có hơn ai?*”⁸⁸⁰. Quả thật, những đoạn đường đầy bóng tối hay ánh sáng là lẽ tự nhiên của phận người thay đổi, ta chẳng nên quá đau khổ hay vui sướng. Điều quan trọng là ta đi như thế nào và có tiếp tục bước đi hay dừng lại để chết chìm trong biển khổ cuộc đời hay chết ngất vì tiếng kèn gọi ca chiến thắng?

1. Dáng đi của con người và cách đi của dân tộc

Mỗi người có những kiểu đi đứng khác nhau tạo thành dáng đi, và qua đó, người nhiều kinh nghiệm có thể đoán ra phần nào tâm trạng và cả cá tính của con người.

Chúng ta thường bước đi với những tâm trạng khác nhau. Có những lúc vui sướng, thành công như khi thi đỗ, bước chân ta nhún nhảy, nhanh nhẹn như chim sáo, chỉ muốn mau chóng đi báo tin mừng cho cha mẹ, bạn bè. Nhưng khi gặp thất bại như làm ăn thua lỗ, bước

⁸⁸⁰ Đây là 4 câu thơ của bài *An Mai quân* trong tập *Ngục Trung thư* của cụ Phan Bội Châu (1867-1940) dùng để an ủi linh mục Mai Lão Bạng (1866-1962) do Đào Trinh Nhất dịch từ bài gốc chữ Hán: “*Kinh nhân sự nghiệp thiên đào chú, Bất thế phong vân đế chủ trương. Giả sử tiền đồ tận di thân, Anh hùng hào kiệt ngã dung thường*”. Nhiều người thường chỉ nhớ hai câu cuối: “*Ví thử đường đời bằng phẳng cả. Anh hùng hào kiệt có hơn ai?*”.

chân ta nặng nề, chậm chạp như muốn kéo lê trên đường. Vì thế ca dao thường nhắc nhở:

*Đi đâu mà vội mà vàng,
Mà vấp phải đá, mà quàng phải dây!*

Người bước đi vội vã, thân người như lao về phía trước, đầu cúi thấp, mặt cắm xuống đất, thường bị cho là kém cỏi, thấp hèn. Người bước đi chậm rãi, thân hình thẳng, đầu ngẩng cao, ngực ưỡn về phía trước, hai vai giang rộng, mặt vênh lên trời, thường bị cho là kهن kiêu, ngang tàng, kiêu căng, tự mãn. Người có bước chân dài, bàn chân giẫm đều trên mặt đất, mắt nhìn thẳng phía trước, đầu thẳng, lưng thẳng, thường được coi là chính trực, mạnh mẽ, quyết đoán, có năng lực, nhưng khó tính. Người có bước đi nhẹ nhàng, khoan thai, thanh thoát, thường được coi là có văn hoá, làm chủ được cảm xúc. Thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp⁸⁸¹ đã mô tả bước đi gắn với tâm tính con người trong bài “Đi chùa Hương” như sau:

*“Em đi, chàng theo sau
Em không dám đi mau
Ngại chàng chê hấp tấp
Sợ gian nan không giầu”.*

Nhiều gia đình không chú ý tập đi cho con cái ngay từ lúc còn bé nên nhiều người có dáng đi rất xấu. Nhiều cha mẹ không để ý đến vài tật bệnh ở bàn chân, đầu gối, xương hông của con cái và không sửa chữa kịp thời, nên lớn lên chúng cứ giữ mãi dáng đi bè bè “hai hàng chữ bát”, hoặc kiểu “đi vòng kiềng” hai bàn chân bước vòng vào trong, hay đi khập khểnh vì chân thấp chân cao, hoặc bước đi ồng ẹo vì lưng không thẳng hay lác hông quá đáng.

Nhiều bạn trẻ ngày nay học cách đi của những người mẫu thời trang trên sàn trình diễn (catwalk) như chuẩn mực. Dưới ánh sáng chan hoà, trong tiếng nhạc quyến rũ, trước bao ánh mắt ngưỡng mộ, những người mẫu nam nữ này quả thật có những bước đi tuyệt đẹp. Họ bước đi uyển chuyển, dáng đứng thẳng, thoải mái, mắt nhìn thẳng, không

⁸⁸¹ Nguyễn Nhược Pháp (1914-1938) sáng tác bài “Đi Chùa Hương” vào tháng 8 năm 1934, khi ông mới 20 tuổi. Bài thơ được in trong tập thơ *Ngày xưa*, xuất bản năm 1935.

biểu lộ cảm xúc, không cười nói để khởi kéo chú ý của khán giả về mình, bước đi không quá dài hay quá ngắn, cánh tay vung nhẹ theo chuyển động để tạo cảm giác thư thái.



Người mẫu nữ đánh phần hông liên tục trong suốt thời gian di chuyển, với bước chân hơi dài hơn bình thường, gót chân chạm đất trước, rồi mới đặt toàn bộ bàn chân xuống mặt nền sàn như cách di chuyển nhẹ nhàng của con mèo, mũi chân hếch lên cao để đẩy trọng tâm cơ thể về phía trước, rồi dồn lực vào ngón cái để đi bước tiếp theo. Người mẫu nam đi những bước sải rộng, vai ngực đưa ra phía trước, tiếp xúc mặt sàn bằng cả bàn chân, không đánh hông để biểu lộ nam tính mạnh mẽ, dứt khoát.

Cách đi của dân tộc

Từ cách đi của từng người, người ta cũng nói đến cách đi của một dân tộc nếu nhiều người trong họ được dạy bảo và thể hiện kiểu đi giống nhau. Qua đó, người ta cũng đánh giá được phần nào trình độ văn hoá của dân tộc qua cách đi đứng của đa số người dân.

Người Đức, dù nam hay nữ, đều có kiểu đi mạnh mẽ, bước chân dứt khoát, sải chân dài, đầu ngẩng cao, mắt nhìn thẳng, nét mặt hơi lạnh lùng, chứng tỏ một dân tộc có kỷ luật, sống theo những nguyên tắc nhất định, cao thượng và tích cực.

Người Hoa Kỳ, dù thuộc nhiều chủng tộc khác nhau, văn hoá đa dạng, nhưng giống nhau ở sải chân vừa phải, dáng đi cởi mở, không cứng nhắc, ánh mắt thân thiện, không nhìn vào khoảng không trước mắt, nhưng nhìn thẳng vào người đối diện hay sự vật chung quanh, đầu hơi nghiêng theo chuyển động, tay vung theo thân người, chứng tỏ họ thân thiện, dễ gần, cởi mở, có óc thực tế và thích nghi dễ dàng.

Người Việt, đa số có dáng đi chậm rãi, hơi ngập ngừng như lo sợ trước tương lai bất định, hai bàn tay với các ngón tay thường nắm chặt như muốn khép kín vào mình và không muốn cởi mở với người khác. Đầu hơi cúi xuống đất, ánh mắt nhìn gần, hướng đến những gì gần gũi với thực tế trước mắt.

Hình như đời sống căng thẳng, nhiều xung đột trong nội tâm và bon chen ngoài xã hội trong mấy chục năm gần đây, đã làm không ít người Việt chúng ta quên những bước chân mạnh mẽ, vững chắc của những người mở đất phương Nam, nhìn thẳng để đối đầu với bao hiểm nguy trước mắt và luôn cởi mở với muôn người, muôn vật nhờ biển rộng, sông dài, thiên nhiên hào phóng.

Cách đi của người Việt bằng những phương tiện giao thông hiện đại như xe máy, xe hơi hình như ngày một tệ hơn so với thời còn phải đi bộ, đi ngựa, đi thuyền. Không thiếu người vượt đèn đỏ khi thấy đường hơi trống hay không có cảnh sát giao thông. Nhiều người đi xe máy, xe đạp, nhưng lại chạy vào làn đường dành cho xe hơi, hay người đi xe hơi với tốc độ chậm không chịu nhường đường cho xe khác. Không ít người chạy xe luôn lách hết bên phải lẫn bên trái. Những cách đi này chứng tỏ họ liêu lĩnh, ích kỷ, xem thường luật pháp, chỉ tìm lợi ích cho riêng mình.



Không thiếu người chạy nối theo đoàn xe, dù thấy đèn đỏ đã bật lên, chúng tỏ họ thường hùa theo đám đông để tìm tư lợi. Khi đến đèn đỏ, một ít người cố len lỏi, luồn lách lên phía trước, dù họ thấy người khác đứng chờ, chúng tỏ họ là những người không biết xấu hổ, thủ

đoạn, sẵn sàng cướp quyền lợi của người khác. Không ít người vì cố leo lên phía trước ở các giao lộ, tạo ra nạn kẹt xe như ta thấy thường diễn ra trong các thành phố lớn.

Nếu muốn được thế giới tôn trọng, người Việt chúng ta phải học lại cách đi đứng cho đàng hoàng, lịch sự, khoan dung, biết nhường nhịn, tôn trọng lẫn nhau và giữ đúng luật giao thông.

2. Những người đi trong đêm tối

Cách đây hơn 2.000 năm, các đạo sĩ phương Đông là những người hiếm hoi trên thế giới, biết hướng tầm mắt lên cao để nhận ra ánh sáng từ ngôi sao lạ và ý nghĩa của nó⁸⁸². Sự kiện này được cả thế giới biết đến qua lễ hội ánh sáng hàng năm được tổ chức vào dịp lễ Chúa Giáng Sinh.

Thế giới thời đó, dù được vẻ huy hoàng tráng lệ của Đế Quốc Rôma chiếu toả, nhưng hầu như mọi dân tộc đều sống trong bóng tối của kiếp nô lệ, khốn khổ, bần cùng. Họ mong chờ một Đấng Cứu Thế đến giải phóng họ, cho họ được sống thật sự tự do, xứng với nhân phẩm cao quý của con người, và địa vị tuyệt vời của con cái Đấng Tối Cao. Ba đạo sĩ diễn tả niềm mơ ước đó qua lễ phẩm dâng kính Hài Nhi Giêsu: vàng chỉ vua, trầm hương chỉ Thiên Chúa, mộc dược chỉ việc tẩm liệm thân xác con người khi chết.

Họ tượng trưng cho muôn dân tộc thời khoa học hiện đại, vì là những người giàu có với đoàn tùy tùng đông đảo đi theo. Họ còn tượng trưng cho các dân tộc phát triển với các tiến bộ kỹ thuật – giống như môn chiêm tinh học là khoa học khởi đầu thời xưa cho khoa thiên văn học và đủ loại khoa học sau này.

Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 từ năm 2020 đến 2022 đã cho tất cả các dân tộc trên thế giới biết bóng tối của bệnh tật, chết chóc, suy thoái kinh tế, hạnh phúc mong manh của con người bao phủ trái đất như thế nào, nếu họ không chỗi dậy đi tìm nguồn ánh sáng dẫn họ đến sự thật toàn diện và sự sống vĩnh hằng.

⁸⁸² x. Mt 2,1-12

Hàng trăm triệu người thất nghiệp, phải sống nhờ tiền trợ cấp của chính phủ. Nhiều người cảm thấy đời sống thật là vô nghĩa và bất hạnh vì cả ngày bị giam hãm trong nhà, hay trên giường bệnh, không thể gặp gỡ người thân, không tiệc tùng ngoài xã hội. Nhiều người không biết phải làm gì, khi giãn cách xã hội hay bị cách ly, ngoại trừ suốt ngày xem phim, chơi trò chơi trực tuyến hay lướt web cho đến khi mờ mắt buông máy. Nỗi sợ hãi bóng tối đã làm cho con người co rúm lại, không dám bước ra ngoài để thở bầu khí trong lành, không dám dấn thân vào cuộc hành trình đi tìm Đấng Cứu Thế. Họ trùu mê, nằm mơ theo những tham vọng và dục vọng, như vua Hêrôđê, thượng tế, luật sĩ và dân thành Giêrusalem.

Trong cơn đại dịch Covid-19, chúng ta ngồi yên chờ đợi những đồng bạc trợ cấp của chính quyền, những mớ rau củ quả, những túi gạo của người khác để sống qua ngày mà không tìm về nguồn sống là chính Thiên Chúa. Chúng ta nghe đủ thứ tin tức làm mình bối rối, sợ hãi, lo âu hay những bài ca, vở kịch làm ta mệt mỏi, chán chường mà không tìm về nguồn vui đích thực là Tin Mừng cứu độ của Đức Giêsu. Chúng ta mở to mắt nhìn nhưng không thấy gì ngoài màn đêm tăm tối, không thấy được tình yêu của Cha Trên Trời đang bảo vệ sự sống của ta và sai Con Một của Ngài đến chữa lành cũng như ban sự sống kỳ diệu cho ta.

Nhiều bạn trẻ còn bị hớp hồn vì những “ngôi sao” tự phong trong các làng giải trí như điện ảnh, ca nhạc, thể thao hay trong lĩnh vực buôn bán, ăn chơi, giang hồ. Nhiều người bị loá mắt vì những chiếc xe hơi đời mới, bộ quần áo, giày dép hàng hiệu đắt tiền, căn nhà sang trọng đầy đủ tiện nghi, do những ánh đèn màu sặc sỡ, bài báo, hình ảnh đối trá làm biến dạng con người. Họ chạy theo các “sao giả” đó mà quên mất tính cách độc đáo của riêng mình và trở thành cái bóng của người khác. Sao giả không thể tự mình phát sáng, nên những ai chạy theo chúng đều chìm trong bóng tối.

Trong lĩnh vực tôn giáo, ta cũng gặp thấy các “fan” cuồng nhiệt của thánh Phanxicô, Đa Minh, Têrêsa và đủ các loại “sao” trong Hội Thánh. Nhiều tu sĩ nhớ từng chi tiết về đời sống của “Đấng Thánh Sáng lập dòng” hơn là biết về Chúa Giêsu Kitô, nên đời sống của họ

vẫn không toả sáng! Người ta chạy theo “sao giả” đến nỗi ĐGH Gioan Phaolô II phải cảnh báo nhiều lần và Bộ Tu sĩ phải ra một huấn thị năm 2012 nhắc nhở: “Phải xuất phát lại từ Đức Kitô” chứ không từ bất cứ người nào khác.

3. Làm gì để thoát ra khỏi bóng tối cuộc đời?

Muốn thoát ra khỏi bóng tối của đời mình, ta cần phải gặp được Đấng Cứu Thế như các đạo sĩ:

- *Trước hết, ta phải biết ngược mắt nhìn lên trời cao ngay trong đêm tối của đời mình.* Nhiều người thấy “sinh lão bệnh tử là khổ”. Nhưng đã làm người thì sinh-lão-bệnh-tử là lẽ đương nhiên. Chúng khiến ta buồn khổ, mệt mỏi, chán chường. Nhưng nếu biết ngược nhìn lên trời cao, mong muốn những điều tốt đẹp, cao thượng, hy vọng những gì thật sự có giá trị vĩnh hằng như các đạo sĩ, ta vẫn thấy có ngôi sao toả sáng trên bầu trời đêm để giúp ta tìm ra ý nghĩa của những đau khổ và thử thách.



Chúng ta sẽ khám phá ra sự thật của cái chết là dịp để ta thăng hoa chính mình và cứu độ thế giới như Đức Giêsu. Bệnh tật cũng có thể là một ân huệ nhắc nhở ta sống điều độ hơn, là cơ hội để ta cùng chịu đau khổ với Người. Thất bại lần này có thể giúp ta khôn ngoan hơn, khiêm tốn hơn, nhẫn nại hơn. Mỗi giây phút sống từ lúc mới sinh cho đến khi chết đều có giá trị vĩnh hằng, đều có thể làm được một điều gì đó cho kế hoạch cứu độ của Chúa Giêsu.

- Tiếp theo, *ta phải đọc được ý nghĩa của các dấu hiệu trong đời sống*, giống như các đạo sĩ hiểu rằng ngôi sao đó báo hiệu vị vua mới sinh nhờ học hỏi, lắng nghe, cầu nguyện để xin ơn soi sáng.

- Rồi *phải can đảm bước đi trong ánh sáng chỉ đường của ngôi sao*: là hành động dưới sự hướng dẫn của Chúa Giêsu Cứu Thế, vì “Ngôi Lôi là ánh sáng thật, ánh sáng đến thế gian và chiếu soi mọi người. Người ở giữa thế gian, và thế gian nhờ Người mà có, nhưng thế gian lại không nhận biết Người... Còn những ai đón nhận thì Người cho họ quyền trở nên con Thiên Chúa”⁸⁸³.

- Cuối cùng, *ta mới tìm gặp được Đấng Cứu Thế nơi Hài Nhi Giêsu*, không phải trong cung điện tráng lệ của thành Giêrusalem, cũng không phải trong nghi lễ trang trọng của đền thờ, nhưng trong một ngôi nhà bình thường của người nghèo, trong hình hài của một trẻ thơ yếu ớt nằm trên máng cỏ ở Belem. Đó là vì Người muốn ta khám phá ra giá trị cao cả của từng con người sống quanh ta, vì Người đang ở trong mỗi người và ở giữa chúng ta.

Tuy nhiên, chúng ta không thể tìm gặp Đức Giêsu bằng chiêm tinh học hay bất cứ khoa học nào để giải trừ bóng tối cuộc đời. Kể từ khi biết suy tư, con người đã nhận ra mặt trời, mặt trăng và ngôi sao là những vật thể phát ra ánh sáng, dù chưa phân biệt được ánh sáng mặt trời với ánh trăng phản chiếu từ mặt trời. Nhiều nhà trí thức thời cổ đã nghiên cứu chiêm tinh học. Đó là khởi đầu của khoa học khi họ nhìn lên bầu trời với các ngôi sao, rồi so sánh chúng với mặt trời, mặt trăng và cho rằng chúng có thể liên quan đến những sự kiện xảy ra trên thế giới và tác động đến nhân cách con người.

Ngày nay, nhiều người ở Tây Phương vẫn tìm đọc những lá số tử vi theo ngày sinh của họ và cho rằng mình bị các sao tác động. Nhiều nền văn hoá chú trọng đến các sự kiện thiên văn như chiêm tinh học của người Hindu, Trung Quốc, Maya. Không ít người Việt Nam và Trung Quốc vẫn đang tin vào những lá số tử vi, vẫn cho cá tính mình thuộc một trong năm yếu tố: Kim - Mộc - Thủy - Hoả - Thổ, và định

⁸⁸³ x. Ga 1,9-12.

mệnh đời mình bị chi phối bởi ngôi sao, căn cứ vào giờ ngày tháng năm sinh theo Âm lịch trong sách Kinh Dịch.

Trong câu chuyện giáng sinh của Đức Giêsu⁸⁸⁴, chúng ta thấy rõ tính cách chiêm tinh qua câu hỏi của các đạo sĩ: “*Vua Do Thái mới sinh hiện ở đâu? Chúng tôi đã thấy ngôi sao của Người xuất hiện bên phương Đông, nên chúng tôi đến bái lạy Người*”.

Khi trình bày sự kiện ba nhà chiêm tinh phương Đông, Giáo hội Công giáo không cổ vũ niềm tin tưởng vào khoa chiêm tinh học, vì xét theo khía cạnh tìm kiếm tri thức, chiêm tinh học chỉ là giai đoạn khởi đầu của khoa thiên văn. Khoa học phát triển giúp ta hiểu rằng những ngôi sao vật chất xa vời kia không tác động đến định mệnh con người hay vận mệnh thế giới.

Chúng ta không tin những dự đoán của khoa chiêm tinh, khoa bói bài, coi chỉ tay, những bài giải lá số tử vi của các thầy bùa, thầy pháp, hoặc nghe theo lời khuyên các nhà phong thủy, địa lý, như thể là những giải đáp cho định mệnh của cuộc đời. Tất cả những lời khuyên bảo, tiên đoán đó có thể là những kinh nghiệm mà con người thu thập được từ cuộc sống. Chúng có thể đúng, có thể sai đối với một số người.

Tuy nhiên con người có tự do để quyết định cho đời mình và còn có ơn Chúa nâng đỡ mình, nên tin vào những thứ đó đều là mê tín dị đoan. Đó là chưa kể đến một số người bói toán còn cộng tác với ma quỷ, nói ra vài điểm đúng của con người trong quá khứ để lợi dụng, khai thác, quyến rũ ta. Chúng ta hãy can đảm bước đi trong ánh sáng của sự thật và sự sống⁸⁸⁵ là Chúa Giêsu, bằng chính đôi chân của mình, chứ không bị những loại ánh sáng giả tạo làm lạc hướng, lầm đường.

4. Làm sao để có thể bước đi trong ánh sáng?

Như thế, các đạo sĩ Đông Phương đã giới thiệu cho ta các phương cách để tìm được sự soi sáng của Chúa và chính Chúa như thế nào, khi phải bước đi trên những đoạn đường tăm tối.

⁸⁸⁴ x. Mt 2,1-12

⁸⁸⁵ x. Ga 1,3; 14,6.

Hội Thánh Công giáo giới thiệu 4 phương tiện mà Thiên Chúa thường dùng để bày tỏ ý muốn của Chúa trong đời ta.

Trước hết, đó là *lượng tâm của con người*⁸⁸⁶. Chúa nói trong lượng tâm để nhắc nhở ta điều đúng, điều sai, điều tốt, điều xấu. Dù rằng có những người, do hoàn cảnh giáo dục tồi tệ hoặc sống gần bó với người xấu, đã làm cho lượng tâm của họ bị sai lệch. Nhưng tiếng lượng tâm vẫn luôn là lời Chúa nhắc nhở ta hành động như các đạo sĩ đã lên đường theo tiếng lượng tâm.

Thứ hai là *những biến cố cuộc đời và sự kiện thế giới*⁸⁸⁷ cũng có thể là những tiếng nói của Chúa trong đời ta, giống như các đạo sĩ nhìn thấy ngôi sao và đọc được ý nghĩa của biến cố này.

Phương tiện thứ ba được Chúa dùng để dạy bảo ta là *Giáo huấn của Giáo hội Công giáo*. Giáo huấn này gồm những lời dạy chính thức của Giáo Hội, gọi là Huấn quyền⁸⁸⁸, qua những văn kiện của các công đồng, những lời dạy bảo của các giáo hoàng, giám mục, linh mục. Nhưng mở rộng ra còn là những lời khuyên nhủ, kinh nghiệm của các bậc tổ tiên, ông bà, cha mẹ và người hiểu biết, qua nền văn hoá của dân tộc mà chúng ta phải vâng phục, tra cứu, hỏi han. Giống như các đạo sĩ Đông Phương, khi thấy ánh sao dẫn đường biến mất, đã tìm hỏi các thượng tế và kinh sư Do Thái.

Phương tiện thứ tư, chính xác nhất, rõ ràng nhất, là *Thánh Kinh*⁸⁸⁹. Thánh Kinh là những lời Thiên Chúa mạc khải, được viết ra dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần. Các đạo sĩ chỉ tìm thấy câu trả lời chính xác nhất về nơi Đức Vua mới sinh, khi họ tra cứu sách tiên tri Mikha. “*Qua tất cả các lời ở trong Thánh Kinh, Thiên Chúa chỉ nói một Lời, là Ngôi Lời duy nhất của Ngài. Trong Ngôi Lời, Thiên Chúa bày tỏ tất cả về chính mình Ngài*”⁸⁹⁰. Ngôi Lời ấy nay đã trở thành người là Đức Giêsu Kitô. Khi ta nhìn vào Chúa Giêsu như các vị đạo sĩ và lắng nghe Người dạy qua cuộc đời của Người ghi lại

⁸⁸⁶ x. GLHTCG, mục từ *Lượng tâm*, số 46, 1776-1802

⁸⁸⁷ x. GLHTCG, mục từ *Những con đường giúp con người nhận biết Thiên Chúa*, số 31-49.

⁸⁸⁸ x. GLHTCG, mục từ *Huấn quyền*, số 85-87; 888-892

⁸⁸⁹ x. GLHTCG, mục từ *Thánh Kinh*, số 81, 101-141

⁸⁹⁰ x. GLHTCG, số 102

trong Thánh Kinh, nhất là qua bốn sách Tin Mừng, ta sẽ tìm được ý Chúa rõ ràng trong đời mình.

Bốn phương tiện ấy như đang mời gọi ta tiếp bước theo chân các đạo sĩ trong những đoạn đường đen tối của đời mình. Chắc chắn ta sẽ gặp được Đức Giêsu. Từ đó, lòng ta mới tràn ngập niềm vui, bình an để chuyển hướng cuộc đời như các đạo sĩ đã trở về quê hương bằng một con đường khác.

5 . Đi giữa dòng đời

Mỗi ngày sống, từ khi thức dậy cho đến lúc nghỉ đêm, ta đi giữa dòng đời với những việc phải làm, những người phải gặp, những vật phải dùng, ta phân vân tự hỏi mình sẽ đi như thế nào?

Ta sẽ không muốn đi như những người mẫu thời trang với nét mặt lạnh lùng và ánh mắt xa xăm như chẳng chú ý đến ai, chỉ để quảng cáo cho một sản phẩm vật chất của công ty nào đó. Nhưng ta muốn mạnh dạn bước đi dưới ánh mắt chan hoà yêu thương của Người Cha vô cùng tốt lành là Thiên Chúa và của bao anh chị em ta. Ngài đang dõi theo từng bước chân của ta vì ta là con yêu quý của Ngài.

Ta sẽ không bước đi hờ hững như những khách du lịch đầy rẫy trên đường đời nhờ đời sống kinh tế phát triển. Họ vội vã hưởng thụ và hoang phí nguồn lực đời mình! Nhưng vào buổi chiều tàn của cuộc chơi, họ lại cảm thấy buồn phiền, trống rỗng vì các thú vui ấy chẳng đem lại hạnh phúc thật sự như họ muốn kiếm tìm.

Trái lại, ta sẽ đi theo Đức Giêsu như một môn đệ của Người, như người hành khất Bartimê⁸⁹¹, một tên ăn xin ở nhà Chúa, một tên ăn mày ở cửa Phật, một đệ tử Cái Bang⁸⁹² của thời đại hôm nay. Đức Giêsu là Ngôi Lời Thiên Chúa, đã trở thành người để thực hiện kế hoạch cứu độ thế giới bằng tình yêu. Người đã sống như một người hành khất, lang thang nay đây mai đó, nhận của bố thí từ tay mọi người để sống tinh thần nghèo khó, dù Người giàu có vô song.

⁸⁹¹ x. Mc 10,46-52.

⁸⁹² *Cái Bang* là một bang phái giả tưởng xuất phát từ tiểu thuyết võ hiệp Trung Quốc.

Người coi mọi nơi đều là nhà, mọi người đều là anh chị em để làm thành đại gia đình Thiên Chúa.

Người ăn xin tình yêu nơi con người vì muốn mở rộng trái tim của họ tới vô biên. Người loan báo Tin Mừng cứu độ cho kẻ nghèo hèn, vạch trần những thói giả hình của nhóm Biệt phái đặc lợi đặc quyền, những sai lạc của nhóm Kinh sư trí thức, những kiểu đạo đức giả của những Tư tế cuồng tín. Người chứng minh ơn cứu độ bằng cách chữa lành mọi bệnh hoạn tật nguyên, tha thứ cho tội nhân, xua trừ ma quỷ, làm cho kẻ chết sống lại. Chính Người đã minh chứng “tình yêu đến cùng” của mình bằng cách tha thứ cho những kẻ đóng đinh mình, chết tội nhục trên thập giá như một tên tử tội để đền bù tội lỗi cho muôn người và sống lại để đem muôn loài vào sự hợp nhất với Thiên Chúa.

Chúng ta muốn tham gia vào bang hội Hành Khất Kitô để sống và hành động như Người. Người là bang chủ, là thủ lĩnh, còn chúng ta là đệ tử, là môn sinh của Người. Khi kết hợp thành một với Đức Giêsu, luyện thở theo Thần Khí của Người, ta được truyền thụ những chiều thức để sử dụng thanh gươm Lời Chúa, kỳ diệu hơn cả Ý Thiên Kiếm, Đồ Long Dao trong truyện võ hiệp Kim Dung⁸⁹³.



⁸⁹³ Kim Dung (1924-2018) là một trong những nhà văn ảnh hưởng nhất của văn học Trung Quốc hiện đại.

Chúng ta được chia sẻ nội lực của chính Thiên Chúa để hành hiệp giang hồ, hàng ma phục linh, thứ tha tội lỗi, chữa lành bệnh tật, và cho kẻ chết sống lại như Người. Nhờ đó, ta có thể đem lại nụ cười, niềm vui, hạnh phúc và ơn cứu độ cho mọi người, nhất là những ai nghèo khổ, bệnh tật, yếu đuối quanh ta.

Chúng ta biết rằng đây không phải là con đường tưởng tượng, viễn vông theo những mơ mộng hảo huyền trong bộ truyện của các nhà văn như Kim Dung, Rowling⁸⁹⁴. Nhưng là một con đường nhỏ hẹp, tương đối khó đi, mà Đức Giêsu mời gọi ta dấn thân bước vào: “*Hãy theo tôi*”⁸⁹⁵ và “*Ai theo tôi, sẽ không phải đi trong bóng tối, nhưng sẽ nhận được ánh sáng đem lại sự sống*”⁸⁹⁶. “*Ai nói rằng mình ở lại trong Thiên Chúa thì phải đi trên con đường Đức Giêsu đã đi*”⁸⁹⁷.

Lời kết

Gặp được Chúa Giêsu như các đạo sĩ, chúng ta sẽ không còn cần đến ánh sao bên ngoài, nhưng sẽ bước đi trong ánh sáng của chính Thiên Chúa. “*Xưa anh em là bóng tối, nhưng bây giờ, trong Chúa, anh em là ánh sáng*”⁸⁹⁸. Chúng ta sẽ toả chiếu ánh sáng của Người trong đời mình để chia sẻ Tin Mừng cứu độ cho tất cả những ai ta gặp như các đạo sĩ phương Đông.

Câu hỏi gợi ý

1. *Bạn đang đi như thế nào trong đời sống thường ngày?*
2. *Bạn nhận xét người Việt Nam cần sửa đổi gì trong cách đi đường hay chạy xe hiện nay?*
3. *Bạn có thái độ nào khi gặp những thất bại, bất công, thử thách?*
4. *Bạn chọn thái độ nào khi đi giữa dòng đời?*

⁸⁹⁴ *Harry Potter* là tên của bộ truyện (gồm bảy phần) của nhà văn nữ nước Anh, J. K. Rowling. Bộ truyện viết về những cuộc phiêu lưu phù thủy của cậu bé Harry.

⁸⁹⁵ x. Mt 4,19; 8,22; 9,9...

⁸⁹⁶ x. Ga 8,12

⁸⁹⁷ x. 1Ga 2,6. Hành động “đi” được Thánh Kinh, Cựu Ước và Tân Ước, trình bày rất nhiều lần. 147 lần trong cuốn *A New Concordance to the Holy Bible* của King James, do ABS xuất bản năm 1974 ở New York.

⁸⁹⁸ x. Ep 5,8

Tìm về nguồn đẹp

Lời mở

Mỗi ngày, khi soi mình trong gương, nhiều người không bằng lòng với vóc dáng thấp bé, làn da cháy đen, mặt đầy mụn nhọt của mình và mơ ước có thân hình cao ráo, làn da trắng hồng, gương mặt xinh tươi. Tuy nhiên nếu những dân tộc châu Phi bất mãn với làn da đen nhánh, mái tóc xoắn tít, làm sao họ có thể cảm thấy niềm vui trong cuộc sống! Nếu những người châu Á lúc nào cũng muốn tẩy trắng màu da vàng bằng đủ loại hoá chất như Michael Jackson, làm sao họ tạo được hạnh phúc trong đời!



Thật ra màu da nào cũng đẹp trong vườn hoa nhân loại vì mỗi người đều có phẩm giá và địa vị vô cùng cao quý, khi họ mang hình ảnh giống với Thiên Chúa. Đó là giá trị của cái đẹp. Vì thế muốn làm cho mình thật sự tươi đẹp, ta phải tìm về nguồn đẹp. Nhưng nguồn ấy ở đâu và làm thế nào biến đổi mình thành đẹp vẫn là các vấn đề phải giải đáp.

1. Xác định cái đẹp toàn diện

Trong suốt dòng lịch sử nhân loại, con người đi tìm cái đẹp, cảm nhận được cái đẹp trong từng cánh hoa, ngọn cỏ; từng ánh mắt, nụ cười; từng ý nghĩ, lời nói; từng cử chỉ, hành động của mọi người và vạn vật quanh mình. Ai cũng có thể thấy được cái đẹp và muốn có cái đẹp, nhưng lại không có một khái niệm rõ ràng và định nghĩa chính xác về cái đẹp. Vậy đẹp là gì?

Cái đẹp là “cái có hình thức hoặc phẩm chất đặc biệt làm cho người ta thích nhìn ngắm hoặc kính nể, là cái có sự hài hoà, tương xứng”⁸⁹⁹. Như thế, “cái đẹp tồn tại trong thiên nhiên như trời, biển, núi sông, chim muông, hoa lá hay trong xã hội, được thể hiện qua những quan hệ giữa người với người, những hành vi đạo đức, những thái độ ứng xử. Cái đẹp còn tồn tại qua các hình tượng thẩm mỹ trong các tác phẩm nghệ thuật”⁹⁰⁰.

Cái đẹp, hay “mỹ”, theo giáo huấn Công giáo, “là cái làm vui lòng người nhìn ngắm. Bất cứ hữu thể nào, xét như là hữu thể, đều đẹp theo mức nó đạt tới hoặc gần đạt tới sự toàn hảo của bản tính nó. Trong các sự vật hoặc hành động được coi là đẹp, cái đẹp có nền tảng nơi thể quân bình hoặc sự cân xứng của các thành phần cùng với một mức trong sáng được nhận biết”⁹⁰¹.

ĐGH Gioan Phaolô II đã viết: “Cái đẹp là chìa khoá mở cửa mâu nhiệm và là tiếng gọi mời ta vươn lên cao. Đó cũng là tiếng nói mời gọi ta cảm nếm cuộc sống và mơ về tương lai. Chính vì thế, cái đẹp của thụ tạo không bao giờ có thể làm ta cảm thấy thoả mãn hoàn toàn. Nó khơi dậy nỗi nhớ nhưng thầm kín về Thiên Chúa, một thực tế mà chỉ người mê say cái đẹp như thánh Augustinô mới diễn tả một cách tuyệt vời như sau: “*Con yêu Chúa quá muộn, ôi vẻ đẹp rất xưa mà rất mới! Con yêu Chúa quá muộn màng*”⁹⁰².

⁸⁹⁹ x. *Từ điển Tiếng Việt* 2013, mục từ *Đẹp*, tr.408.

⁹⁰⁰ x. *Từ Điển Bách khoa Việt Nam*, q.1, tr.431.

⁹⁰¹ x. Olivier de La Brosse, A.M Henry, P. Rouillard, *Từ điển Đức tin Kitô giáo*, mục từ *đẹp-beau*).

⁹⁰² x. Thánh Augustinô, *Confession* 10,27:CCL 27,251; x. ĐGH Gioan Phaolô II, *Thư gửi các nghệ sĩ*, ngày 4/4/1999, số 16.

Tóm lại, ta có thể nói rằng: cái đẹp là một trong 3 thuộc tính cơ bản của hữu thể: đúng-tốt-đẹp, mà chúng ta vẫn gọi là chân-thiện-mỹ, vì bất cứ một hữu thể nào có thật thì đều tốt và đẹp. Dù người ta còn tranh luận nhiều về mối quan hệ hỗ tương của chân thiện mỹ trong hữu thể, nhưng ta có thể nói rằng: “Đẹp là hình thức bên ngoài của cái tốt, cũng như tốt là điều kiện siêu hình của cái đẹp và cả hai cái tốt và đẹp đều phải nằm trong cái thật của hữu thể”⁹⁰³.



Thiếu một trong 3 yếu tố này thì bất cứ hữu thể nào cũng không được coi là đẹp và nếu có ai cho đó là đẹp thì cái đẹp ấy sẽ gây nguy hại cho người đón nhận nó cũng như cho các hữu thể khác. Một người hiểu biết và cảm nhận được cái đẹp nơi bông hoa làm bằng giấy, bằng vải hay bằng đất, dù khéo léo và rất giống với hoa thật ngoài thiên nhiên, nhưng bông hoa ấy vẫn mang một sắc thái giả tạo nên chưa đẹp hoàn toàn. Một cái bánh kem được trang trí bằng những cánh hoa lan rực rỡ, khéo léo, những đường bột tạo nên các cánh hoa ấy lại pha màu hoá chất độc hại, vừa không tốt vừa không thật, thì cái bánh ấy vẫn không đẹp thật sự.

Điều này giúp ta hiểu tại sao trong việc thẩm định giá trị của một hoa hậu, dù có thân hình tuyệt mỹ, người ta vẫn không chấp nhận những cái giả (từ bằng cấp, trình độ học vấn giả cho đến lông tóc,

⁹⁰³ x. ĐGH Gioan Phaolô II, *Thư gửi Văn nghệ sĩ*, số 3.

mắt môi, mông ngực giả...), hoặc những điểm xấu về đạo đức như nghiện bài bạc, bia rượu, ma túy, có con ngoại hôn, hành nghề mại dâm, bị kết án lừa bịp, chạy xe quá tốc độ... Ba yếu tố chân thiện mỹ phải hoà nhập mới tạo nên một vẻ đẹp hoàn hảo và toàn diện nơi con người cũng như vạn vật.

2. Cái đẹp qua góc nhìn của một vài tôn giáo

Trong hàng chục thế kỷ bị người Trung Quốc đô hộ, sống nghèo khổ, người Việt chỉ mong sao ăn no, mặc ấm chứ chưa nghĩ đến ăn ngon mặc đẹp, nên có thể nói họ chưa nhận thức được cái đẹp. Do đó người Việt hầu như không có một tác phẩm nghệ thuật nào lưu giữ được trong thời kỳ này.

Từ thế kỷ X, sau khi giành được độc lập, người Việt mới có cơ hội mở ra với văn hoá Trung Quốc và từ thế kỷ XVI với văn hoá phương Tây để đón nhận cái đẹp trong nghệ thuật và mỹ thuật nước ngoài. Tuy nhiên, hầu hết người Việt hoà hợp với thiên nhiên, sống đơn giản với tâm hồn thanh thoát, nên cái đẹp của họ rất tự nhiên, không bị biến dạng bởi nếp sống cung đình của Trung Quốc hay văn minh khoa học kỹ thuật Tây Phương. Cứ nhìn những thanh niên nam nữ làn da rám nắng, thân thể tràn đầy sinh lực, vui vẻ cười đùa khi làm việc trên ruộng đồng, ta cũng có thể thấy được nét đẹp hồn nhiên ấy.

Hơn nữa, trong dòng lịch sử dân tộc, người Việt chịu ảnh hưởng nặng nề bởi các hệ tư tưởng và các tôn giáo đã được du nhập vào Việt Nam, nên ít người quan tâm đến cái đẹp thể xác. Theo quan điểm Phật giáo, vẻ đẹp của con người và của thiên nhiên vạn vật thì vô thường, tạm bợ vì chúng luôn thay đổi như thời tiết sáng nắng, chiều mưa. Bám vào những vẻ đẹp vô thường đó sẽ làm cho con người bị trầm luân khổ ải. Con người chỉ nên đi tìm cái tốt trong đạo, không nên đi tìm cái đẹp ở bất cứ nơi đâu.

Lão giáo chú ý nhiều đến cái đẹp của vạn vật nên gắn bó với thiên nhiên. Người ta học được bài học sống an nhiên tự tại như trời đất, bất kể những thăng trầm của cuộc đời, của vạn vật. Lão giáo đi tìm

cái hồn của vạn vật và nhận ra mỗi loài trong vũ trụ đều có thần linh chi phối.

Khổng giáo là hệ tư tưởng ảnh hưởng nhiều đến các nhà trí thức trong xã hội Việt Nam. Khổng giáo quan tâm đến đời sống xã hội với các mối tương quan của con người, nhưng theo ý nghĩa của cái tốt, cái đúng, chứ không theo cái đẹp, vì chỉ muốn tổ chức xã hội được quy củ theo đúng tam cương, tứ đức, ngũ thường. Cái đẹp của xã hội là theo đúng kỷ cương phép nước, cái đẹp của con người là sống theo đúng lễ nghĩa gia phong, chứ không phải là những nét đẹp trên hình hài, thể xác như cha ông thường nhắc nhở: *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn; Xấu người đẹp nét còn hơn đẹp người*. Như thế, cái đẹp bị lẫn lộn với cái đúng, cái tốt, chưa phân biệt rõ ràng⁹⁰⁴.

3. Cái đẹp qua góc nhìn thần học Công giáo

Nền mỹ học thật sự nói lên mối quan hệ thẩm mỹ giữa con người và hiện thực và rút ra được những quy luật chi phối mối quan hệ đó chỉ xuất hiện với Công giáo cách đây khoảng 2.000 năm.

Trước đó, Do Thái giáo, với những cuốn kinh trong bộ Thánh Kinh Cựu Ước, cũng đã nhận ra cái đẹp bắt nguồn từ Đức Chúa Giavê. Ngài là nguồn của chân thiện mỹ⁹⁰⁵. Ngài dựng nên toàn thể vũ trụ rất tốt đẹp và tạo thành con người còn tốt đẹp hơn, theo hình ảnh của Ngài và giống như Ngài⁹⁰⁶. "Chính Đấng sáng tạo mọi loài là tác giả của muôn vẻ đẹp... Vì các thụ tạo càng lớn lao, đẹp đẽ thì càng giúp nhận ra Đấng tạo thành"⁹⁰⁷.

Nhưng tội lỗi của con người đã huỷ hoại tất cả và làm cho con người phải tàn tạ, xấu xí, chết chóc, cũng như vũ trụ phải lâm vào cảnh hư ảo, tan nát, khổ đau⁹⁰⁸. Tất cả đều mong đợi ngày được giải thoát, được sống mãi, đẹp mãi như Thiên Chúa. Vì thế, toàn thể lịch sử Do Thái giáo hướng về Đấng Messia Cứu thế.

⁹⁰⁴ x. Vũ Văn Thước, *Quan niệm về cái đẹp của một số trường phái triết học- tôn giáo phương Đông*, Ban Tôn giáo Tp.Đà Nẵng, Website Ban Tôn giáo Chính phủ.

⁹⁰⁵ x. Kn 13,5.

⁹⁰⁶ x. St 1-2.

⁹⁰⁷ x. Kn 13,3-5.

⁹⁰⁸ x. Rm 8,20-23.

Kitô giáo đã chỉ rõ Đấng ấy là Đức Giêsu Nazareth. Người là Ngôi Lời Thiên Chúa đã trở thành con người để đưa thần tính vĩnh hằng, đưa chân thiện mỹ của Thiên Chúa vào trong vũ trụ vật chất, nên từ nay tất cả vạn vật cũng như từng con người đều phản ánh cái đẹp vĩnh hằng của Thiên Chúa và có giá trị vô biên. Con người không phải chỉ khám phá ra Đấng Toàn Mỹ tạo nên vẻ đẹp của vạn vật⁹⁰⁹, từ đó nhận biết Thiên Chúa là cái đẹp tuyệt đối⁹¹⁰, nhưng còn nhận ra “cái đẹp là thuộc tính phổ quát của mọi hữu thể”⁹¹¹ vì được Thiên Chúa tạo thành và chia sẻ cái đẹp của Ngài. Đó là luận đề căn bản của triết học Công giáo.



“Người tín hữu Công giáo không phải chỉ khám phá vẻ đẹp của vũ trụ, của con người, nhưng họ cần khám phá ra vẻ đẹp của đức tin, vẻ đẹp của cuộc gặp gỡ với Đức Giêsu Kitô”⁹¹². Chính trong cuộc gặp gỡ này, đôi mắt tinh thần của họ sẽ được Người chữa lành để nhận ra chính Người đã làm cho mọi người, mọi vật trở nên tốt đẹp vô cùng nhờ cuộc phục sinh của Người.

⁹⁰⁹ x. Bài giảng của thánh Augustinô số 241,2, PL 38, 1134; *GLHTCG*, số 32; *Docat*, tr.240.

⁹¹⁰ x. *GLHTCG*, số 2500.

⁹¹¹ “Omne ens est pulchrum”: mọi hữu thể đều đẹp.

⁹¹² x. Giáo hoàng Phanxicô, bài giảng ngày 24/1/2014; *Docat*, số 57.

Từ khởi điểm đó, Công giáo đã “rửa tội”, nghĩa là “*công nhận*” các nền nghệ thuật và mỹ thuật của mọi dân tộc, khởi đầu là nghệ thuật, mỹ thuật của Hy Lạp và Rôma. Nhiều công trình kiến trúc được biến đổi thành nơi thờ tự; nhiều đền thờ, thánh đường, tu viện được xây dựng ở các nước châu Âu ngay từ thế kỷ IV và tồn tại đến ngày nay.

Nhiều tượng đài điêu khắc, họa phẩm nổi tiếng của các thiên tài như Michelangelo (1475-1546), Leonardo da Vinci (1452-1519), Fra Angelico (1395-1455), Raphael (1483-1520), Titian (1485-1576), Guido Reni (1575-1642), Rembrandt (1606-1669), G. Battista Tiepolo (1696-1770), Antonio Canova (1757-1822), Pablo Picasso (1881-1973),... đã được nền nghệ thuật và mỹ thuật Công giáo đón nhận vì phản ánh cái đúng, cái tốt, cái đẹp của Thiên Chúa, của con người và vạn vật.

Nghệ thuật từ đó mang tính chất thánh thiêng: “Khi nhờ hình thức thích hợp, đáp ứng với ơn gọi riêng của nó, trong đức tin và sự tôn thờ, nghệ thuật thánh gọi lên và tôn vinh mầu nhiệm siêu việt của Thiên Chúa, vẻ đẹp siêu phàm vô hình của chân lý và của tình yêu, đã xuất hiện nơi Đức Giêsu Kitô”⁹¹³.

“Mỹ thuật, chủ yếu là nghệ thuật thánh, tự bản chất nhằm diễn tả vẻ đẹp vô biên của Thiên Chúa, được cảm nghiệm một cách nào đó qua những tác phẩm của con người. Nghệ thuật này càng làm cho Thiên Chúa được ca tụng và tôn vinh hơn, một khi những tác phẩm đó không nhằm mục đích nào khác, ngoài sự góp phần tối đa để quy hướng tâm trí con người sốt sắng về cùng Thiên Chúa”⁹¹⁴.

Đức Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II, trong *Thư gửi các nghệ sĩ*, đã nhắc nhở: “Thế giới chúng ta đang sống cần đến cái đẹp để không rơi vào thất vọng. Cái đẹp cũng như sự thật, đem lại niềm vui cho tâm hồn con người và là hoa trái quý giá có thể chịu được sự soi

⁹¹³ x. *GLHTCG*, số 2502.

⁹¹⁴ x. *GLHTCG*, số 2513; Hiến chế Phụng vụ Thánh *Sacrosanctum concilium*, 122-127, AAS 56 (1964).

mòn của thời gian, nối kết được các thể hệ và làm cho họ hợp nhất trong cùng một tâm tình ngưỡng mộ”⁹¹⁵.

Như thế, Công giáo đã dạy cho con người biết tìm về nguồn đẹp là Thiên Chúa và biết thể hiện cái đẹp trong đời sống như Đức Giêsu.

4. Diễn tả cái đẹp trong đời sống

Ngày nay, khoa thẩm mỹ, nhất là giải phẫu thẩm mỹ, là một ngành lớn của y học thực hành, liên quan trực tiếp đến cái đẹp. Nó có chức năng chăm sóc, sửa sang, làm cho cơ thể đẹp hơn bằng các biện pháp, kỹ thuật đặc biệt. Nó giúp cho con người bớt đi nhiều mặc cảm khi vá những môi miệng bị hở hàm ếch, những mí mắt bị sụp, những vàng trán bị biến dạng vì tai nạn...

Dù xã hội ngày nay chú ý nhiều đến vẻ đẹp bên ngoài của thể xác, nhưng cái đẹp toàn diện mới thật sự đáng chúng ta quan tâm vì cả hai thành phần hồn xác liên kết chặt chẽ với nhau. Người ta không thể có một làn da khoẻ mạnh nếu thường xuyên thức khuya, ăn uống vô độ, bôi lên da mình những loại hoá chất độc hại, giữ đầu óc tỉ tiện nhỏ nhen.



Khoa thẩm mỹ có thể làm ta đẹp hơn và che bớt những điểm khiếm khuyết trên thân thể để ta vượt qua những mặc cảm xấu xí, nhưng

⁹¹⁵ x. ĐGH Gioan Phaolô II, *Thư gửi các nghệ sĩ*, ngày 4/4/1999, số 11.

nó không ăn ngũ thay ta, mở mang tâm trí ta. Vì thế, ta đừng tiêu tốn quá nhiều tiền bạc cho việc sửa sang vẻ đẹp ngoài thân xác như dùng các hoá chất làm trắng da, tẩy mụn, nối tóc, nối lông mi, bơm những hoá chất vào các phần thân thể cho đầy đặn... vì những hoá chất đó có thể gây ra phản ứng đào thải của cơ thể, dẫn đến các bệnh nguy hiểm như nhiễm trùng, hoại tử, ung thư.

Một tín hữu chân thực sẽ biết cảm tạ vì thân xác mình là hồng ân của Chúa ban và cha mẹ tạo thành. Người đó biết giới hạn nào của khoa thẩm mỹ để dùng nó làm cho mình đẹp hơn và không cần đến nó để sống chân thực với những cái chưa hoàn hảo của mình. Bạn nghĩ sao khi nghe một người con gái yêu cầu: “Anh cẩn thận đừng hôn em mạnh nhé vì sẽ làm lệch sống mũi giả của em đấy!”. Nhiều bạn trẻ trọng hình thức nên mua những hàng giả, hàng nhái của các nhãn hiệu nổi tiếng, nhưng người chân thực không nên dùng hàng giả, hưởng chi hàng giả ở ngay trong thân thể của mình!

Sau khi biết *Thiên Chúa là nguồn của chân thiện mỹ và Đức Giêsu Kitô là phản ánh cụ thể chân thiện mỹ* này, người Công giáo có sứ mệnh và trách nhiệm diễn tả “cái đúng, cái tốt, cái đẹp” đó trong đời sống hằng ngày. Mục đích là “để mọi người trông thấy những công việc tốt đẹp anh em làm mà tôn vinh Cha anh em ở trên trời”⁹¹⁶, và nhờ đó họ nhận được sự cứu độ là niềm vui, bình an, hạnh phúc và sự sống vĩnh hằng.

Tuy nhiên, trong nhiều thế kỷ, dù luôn cố vũ cho cái đẹp tinh thần, người Công giáo lại ít quan tâm đến cái đẹp thể xác, vì sợ rơi vào việc tôn sùng cái đẹp thân thể như người Hy Lạp và người Roma. Họ hầu như chỉ chú tâm đến cái đẹp tinh thần với những tài năng, đức tính và ân huệ Chúa ban.

Có những thời kỳ người tín hữu Công giáo bị ảnh hưởng của phái Khắc kỷ, thuyết Nhị Nguyên, nên hạ thấp giá trị thân xác con người, coi nó là nguồn của tội ác để chiêu theo dục vọng. Người ta đã phải vẽ thêm các lá cây che kín những phần thân thể nhạy cảm trong các

⁹¹⁶ Mt 5,16.

hoạ phẩm, tượng đài⁹¹⁷. Công đồng Vaticanô II đã sửa sai điều này khi xác định: “con người là một chủ vị duy nhất có thân xác và linh hồn... Vì thế, không được khinh miệt đời sống thể xác, trái lại phải coi thân xác là tốt lành và đáng tôn trọng vì được Thiên Chúa tạo thành và sẽ được sống lại trong ngày sau hết”⁹¹⁸.

Thánh Gioan Phaolô II, trong *Thư gửi các nghệ sĩ*, cũng đã nhắc đến câu nói của nhà văn Dostoevsky (1821-1881): “*Cái đẹp sẽ cứu độ thế giới*”⁹¹⁹. Cái đẹp này không phải chỉ là lý tưởng của Thiên Chúa giáo như giáo sư Lê Ngọc Trà đã hiểu⁹²⁰, giúp nhân dân Nga thoát cảnh đau khổ và bế tắc của xã hội vào thế kỷ XIX. Cái đẹp đó còn được hiểu là chính Thiên Chúa, như nguồn chân thiện mỹ và là Đức Giêsu đầy quyền năng để đưa toàn thể nhân loại và vũ trụ đi vào con đường tình yêu và giải thoát thật sự.

Đứng trước sự suy đồi của nền luân lý vì con người loại bỏ Thiên Chúa chân thiện mỹ ra khỏi đời sống, người Công giáo có sứ mệnh phải diễn tả cái đẹp trong đời sống để cứu độ thế giới, cứu thoát dân tộc mình. “Đạo đức, lối sống, nhân cách, văn hoá của người Việt Nam chúng ta nhiều nơi, nhiều lúc đang làm xấu hình ảnh đất nước, con người, văn hoá Việt Nam”⁹²¹. Cái dối trá, ác đức, xấu xa rõ ràng cứ diễn ra trước mắt mọi người trong các lĩnh vực xã hội, trên các phương tiện truyền thông, trong một bộ phận có chức quyền, thậm chí trong cả lĩnh vực tâm linh, chứng tỏ nhiều người Việt Nam đang vô cảm, hờ hững, lạnh lùng với chân thiện mỹ.

⁹¹⁷ x. Tranh cãi giữa Hồng y Carafa và Michelangelo. Nghệ sĩ bị buộc tội là vô đạo đức, tục tĩu khi vẽ những ảnh trần truồng trên bức hoạ *Ngày Phán xét cuối cùng* ở nhà nguyện Sixtine, Bách khoa Toàn thư, <https://thethaovanhoa.vn/buc-tranh-tren-vom-nha-nguyen-sistine-kiet-tac-vi-dai-cua-michelangelo-20151030111726749.htm>.

⁹¹⁸ x. *Gaudium et Spes*, số 14.

⁹¹⁹ x. ĐGH Gioan Phaolô II, *Thư gửi các nghệ sĩ*, số 16; x. F. Dostoevsky, *L'Idiot*, phần III, chương V, Milan 1998, tr. 645.

⁹²⁰ x. Lê Ngọc Trà, *Thách thức của sáng tạo*, NXB Thanh Niên, 2002, tr.192.

⁹²¹ x. Phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trong Hội nghị Tổng kết 15 năm Thực hiện nghị quyết Trung Ương VIII, ngày 8/8/2013 tại Hà Nội. x. *GHCNVN Niên giám 2016*, tr.215.

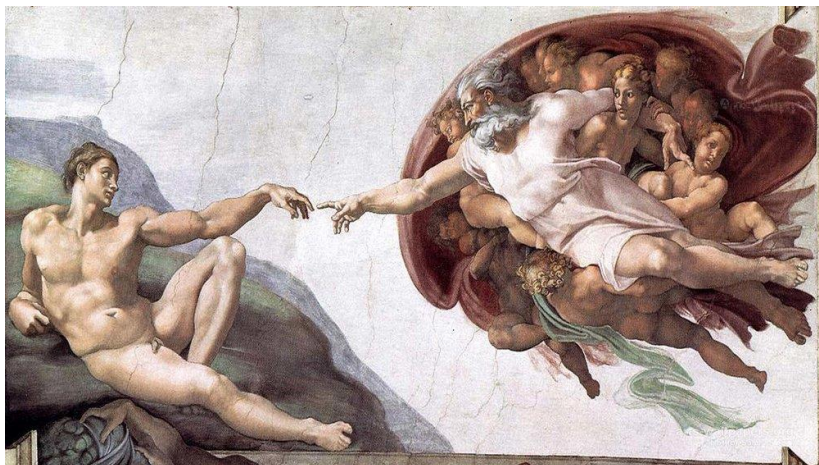
Nếu không có những hành động kịp thời để diệt trừ cái sai, cái ác, cái xấu, và thúc đẩy cái đúng, cái tốt, cái đẹp phát triển trong đời sống cộng đồng xã hội, sợ rằng một ngày nào đó dân tộc hào hùng này sẽ không tồn tại. Đó là lời cảnh báo tha thiết của mỗi người chúng ta trước nguy cơ và thách đố đối với cái đẹp hiện nay.

Để hoàn thành sứ mệnh này, chúng ta không phải chỉ hô hào theo những khẩu hiệu được đề ra trong vài cuộc hội nghị, hội thảo về cái đẹp. Chúng ta cần phải học hỏi chân thiện mỹ thật sự là gì, rồi diễn tả ra thành ý tưởng, lời nói, hành động trong đời sống cá nhân, gia đình, xã hội. Việc giáo dục đào tạo quần chúng này hết sức cần thiết và có thể thực hiện được nhờ quyết tâm của chính quyền như chúng ta thấy phổ biến “thông điệp 5K” (Khẩu trang-Khử khuẩn-Khoảng cách-Không tập trung- Khai báo y tế) trong việc chống lại đại dịch Covid-19 vừa qua.

Giáo hội Công giáo Việt Nam có thể cộng tác trong công trình xây dựng cái đẹp này qua các uỷ ban của Hội đồng Giám mục về nghệ thuật thánh, giáo lý đức tin, Thánh Kinh, phụng vụ, gia đình, giới trẻ, giáo dân để cùng nghiên cứu các bài học và giảng dạy, rồi phổ biến cho các tầng lớp giáo dân và hội đoàn Công giáo. Giáo hội Công giáo Hàn quốc đã làm được điều này từ 20 năm nay và đã biến đổi dân tộc Hàn từ một đất nước nghèo khổ, lạc hậu trở thành một trong 10 nước phát triển hàng đầu thế giới.

Khi hiện ra với ông Môsê trên núi Khoreb⁹²², Thiên Chúa đã tự giới thiệu mình là Đấng Tự Hữu, để nhắc nhở chúng ta rằng tất cả những gì “đang có” đều bắt nguồn từ Thiên Chúa. Chính Ngài là nguồn của mọi giá trị, của chân thiện mỹ và ơn cứu độ. Ngài đã chia sẻ những gì mình có cho mọi loài nên cái đẹp của Ngài chan hoà trong vạn vật. Tuy nhiên, trong thời đại hiện nay, nhiều người chối bỏ sự hiện hữu của Thiên Chúa để đi tìm những cái đẹp giả tạo, nhất thời. Chúng ta xác tín rằng: người ta không thể tìm được cái đẹp và sống đẹp nếu chối bỏ nguồn đẹp là Thiên Chúa!

⁹²² x. Xh 3,1-8.13-15.



Lời kết

Vì vậy, người tín hữu Công giáo Việt Nam chúng ta quyết tâm từ nay sống đẹp và diễn tả cái đẹp của Chúa trong cách suy nghĩ, nói năng, thái độ, cử chỉ, hành động của mình. Chúng ta sẽ tích cực dẫn thân trong mọi môi trường xã hội, kết hợp với nhau để làm chứng cho chân thiện mỹ, cộng tác với mọi người để phục vụ lợi ích chung, sẵn sàng chịu những thua thiệt, mất mát trong đời sống để làm chứng cho Chúa Giêsu, nguồn đẹp cụ thể của Chúa Cha.

Câu hỏi gợi ý

1. *Bạn có mặc cảm nào về thể xác, vóc dáng, làn da... chưa đẹp của mình không?*
2. *Theo bạn: “Cái đẹp là gì? Nó có gắn liền với cái thật và cái tốt không? Tại sao?”*
3. *Tại sao bạn quan tâm (hay không quan tâm) đến việc làm đẹp chính mình, như ăn mặc và trang điểm đẹp khi dự thánh lễ?*
4. *“Sống đẹp như Giêsu” bao gồm những điểm cụ thể nào?*

Tẩy sạch bụi trần

Lời mở

Đi trên đường đời mỗi ngày, chúng ta thấy làn da mình bị đủ loại bụi bẩn bám vào. Do đó, ta cần tắm rửa thường xuyên. Hơn nữa, khi bước trên đường trần, sống với nhiều người, ta phải mở mắt, mở tai, mở trí mở lòng để đón nhận mọi điều tốt xấu nên nhiều dịp tinh thần bị nhiễm bẩn. Vì thế, ta còn có nhiệm vụ tẩy sạch bụi trần bám vào hồn mình cũng như hồn người, như Đức Giêsu đã chịu phép Rửa dưới sông Jordan để cứu nhân độ thế⁹²³.

1. Sống trong môi trường ô nhiễm

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam về không khí và nguồn nước khiến hàng chục ngàn người tử vong mỗi năm và thiệt hại khoảng 240.000 tỉ đồng⁹²⁴. Đó là chưa kể đến ô nhiễm tiếng ồn và đủ loại ô nhiễm tinh thần khác.

Ô nhiễm không khí

Có khoảng 71.300 người chịu tác động ô nhiễm môi trường, trong đó có khoảng 50.000 chết vì không khí độc hại. Nguyên nhân là việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch như dầu khí, than đá chiếm hơn 90% năng lượng. Chi phí bảo vệ môi trường ở Việt Nam rất thấp. Ví dụ như cây xanh chỉ có diện tích 4m²/người trong khi tiêu chuẩn phải là 15m²/người. Đó là chưa kể nhiều rừng cây bị phá huỷ bởi hơn 800 thủy điện nhỏ⁹²⁵ được “vẽ” ra tại các địa phương vì tham những gây nên những cảnh lũ lụt kinh hoàng. Khói bụi do các xe thải ra rất lớn. Khối lượng rác thải sinh hoạt bị đốt ở khắp các thành phố, thị

⁹²³ x. Mt 3,13-17; Mc 1,9-11; Lc 3,21-22.

⁹²⁴ x. Bài “Ô nhiễm không khí tại Việt Nam nhìn từ góc nhìn kinh tế”, tổ chức ngày 14/1/2020, ở Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

⁹²⁵ x. Bài *Thủy điện nhỏ và vừa đang được làm bằng mọi giá?*, tuoitre.vn, ngày 11/11/2020.

xã, còn rơm rạ bị đốt trên các cánh đồng sau mùa gặt ở nông thôn. Các bụi mịn do khói xe, khói thuốc lá và các công trường xây dựng thải ra rất nhiều.

Ô nhiễm không khí làm cho mọi người phải tiếp xúc với các hạt bụi khi hít thở. Những hạt bụi này làm tổn thương hoặc gây nhiễm trùng cho các lớp niêm mạc từ mũi đến phổi. Những bụi lớn có kích thước to cho đến 6µm sẽ bị lông mũi cản lại. Những hạt bụi mịn từ 1,5µm trở xuống, như các tiêu thể trong khói thuốc lá, sẽ đi sâu hơn vào tận các phế nang. Các vi nấm, vi trùng, virus, có kích thước nhỏ hơn bụi mịn, cũng có thể xâm nhập buồng phổi hay qua vết thương trên da. Chúng bám vào mặt các phế nang, làm tổn thương thành phế nang, làm chúng mỏng đi và giãn ra. Dịch bệnh viêm phổi cấp do virus Sars-CoV-2 là thí dụ điển hình.

Hậu quả là các phế nang bị huỷ hoại, diện tích trao đổi khí bị thu hẹp, dẫn đến các cơn khó thở vì thiếu khí oxy để biến máu đen thành máu đỏ⁹²⁶. Hầu hết những người thở yếu sẽ thiếu oxy ở máu trong phổi và trên não dẫn đến các bệnh tim mạch, thần kinh, nhồi máu cơ tim, đứt mạch máu não... Bộ não trung ương sẽ không phát đủ lệnh đến tất cả các cơ quan làm cho toàn thân yếu nhược, tinh thần kiệt quệ và chất lượng sống bị giảm sút.

Ô nhiễm môi trường nước

Nước chiếm 70% trong cơ thể con người. Nước cũng là thành phần không thể thiếu trong mọi cơ thể sống. Tuy nhiên, hiện nay ô nhiễm nguồn nước là một vấn đề đặc biệt nghiêm trọng, nhất là đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, do việc bảo vệ môi trường nước chưa được quan tâm đúng mức.

Việt Nam có dân số 98.427.650 người vào ngày 29/10/2021, với 37,34% sống ở thành thị, theo số liệu từ Liên Hợp Quốc⁹²⁷. Việt Nam có nhiều nguồn nước nhưng tốc độ đô thị hoá nhanh, công nghiệp hoá cao và cơ khí hoá nông nghiệp còn chậm. Do đó, phân bón và thuốc trừ sâu từ sản xuất nông nghiệp, chất thải và nước thải

⁹²⁶ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.327

⁹²⁷ x. Nguồn: <https://danso.org/viet-nam>

từ các ngành công nghiệp và chế biến thực phẩm hầu như đưa trực tiếp vào ao hồ, sông biển. Chất thải, rác thải sinh hoạt của dân cư trong đô thị cũng đẩy trực tiếp ra các nơi đó hay ngấm xuống lòng đất làm bẩn dòng nước ngầm. Tất cả làm cho nguồn nước bị ô nhiễm nặng nề, có hại cho sức khỏe con người, động vật và thực vật⁹²⁸. 90% phụ nữ Việt Nam trong độ tuổi sinh đẻ mắc các bệnh viêm nhiễm phụ khoa vì thiếu nước sạch⁹²⁹. Các bệnh như ung thư, lao phổi, tim mạch, đường ruột do ô nhiễm môi trường rất cao.

2. Ô nhiễm tinh thần

Thật ra, khi bước trên đường trần, ta phải dấn thân bằng tất cả con người và đi chung với mọi người nên toàn thân ta có thể nhiễm phải bụi trần. Có những hình ảnh làm ta gai mắt, những âm thanh làm ta chướng tai, những sự kiện làm ta đau lòng, những biến cố làm ta loạn trí. Tất cả đều khiến tinh thần ta bị nhiễm bẩn, bị tổn thương. Vì thế ta cũng cần tắm rửa tinh thần.



Môi trường tinh thần bị ô nhiễm nặng nề

Cuộc xung đột giữa các dân tộc theo các nền văn hoá khác nhau đã làm cho các giá trị tinh thần như sự thật, sự sống, tự do, độc lập, hạnh phúc, tình yêu, công bằng, hoà bình, tôn giáo,... bị xuyên tạc và giải thích lệch lạc, theo góc nhìn của mỗi bên. Chúng trở thành bụi bẩn bám vào tâm trí cao thượng của con người với đủ loại kích

⁹²⁸ x. Bài “Ô nhiễm môi trường nước”, Karofi.com, Internet, 26/9/2019.

⁹²⁹ x. vinmec.com, ngày 9/1/2021; www.327.regione.toscana.it, 29/10/2020

thước to nhỏ khác nhau, gây nên những tổn thương nhẹ hay nặng tùy thuộc vào tình trạng sức khoẻ tinh thần của từng người khi tiếp xúc với chúng.

Chỉ cần mở mắt là có thể thấy những hành động gian dối, bất công, bất chính để kiếm thật nhiều tiền, để sở hữu nhiều vật chất và hưởng thụ chúng. Chưa kể rất nhiều hình ảnh dâm dăng, bạo lực, ma quái trong những phim ảnh, sách báo, mạng truyền thông xã hội do người ta tự ý đưa vào tâm trí của mình. Chỉ cần mở tai là ta có thể nghe thấy những lời nói dối, nói tục, nói xấu, gây chia rẽ bất hoà của bao người sống quanh ta, trên một số mạng truyền thông xã hội.

Chỉ cần mở lòng là ta thấy bao vết thương do những tham vọng, lọc lừa, phản bội gây nên. Tinh thần ta bị vấy bẩn bởi những phim ảnh đồi trụy, lời nói xấu xa, tham vọng hoang tưởng và dục vọng thấp hèn. Không phải ta chỉ tự làm bẩn tinh thần mình, nhưng còn làm vấy bẩn tâm hồn và cả thể xác người khác.

Nguồn gốc ô nhiễm tinh thần

Rất nhiều người không cảm nhận được tình trạng nhiễm bẩn tinh thần vì họ đánh mất ý thức về tội lỗi. Họ dùng đủ những lời bào chữa để làm im tiếng nói của lương tâm. Họ cho rằng xem những phim đồi trụy, đọc những truyện ngôn tình chỉ là những phút giải trí giúp cho tinh thần thư giãn chứ đâu có thiệt hại gì. Họ rủ nhau đến phòng trọ làm tình, nghĩ rằng đó chỉ là việc giải quyết những đòi hỏi tự nhiên của bản năng. Người ta rủ nhau đi massage tình dục và cho rằng đó chỉ là chuyện giao tiếp xã hội. Họ không còn coi đó là những tội xúc phạm đến Thiên Chúa và con người.

Nhưng, *tại sao người ta lại đánh mất ý thức về tội lỗi?* Đó là vì người ta không còn tin vào Thiên Chúa, không còn cảm nhận được Thiên Chúa trong cuộc đời của mình. Thật vậy, tội chỉ có ý nghĩa đối với những ai tin rằng mình có một tinh thần, hay linh hồn, và tinh thần đó cần phải trong sáng, tốt đẹp, cao thượng cho xứng đáng với Đấng là tinh thần tuyệt đối luôn ngự trong hồn mình và lòng người. Đó là mối liên hệ thâm sâu của con người đối với Thiên

Chúa⁹³⁰. Vì thế, tội lỗi được định nghĩa như là một hành động tự do và có ý thức của con người xúc phạm đến Thiên Chúa⁹³¹, đến người khác hay đến chính mình⁹³².

Ngày nay rất nhiều người đánh mất ý thức về tội lỗi, vì họ không còn tin Thiên Chúa là nguồn của mọi giá trị tích cực mà họ mong chờ, dù vẫn muốn sống mãi, trẻ mãi, đẹp mãi. Họ chỉ tin vào khoa học, vào những giải pháp của con người. Họ nghĩ rằng tội lỗi là một khiếm khuyết trong quá trình tăng trưởng, một yếu kém về mặt tâm lý, một sai lầm trong nhận thức hay hành động, một hậu quả tất yếu của cơ cấu tổ chức xã hội thoái hoá⁹³³... Đến một lúc nào đó, con người sẽ vượt qua cái chết nhờ biết dùng tế bào gốc, tế bào tươi để làm cho mình sống mãi, đẹp mãi. Đến một lúc nào đó, chiến tranh, áp bức, bất công sẽ không còn, khi mọi người nhận ra nhau là anh chị em, nhờ biết tổ chức đời sống xã hội tốt hơn.

Vì thế, họ không ngờ tinh thần mình bị vấy bẩn, gây khổ cho mình cũng như cho người khác, nhưng họ không biết làm gì để thanh tẩy.

3. Sứ mệnh tẩy sạch bụi trần, rửa sạch tội đời

Để bảo đảm sức khoẻ toàn diện, ta phải tẩy rửa bụi bặm, làm sạch môi trường sống. Vì thế, việc tẩy sạch bụi trần và rửa sạch tội đời là sứ mệnh của mọi người trong cộng đồng xã hội. Càng rửa sạch tội lỗi, con người càng cảm nhận được niềm vui, bình an, hạnh phúc, ân huệ của Thiên Chúa và càng phát huy được những khả năng kỳ diệu của chính mình. Nó gồm những công việc sau đây:

3.1. Bảo vệ môi trường sống thể chất và tinh thần

Trong lĩnh vực cá nhân cũng như cộng đồng, có nhiều giải pháp bảo vệ môi trường sống⁹³⁴ như:

- Giám nguồn bụi bằng việc sử dụng các phương tiện giao thông thân thiện với môi trường như dùng xe đạp, xe điện thay loại xe sử

⁹³⁰ x. *GLHTCG*, số 386.

⁹³¹ x. *GLHTCG*, số 1850.

⁹³² x. *GLHTCG*, số 1853.

⁹³³ x. *GLHTCG*, số 386.

⁹³⁴ x. *TLHTXHC*, số 451-486; *Docat*, câu số 256-269

dụng xăng dầu; tưới nước để giảm bụi ở các công trường xây dựng, các đường phố đông xe, sử dụng các nguồn năng lượng sạch như thủy điện, điện gió, điện mặt trời thay cho các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than đá hay dầu cặn, sử dụng nhiên liệu sạch như bếp điện, bếp gas thay cho than, củi.

- Giảm ô nhiễm nước bằng việc thay đổi quy trình công nghiệp trong các ngành nghề như cơ khí, luyện kim, dệt may nhuộm, chế biến thủy hải sản. Các xí nghiệp phải có hệ thống lọc nước thải trước khi xả nước ra môi trường. Các chất thải sinh hoạt cộng đồng cũng phải đưa vào cống lọc, bể lọc thay vì đưa thẳng ra sông, biển hoặc ngâm trực tiếp vào lòng đất làm ô nhiễm dòng nước ngầm. Xử lý đặc biệt các chất thải y tế để tránh lây lan nguồn dịch bệnh.

Các thuốc trừ sâu, phân bón hoá chất được thay thế bằng các loại thuốc sinh học, phân hữu cơ, phân xanh thân thiện với môi trường. Giáo dục công dân, nhất là các nông dân, ngư dân, các công ty, xí nghiệp, về việc sử dụng các loại hoá chất, thuốc trừ sâu, phân bón và có luật lệ quy định rõ ràng.

- Giáo dục công dân để trồng và bảo vệ cây xanh, phân loại rác để tái sử dụng. Mang khẩu trang để lọc bụi khi ra đường, khi bị cảm cúm, ho. Không nhổ bậy, không xả rác bừa bãi, không vứt xác thú vật ra đường, hay ngoài sông, ngoài ruộng. Giáo dục quần chúng về việc giữ gìn vệ sinh chung và phổ biến những quy định rõ ràng của bộ luật bảo vệ môi trường. Nhắc nhở quần chúng tắm rửa thường xuyên để giữ da sạch, lau quét nhà cửa, đồ dùng để giảm bụi, tránh hút thuốc lá ở nơi công cộng.

- Để bảo vệ môi trường sống cho tinh thần, chính quyền cũng như từng cá nhân đều có trách nhiệm, nhất là đối với những ai đang làm việc trong lĩnh vực truyền thông và sử dụng các phương tiện đó. Họ cần phải nắm vững các nguyên tắc đạo đức xã hội để việc giao lưu văn hoá mang lại những hiệu quả tích cực. Những người sử dụng có trách nhiệm chọn lựa và kiểm tra sản phẩm văn hoá họ đã thực hiện hay thụ hưởng, xem chúng có tốt đẹp xứng với nhân phẩm không. Hiện nay không thiếu văn hoá phẩm bị coi là đồi trụy, cổ vũ bạo lực,

hoang đường⁹³⁵. Cần có luật lệ quy định rõ ràng trong lĩnh vực truyền thông để không bôi bẩn tâm hồn.

Hơn nữa, truyền thông phải luôn trung thực, tôn trọng sự thật⁹³⁶, nên họ không được quyền lừa dối một ai hoặc làm tay sai cho các thế lực để xuyên tạc sự thật. Người sử dụng và hưởng thụ các sản phẩm văn hoá cũng phải biết phân định và chọn lọc những sản phẩm tốt đẹp, ích lợi thật sự cho mình cũng như cho người khác, nhất là cho con cái và những người dưới quyền⁹³⁷.

3.2. Tắm rửa để tẩy sạch bụi trần

Sống trong môi trường ô nhiễm, thân thể chúng ta rất cần nước sạch để tẩy rửa bụi bẩn và các chất độc hại bám trên da. Tuy nhiên nhiều người không biết da có cấu trúc như thế nào nên không biết bảo vệ, thậm chí chưa biết tắm đúng cách để làm sạch da.



Da và các chức năng

Bụi bẩn và các vi sinh vật có thể bám vào cơ thể và xâm nhập vào con người, không phải chỉ qua mắt, tai, mũi, miệng, lỗ sinh dục và lỗ bài tiết mà còn qua da.

⁹³⁵ x. TLHTXHCG, số 560.

⁹³⁶ x. TLHTXHCG, số 414-416.

⁹³⁷ x. TLHTXHCG, số 562.

Da là cơ quan có trọng lượng khoảng 4kg ở một người trưởng thành có tầm vóc trung bình⁹³⁸ và bao phủ một diện tích khoảng 2m². Nó tạo nên một lớp không thấm nước và dai, bảo vệ ta khỏi ảnh hưởng của môi trường. Chỉ trong 1cm² da, trung bình có khoảng 55cm sợi thần kinh, 70cm mạch máu, 15 tuyến bã, 100 tuyến mồ hôi và hơn 200 thụ thể cảm giác⁹³⁹.

Ngoài chức năng bảo vệ, da còn giúp ta cảm nhận rõ cấu trúc vật dụng và nhiệt độ môi trường xung quanh. Da còn giúp điều hoà thân nhiệt, bài tiết mồ hôi, giao tiếp, cảm nắm nhờ các nếp gấp ở ngón và bàn tay và sản xuất vitamin D nhờ ánh sáng mặt trời⁹⁴⁰.

Tắm rửa để làm sạch da

Ngay từ thời sơ khai, con người đã biết dùng nước ở sông suối, ao hồ, biển cả hay đứng ngoài trời mưa tắm rửa để làm sạch thân mình. Theo dòng thời gian, con người khám phá thêm những cách tắm khác nhau, không phải chỉ để làm sạch cơ thể mà còn để thư giãn, chữa bệnh, giao tiếp xã hội. Cách tắm cũng có nhiều kiểu mới không cần dùng nước thiên nhiên như tắm nắng, tắm hơi, tắm bùn, tắm trắng, tắm sữa, tắm bằng tia hồng ngoại...

Những dụng cụ sử dụng trong việc tắm rửa, ngoài đôi bàn tay kỳ cọ làn da, còn có khăn vải, xơ mướp, bông tắm, xà phòng, đủ loại hoá chất để gội đầu, làm sạch da, dưỡng ẩm da... Ngoài dòng nước tuôn chảy tự nhiên, nước tắm còn chảy qua vòi tắm hoặc chứa trong chậu lớn, bồn tắm, bể tắm, được thiết kế với máy móc tự động đun nước nóng, pha thêm những chất tẩy trắng, hương liệu, khử sạch mùi.

Tuy nhiên, qua những câu chuyện, phim ảnh, sách báo, không ít người đã hiểu sai về cách tắm rửa, dẫn đến những nguy hại cho sức khoẻ.

⁹³⁸ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.280.

⁹³⁹ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.38-39.

⁹⁴⁰ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.38.



Trước hết là một số người thường tắm quá lâu, trong khi trung bình *chỉ nên tắm trong vòng 10-15 phút*. Tắm lâu sẽ làm giảm độ acid của da, các tuyến bã ở các lỗ chân lông phải tiết nhiều chất nhờn để da không thấm nước, được mềm mại, chống vi khuẩn và các bệnh ngoài da. Việc ở lâu trong phòng đầy hơi nước đều không tốt cho da và buồng phổi.

Nhiều người không biết lúc nào nên tắm nước nóng hay nước lạnh. Việc dùng nước nóng hay lạnh có những lợi ích khác nhau và tùy vào tình trạng cơ thể. Việc kỳ cọ làn da và nước nóng làm cho máu lưu thông dễ dàng hơn, các tuyến mồ hôi được kích thích để điều hoà thân nhiệt, làm dẫn các cơ bị đau nhức, thư giãn hệ thần kinh, giúp dễ ngủ, giảm căng thẳng và mệt mỏi, giảm lượng đường trong máu. Vì thế việc tắm bằng nước nóng tốt cho những ai bị cảm cúm, tiểu đường, đau khớp, khó ngủ, căng thẳng.

Khi tắm nước lạnh, các mạch máu dưới da co lại làm giảm vận động lưu thông của máu, giảm lượng nhiệt thoát qua da. Các tuyến mồ hôi co lại, ít tiết ra mồ hôi nên nhiệt độ cơ thể được giữ lại. Các thụ

thể ở đầu sợi thần kinh cảm giác trong hệ thần kinh tự động⁹⁴¹ được kích thích giúp ta loại bỏ sự lười biếng và buồn ngủ. Những bệnh nhân suy thoái hệ bạch huyết và miễn dịch, bệnh gan, rối loạn tiêu hoá, yếu kém sinh lý nên tắm nước lạnh.

Một số người kết hợp việc tắm rửa với việc làm đẹp da, mềm da, trắng da bằng đủ loại mỹ phẩm. Những hạt hoá chất này có thể gây nguy hiểm vì ngấm sâu vào da qua lỗ chân lông, phá huỷ các tuyến bã và bít kín các tuyến mồ hôi, gây nên bệnh viêm nang lông và nhiễm trùng qua da. Đúng hơn, ta chỉ nên dùng nước sạch, làm ướt toàn thân, kỳ cọ cơ thể khoảng vài phút để làm mềm da và loại bớt bụi bẩn, rồi xoa ít xà phòng tẩy khuẩn lên khắp người. Sau đó dùng nước sạch xả từ trên xuống dưới để trôi hết dầu gội và xà phòng tắm.

Ta nên để làn da thông thoáng là tốt nhất vì các bộ phận của da đủ sức bảo vệ cơ thể bằng những hoạt động bình thường. Ta cũng đừng nhẹ dạ tin dùng những kem tẩy trắng hay tắm trắng vì màu da tùy thuộc vào số lượng và sự phân bố của các sắc tố melanin trong da của người đó. Các tia UV trong ánh sáng mặt trời kích thích sản sinh melanin ở mọi màu da, tạo ra màu da rám nắng⁹⁴², do đó nên tránh ra ngoài nắng nếu muốn da trắng hơn. Hãy giữ làn da tự nhiên, khoẻ mạnh và vượt qua mặc cảm đen trắng để tự khẳng định con người thật của mình hơn là theo màu tóc, màu da.

Nhiều bạn trẻ mang mặc cảm tự ti về da mặt đầy mụn của mình. Tuyến mồ hôi và tuyến bã của da có thể đẩy các dịch nội tiết, hạt mỡ và những chất thải trong máu qua da tạo nên những mụn nhọt cũng như những loại mồ hôi dầu, mồ hôi muối với mùi khác nhau. Nguyên nhân chính tạo nên mụn là làn da bị tổn thương, nhất là do ta nặn mụn bằng tay, thay vì dùng bông thấm cồn (alcohol), khiến cho mũ đầy vi khuẩn trong mụn lan sang các lỗ chân lông khác. Hệ thống miễn dịch với các bạch cầu phải đến bao vây các vi khuẩn tạo nên những mụn mới. Lốp bông thấm cồn sẽ giết các vi khuẩn trong mụn không cho chúng lây lan. Muốn chữa làn da nhiễm trùng, ta nên

⁹⁴¹ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.297.

⁹⁴² x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.280.

ăn nhiều rau, uống nhiều nước, giữ da sạch bằng cách không bôi các hoá chất lên phần da bị tổn thương, không nặn mụn bằng tay, và dùng thuốc theo sự chỉ dẫn của bác sĩ.

Một nguyên nhân khác làm tổn thương da, đó là các khăn mặt, khăn tắm, bông tắm thường là ổ chứa các vi sinh vật do luôn ẩm ướt, đặt ở chỗ không có ánh nắng hay treo trong phòng tắm, dính mũ do các mụn trên mặt, dính các chất dầu mỡ từ đồ ăn khi lau miệng, dính bụi bẩn... Ta có thể thử khăn bằng cách phơi ra ngoài nắng, sẽ thấy khăn khô cứng như mo cau, còn khăn ướt thì các sợi bông cuộn lại với nhau, không rời từng sợi và mềm như lúc mới mua. Vì vậy, ta phải thay khăn mặt, bông tắm vài tháng một lần và mỗi tuần giặt bằng nước nóng để giết các vi khuẩn cũng như phơi ngoài nắng hàng ngày.

Như thế, việc tắm rửa là nhu cầu cần thiết hầu như ta phải làm mỗi ngày để giữ cho cơ thể được sạch sẽ, nhờ đó ta mới có một sức khoẻ ổn định và tinh thần trong sáng, an vui.

3.3. Rửa sạch tội đời

Việc tắm rửa tinh thần để tẩy sạch tội lỗi cần thiết hơn cả việc tắm rửa thân thể và cũng bao gồm một số công đoạn nên làm.

Việc đầu tiên là thanh tẩy ký ức

Thật ra, qua vài chục năm sống, trí nhớ của ta lưu trữ hàng tỉ hình ảnh, âm thanh, lời nói, tư tưởng, cảm xúc, hành động xấu tốt của hàng ngàn con người, trong hàng ngàn sách báo, bộ phim, sự kiện, hoàn cảnh. Nếu không tắm rửa để loại trừ sớm những thứ xấu xa, bản thủ, ác độc ra khỏi tâm trí, chúng sẽ đi sâu vào tinh thần, từ tầng ý thức đến tiềm thức và ẩn kín trong cõi vô thức của ta như Sigmund Freud đã cảnh báo⁹⁴³, gây nên những tật bệnh tinh thần.

Thật ra, có những hạt bụi vô tình bám vào hồn ta giống như bụi đường. Đó là những tư tưởng tiêu cực, lời nói giả dối, hình ảnh đồi trụy, bạo lực, ma quái, những ham muốn chiều theo tham vọng,

⁹⁴³ Sigmund Freud (1856-1939), nguyên là một bác sĩ về thần kinh và là nhà tâm lý học người Áo. Ông là người đặt nền móng và phát triển học thuyết phân tâm học.

dục vọng bất chính, mà ta đã gặp trong ngày sống. Ta cần phân định để loại bỏ chúng ra khỏi tâm trí bằng cách ngồi tĩnh lặng ít phút vào lúc cuối ngày khi kiểm điểm chính mình. Chúng ta sẽ thấy ngay tính cách tiêu cực, xấu xa của chúng nhờ lương tâm tốt lành, nhờ lời cầu nguyện để xin Chúa Thánh Thần soi sáng hay để xin Chúa Giêsu tẩy rửa tâm hồn ta nhờ dòng nước và dòng máu chảy ra từ trái tim Người⁹⁴⁴.



Việc tiếp theo là ăn năn tội lỗi

Những bụi bần tinh thần này chỉ có thể bám chặt vào hồn ta, nếu được ta đón nhận bằng một quyết định rõ ràng của lý trí và ý chí. Lúc đó bụi trần mới trở thành tội lỗi làm vấy bần linh hồn, gây nên những tật bệnh tinh thần ảnh hưởng đến toàn thân. Theo thống kê của Bộ Y tế vào năm 2017, tại Việt Nam, có khoảng 15% dân số mắc các chứng rối loạn tâm thần phổ biến liên quan tới stress, 3 triệu người bị rối loạn tâm thần nặng. Viện Sức khỏe tâm Thần gần đây cho thấy có tới 30% dân số Việt Nam mắc các bệnh rối loạn tâm thần, trong đó tỉ lệ trầm cảm chiếm 25%⁹⁴⁵.

Ta phạm tội vì chúng thoả mãn lòng tham và lòng dục của ta, tạo cho ta những phút sung sướng nhất thời, hạnh phúc giả tạo, đưa ta đi sâu vào sự mê muội lầm lạc và cuối cùng là cái chết của tinh thần, nghĩa là cắt đứt ta với Chúa là cội nguồn hiện hữu. Ta giống như người thoát đầu vô tình xem một vài hình ảnh dâm đăng, sau đó cố

⁹⁴⁴ x. Ga 19,34.

⁹⁴⁵ x. Báo *Tiền Phong online*, ngày 13/9/2018.

ý tìm xem phim ảnh đồi trụy, rồi thực hiện những hành vi thủ dâm hay mua dâm, để cuối cùng thân tàn ma dại vì bệnh tật.

Chính vì thế, ta cần phải rửa sạch tội đời trong hồn mình bằng việc ăn năn sám hối vì đã xúc phạm đến Chúa là Đấng yêu thương ta vô cùng và quyết tâm từ bỏ những hành vi làm bẩn tâm hồn. Chúng ta thừa biết rằng những cuốn phim đồi trụy kia chỉ chiếu đi chiếu lại vài hình ảnh quen thuộc, chẳng tăng thêm kiến thức hay nâng cao cảm xúc của ta, nhưng ta vẫn thích xem vì chúng đáp ứng các đòi hỏi của bản năng tình dục. Hơn nữa, ma quỷ luôn ru ta vào những cơn mê muội khiến ta dễ đánh mất chính mình.

Sự kiện Đức Giêsu, dù vô tội, nhưng đã hoà mình với đám tội nhân dưới dòng sông Jordan để nhận phép rửa sám hối của ông Gioan Tẩy Giả, đã khiến trời mở ra. Rồi tiếng Chúa Cha phán từ trời và Thánh Thần dưới hình chim bồ câu hiện ra là hình ảnh rõ ràng nhất về tình yêu tha thứ của Thiên Chúa và sứ mệnh tẩy sạch bụi trần của con người⁹⁴⁶. Vì thế chúng ta cũng phải tích cực giúp đỡ anh chị em mình vượt qua tội lỗi, nhờ làn khí Thánh Thần được Đức Giêsu Phục Sinh thổi trên ta⁹⁴⁷.

Hành động hoà mình vào dòng nước của Chúa Giêsu để thánh hoá nước và dùng nước này để thanh tẩy nhắc nhở ta sứ mệnh phải bảo vệ môi trường sống cho muôn loài. Người ta đã từng áp dụng những giải pháp cực đoan để thanh tẩy tinh thần như chạy điện não cho những tù nhân giết người hàng loạt, hãm hiếp nhiều phụ nữ hay dùng chiến tranh tâm lý để “tẩy não đối phương”, bằng cách áp dụng phát minh “phản xạ có điều kiện” của Ivan Petrovich Pavlov⁹⁴⁸. Giáo hội Công giáo giới thiệu cho ta 2 loại bí tích để thanh tẩy tâm hồn xứng hợp với nhân phẩm là Rửa Tội và Giải tội. Chúng ta có thể tìm hiểu để thực hiện cho chính mình.

Việc thứ ba là cải thiện đời sống

⁹⁴⁶ x. Mt 3, 13-17.

⁹⁴⁷ x. Ga 20, 22-23.

⁹⁴⁸ Ivan Petrovich Pavlov(1849-1936), người Nga, viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Peterburg. Ông là người đã giành giải Nobel sinh lý và y khoa năm 1904.

Sau khi rửa sạch tội lỗi, ta cần phải làm cho tinh thần mình trong sáng, tốt đẹp, mạnh mẽ hơn bằng những tư tưởng thanh cao, lời nói trung thực, hành động tích cực. Đức Phật Thích Ca giới thiệu cho ta Bát Chính Đạo: “chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh, chính tinh tiến, chính niệm, chính định”⁹⁴⁹. Đức Giêsu cũng dạy chúng ta đường hướng sống tích cực theo Tám Mối Phúc Thật để kiện toàn Thập giới: “tinh thần nghèo khó, hiền lành, sầu khổ vì tội lỗi, khát khao nên người công chính, biết xót thương người, có tâm hồn trong sạch, xây dựng hoà bình, chấp nhận bị bách hại vì sống công chính”⁹⁵⁰.

Người tín hữu Công giáo không phải chỉ chủ động tẩy xoá tội mình qua bí tích Giải Tội, như một cuộc tắm rửa tinh thần. Họ còn phải tích cực tẩy xoá tội đời bằng những hành động thiết thực trong đời sống, để diễn tả tình yêu đối với Thiên Chúa, với anh em, với chính mình, với vạn vật. Toàn bộ đời sống tín hữu tập trung vào tình yêu, và tội lỗi là những hành vi loại trừ tình yêu trong tâm hồn do vi phạm những luật lệ của Thiên Chúa. Do đó, càng “yêu thương đến cùng” như Đức Giêsu, ta càng cộng tác với Người trong sứ mệnh xoá bỏ tội đời, phục hồi tinh thần sa đọa và hoà nhập tinh thần của mình với Chúa là tinh thần tuyệt đối.

Lời kết

Việc tắm rửa để tẩy sạch bụi trần và tội đời tưởng như tầm thường, nhưng quả thật hết sức cần thiết để giúp ta trở thành một con người trong sáng, tốt đẹp hơn mỗi ngày. Người ta thường nói: “Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn”. Nhưng chúng ta không thể để ao nhà của ta vẫn đục. Trái lại, chúng ta cùng nhau chung sức để làm sạch môi trường sống bằng những hành động thiết thực trong đời sống hằng ngày.

Câu hỏi

⁹⁴⁹ x. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Từ điển Phật học Hán Việt*, Mục từ *Bát chính đạo*, NXB Phân viện Nghiên cứu Phật học, Hà Nội, 1992, q.1, tr.102.

⁹⁵⁰ x. Mt 5,1-10.

- 1. Trong cương vị hiện nay, bạn có thể làm gì cho môi trường Việt Nam được trong sạch, tốt đẹp hơn?*
- 2. Bạn thấy mình nên sửa đổi điều gì khi tắm rửa?*
- 3. Bạn hãy kể ra những bụi bặm tinh thần đang tàn phá bầu khí ở Việt Nam.*
- 4. Bạn tẩy rửa tinh thần của mình như thế nào cho sạch bụi bẩn và tội đời?*

Bài 26

Giấc ngủ an bình

Lời mở

Ngủ là một hành động hết sức cần thiết cho sức khoẻ con người. Qua giấc ngủ, các tế bào có thời gian để phát triển; các mô có thời gian để phục hồi, nhất là các mô thần kinh; các hệ cơ quan như hệ tiêu hoá, hệ thần kinh có thời gian được nghỉ ngơi; hệ tuần hoàn, hệ hô hấp có thời gian để ổn định. Trong giấc ngủ, các kiến thức, các dữ liệu ta thu nhận được trong ngày sống mới được phân loại, định giá, sắp xếp vào bộ nhớ của con người. Tuy nhiên, nhiều người chúng ta đã coi thường giấc ngủ, ngủ không đủ giờ, hoặc ngủ không đúng giờ theo đồng hồ sinh học của cơ thể do áp lực của công việc, do những đam mê thúc đẩy, thậm chí do thiếu hiểu biết nên đã làm tổn thương sức khoẻ toàn diện của mình. Vì thế, chúng ta sẽ tìm hiểu để có thể tìm được một giấc ngủ an bình.



1. Ngủ là gì?

Theo định nghĩa của Từ điển Tiếng Việt, “*Ngủ là nhắm mắt lại, tạm dừng mọi hoạt động chân tay và tri giác, bắp thịt dãn mềm, các hoạt động hô hấp, tuần hoàn chậm lại, toàn bộ cơ thể được nghỉ ngơi - một trạng thái sinh lý thường có tính chất chu kỳ theo ngày đêm*”⁹⁵¹.

Định nghĩa này chỉ mới mô tả ngủ như một hoạt động thường có của con người, nhưng chưa định nghĩa ngủ thật sự là gì.

Ta có một định nghĩa rõ ràng hơn: *Ngủ là hoạt động tự nhiên theo định kỳ, mà những cảm giác và vận động tạm thời bị hoãn lại một cách tương đối, với đặc điểm dễ nhận thấy là cơ thể bất tỉnh hoàn toàn hoặc một phần và sự bất động của hầu hết các cơ bắp*⁹⁵². Giác ngủ là một trạng thái đồng bộ cao, tăng cường sự tăng trưởng và trẻ hoá hệ thống miễn dịch, thần kinh, xương và hệ thống cơ bắp. Giác ngủ rất cần thiết cho sự sống đối với tất cả các động vật có vú, tất cả các loài chim, nhiều loại bò sát.

Có người nhắm mắt ngủ mà đầu óc vẫn suy nghĩ nên khi thức dậy cảm thấy mệt mỏi hơn khi thức. Ngược lại, có người không ngủ, giữ nhịp thở đều, tâm trí thanh thoát, nên cảm thấy thoải mái, khoẻ khoắn, giống như tâm trạng của các thiền sư ngồi thiền. Nếu đo điện não, ta sẽ phân biệt được ngủ nông và ngủ sâu. Điện não đồ sẽ báo trên màn hình những bước sóng ngắn và dày khi ta có suy nghĩ, còn bước sóng rộng và thưa khi ngủ nông, bước sóng rộng nhất và thưa nhất khi ngủ sâu. Ngủ nông là tình trạng của người đã đi vào giấc ngủ nhưng trí não vẫn hoạt động một cách nào đó. Còn ngủ sâu là trí não hầu như ở trong trạng thái thư giãn hoàn toàn.

Chu kỳ thức ngủ hằng ngày của ta bị tuyến tùng chi phối. Đây là tuyến nhỏ chỉ dài khoảng 8mm, nằm gần trung tâm não, phía sau đồi thị, có hình dạng một quả thông. Tuyến này tiết ra hormon melatonin

⁹⁵¹ x. Từ điển Tiếng Việt 2013, tr.890.

⁹⁵² x. <https://fr.scribd.com/document/443373926/Macmillan-Dictionary-for-Students-pdf>; *Macmillan Dictionary for Students*, mục từ *Sleep* 1981, tr. 936.

có liên quan trong việc điều hoà nhịp ngày-đêm hay chu kỳ thức-ngủ của cơ thể⁹⁵³.

Tuyến này có liên quan với thị giác, mắt càng thu nhận nhiều ánh sáng thì hoạt động của tuyến tòng giảm đi, do đó vào ban ngày, nồng độ melatonin thấp. Nồng độ này tăng cao vào ban đêm với lượng tiết ra tăng khoảng 10 lần làm cho ta cảm thấy buồn ngủ. Vì thế chúng ta nên nhắm mắt và tắt đèn hoặc giảm ánh sáng trong phòng cho dễ ngủ⁹⁵⁴.

2. Những nguyên nhân gây mất ngủ

Chúng ta có thể phân biệt nhiều nguyên nhân gây mất ngủ trong các lĩnh vực khác nhau: như các thói quen, các tác động thể lý, tâm thần, tâm lý, tâm linh. Vì thế, chúng ta phải tìm ra được nguyên nhân gây mất ngủ cho mình.

2.1. Một số thói quen gây nên chứng khó ngủ

- *Nằm ngủ không đúng cách*: nằm sấp, nằm nghiêng, gối đầu quá cao, gối quá cứng, vắt tay lên trán, nằm suy nghĩ một vấn đề gì đó trước khi ngủ... khiến thiếu khí oxy trong não.

- *Môi trường*: phòng kín, thiếu cửa sổ hay ô thông gió, phòng nhỏ nhưng đông người ngủ, chưng hoa tươi và cây cảnh to trong phòng nên thiếu dưỡng khí. Trong phòng ngủ không nên trưng bày hoa tươi, cây cảnh vì thán khí của hoa, cây cảnh toả ra gây khó ngủ, có thể gây chết ngạt. Nhất là vào mùa Đông ở miền lạnh, đốt than để sưởi cũng có thể bị chết ngạt vì thán khí.

- *Một nguyên nhân bí ẩn thường bị quy về “phong thủy”*: một số người có dòng điện mạnh không nằm theo hướng từ trường Nam Bắc của trái đất, nằm ngược dòng hoặc nằm cắt ngang dòng nước ngầm chảy bên dưới mặt đất, hoặc nằm ngay chỗ gió lùa từ cửa chính đến cửa sổ.

- *Đi tiểu đêm nhiều lần* do uống nhiều nước trước khi ngủ, nhất là khi van dẫn nước tiểu ở bàng quang suy yếu. Ta có thể chữa triệu

⁹⁵³ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.132.

⁹⁵⁴ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.389.

chứng này bằng cách tập thể dục theo bài 22 ở phần 4.1, giữ bàn chân ấm bằng cách mang vớ và uống vừa đủ nước.

- *Mặc áo quần quá chật khi ngủ.* Nên mặc những quần áo ngủ rộng, mềm, nhất là đồ lót, để các cơ bắp và làn da được thư giãn.

- *Có tình vận dụng não khi ngủ.* Có thời kỳ người ta ứng dụng khám phá về cõi vô thức để học trong khi ngủ, vì lập luận rằng thời gian ngủ chiếm đến một phần ba ngày sống nên lợi dụng học trong lúc ngủ để tiết kiệm thời giờ. Hơn nữa khi ngủ, cõi vô thức vẫn có thể tiếp tục làm việc, nên người ta nghe những đoạn ghi âm để học ngoại ngữ, học kỹ thuật, nghe truyện ghi âm... Đây là một hành động sai lầm, gây nguy hại, tổn thương cho bộ não.

Quả thật, bộ nhớ trong não cho phần ký ức vẫn tiếp tục làm việc để sắp xếp dữ liệu mà ta thu nhận ban ngày. Các vùng của não như nhân đuôi, hồi đai, vùng điều hành trung tâm, vùng dưới đồi, hành khứu giác, thể núm, thể tam giác, nhân vỏ hên, đồi thị, hồi hải mã, cầu não, tiểu não luôn hoạt động khi ta ngủ để lưu trữ và gọi nhớ lại các sự kiện gồm đủ loại thông tin, sự việc, kinh nghiệm, hoàn cảnh, trạng thái cảm xúc của ta vào thời điểm xảy ra sự kiện⁹⁵⁵. Vì thế những người ngủ tốt thường có trí nhớ tốt.



⁹⁵⁵ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.306.

Nhưng khi chúng ta nghe những bài học lúc ngủ, thì không phải chỉ có phần ký ức làm việc mà toàn thể bộ não phải vận hành theo âm thanh lọt vào tai. Âm thanh được phân tích trên các vùng thuộc vỏ não ngôn ngữ, vỏ não cảm xúc, vỏ não điều hành trung tâm nên vẫn cần năng lượng để hoạt động⁹⁵⁶. Hành động học trong khi ngủ này lâu dài sẽ ảnh hưởng nặng nề đến hệ thần kinh vì bộ não trong làm việc quá mức và vùng vỏ não không được nghỉ ngơi.

- *Nghe nhạc êm dịu hay đọc truyện trước khi ngủ.* Một ít người có thói quen mở những băng nhạc nhẹ nhàng, êm dịu hay nghe truyện ghi âm sẵn để ru ngủ. Tiếng nhạc hay tiếng đọc truyện đều đều có thể ru ta vào giấc ngủ nhưng vẫn kích thích các phần khác của bộ não hoạt động. Ta nên tập thói quen ngủ trong bầu khí yên tĩnh, không có bất cứ tiếng động nào là tốt nhất.

2.2. Phân loại các nguyên nhân gây khó ngủ

Chúng ta có thể tóm tắt các nguyên nhân gây khó ngủ thành 4 loại:

- *Nguyên nhân thể lý:* Một số bệnh có thể gây chứng khó ngủ như tuổi tác cao nên hệ thống thần kinh suy yếu, dễ căng thẳng và bị kích động, bệnh cường giáp, bệnh tim, bệnh dạ dày, tình trạng suy giảm nội tiết tố, triệu chứng hậu Covid-19 do suy giảm hoạt động tim phổi... Thậm chí những món ăn, đồ uống quá khuya làm cho bao tử phải vận hành để tiêu hoá, những hoạt động như tắm bằng nước quá lạnh, chơi thể thao hay tập thể dục quá sức cũng làm ta khó ngủ và mất ngủ.

Nguyên nhân gây khó ngủ, mất ngủ chủ yếu là thiếu khí trong máu và trong não. Người Việt thường thở rất yếu, có tới 90% người thở không đủ lúc hoạt động ban ngày. Ban đêm ta thường thở ít hơn ban ngày, đến khoảng 25%, nên tình trạng thiếu khí còn nặng nề hơn. Thiếu khí là do cách ta nằm, do môi trường hay nghẹt đường thở ở mũi. Tình trạng thiếu khí sẽ trầm trọng hơn nếu bệnh nhân có nhịp tim nhanh, nhất là khi các đường máu ngoại biên ở mặt và nội sọ bị tắc nghẽn do lượng mỡ trong máu cao.

⁹⁵⁶ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.305.

Để tránh tình trạng chết vì ngạt khí, cơ thể tự bảo vệ bằng cách không cho ta ngủ sâu: ta cứ ngủ chập chờn cho đến lúc tình trạng thiếu khí cao nhất, có thể nguy hiểm thì cơ thể sẽ vùng chỗi dậy để lấy lại hơi thở. Khi bộ não thiếu khí thì những hình ảnh, tư tưởng, âm thanh, sự kiện trong bộ nhớ sẽ hoà trộn với nhau một cách hỗn độn tạo ra những giấc mơ, ác mộng đủ loại. Ví dụ: mơ bị rượt đuổi, chạy nhanh, té ngã, rớt xuống sông, xuống biển, bị tai nạn... Có khi còn mơ thấy những con ngựa bay, những vật khổng lồ, thấy thần linh, ma quỷ, Đức Mẹ Maria hay Chúa hiện ra với mình. Rồi có những ảo giác, ảo thanh, nói mê khiến người nghe cho là bị ma ám, quỷ nhập, dân gian cho là bị bóng đè, hồn nhập... Thật ra đó chỉ là những tình trạng hỗn độn của các dữ liệu trong tiềm thức, vô thức chứ không phải do nguyên nhân tâm linh.

- *Nguyên nhân tâm thần*: Nguyên nhân mất ngủ bắt nguồn từ những hoạt động căng thẳng, làm cho bộ não tỉnh táo, như tập trung trí não cao cho những kỳ thi, khoá học, sự kiện, biển cô, trò chơi trực tiếp hay trực tuyến, những bộ phim gay cấn, những trang sách kích động, bài ca hay điệu nhạc sôi động, do áp lực, kích thích của các chất ma tuý đủ loại... dẫn đến suy kiệt tâm thần.

- *Nguyên nhân tâm lý*: do các cảm xúc hay cảm tình quá mãnh liệt, không thể kiềm chế như vui thích, lo sợ, tức giận, ghen tuông, buồn phiền, yêu thương, mong muốn... Tình trạng này liên quan đến nhịp tim và khí thở: khi nhịp tim nhanh, ta cần nhiều oxy để chuyển hoá máu nên không thể ngủ khi thiếu khí.

- *Nguyên nhân tâm linh*: do tác động của các loại tinh thần khác. Điều này nghe có vẻ như mê tín, nhưng các bệnh viện hiện đại trên thế giới đã ghi nhận và chúng tôi cũng đã từng chữa trị cho những bệnh nhân có chứng khó ngủ hay mất ngủ loại này⁹⁵⁷.

⁹⁵⁷ x. Bài 22, *Chơi cho khoẻ và đẹp*, mục 3.

3. Đố ai nằm ngủ không mơ!

Nhạc sĩ Phạm Duy đã sáng tác bản tình ca “*Đố ai*” *nằm ngủ không mơ*”? và xem giấc mơ là một hoạt động bình thường. Bác sĩ Lương Lễ Hoàng còn cho giấc mơ khi ngủ là sinh hoạt cần thiết⁹⁵⁸.

Thật ra, mơ trong lúc ngủ có thể nói là một hoạt động bất thường của tình trạng ngủ không sâu. Khi ngủ, bộ não vẫn tiếp tục làm việc để định giá, phân loại, sắp xếp các dữ liệu đã thu nhận được trong ngày hay trong quá khứ. Khoa tâm lý cũng giải thích những giấc mơ như một cách để giải toả những bản năng, khát vọng bị dồn nén. Thí dụ: những “giấc mơ ướt” khi bản năng sinh lý được giải toả qua việc được âu yếm, giao hợp với người mình yêu thương. Giấc mơ còn là một dịp để diễn tả những mơ ước, khát vọng, cảm xúc, tình cảm... bù trừ lại khi người ta không thực hiện được trong cuộc sống thực tế. Thí dụ: mơ thấy kẻ thù phải quỳ xuống xin lỗi mình, được ăn những bữa cơm hết sức thịnh soạn, được tham dự những hội nghị quan trọng trong khi mình chỉ là một người yếu đuối, đói khổ, thấp hèn. Giấc mơ cũng là nguồn tưởng tượng cho những văn nghệ sĩ sáng tác văn chương hay cho những nhà khoa học phát minh những điều mới lạ.

Rất nhiều giấc mơ mang tính cách tôn giáo khiến người ta tưởng như mình thật sự được gặp thấy Chúa Giêsu, Đức Mẹ, Đức Phật Thích Ca, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát... hiện ra với mình, an ủi và dạy dỗ mình. Thật ra, khuôn mặt hiền từ, sáng láng của các tượng thần với những ánh điện, ánh nến, trong đời sống thực tế đã in sâu vào bộ nhớ, hoà trộn với niềm tin, mong ước, đau khổ, đồng thời do tình trạng thiếu khí khiến các dữ liệu đó phối hợp vào nhau có thể tạo nên những giấc mơ đạo đức. Chúng ta đừng vội hành động theo những giấc mơ đó, tưởng làm các đáng thiêng liêng mạc khải, truyền lệnh cho mình! Nhất là đừng theo giấc mơ để mua vé số, chơi số đề, số đuôi!

Xét về mặt tâm linh, không phải giấc mơ nào cũng là hiện tượng thiếu khí. Có những giấc mơ bắt nguồn từ sự tác động thật sự của

⁹⁵⁸ x. Bài *Đố ai nằm ngủ không mơ*, Trang nhà của Bs Lương Lễ Hoàng, phát lên mạng ngày 20/11/2017.

Thiên Chúa, thần linh hay ma quỷ vì đây là những tinh thần có thể tác động lên tinh thần của ta. Thiên Chúa có thể hướng dẫn con người qua những giấc mơ. Thánh Kinh Cựu Ước⁹⁵⁹ và Tân Ước⁹⁶⁰ nói nhiều đến việc Thiên Chúa hiện ra với con người qua những giấc mơ của Giuse⁹⁶¹, những lời giải mộng của Giuse⁹⁶², của Daniel⁹⁶³. Các thần thánh cũng có thể tác động đến chúng ta qua những giấc mơ để hướng dẫn chúng ta trong cuộc sống trần thế⁹⁶⁴. Ma quỷ cũng có thể tác động, ảnh hưởng đến con người qua những giấc mơ, qua những cơn cảm dỗ khi chúng thôi thúc họ hành động xấu xa⁹⁶⁵. Vì thế, đối với những giấc mơ tôn giáo, chúng tôi khuyên cần phải thận trọng, khôn ngoan và được hướng dẫn bởi những nhà linh hướng chuyên nghiệp.

4. Ngủ theo văn hoá Công giáo⁹⁶⁶

Khi nói đến giấc ngủ, nhiều bản văn Thánh Kinh đồng hoá nó với cái chết là giấc ngủ ngàn thu⁹⁶⁷ hoặc là ngủ mê trong sự lười biếng⁹⁶⁸, mất ý thức⁹⁶⁹ cho những tham vọng, dục vọng⁹⁷⁰. Vì thế, Chúa mời gọi con người "hãy tỉnh thức"⁹⁷¹ như Đức Giêsu nhắc nhở: "Sao anh em lại ngủ? Dậy mà cầu nguyện kéo sa chước cám dỗ"⁹⁷². Thánh Phaolô cũng mời gọi: "Vậy chúng ta đừng ngủ mê như các người khác, nhưng hãy tỉnh thức và sống tiết độ"⁹⁷³.

⁹⁵⁹ x. St 20,3; 28,12; 31,11; 31,24; 1Sm 3,1.

⁹⁶⁰ x. Mt, 1,19-25; Mt 2, 13-14; Mt 2,19-20; Lc 2,26.

⁹⁶¹ x. St 37,5-11.

⁹⁶² x. St 40,1-22; 41,1-36.

⁹⁶³ x. Đn 2,1; 4,19, ...

⁹⁶⁴ x. Mt 1,20; 27,19.

⁹⁶⁵ x. Mt 1,11; Mc1,12-13; Lc 4,1-13;...

⁹⁶⁶ x. Giáo hoàng Học viện Piô X Đà Lạt, *Diễn ngữ Thần học Thánh Kinh*, tập 2, mục từ *Giấc ngủ*, 1974, tr. 86-90

⁹⁶⁷ x. Tv 13,4; Ga 11,11; 1Cr 15,20; Ep 5,14; 1Tx 4,14.

⁹⁶⁸ x. Cn 6,9; 20,13.

⁹⁶⁹ x. Is 29,10; Gr 51,39; Lc 9,32.

⁹⁷⁰ x. 1Cr 11,30; 1Tx 5,6.

⁹⁷¹ x. Mc 13,36; Lc 22,46; Rm 13,11.

⁹⁷² x. Lc 22,46.

⁹⁷³ x. 1Tx 5,6.

Người Công giáo được mời gọi quan tâm đến giấc ngủ của mình để không những tạo được sự nghỉ ngơi cho thể xác sau những giờ làm việc vất vả⁹⁷⁴, mà còn tìm lại sự an bình cho tâm hồn. Các Thánh vịnh Công giáo như muốn nhắc nhở chúng ta đi tìm một giấc ngủ an bình: *Thư thái bình an vừa nằm con đã ngủ, vì chỉ có mình Ngài, lạy Chúa, ban cho con được sống yên hàn*⁹⁷⁵. Hình ảnh Chúa Giêsu thiếp ngủ trên con thuyền chòng chành giữa con sóng dữ đã gọi ý cho ta giữ tâm hồn bình an giữa muôn vàn biến động trong cuộc sống⁹⁷⁶.



Trong cuộc sống đầy náo động hiện nay, nhiều người thường để cho công việc lôi kéo hay những đam mê, giải trí cuốn hút, khiến không giữ được sự điều độ để có thể ngủ đúng giờ và đủ giấc mỗi ngày. Chúng ta cần phải nhắc nhở mình rằng dù có thức khuya để làm thêm thì công việc cũng vẫn còn và đam mê cũng không dứt. Đây chính là lúc ta phải dùng ý chí để ngưng việc, ngưng trò giải trí, chuẩn bị cho giấc ngủ cần thiết mỗi ngày.

Để tìm được giấc ngủ an bình, điều quan trọng nhất chính là giữ được tâm hồn thanh thản, phó thác mọi sự trong tay Chúa. Thiên Chúa là người cha nhân từ muốn cho con cái của mình nghỉ ngơi như chính Ngài đã ra luật cho con người và vũ trụ với vòng quay sáng-tối của trái đất, và chính Ngài cũng dành ngày thứ bảy để nghỉ

⁹⁷⁴ x. Cn 20,13; Hc 5,11.

⁹⁷⁵ x. Tv 4,9; x. Cn 3,24.

⁹⁷⁶ x. Mc 4,35-41; Lc 8,22-25.

ngoi trong tuần⁹⁷⁷. Khi ta quyết tâm làm cho xong việc, bất kể giờ ngủ nghỉ, là ta làm buồn lòng người Cha nhân hậu và gây tổn thương cho thể xác cũng như tinh thần của mình.

Tâm thể tiếp theo là giữ cho tinh thần an tịnh và thể xác nằm yên trong trạng thái buông thả trọn vẹn với cách nằm thẳng, xuôi tay chân và các cơ bắp thư giãn. Một ít người lớn hiện nay vẫn còn thói quen ôm gối khi ngủ. Có những gối ôm rất to khiến cơ bắp người ôm căng cứng và sống lưng không thẳng khi họ nằm nghiêng. Thật ra, thói quen này bắt nguồn từ khi mẹ chèn gối ôm cho các bé để chúng không lật sấp và úp mặt vào gối nhằm tránh bị ngạt thở.

Giữ cho bộ não thư giãn mới là điều khó, nhất là những ai có thói quen nằm suy nghĩ trước lúc ngủ. Tâm trí lúc đó đặt ra nhiều câu hỏi, trí nhớ lại gợi ý rất nhiều sự kiện xảy ra trong ngày khiến người ta khó ngủ. Một phương thế giúp ta loại bỏ những ý tưởng hiện lên trong trí là ta nằm thẳng, tập thở theo những hướng dẫn ở cuối bài “Thở được tinh hoa của đất trời” và xoa các mạch máu trên đầu theo mục 4 của bài 22 “Chơi cho khoẻ và đẹp”.

Lời kết

Tìm hiểu về giấc ngủ, chúng ta thấy nhiều lúc mình còn xem thường giấc ngủ, khiến cho thể xác không khoẻ mạnh và tâm trí chưa phát huy được những nguồn lực kỳ diệu của tinh thần. Chúng ta cần lập lại thời gian biểu cho hoạt động, ngủ nghỉ của mình và quyết tâm thực hiện để cảm nghiệm được những hiệu quả lớn lao của giấc ngủ trong đời sống hàng ngày.

Câu hỏi

- 1. Mỗi ngày bạn dành được bao nhiêu giờ cho ngủ đêm và ngủ trưa?*
- 2. Giấc ngủ của bạn như thế nào? Hãy tìm ra nguyên nhân khiến bạn mất ngủ.*
- 3. Bạn thường có những giấc mơ nào?*
- 4. Khi thức dậy, bạn thường có tâm trạng nào: thoải mái, vui vẻ, năng động, tích cực hay ngược lại?*

⁹⁷⁷ x. St 2,1-3.

VỀ VỚI CỘI NGUỒN

Lời mở

Cuộc hành trình ở trần thế kết thúc với cái chết, như một cánh cửa cần bước qua để được trở về với Thiên Chúa là nguồn hiện hữu, và được giải thoát khỏi mọi ràng buộc của vật chất, không gian, thời gian. Cha ông ta nói rất đúng: “sống gửi-thác về” (sinh ký-tử quy). Nhưng vì chưa xác định được sẽ về đâu và về như thế nào nên hầu như mọi người đều sợ hãi khi bước vào cuộc hành trình bất định.

Hơn nữa, khi nghĩ đến những sự việc đi kèm với cái chết như phán xét, thiên đàng, hoả ngục, luyện ngục, người ta sợ hãi vì không biết chúng thật sự là gì và sẽ được thực hiện ra sao. Vì thế ta cũng muốn tìm hiểu về chúng như toàn thể cuộc hành trình để luôn sống trong niềm vui và hy vọng.

1. Chết để thăng hoa

1.1. Chết là gì?

Nói đến cái chết thì ai cũng sợ hãi, bởi vì chết là như đi vào cõi tiêu diệt, bị quên lãng, phải bỏ lại tất cả. Cuộc bùng phát dịch bệnh Covid-19 ở TP.HCM với 16.600 người chết trong vòng 3 tháng 7-8-9 năm 2021 như mời gọi ta tìm hiểu xem: chết là gì, cái chết có thật không, có đáng sợ không và làm thế nào để ta có thể sống hào hùng, thánh thiện như cha ông ta đã hy sinh mạng sống để bảo vệ đất nước, bảo vệ đức tin.

Theo định nghĩa truyền thống, chết là khi tim ngừng đập và không còn hô hấp, tiếp theo là sự phân huỷ của cơ thể. Tuy nhiên, với các kỹ thuật y khoa hiện đại săn sóc người hấp hối, người ta có thể duy trì hoạt động của các cơ quan hô hấp, tuần hoàn, trong khi các chức năng não đã bị mất một cách vĩnh viễn. Người bệnh chỉ duy trì đời

sống thực vật, vô tri giác, hôn mê có thể kéo dài vài năm. Do đó ranh giới giữa sống và chết ngày càng trở nên mờ nhạt⁹⁷⁸.

Vì thế, y khoa thường phân biệt chết lâm sàng và chết não. Chết lâm sàng là khi các phương pháp khám lâm sàng cho phép xác định là chết với các dấu hiệu như tim ngừng đập, phổi ngừng thở. Chết não là khi dùng máy đo hoạt động của não, người ta thấy đường biểu diễn sóng não chỉ còn là một đường thẳng, chứng tỏ não không còn hoạt động, các mô bắt đầu phân huỷ. Căn cứ vào tiêu chuẩn chết não, người đó được xác định là chết thật và từ đó mới được phép lấy đi các cơ quan có thể chưa phân huỷ của họ như gan, thận, tim... để cấy ghép cho những người khác. Như thế, chết theo khoa học là chấm dứt tất cả các chức năng sinh lý của thân xác. Tuy nhiên, hoạt động của tinh thần con người vẫn tồn tại và còn mạnh mẽ hơn vì không còn bị vật chất ngăn cản.

Cái chết bắt nguồn do bệnh tật, do chấn thương, do thiếu các chất dinh dưỡng cần thiết và cuối cùng là do tuổi già. Với những tiến bộ của khoa học, người ta hy vọng trong vài chục năm nữa có thể kéo dài tuổi thọ con người đến 150 hay 200 năm. Nhưng có một điều chắc chắn là ai cũng sẽ phải chết!

1.2. Cái chết có thật không?

Sở dĩ khó định nghĩa được cái chết mà chỉ có thể mô tả vì nó không phải là một thực tại, một cái gì có thật như cái nhà, cái xe hay như tình yêu, hạnh phúc, mà chỉ là *mặt trái của sự sống*. “Chết là hết sống”.

Vì thế, sự sống mới là thực tại, mới là thật để ta quan tâm và thể hiện trong cuộc đời. Một người đang sống vui vẻ khỏe mạnh, tự nhiên lăn đùng, giãy giụa vài cái, rồi nằm im bất động. Sờ vào người,



⁹⁷⁸ x. Bs. Alice Roberts, *Atlas*, tr.412- 413

thấy tim không còn đập, không còn thở, ta bảo người đó vừa chết. Chết bởi vì người này không còn sống dù các phần thân thể vẫn còn nguyên như vài phút trước đó. Vậy nếu chết không có thật thì ta sợ nó làm gì?

Có người nói cái chết là do Thiên Chúa tạo nên vì “*Chúa làm cho sống và cũng làm cho chết*”. Có người lại nghĩ cái chết là do Tử Thần quyết định hay do Diêm Vương cai quản. Thật ra, đó chỉ là những kiểu nói nhân cách hoá cái chết, chứ không có vị thần nào làm chủ cái chết cả. Còn Âm phủ, địa ngục cũng chỉ là nơi chốn giả tạo do con người tưởng tượng ra để ngăn ngừa người ta làm ác.

Theo thần học Công giáo, vì con người có tinh thần được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa hằng sống, nên không ai chết cả. Thân xác của họ là sự hợp thành của vật chất qua khí thở, đồ ăn, thức uống và chuyển hoá từng giây phút từ con người sang vạn vật và ngược lại. Do đó, thân xác khi chết sẽ tiêu tan, nhưng linh hồn định hình cho thể xác sẽ còn sống mãi. Vì thế, mọi người đã khuất đều đang sống và sống mãi mãi, dù thân xác vật chất của họ đã tiêu tan. Thân xác của họ sẽ sống lại vào ngày tận thế khi không còn sự chuyển hoá của vật chất, và thăng hoa nhờ cuộc sống lại của Đức Giêsu Kitô. “*Thiên Chúa không phải là Thiên Chúa của kẻ chết, nhưng là của kẻ sống*”⁹⁷⁹ “*vì đối với Ngài, tất cả đều đang sống*”⁹⁸⁰. “*Người sẽ xé bỏ chiếc khăn tang che phủ muôn dân và tấm khăn liệm trùm lên muôn nước. Người sẽ vĩnh viễn tiêu diệt tử thần*” (Is 25,7).

1.3. Tại sao có cái chết?

Các tôn giáo khác không giải thích được tại sao có cái chết vì không hiểu chết thật sự là gì. Chỉ Kitô giáo mới nói rõ về nguồn gốc cái chết: “*Thiên Chúa không làm ra cái chết, chẳng vui gì khi sinh mạng tiêu vong. Bởi vì Ngài sáng tạo muôn loài cho chúng hiện hữu, và mọi loài trên thế giới đều hữu ích cho sinh linh, chẳng loài nào mang độc chất huỷ hoại. Âm phủ không thống trị địa cầu*”⁹⁸¹.

⁹⁷⁹ Mt 22,32; Mc 12,27; Lc 20,38

⁹⁸⁰ Lc 20,38

⁹⁸¹ Kn 1,13-14

Thiên Chúa là nguồn sự sống nên mọi loài được Chúa tạo dựng đều sống động, riêng con người và các thiên thần còn được chia sẻ sự sống vĩnh hằng của tinh thần. Tuy nhiên, vì con người được Chúa ban cho tinh thần tự do để đáp lại tình yêu, thì cũng được tự do chối từ tình yêu ấy. Giống như một số Thiên Thần dùng tự do để chối từ Thiên Chúa nên biến thành quỷ dữ thì con người cũng đã chiều theo cơn cám dỗ của quỷ dữ để chối từ tình yêu Thiên Chúa, cắt đứt sự hoà hợp với Thiên Chúa là nguồn sống bất diệt, nên con người phải chết cả xác lẫn hồn. Sự chết của hồn chính là không nối kết được với Thiên Chúa hằng sống. Rồi vạn vật vì liên hệ mật thiết với con người, nên cũng phải chịu sự hư nát vì tội lỗi của con người⁹⁸².

Thánh Kinh còn nói: *“Thiên Chúa đã sáng tạo con người, cho họ được trường tồn bất diệt. Họ được dựng nên làm hình ảnh của bản tính Người. Nhưng chính vì quỷ dữ ganh tị mà cái chết đã xâm nhập thế gian. Những ai về phe nó đều phải ném mùì cái chết”*⁹⁸³.

Vì vậy, Thiên Chúa không tạo nên cái chết và quỷ dữ cũng không gây nên cái chết, chính tự do của con người, khi cắt đứt với nguồn sống là Thiên Chúa, đã tạo nên cái chết cho mình và vạn vật.

1.4. Cái chết có đáng sợ không?

Chúng ta được mời gọi để nhìn thẳng vào cái chết, đối mặt với nó để xem nó có đáng sợ không.

Chết thật ra chỉ là việc thay đổi tình trạng sống của con người. Chết giống như một ngưỡng cửa để ta bước vào cõi vĩnh hằng. Nó không đưa ta vào cõi tiêu diệt và cũng không làm ta mất mát bất cứ thứ gì hay xa cách một ai. Trái lại, chết làm ta gần gũi hơn, hiệu quả hơn, năng động hơn, vì chúng ta không còn bị giới hạn bởi vật chất, không gian, thời gian nữa. Một người chết ở bên Mỹ, ở ngoài Bắc, ở trong Nam, tất cả đều gần nhau vì không còn bị ngăn cách bởi không gian. Một người chết cách đây chục ngàn năm như tổ tiên hay vài chục năm như ông bà cha mẹ: tất cả đều đang có mặt bên nhau vì không còn bị thời gian chi phối.

⁹⁸² x. Rm 8,20-23

⁹⁸³ Kn 2,23-24

Vì thế, trong thánh lễ, tất cả đều hiện diện, đều sống động bên Chúa: các thiên thần, các thánh nhân, các linh hồn đã khuất, cùng với ông bà, cha mẹ, bạn bè ta. Nhờ vậy, khi hiểu sự chết làm cho ta gần nhau hơn, tác động lên nhau cách hiệu quả hơn thì chúng ta phải vui mừng thay vì e ngại, sợ hãi.

Nhiều người không hiểu được điều đó nên đã than khóc, lăn lộn bên xác người vừa chết như là mất mát tất cả. Có người còn muốn nhào xuống huyết để được chôn táng theo người thân, người tình. Có người lại cố gắng sửa những bộ áo quan mắc tiền, tổ chức tang lễ hết sức hoành tráng, thuê cả những người khóc mướn,... nhiều khi chỉ để khoe của, khoe danh.

Đó là những thái độ không đúng. Họ không ngờ người mới chết đang hiện diện bên họ và rất buồn vì thấy rõ những hành động giả dối, hoang phí, trong khi nhiều người khác đang đói khổ. Người ta thường không hiểu rằng người đã khuất có thể giúp đỡ người thân bạn bè cách hiệu quả hơn cả khi họ sống ở trần thế, nhờ lời họ chuyển cầu cùng Chúa. Vì thế, nền văn hoá Kitô giáo luôn mời gọi nên tổ chức tang lễ đơn sơ, thương tiếc nhẹ nhàng, giữ vững niềm vui và hy vọng đối với người đã khuất.

1.5. Chết cách hào hùng thánh thiện

Chúng ta được mời gọi để vượt qua nỗi sợ hãi cái chết, vì Chúa Giêsu đã chiến thắng nó khi Người làm cho cô con gái của ông Giairô sống lại. Người nhắc bảo mọi người rằng: “*Đứa bé có chết đâu, nó ngủ đấy!*”⁹⁸⁴. Hơn nữa, Người còn làm cho ông Lazarô chết 4 ngày sống lại để chứng minh lời công bố của mình: “*Ta là sự sống lại và là sự sống*” cũng như để dạy cho mọi người vui sống hơn là buồn phiền vì cái chết của mình hay của bất cứ ai⁹⁸⁵.

Chết chỉ là một giấc ngủ để rồi chúng ta đều thức dậy, sống lại với nhau như Đức Giêsu đã tự nguyện chết tủi nhục trên thập giá vì yêu thương và muốn cứu độ ta. Người chết như thế để giúp ta hiểu được ý nghĩa của sự sống: vì “nếu ta cùng chết với Chúa Kitô, ta sẽ cùng

⁹⁸⁴ x. Mc 5,21-43

⁹⁸⁵ X. Ga 11,1-41.

sống với Người”⁹⁸⁶. Rồi Người đã vượt qua cái chết để chia sẻ cho ta sự sống vĩnh hằng, kỳ diệu, phi thường của Thiên Chúa.



Khi gắn bó với Đức Giêsu, ta sẽ coi thường cái chết, mới dám hy sinh vì đại nghĩa, mới biến những tủ nhục, đau thương ta chịu thành ơn cứu độ. Thậm chí có nhiều người, dù chưa biết Chúa Giêsu, đã tự nguyện chết để bảo vệ quê hương, chết cho những giá trị cao quý, cho những công trình nghiên cứu khoa học... Nhà ái quốc Phan Bội Châu⁹⁸⁷ đã nhắc nhở chúng ta: “*Chết như Hưng Đạo hồn thành thánh, chết tựa Trưng Vương phách hoá thân*”.

Ngoài cái chết của từng người, chúng ta muốn bàn đến cái chết của toàn thể nhân loại và vũ trụ mà người ta gọi là tận thế.

2. Tận thế và những lần Chúa đến

2.1. Tận thế là dịp để vũ trụ trở về với cội nguồn

Nhiều tôn giáo đã cảnh báo về ngày tận thế như là ngày tận cùng của thế giới vật chất tự nhiên với những biến động lớn lao như tinh tú hỗn loạn, chiến tranh khốc liệt, đại dịch khủng khiếp. Khoa học cũng cho chúng ta biết rằng vũ trụ và loài người chắc chắn sẽ có lúc

⁹⁸⁶ 2Tm 2,11

⁹⁸⁷ Phan Bội Châu (1867-1940). Hai câu trong bài thơ *Chết* của ông

tận cùng vì là vật chất hay gắn bó với vật chất. Nhiều người sợ hãi, không biết tận thế bao giờ sẽ xảy ra và phải đối phó cách nào.

Vũ trụ xuất hiện cách đây gần 14 tỉ năm và hầu hết tồn tại dưới dạng plasma, nhưng khối lượng plasma giảm dần, nguội dần. Nhiều tinh tú trở thành những ngôi sao vàng, đỏ rồi tối đen trong vũ trụ bao la. Trái đất và muôn loài trong đó chắc chắn sẽ đi đến điểm kết thúc.

Các nhà khoa học trường Đại học Oxford ở Anh quốc đã cảnh báo những nguyên nhân có thể dẫn đến tận thế là sự biến đổi khí hậu trái đất, chiến tranh hạt nhân và dịch bệnh. Một thiên thạch đủ lớn có thể va vào trái đất và làm biến mất mọi sinh vật như đã từng xảy ra cách đây 65 triệu năm làm biến mất loài khủng long. Một cuộc chiến tranh giữa các cường quốc mà kho vũ khí hạt nhân hiện nay đủ để làm nổ tung trái đất nhiều lần. Một đại dịch như Covid-19 trong hơn 2 năm qua đã làm cho 440 triệu người nhiễm bệnh và gần 6 triệu người chết, tính đến ngày 2/3/2022. Tất cả như trình bày cho ta số phận mỏng manh của con người và vô thường của vũ trụ.

Tuy nhiên, khi hiểu được tinh thần vượt trên vật chất và định hình vật chất, thì tận thế chỉ là dịp để vũ trụ và loài người trên trái đất trở về với Thiên Chúa là cội nguồn của mình. Thiên Chúa đã dựng nên tất cả vũ trụ này từ hư không, tạo thành loài người chúng ta và đặt vào trong trái đất này, ban cho ta tình yêu, hạnh phúc, ơn cứu độ. Một ngày nào đó, vào lúc tận cùng của thời gian, tất cả cùng trở về nguồn gốc của mình là Thiên Chúa Tạo Hoá, và hoà nhập vào sự sống vĩnh hằng của Ngài để tạo thành một trời mới đất mới⁹⁸⁸ với những con người mới⁹⁸⁹.

Khi đó, “Ngài sẽ lau sạch nước mắt của họ, sẽ không còn sự chết; cũng chẳng còn tang tóc, kêu than và đau khổ nữa vì những điều cũ đã biến mất”⁹⁹⁰. Như vậy, tận thế không đáng cho ta lo sợ, nhưng là chuyện đương nhiên phải xảy ra, để vũ trụ được trở về với nguồn gốc hoàn hảo tuyệt vời của mình.

⁹⁸⁸ 1Pr 3,13; Kh 21,1; *GLHTCG*, số 1043

⁹⁸⁹ x. *Lumen Gentium*, số 48

⁹⁹⁰ Kh 21,4; *GLHTCG*, số 1044.

Đó là một cuộc lên đường trở về nhà Cha, một cuộc thăng hoa để biến đổi tất cả những gì ta có, ta làm, ta đạt được trong trần thế này thành vĩnh hằng, tuyệt đối, vô biên, nhờ được gắn bó với Chúa Giêsu trong mầu nhiệm Nhập Thể và Vượt Qua của Người. Tất cả đều tồn tại với những giá trị tinh thần như sự thật, tình yêu, tự do, hạnh phúc khi ta đưa chúng hoà nhập vào khối vật chất bất động nơi trần thế.

Không gian cũng không còn xa vời tính theo vận tốc ánh sáng của tháng năm giữa hàng triệu thiên hà. Nhưng tất cả đều gần gũi nhau, ở sát bên nhau nhờ được tinh thần liên kết. Tất cả đều an hoà, hạnh phúc, không còn cảnh chiến tranh giữa các vì sao. Tất cả đều sum họp trong đại gia đình thiên Chúa.

Nhờ cái chết, ta bước vào thời gian vĩnh hằng, nên dù tận thế có xảy ra vài tỉ năm sau này, nó cũng không xa cách với ta. Do đó, các nhà thần học cho rằng tận thế trùng hợp với cái chết của mỗi người, và cuộc phán xét riêng cũng đồng thời với phán xét chung.

2.2. Ba lần Chúa đến

Giáo hội Công giáo thường nhắc nhở ta về 3 lần Chúa đến. Lần đến thứ nhất, trong quá khứ, cách đây hơn 2000 năm, khi Ngôi Lời Thiên Chúa trở thành người, thành Đức Giêsu Nazareth, qua mầu nhiệm Nhập Thể để đến với muôn loài qua cuộc giáng sinh tại Bêlem. Người đến để cứu độ khi hoà giải ta với Chúa Cha bằng cái chết trên thập giá và để lại cho ta gương mẫu tình yêu tuyệt vời của Người.

Lần đến thứ hai đang thực hiện trong hiện tại. Chúa đến với mỗi người chúng ta mang theo ơn lành, tình yêu, quyền năng để ta có thể gắn bó với Người và làm chứng cho Người.

Lần đến thứ ba thực hiện trong tương lai. Người sẽ đến trong vinh quang với tất cả thần thánh như lời kinh Tin Kính ta đọc mỗi Chúa Nhật: *“Người sẽ lại đến trong vinh quang để phán xét kẻ sống và kẻ chết”*. Lần Chúa đến này rất bất ngờ nên đòi hỏi ta phải tỉnh táo, canh chừng. Nhưng đó lại là đích điểm cho cuộc hành trình của mỗi người để gặp gỡ được Chúa cách trọn vẹn và mãi mãi.

Khi đến lần thứ nhất Người đã thực hiện điều đó trong con người mình để đem thân xác hữu hạn của ta vào không gian vô tận và thời

gian vĩnh hằng của Thiên Chúa. Khi đến lần thứ hai Người đưa mỗi người chúng ta hoà nhập với Người để biến đổi những gì của ta thành của Người. Khi đến lần thứ ba, Người đưa toàn thể vũ trụ vạn vật vào trong sự sống vĩnh hằng, kỳ diệu của Thiên Chúa. Cả ba lần Chúa đến đều hoà nhập nơi Đức Giêsu nên thánh Phaolô mới quả quyết rằng: “*Chúa Kitô vẫn là một, hôm qua cũng như hôm nay và như vậy mãi đến muôn đời*”⁹⁹¹. Đó chính là hoàn thành chung cuộc kế hoạch tổng thể của Thiên Chúa là “*quy tụ muôn loài trong trời đất dưới quyền một thủ lãnh là Đức Kitô*”⁹⁹².

3. Phán xét là biểu lộ tình yêu cứu độ

Điều người ta lo sợ nhất khi nghĩ đến cái chết là cuộc phán xét công minh của Thiên Chúa, kèm theo những hình khổ khủng khiếp ở hoả ngục hay luyện ngục để đền tội của mình. Nhưng ai sẽ xét xử, xét xử theo luật lệ nào và thưởng phạt muôn loài ra sao?

Trong lời rao giảng của mình, Chúa Giêsu cũng loan báo về cuộc phán xét vào ngày tận thế giống như các tiên tri⁹⁹³ và Gioan Tẩy Giả⁹⁹⁴. Lúc đó cách sống của mỗi người⁹⁹⁵ và những bí mật trong tâm hồn⁹⁹⁶ sẽ được đưa ra ánh sáng. Lúc đó cách đối xử với đồng loại đúng hay sai, tốt hay xấu, sẽ được xét xử để chứng tỏ người ta đón nhận hay từ chối ân sủng của Thiên Chúa⁹⁹⁷. Lúc đó Chúa Giêsu sẽ nói với mỗi người rằng: “*Mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta vậy*”⁹⁹⁸.

Chúa Giêsu Kitô, với tư cách là Đấng Cứu chuộc trần gian cũng là vua vũ trụ vì “*mọi sự được dựng nên nhờ Người và cho Người*”⁹⁹⁹, có thẩm quyền để phán xét nhờ cuộc chiến thắng qua thập giá của

⁹⁹¹ Dt 13,8.

⁹⁹² Ep 1,10.

⁹⁹³ x. Đn 7,10; Ge 3,4; Ml 3,19.

⁹⁹⁴ x. Mt 3,7-12.

⁹⁹⁵ x. Mc 12,38-40.

⁹⁹⁶ x. Lc 12,1-3; Ga 3,20-21; Rm 2,16; 1Cr 4,5.

⁹⁹⁷ x. Mt 5,22; 7,1-5.

⁹⁹⁸ Mt 25,40; x. *GLHTCG*, số 678.

⁹⁹⁹ x. Ga 1,3.

Người. Hơn nữa Chúa Cha cũng “đã ban cho Người Con mọi quyền xét xử vì Người là Con của Ngài”¹⁰⁰⁰. Nhưng Chúa Con không đến để xét xử mà đến để cứu độ¹⁰⁰¹ và ban sự sống thần linh của Người¹⁰⁰². Vì thế, qua việc từ chối ân sủng, từ chối tình yêu khi còn sống ở đời này, mỗi người tự xét xử chính mình¹⁰⁰³, rồi lãnh nhận phần thưởng hay hình phạt tạm thời hoặc vĩnh viễn tùy theo hành động của họ¹⁰⁰⁴.

Nhiều tín hữu đã tưởng lầm cuộc phán xét sẽ được tổ chức như họa sĩ Michelangelo¹⁰⁰⁵ mô tả trong họa phẩm của ông. Chúa không sai thiên thần ghi chép từng hành vi của con người trong cuốn sổ để tra cứu và căn cứ vào đó để kết án. Chúa cũng chẳng cân tội phúc của ai bằng cái cân chính xác theo mức nặng nhẹ để thưởng phạt.

Nhưng vì con người được dựng nên theo hình ảnh Chúa, nên ngay sau khi bước qua ngưỡng cửa cái chết, con người sẽ thấy Chúa là nguyên mẫu tốt lành, trong sáng, thánh thiện của mình. Dưới ánh sáng phản chiếu của Chúa, con người cũng thấy ngay những điểm sáng tối trong toàn bộ đời mình qua từng tư tưởng, lời nói, hành động trong mỗi không gian và thời gian khác nhau như soi mình trong tấm gương mâu nhiệm. Rồi tức khắc mỗi người cũng xác định ngay được chất lượng tốt xấu của mình để vào được thiên đàng, luyện ngục hay hỏa ngục. Như thế, cuộc phán xét là do chính con người xét xử mình.

Có người tính toán rằng gia đình nhân loại lúc đó có vài trăm tỉ người thì lấy đâu ra chỗ đủ rộng để Chúa quy tụ mọi người. Nhưng khi ấy con người không còn lệ thuộc vào vật chất nên tất cả đều được quy tụ trong không gian vô tận của Thiên Chúa. Vì thế, khi ta không để cho vật chất giam hãm, trói buộc ta vào trong thời gian

¹⁰⁰⁰ Ga 5,22.

¹⁰⁰¹ x. Ga 3,17.

¹⁰⁰² x. Ga 5,26.

¹⁰⁰³ x. Ga 3,18; 12,48.

¹⁰⁰⁴ x. 1Cr 3,12-15; Mt 12,32; Dt 6,4-6; 10,26-31; *GLHTCG*, số 679.

¹⁰⁰⁵ x. *Sự phán xét cuối cùng* là họa phẩm do Michelangelo sáng tác, vẽ trên tường của nhà nguyện Sixtina ở thành Vatican, từ năm 1537 đến năm 1541.

và không gian của nó theo lòng tham và lòng dục của con người, là ta sẽ cảm nhận ngay được sự hiện diện của muôn loài ở gần mình cũng như cảm nghiệm được Chúa đang ở với mình trong từng giây phút sống.

Có người đã tự hỏi Chúa sẽ xét xử theo luật pháp nào như các thẩm phán dựa vào các bộ luật với những điều khoản khác nhau để xét xử và kết án tội nhân. Có tín hữu đã nghĩ đến những bộ luật như Mười Điều Răn, Tám Mối Phúc, bộ luật của Giáo Hội. Chúa không dùng những bộ luật ấy để kết tội con người. Như Chúa Giêsu đã trình bày trong dụ ngôn về cuộc phán xét chung¹⁰⁰⁶, Người chỉ yêu cầu một tiêu chuẩn duy nhất đó là tình yêu đối với những con người khôn khổ quanh ta.

Người nói với những người được khen thưởng rằng: *“Nào những kẻ Cha Ta chúc phúc, hãy đến thừa hưởng Vương Quốc dọn sẵn cho các ngươi từ thuở tạo thiên lập địa. Vì xưa Ta đói, các ngươi đã cho ăn; Ta khát, các ngươi đã cho uống; Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước; Ta trần truồng, các ngươi đã cho mặc; Ta đau yếu, các ngươi đã thăm viếng; Ta ngồi tù, các ngươi đến hỏi han”*. Những người bị kết án chịu cực hình muôn kiếp cũng thưa rằng: *“Lạy Chúa, có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đói, khát, hoặc là khách lạ, hoặc trần truồng, đau yếu hay ngồi tù, mà không phục vụ Chúa đâu!”*. Bây giờ Người đáp lại rằng: *“Ta bảo thật các ngươi: mỗi lần các ngươi không làm như thế cho một trong những người bé nhỏ nhất đây, là các ngươi đã không làm cho chính Ta vậy”*.

Như thế, cuộc phán xét riêng hay chung chính là dịp biểu lộ tình yêu của Thiên Chúa và khen thưởng tình yêu của con người. Do con người được dựng nên nhờ tình yêu Thiên Chúa thì họ cũng bị xét xử bằng chính tình yêu này vì bản chất của Thiên Chúa là tình yêu¹⁰⁰⁷. Khi soi mình vào tấm gương tình yêu, con người sẽ có dịp để thấy ngay những điểm tối sáng trong tình yêu của họ đối với muôn loài.

¹⁰⁰⁶ x. Mt 25,31-46.

¹⁰⁰⁷ 1Ga 4,8.16.

Chính vì thế khi con người biết yêu thương, họ không quan tâm đến việc mình sẽ bị xét xử như thế nào¹⁰⁰⁸.

4. Những tình trạng sống sau khi chết

Ngay sau cuộc phán xét, con người đón nhận được tình trạng sống của mình mà chúng ta thường gọi là thiên đường, luyện ngục, hoả ngục. Tình trạng sống này đã bị hiểu lầm do sự pha trộn về ý niệm và hình ảnh giữa các tôn giáo với nhau. Nhiều tín hữu Công giáo đã nhầm lẫn hoả ngục với địa ngục, luyện ngục với âm phủ, thiên đường với Niết Bàn (Nirvana) của Phật giáo, thiên giới của Ấn Độ giáo, Hội giáo và nhiều tôn giáo khác¹⁰⁰⁹.



Nếu ai muốn xem thiên đàng, địa ngục như thế nào, có lẽ chúng ta nên xuống Công viên Đầm Sen hay Suối Tiên của TP.HCM, vào thăm 16 tầng địa ngục của Phật giáo hay mở Internet gõ chữ “thiên đàng/hoả ngục” là có nhiều video giống như vậy.

Ví dụ như video “23 giờ thăm địa ngục, phần I”: chuyện kể về cô gái tên Angelica Elizabeth Zambrano Mora 18 tuổi, đến từ Cộng hoà Ecuador, Châu mỹ Latinh. Trong 23 tiếng đồng hồ, cô đã được Chúa Giêsu đưa đi thăm thiên đàng và hoả ngục. Sau đó, cô đã tường thuật lại cảnh tượng mà mình chứng kiến khi linh hồn rời khỏi thân xác và được gặp Chúa qua cuốn sách: “Prepare to Meet Your God” (nghĩa là: *Hãy chuẩn bị đi gặp Thiên Chúa của bạn!*). Đây là những

¹⁰⁰⁸ Gc 2,13.

¹⁰⁰⁹ x. *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*, tr.383-400.

video làm sai lạc đức tin Công giáo, do những nhóm chống phá Giáo Hội thực hiện, vì phần II bộ phim chiếu cảnh chính ĐGH Gioan Phaolô II là tên tội phạm nặng nhất bị giam cầm trong đó vì ngài đã tham tiền, tham tử sắc...

Qua dụ ngôn Tin Mừng¹⁰¹⁰, Chúa Giêsu cũng mô tả cho chúng ta thấy hai thái độ sống đối lập nhau: thái độ sống buông thả, hưởng thụ của người giàu và thái độ sống âm thầm chịu đựng của anh Lazarô nghèo khó trong đời sống ở trần thế. Câu chuyện trong dụ ngôn khiến ta liên tưởng tới tình trạng thiên đường, luyện ngục và hoả ngục, mà mỗi người sẽ nhận được sau cuộc phán xét của Chúa, như kết quả cuộc sống ở thế trần. Vậy chúng thật sự là gì và ta sẽ sống như thế nào để đạt được hạnh phúc thiên đường như Lazarô.

4.1. Thiên đường, luyện ngục, hoả ngục là gì?

Chúng là những *tình trạng sống của con người sau khi chết*, chứ không phải là những nơi chốn cố định, rõ rệt, như ta vẫn quan niệm trong không gian ba chiều hiện nay. Nếu mở lại sách *Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, ở số 1023-1029 nói về thiên đường, số 1030-1032 nói về luyện ngục, số 1033-1037 nói về hoả ngục, cũng như tài liệu của Công đồng Vaticanô II nói về Nước Trời¹⁰¹¹, ta sẽ học được nhiều điều mới mẻ về các tình trạng sống này.

Trước hết, Thiên Chúa không tạo nên các toà nhà lớn với tường cao như ngục tù để những ai vào đó không thể thoát ra ngoài. Trong dụ ngôn Tin Mừng, ông nhà giàu và Lazarô, dù ở hai tình trạng khác biệt, vẫn trông thấy nhau, nói chuyện với nhau, nhưng có một vực thẳm vô hình ngăn cách đôi bên. Ông ta còn xin Abraham gửi Lazarô về trần thế để nhắc bảo anh em mình thay đổi đời sống cho khỏi sa vào cực hình như ông. Những điểm này chứng tỏ mọi người vẫn có thể gặp gỡ nhau, dù sống trong bất cứ tình trạng nào. Đây là tình trạng sống không còn bị giới hạn bởi vật chất, không gian và thời gian. Đây cũng là đời sống của chính Thiên Chúa, của các thiên thần, các hồn người đã khuất, trong đó có cả quỷ dữ lẫn tà ma.

¹⁰¹⁰ x. Lc 16,19-31.

¹⁰¹¹ x. *Lumen Gentium*, số 3, 5, 35-36, 44, 46; *Gaudium et Spes*, số 39, 45.

Phân tích rõ hơn, *thiên đường* là tình trạng sống của những ai được kết hợp trọn vẹn với Chúa, không còn bị bất cứ một vết nhơ tội lỗi nào ngăn cản. Từng giây phút họ được Chúa chuyển thông cho họ sự sống kỳ diệu, hạnh phúc vô biên, niềm vui vô tận và nguồn chân thiện mỹ vô cùng.

Luyện ngục là tình trạng sống của những người muốn thanh tẩy các điếm tối trong đời mình để có thể kết hợp trọn vẹn với Chúa. Tuy nhiên vì không còn tự do nên những hành động sau khi chết của họ như chiêm ngưỡng và ca tụng lòng nhân từ thương xót của Chúa không còn đem lại cho họ công phúc nữa. Nhiều bài thánh ca và những bản văn đạo đức đã làm cho tín hữu hiểu lầm về tình trạng sống này như là một chỗ tối tăm, đầy tiếng khóc than của những người chịu cực hình. Có người còn nghĩ họ bị lửa thiêu đốt, dù lửa ấy không nóng bỏng làm họ đau đớn như lửa ở hoả ngục!

Thật ra, các linh hồn ấy rất vui vì đang được thấy Chúa trong vùng ánh sáng tuyệt vời, được ca tụng Chúa với toàn thể thần thánh, nhưng niềm vui của họ chưa trọn vẹn. Họ thiết tha mong được hoà nhập hoàn toàn với Chúa, nhưng lại tự nguyện ngăn cách để thanh luyện chính mình. Họ giống như người yêu muốn ôm hôn ngay người tình, nhưng thấy mình bẩn thỉu, hôi hám nên tự nguyện vào tắm rửa cho sạch sẽ. Đây là ngọn lửa tâm linh thiêu đốt tâm hồn họ. Nhưng họ vẫn hy vọng vì nhờ lời cầu nguyện, hy sinh, nhất là những thánh lễ của Giáo Hội và người thân, họ sẽ thanh luyện mình dần dần, để cuối cùng sẽ đạt được tình trạng thiên đường.

Hoả ngục là tình trạng của những người, cho đến phút cuối cùng của cuộc đời, dù với bao ân huệ Chúa ban, tiếng lương tâm nhắc nhở, người thân khuyên bảo, Giáo Hội cầu nguyện, họ vẫn cương quyết cắt đứt mối dây liên lạc với Chúa. Nên khi vừa vượt qua cái chết, họ thấy ngay Chúa tốt đẹp, nhân từ, hoàn hảo vô cùng. Vì thế họ tiếc xót, tự dằn vặt chính mình, đau khổ và tuyệt vọng vì đã cắt đứt với nguồn tình yêu, sự sống và chân thiện mỹ. Nỗi đau khổ này chính là ngọn lửa thiêng liêng thiêu đốt họ, chứ không phải Chúa ném họ xuống biển lửa, ở chung với quỷ dữ tà ma, bị quỷ dữ đâm chém, cưa xẻ, như ta thấy được mô tả qua hình ảnh về các tầng địa

ngục trong các tôn giáo khác. Có người cha nào yêu thương mà lại hành hạ con mình muôn đời như thế!

Thật ra, Chúa ở khắp mọi nơi với tất cả lòng từ bi, thương xót, tình yêu và quyền năng của Ngài, nên dù ở trong tình trạng thiên đường, luyện ngục hay hoả ngục, mọi thụ tạo gồm thiên thần, con người hay quỷ dữ tà ma đều thấy Ngài y như nhau. Như thế, không phải Chúa tạo thành thiên đường, luyện ngục hay hoả ngục để thưởng công hay hành hạ muôn loài, nhưng là chính thụ tạo dựng nên tình trạng sống đó cho mình.

4.2. Làm sao để nhanh chóng được vào thiên đường

Khi biết mình phạm tội, xúc phạm đến Thiên Chúa và anh chị em, biết mình phải sống trong tình trạng luyện ngục để tẩy rửa các vết đen bản của linh hồn, ta chỉ mong được mau chóng ra khỏi đó để bước vào thiên đường.

Tuy nhiên, việc thánh Phaolô được đưa lên tầng trời thứ ba¹⁰¹² và nhiều vị thánh đã cảm nghiệm được thiên đường ngay trong cuộc đời trần thế, như nhắc bảo ta rằng: mình có thể và phải xây dựng Nước Thiên Chúa hay tình trạng thiên đường bằng thái độ sống tích cực trong tinh thần yêu thương của Chúa Giêsu.

Chúng ta rất giàu về thời giờ, ân huệ, tài năng và có khi cả tiền của. Tuy nhiên, nhiều người lại đang có thái độ sống hưởng thụ, ích kỷ, chỉ biết có mình, phung phí các nguồn lực đó cho những đam mê, nghiện ngập như ông nhà giàu trong dụ ngôn. Ta không quản lý tốt gia sản của Cha Trên Trời nên không phát huy được hiệu quả của chúng để tạo nên thiên đường.

Ta sống mỗi ngày 24 giờ, mỗi giờ có 3.600 giây. Một nụ cười, một lời thân tình kết nối yêu thương, một lời xin lỗi để tạo lại hoà khí, một cử chỉ ân cần để cảm thông, một hành động bác ái để chia sẻ... thường chỉ tốn một vài giây, vài phút. Nhưng thử hỏi mỗi ngày ta làm được mấy việc để tạo nên hạnh phúc thiên đường cho người thân hay cho cộng đồng quanh ta? Nhiều khi ta đang tạo nên hoả

¹⁰¹² x. 2Cr 12,2.

ngục cho họ từ những thái độ im lặng giận hờn, những lời thô tục dối trá, những cử chỉ lãnh đạm, những hành động loại trừ nhau. Chính khi tạo nên hoả ngục cho người thì ta cũng giam hãm mình trong đó. Còn khi tạo hạnh phúc cho người, là ta cùng hưởng phúc thiên đường.

Thánh Phaolô khuyên nhủ ta¹⁰¹³: “*Hãy tuân giữ điều răn của Chúa mà sống cho tinh tuyền, không chi đáng trách, cho đến ngày Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta xuất hiện*”. Bằng những tư tưởng trong sáng, lời nói tích cực, hành động yêu thương, chúng ta tạo nên thật nhiều điểm sáng trong từng ngày sống còn lại của đời mình. Nhờ đó ta sẽ loại trừ và tẩy rửa được những điểm tối bản trong hồn ta, để một ngày nào đó, có khi ngay trong cuộc đời trần thế, ta tạo nên thiên đường cho mình và cho những ai sống gần mình.

Lời kết

“Chúng ta không biết được trái đất và nhân loại, sẽ kết thúc vào thời điểm nào¹⁰¹⁴, chúng ta cũng chẳng biết cách thức vũ trụ biến đổi ra sao. Quả thật, bộ mặt của một thế giới bị biến dạng vì tội lỗi đang qua đi¹⁰¹⁵, nhưng chúng ta được biết Thiên Chúa đã dọn sẵn một chỗ ở mới và một thế giới mới, nơi công lý ngự trị. Hạnh phúc ở nơi ấy sẽ thoả mãn và lấp đầy mọi ước vọng hoà bình đang trào dâng trong lòng con người¹⁰¹⁶. Khi ấy cái chết sẽ bị đánh bại, con cái Thiên Chúa sẽ phục sinh trong Chúa Kitô... và toàn thể thụ tạo mà Thiên Chúa đã dựng nên cho con người sẽ được giải thoát khỏi ách nô lệ phù vân¹⁰¹⁷. Tuy nhiên sự trông đợi thế giới mới này không được làm suy giảm, trái lại phải kích thích nỗ lực phát triển trái đất này, nơi mà thân thể gia đình nhân loại mới đang tăng trưởng và tiên báo một số hình ảnh nào đó của thời đại mới. Vào thời điểm cuối cùng Chúa Kitô sẽ trao lại cho Chúa Cha Vương Quốc vĩnh cửu và phổ

¹⁰¹³ x. Tm 6,11-16.

¹⁰¹⁴ x. Rm 15,16.

¹⁰¹⁵ x. 1Cr 7,31.

¹⁰¹⁶ x. 1Cr 2,9; Kh 21,4-5.

¹⁰¹⁷ x. Rm 8,19-21.

quát: “Vương Quốc của sự thật và sự sống, của thánh thiện và đầy ơn phúc, của công lý, tình yêu và hoà bình”¹⁰¹⁸.



Câu hỏi gợi ý

- 1. Khi nghĩ đến cái chết của người thân hay của chính mình, bạn có tâm trạng nào?*
- 2. Bạn nghĩ gì về tận thế?*
- 3. Soi mình vào tấm gương của Chúa, bạn thấy mình ra sao?*
- 4. Bạn làm gì để tạo nên thiên đường cho mình và cho những người sống với mình?*

¹⁰¹⁸ x. Sách lễ Rôma, Kinh Tiền Tụng lễ Chúa Kitô Vua; *Gaudium et Spes*, số 39.

KINH MỘT THỜI ĐỂ YÊU VÀ MỘT THỜI ĐỂ SỐNG

(x. Gv 3,1-8).

Lạy Chúa là Thần Khí Sự Sống và Tình Yêu,
xin ban cho con một thời để yêu và một thời để sống,
để con sống vì tình yêu Thiên Chúa,
để con yêu vì cuộc sống muôn loài.
Xin dạy con biết yêu những gì tốt đẹp, cao quý
và biết ghét những điều đê tiện, xấu xa.
Xin dạy con luôn sống vì những điều mình yêu,
và dám chết vì những điều mình ghét.
Xin dạy con biết đưa tình yêu vào cuộc sống
để mỗi giây phút sống
con đều cảm nhận được niềm hạnh phúc yêu thương.
Xin dạy con biết đưa cuộc sống vào tình yêu
để từng giây phút yêu
con đều làm cho đời sống thêm giá trị.
Cuối cùng, xin cho con biết hoà nhập cả hai nên một:
để sống là yêu và yêu là sống,
vì hiểu được rằng Thiên Chúa Hằng Sống
cũng chính là Thiên Chúa Tình Yêu. Amen.
(Kỷ niệm 25 năm thụ phong linh mục)

KINH XIN ƠN QUẢNG ĐẠI

Lạy Chúa Giêsu,
Xin dạy con biết sống quảng đại.
Biết phụng sự Chúa cho xứng đáng.
Biết cho đi mà không cần tính toán.
Biết chiến đấu mà không sợ thương tích.
Biết làm việc mà không tìm an nghỉ.
Biết xả thân mà không tìm một phần thưởng nào khác,
hơn là biết thi hành thánh ý Chúa. Amen.
(Cha Grandmaison SJ)

KINH XIN ƠN YÊU THƯƠNG

Ôi Maria, Mẹ Thiên Chúa,
Xin giữ lòng con ngây thơ, trong sạch
và tinh khiết như nước trên suối nguồn.
Xin ban cho con một tấm lòng đơn sơ,
không chất chứa những ưu phiền,
một tấm lòng hào hiệp biết hy sinh,
dịu dàng để thông cảm,
một tấm lòng trung thành và quảng đại,
không quên một ơn, không ghi một oán.
Xin Mẹ làm cho lòng con hiền hậu và khiêm tốn,
yêu mà không mong được yêu lại,
biết vui vẻ quên mình
để nhường chỗ cho Con Mẹ trong một trái tim khác.
Xin ban cho con một tấm lòng rộng lớn
để không sợ vật nào thắng nổi,
không khép lại trước một kẻ vô ơn,
không chán nản trước một người lãnh đạm,
một tấm lòng khắc khoải lo tìm vinh danh Chúa Kitô,
mang thương tích vì tình yêu Chúa
và vết thương chỉ được chữa lành trên trời. Amen.
(Cha Grandmaison SJ).

Vài dòng về tác giả

Linh mục Antôn Nguyễn Ngọc Sơn

* sinh ngày 16.10.1948 tại Thái Bình, tốt nghiệp cử nhân triết học năm 1969 và thần học tại Học viện Giáo hoàng Piô X Đà Lạt năm 1975, thụ phong linh mục ngày 21.12.1974 tại Sài Gòn.

* làm việc trong trong lĩnh vực bác ái xã hội ở Caritas Việt Nam từ năm 1975; công nhân và chuyên viên ngành in từ năm 1975-1996; làm thư ký thường trực và các công tác của Hội đồng Giám mục Việt Nam từ năm 1998 đến năm 2012.

* giảng dạy môn Kỹ thuật Chữ và Trình bày Ấn phẩm tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM 16 năm, Đại học Kiến trúc TP.HCM 3 năm, Đại học Tổng hợp TP.HCM 2 năm; môn Kitô học và Hội nhập Văn hoá trong một số Học viện Công giáo ở TP.HCM từ 1988 đến nay.

* hiện là thành viên của Ủy ban Giáo lý Đức tin trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam.

* hiện đang phục vụ những người khuyết tật và trẻ mồ côi trong nhiệm vụ Phó Chủ tịch Hội Bảo trợ Người Khuyết tật và Trẻ Mồ côi TP.HCM, Trưởng ban Y tế-Xã hội.

Các bạn có thể liên lạc với chúng tôi qua địa chỉ:

Lm. Antôn Nguyễn Ngọc Sơn,
166F Bùi Thị Xuân, Q.1, TP.HCM

ĐT: 0908411106; Email: antnnsn1948@yahoo.com;

Website: hanhkhatkito.net